ZANONI

EDWARD BULWER-LYTTON

AI *(dịch)*

DTV EBOOK

1. Bắt đầu

ZANONI (SONG NGỮ)

Tác giả: Edward Bulwer-Lytton

Dịch giả: AI

Thể loại: Tiểu Thuyết, Song Ngữ

Nguồn: DTV EBOOK

—★—

DTV-EBOOK.COM.VN

The Project Gutenberg eBook of Zanoni This ebook is for the use of anyone anywhere in the United States and most other parts of the world at no cost and with almost no restrictions whatsoever. You may copy it, give it away or re-use it under the terms of the Project Gutenberg License included with this ebook or online at www.gutenberg.org. If you are not located in the United States, you will have to check the laws of the country where you are located before using this eBook.

Sách điện tử Project Gutenberg về Zanoni Sách điện tử này dành cho mọi người ở bất cứ nơi nào ở Hoa Kỳ và hầu hết các nơi khác trên thế giới mà không tốn phí và gần như không có ràng buộc nào cả. Bạn có thể sao chép, cho đi hoặc sử dụng lại theo các điều khoản của Giấy phép Project Gutenberg đi kèm với cuốn sách này hoặc trực tuyến tại www.gutenberg.org. Nếu bạn không ở tại Hoa Kỳ, bạn sẽ phải kiểm tra luật pháp của quốc gia mà bạn đang ở trước khi sử dụng cuốn sách điện tử này.

Title: Zanoni Author: Baron Edward Bulwer Lytton Lytton Release date: February 19, 2006 [eBook #2664] Most recently updated: January 27, 2021 Language: English Credits: Produced by Dave Ceponis, Sue Asscher and David Widger

Tiêu đề: Zanoni Tác giả: Baron Edward Bulwer Lytton Lytton Ngày phát hành: 19 tháng 2 năm 2006 [eBook #2664] Cập nhật gần đây nhất: 27 tháng 1 năm 2021 Ngôn ngữ: Tiếng Anh Tín dụng: Sản xuất bởi Dave Ceponis, Sue Asscher và David Widger

*** START OF THE PROJECT GUTENBERG EBOOK ZANONI ***

*** BẮT ĐẦU CỦA SÁCH ĐIỆN TỬ PROJECT GUTENBERG ZANONI ***

ZANONI BY EDWARD BULWER LYTTON (PLATE: “Thou art good and fair,” said Viola. Drawn by P. Kauffmann, etched by Deblois.) TO JOHN GIBSON, R.A., SCULPTOR. In looking round

the wide and luminous circle of our great living Englishmen, to select one to whom I might fitly dedicate this work,—one who, in his life as in his genius, might illustrate the principle I have sought to convey; elevated by the ideal which he exalts, and serenely dwelling in a glorious existence with the images born of his imagination,—in looking round for some such man, my thoughts rested upon you. Afar from our turbulent cabals; from the ignoble jealousy and the sordid strife which degrade and acerbate the ambition of Genius,—in your Roman Home, you have lived amidst all that is loveliest and least perishable in the past, and contributed with the noblest aims, and in the purest spirit, to the mighty heirlooms of the future. Your youth has been devoted to toil, that your manhood may be consecrated to fame: a fame unsullied by one desire of gold. You have escaped the two worst perils that beset the artist in our time and land,—the debasing tendencies of commerce, and the angry rivalries of competition. You have not wrought your marble for the market,—you have not been tempted, by the praises which our vicious criticism has showered upon exaggeration and distortion, to lower your taste to the level of the hour; you have lived, and you have laboured, as if you had no rivals but in the dead,—no purchasers, save in judges of what is best. In the divine priesthood of the beautiful, you have sought only to increase her worshippers and enrich her temples. The pupil of Canova, you have inherited his excellences, while you have shunned his errors,—yours his delicacy, not his affectation. Your heart resembles him even more than your genius: you have the same noble enthusiasm for your sublime profession; the same lofty freedom from envy, and the spirit that depreciates; the same generous desire not to war with but to serve artists in your art; aiding, strengthening, advising, elevating the timidity of inexperience, and the vague aspirations of youth. By the intuition of a kindred mind, you have equalled the learning of Winckelman, and the plastic poetry of Goethe, in the intimate comprehension of the antique. Each work of yours, rightly studied, is in itself a CRITICISM, illustrating the sublime secrets

of the Grecian Art, which, without the servility of plagiarism, you have contributed to revive amongst us; in you we behold its three great and long-undetected principles,—simplicity, calm, and concentration.

ZANONI BẢI VIẾT BỞI EDWARD BULWER LYTTON (PLATE: “Thou art good and fair,” said Viola. Vẽ bởi P. Kauffmann, ách bởi Deblois.) DÀNH CHO JOHN GIBSON, R.A., NHÀ ĐIÊU KHẮC. Khi nhìn xung quanh vòng tròn rộng lớn và sáng sủa của những người Anh vĩ đại đang sống, để chọn một người mà tôi có thể tặng công việc này một cách thích đáng,—một người, trong cuộc sống và thiên tài của mình, có thể minh họa nguyên tắc mà tôi đã cố gắng truyền đạt; được tôn lên bởi lý tưởng mà anh ta tôn trọng, và sống trong một cuộc sống vĩ đại với những hình ảnh sinh ra từ trí tưởng tượng của mình,—khi nhìn xung quanh để tìm một người như vậy, suy nghĩ của tôi dừng lại ở anh. Xa khỏi những cuộc tranh chấp hỗn loạn của chúng ta; xa từ sự ghen tị không cao và sự giao tranh ti tiện mà làm mất phẩm chất và làm đắng cay lòng tham vọng của Thiên Tài,—ở trong ngôi nhà Rôma của anh, anh đã sống giữa tất cả những gì đẹp nhất và ít bị tàn phá nhất trong quá khứ, và đóng góp với những mục tiêu cao cả nhất, và trong tinh thần trong sáng nhất, vào những di sản mạnh mẽ của tương lai. Tuổi trẻ của anh đã được dành cho lao động, để tuổi trưởng thành của anh có thể được hiến cho danh vọng: một danh vọng không vết bẩn từ một mong muốn của vàng. Anh đã thoát khỏi hai hiểm nguy tồi tệ nhất mà nghệ sĩ gặp phải trong thời đại và vùng đất của chúng ta,—những xu hướng làm mất phẩm chất của thương mại, và những sự cạnh tranh giận dữ. Anh không điêu khắc tượng đá của mình cho thị trường,—anh không bị cám dỗ, bởi những lời khen ngợi mà lời phê bình xấu xa của chúng ta đã trút lên sự phóng đại và méo mó, để làm giảm đi khẩu vị của mình xuống mức của thời điểm; anh đã sống, và anh đã lao động, như thể anh không có đối thủ ngoài trong số người đã khuất,—không có người mua, ngoại trừ trong số những người đánh giá cái gì là tốt nhất. Trong linh mục thần thánh của cái đẹp, anh chỉ tìm cách

tăng cường số người thờ phượng và làm phong phú những đền thờ của cô ấy. Học trò của Canova, anh đã thừa hưởng những phẩm chất của ông, trong khi anh đã tránh những lỗi của ông,—của anh là sự tinh tế của ông, không phải sự giả dối của ông. Trái tim của anh giống ông hơn cả tài năng: anh có cùng niềm đam mê cao quý đối với nghề nghiệp cao quý của mình; cùng lòng tự do cao quý không ghen tị, và tinh thần giảm giá; cùng mong muốn hào phóng không phải chiến đấu với nhưng là phục vụ nghệ sĩ trong nghệ thuật của anh; giúp đỡ, củng cố, tư vấn, nâng cao sự rụt rè của thiếu kinh nghiệm, và những khát vọng mơ hồ của tuổi trẻ. Bởi trực giác của một tâm hồn đồng cảm, anh đã ngang bằng kiến thức của Winckelman, và thơ nghệ thuật của Goethe, trong sự hiểu biết sâu sắc về cổ điển. Mỗi công trình của anh, nếu được nghiên cứu đúng cách, đều ở trong đó một SỰ PHÊ BÌNH, minh họa cho những bí mật tuyệt vời của Nghệ thuật Hy Lạp, mà, không cần phải làm nô lệ của việc đạo văn, anh đã đóng góp để hồi sinh trong chúng ta; trong anh, chúng ta nhìn thấy ba nguyên tắc vĩ đại và lâu dài mà chúng ta chưa phát hiện ra,—sự đơn giản, bình tĩnh, và tập trung.

But your admiration of the Greeks has not led you to the bigotry of the mere antiquarian, nor made you less sensible of the unappreciated excellence of the mighty modern, worthy to be your countryman,—though till his statue is in the streets of our capital, we show ourselves not worthy of the glory he has shed upon our land. You have not suffered even your gratitude to Canova to blind you to the superiority of Flaxman. When we become sensible of our title-deeds to renown in that single name, we may look for an English public capable of real patronage to English Art,—and not till then.

Nhưng sự ngưỡng mộ của anh đối với người Hy Lạp không dẫn anh đến sự cố chấp của người nghiên cứu cổ điển, cũng không khiến anh ít nhận biết được sự xuất sắc không được đánh giá của người hiện đại mạnh mẽ, đáng để là đồng bào của anh,—mặc dù cho đến khi tượng của ông ở trên đường phố của thủ đô

chúng ta, chúng ta chưa đáng để nhận danh tiếng mà ông đã rơi trên đất nước của chúng ta. Anh chưa từng để sự biết ơn của mình đối với Canova làm mù mắt anh về sự vượt trội của Flaxman. Khi chúng ta nhận ra được tư cách của mình để được vinh danh trong một cái tên duy nhất đó, chúng ta có thể mong đợi một công chúng Anh có khả năng ủng hộ thực sự nghệ thuật Anh,—và chỉ khi đó.

I, artist in words, dedicate, then, to you, artist whose ideas speak in marble, this well-loved work of my matured manhood. I love it not the less because it has been little understood and superficially judged by the common herd: it was not meant for them. I love it not the more because it has found enthusiastic favorers amongst the Few. My affection for my work is rooted in the solemn and pure delight which it gave me to conceive and to perform. If I had graven it on the rocks of a desert, this apparition of my own innermost mind, in its least-clouded moments, would have been to me as dear; and this ought, I believe, to be the sentiment with which he whose Art is born of faith in the truth and beauty of the principles he seeks to illustrate, should regard his work. Your serener existence, uniform and holy, my lot denies,—if my heart covets. But our true nature is in our thoughts, not our deeds: and therefore, in books—which ARE his thoughts—the author's character lies bare to the discerning eye. It is not in the life of cities,—in the turmoil and the crowd; it is in the still, the lonely, and more sacred life, which for some hours, under every sun, the student lives (his stolen retreat from the Agora to the Cave), that I feel there is between us the bond of that secret sympathy, that magnetic chain, which unites the everlasting brotherhood of whose being Zanoni is the type. E.B.L. London, May, 1845.

Tôi, nghệ sĩ trong từng từ, dành, vậy, cho anh, nghệ sĩ ý tưởng của anh nói trong đá, công việc được yêu thích của tuổi trưởng thành của tôi. Tôi không yêu thích nó ít hơn vì nó đã được hiểu ít và bị đánh giá một cách hời hợt bởi đám đông: nó không dành

cho họ. Tôi không yêu thích nó nhiều hơn vì nó đã tìm được những người ủng hộ nhiệt tình trong số ít người ấy. Tình yêu của tôi cho công việc của mình được cấy sâu trong niềm vui trang trọng và trong sáng mà nó mang lại cho tôi khi tưởng tượng và thực hiện. Nếu tôi đã khắc nó trên những tảng đá của sa mạc, hình ảnh của tâm hồn sâu nhất của tôi, trong những khoảnh khắc ít mây nhất của nó, sẽ đã quý giá với tôi; và điều này nên, tôi tin rằng, phải là tâm trạng mà anh người Nghệ sĩ sinh ra từ niềm tin vào sự thật và cái đẹp của những nguyên tắc mà anh cố gắng minh họa, nên xem xét công việc của mình. Cuộc sống yên bình của anh, đồng đều và thiêng liêng, số phận của tôi từ chối,—nếu trái tim tôi ao ước. Nhưng bản chất thật sự của chúng ta là trong suy nghĩ, không phải hành động: và do đ

CONTENTS

INTRODUCTION I.

PREFACE TO THE EDITION OF 1853.

INTRODUCTION II.

ZANONI.

BOOK I. — THE MUSICIAN.

CHAPTER 1.I.

CHAPTER 1.II.

CHAPTER 1.III.

CHAPTER 1.IV.

CHAPTER 1.V.

CHAPTER 1.VI.

CHAPTER 1.VII.

CHAPTER 1.VIII.

CHAPTER 1.IX.

CHAPTER 1.X.

BOOK II. — ART, LOVE, AND WONDER.

CHAPTER 2.I.

CHAPTER 2.II.

CHAPTER 2.III.

CHAPTER 2.IV.

CHAPTER 2.V.

CHAPTER 2.VI.

CHAPTER 2.VII.

CHAPTER 2.VIII.

CHAPTER 2.IX.

CHAPTER 2.X.

BOOK III. — THEURGIA.

CHAPTER 3.I.

CHAPTER 3.II.

CHAPTER 3.III.

CHAPTER 3.IV.

CHAPTER 3.V.

CHAPTER 3.VI.

CHAPTER 3.VII.

CHAPTER 3.VIII.

CHAPTER 3.IX.

CHAPTER 3.X.

CHAPTER 3.XI.

CHAPTER 3.XII.

CHAPTER 3.XIII.

CHAPTER 3.XIV.

CHAPTER 3.XV.

CHAPTER 3.XVI.

CHAPTER 3.XVII.

CHAPTER 3.XVIII.

BOOK IV. — THE DWELLER OF THE THRESHOLD.

CHAPTER 4.I.

CHAPTER 4.II.

CHAPTER 4.III.

CHAPTER 4.IV.

CHAPTER 4.V.

CHAPTER 4.VI.

CHAPTER 4.VII.

CHAPTER 4.VIII.

CHAPTER 4.IX.

CHAPTER 4.X.

CHAPTER 4.XI.

BOOK V. — THE EFFECTS OF THE ELIXIR.

CHAPTER 5.I.

CHAPTER 5.II.

CHAPTER 5.III.

CHAPTER 5.IV.

CHAPTER 5.V.

CHAPTER 5.VI.

BOOK VI. — SUPERSTITION DESERTING FAITH.

CHAPTER 6.I.

CHAPTER 6.II.

CHAPTER 6.III.

CHAPTER 6.IV.

CHAPTER 6.V.

CHAPTER 6.VI.

CHAPTER 6.VII.

CHAPTER 6.VIII.

CHAPTER 6.IX.

BOOK VII. — THE REIGN OF TERROR.

CHAPTER 7.I.

CHAPTER 7.II.

CHAPTER 7.III.

CHAPTER 7.IV.

CHAPTER 7.V.

CHAPTER 7.VI.

CHAPTER 7.VII.

CHAPTER 7.VIII.

CHAPTER 7.IX.

CHAPTER 7.X.

CHAPTER 7.XI.

CHAPTER 7.XII.

CHAPTER 7.XIII.

CHAPTER 7.XIV.

CHAPTER 7.XV.

CHAPTER 7.XVI.

CHAPTER 7.XVII.

NOTE.

“ZANONI EXPLAINED.

INTRODUCTION.

One of the peculiarities of Bulwer was his passion for occult studies. They had a charm for him early in life, and he pursued them with the earnestness which characterised his pursuit of other studies. He became absorbed in wizard lore; he equipped himself with magical implements,—with rods for transmitting influence, and crystal balls in which to discern coming scenes and persons; and communed with spiritualists and mediums. The fruit of these mystic studies is seen in “Zanoni” and “A strange Story,” romances which were a labour of love to the author, and into which he threw all the power he possessed,—power re-enforced by multifarious reading and an instinctive appreciation of Oriental thought. These weird stories, in which the author has formulated his theory of magic, are of a wholly different type from his previous fictions, and, in place of the heroes and villains of every day life, we have beings that belong in part to another sphere, and that deal with mysterious and occult agencies. Once more the old forgotten lore of the Cabala is unfolded; the furnace of the alchemist, whose fires have been extinct for centuries, is lighted anew, and the lamp of the Rosicrucian re-illumined. No other works of the author, contradictory as have been the opinions of them, have provoked such a diversity of criticism as these. To some persons they represent a temporary aberration of genius rather than any serious thought or definite purpose; while others regard them as surpassing in bold and original speculation, profound analysis of character, and thrilling interest, all of the author’s other works. The truth, we believe, lies midway between these extremes. It is questionable whether the introduction into a

novel of such subjects as are discussed in these romances be not an offence against good sense and good taste; but it is as unreasonable to deny the vigour and originality of their author's conceptions, as to deny that the execution is imperfect, and, at times, bungling and absurd.

It has been justly said that the present half century has witnessed the rise and triumphs of science, the extent and marvels of which even Bacon's fancy never conceived, simultaneously with superstitions grosser than any which Bacon's age believed. "The one is, in fact, the natural reaction from the other. The more science seeks to exclude the miraculous, and reduce all nature, animate and inanimate, to an invariable law of sequences, the more does the natural instinct of man rebel, and seek an outlet for those obstinate questionings, those 'blank misgivings of a creature moving about in worlds not realised,' taking refuge in delusions as degrading as any of the so-called Dark Ages." It was the revolt from the chilling materialism of the age which inspired the mystic creations of "Zanoni" and "A Strange Story." Of these works, which support and supplement each other, one is the contemplation of our actual life through a spiritual medium, the other is designed to show that, without some gleams of the supernatural, man is not man, nor nature nature.

In "Zanoni" the author introduces us to two human beings who have achieved immortality: one, Mejnour, void of all passion or feeling, calm, benignant, bloodless, an intellect rather than a man; the other, Zanoni, the pupil of Mejnour, the representative of an ideal life in its utmost perfection, possessing eternal youth, absolute power, and absolute knowledge, and withal the fullest capacity to enjoy and to love, and, as a necessity of that love, to sorrow and despair. By his love for Viola Zanoni is compelled to descend from his exalted state, to lose his eternal calm, and to share in the cares and anxieties of humanity; and this degradation is completed by the birth of a child. Finally, he

gives up the life which hangs on that of another, in order to save that other, the loving and beloved wife, who has delivered him from his solitude and isolation. Wife and child are mortal, and to outlive them and his love for them is impossible. But Mejnour, who is the impersonation of thought,—pure intellect without affection,—lives on.

Bulwer has himself justly characterised this work, in the Introduction, as a romance and not a romance, as a truth for those who can comprehend it, and an extravagance for those who cannot. The most careless or matter-of-fact reader must see that the work, like the enigmatical "Faust," deals in types and symbols; that the writer intends to suggest to the mind something more subtle and impalpable than that which is embodied to the senses. What that something is, hardly two persons will agree. The most obvious interpretation of the types is, that in Zanoni the author depicts to us humanity, perfected, sublimed, which lives not for self, but for others; in Mejnour, as we have before said, cold, passionless, self-sufficing intellect; in Glyndon, the young Englishman, the mingled strength and weakness of human nature; in the heartless, selfish artist, Nicot, icy, soulless atheism, believing nothing, hoping nothing, trusting and loving nothing; and in the beautiful, artless Viola, an exquisite creation, pure womanhood, loving, trusting and truthful. As a work of art the romance is one of great power. It is original in its conception, and pervaded by one central idea; but it would have been improved, we think, by a more sparing use of the supernatural. The inevitable effect of so much hackneyed diablerie—of such an accumulation of wonder upon wonder—is to deaden the impression they would naturally make upon us. In Hawthorne's tales we see with what ease a great imaginative artist can produce a deeper thrill by a far slighter use of the weird and the mysterious.

Bulwer đã công bố công việc này một cách công bằng trong Phần Giới thiệu, như một câu chuyện lãng mạn và không phải là

một câu chuyện lãng mạn, như một sự thật đối với những người hiểu được nó, và một sự quá đáng đối với những người không thể. Người đọc không chú ý hoặc thực tế nhất cũng phải thấy rằng công việc, giống như "Faust" bí ẩn, đề cập đến các loại và biểu tượng; rằng người viết có ý định gợi ra trong tâm trí một cái gì đó tinh tế và không thể chạm vào hơn cái mà được thể hiện cho giác quan. Cái gì đó đó là, khó có hai người sẽ đồng tình. Phỏng đoán rõ ràng nhất về các loại là, rằng trong Zanoni, tác giả miêu tả cho chúng ta nhân loại, hoàn thiện, tinh tế, sống không phải cho bản thân, mà cho người khác; trong Mejnour, như chúng ta đã nói trước đây, trí tuệ lạnh lùng, không cảm xúc, tự mãn; trong Glyndon, người Anh trẻ, sức mạnh và yếu tố hỗn hợp của bản chất con người; trong nghệ sĩ vô tâm, ích kỷ, Nicot, thất thần, vô linh hồn, không tin vào điều gì, không hy vọng vào điều gì, không tin tưởng và yêu thương vào điều gì; và trong Viola xinh đẹp, ngây thơ, một sự tạo vật tuyệt vời, tinh thần phụ nữ thuần khiết, yêu thương, tin tưởng và chân thành. Như một công việc nghệ thuật, câu chuyện lãng mạn này có sức mạnh lớn. Nó độc đáo trong cách tưởng tượng, và tràn ngập bởi một ý tưởng trung tâm; nhưng chúng tôi nghĩ rằng nó sẽ được cải thiện hơn bằng cách sử dụng siêu nhiên ít hơn. Hiệu ứng không thể tránh khỏi của nhiều huyền bí quen thuộc—của một sự tích lũy của sự kinh ngạc trên sự kinh ngạc—là làm chết đi ấn tượng mà chúng thường tạo ra trong chúng ta. Trong những câu chuyện của Hawthorne, chúng ta thấy dễ dàng một nghệ sĩ tưởng tượng lớn có thể tạo ra một cảm giác sâu sắc hơn thông qua việc sử dụng ít hơn về điều kỳ bí và bí ẩn.

The chief interest of the story for the ordinary reader centres, not in its ghostly characters and improbable machinery, the scenes in Mejnour's chamber in the ruined castle among the Apennines, the colossal and appalling apparitions on Vesuvius, the hideous phantom with its burning eye that haunted Glyndon, but in the loves of Viola and the mysterious Zanoni, the blissful and the fearful scenes through which they pass, and their final destiny, when the hero of the story sacrifices his own

“charmed life” to save hers, and the Immortal finds the only true immortality in death. Among the striking passages in the work are the pathetic sketch of the old violinist and composer, Pisani, with his sympathetic “barbiton” which moaned, groaned, growled, and laughed responsive to the feelings of its master; the description of Viola’s and her father’s triumph, when “The Siren,” his masterpiece, is performed at the San Carlo in Naples; Glyndon’s adventure at the Carnival in Naples; the death of his sister; the vivid pictures of the Reign of Terror in Paris, closing with the downfall of Robespierre and his satellites; and perhaps, above all, the thrilling scene where Zanoni leaves Viola asleep in prison when his guards call him to execution, and she, unconscious of the terrible sacrifice, but awaking and missing him, has a vision of the procession to the guillotine, with Zanoni there, radiant in youth and beauty, followed by the sudden vanishing of the headsman,—the horror,—and the “Welcome” of her loved one to Heaven in a myriad of melodies from the choral hosts above.

Sự quan tâm chính của câu chuyện đối với người đọc thông thường tập trung, không phải ở các nhân vật ma quỷ và máy móc không thể tin nổi, các cảnh trong phòng của Mejnour trong lâu đài đổ nát giữa dãy núi Apennines, những hình ảnh khổng lồ và đáng sợ trên núi lửa Vesuvius, hình ảnh quái dị với con mắt cháy đỏ mà ám ảnh Glyndon, mà ở trong tình yêu của Viola và Zanoni bí ẩn, những cảnh hạnh phúc và đáng sợ qua đó họ trải qua, và vận mệnh cuối cùng của họ, khi nhân vật chính của câu chuyện hy sinh "cuộc sống phù thủy" của mình để cứu cô ấy, và Bất Tử tìm thấy sự bất tử duy nhất trong cái chết. Trong số các đoạn nổi bật trong công việc là bản phác thảo đau lòng về nghệ sĩ và nhà soạn nhạc già, Pisani, với "barbiton" đồng cảm của mình mà rên, rên, gầm, và cười phản ứng với cảm xúc của chủ nhân; mô tả về sự thành công của Viola và cha cô, khi "Tiên nữ," kiệt tác của ông, được biểu diễn tại San Carlo ở Naples; cuộc phiêu lưu của Glyndon tại Lễ hội ở Naples; cái chết của em gái của anh; những bức tranh sống động về Triều đình Khủng bố ở

Paris, kết thúc với sự sụp đổ của Robespierre và các tay sai của ông; và có lẽ, trên hết, cảnh kịch tính nơi Zanoni để lại Viola ngủ trong tù khi lính gác gọi ông đến hành quyết, và cô ấy, không ý thức về sự hy sinh khủng khiếp, nhưng tỉnh giấc và nhớ nhung anh ấy, có một ảo tưởng về cuộc diễu hành đến máy cắt đầu, với Zanoni ở đó, rực rỡ trong tuổi trẻ và vẻ đẹp, theo sau bởi sự biến mất đột ngột của thợ chém đầu,—sự kinh hãi,—và "Chào mừng" của người yêu của cô lên Thiên đàng trong một vô số giai điệu từ các đội ngũ hợp xướng ở trên.

“Zanoni” was originally published by Saunders and Otley, London, in three volumes 12mo., in 1842. A translation into French, made by M. Sheldon under the direction of P. Lorain, was published in Paris in the “Bibliotheque des Meilleurs Romans Etrangers.”

“Zanoni” ban đầu được xuất bản bởi Saunders và Otley, London, trong ba tập 12mo., vào năm 1842. Một bản dịch sang tiếng Pháp, được thực hiện bởi M. Sheldon dưới sự chỉ đạo của P. Lorain, đã được xuất bản tại Paris trong “Thư viện của Những Cuốn Tiểu Thuyết Nước Ngoài Tốt Nhất.”

PREFACE TO THE EDITION OF 1853. As a work of imagination, “Zanoni” ranks, perhaps, amongst the highest of my prose fictions. In the Poem of “King Arthur,” published many years afterwards, I have taken up an analogous design, in the contemplation of our positive life through a spiritual medium; and I have enforced, through a far wider development, and, I believe, with more complete and enduring success, that harmony between the external events which are all that the superficial behold on the surface of human affairs, and the subtle and intellectual agencies which in reality influence the conduct of individuals, and shape out the destinies of the world. As man has two lives,—that of action and that of thought,—so I conceive that work to be the truest representation of humanity which faithfully delineates both,

and opens some elevating glimpse into the sublimest mysteries of our being, by establishing the inevitable union that exists between the plain things of the day, in which our earthly bodies perform their allotted part, and the latent, often uncultivated, often invisible, affinities of the soul with all the powers that eternally breathe and move throughout the Universe of Spirit.

LỜI NÓI ĐẦU CHO BẢN PHÁT HÀNH NĂM 1853. Như một công việc tưởng tượng, "Zanoni" có thể, có lẽ, xếp vào hàng đầu của các tác phẩm hư cấu của tôi. Trong Bài thơ "Vua Arthur," được xuất bản nhiều năm sau đó, tôi đã đưa ra một kế hoạch tương tự, trong việc suy ngẫm về cuộc sống tích cực của chúng ta thông qua một phương tiện tinh thần; và tôi đã thể hiện, thông qua sự phát triển rộng lớn hơn, và, tôi tin rằng, với sự thành công hoàn chỉnh và lâu dài hơn, sự hài hòa giữa các sự kiện bên ngoài mà chỉ những điều hữu hình thấy trên bề mặt của công việc con người, và các cơ quan tinh tế và trí tuệ thực sự ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân, và hình thành số phận của thế giới. Như con người có hai cuộc sống,—cuộc sống hành động và cuộc sống tư duy,—vì vậy tôi cho rằng công việc đó mới là biểu tượng chân thực nhất về nhân loại mà chân thực miêu tả cả hai, và mở ra một cái nhìn nâng cao vào những bí ẩn tối cao nhất của chúng ta, thông qua việc thiết lập mối liên kết không thể tránh khỏi tồn tại giữa những điều hữu hình của ngày hôm nay, trong đó cơ thể trần thế của chúng ta thực hiện phần được giao, và các sự tương đồng tiềm ẩn, thường chưa được khai thác, thường vô hình, của linh hồn với tất cả những sức mạnh luôn hít thở và di chuyển trong Vũ trụ Tinh Thần.

I refer those who do me the honour to read "Zanoni" with more attention than is given to ordinary romance, to the Poem of "King Arthur," for suggestive conjecture into most of the regions of speculative research, affecting the higher and more important condition of our ultimate being, which have engaged the students of immaterial philosophy in my own age.

Tôi dành những người đã vinh dự đọc “Zanoni” của tôi với sự chú ý hơn so với những câu chuyện lãng mạn thông thường, đến Bài thơ “Vua Arthur,” để đưa ra những phỏng đoán gợi ý vào hầu hết các lĩnh vực của nghiên cứu suy luận, ảnh hưởng đến điều kiện cao cấp và quan trọng hơn của sự tồn tại cuối cùng của chúng ta, mà đã thu hút sự quan tâm của các học sinh triết học vô hình trong thời đại của tôi.

Affixed to the “Note” with which this work concludes, and which treats of the distinctions between type and allegory, the reader will find, from the pen of one of our most eminent living writers, an ingenious attempt to explain the interior or typical meanings of the work now before him.

Gắn vào “Ghi chú” kết thúc công việc này, và đề cập đến sự phân biệt giữa loại và châm biếm, người đọc sẽ thấy, từ bút của một trong những nhà văn nổi tiếng nhất còn sống của chúng ta, một cố gắng tinh xảo để giải thích ý nghĩa nội dung hoặc loại hình của công việc hiện đang trước mắt.

INTRODUCTION. It is possible that among my readers there may be a few not unacquainted with an old-book shop, existing some years since in the neighbourhood of Covent Garden; I say a few, for certainly there was little enough to attract the many in those precious volumes which the labour of a life had accumulated on the dusty shelves of my old friend D—. There were to be found no popular treatises, no entertaining romances, no histories, no travels, no “Library for the People,” no “Amusement for the Million.” But there, perhaps, throughout all Europe, the curious might discover the most notable collection, ever amassed by an enthusiast, of the works of alchemist, cabalist, and astrologer. The owner had lavished a fortune in the purchase of unsalable treasures. But old D— did not desire to sell.

It so chanced that some years ago, in my younger days, whether of authorship or life, I felt a desire to make myself acquainted with the true origin and tenets of the singular sect known by the name of Rosicrucians. Dissatisfied with the scanty and superficial accounts to be found in the works usually referred to on the subject, it struck me as possible that Mr. D—'s collection, which was rich, not only in black-letter, but in manuscripts, might contain some more accurate and authentic records of that famous brotherhood,—written, who knows? by one of their own order, and confirming by authority and detail the pretensions to wisdom and to virtue which Bringaret had arrogated to the successors of the Chaldean and Gymnosophist. Accordingly I repaired to what, doubtless, I ought to be ashamed to confess, was once one of my favourite haunts. But are there no errors and no fallacies, in the chronicles of our own day, as absurd as those of the alchemists of old? Our very newspapers may seem to our posterity as full of delusions as the books of the alchemists do to us; not but what the press is the air we breathe,—and uncommonly foggy the air is too!

On entering the shop, I was struck by the venerable appearance of a customer whom I had never seen there before. I was struck yet more by the respect with which he was treated by the disdainful collector. "Sir," cried the last, emphatically, as I was turning over the leaves of the catalogue,—"sir, you are the only man I have met, in five-and-forty years that I have spent in these researches, who is worthy to be my customer. How—where, in this frivolous age, could you have acquired a knowledge so profound? And this august fraternity, whose doctrines, hinted at by the earliest philosophers, are still a mystery to the latest; tell me if there really exists upon the earth any book, any manuscript, in which their discoveries, their tenets, are to be learned?"

At the words, "august fraternity," I need scarcely say that my attention had been at once aroused, and I listened eagerly for

the stranger's reply. "I do not think," said the old gentleman, "that the masters of the school have ever consigned, except by obscure hint and mystical parable, their real doctrines to the world. And I do not blame them for their discretion." Here he paused, and seemed about to retire, when I said, somewhat abruptly, to the collector, "I see nothing, Mr. D—, in this catalogue which relates to the Rosicrucians!"

"The Rosicrucians!" repeated the old gentleman, and in his turn he surveyed me with deliberate surprise. "Who but a Rosicrucian could explain the Rosicrucian mysteries! And can you imagine that any members of that sect, the most jealous of all secret societies, would themselves lift the veil that hides the Isis of their wisdom from the world?" "Aha!" thought I, "this, then, is 'the august fraternity' of which you spoke. Heaven be praised! I certainly have stumbled on one of the brotherhood." "But," I said aloud, "if not in books, sir, where else am I to obtain information? Nowadays one can hazard nothing in print without authority, and one may scarcely quote Shakespeare without citing chapter and verse. This is the age of facts,—the age of facts, sir."

"Well," said the old gentleman, with a pleasant smile, "if we meet again, perhaps, at least, I may direct your researches to the proper source of intelligence." And with that he buttoned his greatcoat, whistled to his dog, and departed.

It so happened that I did meet again with the old gentleman, exactly four days after our brief conversation in Mr. D—'s bookshop. I was riding leisurely towards Highgate, when, at the foot of its classic hill, I recognised the stranger; he was mounted on a black pony, and before him trotted his dog, which was black also.

If you meet the man whom you wish to know, on horseback, at the commencement of a long hill, where, unless he has

borrowed a friend's favourite hack, he cannot, in decent humanity to the brute creation, ride away from you, I apprehend that it is your own fault if you have not gone far in your object before you have gained the top. In short, so well did I succeed, that on reaching Highgate the old gentleman invited me to rest at his house, which was a little apart from the village; and an excellent house it was,—small, but commodious, with a large garden, and commanding from the windows such a prospect as Lucretius would recommend to philosophers: the spires and domes of London, on a clear day, distinctly visible; here the Retreat of the Hermit, and there the Mare Magnum of the world.

The walls of the principal rooms were embellished with pictures of extraordinary merit, and in that high school of art which is so little understood out of Italy. I was surprised to learn that they were all from the hand of the owner. My evident admiration pleased my new friend, and led to talk upon his part, which showed him no less elevated in his theories of art than an adept in the practice. Without fatiguing the reader with irrelevant criticism, it is necessary, perhaps, as elucidating much of the design and character of the work which these prefatory pages introduce, that I should briefly observe, that he insisted as much upon the connection of the arts, as a distinguished author has upon that of the sciences; that he held that in all works of imagination, whether expressed by words or by colours, the artist of the higher schools must make the broadest distinction between the real and the true,—in other words, between the imitation of actual life, and the exaltation of Nature into the Ideal.

"The one," said he, "is the Dutch School, the other is the Greek." "Sir," said I, "the Dutch is the most in fashion." "Yes, in painting, perhaps," answered my host, "but in literature—" "It was of literature I spoke. Our growing poets are all for simplicity and Betty Foy; and our critics hold it the highest praise of a work of

imagination, to say that its characters are exact to common life, even in sculpture—" "In sculpture! No, no! THERE the high ideal must at least be essential!" "Pardon me; I fear you have not seen Souter Johnny and Tam O'Shanter."

"Ah!" said the old gentleman, shaking his head, "I live very much out of the world, I see. I suppose Shakespeare has ceased to be admired?" "On the contrary; people make the adoration of Shakespeare the excuse for attacking everybody else. But then our critics have discovered that Shakespeare is so REAL!" "Real! The poet who has never once drawn a character to be met with in actual life,—who has never once descended to a passion that is false, or a personage who is real!" I was about to reply very severely to this paradox, when I perceived that my companion was growing a little out of temper. And he who wishes to catch a Rosicrucian, must take care not to disturb the waters. I thought it better, therefore, to turn the conversation.

"Revenons a nos moutons," said I; "you promised to enlighten my ignorance as to the Rosicrucians." "Well!" quoth he, rather sternly; "but for what purpose? Perhaps you desire only to enter the temple in order to ridicule the rites?" "What do you take me for! Surely, were I so inclined, the fate of the Abbe de Villars is a sufficient warning to all men not to treat idly of the realms of the Salamander and the Sylph. Everybody knows how mysteriously that ingenious personage was deprived of his life, in revenge for the witty mockeries of his 'Comte de Gabalis.'"

"Salamander and Sylph! I see that you fall into the vulgar error, and translate literally the allegorical language of the mystics."

"Salamander và Sylph! Tôi thấy rằng bạn rơi vào sai lầm thông thường, và dịch đúng ngôn ngữ tượng trưng của những người huyền bí."

With that the old gentleman condescended to enter into a very interesting, and, as it seemed to me, a very erudite relation, of the tenets of the Rosicrucians, some of whom, he asserted, still existed, and still prosecuted, in august secrecy, their profound researches into natural science and occult philosophy.

Với điều đó, ông già đã chịu xuống thấp để tham gia vào một mối quan hệ rất thú vị, và, theo tôi thấy, rất uyên bác, về các nguyên lý của Huynh Đệ Hồng Hoa Thập Tự, một số trong số họ, ông khẳng định, vẫn tồn tại, và vẫn tiếp tục, trong bí mật trang trọng, các nghiên cứu sâu rộng vào khoa học tự nhiên và triết học huyền bí.

“But this fraternity,” said he, “however respectable and virtuous,—virtuous I say, for no monastic order is more severe in the practice of moral precepts, or more ardent in Christian faith,—this fraternity is but a branch of others yet more transcendent in the powers they have obtained, and yet more illustrious in their origin. Are you acquainted with the Platonists?”

“Nhưng hội này,” ông nói, “dù có đạo đức và đáng kính đáng,—đáng kính đáng tôi nói, vì không có hội tu nào khắt khe hơn trong việc thực hành các nguyên tắc đạo đức, hoặc nồng nhiệt hơn trong đức tin Kitô,—hội này chỉ là một nhánh của những hội khác có quyền năng cao hơn mà họ đã đạt được, và vẻ đáng kính hơn trong nguồn gốc của họ. Bạn có quen với những người theo triết học Plato không?”

“I have occasionally lost my way in their labyrinth,” said I. “Faith, they are rather difficult gentlemen to understand.”

“Thỉnh thoảng tôi đã lạc đường trong mê cung của họ,” tôi nói. “Thật, họ là những người khá khó hiểu.”

“Yet their knottiest problems have never yet been published. Their sublimest works are in manuscript, and constitute the

initiatory learning, not only of the Rosicrucians, but of the nobler brotherhoods I have referred to. More solemn and sublime still is the knowledge to be gleaned from the elder Pythagoreans, and the immortal masterpieces of Apollonius."

"Những vấn đề khó nhất của họ vẫn chưa được công bố. Các tác phẩm huyền bí nhất của họ đều ở dạng bản thảo, và tạo thành kiến thức khai mạc, không chỉ của những người theo Huynh Đệ Hồng Hoa Thập Tự, mà còn của những hội anh em cao quý mà tôi đã đề cập. Kiến thức trang nghiêm và cao cả hơn nữa là kiến thức có thể thu được từ các Pythagoreans lâu đời, và các tác phẩm bất tử của Apollonius."

"Apollonius, the imposter of Tyanea! are his writings extant?"

"Apollonius, kẻ lừa dối ở Tyanea! tác phẩm của ông còn tồn tại không?"

"Imposter!" cried my host; "Apollonius an imposter!"

"Kẻ lừa dối!" ông chủ của tôi la hét; "Apollonius là kẻ lừa dối!"

"I beg your pardon; I did not know he was a friend of yours; and if you vouch for his character, I will believe him to have been a very respectable man, who only spoke the truth when he boasted of his power to be in two places at the same time."

"Tôi xin lỗi; tôi không biết ông là bạn của ông; và nếu ông bảo đảm về tính cách của ông ấy, tôi sẽ tin rằng ông ấy là một người rất đáng kính, người chỉ nói sự thật khi ông ấy khoe khoang về khả năng của mình để ở hai nơi cùng một lúc."

"Is that so difficult?" said the old gentleman; "if so, you have never dreamed!"

"Đó có khó không?" ông già nói; "nếu có, bạn chưa bao giờ mơ thấy!"

Here ended our conversation; but from that time an acquaintance was formed between us which lasted till my venerable friend departed this life. Peace to his ashes! He was a person of singular habits and eccentric opinions; but the chief part of his time was occupied in acts of quiet and unostentatious goodness. He was an enthusiast in the duties of the Samaritan; and as his virtues were softened by the gentlest charity, so his hopes were based upon the devoutest belief. He never conversed upon his own origin and history, nor have I ever been able to penetrate the darkness in which they were concealed. He seemed to have seen much of the world, and to have been an eye-witness of the first French Revolution, a subject upon which he was equally eloquent and instructive. At the same time he did not regard the crimes of that stormy period with the philosophical leniency with which enlightened writers (their heads safe upon their shoulders) are, in the present day, inclined to treat the massacres of the past: he spoke not as a student who had read and reasoned, but as a man who had seen and suffered. The old gentleman seemed alone in the world; nor did I know that he had one relation, till his executor, a distant cousin, residing abroad, informed me of the very handsome legacy which my poor friend had bequeathed me. This consisted, first, of a sum about which I think it best to be guarded, foreseeing the possibility of a new tax upon real and funded property; and, secondly, of certain precious manuscripts, to which the following volumes owe their existence.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi kết thúc ở đây; nhưng từ thời điểm đó, một mối quan hệ được hình thành giữa chúng tôi và kéo dài cho đến khi người bạn già kính yêu của tôi ra đi khỏi cuộc sống này. Hãy yên nghỉ trong tro cốt của ông! Ông là một người có thói quen đặc biệt và quan điểm kỳ quặc; nhưng phần lớn thời gian của ông được dành cho những hành động tốt lành yên bình và không phô trương. Ông là một người mê mẩn trong những nhiệm vụ của người Samaritan; và như đức hạnh của

ông được làm dịu bởi lòng từ bi nhất, vậy hy vọng của ông dựa trên niềm tin sùng bái nhất. Ông không bao giờ nói về nguồn gốc và lịch sử của mình, và tôi chưa bao giờ có thể xâm nhập vào bóng tối mà chúng bị che giấu. Ông dường như đã thấy nhiều về thế giới, và đã là một nhân chứng của Cách Mạng Pháp lần đầu tiên, một chủ đề mà ông ấy một mức độ cũng giỏi và giảng dạy. Đồng thời, ông không coi những tội ác trong giai đoạn hỗn loạn đó với sự khoan dung triết học mà các nhà văn hiểu biết (đầu họ an toàn trên vai) ngày nay, có xu hướng đối xử với những vụ thảm sát của quá khứ: ông không nói như một học sinh đã đọc và suy luận, mà như một người đã thấy và chịu đựng. Ông già dường như cô đơn trên thế giới; và tôi không biết rằng ông có mối quan hệ nào, cho đến khi người thừa kế của ông, một người họ hàng xa, đang sống ở nước ngoài, thông báo cho tôi về di sản rất hậu hĩnh mà người bạn nghèo của tôi đã để lại cho tôi. Điều này bao gồm, trước hết, một số tiền mà tôi nghĩ rằng tốt nhất là cẩn thận, dự đoán khả năng có một loại thuế mới đối với tài sản thực và tài sản đầu tư; và, thứ hai, một số bản thảo quý giá, mà những cuốn sách sau đây đều nợ sự tồn tại của chúng.

I imagine I trace this latter bequest to a visit I paid the Sage, if so I may be permitted to call him, a few weeks before his death.

Tôi tưởng tượng rằng tôi truy vết được di chúc sau này này đến một lần thăm tôi đã thực hiện với Đại Hiền Nhân, nếu tôi được phép gọi ông ấy như vậy, vài tuần trước khi ông qua đời.

Although he read little of our modern literature, my friend, with the affable good-nature which belonged to him, graciously permitted me to consult him upon various literary undertakings meditated by the desultory ambition of a young and inexperienced student. And at that time I sought his advice upon a work of imagination, intended to depict the effects of enthusiasm upon different modifications of character. He listened to my conception, which was sufficiently trite and prosaic, with his usual patience; and then, thoughtfully turning

to his bookshelves, took down an old volume, and read to me, first, in Greek, and secondly, in English, some extracts to the following effect:—

Mặc dù ông ít đọc văn học hiện đại của chúng ta, người bạn của tôi, với tính cách tử tế và tốt bụng mà thuộc về ông ấy, đã cho phép tôi tham vấn ông về các công việc văn học đa dạng mà một sinh viên trẻ và chưa có kinh nghiệm như tôi đang nhắm tới. Và vào thời điểm đó, tôi tìm kiếm lời khuyên của ông về một công việc tưởng tượng, dự định mô tả những tác động của sự nhiệt huyết đối với các biến thể khác nhau của nhân cách. Ông lắng nghe ý tưởng của tôi, mà đủ là cũng nhàm chán và tầm thường, với sự kiên nhẫn thông thường của ông; và sau đó, ông suy tư đến kệ sách của mình, lấy một cuốn sách cũ và đọc cho tôi, trước hết bằng tiếng Hy Lạp, và sau đó bằng tiếng Anh, một số đoạn trích với nội dung như sau:—

“Plato here expresses four kinds of mania, by which I desire to understand enthusiasm and the inspiration of the gods: Firstly, the musical; secondly, the telestic or mystic; thirdly, the prophetic; and fourthly, that which belongs to love.”

“Ở đây, Plato diễn tả bốn loại cuồng loạn, mà tôi mong muốn hiểu về sự nhiệt huyết và cảm hứng của các vị thần: Thứ nhất, loại âm nhạc; thứ hai, loại telestic hoặc mystic; thứ ba, loại tiên tri; và thứ tư, loại thuộc về tình yêu.”

The author he quoted, after contending that there is something in the soul above intellect, and stating that there are in our nature distinct energies,—by the one of which we discover and seize, as it were, on sciences and theorems with almost intuitive rapidity, by another, through which high art is accomplished, like the statues of Phidias,—proceeded to state that “enthusiasm, in the true acceptation of the word, is, when that part of the soul which is above intellect is excited to the gods, and thence derives its inspiration.”

Tác giả mà ông trích dẫn, sau khi tranh cãi rằng có một cái gì đó trong tâm hồn cao hơn trí tuệ, và nêu rõ rằng trong bản chất của chúng ta có những năng lượng riêng biệt,—bằng một trong số đó, chúng ta khám phá và nắm bắt, như thể, các khoa học và lý thuyết với tốc độ gần như trực giác, bằng cách khác, thông qua đó mà nghệ thuật cao cấp được thực hiện, giống như những bức tượng của Phidias,—tiếp tục nêu rõ rằng "sự nhiệt huyết, trong nghĩa đúng của từ, là khi phần của tâm hồn cao hơn trí tuệ được kích thích đến các vị thần, và từ đó rút ra cảm hứng của mình."

The author, then pursuing his comment upon Plato, observes, that "one of these manias may suffice (especially that which belongs to love) to lead back the soul to its first divinity and happiness; but that there is an intimate union with them all; and that the ordinary progress through which the soul ascends is, primarily, through the musical; next, through the telestic or mystic; thirdly, through the prophetic; and

and so on for nine hundred and forty mortal pages in foolscap. I could scarcely believe my eyes: in fact, I began to think the lamp burned singularly blue; and sundry misgivings as to the unhallowed nature of the characters I had so unwittingly opened upon, coupled with the strange hints and mystical language of the old gentleman, crept through my disordered imagination. Certainly, to say no worse of it, the whole thing looked UNCANNY! I was about, precipitately, to hurry the papers into my desk, with a pious determination to have nothing more to do with them, when my eye fell upon a book, neatly bound in blue morocco, and which, in my eagerness, I had hitherto overlooked. I opened this volume with great precaution, not knowing what might jump out, and—guess my delight—found that it contained a key or dictionary to the hieroglyphics. Not to weary the reader with an account of my labours, I am contented with saying that at last I imagined myself capable of construing the characters, and set to work in good earnest. Still it was no easy task, and two years elapsed

before I had made much progress. I then, by way of experiment on the public, obtained the insertion of a few desultory chapters, in a periodical with which, for a few months, I had the honour to be connected. They appeared to excite more curiosity than I had presumed to anticipate; and I renewed, with better heart, my laborious undertaking. But now a new misfortune befell me: I found, as I proceeded, that the author had made two copies of his work, one much more elaborate and detailed than the other; I had stumbled upon the earlier copy, and had my whole task to remodel, and the chapters I had written to retranslate. I may say then, that, exclusive of intervals devoted to more pressing occupations, my unlucky promise cost me the toil of several years before I could bring it to adequate fulfilment. The task was the more difficult, since the style in the original is written in a kind of rhythmical prose, as if the author desired that in some degree his work should be regarded as one of poetical conception and design. To this it was not possible to do justice, and in the attempt I have doubtless very often need of the reader's indulgent consideration. My natural respect for the old gentleman's vagaries, with a muse of equivocal character, must be my only excuse whenever the language, without luxuriating into verse, borrows flowers scarcely natural to prose. Truth compels me also to confess, that, with all my pains, I am by no means sure that I have invariably given the true meaning of the cipher; nay, that here and there either a gap in the narrative, or the sudden assumption of a new cipher, to which no key was afforded, has obliged me to resort to interpolations of my own, no doubt easily discernible, but which, I flatter myself, are not inharmonious to the general design. This confession leads me to the sentence with which I shall conclude: If, reader, in this book there be anything that pleases you, it is certainly mine; but whenever you come to something you dislike,—lay the blame upon the old gentleman! London, January, 1842. N.B.—The notes appended to the text are sometimes by the author, sometimes by the editor. I have occasionally (but not always) marked the distinction; where,

however, this is omitted, the ingenuity of the reader will be rarely at fault.

ZANONI. BOOK I. — THE MUSICIAN. Due Fontane Chi di diverso effeto hanno liquore! “Ariosto, Orland. Fur.” Canto 1.7. (Two Founts That hold a draught of different effects.) CHAPTER 1.I. Vergina era D’ alta belta, ma sua belta non cura: .... Di natura, d’ amor, de’ cieli amici Le negligenze sue sono artifici. “Gerusal. Lib.,” canto ii. xiv.-xviii. (She was a virgin of a glorious beauty, but regarded not her beauty...Negligence itself is art in those favoured by Nature, by love, and by the heavens.)

ZANONI. SÁCH I. — NGƯỜI NHẠC SĨ. Due Fontane Hai Suối Đựng một liều có hiệu ứng khác nhau! "Ariosto, Orland. Fur." Canto 1.7. (Hai Suối Đựng một liều có hiệu ứng khác nhau.) CHƯƠNG 1.I. Vergina đẹp Với vẻ đẹp cao quý, nhưng cô không quan tâm đến vẻ đẹp của mình: .... Từ thiên nhiên, tình yêu, và sự ưa thích từ bầu trời Sự cẩu thả của cô là một nghệ thuật. "Gerusal. Lib.," canto ii. xiv.-xviii. (Cô là một cô gái trinh hiện tượng, nhưng không quan tâm đến vẻ đẹp của mình...Sự cẩu thả chính là nghệ thuật ở những người được thiên nhiên, tình yêu, và bầu trời ưu ái.)

At Naples, in the latter half of the last century, a worthy artist named Gaetano Pisani lived and flourished. He was a musician of great genius, but not of popular reputation; there was in all his compositions something capricious and fantastic which did not please the taste of the Dilettanti of Naples. He was fond of unfamiliar subjects into which he introduced airs and symphonies that excited a kind of terror in those who listened. The names of his pieces will probably suggest their nature. I find, for instance, among his MSS., these titles: “The Feast of the Harpies,” “The Witches at Benevento,” “The Descent of Orpheus into Hades,” “The Evil Eye,” “The Eumenides,” and many others that evince a powerful imagination delighting in the fearful and supernatural, but often relieved by an airy and delicate fancy with passages of exquisite grace and beauty. It is true that

in the selection of his subjects from ancient fable, Gaetano Pisani was much more faithful than his contemporaries to the remote origin and the early genius of Italian Opera.

Tại Naples, trong nửa sau của thế kỷ trước, có một nghệ sĩ đáng kính tên là Gaetano Pisani sống và phồn thịnh. Ông là một nhạc sĩ tài năng lớn, nhưng không được yêu thích rộng rãi; trong tất cả các tác phẩm của ông đều có một cái gì đó ưa thích và phantastic mà không làm hài lòng vị thính giả của Naples. Ông thích những chủ đề lạ mắt mà ông đưa vào đó những giai điệu và bản nhạc gợi lên một loại kinh hoàng ở những người nghe. Những tên của những bản nhạc của ông có lẽ sẽ gợi lên bản chất của chúng. Tôi thấy, ví dụ, trong tài liệu của ông, những tựa đề này: "Bữa Tiệc của Harpies," "Những Phù Thủy tại Benevento," "Hành Trình của Orpheus xuống Địa Ngục," "Ánh Mắt Ác," "Những Eumenides," và nhiều bản khác chứng tỏ một trí tưởng tượng mạnh mẽ vui thích ở những điều đáng sợ và siêu nhiên, nhưng thường được giảm bớt bởi một tư duy ảo diệu và tinh tế với những đoạn tuyệt vời và xinh đẹp. Đúng là trong việc chọn chủ đề từ truyền thuyết cổ xưa, Gaetano Pisani trung thành hơn nhiều so với đồng nghiệp của mình với nguồn gốc xa xưa và tài năng sớm của Opera Ý.

That descendant, however effeminate, of the ancient union between Song and Drama, when, after long obscurity and dethronement, it regained a punier sceptre, though a gaudier purple, by the banks of the Etrurian Arno, or amidst the lagunes of Venice, had chosen all its primary inspirations from the unfamiliar and classic sources of heathen legend; and Pisani's "Descent of Orpheus" was but a bolder, darker, and more scientific repetition of the "Euridice" which Jacopi Peri set to music at the august nuptials of Henry of Navarre and Mary of Medicis.* Still, as I have said, the style of the Neapolitan musician was not on the whole pleasing to ears grown nice and euphuistic in the more dulcet melodies of the day; and faults and extravagances easily discernible, and often to appearance

wilful, served the critics for an excuse for their distaste. Fortunately, or the poor musician might have starved, he was not only a composer, but also an excellent practical performer, especially on the violin, and by that instrument he earned a decent subsistence as one of the orchestra at the Great Theatre of San Carlo. Here formal and appointed tasks necessarily kept his eccentric fancies in tolerable check, though it is recorded that no less than five times he had been deposed from his desk for having shocked the conoscenti, and thrown the whole band into confusion, by impromptu variations of so frantic and startling a nature that one might well have imagined that the harpies or witches who inspired his compositions had clawed hold of his instrument.

Con cháu ấy, dù mềm yếu, của sự liên kết cổ xưa giữa Bài Hát và Kịch, khi, sau nhiều thời gian mờ mịt và bị đánh bại, nó lấy lại một cây ngai nhỏ hơn, mặc dù lòe loẹt hơn, bên bờ sông Arno Etrurian, hoặc giữa những vịnh nước của Venice, đã chọn tất cả những cảm hứng chính của nó từ những nguồn không quen và cổ điển của truyền thuyết thần thoại, và "Hành Trình của Orpheus" của Pisani chỉ là một sự lặp lại mạnh mẽ, tối tăm, và khoa học hơn của "Euridice" mà Jacopi Peri đã đặt vào nhạc tại lễ cưới trọng đại của Henry of Navarre và Mary of Medicis.* Tuy nhiên, như tôi đã nói, phong cách của nhạc sĩ Naples không hài lòng trên tổng thể với những bộ óc đã trở nên tinh tế và phô trương trong những giai điệu ngọt ngào hơn của thời đại; và những lỗi lầm và quá mức dễ thấy, và thường có vẻ cố ý, đã phục vụ cho các nhà phê bình để tìm lý do cho sự không ưa thích của họ. May mắn, hoặc người nhạc sĩ nghèo có thể đã chết đói, ông không chỉ là một nhà soạn nhạc, mà còn là một nghệ sĩ biểu diễn thực hành xuất sắc, đặc biệt là trên đàn vĩ cầm, và bằng công cụ đó, ông kiếm sống một cách lịch sự như một trong dàn nhạc tại Nhà Hát Lớn San Carlo. Ở đây, các nhiệm vụ chính thức và được giao cụ thể đã giữ cho những ý tưởng lập dị của ông trong giới hạn chấp nhận được, mặc dù được ghi nhận rằng không kém hơn năm lần ông đã bị tháo bỏ khỏi ghế làm việc của

mình vì đã gây sốc cho conoscenti, và làm cho toàn bộ dàn nhạc rơi vào hỗn loạn, bởi những biến thể tức thì của một tính chất điên cuồng và đáng sợ đến mức một người có thể tưởng tượng rằng những Harpies hoặc phù thủy đã truyền cảm hứng cho những tác phẩm của ông đã cào vào công cụ của ông.

The impossibility, however, to find any one of equal excellence as a performer (that is to say, in his more lucid and orderly moments) had forced his reinstalment, and he had now, for the most part, reconciled himself to the narrow sphere of his appointed adagios or allegros. The audience, too, aware of his propensity, were quick to perceive the least deviation from the text; and if he wandered for a moment, which might also be detected by the eye as well as the ear, in some strange contortion of visage, and some ominous flourish of his bow, a gentle and admonitory murmur recalled the musician from his Elysium or his Tartarus to the sober regions of his desk. Then he would start as if from a dream, cast a hurried, frightened, apologetic glance around, and, with a crestfallen, humbled air, draw his rebellious instrument back to the beaten track of the glib monotony. But at home he would make himself amends for this reluctant drudgery. And there, grasping the unhappy violin with ferocious fingers, he would pour forth, often till the morning rose, strange, wild measures that would startle the early fisherman on the shore below with a superstitious awe, and make him cross himself as if mermaid or sprite had wailed no earthly music in his ear.

Tuy nhiên, sự không thể tìm thấy một ai đó với đẳng cấp ngang bằng như một nghệ sĩ biểu diễn (nghĩa là, trong những khoảnh khắc rõ ràng và gọn gàng nhất của mình) đã buộc ông phải tái nhậm, và ông giờ đây, phần lớn, đã làm hòa với phạm vi hẹp của các adagios hoặc allegros được giao cụ thể cho mình. Khán giả, cũng nhận thức được xu hướng của ông, nhanh chóng nhận ra sự sai lệch nhỏ nhất so với văn bản; và nếu ông lạc một chút, điều đó cũng có thể được phát hiện bởi mắt cũng như tai, trong

một biểu cảm kỳ lạ của khuôn mặt, và một sự vẹn tròn báo hiệu của cây cung của ông, một tiếng rên nhẹ nhàng và khuyên bảo đã gọi nhạc sĩ trở lại từ nơi thần tiên hoặc nơi địa ngục của mình đến những khu vực nghiêm túc của bàn làm việc của mình. Sau đó, ông sẽ bắt đầu như từ một giấc mơ, đưa mắt nhìn vội vã, sợ hãi, xin lỗi xung quanh, và, với một diện mạo thất vọng, nhẹ nhàng, ôm lấy công cụ nổi loạn của mình trở lại con đường đã quen thuộc của sự đơn điệu mượt mà. Nhưng ở nhà, ông sẽ tự làm bù cho sự lao động không hứng thú này. Và ở đó, ôm lấy cây vĩ cầm không may mắn với những ngón tay hung dữ, ông sẽ đổ ra, thường đến khi bình minh ló dạng, những biện pháp kỳ lạ, hoang dã sẽ làm kinh ngạc ngư dân sớm hơn ở bờ dưới với một sự kính sợ mê tín, và làm cho anh ta gạt đầu thánh giá như thể tiên nữ hoặc hồn ma không hát nhạc trần tục trong tai anh ta.

This man's appearance was in keeping with the characteristics of his art. The features were noble and striking, but worn and haggard, with black, careless locks tangled into a maze of curls, and a fixed, speculative, dreamy stare in his large and hollow eyes. All his movements were peculiar, sudden, and abrupt, as the impulse seized him; and in gliding through the streets, or along the beach, he was heard laughing and talking to himself. Withal, he was a harmless, guileless, gentle creature, and would share his mite with any idle lazzaroni, whom he often paused to contemplate as they lay lazily basking in the sun. Yet was he thoroughly unsocial. He formed no friends, flattered no patrons, resorted to none of the merry-makings so dear to the children of music and the South. He and his art seemed alone suited to each other,—both quaint, primitive, unworldly, irregular. You could not separate the man from his music; it was himself. Without it he was nothing, a mere machine! WITH it, he was king over worlds of his own. Poor man, he had little enough in this! At a manufacturing town in England there is a gravestone on which the epitaph records "one Claudius Phillips, whose absolute contempt for riches, and inimitable performance on the violin, made him the admiration of all that

knew him!" Logical conjunction of opposite eulogies! In proportion, O Genius, to thy contempt for riches will be thy performance on thy violin!

Bề ngoại của người này phản ánh đúng với đặc điểm của nghệ thuật của ông. Những nét đặc trưng đều quý phái và nổi bật, nhưng mệt mỏi và xơ xác, với nhữ

Strange as it may appear to the fairer reader, this grotesque personage had yet formed those ties which ordinary mortals are apt to consider their especial monopoly,—he was married, and had one child. What is more strange yet, his wife was a daughter of quiet, sober, unfantastic England: she was much younger than himself; she was fair and gentle, with a sweet English face; she had married him from choice, and (will you believe it?) she yet loved him. How she came to marry him, or how this shy, unsocial, wayward creature ever ventured to propose, I can only explain by asking you to look round and explain first to ME how half the husbands and half the wives you meet ever found a mate! Yet, on reflection, this union was not so extraordinary after all. The girl was a natural child of parents too noble ever to own and claim her. She was brought into Italy to learn the art by which she was to live, for she had taste and voice; she was a dependant and harshly treated, and poor Pisani was her master, and his voice the only one she had heard from her cradle that seemed without one tone that could scorn or chide. And so—well, is the rest natural? Natural or not, they married. This young wife loved her husband; and young and gentle as she was, she might almost be said to be the protector of the two. From how many disgraces with the despots of San Carlo and the Conservatorio had her unknown officious mediation saved him! In how many ailments—for his frame was weak—had she nursed and tended him! Often, in the dark nights, she would wait at the theatre with her lantern to light him and her steady arm to lean on; otherwise, in his abstract reveries, who knows but the musician would have

walked after his “Siren” into the sea! And then she would so patiently, perhaps (for in true love there is not always the finest taste) so DELIGHTEDLY, listen to those storms of eccentric and fitful melody, and steal him—whispering praises all the way—from the unwholesome night-watch to rest and sleep!

I said his music was a part of the man, and this gentle creature seemed a part of the music; it was, in fact, when she sat beside him that whatever was tender or fairy-like in his motley fantasia crept into the harmony as by stealth. Doubtless her presence acted on the music, and shaped and softened it; but, he, who never examined how or what his inspiration, knew it not. All that he knew was, that he loved and blessed her. He fancied he told her so twenty times a day; but he never did, for he was not of many words, even to his wife. His language was his music,—as hers, her cares! He was more communicative to his barbiton, as the learned Mersennus teaches us to call all the varieties of the great viol family. Certainly barbiton sounds better than fiddle; and barbiton let it be. He would talk to THAT by the hour together,—praise it, scold it, coax it, nay (for such is man, even the most guileless), he had been known to swear at it; but for that excess he was always penitentially remorseful. And the barbiton had a tongue of his own, could take his own part, and when HE also scolded, had much the best of it. He was a noble fellow, this Violin!—a Tyrolese, the handiwork of the illustrious Steiner. There was something mysterious in his great age. How many hands, now dust, had awakened his strings ere he became the Robin Goodfellow and Familiar of Gaetano Pisani! His very case was venerable,—beautifully painted, it was said, by Caracci. An English collector had offered more for the case than Pisani had ever made by the violin. But Pisani, who cared not if he had inhabited a cabin himself, was proud of a palace for the barbiton. His barbiton, it was his elder child! He had another child, and now we must turn to her.

How shall I describe thee, Viola? Certainly the music had something to answer for in the advent of that young stranger. For both in her form and her character you might have traced a family likeness to that singular and spirit-like life of sound which night after night threw itself in airy and goblin sport over the starry seas…Beautiful she was, but of a very uncommon beauty,—a combination, a harmony of opposite attributes. Her hair of a gold richer and purer than that which is seen even in the North; but the eyes, of all the dark, tender, subduing light of more than Italian—almost of Oriental—splendour. The complexion exquisitely fair, but never the same, —vivid in one moment, pale the next. And with the complexion, the expression also varied; nothing now so sad, and nothing now so joyous.

I grieve to say that what we rightly entitle education was much neglected for their daughter by this singular pair. To be sure, neither of them had much knowledge to bestow; and knowledge was not then the fashion, as it is now. But accident or nature favoured young Viola. She learned, as of course, her mother's language with her father's. And she contrived soon to read and to write; and her mother, who, by the way, was a Roman Catholic, taught her betimes to pray. But then, to counteract all these acquisitions, the strange habits of Pisani, and the incessant watch and care which he required from his wife, often left the child alone with an old nurse, who, to be sure, loved her dearly, but who was in no way calculated to instruct her.

Dame Gionetta was every inch Italian and Neapolitan. Her youth had been all love, and her age was all superstition. She was garrulous, fond,—a gossip. Now she would prattle to the girl of cavaliers and princes at her feet, and now she would freeze her blood with tales and legends, perhaps as old as Greek or Etrurian fable, of demon and vampire,—of the dances round the great walnut-tree at Benevento, and the haunting spell of

the Evil Eye. All this helped silently to weave charmed webs over Viola's imagination that afterthought and later years might labour vainly to dispel. And all this especially fitted her to hang, with a fearful joy, upon her father's music. Those visionary strains, ever struggling to translate into wild and broken sounds the language of unearthly beings, breathed around her from her birth. Thus you might have said that her whole mind was full of music; associations, memories, sensations of pleasure or pain,—all were mixed up inexplicably with those sounds that now delighted and now terrified; that greeted her when her eyes opened to the sun, and woke her trembling on her lonely couch in the darkness of the night. The legends and tales of Gionetta only served to make the child better understand the signification of those mysterious tones; they furnished her with words to the music. It was natural that the daughter of such a parent should soon evince some taste in his art. But this developed itself chiefly in the ear and the voice. She was yet a child when she sang divinely. A great Cardinal—great alike in the State and the Conservatorio—heard of her gifts, and sent for her. From that moment her fate was decided: she was to be the future glory of Naples, the prima donna of San Carlo.

The Cardinal insisted upon the accomplishment of his own predictions, and provided her with the most renowned masters. To inspire her with emulation, his Eminence took her one evening to his own box: it would be something to see the performance, something more to hear the applause lavished upon the glittering signoras she was hereafter to excel! Oh, how gloriously that life of the stage, that fairy world of music and song, dawned upon her! It was the only world that seemed to correspond with her strange childish thoughts. It appeared to her as if, cast hitherto on a foreign shore, she was brought at last to see the forms and hear the language of her native land. Beautiful and true enthusiasm, rich with the promise of genius! Boy or man, thou wilt never be a poet, if thou hast not felt the

ideal, the romance, the Calypso's isle that opened to thee when for the first time the magic curtain was drawn aside, and let in the world of poetry on the world of prose!

Đức Giám Mục đòi hỏi việc thực hiện những dự đoán của mình và cung cấp cho cô những thầy giáo nổi tiếng nhất. Để truyền cảm hứng cho cô với sự cạnh tranh, Đức Giám Mục đã dẫn cô vào loại riêng của mình một buổi tối: thứ gì đó để xem buổi biểu diễn, thứ gì đó hơn để nghe tiếng vỗ tay tán thưởng đổ dồn vào những nữ diễn viên lộng lẫy mà cô sẽ vượt qua sau này! Ồ, cuộc sống trên sân khấu, thế giới thần tiên của âm nhạc và bài hát, đã rực rỡ như thế nào trong cô! Đó là thế giới duy nhất mà dường như phù hợp với những suy tư kỳ lạ của cô bé. Đối với cô, như thể cô được đưa từ một bờ biển xa lạ trước đây, cuối cùng được nhìn thấy hình dạng và nghe ngôn ngữ của quê hương. Sự nhiệt tình đẹp và chân thực, giàu hứa hẹn về thiên tài! Bạn trai hoặc người đàn ông, bạn sẽ không bao giờ trở thành một nhà thơ, nếu bạn không cảm nhận được lý tưởng, lãng mạn, hòn đảo Calypso mà mở ra trước mặt bạn khi lần đầu tiên bức màn ma thuật được kéo sang mở ra thế giới thơ vào thế giới văn xuôi!

And now the initiation was begun. She was to read, to study, to depict by a gesture, a look, the passions she was to delineate on the boards; lessons dangerous, in truth, to some, but not to the pure enthusiasm that comes from art; for the mind that rightly conceives art is but a mirror which gives back what is cast on its surface faithfully only—while unsullied. She seized on nature and truth intuitively. Her recitations became full of unconscious power; her voice moved the heart to tears, or warmed it into generous rage. But this arose from that sympathy which genius ever has, even in its earliest innocence, with whatever feels, or aspires, or suffers.

Và bây giờ lễ nhập môn đã bắt đầu. Cô phải đọc, học, mô tả bằng cử chỉ, một cái nhìn, những cảm xúc mà cô sẽ phác thảo trên sân khấu; những bài học nguy hiểm, thực sự, với một số người,

nhưng không với sự nhiệt huyết trong sáng đến từ nghệ thuật; vì tâm trí hiểu đúng về nghệ thuật chỉ là một cái gương mà chỉ trả lại những gì được đặt lên bề mặt của nó một cách trung thực duy nhất—khi không bị làm bẩn. Cô nắm bắt tự nhiên và sự thật một cách trực giác. Những bài đọc của cô trở nên đầy sức mạnh vô ý thức; giọng cô làm xao lãng trái tim đến nước mắt, hoặc làm ấm lòng thành cơn giận dữ hào hiệp. Nhưng điều này xuất phát từ sự đồng cảm mà thiên tài luôn có, ngay cả ở sự trong sáng nhất của nó, với bất kỳ thứ gì cảm nhận, hoặc khao khát, hoặc chịu đựng.

It was no premature woman comprehending the love or the jealousy that the words expressed; her art was one of those strange secrets which the psychologists may unriddle to us if they please, and tell us why children of the simplest minds and the purest hearts are often so acute to distinguish, in the tales you tell them, or the songs you sing, the difference between the true art and the false, passion and jargon, Homer and Racine,—echoing back, from hearts that have not yet felt what they repeat, the melodious accents of the natural pathos. Apart from her studies, Viola was a simple, affectionate, but somewhat wayward child,—wayward, not in temper, for that was sweet and docile; but in her moods, which, as I before hinted, changed from sad to gay and gay to sad without an apparent cause. If cause there were, it must be traced to the early and mysterious influences I have referred to, when seeking to explain the effect produced on her imagination by those restless streams of sound that constantly played around it; for it is noticeable that to those who are much alive to the effects of music, airs and tunes often come back, in the commonest pursuits of life, to vex, as it were, and haunt them. The music, once admitted to the soul, becomes also a sort of spirit, and never dies. It wanders perturbedly through the halls and galleries of the memory, and is often heard again, distinct and living as when it first displaced the wavelets of the air. Now at times, then, these phantoms of sound floated back upon her fancy; if gay, to call a

smile from every dimple; if mournful, to throw a shade upon her brow,—to make her cease from her childish mirth, and sit apart and muse.

Đó không phải là một phụ nữ trước tuổi hiểu biết về tình yêu hoặc sự ghen tuông mà những từ ngữ diễn đạt; nghệ thuật của cô bé là một trong những bí mật lạ kỳ mà các nhà tâm lý học có thể giải mã cho chúng ta nếu họ muốn, và cho chúng ta biết tại sao những đứa trẻ với tâm trí đơn giản nhất và trái tim trong sạch nhất thường rất sắc bén để phân biệt, trong những câu chuyện bạn kể cho họ, hoặc những bài hát bạn hát, sự khác biệt giữa nghệ thuật thật và giả, đam mê và lời nói trống rỗng, Homer và Racine—phản hồi lại, từ những trái tim chưa từng cảm nhận những gì họ lặp lại, những âm điệu du dương của nỗi buồn tự nhiên. Ngoài việc học, Viola là một đứa trẻ đơn giản, yêu thương, nhưng hơi ương ngạnh,—ương ngạnh, không phải về tính cách, vì đó là ngọt ngào và dễ bảo; nhưng về tâm trạng, mà, như tôi đã gợi ý trước đó, thay đổi từ buồn thành vui và từ vui thành buồn mà không có nguyên nhân rõ ràng. Nếu có nguyên nhân, nó phải được truy vết đến những ảnh hưởng sớm và bí ẩn mà tôi đã đề cập khi cố gắng giải thích hiệu ứng gây ra trong trí tưởng tượng của cô bé bởi những dòng âm thanh không ngừng phát ra xung quanh; vì có thể thấy rằng với những người rất nhạy cảm với tác động của âm nhạc, giai điệu thường quay trở lại, trong những hoạt động hằng ngày phổ biến nhất, để làm phiền họ, như thể, và ám họ. Âm nhạc, một khi được chấp nhận vào tâm hồn, cũng trở thành một loại linh hồn, và không bao giờ chết. Nó lang thang rối rít qua các hành lang và phòng triển lãm của ký ức, và thường được nghe lại, rõ ràng và sống động như khi nó lần đầu tiên thay thế những sóng nhỏ của không khí. Bây giờ đôi khi, những hồn ma âm thanh này trôi trở lại trong trí tưởng tượng của cô bé; nếu vui, để gọi một nụ cười từ mỗi rãnh trên mặt; nếu buồn, để tạo một bóng tối trên trán cô,—để khiến cô dừng lại khỏi niềm vui của tuổi thơ, và ngồi một mình và suy tư.

Rightly, then, in a typical sense, might this fair creature, so airy in her shape, so harmonious in her beauty, so unfamiliar in her ways and thoughts,—rightly might she be called a daughter, less of the musician than the music, a being for whom you could imagine that some fate was reserved, less of actual life than the romance which, to eyes that can see, and hearts that can feel, glides ever along WITH the actual life, stream by stream, to the Dark Ocean.

Đúng vậy, thì, ở một ý nghĩa điển hình, có thể nói rằng sinh vật xinh đẹp này, dễ thương trong hình dáng, hài hòa trong vẻ đẹp, lạ lẫm trong cách ứng xử và suy nghĩ của mình,—đúng mà cô bé có thể được gọi là một đứa con, ít phải là con người nghệ sĩ hơn là âm nhạc, một sinh vật mà bạn có thể tưởng tượng rằng một số số phận đã được dành, ít phải là cuộc sống thực sự hơn là tình yêu đương, mà, với những mắt có thể nhìn và trái tim có thể cảm nhận, lướt qua cùng với cuộc sống thực sự, dòng suối qua dòng suối, đến Đại Tây Dương.

And therefore it seemed not strange that Viola herself, even in childhood, and yet more as she bloomed into the sweet seriousness of virgin youth, should fancy her life ordained for a lot, whether of bliss or woe, that should accord with the romance and reverie which made the atmosphere she breathed. Frequently she would climb through the thickets that clothed the neighbouring grotto of Posilipo,—the mighty work of the old Cimmerians,—and, seated by the haunted Tomb of Virgil, indulge those visions, the subtle vagueness of which no poetry can render palpable and defined; for the Poet that surpasses all who ever sang, is the heart of dreaming youth! Frequently there, too, beside the threshold over which the vine-leaves clung, and facing that dark-blue, waveless sea, she would sit in the autumn noon or summer twilight, and build her castles in the air. Who doth not do the same,—not in youth alone, but with the dimmed hopes of age! It is man's prerogative to dream, the common royalty of peasant and of king. But those day-

dreams of hers were more habitual, distinct, and solemn than the greater part of us indulge. They seemed like the Orama of the Greeks,—prophets while phantasma.

Và vì vậy, dường như không lạ gì khi Viola chính mình, ngay cả từ khi còn nhỏ, và càng nhiều hơn khi cô nở rộ vào sự nghiêm túc ngọt ngào của tuổi trẻ trong sáng, nghĩ rằng cuộc sống của mình được định sẵn cho một số phận, có thể là hạnh phúc hoặc nỗi đau, phải phù hợp với tình yêu đương và mơ mộng làm cho bầu không khí cô thở. Thường xuyên cô sẽ leo qua rừng cây bao phủ hang động lân cận Posilipo,—công trình khổng lồ của những người Cimmerians cổ,—và, ngồi bên cạnh ngôi mộ ma quái của Virgil, thỏa mạng những ảo tưởng, sự mơ hồ tinh tế mà không thơ nào có thể làm cho rõ ràng và xác định; vì nhà thơ vượt trội hơn tất cả những người từng hát, chính là trái tim của tuổi trẻ mơ mộng! Thường xuyên ở đó, bên cạnh ngưỡng cửa mà lá nho bám vào, và đối diện với biển xanh đậm, không sóng này, cô sẽ ngồi vào buổi trưa thu hoặc hoàng hôn mùa hè, và xây dựng lâu đài trong không khí. Ai không làm điều tương tự,—không chỉ ở tuổi trẻ, mà còn với hy vọng mờ nhạt của tuổi già! Đó là quyền ưu tiên của con người để mơ, đặc quyền phổ thông của nông dân và vua. Nhưng những ảo mộng ban ngày của cô bé ấy thường xuyên, rõ ràng và trang nghiêm hơn phần lớn chúng ta thường làm. Chúng dường như giống như Orama của người Hy Lạp,—những tiên tri trong khi là phantasma.

Fu stupor, fu vaghezza, fu diletto! "Gerusal. Lib.," cant. ii. xxi. ("Desire it was, 't was wonder, 't was delight." Wiffen's Translation.) Now at last the education is accomplished! Viola is nearly sixteen. The Cardinal declares that the time is come when the new name must be inscribed in the Libro d'Oro,—the Golden Book set apart to the children of Art and Song. Yes, but in what character?—to whose genius is she to give embodiment and form? Ah, there is the secret! Rumours go abroad that the inexhaustible Paisiello, charmed with her performance of his "Nel cor piu non me sento," and his "Io son Lindoro," will

produce some new masterpiece to introduce the debutante. Others insist upon it that her forte is the comic, and that Cimarosa is hard at work at another "Matrimonia Segreto." But in the meanwhile there is a check in the diplomacy somewhere. The Cardinal is observed to be out of humour. He has said publicly,—and the words are portentous,—"The silly girl

Pisani, too inexperienced to be aware of all the dangers of the stage, had been pleased at the notion that one, at least, of his name would add celebrity to his art. The girl's perverseness displeased him. However, he said nothing,—he never scolded in words, but he took up the faithful barbiton. Oh, faithful barbiton, how horribly thou didst scold! It screeched, it gabbled, it moaned, it growled. And Viola's eyes filled with tears, for she understood that language. She stole to her mother, and whispered in her ear; and when Pisani turned from his employment, lo! both mother and daughter were weeping. He looked at them with a wondering stare; and then, as if he felt he had been harsh, he flew again to his Familiar. And now you thought you heard the lullaby which a fairy might sing to some fretful changeling it had adopted and sought to soothe. Liquid, low, silvery, streamed the tones beneath the enchanted bow. The most stubborn grief would have paused to hear; and withal, at times, out came a wild, merry, ringing note, like a laugh, but not mortal laughter. It was one of his most successful airs from his beloved opera,—the Siren in the act of charming the waves and the winds to sleep. Heaven knows what next would have come, but his arm was arrested. Viola had thrown herself on his breast, and kissed him, with happy eyes that smiled through her sunny hair. At that very moment the door opened,—a message from the Cardinal. Viola must go to his Eminence at once. Her mother went with her. All was reconciled and settled; Viola had her way, and selected her own opera. O ye dull nations of the North, with your broils and debates,—your bustling lives of the Pnyx and the Agora!—you cannot guess what a stir throughout musical Naples was occasioned by the rumour of a

new opera and a new singer. But whose the opera? No cabinet intrigue ever was so secret. Pisani came back one night from the theatre, evidently disturbed and irate. Woe to thine ears hadst thou heard the barbiton that night! They had suspended him from his office,—they feared that the new opera, and the first debut of his daughter as prima donna, would be too much for his nerves. And his variations, his diablerie of sirens and harpies, on such a night, made a hazard not to be contemplated without awe. To be set aside, and on the very night that his child, whose melody was but an emanation of his own, was to perform,—set aside for some new rival: it was too much for a musician's flesh and blood. For the first time he spoke in words upon the subject, and gravely asked—for that question the barbiton, eloquent as it was, could not express distinctly—what was to be the opera, and what the part? And Viola as gravely answered that she was pledged to the Cardinal not to reveal. Pisani said nothing, but disappeared with the violin; and presently they heard the Familiar from the house-top (whither, when thoroughly out of humour, the musician sometimes fled), whining and sighing as if its heart were broken.

The affections of Pisani were little visible on the surface. He was not one of those fond, caressing fathers whose children are ever playing round their knees; his mind and soul were so thoroughly in his art that domestic life glided by him, seemingly as if THAT were a dream, and the heart the substantial form and body of existence. Persons much cultivating an abstract study are often thus; mathematicians proverbially so. When his servant ran to the celebrated French philosopher, shrieking, "The house is on fire, sir!" "Go and tell my wife then, fool!" said the wise man, settling back to his problems; "do I ever meddle with domestic affairs?" But what are mathematics to music—music, that not only composes operas, but plays on the barbiton? Do you know what the illustrious Giardini said when the tyro asked how long it would take to learn to play on the violin? Hear, and despair, ye who

would bend the bow to which that of Ulysses was a plaything, "Twelve hours a day for twenty years together!" Can a man, then, who plays the barbiton be always playing also with his little ones? No, Pisani; often, with the keen susceptibility of childhood, poor Viola had stolen from the room to weep at the thought that thou didst not love her. And yet, underneath this outward abstraction of the artist, the natural fondness flowed all the same; and as she grew up, the dreamer had understood the dreamer. And now, shut out from all fame himself; to be forbidden to hail even his daughter's fame!—and that daughter herself to be in the conspiracy against him! Sharper than the serpent's tooth was the ingratitude, and sharper than the serpent's tooth was the wail of the pitying barbiton!

The eventful hour is come. Viola is gone to the theatre,—her mother with her. The indignant musician remains at home. Gionetta bursts into the room: my Lord Cardinal's carriage is at the door,—the Padrone is sent for. He must lay aside his violin; he must put on his brocade coat and his lace ruffles. Here they are,—quick, quick! And quick rolls the gilded coach, and majestic sits the driver, and statelily prance the steeds. Poor Pisani is lost in a mist of uncomfortable amaze. He arrives at the theatre; he descends at the great door; he turns round and round, and looks about him and about: he misses something,—where is the violin? Alas! his soul, his voice, his self of self, is left behind! It is but an automaton that the lackeys conduct up the stairs, through the tier, into the Cardinal's box. But then, what bursts upon him! Does he dream? The first act is over (they did not send for him till success seemed no longer doubtful); the first act has decided all. He feels THAT by the electric sympathy which ever the one heart has at once with a vast audience. He feels it by the breathless stillness of that multitude; he feels it even by the lifted finger of the Cardinal. He sees his Viola on the stage, radiant in her robes and gems,—he hears her voice thrilling through the single heart of the thousands! But the scene, the part, the music! It is his other child,—his immortal

child; the spirit-infant of his soul; his darling of many years of patient obscurity and pining genius; his masterpiece; his opera of the Siren!

This, then, was the mystery that had so galled him,—this the cause of the quarrel with the Cardinal; this the secret not to be proclaimed till the success was won, and the daughter had united her father's triumph with her own! And there she stands, as all souls bow before her,—fairer than the very Siren he had called from the deeps of melody. Oh, long and sweet recompense of toil! Where is on earth the rapture like that which is known to genius when at last it bursts from its hidden cavern into light and fame!

He did not speak, he did not move; he stood transfixed, breathless, the tears rolling down his cheeks; only from time to time his hands still wandered about,—mechanically they sought for the faithful instrument, why was it not there to share his triumph?

At last the curtain fell; but on such a storm and diapason of applause! Up rose the audience as one man, as with one voice that dear name was shouted. She came on, trembling, pale, and in the whole crowd saw but her father's face. The audience followed those moistened eyes; they recognised with a thrill the daughter's impulse and her meaning. The good old Cardinal drew him gently forward. Wild musician, thy daughter has given thee back more than the life thou gavest! "My poor violin!" said he, wiping his eyes, "they will never hiss thee again now!"

Cuối cùng, màn rơi; nhưng với cơn mưa lời khen và hoan hô! Khán giả đứng dậy như một người, như một giọng nói duy nhất đã hô tên thân thương đó. Cô ấy bước ra, run rẩy, trắng bệch, và trong đám đông chỉ thấy mặt cha cô. Khán giả theo dõi những đôi mắt ướt của cô; họ nhận ra với một cảm giác kích thích sự thúc đẩy và ý nghĩ của con gái. Đấng Tổng Giám Mục già tốt

bụng dẫn anh ta đi phía trước. Nhạc sĩ hoang dã, con gái đã trả lại cho cha hơn cả sự sống mà anh đã trao!

CHAPTER 1.III. Fra si contrarie tempre in ghiaccio e in foco, In riso e in pianto, e fra paura e speme L'ingannatrice Donna—"Gerusal. Lib.," cant. iv. xciv. (Between such contrarious mixtures of ice and fire, laughter and tears,—fear and hope, the deceiving dame.) Now notwithstanding the triumph both of the singer and the opera, there had been one moment in the first act, and, consequently, BEFORE the arrival of Pisani, when the scale seemed more than doubtful. It was in a chorus replete with all the peculiarities of the composer. And when the Maelstrom of Capricci whirled and foamed, and tore ear and sense through every variety of sound, the audience simultaneously recognised the hand of Pisani. A title had been given to the opera which had hitherto prevented all suspicion of its parentage; and the overture and opening, in which the music had been regular and sweet, had led the audience to fancy they detected the genius of their favourite Paisiello. Long accustomed to ridicule and almost to despise the pretensions of Pisani as a composer, they now felt as if they had been unduly cheated into the applause with which they had hailed the overture and the commencing scenas. An ominous buzz circulated round the house: the singers, the orchestra,—electrically sensitive to the impression of the audience,—grew, themselves, agitated and dismayed, and failed in the energy and precision which could alone carry off the grotesqueness of the music.

CHƯƠNG 1.III. Fra si contrarie tempre in ghiaccio e in foco, In riso e in pianto, e fra paura e speme L'ingannatrice Donna—"Gerusal. Lib.," cant. iv. xciv. (Giữa những sự pha trộn đối lập như băng và lửa, tiếng cười và nước mắt,—sợ hãi và hy vọng, người phụ nữ lừa dối.) Mặc cho sự thành công của ca sĩ và vở opera, có một khoảnh khắc trong hồi đầu tiên, và, do đó, TRƯỚC khi Pisani đến, khi tỷ lệ dường như không chắc chắn hơn. Đó là

trong một đoạn hợp xướng đầy đủ với tất cả những đặc điểm của nhà soạn nhạc. Và khi Maelstrom của Capricci xoáy và bốc hơi, và xé tai và giác quan qua mọi loại âm thanh, khán giả đồng thời nhận ra bàn tay của Pisani. Một tựa đề đã được đặt cho vở opera mà cho đến nay đã ngăn mọi nghi ngờ về nguồn gốc của nó; và phần mở đầu và bắt đầu, trong đó âm nhạc đã được điều chỉnh và ngọt ngào, đã khiến khán giả nghĩ rằng họ đã phát hiện ra tài năng của nhà soạn nhạc yêu thích Paisiello. Đã quen với sự trêu chọc và gần như coi thường những quyền lực của Pisani như một nhà soạn nhạc, họ giờ đây cảm thấy như họ đã bị lừa dối khi hoan hô phần mở đầu và các đoạn scenas bắt đầu. Một tiếng vo vo đáng sợ lan truyền trong cả nhà: các ca sĩ, dàn nhạc,—nhạy cảm với ảnh hưởng của khán giả,—trở nên xao lãng và sợ hãi, và thiếu năng lượng và chính xác mà chỉ có thể mang đi điều khác biệt của âm nhạc.

There are always in every theatre many rivals to a new author and a new performer,—a party impotent while all goes well, but a dangerous ambush the instant some accident throws into confusion the march of success. A hiss arose; it was partial, it is true, but the significant silence of all applause seemed to forebode the coming moment when the displeasure would grow contagious. It was the breath that stirred the impending avalanche. At that critical moment Viola, the Siren queen, emerged for the first time from her ocean cave. As she came forward to the lamps, the novelty of her situation, the chilling apathy of the audience,—which even the sight of so singular a beauty did not at the first arouse,—the whispers of the malignant singers on the stage, the glare of the lights, and more —far more than the rest—that recent hiss, which had reached her in her concealment, all froze up her faculties and suspended her voice. And, instead of the grand invocation into which she ought rapidly to have burst, the regal Siren, retransformed into the trembling girl, stood pale and mute before the stern, cold array of those countless eyes.

Luôn luôn có nhiều đối thủ với một tác giả mới và một người biểu diễn mới ở mỗi nhà hát,—một phe yếu đuối khi mọi thứ diễn ra tốt, nhưng một bẫy nguy hiểm ngay khi một tai nạn nào đó làm rối loạn cuộc diễu hành của sự thành công. Một tiếng huýt giận phát ra; đó là một phần, đúng là vậy, nhưng sự im lặng đáng chú ý của mọi lời hoan hô dường như báo trước khoảnh khắc sắp tới khi sự không hài lòng sẽ trở nên lây nhiễm. Đó là hơi thở làm kích thích tảng băng sắp sụp. Trong khoảnh khắc quan trọng đó, Viola, nữ hoàng Siren, lần đầu tiên xuất hiện từ hang động dưới biển. Khi cô tiến về đèn, sự mới mẻ của tình hình cô, sự lạnh lùng thờ ơ của khán giả,—mà thậm chí cả việc nhìn thấy một vẻ đẹp đặc biệt như vậy cũng không thể khiến họ bừng tỉnh ngay lập tức,—những lời thì thầm của các ca sĩ độc ác trên sân khấu, ánh sáng chói chang, và hơn nữa—nhiều hơn nữa so với phần còn lại—cái tiếng huýt mới đây, đã đến với cô trong sự ẩn náu của mình, tất cả đã đóng băng tư duy của cô và làm tạm ngưng giọng cô. Và, thay vì lời cầu nguyện trang trọng mà cô nên nhanh chóng bùng nổ, nữ hoàng Siren, tái biến thành cô gái run rẩy, đứng trước một hàng mắt vô số lạnh lẽo.

At that instant, and when consciousness itself seemed about to fail her, as she turned a timid beseeching glance around the still multitude, she perceived, in a box near the stage, a countenance which at once, and like magic, produced on her mind an effect never to be analysed nor forgotten. It was one that awakened an indistinct, haunting reminiscence, as if she had seen it in those day-dreams she had been so wont from infancy to indulge. She could not withdraw her gaze from that face, and as she gazed, the awe and coldness that had before seized her, vanished like a mist from before the sun.

Trong khoảnh khắc đó, và khi ý thức chính mình dường như sắp thất bại, khi cô quay đầu nhìn một cái nhìn nhẹ nhàng, thỉnh cầu quanh đám đông yên lặng, cô nhận ra, trong một loại góc gần sân khấu, một gương mặt mà ngay lập tức, và như phép

màu, tạo ra trên tâm trí cô một hiệu ứng không bao giờ có thể phân tích hoặc quên. Đó là một điều gì đó đánh thức một ký ức mơ hồ, ám ảnh, như thể cô đã thấy nó trong những giấc mơ ban ngày mà cô đã từ thời thơ ấu thường xuyên thưởng thức. Cô không thể rời ánh nhìn từ gương mặt đó, và khi cô nhìn chăm chú, sự kinh sợ và lạnh lẽo đã từng bao trùm cô, tan biến như sương khói trước ánh mặt trời.

In the dark splendour of the eyes that met her own there was indeed so much of gentle encouragement, of benign and compassionate admiration,—so much that warmed, and animated, and nerved,—that any one, actor or orator, who has ever observed the effect that a single earnest and kindly look in the crowd that is to be addressed and won, will produce upon his mind, may readily account for the sudden and inspiriting influence which the eye and smile of the stranger exercised on the debutante. And while yet she gazed, and the glow returned to her heart, the stranger half rose, as if to recall the audience to a sense of the courtesy due to one so fair and young; and the instant his voice gave the signal, the audience followed it by a burst of generous applause. For this stranger himself was a marked personage, and his recent arrival at Naples had divided with the new opera the gossip of the city. And then as the applause ceased, clear, full, and freed from every fetter, like a spirit from the clay, the Siren's voice poured forth its entrancing music. From that time Viola forgot the crowd, the hazard, the whole world,—except the fairy one over with she presided. It seemed that the stranger's presence only served still more to heighten that delusion, in which the artist sees no creation without the circle of his art, she felt as if that serene brow, and those brilliant eyes, inspired her with powers never known before: and, as if searching for a language to express the strange sensations occasioned by his presence, that presence itself whispered to her the melody and the song.

Trong vẻ đẹp tối của những đôi mắt gặp gỡ với nhau, thực sự có rất nhiều sự khích lệ nhẹ nhàng, sự ngưỡng mộ lành mạnh và đầy lòng trắc ẩn,—nhiều đến mức ấm áp, sôi động, và mạnh mẽ,—đến mức mà bất kỳ ai, diễn viên hoặc diễn thuyết gia nào, đã từng quan sát hiệu ứng mà một ánh nhìn chân thành và tốt bụng trong đám đông mà anh ta phải phát biểu và chiến thắng, sẽ tạo ra trên tâm trí của mình, có thể dễ dàng giải thích cho sự ảnh hưởng đột ngột và truyền cảm mà ánh mắt và nụ cười của người lạ đã tạo ra trên người mới ra mắt. Và trong khi cô nhìn chăm chú, và ánh sáng trở lại trong trái tim cô, người lạ nửa đứng dậy, như muốn gợi nhớ khán giả về sự lịch sự đáng được trao cho một người đẹp và trẻ; và ngay khi giọng nói của anh ta đưa ra tín hiệu, khán giả trả lời bằng một tràng vỗ tay hùng hồn. Vì người lạ này chính là một người nổi tiếng, và sự xuất hiện gần đây của anh ta tại Napoli đã chia sẻ với vở opera mới những lời đồn thổi của thành phố. Và sau khi tiếng vỗ tay ngưng, rõ ràng, đầy đủ, và thoát khỏi mọi ràng buộc, như một linh hồn thoát khỏi cát, giọng hát của Siren trào ra âm nhạc quyến rũ. Từ lúc đó, Viola quên mất đám đông, rủi ro, cả thế giới,—ngoại trừ thế giới huyền bí mà cô đứng đầu. Dường như sự hiện diện của người lạ chỉ làm tăng cường thêm ảo tưởng đó, trong đó nghệ sĩ không thấy sự sáng tạo nào ngoài vòng tròn của nghệ thuật của mình, cô cảm thấy như là cái trán thanh bình đó, và những đôi mắt lấp lánh đó, truyền cảm hứng cho cô với những sức mạnh chưa từng biết: và, như đang tìm kiếm một ngôn ngữ để diễn đạt những cảm xúc lạ lùng do sự hiện diện của anh ta gây ra, sự hiện diện đó đã thì thầm cho cô giai điệu và bài hát.

Only when all was over, and she saw her father and felt his joy, did this wild spell vanish before the sweeter one of the household and filial love. Yet again, as she turned from the stage, she looked back involuntarily, and the stranger's calm and half-melancholy smile sank into her heart,—to live there, to be recalled with confused memories, half of pleasure, and half of pain.

Chỉ khi mọi thứ đã kết thúc, và cô thấy cha mình và cảm nhận niềm vui của anh ấy, thì lời nguyền hoang dã này mới tan biến trước lời nguyền ngọt ngào hơn của tình yêu gia đình và tình yêu

And a happy reunion it was round that humble table: a feast Lucullus might have envied in his Hall of Apollo, in the dried grapes, and the dainty sardines, and the luxurious polenta, and the old lacrima a present from the good Cardinal. The barbiton, placed on a chair—a tall, high-backed chair—beside the musician, seemed to take a part in the festive meal. Its honest varnished face glowed in the light of the lamp; and there was an impish, sly demureness in its very silence, as its master, between every mouthful, turned to talk to it of something he had forgotten to relate before. The good wife looked on affectionately, and could not eat for joy; but suddenly she rose, and placed on the artist's temples a laurel wreath, which she had woven beforehand in fond anticipation; and Viola, on the other side her brother, the barbiton, rearranged the chaplet, and, smoothing back her father's hair, whispered, "Caro Padre, you will not let HIM scold me again!"

Và một cuộc tái hợp vui vẻ đã diễn ra quanh cái bàn khiêm tốn ấy: một bữa tiệc mà Lucullus có thể ghen tị trong Hội Trường Apollo của mình, với những quả nho khô, cá sardine tinh tế, món bột gạo ngon lành, và lacrima cũ món quà từ đức Cardinal tốt lành. Chiếc barbiton, đặt trên một chiếc ghế—một chiếc ghế cao lưng—bên cạnh nhạc sĩ, dường như tham gia vào bữa tiệc. Gương mặt chân thật được sơn bóng của nó tỏa sáng dưới ánh đèn; và có một sự tinh nghịch, tinh ranh trong sự im lặng của nó, khi chủ nhân, giữa mỗi miếng, quay sang nó để nói chuyện về điều gì đó mà anh ấy đã quên kể trước đó. Người vợ tốt bụng nhìn vào một cách yêu thương, và không thể ăn vì niềm vui; nhưng đột nhiên bà đứng dậy, và đặt lên thái dương của nghệ sĩ một vòng nguyệt quế, mà bà đã dệt trước đó trong kỳ vọng yêu thương; và Viola, bên kia em trai, chiếc barbiton, sắp xếp lại

vòng hoa, và, vuốt nhẹ tóc của cha, thì thầm, “Caro Padre, ông sẽ không để ANH ta mắng em nữa đúng không!”

Then poor Pisani, rather distracted between the two, and excited both by the lacrima and his triumph, turned to the younger child with so naive and grotesque a pride, “I don’t know which to thank the most. You give me so much joy, child,—I am so proud of thee and myself. But he and I, poor fellow, have been so often unhappy together!”

Sau đó, Pisani nghèo khổ, hơi mất tập trung giữa hai người, và kích động cả bởi lacrima và chiến thắng của mình, quay sang đứa trẻ nhỏ với một sự tự hào ngây thơ và kỳ quặc, “Tôi không biết phải cảm ơn ai nhiều nhất. Em mang lại cho tôi nhiều niềm vui, con trẻ,—tôi tự hào về em và bản thân tôi. Nhưng anh ta và tôi, người tội nghiệp, đã nhiều lần bất hạnh cùng nhau!”

Viola’s sleep was broken,—that was natural. The intoxication of vanity and triumph, the happiness in the happiness she had caused, all this was better than sleep. But still from all this, again and again her thoughts flew to those haunting eyes, to that smile with which forever the memory of the triumph, of the happiness, was to be united. Her feelings, like her own character, were strange and peculiar. They were not those of a girl whose heart, for the first time reached through the eye, sighs its natural and native language of first love. It was not so much admiration, though the face that reflected itself on every wave of her restless fancies was of the rarest order of majesty and beauty; nor a pleased and enamoured recollection that the sight of this stranger had bequeathed: it was a human sentiment of gratitude and delight, mixed with something more mysterious, of fear and awe. Certainly she had seen before those features; but when and how? Only when her thoughts had sought to shape out her future, and when, in spite of all the attempts to vision forth a fate of flowers and sunshine, a dark and chill foreboding made her recoil back into her deepest self.

It was a something found that had long been sought for by a thousand restless yearnings and vague desires, less of the heart than mind; not as when youth discovers the one to be beloved, but rather as when the student, long wandering after the clew to some truth in science, sees it glimmer dimly before him, to beckon, to recede, to allure, and to wane again. She fell at last into unquiet slumber, vexed by deformed, fleeting, shapeless phantoms; and, waking, as the sun, through a veil of hazy cloud, glinted with a sickly ray across the casement, she heard her father settled back betimes to his one pursuit, and calling forth from his Familiar a low mournful strain, like a dirge over the dead.

Viola không thể ngủ sâu,—điều đó là đương nhiên. Sự say sưa vì sự kiêu hãnh và chiến thắng, niềm hạnh phúc trong niềm hạnh phúc mà cô đã mang lại, tất cả điều này tốt hơn là ngủ. Nhưng vẫn từ tất cả điều này, lần lượt suy nghĩ của cô lại bay đến những đôi mắt ám ảnh ấy, đến nụ cười mà mãi mãi ký ức về chiến thắng, về hạnh phúc, sẽ kết hợp với. Cảm xúc của cô, giống như bản tính của chính cô, đều lạ lùng và đặc biệt. Chúng không phải của một cô gái mà trái tim, lần đầu tiên được tiếp cận qua ánh mắt, thở dài bằng ngôn ngữ tự nhiên và bản địa của tình yêu đầu tiên. Đó không phải chỉ là sự ngưỡng mộ, mặc dù khuôn mặt được phản chiếu trên mỗi gợn sóng của những ý nghĩ hỗn loạn của cô thuộc loại vẻ đẹp và uy quyền hiếm có nhất; cũng không phải là một ký ức hài lòng và hâm mộ mà việc nhìn thấy người lạ này đã để lại: đó là một cảm xúc nhân văn của lòng biết ơn và niềm vui, kết hợp với điều gì đó huyền bí hơn, sự sợ hãi và kính sợ. Chắc chắn cô đã từng thấy những đặc điểm ấy trước đây; nhưng khi và như thế nào? Chỉ khi suy nghĩ của cô đã cố hình thành tương lai của mình, và khi, bất chấp tất cả những cố gắng để hình dung ra một số phận của hoa và ánh nắng, một sự báo trước u ám và lạnh lùng khiến cô rút lui vào bản thân sâu nhất của mình. Đó là một điều gì đó tìm thấy đã được tìm kiếm từ hàng nghìn khao khát không yên và mong muốn mơ hồ, ít hơn của trái tim hơn là trí óc; không giống như

khi tuổi trẻ phát hiện ra người được yêu, mà hơn là như khi học sinh, sau một thời gian dài lạc hướng sau dấu vết của một sự thật trong khoa học, thấy nó lung linh mờ nhạt trước mắt, để gọi, để rút lui, để quyến rũ, và để tàn phai lại. Cô cuối cùng rơi vào giấc ngủ không yên, quấy rối bởi những hình ảnh biến dạng, thoáng qua, không hình thù; và, khi tỉnh dậy, khi mặt trời, qua một lớp mây mờ, phát sáng với tia ánh ảm qua cửa sổ, cô nghe thấy cha đã quay trở lại sớm với niềm đam mê duy nhất của mình, và kêu gọi từ Pháp Sư của mình một giai điệu u sầu, như một bản threnody trên người đã khuất.

“And why,” she asked, when she descended to the room below, —“why, my father, was your inspiration so sad, after the joy of last night?”

“Và tại sao,” cô hỏi, khi cô xuống tầng dưới,—“tại sao, cha, nguồn cảm hứng của cha lại buồn bã, sau niềm vui của đêm qua?”

“I know not, child. I meant to be merry, and compose an air in honour of thee; but he is an obstinate fellow, this,—and he would have it so.”

“Con không biết, con ơi. Tôi định vui vẻ, và viết một bản nhạc để tôn vinh con; nhưng anh ta là một tên cứng đầu, này,—và anh ta muốn nó thế.”

CHAPTER 1.IV. E cosi i pigri e timidi desiri Sprona. “Gerusal. Lib.,” cant. iv. lxxxviii. (And thus the slow and timid passions urged.)

CHƯƠNG 1.IV. Và như thế những khao khát chậm rãi và nhút nhát Thúc giục. “Gerusal. Lib.,” canto iv. lxxxviii. (Và như thế những cảm xúc chậm rãi và nhút nhát thúc giục.)

It was the custom of Pisani, except when the duties of his profession made special demand on his time, to devote a certain

portion of the mid-day to sleep,—a habit not so much a luxury as a necessity to a man who slept very little during the night. In fact, whether to compose or to practice, the hours of noon were precisely those in which Pisani could not have been active if he would. His genius resembled those fountains full at dawn and evening, overflowing at night, and perfectly dry at the meridian. During this time, consecrated by her husband to repose, the signora generally stole out to make the purchases necessary for the little household, or to enjoy (as what woman does not?) a little relaxation in gossip with some of her own sex. And the day following this brilliant triumph, how many congratulations would she have to receive!

Đó là thói quen của Pisani, trừ khi các nhiệm vụ của nghề nghiệp của anh ấy đặt ra yêu cầu đặc biệt về thời gian của anh ấy, là dành một phần nhất định của buổi trưa để ngủ,—một thói quen không phải là xa xỉ mà là một sự cần thiết đối với một người ngủ rất ít vào ban đêm. Trên thực tế, dù là để sáng tác hay để luyện tập, những giờ trưa chính là những giờ mà Pisani không thể hoạt động nếu anh ấy muốn. Thiên tài của anh giống như những vòi nước tràn đầy vào buổi sáng và buổi tối, tràn ngập vào ban đêm, và hoàn toàn khô cạn vào lúc trưa. Trong thời gian này, được chồng dành riêng cho việc nghỉ ngơi, bà signora thường lẻn ra ngoài để mua những thứ cần thiết cho gia đình nhỏ, hoặc thưởng thức (như phụ nữ nào cũng làm?) một chút giải trí trong việc trò chuyện với một số người cùng giới của mình. Và vào ngày tiếp theo sau chiến thắng rực rỡ này, bà sẽ nhận được bao nhiêu lời chúc mừng!

At these times it was Viola's habit to seat herself without the door of the house, under an awning which sheltered from the sun without obstructing the view; and there now, with the prompt-book on her knee, on which her eye roves listlessly from time to time, you may behold her, the vine-leaves clustering from their arching trellis over the door behind, and

the lazy white-sailed boats skimming along the sea that stretched before.

Vào những lúc như thế, thói quen của Viola là ngồi ngoài cửa nhà, dưới một mái hiên che nắng mà không cản trở tầm nhìn; và bây giờ, với cuốn prompt-book trên đầu gối, nơi mà ánh mắt của cô lảng vảng từng giây một, bạn có thể nhìn thấy cô, những chiếc lá nho bám vào khung dây leo uốn cong phía sau cửa, và những con thuyền trắng với buồm lười biếng trượt trên biển trước mắt.

As she thus sat, rather in reverie than thought, a man coming from the direction of Posilipo, with a slow step and downcast eyes, passed close by the house, and Viola, looking up abruptly, started in a kind of terror as she recognised the stranger. She uttered an involuntary exclamation, and the cavalier turning, saw, and paused.

Khi cô ngồi như vậy, hơn là trong trạng thái mơ mộng hơn là suy tư, một người đàn ông đến từ hướng Posilipo, với bước chân chậm rãi và ánh mắt hướng xuống, đi ngang qua nhà gần đó, và Viola, nhìn lên đột ngột, bắt đầu trong một cảm giác kinh hoàng khi cô nhận ra người lạ. Cô phát ra một tiếng kêu không tự chủ, và người dũng sĩ quay lại, nhìn thấy, và dừng lại.

He stood a moment or two between her and the sunlit ocean, contemplating in a silence too serious and gentle for the boldness of gallantry, the blushing face and the young slight form before him; at length he spoke. “Are you happy,

"Adieu, Excellency; but,” and something she could not resist—an anxious, sickening feeling of fear and hope,—impelled her to the question, “I shall see you again, shall I not, at San Carlo?”

"Tạm biệt, Ngài Ươm; nhưng," và điều gì đó cô không thể cưỡng lại được—một cảm giác lo lắng, đầy sợ hãi và hy vọng—đẩy cô đặt câu hỏi, "Em sẽ gặp lại Ngài ở San Carlo, phải không?"

“Not, at least, for some time. I leave Naples to-day.”

"Không, ít nhất là một thời gian. Hôm nay tôi rời khỏi Naples."

“Indeed!” and Viola’s heart sank within her; the poetry of the stage was gone.

"Quả thật!" và trái tim của Viola chìm xuống bên trong cô; sự thơ ca trên sân khấu đã mất.

“And,” said the cavalier, turning back, and gently laying his hand on hers,—“and, perhaps, before we meet, you may have suffered: known the first sharp griefs of human life,—known how little what fame can gain, repays what the heart can lose; but be brave and yield not,—not even to what may seem the piety of sorrow. Observe yon tree in your neighbour’s garden. Look how it grows up, crooked and distorted. Some wind scattered the germ from which it sprang, in the clefts of the rock; choked up and walled round by crags and buildings, by Nature and man, its life has been one struggle for the light,—light which makes to that life the necessity and the principle: you see how it has writhed and twisted; how, meeting the barrier in one spot, it has laboured and worked, stem and branches, towards the clear skies at last. What has preserved it through each disfavour of birth and circumstances,—why are its leaves as green and fair as those of the vine behind you, which, with all its arms, can embrace the open sunshine? My child, because of the very instinct that impelled the struggle,—because the labour for the light won to the light at length. So with a gallant heart, through every adverse accident of sorrow and of fate to turn to the sun, to strive for the heaven; this it is that gives knowledge to the strong and happiness to the weak. Ere we meet again, you will turn sad and heavy eyes to those quiet boughs, and when you hear the birds sing from them, and see the sunshine come aslant from crag and housetop to be the

playfellow of their leaves, learn the lesson that Nature teaches you, and strive through darkness to the light!”

"Và," nói người kỵ binh, quay lại, và nhẹ nhàng đặt tay lên tay cô,—"và, có lẽ, trước khi chúng ta gặp nhau, em có thể đã trải qua: biết những nỗi đau đầu tiên của cuộc sống con người,—biết làm sao điều gì danh tiếng có thể đạt được, không bằng những gì trái tim có thể mất; nhưng hãy dũng cảm và đừng chịu thua, —thậm chí là trước cái có vẻ như là lòng trắc ẩn của nỗi đau. Hãy nhìn cây ở vườn của hàng xóm. Nhìn xem nó phát triển lên, cong và méo mó. Một cơn gió đã phân tán hạt mầm từ đó mà nó mọc, trong kẽ nứt của tảng đá; bị tắc nghẽn và bao quanh bởi vách đá và công trình, bởi tự nhiên và con người, cuộc sống của nó đã là một cuộc tranh đấu vì ánh sáng,—ánh sáng mà làm cho cuộc sống đó trở thành sự cần thiết và nguyên tắc: em thấy nó đã quằn quại và uốn cong; như thế nào, khi gặp phải rào cản ở một chỗ, nó đã lao động và làm việc, thân và cành, về phía bầu trời trong cuối cùng. Điều gì đã bảo vệ nó qua mỗi sự không ưng thuận của nguồn gốc và hoàn cảnh,—tại sao lá của nó mà xanh và đẹp như những chiếc lá của cây nho phía sau em, mà, với tất cả cánh tay của nó, có thể ôm trọn ánh nắng mặt trời? Con yêu của tôi, bởi vì chính bản năng đó đã thúc đẩy cuộc tranh đấu,—bởi vì lao động cho ánh sáng đã chiến thắng ánh sáng cuối cùng. Vì vậy, bằng một trái tim dũng cảm, qua mỗi tai nạn bất lợi của nỗi đau và số phận để quay về mặt trời, để cố gắng về thiên đường; đó chính là điều mang kiến thức đến cho người mạnh mẽ và hạnh phúc cho người yếu đuối. Trước khi chúng ta gặp lại nhau, em sẽ quay nhìn những cành cây yên bình đó với ánh mắt buồn bã, và khi em nghe thấy tiếng chim hót từ đó, và thấy ánh nắng chiếu ngang từ tảng đá và mái nhà để làm bạn chơi với lá của chúng, học bài học mà Tự Nhiên dạy em, và cố gắng qua bóng tối đến ánh sáng!"

As he spoke he moved on slowly, and left Viola wondering, silent, saddened with his dim prophecy of coming evil, and yet, through sadness, charmed. Involuntarily her eyes followed him,

—involuntarily she stretched forth her arms, as if by a gesture to call him back; she would have given worlds to have seen him turn,—to have heard once more his low, calm, silvery voice; to have felt again the light touch of his hand on hers. As moonlight that softens into beauty every angle on which it falls, seemed his presence,—as moonlight vanishes, and things assume their common aspect of the rugged and the mean, he receded from her eyes, and the outward scene was commonplace once more.

Khi nói xong, anh cử động chậm rãi, và để lại Viola đang tự hỏi, im lặng, buồn rầu với lời tiên tri mờ nhạt về điều ác sắp đến, và tuy nhiên, qua nỗi buồn, cô đã bị mê hoặc. Mắt cô theo dõi anh ta một cách không tự chủ,—cô vươn tay ra một cách không tự chủ, như là một cử chỉ để gọi anh trở lại; cô sẽ chấp nhận mọi thứ để thấy anh quay lại,—để nghe một lần nữa giọng nói thấp, bình tĩnh, màu bạc của anh; để cảm nhận một lần nữa cảm giác nhẹ nhàng của bàn tay anh trên tay cô. Như ánh trăng mềm mại thành vẻ đẹp mỗi góc nơi nó chiếu sáng, có vẻ như sự hiện diện của anh,—như ánh trăng biến mất, và mọi thứ trở nên phổ biến với vẻ ngoài thô kệch và tầm thường, anh lùi xa khỏi tầm nhìn của cô, và cảnh vật bên ngoài trở nên bình thường một lần nữa.

The stranger passed on, through that long and lovely road which reaches at last the palaces that face the public gardens, and conducts to the more populous quarters of the city.

Người lạ tiếp tục đi qua con đường dài và đẹp đẽ đó, đi đến những cung điện cuối cùng đối diện với công viên công cộng, và dẫn vào những khu phố đông dân hơn của thành phố.

A group of young, dissipated courtiers, loitering by the gateway of a house which was open for the favourite pastime of the day, —the resort of the wealthier and more high-born gamesters,— made way for him, as with a courteous inclination he passed them by.

Một nhóm các quý tộc trẻ tuổi, phung phí, lề mạt bên cổng của một ngôi nhà mở cửa cho sở thích hàng ngày,—điểm đến của những người chơi giàu có và có dòng dõi cao cấp hơn,—nhường đường cho anh ta, khi anh ta đi qua họ với sự cúi đầu lịch sự.

“Per fede,” said one, “is not that the rich Zanoni, of whom the town talks?”

“Per fede,” một người nói, “đó có phải là Zanoni giàu có, mà cả thị trấn đang nói đến không?”

“Ay; they say his wealth is incalculable!”

“Ừ; họ nói rằng tài sản của anh ta không thể tính toán được!”

“THEY say,—who are THEY?—what is the authority? He has not been many days at Naples, and I cannot yet find any one who knows aught of his birthplace, his parentage, or, what is more important, his estates!”

“Họ nói,—họ là ai?—ai là cơ quan? Anh ta chưa ở Naples được nhiều ngày, và tôi vẫn chưa tìm thấy ai biết gì về nơi sinh, dòng dõi của anh ta, hoặc, điều quan trọng hơn là, tài sản của anh ta!”

“That is true; but he arrived in a goodly vessel, which THEY SAY is his own. See,—no, you cannot see it here; but it rides yonder in the bay. The bankers he deals with speak with awe of the sums placed in their hands.”

“Điều đó đúng; nhưng anh ta đến bằng một con tàu tốt, mà họ nói là của riêng anh ta. Nhìn,—không, bạn không thể thấy nó ở đây; nhưng nó đang neo ở xa kia trong vịnh. Các ngân hàng mà anh ta giao dịch nói với sự sợ hãi về số tiền đặt trong tay họ.”

“Whence came he?”

“Anh ta từ đâu đến?”

“From some seaport in the East. My valet learned from some of the sailors on the Mole that he had resided many years in the interior of India.”

“Từ một cảng biển nào đó ở phía Đông. Người hầu của tôi học từ một số thủy thủ trên bến tàu rằng anh ta đã sống nhiều năm trong nội địa Ấn Độ.”

“Ah, I am told that in India men pick up gold like pebbles, and that there are valleys where the birds build their nests with emeralds to attract the moths. Here comes our prince of gamesters, Cetoxa; be sure that he already must have made acquaintance with so wealthy a cavalier; he has that attraction to gold which the magnet has to steel. Well, Cetoxa, what fresh news of the ducats of Signor Zanoni?”

“Ah, tôi được nghe rằng ở Ấn Độ, người ta nhặt vàng như hạt sỏi, và rằng có những thung lũng nơi chim xây tổ với ngọc lục bảo để thu hút bướm đêm. Đây đến hoàng tử của chơi bài, Cetoxa; hãy chắc chắn rằng anh ta đã quen với một kỵ sĩ giàu có như vậy; anh ta có sức hấp dẫn với vàng như nam châm với thép. Vâng, Cetoxa, tin chắc rằng anh có tin tức mới nào về đồng của Signor Zanoni không?”

“Oh,” said Cetoxa, carelessly, “my friend—”

“Ồ,” Cetoxa nói lơ đãng, “bạn tôi—”

“Ha! ha! hear him; his friend—”

“Ha! ha! nghe anh ta; bạn của anh ta—”

“Yes; my friend Zanoni is going to Rome for a short time; when he returns, he has promised me to fix a day to sup with me, and I will then introduce him to you, and to the best society of Naples! Diavolo! but he is a most agreeable and witty gentleman!”

“Vâng; bạn tôi Zanoni sẽ đi Rome trong một thời gian ngắn; khi anh trở về, anh đã hứa với tôi sẽ ổn định một ngày để ăn tối với tôi, và tôi sẽ giới thiệu anh ta cho bạn, và với xã hội tốt nhất của Naples! Diavolo! nhưng anh ta là một quý ông rất dễ thương và thông minh!”

“Pray tell us how you came so suddenly to be his friend.”

“Xin kể cho chúng tôi biết làm sao anh trở thành bạn của anh ta một cách đột ngột như vậy.”

“My dear Belgioso, nothing more natural. He desired a box at San Carlo; but I need not tell you that the expectation of a new opera (ah, how superb it is,—that poor devil, Pisani; who would have thought it?) and a new singer (what a face,—what a voice! —ah!) had engaged every corner of the house. I heard of Zanoni’s desire to honour the talent of Naples, and, with my usual courtesy to distinguished strangers, I sent to place my box at his disposal. He accepts it,—I wait on him between the acts; he is most charming; he invites me to supper. Cospetto, what a retinue! We sit late,—I tell him all the news of Naples; we grow bosom friends; he presses on me this diamond before we part,—is a trifle, he tells me: the jewellers value it at 5000 pistoles!—the merriest evening I have passed these ten years.”

“Ôi, Belgioso y

“Ha, ha!” said Cetoxa, laughing, “our good Loredano is envious of my diamond. Gentlemen, you sup with me to-night. I assure you I never met a more delightful, sociable, entertaining person, than my dear friend the Signor Zanoni.”

“Ha, ha!” cười Cetoxa, “đại gia Loredano của chúng ta đang ghen tị với viên kim cương của tôi. Các quý ông, tối nay anh em cùng tôi tới ăn tối. Tôi đảm bảo rằng tôi chưa bao giờ gặp một người vui vẻ, hòa đồng, và giải trí hơn là người bạn thân thiết của tôi, ngài Zanoni.”

CHAPTER 1.V.

CHƯƠNG 1.V.

(That hippogriff, great and marvellous bird, bears him away.)

(Con chóp gryph, con chim lớn và kỳ diệu đưa anh ta đi.)

And now, accompanying this mysterious Zanoni, am I compelled to bid a short farewell to Naples. Mount behind me,—mount on my hippogriff, reader; settle yourself at your ease. I bought the pillion the other day of a poet who loves his comfort; it has been newly stuffed for your special accommodation. So, so, we ascend! Look as we ride aloft,—look!—never fear, hippogriffs never stumble; and every hippogriff in Italy is warranted to carry elderly gentlemen,—look down on the gliding landscapes! There, near the ruins of the Oscan's old Atella, rises Aversa, once the stronghold of the Norman; there gleam the columns of Capua, above the Vulturnian Stream. Hail to ye, cornfields and vineyards famous for the old Falernian! Hail to ye, golden orange-groves of Mola di Gaeta! Hail to ye, sweet shrubs and wild flowers, omnis copia narium, that clothe the mountain-skirts of the silent Lautulae! Shall we rest at the Volscian Anxur,—the modern Terracina,—where the lofty rock stands like the giant that guards the last borders of the southern land of love? Away, away! and hold your breath as we flit above the Pontine Marshes. Dreary and desolate, their miasma is to the gardens we have passed what the rank commonplace of life is to the heart when it has left love behind. Mournful Campagna, thou openest on us in majestic sadness. Rome, seven-hilled Rome! receive us as Memory receives the way-worn; receive us in silence, amidst ruins! Where is the traveller we pursue? Turn the hippogriff loose to graze: he loves the acanthus that wreathes round yon broken columns. Yes, that is the arch of Titus, the conqueror of Jerusalem,—that the

Colosseum! Through one passed the triumph of the deified invader; in one fell the butchered gladiators. Monuments of murder, how poor the thoughts, how mean the memories ye awaken, compared with those that speak to the heart of man on the heights of Phyle, or by thy lone mound, grey Marathon! We stand amidst weeds and brambles and long waving herbage. Where we stand reigned Nero,—here were his tessellated floors; here, "Mighty in the heaven, a second heaven," hung the vault of his ivory roofs; here, arch upon arch, pillar on pillar, glittered to the world the golden palace of its master,—the Golden House of Nero. How the lizard watches us with his bright, timorous eye! We disturb his reign. Gather that wild flower: the Golden House is vanished, but the wild flower may have kin to those which the stranger's hand scattered over the tyrant's grave; see, over this soil, the grave of Rome, Nature strews the wild flowers still! In the midst of this desolation is an old building of the middle ages. Here dwells a singular recluse. In the season of the malaria the native peasant flies the rank vegetation round; but he, a stranger and a foreigner, no associates, no companions, except books and instruments of science. He is often seen wandering over the grass-grown hills, or sauntering through the streets of the new city, not with the absent brow and incurious air of students, but with observant piercing eyes that seem to dive into the hearts of the passers-by. An old man, but not infirm,—erect and stately, as if in his prime. None know whether he be rich or poor. He asks no charity, and he gives none,—he does no evil, and seems to confer no good. He is a man who appears to have no world beyond himself; but appearances are deceitful, and Science, as well as Benevolence, lives in the Universe. This abode, for the first time since thus occupied, a visitor enters. It is Zanoni.

Và bây giờ, đi cùng với Zanoni bí ẩn này, tôi buộc phải nói lời tạm biệt ngắn ngủi với Naples. Lên sau tôi,—lên trên con chóp gryph của tôi, người đọc; ngồi thoải mái. Tôi đã mua yên ngựa hôm trước của một nhà thơ yêu thích sự thoải mái; nó đã được

lót mới để phục vụ cho sự thoải mái đặc biệt của bạn. Vậy, chúng ta lên! Nhìn khi chúng ta bay lên,—nhìn!—đừng sợ, chóp gryph không bao giờ vấp ngã; và mọi con chóp gryph ở Ý đều được bảo hành để vận chuyển các quý ông cao tuổi,—nhìn xuống những cảnh quan trôi chảy! Ở đó, gần tàn tích của Atella cũ của người Oscan, nổi lên Aversa, trước kia là nơi trú mạnh của Norman; ở đó lóe sáng những cột của Capua, trên bờ sông Vulturnian. Chào mừng những cánh đồng lúa và vườn nho nổi tiếng với Falernian cổ! Chào mừng những vườn cam vàng ở Mola di Gaeta! Chào mừng những cây cỏ và hoa dại ngọt ngào, omnis copia narium, phủ kín những vách núi của Lautulae yên lặng! Chúng ta nghỉ ở Anxur của Volsci,—Terracina hiện đại,—nơi tảng đá cao đứng như người khổng lồ bảo vệ ranh giới cuối cùng của đất nước miền Nam của tình yêu? Đi đi! và giữ hơi thở của bạn khi chúng ta bay trên Đầm lầy Pontine. Ẩm đạm và hoang vắng, khí độc của chúng là những gì so với những khu vườn chúng ta đã đi qua như sự tầm thường cũng làm với trái tim khi nó đã để lại tình yêu phía sau. Campagna buồn thảm, bạn mở ra trước chúng ta trong sự trang nghiêm hùng vĩ. Rome, Rome bảy ngọn đồi! hãy chấp nhận chúng tôi như Ký ức chấp nhận những người mệt mỏi trên đường; hãy chấp nhận chúng tôi trong sự im lặng, giữa tàn tích! Người du khách chúng ta theo đuổi ở đâu? Thả chóp gryph ra ăn cỏ: nó yêu cây acanthus vặn quanh những cột đổ kia. Vâng, đó là cổng Titus, người chiến thắng Jerusalem,—đó là Colosseum! Thông qua một con đã qua chiến thắng của kẻ xâm lược được thần thánh hóa; trong một con, những người gladiators bị giết. Tượng đài của sự giết người, suy nghĩ nghèo nàn, ký ức nhỏ bé mà bạn thức dậy, so với những gì nói với trái tim con người trên đỉnh Phyle, hoặc bên cạnh ngọn đồi lẻ loi của bạn, xám Marathon! Chúng ta đứng giữa cỏ dại và bụi gai và cỏ dài mượt mà. Nơi chúng ta đứng, Nero trị vì,—ở đây là sàn lát của ông; ở đây, "Mạnh mẽ trong thiên đàng, một thiên đàng thứ hai," treo mái vòm của nhà của ông bằng ngà; ở đây, cột trên cột, trụ trên trụ, lấp lánh trước thế giới cung điện vàng của chủ nhân của nó,—Ngôi nhà Vàng của Nero. Con thằn lằn đang nhìn chúng tôi với đôi mắt sáng, nhút

nhát của nó! Chúng ta làm phiền đến triều đình của nó. Thu thập bông hoa dại đó: Ngôi nhà Vàng đã biến mất, nhưng bông hoa dại có thể có họ hàng với những bông hoa mà bàn tay người lạ đã rải trên mộ của kẻ bạo tay; hãy xem, trên đất này, mộ của Rome, Thiên nhiên vẫn rải bông hoa dại! Giữa cảnh hoang tàn này là một tòa nhà cổ của thời trung cổ. Ở đây sống một người lẻ lạnh lùng. Trong mùa sâu sắc, người nông dân bản địa trốn tránh cây cỏ dày xung quanh; nhưng ông ấy, một người nước ngoài và người nước ngoài, không bạn bè, không đồng minh, ngoại trừ sách và dụng cụ khoa học. Ông thường được nhìn thấy lang thang trên những ngọn đồi mọc cỏ, hoặc dạo chơi qua những con phố của thành phố mới, không với ánh mắt vắng vẻ và bộ mặt không chú ý của sinh viên, mà với đôi mắt sắc bén quan sát như muốn xuyên vào trái tim của những người qua đường. Một người già, nhưng không yếu đuối,—đứng thẳng và trang nghiêm, như trong đỉnh cao của ông. Không ai biết ông có giàu hay nghèo. Ông không yêu cầu bất kỳ sự từ thiện nào, và ông cũng không cho đi,—ông không làm điều ác, và dường như không mang lại điều tốt. Ông là một người dường như không có thế giới bên ngoài bản thân; nhưng vẻ bề ngoài là gian lận, và Khoa học, cũng như Lòng Từ Bi, sống trong Vũ Trụ. Lần đầu tiên kể từ khi đến lúc này, một người thăm nhà. Đó là Zanoni.

You observe those two men seated together, conversing earnestly. Years long and many have flown away since they met last,—at least, bodily, and face to face. But if they are sages, thought can meet thought, and spirit spirit, though oceans divide the forms. Death itself divides not the wise. Thou meetest Plato when thine eyes moisten over the Phaedo. May Homer live with all men forever!

Bạn quan sát hai người đàn ông đó ngồi cùng nhau, trò chuyện nghiêm túc. Nhiều năm đã trôi qua kể từ khi họ gặp nhau lần cuối,—ít nhất là về thể xác và đối diện. Nhưng nếu họ là những người hiền triết, suy nghĩ có thể gặp gỡ suy nghĩ, và tinh thần gặp tinh thần, dù đại dương tách biệt hình thức. Chính cái chết

cũng không tách biệt những người hiền triết. Bạn gặp Plato khi đôi mắt bạn ướt khi đọc Phaedo. Hãy để Homer sống mãi mãi với tất cả mọi người!

They converse; they confess to each other; they conjure up the past, and repeople it; but note how differently do such remembrances affect the two. On Zanoni's face, despite its habitual calm, the emotions change and go. HE has acted in the past he surveys; but not a trace of the humanity that participates in joy and sorrow can be detected on the passionless visage of his companion; the past, to him, as is now the present, has been but as Nature to the sage, the volume to the student,—a calm and spiritual life, a study, a contemplation.

Họ trò chuyện; họ thú nhận với nhau; họ triệu hồi quá khứ, và hồi sinh nó; nhưng lưu ý cách những ký ức như vậy ảnh hưởng đến hai người khác nhau như thế nào. Trên khuôn mặt của Zanoni, mặc dù bình tĩnh thường lệ, cảm xúc thay đổi và biến mất. ANH ấy đã hành động trong quá khứ mà anh ấy xem xét; nhưng không một dấu vết của con người tham gia vào niềm vui và nỗi buồn có thể được phát hiện trên khuôn mặt không cảm xúc của bạn tình; quá khứ, với anh, như hiện tại, đã chỉ như Thiên Nhiên với hiền triết gia, quyển sách với sinh viên,—một cuộc sống bình tĩnh và tinh thần, một nghiên cứu, một suy tư.

From the past they turn to the future. Ah! at the close of the last century, the future seemed a thing tangible,—it was woven up in all men's fears and hopes of the present.

Từ quá khứ, họ chuyển sang tương lai. Ồ! vào cuối thế kỷ trước, tương lai dường như là một điều cụ thể,—nó đã được liên kết trong nỗi sợ hãi và hy vọng của tất cả mọi người về hiện tại.

At the verge of that hundred years, Man, the ripest born of Time, stood as at the deathbed of the Old World, and beheld the New Orb, blood-red amidst cloud and vapour,—uncertain if a

comet or a sun. Behold the icy and profound disdain on the brow of the old man,—the lofty yet touching sadness that darkens the glorious countenance of Zanoni. Is it that one views with contempt the struggle and its issue, and the other with awe or pity? Wisdom contemplating mankind leads but to the two results,—compassion or disdain. He who believes in other worlds can accustom himself to look on this as the naturalist on the revolutions of an ant-hill, or of a leaf. What is the Earth to Infinity,—what its duration to the Eternal? Oh, how much greater is the soul of one man than the vicissitudes of the whole globe! Child of heaven, and heir of immortality, how from some star hereafter wilt thou look back on the ant-hill and its commotions, from Clovis to Robespierre, from Noah to the Final Fire. The spirit that can contemplate, that lives only in the intellect, can ascend to its star, even from the midst of the burial-ground called Earth, and while the sarcophagus called Life immures in its clay the everlasting!

Ở rìa của thế kỷ đó, Con người, đứa con trưởng thành nhất của Thời gian, đứng như tại giường chết của Thế giới Cũ, và nhìn thấy Hành tinh Mới, màu đỏ như máu giữa mây và hơi nước,—không chắc chắn liệu đó có phải là một sao chổi hay m

Among the more remarkable guests were Condorcet, then in the prime of his reputation, the correspondent of the king of Prussia, the intimate of Voltaire, the member of half the academies of Europe,—noble by birth, polished in manners, republican in opinions. There, too, was the venerable Malesherbes, “l’amour et les delices de la Nation.” (The idol and delight of the nation (so-called by his historian, Gaillard).) There Jean Silvain Bailly, the accomplished scholar,—the aspiring politician. It was one of those petits soupers for which the capital of all social pleasures was so renowned. The conversation, as might be expected, was literary and intellectual, enlivened by graceful pleasantry. Many of the ladies of that ancient and proud noblesse—for the noblesse yet

existed, though its hours were already numbered—added to the charm of the society; and theirs were the boldest criticisms, and often the most liberal sentiments.

Vain labour for me—vain labour almost for the grave English language—to do justice to the sparkling paradoxes that flew from lip to lip. The favourite theme was the superiority of the moderns to the ancients. Condorcet on this head was eloquent, and to some, at least, of his audience, most convincing. That Voltaire was greater than Homer few there were disposed to deny. Keen was the ridicule lavished on the dull pedantry which finds everything ancient necessarily sublime.

"Yet," said the graceful Marquis de —, as the champagne danced to his glass, "more ridiculous still is the superstition that finds everything incomprehensible holy! But intelligence circulates, Condorcet; like water, it finds its level. My hairdresser said to me this morning, 'Though I am but a poor fellow, I believe as little as the finest gentleman!'" "Unquestionably, the great Revolution draws near to its final completion,—a pas de geant, as Montesquieu said of his own immortal work."

Then there rushed from all—wit and noble, courtier and republican—a confused chorus, harmonious only in its anticipation of the brilliant things to which "the great Revolution" was to give birth. Here Condrocet is more eloquent than before.

"Il faut absolument que la Superstition et le Fanatisme fassent place a la Philosophie. (It must necessarily happen that superstition and fanaticism give place to philosophy.) Kings persecute persons, priests opinion. Without kings, men must be safe; and without priests, minds must be free."

"Ah," murmured the marquis, "and as ce cher Diderot has so well sung,—'Et des boyaux du dernier pretre Serrez le cou du

dernier roi.'" (And throttle the neck of the last king with the string from the bowels of the last priest.)

"And then," resumed Condorcet,—"then commences the Age of Reason!—equality in instruction, equality in institutions, equality in wealth! The great impediments to knowledge are, first, the want of a common language; and next, the short duration of existence. But as to the first, when all men are brothers, why not a universal language? As to the second, the organic perfectibility of the vegetable world is undisputed, is Nature less powerful in the nobler existence of thinking man? The very destruction of the two most active causes of physical deterioration—here, luxurious wealth; there, abject penury,—must necessarily prolong the general term of life. (See Condorcet's posthumous work on the Progress of the Human Mind.—Ed.) The art of medicine will then be honoured in the place of war, which is the art of murder: the noblest study of the acutest minds will be devoted to the discovery and arrest of the causes of disease. Life, I grant, cannot be made eternal; but it may be prolonged almost indefinitely. And as the meaner animal bequeaths its vigour to its offspring, so man shall transmit his improved organisation, mental and physical, to his sons. Oh, yes, to such a consummation does our age approach!"

The venerable Malesherbes sighed. Perhaps he feared the consummation might not come in time for him. The handsome Marquis de — and the ladies, yet handsomer than he, looked conviction and delight.

But two men there were, seated next to each other, who joined not in the general talk: the one a stranger newly arrived in Paris, where his wealth, his person, and his accomplishments, had already made him remarked and courted; the other, an old man, somewhere about seventy,—the witty and virtuous, brave, and still light-hearted Cazotte, the author of "Le Diable Amoureux."

These two conversed familiarly, and apart from the rest, and only by an occasional smile testified their attention to the general conversation.

“Yes,” said the stranger,—“yes, we have met before.”

“I thought I could not forget your countenance; yet I task in vain my recollections of the past.”

“I will assist you. Recall the time when, led by curiosity, or perhaps the nobler desire of knowledge, you sought initiation into the mysterious order of Martines de Pasqualis.”

“Ah, is it possible! You are one of that theurgic brotherhood?”

“Nay, I attended their ceremonies but to see how vainly they sought to revive the ancient marvels of the cabala.”

“Such studies please you? I have shaken off the influence they once had on my own imagination.”

“You have not shaken it off,” returned the stranger, bravely; “it is on you still,—on you at this hour; it beats in your heart; it kindles in your reason; it will speak in your tongue!”

And then, with a yet lower voice, the stranger continued to address him, to remind him of certain ceremonies and doctrines,—to explain and enforce them by references to the actual experience and history of his listener, which Cazotte thrilled to find so familiar to a stranger.

Gradually the old man’s pleasing and benevolent countenance grew overcast, and he turned, from time to time, searching, curious, uneasy glances towards his companion.

The charming Duchesse de G— archly pointed out to the lively guests the abstracted air and clouded brow of the poet; and

Condorcet, who liked no one else to be remarked, when he himself was present, said to Cazotte, “Well, and what do YOU predict of the Revolution,—how, at least, will it affect us?”

At that question Cazotte started; his cheeks grew pale, large drops stood on his forehead; his lips writhed; his gay companions gazed on him in surprise.

Khi nghe câu hỏi đó, Cazotte giật mình; má trắng bệch, giọt mồ hôi lớn trên trán; môi run lên; những người bạn vui vẻ nhìn anh ta với sự ngạc nhiên.

“Speak!” whispered the stranger, laying his hand gently upon the arm of the old wit.

"Nói đi!" người lạ thì thầm, đặt bàn tay nhẹ nhàng lên cánh tay của người già thông thái.

At that word Cazotte’s face grew locked and rigid, his eyes dwelt vacantly on space, and in a low, hollow voice, he thus answered

Khi nghe từ đó, khuôn mặt của Cazotte trở nên cứng nhắc và cứng rắn, ánh mắt mênh mông trống trải, và bằng một giọng nói thấp và hốc hác, anh ta đã trả lời như sau

“You ask how it will affect yourselves,—you, its most learned, and its least selfish agents. I will answer: you, Marquis de Condorcet, will die in prison, but not by the hand of the executioner. In the peaceful happiness of that day, the philosopher will carry about with him not the elixir but the poison.”

"Bạn hỏi nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến chính bạn,—bạn, những người hiểu biết nhất, và những người ích kỷ nhất của nó. Tôi sẽ trả lời: bạn, Marquis de Condorcet, sẽ chết trong tù, nhưng không bởi tay thợ hành hình. Trong hạnh phúc yên bình của

ngày ấy, nhà triết học sẽ mang theo không phải là thần dược mà là độc tố."

“My poor Cazotte,” said Condorcet, with his gentle smile, “what have prisons, executioners, and poison to do with an age of liberty and brotherhood?”

"Cazotte của tôi ơi," Condorcet nói với nụ cười nhẹ nhàng, "nhà tù, thợ hành hình và độc tố liên quan gì đến một thời đại tự do và tình đồng đẳng?"

“It is in the names of Liberty and Brotherhood that the prisons will reek, and the headsman be glutted.”

"Là trong tên tuổi của Tự Do và Tình Đồng Đẳng mà nhà tù sẽ tanh hôi, và thợ hành hình sẽ no nê."

“You are thinking of priestcraft, not philosophy, Cazotte,” said Champfort.

"Bạn đang nghĩ về giáo lý, không phải triết học, Cazotte," Champfort nói.

“You will open your own veins to escape the fraternity of Cain. Be comforted; the last drops will not follow the razor. For you, venerable Malesherbes; for you, Aimar Nicolai; for you, learned Bailly,—I see them dress the scaffold! And all the while, O great philosophers, your murderers will have no word but philosophy on their lips!”

"Bạn sẽ mở tay mình để thoát khỏi tình huynh đệ của Cain. Hãy an tâm; những giọt cuối cùng sẽ không theo chiếc dao cạo. Đối với bạn, người cao tuổi Malesherbes; đối với bạn, Aimar Nicolai; đối với bạn, học giả Bailly,—tôi thấy họ sắm cho cái giá treo! Và suốt thời gian đó, ơ các nhà triết học vĩ đại, kẻ giết người của bạn sẽ chỉ nói về triết học trên đôi môi của họ!"

The hush was complete and universal when the pupil of Voltaire—the prince of the academic sceptics, hot La Harpe—cried with a sarcastic laugh, “Do not flatter me, O prophet, by exemption from the fate of my companions. Shall I have no part to play in this drama of your fantasies.”

Sự yên lặng hoàn toàn và phổ biến khi học trò của Voltaire—hoàng tử của những người nghi ngờ học thuật, nóng bỏng La Harpe—hét lên với một tiếng cười châm biếm, "Đừng nịnh tôi, ơ người tiên tri, bằng việc miễn trừ khỏi số phận của đồng bọn tôi. Liệu tôi có phần nào để đóng góp trong vở kịch ảo tưởng của bạn không."

At this question, Cazotte’s countenance lost its unnatural expression of awe and sternness; the sardonic humour most common to it came back and played in his brightening eyes.

Khi nghe câu hỏi này, khuôn mặt của Cazotte mất đi sự kinh sợ và nghiêm nghị không tự nhiên; sự hài hước mỉa mai phổ biến nhất của anh ta trở lại và đùa giỡn trong ánh mắt sáng lên của anh ta.

“Yes, La Harpe, the most wonderful part of all! YOU will become —a Christian!”

"Đúng vậy, La Harpe, phần tuyệt vời nhất trong số tất cả! BẠN sẽ trở thành—một người theo đạo Thiên Chúa!"

This was too much for the audience that a moment before seemed grave and thoughtful, and they burst into an immoderate fit of laughter, while Cazotte, as if exhausted by his predictions, sank back in his chair, and breathed hard and heavily.

Điều này quá nhiều đối với khán giả chỉ một phút trước dường như nghiêm túc và suy tư, và họ bùng nổ vào một cơn cười quá

mức, trong khi Cazotte, như kiểu mệt mỏi vì những dự đoán của mình, ngồi trở lại trên ghế, thở mạnh và sâu.

“Nay,” said Madame de G—, “you who have predicted such grave things concerning us, must prophesy something also about yourself.”

"Không," Madame de G— nói, "bạn đã dự đoán những điều nghiêm trọng như vậy về chúng tôi, phải tiên tri một cái gì đó cũng về bản thân bạn."

A convulsive tremor shook the involuntary prophet,—it passed, and left his countenance elevated by an expression of resignation and calm. “Madame,” said he, after a long pause, “during the siege of Jerusalem, we are told by its historian that a man, for seven successive days, went round the ramparts, exclaiming, ‘Woe to thee, Jerusalem,—woe to myself!’”

Một cơn run lẩy bẩy làm rung chuyển người tiên tri không tự nguyện,—nó qua đi, và để lại khuôn mặt của anh ta cao quý với biểu hiện sự từ bỏ và bình tĩnh. “Madame,” anh ta nói, sau một khoảng thời gian im lặng dài, “trong lúc bao vây Jerusalem, chúng ta được biết từ nhà sử học của nó rằng một người, trong bảy ngày liên tiếp, đi quanh thành, kêu gào, ‘Thảm họa cho ngươi, Jerusalem,—thảm họa cho chính tôi!’”

Well, Cazotte, well?”

Vâng, Cazotte, vâng?”

“And on the seventh day, while he thus spoke, a stone from the machines of the Romans dashed him into atoms!”

"Và vào ngày thứ bảy, trong khi anh ta nói như thế, một viên đá từ máy móc của người La Mã đã đập anh ta thành từng mảnh!”

With these words, Cazotte rose; and the guests, awed in spite of themselves, shortly afterwards broke up and retired.

Với những lời này, Cazotte đứng dậy; và các khách mời, ngay cả khi sợ hãi, không màng đến họ, sớm sau đó tan rã và rời đi.

Qui donc t'a donne la mission s'annoncer au peuple que la divinite n'existe pas? Quel avantage trouves-tu a persuader a l'homme qu'une force aveugle preside a ses destinees et frappe au hasard le crime et la vertu?—Robespierre, "Discours," Mai 7, 1794.

Ai đã ủy thác cho bạn nhiệm vụ thông báo cho nhân dân rằng không có Thượng Đế? Bạn tìm thấy lợi ích gì trong việc thuyết phục con người rằng chỉ có một lực lượng mù quáng đứng đầu định mệnh của họ và ngẫu nhiên đánh cắp tội ác và đức hạnh? —Robespierre, "Diễn văn," Tháng 5, 1794.

It was some time before midnight when the stranger returned home. His apartments were situated in one of those vast abodes which may be called an epitome of Paris itself,—the cellars rented by mechanics, scarcely removed a step from paupers, often by outcasts and fugitives from the law, often by some daring writer, who, after scattering amongst the people doctrines the most subversive of order, or the most libellous on the characters of priest, minister, and king, retired amongst the rats, to escape the persecution that attends the virtuous; the ground-floor occupied by shops; the entresol by artists; the principal stories by nobles; and the garrets by journeymen or grisettes.

Đã qua một thời gian trước nửa đêm khi người lạ trở về nhà. Căn hộ của anh ta nằm trong một trong những ngôi nhà to lớn mà có thể được gọi là một bản tóm tắt của Paris chính,—những tầng hầm được thuê bởi các thợ cơ khí, hầu như không khác xa một bước từ người nghèo, thường bởi những kẻ bị đày ải và chạy

trốn khỏi pháp luật, thường bởi một số nhà văn táo bạo, sau khi rải rác giữa nhân dân các tư tưởng phá hoại nhất của trật tự, hoặc những lời bôi nhọ nhất về nhân vật của linh mục, bộ trưởng và vua, rời bỏ giữa những con chuột, để trốn thoát khỏi sự áp bức đối với những người đạo đức; tầng trệt được thuê bởi cửa hàng; tầng lững thì bởi các nghệ sĩ; các tầng chính được người quý tộc sử dụng; và tầng trên cùng được thợ thủ công hoặc cô gái hồi hộp sử dụng.

As the stranger passed up the stairs, a young man of a form and countenance singularly unprepossessing emerged from a door in the entresol, and brushed beside him. His glance was furtive, sinister, savage, and yet timorous; the man's face was of an ashen paleness, and the features worked convulsively. The stranger paused, and observed him with thoughtful looks, as he hurried down the stairs. While he thus stood, he heard a groan from the room which the young man had just quitted; the latter had pulled to the door with hasty vehemence, but some fragment, probably of fuel, had prevented its closing, and it now stood slightly ajar; the stranger pushed it open and entered. He passed a small anteroom, meanly furnished, and stood in a bedchamber of meagre and sordid discomfort. Stretched on the bed, and writhing in pain, lay an old man; a single candle lit the room, and threw its feeble ray over the furrowed and death-like face of the sick person. No attendant was by; he seemed left alone, to breathe his last. "Water," he moaned feebly,—"water:—I parch,—I burn!" The intruder approached the bed, bent over him, and took his hand. "Oh, bless thee, Jean, bless thee!" said the sufferer; "hast thou brought back the physician already? Sir, I am poor, but I can pay you well. I would not die yet, for that young man's sake." And he sat upright in his bed, and fixed his dim eyes anxiously on his visitor.

Khi người lạ đi qua cầu thang, một người trẻ với hình dáng và khuôn mặt cực kỳ không thu hút nào bước ra từ cửa ở tầng lững và lao qua bên cạnh anh ta. Ánh mắt của anh ta lén lút, độc ác,

hung dữ, và tuy nhiên sợ hãi; khuôn mặt của người đàn ông đó tái nhợt, và các đặc điểm của anh ta làm việc một cách co giật. Người lạ dừng lại, và quan sát anh ta với ánh mắt suy tư, khi anh ta lao xuống cầu thang. Trong khi anh ta đứng đó, anh nghe thấy tiếng rên từ căn phòng mà người trẻ vừa rời đi; người kia đã đẩy cửa với sự mãnh liệt và vội vã, nhưng một mảnh vụn, có lẽ là từ củi, đã ngăn cản cửa đóng lại, và giờ đó cửa đứng mở một cách hơi hở; người lạ đẩy cửa mở và bước vào. Anh đi qua một phòng chờ nhỏ, được trang trí đơn giản, và đứng trong một phòng ngủ của sự khốn khổ và bẩn thỉ. Nằm trên giường, và bòn rúc trong cơn đau đớn, là một người già; một cây nến duy nhất soi sáng căn phòng, và chiếu tia ánh yếu của nó qua khuôn mặt nhăn nheo và giống như chết của người bệnh. Không có người giúp đỡ bên cạnh

The old man was fast sinking under the rapid effects of poison. The stranger repaired to his own apartments, and returned in a few moments with some preparation that had the instant result of an antidote. The pain ceased, the blue and livid colour receded from the lips; the old man fell into a profound sleep. The stranger drew the curtains round the bed, took up the light, and inspected the apartment. The walls of both rooms were hung with drawings of masterly excellence. A portfolio was filled with sketches of equal skill,—but these last were mostly subjects that appalled the eye and revolted the taste: they displayed the human figure in every variety of suffering,—the rack, the wheel, the gibbet; all that cruelty has invented to sharpen the pangs of death seemed yet more dreadful from the passionate gusto and earnest force of the designer. And some of the countenances of those thus delineated were sufficiently removed from the ideal to show that they were portraits; in a large, bold, irregular hand was written beneath these drawings, “The Future of the Aristocrats.” In a corner of the room, and close by an old bureau, was a small bundle, over which, as if to hide it, a cloak was thrown carelessly. Several shelves were filled with books; these were almost entirely the works of the

philosophers of the time,—the philosophers of the material school, especially the Encyclopedistes, whom Robespierre afterwards so singularly attacked when the coward deemed it unsafe to leave his reign without a God.

Người già đang nhanh chóng chìm dần dưới tác động nhanh chóng của chất độc. Người lạ rời khỏi phòng riêng của mình, và quay trở lại sau vài phút với một số chuẩn bị có kết quả ngay lập tức là một loại chống độc. Cơn đau dần dần tan biến, màu xanh tái và xanh da trời rút lại từ môi; người già rơi vào một giấc ngủ sâu. Người lạ kéo rèm quanh giường, lấy đèn, và kiểm tra căn phòng. Cả hai phòng đều treo tranh vẽ rất xuất sắc. Một cặp học tập đầy những bức vẽ tương đương về kỹ năng,—nhưng những bức vẽ cuối cùng này chủ yếu là các chủ đề khiến mắt kinh hãi và làm phẫn nộ vị giác: chúng thể hiện hình dáng con người trong mọi hình thức của đau khổ,—cái giá treo, cái bánh xe, cái điện treo cổ; tất cả những gì tàn ác đã sáng chế ra để làm sâu thêm nỗi đau của cái chết dường như càng đáng sợ hơn từ sự say mê mãnh liệt và sức mạnh nghiêm túc của người thiết kế. Và một số khuôn mặt của những người được mô tả như vậy đều đủ xa lạ với lý tưởng để cho thấy rằng chúng là bức tranh chân dung; dưới những bức vẽ này có viết bằng một bút lớn, mạnh mẽ, không đều, “Tương Lai của Các Quý Tộc.” Ở một góc phòng, gần một cái bàn cũ, có một gói nhỏ, mà trên đó, như muốn che giấu nó, một chiếc áo choàng được vứt lỏng lẻo. Một số giá sách đầy sách; chúng hầu như hoàn toàn là công trình của các nhà triết học của thời đại,—các nhà triết học của trường phái vật chất, đặc biệt là các Encyclopedistes, mà Robespierre sau này kỳ lạ đã tấn công khi kẻ hèn nhát coi đó là không an toàn để rời cuộc triều đình của mình mà không có một Đức Chúa Trời.

A volume lay on a table,—it was one of Voltaire, and the page was opened at his argumentative assertion of the existence of the Supreme Being. (“Histoire de Jenni.”) The margin was covered with pencilled notes, in the stiff but tremulous hand of old age; all in attempt to refute or to ridicule the logic of the

sage of Ferney: Voltaire did not go far enough for the annotator! The clock struck two, when the sound of steps was heard without. The stranger silently seated himself on the farther side of the bed, and its drapery screened him, as he sat, from the eyes of a man who now entered on tiptoe; it was the same person who had passed him on the stairs. The new-comer took up the candle and approached the bed. The old man's face was turned to the pillow; but he lay so still, and his breathing was so inaudible, that his sleep might well, by that hasty, shrinking, guilty glance, be mistaken for the repose of death. The new-comer drew back, and a grim smile passed over his face: he replaced the candle on the table, opened the bureau with a key which he took from his pocket, and loaded himself with several rouleaus of gold that he found in the drawers. At this time the old man began to wake. He stirred, he looked up; he turned his eyes towards the light now waning in its socket; he saw the robber at his work; he sat erect for an instant, as if transfixed, more even by astonishment than terror. At last he sprang from his bed. "Just Heaven! do I dream! Thou—thou—thou, for whom I toiled and starved!—THOU!" The robber started; the gold fell from his hand, and rolled on the floor. "What!" he said, "art thou not dead yet? Has the poison failed?" "Poison, boy! Ah!" shrieked the old man, and covered his face with his hands; then, with sudden energy, he exclaimed, "Jean! Jean! recall that word. Rob, plunder me if thou wilt, but do not say thou couldst murder one who only lived for thee! There, there, take the gold; I hoarded it but for thee. Go! go!" and the old man, who in his passion had quitted his bed, fell at the feet of the foiled assassin, and writhed on the ground,—the mental agony more intolerable than that of the body, which he had so lately undergone. The robber looked at him with a hard disdain. "What have I ever done to thee, wretch?" cried the old man,—"what but loved and cherished thee? Thou wert an orphan,—an outcast. I nurtured, nursed, adopted thee as my son. If men call me a miser, it was but that none might despise thee, my heir, because Nature has stunted and deformed thee, when I was no more. Thou wouldst

have had all when I was dead. Couldst thou not spare me a few months or days,—nothing to thy youth, all that is left to my age? What have I done to thee?" "Thou hast continued to live, and thou wouldst make no will." "Mon Dieu! Mon Dieu!" "TON DIEU! Thy God! Fool! Hast thou not told me, from my childhood, that there is NO God? Hast thou not fed me on philosophy? Hast thou not said, 'Be virtuous, be good, be just, for the sake of mankind: but there is no life after this life'? Mankind! why should I love mankind? Hideous and misshapen, mankind jeer at me as I pass the streets. What hast thou done to me? Thou hast taken away from me, who am the scoff of this world, the hopes of another! Is there no other life? Well, then, I want thy gold, that at least I may hasten to make the best of this!" "Monster! Curses light on thy ingratitude, thy—" "And who hears thy curses? Thou knowest there is no God! Mark me; I have prepared all to fly. See,—I have my passport; my horses wait without; relays are ordered. I have thy gold." (And the wretch, as he spoke, continued coldly to load his person with the rouleaus). "And now, if I spare thy life, how shall I be sure that thou wilt not inform against mine?" He advanced with a gloomy scowl and a menacing gesture as he spoke.

Một quyển sách nằm trên một cái bàn,—đó là một cuốn của Voltaire, và trang sách được mở ở lời khẳng định lý luận của ông về sự tồn tại của Chúa Tối Cao. ("Histoire de Jenni.") Mép sách được phủ đầy các ghi chú bằng bút chì, bằng bàn tay cứng nhắc nhưng run rẩy của tuổi già; tất cả đều là cố gắng bác bỏ hoặc chế nhạo lý luận của nhà toán học của Ferney: Voltaire không đi đến xa đối với người chú thích! Đồng hồ đánh hai giờ, khi âm thanh của những bước chân vang lên bên ngoài. Người lạ ngồi im lặng ở phía xa hơn của giường, và rèm giường che mắt anh ta, khi anh ta ngồi, khỏi ánh mắt của một người vừa bước vào nhẹ nhàng; đó là cùng một người đã đi qua anh ta trên cầu thang. Người mới nâng cây đèn và tiến lại gần giường. Khuôn mặt của người già hướng về gối; nhưng anh ta nằm yên thế, và hơi thở của anh ta thì rất yếu ớt, có thể dễ dàng bị nhầm lẫn với sự yên

nghỉ của cái chết bởi cái nhìn nhanh chóng, rụt rè, tội lỗi đó; người mới bước vào lùi lại, và một nụ cười khắc nghiệt trôi qua khuôn mặt của anh ta: anh ta đặt cây đèn trên bàn, mở tủ bằng một chiếc chìa khóa mà anh ta lấy từ túi áo, và tự tải nhiều cuộn vàng mà anh ta tìm thấy trong ngăn kéo. Lúc này người già bắt đầu tỉnh giấc. Anh ta vùng dậy, anh ta nhìn lên; anh ta quay mắt nhìn ánh sáng giờ đang dần tắt trong ổ đèn; anh ta nhìn thấy tên trộm đang làm việc; anh ta ngồi dậy một thoáng, như bị đâm chọc, thậm chí còn nhiều hơn là sự kinh hãi. Cuối cùng, anh ta nhảy dậy từ giường. “Thiên Chúa! Tôi mơ à! Ngươi—ngươi—ngươi, vì ai tôi lao động và đói khát!—NGƯƠI!” Tên trộm giật mình; vàng rơi khỏi tay anh ta, và lăn trên sàn nhà. “Gì!” anh ta nói, “ngươi chưa chết à? Chất độc đã thất bại à?” “Chất độc, thằng nhóc! À!” rên lên người già, và che mặt bằng hai tay; sau đó, với năng lượng đột ngột, anh ta kêu lên, “Jean! Jean! gọi lại từ đó. Ắc, cướp, cướp tôi nếu ngươi muốn, nhưng đừng nói ngươi có thể giết một người chỉ sống vì ngươi! Đây, đây, lấy vàng đi; tôi để dành nó chỉ vì ngươi. Đi đi! và người già, người trong cơn nộ của mình đã rời giường, ngã xuống chân của kẻ ám sát bị thất bại, và quằn quại trên mặt đất,—nỗi đau tinh thần không chịu nổi hơn cả nỗi đau của cơ thể, mà anh ta đã trải qua cách đây không lâu. Tên trộm nhìn anh ta với sự khinh thường khó chịu. “Tôi đã từng làm gì với ngươi, thằng nhóc?” hét người già, —“ngoài việc yêu thương và nuôi dưỡng ngươi? Ngươi từng là một trẻ mồ côi,—một kẻ bị đày đọa. Tôi đã nuôi, chăm sóc, nhận ngươi như con trai của tôi. Nếu mọi người gọi tôi là một kẻ keo kiệt, đó chỉ là để không ai coi thường ngươi, người thừa kế của tôi, vì Tự Nhiên đã làm chậm phát triển và biến dạng ngươi, khi tôi không còn nữa. Ngươi đã sẽ có tất cả khi tôi chết. Ngươi có thể không khoan dung tôi một vài tháng hoặc ngày,—chẳng là gì với tuổi trẻ của ngươi, tất cả những gì còn lại cho tuổi già của tôi? Tôi đã làm gì với ngươi?” “Ngươi vẫn tiếp tục sống, và ngươi sẽ không làm di chúc.” “Mon Dieu! Mon Dieu!” “MON DIEU! Đức Chúa của ngươi! Đần! Ngươi không phải đã nói với tôi, từ khi tôi còn nhỏ, rằng không có Chúa nào? Ngươi không phải đã nuôi tôi với triết học? Ngươi không phải đã nói, ‘Hãy trọng đạo, hãy tốt,

hãy công bằng, vì lợi ích của nhân loại: nhưng không có cuộc sống sau cuộc sống này'? Nhân loại! tại sao tôi phải yêu nhân loại? Xấu xí và xấu hổ, nhân loại chế nhạo tôi khi tôi đi qua các con đường. Ngươi đã làm gì với tôi? Ngươi đã lấy đi từ tôi, kẻ bị trêu chọc của thế giới này, những hy vọng của thế giới khác! Có phải không có cuộc sống khác? Được rồi, vậy thì tôi muốn vàng của ngươi, ít nhất là để tôi có thể nhanh chóng tận dụng tốt nhất cái này!" "Quái vật! Lời nguyền trần trụi lên sự bạc tội của ngươi, sự—" "Và ai nghe thấy lời nguyền của ngươi? Ngươi biết rằng không có Chúa nào! Nhớ lấy; tô

When he again saw the old man the next day, the stranger found him calm, and surprisingly recovered from the scene and sufferings of the night. He expressed his gratitude to his preserver with tearful fervour, and stated that he had already sent for a relation who would make arrangements for his future safety and mode of life. "For I have money yet left," said the old man; "and henceforth have no motive to be a miser." He proceeded then briefly to relate the origin and circumstances of his connection with his intended murderer.

Khi ông ta lại gặp ông già vào ngày hôm sau, người lạ thấy ông ta bình tĩnh, và đáng ngạc nhiên hồi phục từ cảnh tượng và đau khổ của đêm trước. Ông ta bày tỏ lòng biết ơn với người cứu rỗi mình bằng sự nhiệt tình đầy nước mắt, và cho biết rằng ông đã gửi cho một người thân sẽ sắp xếp cho sự an toàn và lối sống tương lai của mình. "Vì tôi vẫn còn tiền," ông già nói; "và từ nay không còn động cơ để trở thành một kẻ keo kiệt." Sau đó, ông ta tóm tắt ngắn gọn nguồn gốc và hoàn cảnh của mối liên kết với kẻ sát nhân dự định của mình.

It seems that in earlier life he had quarrelled with his relations, —from a difference in opinions of belief. Rejecting all religion as a fable, he yet cultivated feelings that inclined him—for though his intellect was weak, his dispositions were good—to that false and exaggerated sensibility which its dupes so often mistake for

benevolence. He had no children; he resolved to adopt an enfant du peuple. He resolved to educate this boy according to “reason.” He selected an orphan of the lowest extraction, whose defects of person and constitution only yet the more moved his pity, and finally engrossed his affection. In this outcast he not only loved a son, he loved a theory! He brought him up most philosophically. Helvetius had proved to him that education can do all; and before he was eight years old, the little Jean’s favourite expressions were, “La lumiere et la vertu.” (Light and virtue.) The boy showed talents, especially in art.

Có vẻ như trong cuộc sống trước đây, ông đã cãi cọ với người thân, - từ sự khác biệt trong quan điểm tín ngưỡng. Từ chối tất cả các tôn giáo như một truyện cổ tích, ông vẫn nuôi dưỡng những cảm xúc dẫn ông - vì mặc dù trí tuệ của ông yếu, tư duy của ông tốt - đến sự nhạy cảm sai lầm và quá đà mà những kẻ bị lừa thường nhầm lẫn với lòng từ bi. Ông không có con; ông quyết định nhận nuôi một enfant du peuple. Ông quyết định giáo dục cậu bé này theo "lý do". Ông chọn một đứa mồ côi từ tầng lớp thấp nhất, những khuyết điểm về hình dáng và cơ thể của đứa trẻ chỉ khiến ông càng thương hại và cuối cùng làm ông mê mẩn. Trong kẻ bị tất cả đẩy vào xã hội, ông không chỉ yêu một đứa con, ông yêu một lý thuyết! Ông dạy dỗ cậu bé một cách triết học nhất. Helvetius đã chứng minh cho ông rằng giáo dục có thể làm tất cả; và trước khi cậu bé 8 tuổi, những câu thành ngữ yêu thích của Jean nhỏ là, “La lumiere et la vertu.” (Ánh sáng và đức tính.) Đứa trẻ đã thể hiện tài năng, đặc biệt là trong nghệ thuật.

The protector sought for a master who was as free from “superstition” as himself, and selected the painter David. That person, as hideous as his pupil, and whose dispositions were as vicious as his professional abilities were undeniable, was certainly as free from “superstition” as the protector could desire. It was reserved for Robespierre hereafter to make the sanguinary painter believe in the Etre Supreme. The boy was

early sensible of his ugliness, which was almost preternatural. His benefactor found it in vain to reconcile him to the malice of Nature by his philosophical aphorisms; but when he pointed out to him that in this world money, like charity, covers a multitude of defects, the boy listened eagerly and was consoled. To save money for his protege,—for the only thing in the world he loved,—this became the patron's passion. Verily, he had met with his reward.

Người bảo vệ tìm kiếm một thầy giáo không có "mê tín" như ông, và chọn họa sĩ David. Người đó, xấu xí như học trò của mình, và tư cách của họ cũng xấu xa như khả năng chuyên môn không thể phủ nhận, chắc chắn là không mê tín như người bảo vệ mong muốn. Đã dành cho Robespierre sau này để khiến họa sĩ đẫm máu tin vào Etre Supreme. Đứa bé sớm nhận ra sự xấu xí của mình, gần như là siêu tự nhiên. Người bảo hộ của cậu bé thấy vô ích khi cố gắng làm cho cậu bé chấp nhận sự tà ác của Tự Nhiên bằng những câu châm ngôn triết học của mình; nhưng khi ông trỏ ra rằng ở thế giới này, tiền bạc, giống như lòng từ thiện, che đi một loạt khuyết điểm, cậu bé nghe một cách hăng hái và được an ủi. Tiết kiệm tiền cho học trò của mình, - vì duy nhất điều mà ông yêu thích trên thế giới, - điều này trở thành đam mê của người bảo hộ. Thật vậy, ông đã được thưởng phạt.

“But I am thankful he has escaped,” said the old man, wiping his eyes. “Had he left me a beggar, I could never have accused him.”

"Nhưng tôi biết ơn vì anh ta đã thoát khỏi," ông già nói, lau nước mắt. "Nếu để lại tôi một kẻ ăn xin, tôi sẽ không bao giờ có thể buộc tội anh ta."

“No, for you are the author of his crimes.”

"Không, vì anh là tác giả của tội ác của anh ta."

“How! I, who never ceased to inculcate the beauty of virtue? Explain yourself.”

"Làm sao! Tôi, người không ngừng thôi khuyến khích vẻ đẹp của đức hạnh? Làm ơn giải thích đi."

“Alas! if thy pupil did not make this clear to thee last night from his own lips, an angel might come from heaven to preach to thee in vain.”

"Ôi chao! Nếu học trò của ngài không làm điều này rõ ràng cho ngài đêm qua từ chính lời mình, một thiên thần có thể đến từ trời để thuyết giáo cho ngài mà vô ích."

The old man moved uneasily, and was about to reply, when the relative he had sent for—and who, a native of Nancy, happened to be at Paris at the time—entered the room. He was a man somewhat past thirty, and of a dry, saturnine, meagre countenance, restless eyes, and compressed lips. He listened, with many ejaculations of horror, to his relation’s recital, and sought earnestly, but in vain, to induce him to give information against his protege.

Ông già di chuyển không thoải mái, và sắp trả lời, khi người thân mà ông đã gửi cho - và người, một người bản địa của Nancy, tình cờ đang ở Paris vào lúc đó - bước vào phòng. Ông ta là một người hơi qua ba mươi, với khuôn mặt khô khan, u tối, gầy gò, đôi mắt luôn hồn nhiên, và môi nén. Ông ta lắng nghe, với nhiều tiếng thốt lên kinh hoàng, câu kể của người thân, và cố gắng một cách nghiêm túc, nhưng vô ích, thuyết phục ông ta đưa ra thông tin chống lại học trò của mình.

“Tush, tush, Rene Dumas!” said the old man, “you are a lawyer. You are bred to regard human life with contempt. Let any man break a law, and you shout, ‘Execute him!’”

"Ói, ói, Rene Dumas!" ông già nói, "anh là một luật sư. Anh đã được nuôi dạy để coi trọng cuộc sống con người với sự khinh bỉ. Hãy để bất kỳ ai vi phạm luật pháp, và anh la hét, 'Hành hình anh ta!'

“I!” cried Dumas, lifting up his hands and eyes: “venerable sage, how you misjudge me! I lament more than any one the severity of our code. I think the state never should take away life,—no, not even the life of a murderer. I agree with that young statesman,—Maximilien Robespierre,—that the executioner is the invention of the tyrant. My very attachment to our advancing revolution is, that it must sweep away this legal butchery.”

"Tôi!" Dumas hét lên, giơ tay và mắt lên: "trời ơi, ông thầy đáng kính, làm sao ông lại đánh giá sai tôi! Tôi than vãn hơn bất kỳ ai về sự nghiêm khắc của luật pháp của chúng ta. Tôi nghĩ rằng nhà nước không bao giờ nên cướp đi cuộc sống, - không, thậm chí cả cuộc sống của một kẻ giết người. Tôi đồng ý với nhà chính trị trẻ tuổi đó, - Maximilien Robespierre, - rằng người hành hình là sáng chế của bạo chúa. Sự gắn bó của tôi với cuộc cách mạng tiến bộ của chúng ta chính là, rằng nó phải xoá bỏ sự giết người theo luật này."

The lawyer paused, out of breath. The stranger regarded him fixedly and turned pale.

Luật sư dừng lại, hết hơi. Người lạ nhìn chăm chú vào anh ta và trở nên trắng bệch.

“You change countenance, sir,” said Dumas; “you do not agree with me.”

"Anh đã thay đổi biểu hiện, ông ơi," Dumas nói; "anh không đồng ý với tôi."

“Pardon me, I was at that moment repressing a vague fear which seemed prophetic.”

"Xin lỗi, tôi lúc đó đang kìm nén một lo lắng mơ hồ mà dường như là tiên tri."

“And that—”

"Và điều đó—"

“Was that we should meet again, when your opinions on Death and the philosophy of Revolutions might be different.”

"Là chúng ta sẽ gặp lại, khi quan điểm của anh về cái chết và triết học của Cách mạng có thể khác nhau."

“Never!”

"Không bao giờ!"

“You enchant me, Cousin Rene,” said the old man, who had listened to his relation with delight. “Ah, I see you have proper sentiments of justice and philanthropy. Why did I not seek to know you before? You admire the Revolution;—you, equally with me, detest the barbarity of kings and the fraud of priests?”

"Anh làm tôi say mê, Anh họ Rene," ông già nói, người đã lắng nghe người thân với niềm vui. "Ah, tôi thấy anh có quan điểm công bằng và nhân đạo đúng đắn. Tại sao trước đây tôi không tìm hiểu anh? Anh ngưỡng mộ Cách mạng; - anh, cũng như tôi, ghét sự tàn bạo của vua và sự lừa dối của linh mục?"

“Detest! How could I love mankind if I did not?”

"Ghét! Làm sao tôi có thể yêu thương nhân loại nếu tôi không?"

“And,” said the old man, hesitatingly, “you do not think, with this noble gentleman, that I erred in the precepts I instilled into

that wretched man?”

"Và," ông già nói, do dự, "anh không nghĩ, với người quý tộc này, rằng tôi đã sai trong những nguyên tắc tôi đút vào người đàn ông đó không?"

“Erred! Was Socrates to blame if Alcibiades was an adulterer and a traitor?”

"Sai! Có phải Socrates phải chịu trách nhiệm nếu Alcibiades là kẻ ngoại tình và phản bội?"

“You hear him, you hear him! But Socrates had also a Plato; henceforth you shall be a Plato to me. You hear him?” exclaimed the old man, turning to the stranger.

"Anh nghe anh ấy, anh nghe anh ấy! Nhưng Socrates cũng có một Plato; từ nay về sau anh sẽ là một Plato với tôi. Anh nghe anh ấy?" ông già thốt lên, quay sang người lạ.

But the latter

O Musician! art thou happy now? Thou art reinstalled at thy stately desk,—thy faithful barbiton has its share in the triumph. It is thy masterpiece which fills thy ear; it is thy daughter who fills the scene,—the music, the actress, so united, that applause to one is applause to both. They make way for thee, at the orchestra,—they no longer jeer and wink, when, with a fierce fondness, thou dost caress thy Familiar, that plains, and wails, and chides, and growls, under thy remorseless hand. They understand now how irregular is ever the symmetry of real genius. The inequalities in its surface make the moon luminous to man. Giovanni Paisiello, Maestro di Capella, if thy gentle soul could know envy, thou must sicken to see thy Elfrida and thy Pirro laid aside, and all Naples turned fanatic to the Siren, at whose measures shook querulously thy gentle head! But thou, Paisiello, calm in the long prosperity of fame, knowest that the

New will have its day, and comfortest thyself that the Elfrida and the Pirro will live forever. Perhaps a mistake, but it is by such mistakes that true genius conquers envy. “To be immortal,” says Schiller, “live in the whole.” To be superior to the hour, live in thy self-esteem. The audience now would give their ears for those variations and flights they were once wont to hiss. No!—Pisani has been two-thirds of a life at silent work on his masterpiece: there is nothing he can add to THAT, however he might have sought to improve on the masterpieces of others. Is not this common? The least little critic, in reviewing some work of art, will say, “pity this, and pity that;” “this should have been altered,—that omitted.” Yea, with his wiry fiddlestring will he creak out his accursed variations. But let him sit down and compose himself. He sees no improvement in variations THEN! Every man can control his fiddle when it is his own work with which its vagaries would play the devil.

Ô nhạc sĩ! bây giờ anh có hạnh phúc không? Anh đã được cài đặt lại tại bàn làm việc tráng lệ của mình, - cây đàn barbiton trung thành của anh đã có phần trong chiến thắng. Đó là kiệt tác của anh mà lấp đầy tai anh; đó là con gái của anh mà lấp đầy cảnh,—âm nhạc, nữ diễn viên, hợp nhất, mà sự hoan nghênh cho một người là sự hoan nghênh cho cả hai. Họ mở đường cho anh ở dàn nhạc,—họ không cười nhạo và nháy mắt nữa, khi, với sự yêu thương mãnh liệt, anh ôm ấp Familiar của mình, mà rên rỉ, và kêu la, và quở trách, và gầm gừ dưới bàn tay không thương tiếc của anh. Họ hiểu bây giờ là bất kỳ sự bất đều nào trên bề mặt của thiên tài thực sự làm cho mặt trăng sáng sủa với con người. Giovanni Paisiello, Maestro di Capella, nếu linh hồn nhẹ nhàng của anh có thể biết ghen tị, anh phải mệt mỏi khi nhìn thấy Elfrida và Pirro của anh bị bỏ lại, và toàn bộ Naples trở thành một kẻ mê tín với Siren, mà những bước nhảy của cô làm run rẩy nhẹ nhàng đầu của anh! Nhưng anh, Paisiello, bình tĩnh trong thời kỳ thịnh vượng lâu dài của danh tiếng, biết rằng Sự Mới sẽ có ngày của nó, và an ủi bản thân rằng Elfrida và Pirro sẽ sống mãi mãi. Có lẽ là một sự nhầm lẫn, nhưng chính bằng

những sai lầm như vậy, thiên tài thực sự đánh bại sự ghen tị. “Để bất tử,” Schiller nói, “sống trong toàn bộ.” Để vượt trội hơn thời gian, sống trong lòng tự trọng của mình. Khán giả bây giờ sẽ đưa tai của họ cho những biến thể và bay lượn mà họ đã từng thường la ó. Không!—Pisani đã dành hai phần ba cuộc đời để làm việc im lặng trên kiệt tác của mình: không có gì anh có thể thêm vào ĐÓ, dù anh có thể đã cố gắng cải thiện trên kiệt tác của người khác. Điều này không phải là điều phổ biến sao? Người phê bình nhỏ nhất, khi xem xét một số tác phẩm nghệ thuật, sẽ nói, “đáng tiếc điều này, và đáng tiếc điều kia;” “điều này nên được thay đổi,—điều kia nên bị loại bỏ.” Ưa, với sợi dây violin mảnh mai của mình, anh ta sẽ kêu ríu ra những biến thể đáng chết. Nhưng hãy để anh ta ngồi xuống và tự viết. Anh ta không thấy cải tiến nào trong những biến thể KHI ẤY! Mỗi người có thể kiểm soát cây đàn của mình khi đó là công việc của riêng mình mà sự bừa bãi của nó sẽ chơi trò quỷ.

And Viola is the idol, the theme of Naples. She is the spoiled sultana of the boards. To spoil her acting may be easy enough,—shall they spoil her nature? No, I think not. There, at home, she is still good and simple; and there, under the awning by the doorway,—there she still sits, divinely musing. How often, crook-trunked tree, she looks to thy green boughs; how often, like thee, in her dreams, and fancies, does she struggle for the light,—not the light of the stage-lamps. Pooh, child! be contented with the lamps, even with the rush-lights. A farthing candle is more convenient for household purposes than the stars.

Và Viola là tượng thần, chủ đề của Naples. Cô ấy là nữ hoàng bị ảnh hưởng của sân khấu. Làm hỏng diễn xuất của cô ấy có thể dễ dàng,—liệu họ có hỏng bản chất của cô ấy không? Không, tôi nghĩ không. Ở nhà, cô ấy vẫn tốt lành và đơn giản; và ở đó, dưới mái hiên bên cửa ra vào,—cô ấy vẫn ngồi, tư duy một cách thiêng liêng. Bao nhiêu lần, cây với cành xanh của các ngươi, cô ấy nhìn đến; bao nhiêu lần, giống như các ngươi, trong giấc mơ

và ảo tưởng của cô ấy, cô ấy đấu tranh cho ánh sáng,—không phải là ánh sáng của đèn sân khấu. Chớ, con ơi! Hãy hài lòng với các đèn, thậm chí với đèn dầu. Một cây nến rẻ tiền hơn cho mục đích gia đình hơn là những vì sao.

Weeks passed, and the stranger did not reappear; months had passed, and his prophecy of sorrow was not yet fulfilled. One evening Pisani was taken ill. His success had brought on the long-neglected composer pressing applications for concerti and sonata, adapted to his more peculiar science on the violin. He had been employed for some weeks, day and night, on a piece in which he hoped to excel himself. He took, as usual, one of those seemingly impracticable subjects which it was his pride to subject to the expressive powers of his art,—the terrible legend connected with the transformation of Philomel. The pantomime of sound opened with the gay merriment of a feast. The monarch of Thrace is at his banquet; a sudden discord brays through the joyous notes,—the string seems to screech with horror. The king learns the murder of his son by the hands of the avenging sisters. Swift rage the chords, through the passions of fear, of horror, of fury, and dismay. The father pursues the sisters. Hark! what changes the dread—the discord —into that long, silvery, mournful music? The transformation is completed; and Philomel, now the nightingale, pours from the myrtle-bough the full, liquid, subduing notes that are to tell evermore to the world the history of her woes and wrongs. Now, it was in the midst of this complicated and difficult attempt that the health of the over-tasked musician, excited alike by past triumph and new ambition, suddenly gave way. He was taken ill at night. The next morning the doctor pronounced that his disease was a malignant and infectious fever. His wife and Viola shared in their tender watch; but soon that task was left to the last alone. The Signora Pisani caught the infection, and in a few hours was even in a state more alarming than that of her husband. The Neapolitans, in common with the inhabitants of all warm climates, are apt to become selfish and

brutal in their dread of infectious disorders. Gionetta herself pretended to be ill, to avoid the sick-chamber. The whole labour of love and sorrow fell on Viola. It was a terrible trial,—I am willing to hurry over the details. The wife died first!

Tuần trôi qua, và người lạ không xuất hiện lại; tháng trôi qua, và lời tiên tri về nỗi buồn của anh vẫn chưa được thực hiện. Một buổi tối, Pisani bị ốm. Sự thành công của anh đã mang lại cho nhà soạn nhạc lâu ngày bị bỏ quên những đơn đặt hàng gấp rút cho các bản concerto và sonata, phù hợp với khoa học đặc biệt hơn của anh trên cây violin. Anh đã làm việc trong vài tuần, ngày đêm, trên một tác phẩm mà anh hy vọng sẽ vượt lên bản thân mình. Anh đã chọn, như thường lệ, một trong những chủ đề có vẻ như không thể thực hiện được mà anh tự hào khi phải đưa vào sức mạnh diễn cảm của nghệ thuật của mình,—câu chuyện kinh dị liên quan đến sự biến đổi của Philomel. Màn kịch âm thanh mở đầu bằng sự vui tươi hân hoan của một bữa tiệc. Vua Thrace đang ở bữa tiệc của mình; một âm thanh không đồng nhất đột ngột vang lên qua những nốt vui vẻ,—dây nhạc dường như kêu lên với kinh hoàng. Vua biết về cái chết của con trai mình do tay của những người chị trả thù. Những dây đàn nhanh chóng bùng lên trong những cảm xúc của sợ hãi, kinh hoàng, giận dữ và sợ hãi. Cha đuổi theo những người chị. Lắng nghe! điều gì biến đổi nỗi sợ hãi—sự không đồng nhất—thành âm nhạc dài, bạc màu, bi thương đó? Sự biến đổi đã hoàn thành; và Philomel, bây giờ là con sáo, trút từ cành cây mộc miên những nốt nhạc đầy đủ, lỏng lẻo, dẫn dắt mà sẽ kể mãi mãi cho thế giới nghe về lịch sử nỗi đau và sai lầm của cô. Bây giờ, đó là giữa quá trình phức tạp và khó khăn này mà sức khỏe của nhạc sĩ bị quá tải, kích thích bởi cả sự thành công trong quá khứ và lòng tham vọng mới, đột ngột gục ngã. Anh bị ốm vào buổi tối. Sáng hôm sau, bác sĩ tuyên bố rằng căn bệnh của anh là một cơn sốt ác tính và lây nhiễm. Vợ anh và Viola chia sẻ trong việc chăm sóc âu yếm của họ; nhưng sớm thì nhiệm vụ đó chỉ còn lại cho Viola một mình. Bà Pisani bắt bệnh, và chỉ trong vài giờ đã ở trong tình trạng đáng báo động hơn cả chồng bà. Người dân

Naples, giống như người dân ở tất cả các vùng khí hậu ấm, thường có xu hướng trở nên ích kỷ và tàn bạo trong nỗi sợ hãi của họ về các rối loạn lây nhiễm. Chính Gionetta cũng giả bệnh để tránh phòng bệnh. Toàn bộ công việc yêu thương và nỗi đau rơi vào vai Viola. Đó là một thử thách kinh khủng,—tôi sẵn lòng vội vã qua những chi tiết. Người vợ chết trước!

One day, a little before sunset, Pisani woke partially recovered from the delirium which had preyed upon him, with few intervals, since the second day of the disease; and casting about him his dizzy and feeble eyes, he recognised Viola, and smiled. He faltered her name as he rose and stretched his arms. She fell upon his breast, and strove to suppress her tears. “Thy mother?” he said. “Does she sleep?” “She sleeps,—ah, yes!” and the tears gushed forth. “I thought—eh! I know not WHAT I have thought. But do not weep: I shall be well now,—quite well. She will come to me when she wakes,—will she?” Viola could not speak; but she busied herself in pouring forth an anodyne, which she had been directed to give the sufferer as soon as the delirium should cease. The doctor had told her, too, to send for him the instant so important a change should occur. She went to the door and called to the woman who, during Gionetta’s pretended illness, had been induced to supply her place; but the hireling answered not. She flew through the chambers to search for her in vain,—the hireling had caught Gionetta’s fears, and vanished. What was to be done? The case was urgent,—the doctor had declared not a moment should be lost in obtaining his attendance; she must leave her father,—she must go herself! She crept back into the room,—the anodyne seemed already to have taken benign effect; the patient’s eyes were closed, and he breathed regularly, as in sleep. She stole away, threw her veil over her face, and hurried from the house.

Một ngày, một lúc trước khi mặt trời lặn, Pisani tỉnh dậy một phần hồi phục từ cơn hôn mê đã ảnh hưởng đến anh, với ít khoảng thời gian, kể từ ngày thứ hai của

Now the anodyne had not produced the effect which it appeared to have done; instead of healthful sleep, it had brought on a kind of light-headed somnolence, in which the mind, preternaturally restless, wandered about its accustomed haunts, waking up its old familiar instincts and inclinations. It was not sleep,—it was not delirium; it was the dream-wakefulness which opium sometimes induces, when every nerve grows tremulously alive, and creates a corresponding activity in the frame, to which it gives a false and hectic vigour. Pisani missed something,—what, he scarcely knew; it was a combination of the two wants most essential to his mental life, —the voice of his wife, the touch of his Familiar. He rose,—he left his bed, he leisurely put on his old dressing-robe, in which he had been wont to compose. He smiled complacently as the associations connected with the garment came over his memory; he walked tremulously across the room, and entered the small cabinet next to his chamber, in which his wife had been accustomed more often to watch than sleep, when illness separated her from his side. The room was desolate and void. He looked round wistfully, and muttered to himself, and then proceeded regularly, and with a noiseless step, through the chambers of the silent house, one by one.

Hiện tại, thuốc an thần đã không tạo ra hiệu ứng như vẻ ngoài của nó; thay vì giấc ngủ lành mạnh, nó đã mang lại một loại mê mải đầu nhẹ, trong đó tâm trí, không tự nhiên hồi phục, lang thang xung quanh những nơi quen thuộc, đánh thức lại những bản năng và khuynh hướng cũ. Đó không phải là giấc ngủ, không phải là mê muội; đó là sự tỉnh mộng mà thuốc phiện đôi khi gây ra, khi mỗi dây thần kinh trở nên run rẩy sống động, và tạo ra một hoạt động tương ứng trong cơ thể, mà nó tạo ra một sức mạnh giả dối và sống động. Pisani đã nhớ thiếu một điều gì đó, anh ta hầu như không biết; đó là sự kết hợp của hai nhu cầu quan trọng nhất đối với cuộc sống tinh thần của anh ta, giọng nói của vợ anh ta, cảm giác của Người Quen. Anh ta đứng dậy, anh ta rời giường, anh ta từ từ mặc chiếc áo choàng cũ của

mình, trong đó anh thường mặc khi sáng tác. Anh ta mỉm cười hài lòng khi những kết nối liên quan đến chiếc áo đến với ký ức của anh; anh ta đi run run qua phòng, và bước vào phòng nhỏ kế bên phòng ngủ của mình, nơi mà vợ anh thường xem hơn là ngủ, khi bệnh tật tách anh ta khỏi bên cạnh. Phòng trống trải và vô nghĩa. Anh ta nhìn xung quanh khao khát, và lẩm bẩm với chính mình, rồi tiếp tục một cách đều đặn, và với bước chân êm ái, qua các phòng của ngôi nhà yên lặng, từng cái một.

He came at last to that in which old Gionetta—faithful to her own safety, if nothing else—nursed herself, in the remotest corner of the house, from the danger of infection. As he glided in,—wan, emaciated, with an uneasy, anxious, searching look in his haggard eyes,—the old woman shrieked aloud, and fell at his feet. He bent over her, passed his thin hands along her averted face, shook his head, and said in a hollow voice,— “I cannot find them; where are they?” “Who, dear master? Oh, have compassion on yourself; they are not here. Blessed saints! this is terrible; he has touched me; I am dead!” “Dead! who is dead? Is any one dead?” “Ah! don’t talk so; you must know it well: my poor mistress,—she caught the fever from you; it is infectious enough to kill a whole city. San Gennaro protect me! My poor mistress, she is dead,—buried, too; and I, your faithful Gionetta, woe is me! Go, go—to—to bed again, dearest master,—go!” The poor musician stood for one moment mute and unmoving, then a slight shiver ran through his frame; he turned and glided back, silent and spectre-like, as he had entered. He came into the room where he had been accustomed to compose,—where his wife, in her sweet patience, had so often sat by his side, and praised and flattered when the world had but jeered and scorned. In one corner he found the laurel-wreath she had placed on his brows that happy night of fame and triumph; and near it, half hid by her mantilla, lay in its case the neglected instrument.

Cuối cùng anh đến phòng mà cô Gionetta già—trung thành với sự an toàn của chính mình, nếu không có gì khác—tự chăm sóc bản thân, ở góc xa nhất của ngôi nhà, tránh khỏi nguy cơ nhiễm trùng. Khi anh trượt vào,—mệt mỏi, gầy gò, với ánh nhìn lo lắng, lo sợ, tìm kiếm trong đôi mắt rã rời của mình,—bà cụ kêu lên toáng lên, và ngã xuống chân anh. Anh cúi xuống, đưa bàn tay gầy dựng dựng dọc theo khuôn mặt cô, lắc đầu và nói bằng giọng hốc hác,— "Tôi không thể tìm thấy họ; họ ở đâu?" "Ai ạ, thưa thầy? Ôi, xin thương xót cho chính bản thân mình; họ không ở đây. Các thánh thần thần thánh! Điều này quá khủng khiếp; hắn đã chạm vào tôi; tôi chết rồi!" "Chết! Ai đã chết? Có ai chết không?" "Ôi! Đừng nói thế; thầy chắc biết rõ: bà chủ tôi,—bà ấy bị sốt từ thầy; nó lây nhiễm đủ để giết cả một thành phố. San Gennaro che chở cho tôi! Bà chủ tôi, bà ấy chết rồi,—đã chôn rồi; và tôi, Gionetta trung thành của thầy, thay tôi! Đi, đi—đi ngủ lại, thầy thân yêu,—đi!" Người nhạc sĩ nghèo đứng im lặng một lúc, sau đó một cảm giác run nhẹ chạy qua cơ thể anh; anh quay lại và trượt đi, yên lặng và như bóng ma, giống như anh đã đi vào. Anh đến phòng mà anh thường sáng tác,—nơi mà vợ anh, trong sự kiên nhẫn ngọt ngào, thường ngồi bên cạnh anh, và khen ngợi và nịnh nọt khi thế giới chỉ biết chế nhạo và khinh bỉ. Ở một góc, anh tìm thấy vương miện cây dương liễu mà cô đã đặt lên trán anh trong đêm hạnh phúc đó của danh tiếng và chiến thắng; và gần đó, nửa che bởi chiếc khăn đắp của cô, nằm trong hộp là nhạc cụ bị bỏ quên.

Viola was not long gone: she had found the physician; she returned with him; and as they gained the threshold, they heard a strain of music from within,—a strain of piercing, heart-rending anguish. It was not like some senseless instrument, mechanical in its obedience to a human hand,—it was as some spirit calling, in wail and agony from the forlorn shades, to the angels it beheld afar beyond the Eternal Gulf. They exchanged glances of dismay. They hurried into the house; they hastened into the room. Pisani turned, and his look, full of ghastly intelligence and stern command, awed them

back. The black mantilla, the faded laurel-leaf, lay there before him. Viola's heart guessed all at a single glance; she sprung to his knees; she clasped them,—"Father, father, I am left thee still!" The wail ceased,—the note changed; with a confused association—half of the man, half of the artist—the anguish, still a melody, was connected with sweeter sounds and thoughts. The nightingale had escaped the pursuit,—soft, airy, bird-like, thrilled the delicious notes a moment, and then died away. The instrument fell to the floor, and its chords snapped. You heard that sound through the silence. The artist looked on his kneeling child, and then on the broken chords... "Bury me by her side," he said, in a very calm, low voice; "and THAT by mine." And with these words his whole frame became rigid, as if turned to stone. The last change passed over his face. He fell to the ground, sudden and heavy. The chords THERE, too,—the chords of the human instrument were snapped asunder. As he fell, his robe brushed the laurel-wreath, and that fell also, near but not in reach of the dead man's nerveless hand.

Viola không đi lâu: cô đã tìm thấy bác sĩ; cô trở về với anh ấy; và khi họ bước qua ngưỡng cửa, họ nghe thấy một giai điệu âm nhạc từ bên trong,—một giai điệu của nỗi đau thấu đáo, đau lòng. Đó không giống như một cây nhạc cụ vô tri, cứng nhắc trong việc vâng lời tay người,—đó như một linh hồn nào đó gọi, trong tiếng than và nỗi đau từ những bóng tối lạc lõng, tới những thiên thần mà nó nhìn thấy xa xôi qua Vực Sâu Vĩnh Hằng. Họ liếc nhau với ánh mắt kinh hoàng. Họ vội vàng vào nhà; họ lao vào phòng. Pisani quay lại, và ánh nhìn của anh, đầy thông minh ghê sợ và mệnh lệnh nghiêm khắc, khiến họ kinh sợ. Chiếc khăn mantilla đen, chiếc vương miện dương liễu phai màu, nằm trước mặt anh. Trái tim của Viola đoán ra tất cả chỉ trong một cái nhìn; cô nhảy đến đầu gối của anh; cô ôm chặt, —"Cha ơi, cha ơi, con vẫn còn ở lại với cha!" Tiếng thanh hết,—nốt nhạc thay đổi; với một sự kết hợp lẫn lộn—một nửa người, một nửa nghệ sĩ—nỗi đau, vẫn là một giai điệu, được kết nối với những âm thanh và suy tư ngọt ngào hơn. Con chim sơn ca đã

thoát khỏi sự truy đuổi,—mềm mại, nhẹ nhàng, giống như chim, làm cho những nốt nhạc ngọt ngào một lúc, rồi phai dần. Nhạc cụ rơi xuống sàn nhà, và dây đàn của nó bị gãy. Bạn nghe thấy âm thanh đó qua sự im lặng. Nghệ sĩ nhìn vào đứa con quỳ gối của mình, và sau đó nhìn vào những dây đàn gãy... “Hãy chôn tôi bên cạnh bà ấy,” anh nói, bằng giọng rất bình tĩnh, thấp thoáng; “và ĐÓ bên cạnh tôi.” Và với những lời này, toàn bộ cơ thể của anh trở nên cứng nhắc, như đã biến thành đá. Sự thay đổi cuối cùng trải qua khuôn mặt của anh. Anh ngã xuống đất, đột ngột và nặng nề. Dây đàn Ở ĐÓ, cũng vậy,—các dây đàn của nhạc cụ con người đã bị gãy vụn. Khi anh ngã, chiếc áo của anh quét qua vương miện dương liễu, và đó cũng rơi xuống, gần nhưng không đến tay vô tri của người chết.

CHAPTER 1.X.

CHƯƠNG 1.X.

Che difesa miglior ch' usbergo e scudo, E la santa innocenza al petto ignudo! "Ger. Lib.," c. viii. xli. (Better defence than shield or breastplate is holy innocence to the naked breast.) And they buried the musician and his barbiton together, in the same coffin. That famous Steiner—primeval Titan of the great Tyrolese race—often hast thou sought to scale the heavens, and therefore must thou, like the meaner children of men, descend to the dismal Hades! Harder fate for thee than thy mortal master. For THY soul sleeps with thee in the coffin. And the music that belongs to HIS, separate from the instrument, ascends on high, to be heard often by a daughter's pious ears when the heaven is serene and the earth sad. For there is a sense of hearing that the vulgar know not. And the voices of the dead breathe soft and frequent to those who can unite the memory with the faith.

And now Viola is alone in the world,—alone in the home where loneliness had seemed from the cradle a thing that was not of nature. And at first the solitude and the stillness were insupportable. Have you, ye mourners, to whom these sibyl leaves, weird with many a dark enigma, shall be borne, have you not felt that when the death of some best-loved one has made the hearth desolate,—have you not felt as if the gloom of the altered home was too heavy for thought to bear?—you would leave it, though a palace, even for a cabin. And yet,—sad to say, —when you obey the impulse, when you fly from the walls, when in the strange place in which you seek your refuge nothing speaks to you of the lost, have ye not felt again a yearning for that very food to memory which was just before but bitterness and gall? Is it not almost impious and profane to abandon that dear hearth to strangers? And the desertion of the

home where your parents dwelt, and blessed you, upbraids your conscience as if you had sold their tombs.

Beautiful was the Etruscan superstition that the ancestors become the household gods. Deaf is the heart to which the Lares call from the desolate floors in vain. At first Viola had, in her intolerable anguish, gratefully welcomed the refuge which the house and family of a kindly neighbour, much attached to her father, and who was one of the orchestra that Pisani shall perplex no more, had proffered to the orphan. But the company of the unfamiliar in our grief, the consolation of the stranger, how it irritates the wound! And then, to hear elsewhere the name of father, mother, child,—as if death came alone to you,—to see elsewhere the calm regularity of those lives united in love and order, keeping account of happy hours, the unbroken timepiece of home, as if nowhere else the wheels were arrested, the chain shattered, the hands motionless, the chime still! No, the grave itself does not remind us of our loss like the company of those who have no loss to mourn. Go back to thy solitude, young orphan,—go back to thy home: the sorrow that meets thee on the threshold can greet thee, even in its sadness, like the smile upon the face of the dead. And there, from thy casement, and there, from without thy door, thou seest still the tree, solitary as thyself, and springing from the clefts of the rock, but forcing its way to light,—as, through all sorrow, while the seasons yet can renew the verdure and bloom of youth, strives the instinct of the human heart! Only when the sap is dried up, only when age comes on, does the sun shine in vain for man and for the tree.

Weeks and months—months sad and many—again passed, and Naples will not longer suffer its idol to seclude itself from homage. The world ever plucks us back from ourselves with a thousand arms. And again Viola's voice is heard upon the stage, which, mystically faithful to life, is in nought more faithful than this, that it is the appearances that fill the scene; and we

pause not to ask of what realities they are the proxies. When the actor of Athens moved all hearts as he clasped the burial urn, and burst into broken sobs; how few, there, knew that it held the ashes of his son! Gold, as well as fame, was showered upon the young actress; but she still kept to her simple mode of life, to her lowly home, to the one servant whose faults, selfish as they were, Viola was too inexperienced to perceive. And it was Gionetta who had placed her when first born in her father's arms! She was surrounded by every snare, wooed by every solicitation that could beset her unguarded beauty and her dangerous calling. But her modest virtue passed unsullied through them all. It is true that she had been taught by lips now mute the maiden duties enjoined by honour and religion. And all love that spoke not of the altar only shocked and repelled her. But besides that, as grief and solitude ripened her heart, and made her tremble at times to think how deeply it could feel, her vague and early visions shaped themselves into an ideal of love. And till the ideal is found, how the shadow that it throws before it chills us to the actual! With that ideal, ever and ever, unconsciously, and with a certain awe and shrinking, came the shape and voice of the warning stranger. Nearly two years had passed since he had appeared at Naples. Nothing had been heard of him, save that his vessel had been directed, some months after his departure, to sail for Leghorn. By the gossips of Naples, his existence, supposed so extraordinary, was wellnigh forgotten; but the heart of Viola was more faithful. Often he glided through her dreams, and when the wind sighed through that fantastic tree, associated with his remembrance, she started with a tremor and a blush, as if she had heard him speak.

But amongst the train of her suitors was one to whom she listened more gently than to the rest; partly because, perhaps, he spoke in her mother's native tongue; partly because in his diffidence there was little to alarm and displease; partly because his rank, nearer to her own than that of lordlier wooers,

prevented his admiration from appearing insult; partly because he himself, eloquent and a dreamer, often uttered thoughts that were kindred to those buried deepest in her mind. She began to like, perhaps to love him, but as a sister loves; a sort of privileged familiarity sprung up between them. If in the Englishman's breast arose wild and unworthy hopes, he had not yet expressed them. Is there danger to thee here, lone Viola, or is the danger greater in thy unfound ideal?

And now, as the overture to some strange and wizard spectacle, closes this opening prelude. Wilt thou hear more? Come with thy faith prepared. I ask not the blinded eyes, but the awakened sense. As the enchanted Isle, remote from the homes of men,—"Ove alcun legno Rado, o non mai va dalle nostre sponde,"—"Ger.Lib.," cant. xiv. 69. (Where ship seldom or never comes from our coasts.)

is the space in the weary ocean of actual life to which the Muse or Sibyl (ancient in years, but ever young in aspect), offers thee no unhallowed sail,—

là không gian trong đại dương mệt mỏi của cuộc sống thực tế mà Muse hoặc Sibyl (cổ xưa trong nhiều năm, nhưng mãi mãi trẻ trung trong bề ngoại), không cung cấp cho bạn chiếc buồm không linh thiêng nào,—

"Quinci ella in cima a una montagna ascende Disabitata, e d' ombre oscura e bruna; E par incanto a lei nevose rende Le spalle e i fianchi; e sensa neve alcuna Gli lascia il capo verdeggiante e vago; E vi fonda un palagio appresso un lago." (There, she a mountain's lofty peak ascends, Unpeopled, shady, shagg'd with forests brown, Whose sides, by power of magic, half-way down She heaps with slippery ice and frost and snow, But sunshiny and verdant leaves the crown With orange-woods and myrtles, —speaks, and lo! Rich from the bordering lake a palace rises slow. Wiffin's "Translation.") BOOK II. — ART, LOVE, AND

WONDER. Diversi aspetti in un confusi e misti. “Ger. Lib,” cant. iv. 7. Different appearances, confused and mixt in one. CHAPTER 2.I. Centauri, e Sfingi, e pallide Gorgoni. “Ger. Lib.,” c. iv. v. (Centaurs and Sphinxes and pallid Gorgons.)

“Quinci cô ấy trèo lên đỉnh núi cao một cách vô dân, bóng đen, rậm rạp với rừng cây nâu; Với sức mạnh của phép thuật, hai bên đỉnh núi được phủ đầy băng trơn, sương và tuyết, Nhưng ánh nắng và màu xanh lá cây trên đỉnh núi với cây cam và cây vòi voi,—chỉ nói và đó! Từ bên hồ bên cạnh một cung điện nổi lên chậm rãi. Wiffin's "Dịch." SÁCH II. — NGHỆ THUẬT, TÌNH YÊU VÀ SỰ NGẠC NHIÊN. Diversi aspetti in un confusi e misti. “Ger. Lib,” cant. iv. 7. Sự xuất hiện khác nhau, lẫn lộn và kết hợp vào một.

One moonlit night, in the Gardens at Naples, some four or five gentleman were seated under a tree, drinking their sherbet, and listening, in the intervals of conversation, to the music which enlivened that gay and favourite resort of an indolent population. One of this little party was a young Englishman, who had been the life of the whole group, but who, for the last few moments, had sunk into a gloomy and abstracted reverie. One of his countrymen observed this sudden gloom, and, tapping him on the back, said, “What ails you, Glyndon? Are you ill? You have grown quite pale,—you tremble. Is it a sudden chill? You had better go home: these Italian nights are often dangerous to our English constitutions.” “No, I am well now; it was a passing shudder. I cannot account for it myself.” A man, apparently of about thirty years of age, and of a mien and countenance strikingly superior to those around him, turned abruptly, and looked steadfastly at Glyndon. “I think I understand what you mean,” said he; “and perhaps,” he added, with a grave smile, “I could explain it better than yourself.” Here, turning to the others, he added, “You must often have felt, gentlemen, each and all of you, especially when sitting alone at night, a strange and unaccountable sensation of coldness and

awe creep over you; your blood curdles, and the heart stands still; the limbs shiver; the hair bristles; you are afraid to look up, to turn your eyes to the darker corners of the room; you have a horrible fancy that something unearthly is at hand; presently the whole spell, if I may so call it, passes away, and you are ready to laugh at your own weakness. Have you not often felt what I have thus imperfectly described?—if so, you can understand what our young friend has just experienced, even amidst the delights of this magical scene, and amidst the balmy whispers of a July night." "Sir," replied Glyndon, evidently much surprised, "you have defined exactly the nature of that shudder which came over me. But how could my manner be so faithful an index to my impressions?" "I know the signs of the visitation," returned the stranger, gravely; "they are not to be mistaken by one of my experience." All the gentleman present then declared that they could comprehend, and had felt, what the stranger had described. "According to one of our national superstitions," said Mervale, the Englishman who had first addressed Glyndon, "the moment you so feel your blood creep, and your hair stand on end, some one is walking over the spot which shall be your grave." "There are in all lands different superstitions to account for so common an occurrence," replied the stranger: "one sect among the Arabians holds that at that instant God is deciding the hour either of your death, or of some one dear to you. The African savage, whose imagination is darkened by the hideous rites of his gloomy idolatry, believes that the Evil Spirit is pulling you towards him by the hair: so do the Grotesque and the Terrible mingle with each other." "It is evidently a mere physical accident,—a derangement of the stomach, a chill of the blood," said a young Neapolitan, with whom Glyndon had formed a slight acquaintance. "Then why is it always coupled in all nations with some superstitious presentiment or terror,—some connection between the material frame and the supposed world without us? For my part, I think—" "Ay, what do you think, sir?" asked Glyndon, curiously. "I think," continued the stranger, "that it is the

repugnance and horror with which our more human elements recoil from something, indeed, invisible, but antipathetic to our own nature; and from a knowledge of which we are happily secured by the imperfection of our senses." "You are a believer in spirits, then?" said Mervale, with an incredulous smile. "Nay, it was not precisely of spirits that I spoke; but there may be forms of matter as invisible and impalpable to us as the animalculae in the air we breathe,—in the water that plays in yonder basin. Such beings may have passions and powers like our own—as the animalculae to which I have compared them. The monster that lives and dies in a drop of water—carnivorous, insatiable, subsisting on the creatures minuter than himself—is not less deadly in his wrath, less ferocious in his nature, than the tiger of the desert. There may be things around us that would be dangerous and hostile to men, if Providence had not placed a wall between them and us, merely by different modifications of matter." "And think you that wall never can be removed?" asked young Glyndon, abruptly. "Are the traditions of sorcerer and wizard, universal and immemorial as they are, merely fables?" "Perhaps yes,—perhaps no," answered the stranger, indifferently. "But who, in an age in which the reason has chosen its proper bounds, would be mad enough to break the partition that divides him from the boa and the lion,—to repine at and rebel against the law which confines the shark to the great deep? Enough of these idle speculations." Here the stranger rose, summoned the attendant, paid for his sherbet, and, bowing slightly to the company, soon disappeared among the trees. "Who is that gentleman?" asked Glyndon, eagerly. The rest looked at each other, without replying, for some moments. "I never saw him before," said Mervale, at last. "Nor I." "Nor I." "I know him well," said the Neapolitan, who was, indeed, the Count Cetoxa. "If you remember, it was as my companion that he joined you. He visited Naples about two years ago, and has recently returned; he is very rich,—indeed, enormously so. A most agreeable person. I am sorry to hear him talk so strangely to-night; it serves to encourage the various

foolish reports that are circulated concerning him." "And surely," said another Neapolitan, "the circumstance that occurred but the other day, so well known to yourself, Cetoxa, justifies the reports you pretend to deprecate." "Myself and my countryman," said Glyndon, "mix so little in Neapolitan society, that we lose much that appears well worthy of lively interest. May I enquire what are the reports, and what is the circumstance you refer to?"

Một đêm trăng sáng, trong Vườn ở Naples, khoảng bốn hoặc năm người đàn ông ngồi dưới một cây, uống sherbet và lắng nghe, trong những khoảnh khắc của cuộc trò chuyện, âm nhạc làm sống lại điểm đến sôi động và yêu thích của một dân số lười biếng. Một trong nhóm nhỏ này là một thanh niên Anh, người đã là sự sống còn của cả nhóm, nhưng người đã suy sụp vào một trạng thái mơ mộng u ám và trừu tượng trong vài phút qua. Một người đồng hương của anh đã nhận thấy sự u ám đột ngột này, và, vỗ nhẹ vào lưng, nói, "Bạn bị sao vậy, Glyndon? Bạn có bị ốm không? Bạn đã trở nên hoàn toàn trắng bệch,—bạn run rẩy. Có phải là một cơn lạnh đột ngột không? Bạn nên về nhà: những đêm Ý thường nguy hiểm với cơ thể của chúng ta." "Không, tôi khoẻ rồi; đó chỉ là một cơn rùng mình thoáng qua. Tôi không thể giải thích được nó cho chính mình." Một người, dường như khoảng ba mươi tuổi, với một dáng vẻ và gương mặt đáng chú ý hơn rất nhiều so với những người xung quanh, quay đầu và nhìn chăm chú vào Glyndon. "Tôi nghĩ tôi hiểu ý bạn đang nói," ông ta nói; "và có lẽ," ông thêm, với một nụ cười nghiêm túc, "tôi có thể giải thích nó tốt hơn bạn." Ở đây, quay sang những người khác, ông ta thêm, "Các ông phải đã cảm thấy nhiều lần, quý ông, mỗi người trong số các ông, đặc biệt khi ngồi một mình vào ban đêm, một cảm giác lạ và không thể giải thích được của sự lạnh lẽo và khiếp sợ lan tràn qua bạn; máu đông lại, tim đứng im; chiếc chân run rẩy, tóc bị cọng; bạn sợ nhìn lên, quay ánh mắt của mình vào những góc tối của căn phòng; bạn có một ảo tưởng kinh hoàng rằng có điều gì đó vô cùng huyền bí đang ở gần; chẳng bao lâu sau, toàn bộ lời nguyền, nếu tôi có thể

gọi nó như vậy, tan biến đi và bạn sẵn sàng cười vào sự yếu đuối của chính mình. Các ông có từng cảm thấy những gì tôi đã mô tả không hoàn hảo như vậy không?—nếu có, các ông có thể hiểu được điều mà người bạn trẻ của chúng ta vừa trải qua, ngay giữa những niềm vui của cảnh kỳ diệu này, và giữa những lời thì thầm dịu dàng của một đêm tháng Bảy." "Thưa," Glyndon trả lời, rõ ràng là rất ngạc nhiên, "ông đã xác định chính xác bản chất của cơn rùng mình đó tràn qua tôi. Nhưng làm sao cử chỉ của tôi có thể là một chỉ số đáng tin cậy cho ấn tượng của tôi?" "Tôi hiểu dấu hiệu của cuộc thăm viếng," người lạ trả lời, nghiêm túc; "chúng không thể bị lẫn lộn bởi một người có kinh nghiệm như tôi." Tất cả các quý ông hiện diện sau đó khẳng định rằng họ có thể hiểu và đã cảm thấy những gì người lạ đã mô tả. "Theo một trong những nghi lễ quốc gia của chúng ta," Mervale, người Anh đã nói trước Glyndon, "khi bạn cảm thấy máu đông lại và tóc bị ngẩn đứng như vậy, có người đang bước qua chỗ mà sẽ là nơi an táng của bạn." "Trên toàn thế giới có nhiều nghi lễ khác nhau để giải thích cho một sự kiện phổ biến như vậy," người lạ trả lời: "một phái tôn giáo trong số người Ả Rập tin rằng vào lúc đó Thiên Chúa đang quyết định giờ chết của bạn, hoặc của ai đó quý giá với bạn. Người hoang dã châu Phi, tưởng tượng của họ bị làm tối đen bởi các nghi lễ kinh dị của tôn giáo tăm tối của họ, tin rằng Thần Ác đang kéo bạn về phía ông ta bằng tóc: vì vậy những điều Kỳ Dị và Khủng Khiếp nối với nhau." "Đó rõ ràng chỉ là một tai nạn vật lý,—một rối loạn dạ dày, một cơn lạnh của máu," một người đàn ông trẻ Naples, mà Glyndon đã tạo ra một mối quen biết nhỏ, nói. "Vậy tại sao luôn kết hợp ở tất cả các quốc gia với một điềm báo hoặc nỗi sợ hãi tà mị,—một mối liên kết giữa khung cơ thể vật chất và thế giới ảo tưởng ngoài kia? Về phần tôi, tôi nghĩ—" "Ừ, ông nghĩ gì, thưa ông?" Glyndon hỏi, tò mò. "Tôi nghĩ," người lạ tiếp tục, "rằng đó là sự chống đối và kinh hoàng mà các yếu tố con người của chúng ta lớn hơn từ chối khỏi một cái gì đó, thực sự, vô hình, nhưng đối lập với bản chất của chúng ta; và từ kiến thức mà chúng ta may mắn được bảo vệ bởi sự không hoàn hảo của giác quan của chúng ta." "Ông tin vào linh hồn à?" Mervale nói,

với một nụ cười hoài nghi. “Không, chính xác là linh hồn mà tôi nói; như

“As to the reports, gentlemen,” said Cetoxa, courteously, addressing himself to the two Englishmen, “it may suffice to observe, that they attribute to the Signor Zanoni certain qualities which everybody desires for himself, but damns any one else for possessing. The incident Signor Belgioso alludes to, illustrates these qualities, and is, I must own, somewhat startling. You probably play, gentlemen?” (Here Cetoxa paused; and as both Englishmen had occasionally staked a few scudi at the public gaming-tables, they bowed assent to the conjecture.) Cetoxa continued. “Well, then, not many days since, and on the very day that Zanoni returned to Naples, it so happened that I had been playing pretty high, and had lost considerably. I rose from the table, resolved no longer to tempt fortune, when I suddenly perceived Zanoni, whose acquaintance I had before made (and who, I may say, was under some slight obligation to me), standing by, a spectator. Ere I could express my gratification at this unexpected recognition, he laid his hand on my arm. ‘You have lost much,’ said he; ‘more than you can afford. For my part, I dislike play; yet I wish to have some interest in what is going on. Will you play this sum for me? the risk is mine,—the half profits yours.’ I was startled, as you may suppose, at such an address; but Zanoni had an air and tone with him it was impossible to resist; besides, I was burning to recover my losses, and should not have risen had I had any money left about me. I told him I would accept his offer, provided we shared the risk as well as profits. ‘As you will,’ said he, smiling; ‘we need have no scruple, for you will be sure to win.’ I sat down; Zanoni stood behind me; my luck rose,—I invariably won. In fact, I rose from the table a rich man.”

“Về những bản báo cáo, quý ông,” Cetoxa nói lịch sự, nói chuyện với hai người Anh, “có thể đủ để quan sát rằng họ gán cho ông Zanoni một số phẩm chất mà mọi người mong muốn cho bản

thân mình, nhưng chửi rủa bất kỳ ai khác sở hữu. Sự việc mà Signor Belgioso đề cập, minh họa những phẩm chất này, và phải công nhận rằng, nó hơi gây sốc. Các quý ông có chơi không?" (Ở đây, Cetoxa dừng lại; và vì cả hai người Anh đôi khi đã đặt cược một vài scudi tại bàn chơi công cộng, họ gật đầu đồng ý với ước đoán.) Cetoxa tiếp tục. "Vâng, không lâu trước đây, và vào ngay ngày mà Zanoni trở về Naples, tôi đã chơi khá cao, và đã mất nhiều. Tôi đứng dậy từ bàn, quyết định không còn thử số phận, khi tôi đột nhiên nhận ra Zanoni, người mà tôi đã quen biết trước đó (và tôi nói, đã có một chút ơn nghĩa với tôi), đứng bên cạnh, là một người quan sát. Trước khi tôi có thể diễn đạt sự hài lòng của mình với sự nhận ra bất ngờ này, anh ấy đặt tay lên cánh tay tôi. 'Anh đã mất nhiều,' anh ấy nói; 'nhiều hơn anh có thể chi trả. Về phần tôi, tôi không thích chơi; nhưng tôi muốn có một chút quan tâm vào những gì đang diễn ra. Anh sẽ chơi số tiền này cho tôi không? rủi ro là của tôi,—một nửa lợi nhuận thuộc về anh.' Tôi bị sốc, như bạn có thể tưởng; nhưng Zanoni có một vẻ ngoại hình và giọng điệu mà không thể chống đỡ; ngoài ra, tôi đang muốn khôi phục lại số tiền mất, và sẽ không đứng dậy nếu tôi còn tiền ở bất cứ đâu. Tôi nói với anh ấy rằng tôi sẽ chấp nhận đề nghị của anh, miễn là chúng ta chia sẻ cả rủi ro cũng như lợi nhuận. 'Như anh muốn,' anh ấy nói, mỉm cười; 'chúng ta không cần phải e ngại, vì anh chắc chắn sẽ thắng.' Tôi ngồi xuống; Zanoni đứng đằng sau tôi; may mắn của tôi tăng lên,—tôi luôn thắng. Thực ra, tôi đứng dậy từ bàn một người đàn ông giàu có."

"There can be no foul play at the public tables, especially when foul play would make against the bank?" This question was put by Glyndon. "Certainly not," replied the count. "But our good fortune was, indeed, marvellous,—so extraordinary that a Sicilian (the Sicilians are all ill-bred, bad-tempered fellows) grew angry and insolent. 'Sir,' said he, turning to my new friend, 'you have no business to stand so near to the table. I do not understand this; you have not acted fairly.' Zanoni replied, with great composure, that he had done nothing against the rules,—

that he was very sorry that one man could not win without another man losing; and that he could not act unfairly, even if disposed to do so. The Sicilian took the stranger's mildness for apprehension, and blustered more loudly. In fact, he rose from the table, and confronted Zanoni in a manner that, to say the least of it, was provoking to any gentleman who has some quickness of temper, or some skill with the small-sword."

"Không thể có trò gian lận tại các bàn công cộng, đặc biệt khi trò gian lận sẽ làm hại đến ngân hàng?" Câu hỏi này được Glyndon đặt ra. "Chắc chắn không," trả lời ngài. "Nhưng vận may của chúng tôi, thật sự, là kỳ diệu,—đến mức đáng ngạc nhiên khi một người Sicilian (người Sicilian đều là những người hỗn xược, tức giận) trở nên tức giận và hỗn xược. 'Thưa ông,' anh ta nói, quay sang bạn mơi của tôi, 'ông không có lý do để đứng gần bàn như vậy. Tôi không hiểu điều này; ông đã không hành động công bằng.' Zanoni trả lời, với sự bình tĩnh lạ lùng, rằng anh ấy không làm gì vi phạm quy tắc,—rằng anh ấy rất tiếc vì một người không thể thắng mà không làm cho một người khác thua; và anh ấy không thể hành động không công bằng, ngay cả khi muốn làm như vậy. Người Sicilian hiểu sự nhẫn nhịn của người lạ như là sự sợ hãi, và phô trương hơn to. Thực tế, anh ta đứng dậy từ bàn, và đối diện với Zanoni một cách mà, ít nhất phải nói, là khiêu khích với bất kỳ quý ông nào có một chút nhanh nhẹn hay một ít kỹ năng với kiếm nhỏ."

"And," interrupted Belgioso, "the most singular part of the whole to me was, that this Zanoni, who stood opposite to where I sat, and whose face I distinctly saw, made no remark, showed no resentment. He fixed his eyes steadfastly on the Sicilian; never shall I forget that look! it is impossible to describe it,—it froze the blood in my veins. The Sicilian staggered back as if struck. I saw him tremble; he sank on the bench. And then—"

"Và," ngắt lời Belgioso, "phần đáng chú ý nhất đối với tôi là, là Zanoni, người đứng đối diện với nơi tôi ngồi, và mặt anh ấy tôi

nhìn rõ, không nói một lời, không thể hiện sự phẫn nộ. Anh ấy nhìn chăm chú vào người Sicilian; tôi sẽ không bao giờ quên cái nhìn đó! không thể diễn tả được nó,—nó làm đông máu trong tôi. Người Sicilian lảo đảo như bị đánh. Tôi thấy anh ấy run lên; anh ta ngồi xuống ghế. Và sau đó—"

"Yes, then," said Cetoxa, "to my infinite surprise, our gentleman, thus disarmed by a look from Zanoni, turned his whole anger upon me, THE—but perhaps you do not know, gentlemen, that I have some repute with my weapon?"

"Vâng, sau đó," Cetoxa nói, "đến sự ngạc nhiên vô tận của tôi, người quý ông, như vậy bị vô vũ lực bởi một cái nhìn từ Zanoni, đổ toàn bộ sự tức giận của mình lên tôi, NHƯNG—nhưng có lẽ các quý ông không biết rằng tôi có một số danh tiếng với vũ khí của mình?"

"The best swordsman in Italy," said Belgioso. "Before I could guess why or wherefore," resumed Cetoxa, "I found myself in the garden behind the house, with Ughelli (that was the Sicilian's name) facing me, and five or six gentlemen, the witnesses of the duel about to take place, around. Zanoni beckoned me aside. 'This man will fall,' said he. 'When he is on the ground, go to him, and ask whether he will be buried by the side of his father in the church of San Gennaro?' 'Do you then know his family?' I asked with great surprise. Zanoni made me no answer, and the next moment I was engaged with the Sicilian. To do him justice, his imbrogliato was magnificent, and a swifter lounger never crossed a sword; nevertheless," added Cetoxa, with a pleasing modesty, "he was run through the body. I went up to him; he could scarcely speak. 'Have you any request to make,—any affairs to settle?' He shook his head. 'Where would you wish to be interred?' He pointed towards the Sicilian coast. 'What!' said I, in surprise, 'NOT by the side of your father, in the church of San Gennaro?' As I spoke, his face altered terribly; he uttered a piercing shriek,—the blood gushed from

his mouth, and he fell dead. The most strange part of the story is to come. We buried him in the church of San Gennaro. In doing so, we took up his father's coffin; the lid came off in moving it, and the skeleton was visible. In the hollow of the skull we found a very slender wire of sharp steel; this caused surprise and inquiry. The father, who was rich and a miser, had died suddenly, and been buried in haste, owing, it was said, to the heat of the weather. Suspicion once awakened, the examination became minute. The old man's servant was questioned, and at last confessed that the son had murdered the sire. The contrivance was ingenious: the wire was so slender that it pierced to the brain, and drew but one drop of blood, which the grey hairs concealed. The accomplice will be executed."

"Người chơi kiếm giỏi nhất Italy," Belgioso nói. "Trước khi tôi có thể đoán tại sao hoặc vì sao," Cetoxa tiếp tục, "tôi thấy mình ở trong vườn phía sau nhà, với Ughelli (đó là tên của người Sicilian) đối diện với tôi, và năm hoặc sáu quý ông, những người chứng kiến của trận đấu sắp diễn ra, xung quanh. Zanoni gọi tôi sang một bên. 'Người này sẽ ngã,' anh ấy nói. 'Khi anh ta ở trên đất, đi đến gần anh ta, và hỏi anh ta liệu anh ta có muốn được chôn cạnh cha mình trong nhà thờ San Gennaro không?' 'Vậy anh biết về gia đình anh ấy à?' Tôi hỏi với sự ngạc nhiên lớn. Zanoni không trả lời, và ngay sau đó tôi đã bắt đầu với người Sicilian. Để công bằng với anh ta, chiến thuật của anh ấy rất tuyệt vời, và chưa từng có một người vừa nhanh vừa lười chưa từng chạm kiếm; tuy nhiên," Cetoxa thêm, với sự khiêm tốn dễ chịu, "anh ta đã bị đâm xuyên qua cơ thể. Tôi đến gần anh ta; anh ta gần như không thể nói. 'Anh có yêu cầu gì không,—có việc gì phải giải quyet?' Anh ta lắc đầu. 'Anh muốn được chôn ở đâu?' Anh ta chỉ về bờ biển Sicilian. 'Cái gì!' tôi nói, ngạc nhiên, 'KHÔNG cạnh cha của anh, trong nhà thờ San Gennaro?' Khi tôi nói, khuôn mặt của anh thay đổi khủng khiếp; anh ta phát ra một tiếng kêu rất to,—máu trào ra từ miệng, và anh ta chết. Phần kỳ lạ nhất của câu chuyện sắp đến. Chúng tôi chôn anh ta

trong nhà thờ San Gennaro. Trong quá trình làm việc đó, chúng tôi mở quan tài của cha anh ta; nắp quan tài bị mở khi di ch

"My dear Glyndon, pardon me; but you have not yet acquired any knowledge of the world! The stranger makes the best of a fine person, and his grand air is but a trick of the trade. But to change the subject,—how advances the love affair?"

"Thưa Glyndon thân mến, xin lỗi; nhưng anh chưa học được gì về thế giới! Người lạ tận dụng tốt vẻ ngoại hình tuyệt vời của mình, và sự lịch lãm của anh ta chỉ là một mánh lới của nghề. Nhưng để thay đổi chủ đề,—câu chuyện tình yêu tiến triển ra sao?"

"Oh, Viola could not see me to-day."

"Oh, Viola không thể gặp tôi hôm nay."

"You must not marry her. What would they all say at home?"

"Anh không nên cưới cô ấy. Mọi người ở nhà sẽ nói gì?"

"Let us enjoy the present," said Glyndon, with vivacity; "we are young, rich, good-looking; let us not think of to-morrow."

"Hãy thưởng thức hiện tại," Glyndon nói với sự hăng hái; "chúng ta còn trẻ, giàu có, đẹp trai; hãy đừng nghĩ đến ngày mai."

"Bravo, Glyndon! Here we are at the hotel. Sleep sound, and don't dream of Signor Zanoni."

"Tuyệt vời, Glyndon! Đến khách sạn rồi. Ngủ ngon và đừng mơ về ông Zanoni."

CHAPTER 2.II.

CHƯƠNG 2.II.

Clarence Glyndon was a young man of fortune, not large, but easy and independent...

Clarence Glyndon là một người trẻ tuổi có tài sản, không lớn, nhưng dễ dàng và độc lập...

It was then the period when a feverish spirit of change was working its way...

Đó là thời kỳ khi tinh thần thay đổi nhiệt huyết đang mở đường cho mình...

In his travels he had listened with vivid interest, at least, if not with implicit belief...

Trong những chuyến đi của mình, anh đã lắng nghe với sự quan tâm sâu sắc, ít nhất là, nếu không phải là với niềm tin mù quáng...

There might be another cause for this disposition to credulity...

Có thể có một nguyên nhân khác cho sự thiện chí này...

I have said that Glyndon was fond of pleasure...

Tôi đã nói rằng Glyndon thích sự vui vẻ...

Like those who deceive, he was ever fearful of being himself the dupe. He distrusted the sweet innocence of Viola. He could not venture the hazard of seriously proposing marriage to an Italian actress; but the modest dignity of the girl, and something good and generous in his own nature, had hitherto made him shrink from any more worldly but less honourable designs. Thus the familiarity between them seemed rather that of kindness and regard than passion. He attended the theatre; he stole behind the scenes to converse with her; he filled his portfolio with countless sketches of a beauty that charmed him as an artist as

well as lover; and day after day he floated on through a changing sea of doubt and irresolution, of affection and distrust. The last, indeed, constantly sustained against his better reason by the sober admonitions of Mervale, a matter-of-fact man!

Như những người lừa dối, anh ta luôn sợ mình sẽ trở thành con mồi. Anh ta không tin tưởng vào sự trong sáng ngọt ngào của Viola. Anh không dám mạo hiểm để đề xuất kết hôn với một nữ diễn viên Italy; nhưng sự khiêm nhường của cô gái và điều gì đó tốt lành và hào phóng trong bản chất của anh ta đã khiến anh ta rút lui khỏi bất kỳ kế hoạch nào khác, mà ít danh dự hơn. Do đó, sự quen thuộc giữa họ dường như chỉ là của lòng tốt và sự quan tâm hơn là đam mê. Anh ta thường xuyên đến rạp hát; anh ta lén sau màn để trò chuyện với cô; anh ta lấp đầy cặp vẽ của mình bằng vô số bản vẽ về một vẻ đẹp mà khiến anh ta say mê như một nghệ sĩ cũng như người yêu; và ngày qua ngày anh ta trôi qua một biển đổi động của nghi ngờ và do dự, của tình cảm và sự không tin. Sự không tin, thực sự, liên tục được hỗ trợ bởi lý lẽ tốt hơn của Mervale, một người thực tế!

The day following that eve on which this section of my story opens, Glyndon was riding alone by the shores of the Neapolitan sea, on the other side of the Cavern of Posilipo. It was past noon; the sun had lost its early fervour, and a cool breeze sprung up voluptuously from the sparkling sea. Bending over a fragment of stone near the roadside, he perceived the form of a man; and when he approached, he recognised Zanoni.

Ngày sau đêm mà phần này của câu chuyện của tôi mở ra, Glyndon đang cưỡi ngựa một mình bên bờ biển Napoli, ở phía bên kia Hang Đá Posilipo. Đã qua giờ trưa; mặt trời đã mất đi sự nồng nhiệt ban đầu, và một cơn gió mát nhẹ nhàng nảy lên từ biển lấp lánh. Dựa qua một mảnh đá gần lề đường, anh nhận ra hình dáng của một người đàn ông; và khi anh tiến lại gần, anh nhận ra Zanoni.

The scene on which the actress now entered was that of the final catastrophe, wherein all her remarkable powers of voice and art were pre-eminently called forth. The house hung on every word with breathless worship; but the eyes of Viola sought only those of one calm and unmoved spectator; she exerted herself as if inspired. Zanoni listened, and observed her with an attentive gaze, but no approval escaped his lips; no emotion changed the expression of his cold and half-disdainful aspect. Viola, who was in the character of one who loved, but without return, never felt so acutely the part she played. Her tears were truthful; her passion that of nature: it was almost too terrible to behold. She was borne from the stage exhausted and insensible, amidst such a tempest of admiring rapture as Continental audiences alone can raise. The crowd stood up, handkerchiefs waved, garlands and flowers were thrown on the stage,—men wiped their eyes, and women sobbed aloud.

Cảnh tượng mà nữ diễn viên bước vào lúc này chính là của sự thảm họa cuối cùng, nơi mà tất cả sức mạnh đặc biệt của giọng nói và nghệ thuật của cô được gợi lên vượt trội. Cả nhà họng lên từng từ với sự tôn kính thở dài; nhưng ánh mắt của Viola chỉ tìm kiếm ánh mắt của một người quan sát viên bình tĩnh và bất động; cô cố gắng như được truyền cảm hứng. Zanoni lắng nghe, và quan sát cô với ánh nhìn chăm chú, nhưng không có sự chấp nhận nào thoát khỏi môi của anh; không có cảm xúc nào thay đổi biểu hiện của gương mặt lạnh lùng và một nửa khinh miệt của anh. Viola, người đóng vai một người yêu, nhưng không được đáp lại, chưa bao giờ cảm thấy đau đớn như vậy với vai diễn của mình. Nước mắt của cô là chân thực; đam mê của cô là của tự nhiên: nó gần như quá kinh khủng để nhìn thấy. Cô được đưa ra khỏi sân khấu kiệt sức và bất tỉnh, giữa một cơn bão của sự ngưỡng mộ hào hứng mà khán giả châu Âu mới có thể tạo ra. Đám đông đứng dậy, quấy tay, múa hoa và hoa được ném lên sân khấu,—đàn ông lau nước mắt, và phụ nữ khóc ầm ĩ.

“By heavens!” said a Neapolitan of great rank, “She has fired me beyond endurance. To-night—this very night—she shall be mine! You have arranged all, Mascari?” “All, signor. And the young Englishman?” “The presuming barbarian! As I before told thee, let him bleed for his folly. I will have no rival.” “But an Englishman! There is always a search after the bodies of the English.” “Fool! is not the sea deep enough, or the earth secret enough, to hide one dead man? Our ruffians are silent as the grave itself; and I!—who would dare to suspect, to arraign the Prince di —? See to it,—this night. I trust him to you. Robbers murder him, you understand,—the country swarms with them; plunder and strip him, the better to favour such report. Take three men; the rest shall be my escort.” Mascari shrugged his shoulders, and bowed submissively.

“Trời ơi!” nói một người Napoli có địa vị cao, “Cô ấy đã kích động tôi quá mức chịu đựng. Tối nay—ngay tối nay—cô ấy sẽ thuộc về tôi! Mọi thứ đã được sắp xếp, Mascari phải không?” “Tất cả, ngài. Và người Anh trẻ?” “Người man rợ! Như tôi đã nói trước đó với ngươi, hãy để anh ta chảy máu vì sự ngu ngốc của mình. Tôi sẽ không chịu đối thủ.” “Nhưng một người Anh! Luôn có sự tìm kiếm sau các xác của người Anh.” “Ngốc! Biển không đủ sâu, hoặc đất không đủ bí mật để che giấu một người chết? Bọn cướp của chúng tôi im lặng như chính cái mồ tự nhiên; và tôi!—ai sẽ dám nghi ngờ, buộc tội Hoàng tử di —? Xem xét đi,—đêm nay. Tôi tin tưởng anh ta vào ngươi. Cướp giết anh ta, ngươi hiểu chứ,—đất nước đầy rẫy chúng; cướp và lột trần anh ta, tốt hơn để ủng hộ báo cáo như vậy. Mang theo ba người; phần còn lại sẽ là đội tiên phong của tôi.” Mascari gật đầu và cúi đầu tuân lệnh.

The streets of Naples were not then so safe as now, and carriages were both less expensive and more necessary. The vehicle which was regularly engaged by the young actress was not to be found. Gionetta, too aware of the beauty of her mistress and the number of her admirers to contemplate without alarm the idea of their return on foot, communicated

her distress to Glyndon, and he besought Viola, who recovered but slowly, to accept his own carriage. Perhaps before that night she would not have rejected so slight a service. Now, for some reason or other, she refused. Glyndon, offended, was retiring sullenly, when Gionetta stopped him. “Stay, signor,” said she, coaxingly: “the dear signora is not well,—do not be angry with her; I will make her accept your offer.” Glyndon stayed, and after a few moments spent in expostulation on the part of Gionetta, and resistance on that of Viola, the offer was accepted. Gionetta and her charge entered the carriage, and Glyndon was left at the door of the theatre to return home on foot. The mysterious warning of Zanoni then suddenly occurred to him; he had forgotten it in the interest of his lover’s quarrel with Viola. He thought it now advisable to guard against danger foretold by lips so mysterious. He looked round for some one he knew: the theatre was disgorging its crowds; they hustled, and jostled, and pressed upon him; but he recognised no familiar countenance. While pausing irresolute, he heard Mervale’s voice calling on him, and, to his great relief, discovered his friend making his way through the throng.

Các con phố ở Napoli vào thời điểm đó không an toàn như hiện nay, và xe ngựa cả rẻ hơn và cần thiết hơn. Chiếc xe mà nữ diễn viên trẻ thường xuyên thuê không thể tìm thấy. Gionetta, quá nhận thức về vẻ đẹp của bà chủ và số lượng người hâm mộ để không thể mường tượng mà không lo lắng ý định của họ trở lại bằng đôi chân, đã truyền đau đớn của mình cho Glyndon, và anh ta đã bắt bà Viola, người hồi phục chậm chạp, chấp nhận chiếc xe của anh ta. Có lẽ trước đêm đó cô ấy sẽ không từ chối một dịch vụ nhẹ nhàng như vậy. Nhưng lần này, vì lý do nào đó, cô từ chối. Glyndon, bị tổn thương, đang rời khỏi một cách ủ rũ, khi Gionetta ngăn anh ta lại. “Ở lại, ngài,” nói cô, dụ dỗ: “bà signora dấu yêu không khỏe,—đừng giận bà ấy; tôi sẽ khiến bà ấy chấp nhận lời đề nghị của ngài.” Glyndon ở lại, và sau một vài phút dành cho sự tranh luận từ phía Gionetta, và sự phản đối từ phía Viola, lời đề nghị đã được chấp nhận. Gionetta và hành

khách của cô lên xe, và Glyndon đứng ở cửa nhà hát để về nhà bằng đôi chân. Cảnh báo bí ẩn của Zanoni bất ngờ xuất hiện trong tâm trí anh; anh đã quên nó trong sự quan tâm của cuộc cãi vã với Viola. Anh nghĩ giờ đây là thời điểm cần phải cảnh giác trước nguy hiểm được tiên tri bởi những lời nói bí ẩn như vậy. Anh nhìn xung quanh để tìm một người quen: nhà hát đang thải ra đám đông; họ xô đẩy, va chạm và đè nát anh; nhưng anh không nhận ra bất kỳ khuôn mặt nào quen thuộc. Trong khi đắn đo, anh nghe thấy giọng của Mervale gọi anh, và, với sự nhẹ nhõm lớn lao, phát hiện ra người bạn đang tìm cách qua đám đông.

The familiar and endearing intimacy which always exists in Italy between the nurse and the child she has reared, and which the “Romeo and Juliet” of Shakespeare in no way exaggerates, could not but be drawn yet closer than usual, in a situation so friendless as that of the orphan-actress. In all that concerned the weaknesses of the heart, Gionetta had large experience; and when, three nights before, Viola, on returning from the theatre, had wept bitterly, the nurse had succeeded in extracting from her a confession that she had seen one,—not seen for two weary and eventful years,—but never forgotten, and who, alas! had not evinced the slightest recognition of herself. Gionetta could not comprehend all the vague and innocent emotions that swelled this sorrow; but she resolved them all, with her plain, blunt understanding, to the one sentiment of love. And here, she was well fitted to sympathise and console. Confidante to Viola’s entire and deep heart she never could be,—for that heart never could have words for all its secrets. But such confidence as she could obtain, she was ready to repay by the most unreproving pity and the most ready service. “Have you discovered who he is?” asked Viola, as she was now alone in the carriage with Gionetta. “Yes; he is the celebrated Signor Zanoni, about whom all the great ladies have gone mad. They say he is so rich!—oh! so much richer than any of the Inglesi!—not but what the Signor Glyndon—” “Cease!” interrupted the young

actress. “Zanoni! Speak of the Englishman no more.” The carriage was now entering that more lonely and remote part of the city in which Viola’s house was situated, when it suddenly stopped. Gionetta, in alarm, thrust her head out of the window, and perceived, by the pale light of the moon, that the driver, torn from his seat, was already pinioned in the arms of two men; the next moment the door was opened violently, and a tall figure, masked and mantled, appeared. “Fear not, fairest Pisani,” said he, gently; “no ill shall befall you.” As he spoke, he wound his arm round the form of the fair actress, and endeavoured to lift her from the carriage. But Gionetta was no ordinary ally,—she thrust back the assailant with a force that astonished him, and followed the shock by a volley of the most energetic reprobation. The mask drew back, and composed his disordered mantle. “By the body of Bacchus!” said he, half laughing, “she is well protected. Here, Luigi, Giovanni! seize the hag!—quick!—why loiter ye?” The mask retired from the door, and another and yet taller form presented itself. “Be calm, Viola Pisani,” said he, in a low voice; “with me you are indeed safe!” He lifted his mask as he spoke, and showed the noble features of Zanoni.

Sự gần gũi quen thuộc và đáng yêu luôn tồn tại ở Ý giữa người dì và đứa trẻ mà bà đã nuôi dưỡng, và mà "Romeo và Juliet" của Shakespeare không hề phóng đại, không thể không được kéo gần hơn bình thường, trong tình huống không bạn bè như của nghệ sĩ mồ côi. Trong tất cả những điều liên quan đến những yếu tố yếu đuối của trái tim, Gionetta đã có kinh nghiệm rộng lớn; và khi, ba đêm trước đó, Viola, trên đường trở về từ nhà hát, đã khóc nức nở, người dì đã thành công trong việc trích ra từ cô ấy một lời thú nhận rằng cô ấy đã gặp một người,—không gặp trong hai năm mệt mỏi và nhiều biến cố,—nhưng chưa bao giờ quên, và ai, chao ôi! không thể thể hiện sự nhận biết nhỏ nhất về bản thân mình. Gionetta không thể hiểu hết tất cả những cảm xúc mơ hồ và ngây thơ mà làm phồng lên nỗi đau này; nhưng cô giải quyết tất cả chúng, với sự hiểu biết rõ ràng, thẳng thắn của mình, thành một tình cảm duy nhất là tình yêu. Và ở

đây, cô đã phù hợp tốt để cảm thông và an ủi. Là người bạn tâm tư của trái tim đầy đủ và sâu sắc của Viola cô không bao giờ có thể trở thành,—vì trái tim ấy không bao giờ có thể có lời cho tất cả bí mật của mình. Nhưng niềm tin như cô có thể đạt được, cô sẵn lòng trả lại bằng sự thương hại không trách móc nhất và dịch vụ sẵn sàng nhất. “Ngươi đã khám phá ra người ấy là ai chưa?” Viola hỏi, khi cô giờ đây đơn độc trong xe với Gionetta. “Rồi; anh ấy là ngài Zanoni nổi tiếng, về anh ấy tất cả những bà lớn đều điên cuồng. Họ nói anh ấy giàu!—ôi! giàu hơn nhiều so với bất kỳ

“Be calm, be hushed,—I can save you.” He vanished, leaving Viola lost in surprise, agitation, and delight. There were, in all, nine masks: two were engaged with the driver; one stood at the head of the carriage-horses; a fourth guarded the well-trained steeds of the party; three others (besides Zanoni and the one who had first accosted Viola) stood apart by a carriage drawn to the side of the road. To these three Zanoni motioned; they advanced; he pointed towards the first mask, who was in fact the Prince di —, and to his unspeakable astonishment the prince was suddenly seized from behind.

"Hãy bình tĩnh, im lặng,—Tôi có thể cứu bạn." Anh biến mất, để lại Viola bị mất bình tĩnh trong sự ngạc nhiên, xáo trộn và hạnh phúc. Tổng cộng có chín chiếc mặt nạ: hai chiếc đã tham gia với tài xế; một chiếc đứng ở đầu của các ngựa kéo xe; một chiếc bảo vệ những chú ngựa được huấn luyện tốt của đoàn; ba chiếc khác (ngoài Zanoni và người đã tiếp cận Viola lúc đầu) đứng riêng bên cạnh một chiếc xe kéo ra bên lề đường. Zanoni chỉ vào ba người đó; họ tiến lên; anh chỉ vào chiếc mặt nạ đầu tiên, người thực sự là Hoàng tử di —, và với sự kinh ngạc không thể diễn tả, hoàng tử bị bắt bất ngờ từ phía sau.

“Treason!” he cried. “Treason among my own men! What means this?”

"Phản bội!" hoàng tử hét lên. "Phản bội trong số quân của tôi! Điều gì đang xảy ra?"

“Place him in his carriage! If he resist, his blood be on his own head!” said Zanoni, calmly.

"Đưa anh ta vào xe của mình! Nếu anh ta chống đối, máu của anh ta sẽ trên đầu anh ta!" nói Zanoni, bình tĩnh.

He approached the men who had detained the coachman.

Anh tiếp cận những người đã giữ lại tài xế.

“You are outnumbered and outwitted,” said he; “join your lord; you are three men,—we six, armed to the teeth. Thank our mercy that we spare your lives. Go!”

"Anh bị số đông và bị đánh bại," anh nói; "hãy tham gia với chủ của anh; anh ba người,—chúng tôi sáu người, trang bị đầy đủ vũ khí. Cảm ơn lòng khoan dung của chúng tôi vì chúng tôi tha cho mạng sống của anh. Đi đi!"

The men gave way, dismayed. The driver remounted.

Những người đó nhường đường, chán chường. Tài xế lên lại xe.

“Cut the traces of their carriage and the bridles of their horses,” said Zanoni, as he entered the vehicle containing Viola, which now drove on rapidly, leaving the discomfited ravisher in a state of rage and stupor impossible to describe.

"Cắt dây xe của họ và dây cương của những chú ngựa của họ," Zanoni nói, khi anh bước vào xe chứa Viola, xe giờ đang chạy nhanh, để lại kẻ bắt cóc thất bại trong tâm trạng tức giận và mê sảng không thể diễn tả.

“Allow me to explain this mystery to you,” said Zanoni. “I discovered the plot against you,—no matter how; I frustrated it thus: The head of this design is a nobleman, who has long persecuted you in vain. He and two of his creatures watched you from the entrance of the theatre, having directed six others to await him on the spot where you were attacked; myself and five of my servants supplied their place, and were mistaken for his own followers. I had previously ridden alone to the spot where the men were waiting, and informed them that their master would not require their services that night. They believed me, and accordingly dispersed. I then joined my own band, whom I had left in the rear; you know all. We are at your door.”

"Hãy để tôi giải thích bí ẩn này cho bạn," Zanoni nói. "Tôi đã phát hiện ra âm mưu chống lại bạn,—bất kể như thế nào; tôi đã ngăn chặn nó như thế này: Người đứng đầu của kế hoạch này là một quý tộc, người đã lâu nay vẫn ám hại bạn vô ích. Anh ta và hai tay sai của anh ta đã theo dõi bạn từ lối vào của nhà hát, sau đó chỉ đạo sáu người khác đợi anh ta tại nơi bạn bị tấn công; chính anh và năm người hầu của mình đã thay thế vị trí của họ, và bị nhầm lẫn là những người theo đuổi của anh ta. Trước đó, tôi đã đi một mình đến nơi những người đợi đang ở, và thông báo cho họ rằng chủ của họ không cần dịch vụ của họ vào đêm đó. Họ tin tôi, và sau đó tan rã. Tôi sau đó đã tham gia với băng của mình, mà tôi đã để lại phía sau; bạn biết hết rồi. Chúng tôi ở trước cửa nhà bạn."

CHAPTER 2.III. When most I wink, then do mine eyes best see,
For all the day they view things unrespected; But when I sleep, in dreams they look on thee, And, darkly bright, are bright in dark directed. Shakespeare. Zanoni followed the young Neapolitan into her house; Gionetta vanished,—they were left alone. Alone, in that room so often filled, in the old happy days, with the wild melodies of Pisani; and now, as she saw this mysterious, haunting, yet beautiful and stately stranger, standing on the very spot where she had sat at her father's feet, thrilled and spellbound,—she almost thought, in her fantastic way of personifying her own airy notions, that that spiritual Music had taken shape and life, and stood before her glorious in the image it assumed. She was unconscious all the while of her own loveliness. She had thrown aside her hood and veil; her hair, somewhat disordered, fell over the ivory neck which the dress partially displayed; and as her dark eyes swam with grateful tears, and her cheek flushed with its late excitement, the god of light and music himself never, amidst his Arcadian valleys, wooed, in his mortal guise, maiden or nymph more fair.

CHƯƠNG 2.III. Khi tôi nhắm mắt, thì đôi mắt tôi nhìn rõ nhất,
Vì cả ngày họ nhìn những điều không được tôn trọng; Nhưng khi tôi ngủ, trong giấc mơ họ nhìn vào ngươi, Và, tối sáng, sáng trong bóng tối hướng về ngươi. Shakespeare. Zanoni theo theo cô gái Napoli trẻ vào nhà; Gionetta biến mất, —họ được để lại một mình. Một mình, trong căn phòng từng được lấp đầy nhiều lần, trong những ngày hạnh phúc xưa, với những giai điệu hoang dã của Pisani; và bây giờ, khi cô nhìn thấy người lạ bí ẩn, ám ảnh, nhưng đẹp và lịch lãm này, đứng ở chính nơi mà cô đã ngồi dưới chân cha, bị rùng mình và mê hoặc,—cô gần như nghĩ, theo cách phóng đại của mình về việc nhân cách hóa những ý tưởng mơ mộng của mình, rằng âm nhạc tinh thần ấy đã có hình dạng và sự sống, và đứng trước mắt cô rực rỡ trong hình ảnh nó đảm nhận. Cô không ý thức

được vẻ đẹp của mình. Cô đã vứt bỏ cái nón và cái mạt; mái tóc của cô, hơi loạn, rơi qua cổ ngào mà bộ váy một phần hở; và khi ánh mắt tối của cô bơi trong những giọt nước mắt biết ơn, và má cô ửng đỏ với niềm hào hứng gần đây, thì thần ánh sáng và âm nhạc chính mình chưa bao giờ, giữa các thung lũng Arcadia của mình, cầu hôn, trong hình dạng người bình thường, cô gái hoặc nữ thần nào đẹp hơn.

Zanoni gazed at her with a look in which admiration seemed not unmingled with compassion. He muttered a few words to himself, and then addressed her aloud. “Viola, I have saved you from a great peril; not from dishonour only, but perhaps from death. The Prince di —, under a weak despot and a venal administration, is a man above the law. He is capable of every crime; but amongst his passions he has such prudence as belongs to ambition; if you were not to reconcile yourself to your shame, you would never enter the world again to tell your tale. The ravisher has no heart for repentance, but he has a hand that can murder. I have saved you, Viola. Perhaps you would ask me wherefore?” Zanoni paused, and smiled mournfully, as he added, “You will not wrong me by the thought that he who has preserved is not less selfish than he who would have injured. Orphan, I do not speak to you in the language of your wooers; enough that I know pity, and am not ungrateful for affection. Why blush, why tremble at the word? I read your heart while I speak, and I see not one thought that should give you shame. I say not that you love me yet; happily, the fancy may be roused long before the heart is touched. But it has been my fate to fascinate your eye, to influence your imagination. It is to warn you against what could bring you but sorrow, as I warned you once to prepare for sorrow itself, that I am now your guest. The Englishman, Glyndon, loves thee well,—better, perhaps, than I can ever love; if not worthy of thee, yet, he has but to know thee more to deserve thee better. He may wed thee, he may bear thee to his own free and happy land,—the land of thy mother’s kin.

Forget me; teach thyself to return and deserve his love; and I tell thee that thou wilt be honoured and be happy.

Zanoni nhìn cô với ánh nhìn trong đó sự ngưỡng mộ dường như không thiếu sự thông cảm. Anh lẩm bẩm vài từ cho mình, và sau đó nói chuyện với cô lớn tiếng. "Viola, tôi đã cứu cô thoát khỏi một nguy hiểm lớn; không chỉ thoát khỏi sự nhục nhã, mà có lẽ còn thoát khỏi cái chết. Hoàng tử di —, dưới một kẻ độc tài yếu và một chính quyền tham nhũng, là một người trên pháp luật. Anh ta có thể phạm mọi tội ác; nhưng giữa những đam mê của mình, anh ta có sự thận trọng như là của lòng tham vọng; nếu cô không đồng ý với sự nhục nhã của mình, cô sẽ không bao giờ trở lại thế giới để kể chuyện của cô. Người bắt cóc không có trái tim để hối cải, nhưng anh ta có một bàn tay có thể giết người. Tôi đã cứu cô, Viola. Có lẽ cô sẽ hỏi tôi vì sao?" Zanoni dừng lại, và cười buồn, khi anh thêm vào, "Cô sẽ không làm tổn thương tôi bằng suy nghĩ rằng người đã cứu là không ích kỷ bằng người đã muốn hại. Mồ côi, tôi không nói chuyện với cô bằng ngôn ngữ của những người tán tỉnh cô; đủ với tôi biết lòng trắc ẩn, và không vô ơn với tình cảm. Tại sao đỏ mặt, tại sao run lên khi nghe từ đó? Tôi đọc trái tim của cô trong lúc tôi nói, và tôi không thấy một suy nghĩ nào có thể làm cô xấu hổ. Tôi không nói rằng cô đã yêu tôi, may mắn thay, sự tưởng tượng có thể bị kích thích lâu trước khi trái tim được chạm. Nhưng đã là số phận của tôi khiến ánh mắt của cô bị mê hoặc, ảnh hưởng đến trí tưởng tượng của cô. Đó là để cảnh báo cô trước những gì có thể mang đến cho cô chỉ là nỗi buồn, như tôi đã cảnh báo cô một lần để chuẩn bị cho nỗi buồn chính, mà tôi bây giờ là khách của cô. Người Anh, Glyndon, yêu cô nhiều,—tốt hơn, có lẽ, so với tôi có thể bao giờ yêu; nếu không xứng đáng với cô, nhưng anh ta chỉ cần biết cô hơn để xứng đáng với cô hơn. Anh ta có thể cưới cô, anh ta có thể đưa cô về đất nước tự do và hạnh phúc của mình,—đất nước của dòng dõi mẹ cô. Quên tôi; tự giáo dục mình để trở về và xứng đáng với tình yêu của anh ta; và tôi nói với cô rằng cô sẽ được tôn trọng và hạnh phúc."

Viola listened with silent, inexpressible emotion, and burning blushes, to this strange address, and when he had concluded, she covered her face with her hands, and wept. And yet, much as his words were calculated to humble or irritate, to produce indignation or excite shame, those were not the feelings with which her eyes streamed and her heart swelled. The woman at that moment was lost in the child; and AS a child, with all its exacting, craving, yet innocent desire to be loved, weeps in unrebuking sadness when its affection is thrown austerely back upon itself,—so, without anger and without shame, wept Viola.

Viola lắng nghe với cảm xúc im lặng, không thể diễn đạt, và những đợt ửng đỏ cháy bỏng, với bài phát biểu lạ này, và khi anh kết thúc, cô che mặt bằng hai bàn tay, và khóc. Và tuy nhiên, dù những lời của anh tính toán để khiến cô khiêm nhường hoặc khó chịu, tạo ra sự tức giận hoặc kích thích sự xấu hổ, những cảm xúc đó không phải là những cảm xúc mà ánh mắt của cô trào ra và trái tim cô sưng lên. Phụ nữ vào khoảnh khắc đó bị mất trong đứa trẻ; và NHƯ một đứa trẻ, với tất cả sự khắt khe, khao khát, nhưng mong muốn trong sáng được yêu thương, khóc trong nỗi buồn không bị trách mắng khi tình cảm của nó bị đẩy trở lại mạnh mẽ vào chính nó,—vậy, không có giận dữ và không có xấu hổ, Viola khóc.

Zanoni contemplated her thus, as her graceful head, shadowed by its redundant tresses, bent before him; and after a moment's pause he drew near to her, and said, in a voice of the most soothing sweetness, and with a half smile upon his lip,— "Do you remember, when I told you to struggle for the light, that I pointed for example to the resolute and earnest tree? I did not tell you, fair child, to take example by the moth, that would soar to the star, but falls scorched beside the lamp. Come, I will talk to thee. This Englishman—" Viola drew herself away, and wept yet more passionately. "This Englishman is of thine own years, not far above thine own rank. Thou mayst share his thoughts in life,—thou mayst sleep beside him in the same grave in death!

And I—but THAT view of the future should concern us not. Look into thy heart, and thou wilt see that till again my shadow crossed thy path, there had grown up for this thine equal a pure and calm affection that would have ripened into love. Hast thou never pictured to thyself a home in which thy partner was thy young wooer?"

Zanoni nhìn cô như vậy, khi đầu xinh đẹp của cô, bóng bẩy bởi những sợi tóc dư thừa, cúi trước mặt anh; và sau một khoảnh khắc ngưng lại, anh đến gần cô, và nói, với một giọng ngọt ngào nhất, và với một nửa nụ cười trên môi,— "Em có nhớ không, khi tôi nói với em rằng phải chiến đấu cho ánh sáng, rằng tôi đã chỉ cho ví dụ cây cứng rắn và nghiêm túc? Tôi không nói với em, đứa trẻ dễ thương, phải lấy con bướm làm ví dụ, mà con bướm sẽ bay đến sao, nhưng rơi cháy bên cạnh đèn. Đến đây, tôi sẽ nói chuyện với em. Người Anh này—" Viola tự rút mình ra, và khóc mãnh liệt hơn nữa. "Người Anh này cùng tuổi với em, không xa tầng lớp của em. Em có thể chia sẻ suy nghĩ với anh ta trong cuộc sống,—em có thể ngủ bên cạnh anh ta trong cùng một mộ khi chết! Và tôi—nhưng CÁI nhìn của tương lai đó không nên là vấn đề của chúng ta. Nhìn vào trái tim của mình, và em sẽ thấy rằng cho đến khi bóng của tôi lại bắt qua con đường của em, đã trưởng thành cho người bằng tuổi em một tình cảm trong sáng và bình tĩnh sẽ trở thành tình yêu. Em có bao giờ tưởng tượng về một ngôi nhà trong đó đối tác của em là người tán tỉnh trẻ tuổi của em không?"

“Never!” said Viola, with sudden energy,—“never but to feel that such was not the fate ordained me. And, oh!” she continued, rising suddenly, and, putting aside the tresses that veiled her face, she fixed her eyes upon the questioner,—“and, oh! whoever thou art that thus wouldst read my soul and shape my future, do not mistake the sentiment that, that—” she faltered an instant, and went on with downcast eyes,—“that has fascinated my thoughts to thee. Do not think that I could nourish a love

unsought and unreturned. It is not love that I feel for thee, stranger

“Do you know what you ask, Viola? Do you guess the danger to yourself—perhaps to both of us—which you court? Do you know that my life, separated from the turbulent herd of men, is one worship of the Beautiful, from which I seek to banish what the Beautiful inspires in most? As a calamity, I shun what to man seems the fairest fate,—the love of the daughters of earth. At present I can warn and save thee from many evils; if I saw more of thee, would the power still be mine? You understand me not. What I am about to add, it will be easier to comprehend. I bid thee banish from thy heart all thought of me, but as one whom the Future cries aloud to thee to avoid. Glyndon, if thou acceptest his homage, will love thee till the tomb closes upon both. I, too,” he added with emotion,—“I, too, might love thee!”

"Em có biết em đang hỏi gì không, Viola? Em đoán được nguy hiểm đối với chính mình—có lẽ cả hai chúng ta—mà em đang tìm kiếm không? Em có biết rằng cuộc sống của tôi, bị chia cắt khỏi bầy người hỗn loạn, là một sự thờ phượng cái Đẹp, mà tôi cố gắng loại bỏ đi những gì cái Đẹp gợi lên trong phần lớn mọi người? Như một tai họa, tôi tránh những gì dường như là số phận đẹp nhất đối với con người—tình yêu của những cô con gái trên trái đất. Hiện tại, tôi có thể cảnh báo và cứu em khỏi nhiều điều ác; nếu tôi gặp em nhiều hơn, liệu quyền lực sẽ còn nằm trong tay tôi không? Em không hiểu tôi. Những điều tôi sắp thêm vào, sẽ dễ hiểu hơn. Tôi yêu cầu em trừ bỏ khỏi trái tim mình mọi suy tư về tôi, ngoại trừ như một người mà Tương Lai la hét cho em tránh xa. Glyndon, nếu em chấp nhận sự tôn kính của anh ta, anh ta sẽ yêu em cho đến khi mộ đóng cửa trên cả hai. Tôi, cũng,” anh thêm với cảm xúc,—“tôi, cũng có thể yêu em!”

“You!” cried Viola, with the vehemence of a sudden impulse of delight, of rapture, which she could not suppress; but the

instant after, she would have given worlds to recall the exclamation.

“Anh!” Viola hét lên, với sự mãnh liệt của một cảm xúc vui mừng, sướng rạo rực, mà cô không thể kìm nén; nhưng ngay sau đó, cô ước gì có thể thu lại lời kêu gọi đó.

“Yes, Viola, I might love thee; but in that love what sorrow and what change! The flower gives perfume to the rock on whose heart it grows. A little while, and the flower is dead; but the rock still endures,—the snow at its breast, the sunshine on its summit. Pause,—think well. Danger besets thee yet. For some days thou shalt be safe from thy remorseless persecutor; but the hour soon comes when thy only security will be in flight. If the Englishman love thee worthily, thy honour will be dear to him as his own; if not, there are yet other lands where love will be truer, and virtue less in danger from fraud and force. Farewell; my own destiny I cannot foresee except through cloud and shadow. I know, at least, that we shall meet again; but learn ere then, sweet flower, that there are more genial resting-places than the rock.”

“Vâng, Viola, tôi có thể yêu em; nhưng trong tình yêu đó có sự đau khổ và sự thay đổi! Hoa mang hương thơm cho tảng đá mà nó mọc. Một thời gian ngắn, hoa sẽ chết; nhưng tảng đá vẫn tồn tại,—tuyết trên ngực, ánh nắng trên đỉnh. Dừng lại,—suy nghĩ kỹ. Nguy hiểm vẫn đang rình rập em. Một thời gian em sẽ an toàn khỏi kẻ ám sát không từ tâm đó; nhưng giờ phút sắp đến khi sự an toàn duy nhất của em sẽ là chạy trốn. Nếu người Anh yêu em đúng đắn, lòng tự trọng của em sẽ quý giá như của anh ta; nếu không, vẫn còn những vùng đất khác nơi tình yêu sẽ chân thật hơn, và đức hạnh ít gặp nguy hiểm từ sự lừa dối và sức mạnh. Tạm biệt; vận mệnh riêng của tôi, tôi không thể dự đoán ngoại trừ qua mây và bóng tối. Tôi biết, ít nhất, chúng ta sẽ gặp lại nhau; nhưng hãy học trước điều đó, hoa dễ thương, rằng có những nơi nghỉ ngơi ấm áp hơn tảng đá.”

He turned as he spoke, and gained the outer door where Gionetta discreetly stood. Zanoni lightly laid his hand on her arm. With the gay accent of a jesting cavalier, he said,— “The Signor Glyndon woos your mistress; he may wed her. I know your love for her. Disabuse her of any caprice for me. I am a bird ever on the wing.” He dropped a purse into Gionetta’s hand as he spoke, and was gone.

Anh quay lại khi anh nói, và đến cửa ngoài nơi Gionetta đứng một cách khôn ngoan. Zanoni nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay cô. Với giọng điệu vui vẻ của một hiệp sĩ đùa cợt, anh nói,— "Signor Glyndon tán tỉnh bà chủ của em; anh ấy có thể lấy bà. Tôi biết tình yêu của em dành cho bà. Đừng để bất cứ ý định lố lăng nào về tôi. Tôi là một con chim luôn trên cánh." Anh thả một cái bóp vào tay Gionetta khi anh nói, và biến mất.

The palace retained by Zanoni was in one of the less frequented quarters of the city. It still stands, now ruined and dismantled, a monument of the splendour of a chivalry long since vanished from Naples, with the lordly races of the Norman and the Spaniard.

Cung điện mà Zanoni giữ ở một trong những khu phố ít được ghé thăm của thành phố. Nó vẫn đứng đó, bây giờ đã phá hủy và tháo dỡ, một di tích của sự huy hoàng của một hiệp sĩ đã lâu đã biến mất khỏi Naples, với các dòng dõi quý tộc của người Norman và người Tây Ban Nha.

As he entered the rooms reserved for his private hours, two Indians, in the dress of their country, received him at the threshold with the grave salutations of the East. They had accompanied him from the far lands in which, according to rumour, he had for many years fixed his home. But they could communicate nothing to gratify curiosity or justify suspicion. They spoke no language but their own. With the exception of these two his princely retinue was composed of the native

hirelings of the city, whom his lavish but imperious generosity made the implicit creatures of his will. In his house, and in his habits, so far as they were seen, there was nothing to account for the rumours which were circulated abroad. He was not, as we are told of Albertus Magnus or the great Leonardo da Vinci, served by airy forms; and no brazen image, the invention of magic mechanism, communicated to him the influences of the stars. None of the apparatus of the alchemist—the crucible and the metals—gave solemnity to his chambers, or accounted for his wealth; nor did he even seem to interest himself in those serener studies which might be supposed to colour his peculiar conversation with abstract notions, and often with recondite learning. No books spoke to him in his solitude; and if ever he had drawn from them his knowledge, it seemed now that the only page he read was the wide one of Nature, and that a capacious and startling memory supplied the rest. Yet was there one exception to what in all else seemed customary and commonplace, and which, according to the authority we have prefixed to this chapter, might indicate the follower of the occult sciences. Whether at Rome or Naples, or, in fact, wherever his abode, he selected one room remote from the rest of the house, which was fastened by a lock scarcely larger than the seal of a ring, yet which sufficed to baffle the most cunning instruments of the locksmith: at least, one of his servants, prompted by irresistible curiosity, had made the attempt in vain; and though he had fancied it was tried in the most favourable time for secrecy,—not a soul near, in the dead of night, Zanoni himself absent from home,—yet his superstition, or his conscience, told him the reason why the next day the Major Domo quietly dismissed him. He compensated himself for this misfortune by spreading his own story, with a thousand amusing exaggerations. He declared that, as he approached the door, invisible hands seemed to pluck him away; and that when he touched the lock, he was struck, as by a palsy, to the ground. One surgeon, who heard the tale, observed, to the distaste of the wonder-mongers, that possibly Zanoni made a dexterous use of

electricity. Howbeit, this room, once so secured, was never entered save by Zanoni himself.

Khi anh bước vào các phòng dành cho những giờ riêng tư của mình, hai người Ấn Độ, trong trang phục của quốc gia họ, đón anh ở ngưỡng cửa với những lời chào chân thành của Đông. Họ đã đi cùng anh từ những vùng đất xa mà, theo lời đồn, anh đã ổn định nhà cửa trong nhiều năm. Nhưng họ không thể truyền đạt điều gì để làm hài lòng sự tò mò hoặc chứng minh nghi ngờ. Họ chỉ nói bằng ngôn ngữ của chính họ. Ngoại trừ hai người này, đoàn người hầu cung của anh gồm các người thuê địa phương của thành phố, mà sự hào phóng nhưng quyết đoán của anh đã biến họ thành những sinh vật mù quáng theo ý muốn của anh. Trong nhà và trong thói quen của anh, một cách mà mọi người thấy, không có gì để giải thích cho những tin đồn lan truyền. Anh không phải như chúng ta được biết về Albertus Magnus hay về vĩ đại Leonardo da Vinci, được phục vụ bởi những hình hài mơ hồ; và không có hình đồng đồng, phát minh của cơ chế phép thuật, truyền đạt đến anh ấy sức ảnh hưởng của các ngôi sao. Không có thiết bị nào của nhà luyện kim—cái chảo và các kim loại—làm trang trọng cho phòng của anh, hoặc giải thích cho sự giàu có của anh; hoặc anh thậm chí không quan tâm đến những nghiên cứu bình tĩnh hơn mà có thể được cho là tô màu cho cuộc trò chuyện riêng của anh với những khái niệm trừu tượng, và thường là với kiến thức khó hiểu. Không có cuốn sách nào nói chuyện với anh trong cô đơn của anh; và nếu bao giờ anh đã rút ra kiến thức từ chúng, dường như giờ đây trang duy nhất anh đọc là trang rộng của Tự Nhiên, và một trí nhớ rộng lớn và gây sốc cung cấp phần còn lại. Nhưng có một ngoại lệ với những điều khác dường như thông thường và phổ biến, và theo quyền lực mà chúng tôi đã đề cập ở đầu chương này, có thể chỉ ra người theo các khoa học huyền bí. Dù ở Rome hay Naples, hoặc thực tế ở bất cứ nơi nào anh ở, anh chọn một căn phòng xa xôi so với phần còn lại của nhà, được khóa bằng một khóa gần như không lớn hơn con dấu của một chiếc nhẫn, nhưng đủ để làm khó chịu cho những dụng cụ tinh vi nhất của thợ khóa: ít

nhất, một trong những người hầu của anh, bị thúc đẩy bởi sự tò mò không thể cưỡng lại, đã thử mà không thấy kết quả; và mặc dù anh đã tưởng tưởng nó được thử trong thời gian thuận lợi nhất cho sự bí mật,—không ai ở gần, giữa đêm tối, Zanoni mình không có ở nhà,—nhưng sự mê tín, hoặc lương tâm của anh, nói với anh lý do tại sao ngày hôm sau Major Domo đã yên lặng sa thải anh. Anh bù đắp cho mình với bi kịch này bằng cách lan truyền câu chuyện của mình, với nghìn sự phóng đại hài hước. Anh tuyên bố rằng, khi anh tiến đến cửa, những bàn tay vô hình dường như giật anh đi; và rằng khi anh chạm vào khóa, anh bị đánh, như bị liệt, ngã xuống đất. Một bác sĩ, nghe câu chuyện, quan sát, khiến cho những người thích kiện tức không hài lòng, rằng có thể Zanoni đã sử dụng điện một cách khéo léo. Dù sao, căn phòng này, một khi đã được bảo vệ như vậy, không bao giờ được vào ngoại trừ bởi Zanoni mình.

The solemn voice of Time, from the neighbouring church at last aroused the lord of the palace from the deep and motionless reverie, rather resembling a trance than thought, in which his mind was absorbed. “It is one more sand out of the mighty hour-g

As he thus murmured, one of the earliest birds that salute the dawn broke into sudden song from amidst the orange-trees in the garden below his casement; and as suddenly, song answered song; the mate, awakened at the note, gave back its happy answer to the bird. He listened; and not the soul he had questioned, but the heart replied. He rose, and with restless strides paced the narrow floor. “Away from this world!” he exclaimed at length, with an impatient tone. “Can no time loosen its fatal ties? As the attraction that holds the earth in space, is the attraction that fixes the soul to earth. Away from the dark grey planet! Break, ye fetters: arise, ye wings!”

He passed through the silent galleries, and up the lofty stairs, and entered the secret chamber....

CHAPTER 2.V. I and my fellows Are ministers of Fate. —"The Tempest."

The next day Glyndon bent his steps towards Zanoni's palace. The young man's imagination, naturally inflammable, was singularly excited by the little he had seen and heard of this strange being,—a spell, he could neither master nor account for, attracted him towards the stranger. Zanoni's power seemed mysterious and great, his motives kindly and benevolent, yet his manners chilling and repellent. Why at one moment reject Glyndon's acquaintance, at another save him from danger? How had Zanoni thus acquired the knowledge of enemies unknown to Glyndon himself? His interest was deeply roused, his gratitude appealed to; he resolved to make another effort to conciliate the ungracious herbalist.

The signor was at home, and Glyndon was admitted into a lofty saloon, where in a few moments Zanoni joined him. "I am come to thank you for your warning last night," said he, "and to entreat you to complete my obligation by informing me of the quarter to which I may look for enmity and peril." "You are a gallant," said Zanoni, with a smile, and in the English language, "and do you know so little of the South as not to be aware that gallants have always rivals?" "Are you serious?" said Glyndon, colouring. "Most serious. You love Viola Pisani; you have for rival one of the most powerful and relentless of the Neapolitan princes. Your danger is indeed great." "But pardon me!—how came it known to you?" "I give no account of myself to mortal man," replied Zanoni, haughtily; "and to me it matters nothing whether you regard or scorn my warning." "Well, if I may not question you, be it so; but at least advise me what to do." "Would you follow my advice?" "Why not?" "Because you are constitutionally brave; you are fond of excitement and mystery; you like to be the hero of a romance. Were I to advise you to leave Naples, would you do so while Naples contains a foe to confront or a mistress to pursue?"

“You are right,” said the young Englishman, with energy. “No! and you cannot reproach me for such a resolution.” “But there is another course left to you: do you love Viola Pisani truly and fervently?—if so, marry her, and take a bride to your native land.” “Nay,” answered Glyndon, embarrassed; “Viola is not of my rank. Her profession, too, is—in short, I am enslaved by her beauty, but I cannot wed her.”

Zanoni frowned. “Your love, then, is but selfish lust, and I advise you to your own happiness no more. Young man, Destiny is less inexorable than it appears. The resources of the great Ruler of the Universe are not so scanty and so stern as to deny to men the divine privilege of Free Will; all of us can carve out our own way, and God can make our very contradictions harmonise with His solemn ends. You have before you an option. Honourable and generous love may even now work out your happiness, and effect your escape; a frantic and selfish passion will but lead you to misery and doom.”

“Do you pretend, then, to read the future?” “I have said all that it pleases me to utter.” “While you assume the moralist to me, Signor Zanoni,” said Glyndon, with a smile, “are you yourself so indifferent to youth and beauty as to act the stoic to its allurements?”

“If it were necessary that practice square with precept,” said Zanoni, with a bitter smile, “our monitors would be but few. The conduct of the individual can affect but a small circle beyond himself; the permanent good or evil that he works to others lies rather in the sentiments he can diffuse. His acts are limited and momentary; his sentiments may pervade the universe, and inspire generations till the day of doom. All our virtues, all our laws, are drawn from books and maxims, which ARE sentiments, not from deeds. In conduct, Julian had the virtues of a Christian, and Constantine the vices of a Pagan. The sentiments of Julian reconverted thousands to Paganism; those

of Constantine helped, under Heaven's will, to bow to Christianity the nations of the earth. In conduct, the humblest fisherman on yonder sea, who believes in the miracles of San Gennaro, may be a better man than Luther; to the sentiments of Luther the mind of modern Europe is indebted for the noblest revolution it has known. Our opinions, young Englishman, are the angel part of us; our acts, the earthly."

"You have reflected deeply for an Italian," said Glyndon. "Who told you that I was an Italian?" "Are you not? And yet, when I hear you speak my own language as a native, I—" "Tush!" interrupted Zanoni, impatiently turning away. Then, after a pause, he resumed in a mild voice, "Glyndon, do you renounce Viola Pisani? Will you take some days to consider what I have said?"

"Renounce her,—never!" "Then you will marry her?" "Impossible!" "Be it so; she will then renounce you. I tell you that you have rivals." "Yes; the Prince di —; but I do not fear him." "You have another whom you will fear more." "And who is he?" "Myself."

Glyndon turned pale, and started from his seat. "You, Signor Zanoni!—you,—and you dare to tell me so?" "Dare! Alas! there are times when I wish that I could fear." These arrogant words were not uttered arrogantly, but in a tone of the most mournful dejection. Glyndon was enraged, confounded, and yet awed. However, he had a brave English heart within his breast, and he recovered himself quickly.

"Signor," said he, calmly, "I am not to be duped by these solemn phrases and these mystical assumptions. You may have powers which I cannot comprehend or emulate, or you may be but a keen imposter." "Well, proceed!" "I mean, then," continued Glyndon, resolutely, though somewhat disconcerted,—"I mean you to understand, that, though I am not to be persuaded or

compelled by a stranger to marry Viola Pisani, I am not the less determined never tamely to yield her to another."

Zanoni looked gravely at the young man, whose sparkling eyes and heightened colour testified the spirit to support his words, and replied, "So bold! well; it becomes you. But take my advice; wait yet nine days, and tell me then if you will marry the fairest and the purest creature that ever crossed your path." "But if you love her, why—why—"

"Why am I anxious that she should wed another?—to save her from myself! Listen to me. That girl, humble and uneducated though she be, has in her the seeds of the most lofty qualities and virtues. She can be all to the man she loves,—all that man can desire in wife. Her soul, developed by affection, will elevate your own; it will influence your fortunes, exalt your destiny; you will become a great and a prosperous man. If, on the contrary, she fall to me, I know not what may be her lot; but I know that there is an ordeal which few can pass, and which hitherto no woman has survived."

"Tại sao tôi lo lắng cô ấy nên kết hôn với người khác?—để cứu cô ấy khỏi chính mình! Hãy lắng nghe tôi. Cô gái đó, dù khiêm tốn và thiếu học vấn, vẫn chứa đựng trong mình những hạt giống của những phẩm chất và đức tính cao quý nhất. Cô ấy có thể là tất cả đối với người đàn ông cô ấy yêu,—tất cả những gì người đàn ông có thể mong muốn ở vợ. Tâm hồn của cô ấy, phát triển bởi tình yêu, sẽ nâng cao tâm hồn của bạn; nó sẽ ảnh hưởng đến vận mệnh của bạn, nâng cao số phận của bạn; bạn sẽ trở thành một người đàn ông vĩ đại và thịnh vượng. Ngược lại, nếu cô ấy thuộc về tôi, tôi không biết số phận của cô ấy sẽ ra sao; nhưng tôi biết rằng có một cuộc thử thách mà ít người có thể vượt qua, và mà cho đến nay chưa có phụ nữ nào sống sót."

As Zanoni spoke, his face became colourless, and there was something in his voice that froze the warm blood of the listener.

Khi Zanoni nói, khuôn mặt của ông trở nên màu tái, và có điều gì đó trong giọng điệu của ông đã làm đông đặc máu ấm trong người nghe.

“What is this mystery which surrounds you?” exclaimed Glyndon, unable to repress his emotion. “Are you, in truth, different from other men? Have you passed the boundary of lawful knowledge? Are you, as some declare, a sorcerer, or only a—”

“Điều bí ẩn nào bao quanh bạn thế?” Glyndon không thể kìm nén cảm xúc của mình. “Bạn, thực sự, khác biệt với những người khác chăng? Bạn đã vượt qua ranh giới của kiến thức hợp pháp chưa? Bạn, như một số người tuyên bố, là một phù thủy, hay chỉ là một—”

“Hush!” interrupted Zanoni, gently, and with a smile of singular but melancholy sweetness; “have you earned the right to ask me these questions? Though Italy still boast an Inquisition, its power is rivelled as a leaf which the first wind shall scatter. The days of torture and persecution are over; and a man may live as he pleases, and talk as it suits him, without fear of the stake and the rack. Since I can defy persecution, pardon me if I do not yield to curiosity.”

“Im lặng!” Zanoni gián tiếp ngăn chặn, nhẹ nhàng, và với một nụ cười độc đáo nhưng ngọt ngào u sầu; “bạn đã kiếm được quyền hỏi tôi những câu hỏi này chưa? Mặc dù Italia vẫn tự hào với một Tòa án Inquisition, quyền lực của nó đã yếu như một chiếc lá mà cơn gió đầu tiên sẽ phân tán. Những ngày của sự tra tấn và hành hình đã qua; và một người có thể sống theo ý thích, nói như ý mình, mà không sợ cột treo và giá đỡ. Kể từ khi tôi có thể thách thức sự truy cứu, xin lỗi nếu tôi không chịu sự tò mò.”

Glyndon blushed, and rose. In spite of his love for Viola, and his natural terror of such a rival, he felt himself irresistibly drawn

towards the very man he had most cause to suspect and dread. He held out his hand to Zanoni, saying, “Well, then, if we are to be rivals, our swords must settle our rights; till then I would fain be friends.”

Glyndon đỏ mặt, đứng dậy. Bất chấp tình yêu của mình dành cho Viola, và nỗi kinh hoàng tự nhiên trước một đối thủ như vậy, anh cảm thấy bản thân mình bị hấp dẫn không thể cưỡng lại đến người đàn ông mà anh có lý do nghi ngờ và sợ hãi nhất. Anh giơ tay ra cho Zanoni, nói, “Vậy, nếu chúng ta sẽ là đối thủ, thanh kiếm của chúng ta sẽ giải quyết quyền lợi của chúng ta; cho đến lúc đó, tôi mong muốn được là bạn.”

“Friends! You know not what you ask.”

“Bạn không biết bạn đang hỏi điều gì.”

“Enigmas again!”

“Ô mãi là những bí ẩn!”

“Enigmas!” cried Zanoni, passionately; “ay! can you dare to solve them? Not till then could I give you my right hand, and call you friend.”

“Bí ẩn!” Zanoni hét lên, nồng nhiệt; “đúng! bạn có dám giải quyết chúng không? Cho đến lúc đó tôi mới có thể đưa tay phải của mình cho bạn, và gọi bạn là bạn.”

“I could dare everything and all things for the attainment of superhuman wisdom,” said Glyndon, and his countenance was lighted up with wild and intense enthusiasm.

“Tôi có thể dám mọi thứ và tất cả vì sự đạt được của trí tuệ siêu phàm,” Glyndon nói, và gương mặt của anh được sáng lên bởi niềm hăng hái hoang dã và mãnh liệt.

Zanoni observed him in thoughtful silence.

Zanoni quan sát anh ta trong im lặng suy tư.

“The seeds of the ancestor live in the son,” he muttered; “he may —yet—” He broke off abruptly; then, speaking aloud, “Go, Glyndon,” said he; “we shall meet again, but I will not ask your answer till the hour presses for decision.”

“Những hạt giống của tổ tiên sống trong con cháu,” ông lầm bầm; “anh ta có thể—vẫn—” Ông cắt ngang đột ngột; sau đó, nói to, “Đi đi, Glyndon,” ông nói; “chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng tôi sẽ không hỏi câu trả lời của bạn cho đến khi giờ cần quyết định áp đặt.”

CHAPTER 2.VI. ‘Tis certain that this man has an estate of fifty thousand livres, and seems to be a person of very great accomplishments. But, then, if he’s a wizard, are wizards so devoutly given as this man seems to be? In short, I could make neither head nor tail on’t —The Count de Gabalis, Translation affixed to the second edition of the “Rape of the Lock.”

CHƯƠNG 2.VI. Điều chắc chắn rằng người đàn ông này có tài sản trị giá năm mươi ngàn livres, và dường như là một người có nhiều thành tựu lớn. Nhưng, nếu ông ta là một phù thủy, liệu phù thủy có được tận tâm như người đàn ông này dường như là không? Nói tóm lại, tôi không thể hiểu được điều này

Of all the weaknesses which little men rail against, there is none that they are more apt to ridicule than the tendency to believe. And of all the signs of a corrupt heart and a feeble head, the tendency of incredulity is the surest.

Trong tất cả những yếu điểm mà những người nhỏ bé chỉ trích, không có cái nào mà họ thích chế nhạo hơn là xu hướng tin

tưởng. Và trong tất cả những dấu hiệu của một trái tim hư hỏng và đầu óc yếu đuối, xu hướng nghi ngờ là chắc chắn nhất.

Real philosophy seeks rather to solve than to deny. While we hear, every day, the small pretenders to science talk of the absurdities of alchemy and the dream of the Philosopher's Stone, a more erudite knowledge is aware that by alchemists the greatest discoveries in science have been made, and much which still seems abstruse, had we the key to the mystic phraseology they were compelled to adopt, might open the way to yet more noble acquisitions. The Philosopher's Stone itself has seemed no visionary chimera to some of the soundest chemists that even the present century has produced. (Mr. Disraeli, in his "Curiosities of Literature" (article "Alchem"), after quoting the sanguine judgments of modern chemists as to the transmutation of metals, observes of one yet greater and more recent than those to which Glyndon's thoughts could have referred, "Sir Humphry Davy told me that he did not consider this undiscovered art as impossible; but should it ever be discovered, it would certainly be useless.") Man cannot contradict the Laws of Nature. But are all the laws of Nature yet discovered?

Triết học thực sự cố gắng giải quyết hơn là phủ nhận. Trong khi chúng ta nghe, mỗi ngày, những kẻ giả vờ nhỏ bé trong khoa học nói về những điều vô lý của luyện kim và giấc mơ về Hòn Đá Triết Học, một kiến thức uyên bác hơn biết rằng bởi những nhà luyện kim, những khám phá lớn nhất trong khoa học đã được thực hiện, và nhiều điều vẫn dường như khó hiểu, nếu chúng ta có chìa khóa cho ngôn ngữ bí ẩn mà họ buộc phải áp dụng, có thể mở ra cánh cửa cho những sở hữu cao quý hơn nữa. Chính Hòn Đá Triết Học đã không phải là một ảo tưởng chim ưng với một số nhà hóa học đáng tin cậy nhất mà thế kỷ này đã sản xuất. (Ông Disraeli, trong tác phẩm "Những Điều Kỳ Lạ của Văn Học" của ông (bài viết "Luyện Kim"), sau khi trích dẫn những đánh giá lạc quan của những nhà hóa học hiện đại về việc biến

đổi kim loại, nhận xét về một người vĩ đại và mới mẻ hơn so với những người mà suy nghĩ của Glyndon có thể đã ám chỉ, "Ông Humphry Davy nói với tôi rằng ông không coi nghệ thuật chưa được khám phá này là không thể; nhưng nếu nó bao giờ được khám phá, nó chắc chắn sẽ vô ích.") Con người không thể mâu thuẫn với Luật của Tự Nhiên. Nhưng tất cả các luật của Tự Nhiên đã được khám phá chưa?

"Give me a proof of your art," says the rational inquirer. "When I have seen the effect, I will endeavour, with you, to ascertain the causes." Somewhat to the above effect were the first thoughts of Clarence Glyndon on quitting Zanoni. But Clarence Glyndon was no "rational inquirer." The more vague and mysterious the language of Zanoni, the more it imposed upon him. A proof would have been something tangible, with which he would have sought to grapple. And it would have only disappointed his curiosity to find the supernatural reduced to Nature. He endeavoured in vain, at some moments rousing himself from credulity to the scepticism he deprecated, to reconcile what he had heard with the probable motives and designs of an imposter. Unlike Mesmer and Cagliostro, Zanoni, whatever his pretensions, did not make them a source of profit; nor was Glyndon's position or rank in life sufficient to render any influence obtained over his mind, subservient to schemes, whether of avarice or ambition. Yet, ever and anon, with the suspicion of worldly knowledge, he strove to persuade himself that Zanoni had at least some sinister object in inducing him to what his English pride and manner of thought considered a derogatory marriage with the poor actress. Might not Viola and the Mystic be in league with each other? Might not all this jargon of prophecy and menace be but artifices to dupe him?

"Hãy cho tôi một bằng chứng về nghệ thuật của bạn," người hỏi hợp lý nói. "Khi tôi đã thấy hiệu quả, tôi sẽ cố gắng, với bạn, xác định nguyên nhân." Một phần có hiệu lực như trên là những suy

nghĩ đầu tiên của Clarence Glyndon khi rời khỏi Zanoni. Nhưng Clarence Glyndon không phải là một "người hỏi hợp lý." Càng m

He had noticed, as a thing remarkable, that Zanoni had conversed with him in English, and with a command of the language so complete that he might have passed for a native. On the other hand, in Italian, Zanoni was equally at ease. Glyndon found that it was the same in languages less usually learned by foreigners. A painter from Sweden, who had conversed with him, was positive that he was a Swede; and a merchant from Constantinople, who had sold some of his goods to Zanoni, professed his conviction that none but a Turk, or at least a native of the East, could have so thoroughly mastered the soft Oriental intonations. Yet in all these languages, when they came to compare their several recollections, there was a slight, scarce perceptible distinction, not in pronunciation, nor even accent, but in the key and chime, as it were, of the voice, between himself and a native. This faculty was one which Glyndon called to mind, that sect, whose tenets and powers have never been more than most partially explored, the Rosicrucians, especially arrogated. He remembered to have heard in Germany of the work of John Bringeret (Printed in 1615.), asserting that all the languages of the earth were known to the genuine Brotherhood of the Rosy Cross. Did Zanoni belong to this mystical Fraternity, who, in an earlier age, boasted of secrets of which the Philosopher's Stone was but the least; who considered themselves the heirs of all that the Chaldeans, the Magi, the Gymnosophists, and the Platonists had taught; and who differed from all the darker Sons of Magic in the virtue of their lives, the purity of their doctrines, and their insisting, as the foundation of all wisdom, on the subjugation of the senses, and the intensity of Religious Faith?—a glorious sect, if they lied not! And, in truth, if Zanoni had powers beyond the race of worldly sages, they seemed not unworthily exercised. The little known of his life was in his favour. Some acts, not of indiscriminate, but judicious generosity and

beneficence, were recorded; in repeating which, still, however, the narrators shook their heads, and expressed surprise how a stranger should have possessed so minute a knowledge of the quiet and obscure distresses he had relieved. Two or three sick persons, when abandoned by their physicians, he had visited, and conferred with alone. They had recovered: they ascribed to him their recovery; yet they could not tell by what medicines they had been healed. They could only depose that he came, conversed with them, and they were cured; it usually, however, happened that a deep sleep had preceded the recovery.

Anh đã chú ý, như một điều đáng chú ý, rằng Zanoni đã trò chuyện với anh bằng tiếng Anh, và với sự thống trị ngôn ngữ đến mức anh có thể được coi là một người bản xứ. Ngược lại, bằng tiếng Ý, Zanoni cũng thoải mái như vậy. Glyndon nhận thấy rằng tình hình tương tự cũng xảy ra trong những ngôn ngữ ít được người nước ngoài học. Một họa sĩ từ Thụy Điển, đã trò chuyện với anh ta, khẳng định rằng anh ta là người Thụy Điển; và một thương gia từ Constantinople, đã bán một số hàng hóa cho Zanoni, tự tin rằng chỉ có một người Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc ít nhất là một người bản xứ của phương Đông, mới có thể nắm vững được những ngữ điệu mềm mại của phương Đông. Tuy nhiên, trong tất cả những ngôn ngữ này, khi họ so sánh những ký ức riêng của họ, có một sự phân biệt nhỏ, gần như khó thấy, không phải trong cách phát âm, cũng không phải trong ngữ điệu, mà trong âm điệu và âm vang, như là giọng nói, giữa anh ta và một người bản xứ. Khả năng này là một trong những điều mà Glyndon nhớ đến, mà tín ngưỡng và quyền năng của nó chưa bao giờ được khám phá nhiều hơn so với hầu hết, Đảng Rosicrucians, đặc biệt là ôm. Anh nhớ đã nghe ở Đức về công việc của John Bringeret (In năm 1615.), khẳng định rằng tất cả các ngôn ngữ trên thế giới đều được biết đến bởi Đảng Đạo hồng thập tự thật sự. Liệu Zanoni có thuộc về Hội Thánh bí mật này, người đã từng tự hào về những bí mật mà Đá Triệu chứ không phải là ít; người xem họ là những người thừa kế của tất cả những điều mà người Chaldeans, người Magi, những người

Gymnosophists, và những người Platonists đã dạy; và người khác biệt từ tất cả những Đứa Con Ma tối hơn trong đức tính của cuộc sống, sự thuần khiết của những lời dạy, và sự khăng khít của họ, như là nền tảng của mọi trí tuệ, về sự khuất phục của các giác quan, và sự mạnh mẽ của Đức Tin Tôn Giáo? - một tôn giáo vĩ đại, nếu họ không nói dối! Và, thực sự, nếu Zanoni có quyền lực vượt ra khỏi loài nhà sáng suốt trần tục, họ dường như không sử dụng một cách không xứng đáng. Ít biết về cuộc đời của anh ta đã ủng hộ cho anh ta. Một số hành động, không phải của sự rộng lượng không định rõ, nhưng của sự rộng lượng và từ bi khôn ngoan, được ghi chép; khi lặp lại những điều đó, tuy nhiên, các người kể chuyện vẫn lắc đầu, và thể hiện sự ngạc nhiên về việc một người lạ làm sao có thể sở hữu một kiến thức chi tiết đến vậy về những khổ đau yên bình và ẩn dật mà anh ta đã giúp đỡ. Hai hoặc ba người bệnh, khi bác sĩ bỏ rơi họ, anh đã đến thăm và trò chuyện một mình với họ. Họ đã phục hồi: họ gán cho anh ta sự phục hồi của họ; nhưng họ không thể nói bằng loại thuốc nào họ đã được chữa lành. Họ chỉ có thể tuyên thệ rằng anh ta đến, trò chuyện với họ, và họ được chữa lành; thường, tuy nhiên, xảy ra rằng một giấc ngủ sâu đã đi trước sự phục hồi.

Another circumstance was also beginning to be remarked, and spoke yet more in his commendation. Those with whom he principally associated—the gay, the dissipated, the thoughtless, the sinners and publicans of the more polished world—all appeared rapidly, yet insensibly to themselves, to awaken to purer thoughts and more regulated lives. Even Cetoxa, the prince of gallants, duellists, and gamesters, was no longer the same man since the night of the singular events which he had related to Glyndon. The first trace of his reform was in his retirement from the gaming-houses; the next was his reconciliation with an hereditary enemy of his house, whom it had been his constant object for the last six years to entangle in such a quarrel as might call forth his inimitable manoeuvre of the stoccata. Nor when Cetoxa and his young companions were

heard to speak of Zanoni, did it seem that this change had been brought about by any sober lectures or admonitions. They all described Zanoni as a man keenly alive to enjoyment: of manners the reverse of formal,—not precisely gay, but equable, serene, and cheerful; ever ready to listen to the talk of others, however idle, or to charm all ears with an inexhaustible fund of brilliant anecdote and worldly experience. All manners, all nations, all grades of men, seemed familiar to him. He was reserved only if allusion were ever ventured to his birth or history.

Một tình huống khác cũng đang bắt đầu được nhận xét, và còn nói nhiều hơn trong việc khen ngợi anh ta. Những người mà anh ta chủ yếu kết nối - những người vui vẻ, lãng mạn, thiếu suy nghĩ, những kẻ phạm tội và những người thuế thuật của thế giới tinh tế hơn - tất cả đều nhanh chóng, nhưng không thể nhận ra bản thân mình, tỉnh thức với những suy nghĩ trong sáng và cuộc sống được điều chỉnh hơn. Ngay cả Cetoxa, hoàng tử của những người đàn ông lịch lãm, duellists, và người chơi cá cược, cũng không còn là người đàn ông cũ từ sau đêm của những sự kiện độc đáo mà anh ta đã kể cho Glyndon. Dấu vết đầu tiên của sự cải cách của anh ta là việc anh ta rút lui khỏi những ngôi nhà cá cược; bước tiếp theo là sự hòa giải với một kẻ thù truyền thống của nhà anh ta, người mà đã là đối tượng không ngừng của anh ta trong vòng sáu năm qua để dồn vào một cuộc cãi lộn có thể gây ra chiến thuật không thể nhai lại của anh ta với stoccata. Cũng không khi Cetoxa và những đồng bọn trẻ của anh ta được nghe nói về Zanoni, có vẻ như sự thay đổi này không phải do bất kỳ bài giảng hay lời khuyên nào tỉnh táo. Tất cả đều mô tả Zanoni là một người rất sẵn lòng thưởng thức: cách cư xử ngược lại với hình thức, không chính xác là vui vẻ, nhưng ổn định, thanh bình, và vui vẻ; luôn sẵn lòng lắng nghe cuộc trò chuyện của người khác, dù là vô ích, hoặc làm say mê tất cả tai với một nguồn thông tin phong phú về câu chuyện hấp dẫn và kinh nghiệm thế giới không cạn. Mọi cách cư xử, mọi quốc gia, mọi cấp bậc của con người, dường như đều quen thuộc

với anh ta. Anh ta chỉ kín đáo nếu có bất kỳ đề cập nào đến nguồn gốc hay lịch sử của anh ta.

The more general opinion of his origin certainly seemed the more plausible. His riches, his familiarity with the languages of the East, his residence in India, a certain gravity which never deserted his most cheerful and familiar hours, the lustrous darkness of his eyes and hair, and even the peculiarities of his shape, in the delicate smallness of the hands, and the Arab-like turn of the stately head, appeared to fix him as belonging to one at least of the Oriental races. And a dabbler in the Eastern tongues even sought to reduce the simple name of Zanoni, which a century before had been borne by an inoffensive naturalist of Bologna (The author of two works on botany and rare plants.), to the radicals of the extinct language. Zan was unquestionably the Chaldean appellation for the sun. Even the Greeks, who mutilated every Oriental name, had retained the right one in this case, as the Cretan inscription on the tomb of Zeus (Ode megas keitai Zan.—"Cyril contra Julian." (Here lies great Jove.)) significantly showed. As to the rest, the Zan, or Zaun, was, with the Sidonians, no uncommon prefix to On. Adonis was but another name for Zanonas, whose worship in Sidon Hesychius records. To this profound and unanswerable derivation Mervale listened with great attention, and observed that he now ventured to announce an erudite discovery he himself had long since made,—namely, that the numerous family of Smiths in England were undoubtedly the ancient priests of the Phrygian Apollo. "For," said he, "was not Apollo's surname, in Phrygia, Smintheus? How clear all the ensuing corruptions of the august name,—Smintheus, Smitheus, Smithe, Smith! And even now, I may remark that the more ancient branches of that illustrious family, unconsciously anxious to approximate at least by a letter nearer to the true title, take a pious pleasure in writing their names Smithe!"

Ý kiến tổng quát về nguồn gốc của anh ta nhất định có vẻ chính xác hơn. Sự giàu có của anh ta, sự quen thuộc với các ngôn ngữ của phương Đông, nơi cư trú tại Ấn Độ, sự nghiêm trọng mà không bao giờ rời xa những giờ vui vẻ và quen thuộc nhất của anh ta, sự tối sáng của đôi mắt và mái tóc của anh ta, và thậm chí cả những đặc điểm của hình dáng của anh ta, trong sự nhỏ bé tinh tế của đôi tay, và cách quay phim như người Ả Rập của cái đầu hùng vĩ, dường như đã xác định anh ta là thuộc về ít nhất một trong những dòng dõi phương Đông. Và một người nghiện ngôn ngữ Đông cũng tìm cách giảm bớt cái tên đơn giản của Zanoni, mà cách đây một thế kỷ đã được một nhà thực vật học vô tội của Bologna mang (Tác giả của hai tác phẩm về thực vật học và cây hiếm.), đến các gốc của ngôn ngữ đã tuyệt chủng. Zan chắc chắn là tên gọi của người Chaldean cho mặt trời. Ngay cả người Hy Lạp, người đã làm hỏng mọi tên của phương Đông, vẫn giữ nguyên cái đúng trong trường hợp này, như chứng minh rõ bằng bảng chép Crete trên mộ của Zeus (Ode megas keitai Zan.—“Cyril contra Julian.” (Đây nằm vị thần lớn Jove.)) rõ ràng cho thấy. Còn lại, Zan, hoặc Zaun, không phải là tiền tố không phổ biến với On với người Sidon. Adonis chỉ là một cái tên khác cho Zanonas, mà sự thờ cúng ở Sid

He roused himself with a sudden effort, and started to see, seated next him, a figure hideous enough to have personated one of the malignant beings of whom Zanoni had spoken. It was a small man, dressed in a fashion strikingly at variance with the elaborate costume of the day: an affectation of homeliness and poverty approaching to squalor, in the loose trousers, coarse as a ship’s sail; in the rough jacket, which appeared rent wilfully into holes; and the black, ragged, tangled locks that streamed from their confinement under a woollen cap, accorded but ill with other details which spoke of comparative wealth. The shirt, open at the throat, was fastened by a brooch of gaudy stones; and two pendent massive gold chains announced the foppery of two watches.

Anh ta tỉnh dậy với một nỗ lực đột ngột, và bắt đầu thấy, ngồi bên cạnh anh ta, một hình dáng đủ ghê tởm để có thể đóng vai một trong những sinh vật ác mộng mà Zanoni đã nói. Đó là một người đàn ông nhỏ, mặc theo một cách ăn mặc hoàn toàn trái ngược với trang phục tinh tế của thời đại: một sự giả tạo của sự bình dân và nghèo đến mức bẩn thỉu, trong chiếc quần lỏng, thô như một tấm buồm của tàu; trong chiếc áo khoác xù xì, dường như bị rách vào từng lỗ; và những sợi tóc đen, rối rắm, buông thả từ dưới một chiếc mũ len, không phù hợp với những chi tiết khác nói lên sự giàu có so sánh. Chiếc áo sơ mi, mở cổ áo, được cài bằng một cái khuy đeo đá lấp lánh; và hai dây chuyền vàng nặng nề treo xuống báo hiệu sự kiêu kỳ của hai chiếc đồng hồ.

The man's figure, if not absolutely deformed, was yet marvellously ill-favoured; his shoulders high and square; his chest flattened, as if crushed in; his gloveless hands were knotted at the joints, and, large, bony, and muscular, dangled from lean, emaciated wrists, as if not belonging to them. His features had the painful distortion sometimes seen in the countenance of a cripple,—large, exaggerated, with the nose nearly touching the chin; the eyes small, but glowing with a cunning fire as they dwelt on Glyndon; and the mouth was twisted into a grin that displayed rows of jagged, black, broken teeth. Yet over this frightful face there still played a kind of disagreeable intelligence, an expression at once astute and bold; and as Glyndon, recovering from the first impression, looked again at his neighbour, he blushed at his own dismay, and recognised a French artist, with whom he had formed an acquaintance, and who was possessed of no inconsiderable talents in his calling.

Hình dạng của người đàn ông, nếu không hoàn toàn bị biến dạng, vẫn rất xấu xí; đôi vai cao và vuông vắn; ngực phẳng, như bị nghiền nát; đôi tay không găng tay bị nút ở các khớp, và, to, xương và cơ bắp, rắn chắc, rơi từ cổ tay gầy gò, y như không thuộc về họ. Khuôn mặt của anh ta có sự biến dạng đau khổ đôi

khi thấy trên khuôn mặt của một người tàn tật,—to lớn, phóng đại, với mũi gần như chạm vào cằm; đôi mắt nhỏ, nhưng tỏa sáng với lửa cay đắng khi nhìn chằm chằm vào Glyndon; và cái miệng bị vặn vào một nụ cười, để lộ ra hàng răng đen, gãy, sắc nhọn. Tuy nhiên, trên gương mặt kinh khủng này vẫn có một loại thông minh khó chịu, một biểu hiện vừa tinh quái vừa táo bạo; và khi Glyndon, hồi phục từ ấn tượng ban đầu, nhìn lại người hàng xóm của mình, anh ta đỏ mặt vì sự kinh hoàng của mình, và nhận ra một nghệ sĩ người Pháp, mà anh ta đã quen biết, và có không ít tài năng trong nghề của mình.

Indeed, it was to be remarked that this creature, whose externals were so deserted by the Graces, particularly delighted in designs aspiring to majesty and grandeur. Though his colouring was hard and shallow, as was that generally of the French school at the time, his DRAWINGS were admirable for symmetry, simple elegance, and classic vigour; at the same time they unquestionably wanted ideal grace. He was fond of selecting subjects from Roman history, rather than from the copious world of Grecian beauty, or those still more sublime stories of scriptural record from which Raphael and Michael Angelo borrowed their inspirations. His grandeur was that not of gods and saints, but mortals. His delineation of beauty was that which the eye cannot blame and the soul does not acknowledge. In a word, as it was said of Dionysius, he was an Anthropographos, or Painter of Men. It was also a notable contradiction in this person, who was addicted to the most extravagant excesses in every passion, whether of hate or love, implacable in revenge, and insatiable in debauch, that he was in the habit of uttering the most beautiful sentiments of exalted purity and genial philanthropy. The world was not good enough for him; he was, to use the expressive German phrase, A WORLD-BETTERER! Nevertheless, his sarcastic lip often seemed to mock the sentiments he uttered, as if it sought to insinuate that he was above even the world he would construct.

Thực ra, cần phải chú ý rằng con người này, bên ngoài của anh ta bị bỏ rơi bởi các vẻ đẹp, đặc biệt thích thú với những thiết kế hướng tới sự hùng vĩ và tráng lệ. Mặc dù cách sắp xếp màu sắc của anh ta cứng nhắc và nông cạn, như trường phái Pháp thời bấy giờ nói chung, nhưng BỨC TRANH của anh ta rất xuất sắc về sự đối xứng, sự đơn giản nhã nhặn và sức mạnh cổ điển; đồng thời chúng không thể phủ nhận thiếu đi nét duyên dáng lý tưởng. Anh ta thích chọn chủ đề từ lịch sử La Mã, thay vì từ thế giới phong phú của vẻ đẹp Hy Lạp, hoặc những câu chuyện tôn giáo còn cao cả hơn từ đó Raphael và Michael Angelo lấy cảm hứng. Sự hùng vĩ của anh ta không phải của thần và các thánh, mà là của người. Sự miêu tả về vẻ đẹp của anh ta là cái mà mắt không thể chỉ trích và tâm hồn không thể nhận biết. Một cụm từ, như đã nói về Dionysius, anh ta là một Anthropographos, hoặc Họa sĩ của Con Người. Điều đáng chú ý khác trong người này, người nghiện những lạm dụng táo bạo nhất trong mọi đam mê, dù là của sự hận thù hay tình yêu, không thể tha thứ trong sự trả thù, và không thể mãn nguyện trong sự sa đà, đó là anh ta thường nói ra những cảm xúc đẹp nhất về tinh khiết cao cả và lòng nhân ái ấm áp. Thế giới không đủ tốt cho anh ta; anh ta, để dùng cụm từ tiếng Đức diễn đạt, LÀ NGƯỜI LÀM CHO THẾ GIỚI TỐT HƠN! Tuy nhiên, môi sắc cay đắng của anh thường thấy như đang chế giễu những cảm xúc mà anh ta nói ra, như muốn ám chỉ rằng anh ta còn cao cả hơn cả thế giới mà anh ta sẽ xây dựng.

Finally, this painter was in close correspondence with the Republicans of Paris, and was held to be one of those missionaries whom, from the earliest period of the Revolution, the regenerators of mankind were pleased to despatch to the various states yet shackled, whether by actual tyranny or wholesome laws. Certainly, as the historian of Italy (Botta.) has observed, there was no city in Italy where these new doctrines would be received with greater favour than Naples, partly from the lively temper of the people, principally because the most hateful feudal privileges, however partially curtailed some

years before by the great minister, Tanuccini, still presented so many daily and practical evils as to make change wear a more substantial charm than the mere and meretricious bloom on the cheek of the harlot, Novelty. This man, whom I will call Jean Nicot, was, therefore, an oracle among the younger and bolder spirits of Naples; and before Glyndon had met Zanoni, the former had not been among the least dazzled by the eloquent aspirations of the hideous philanthropist.

Cuối cùng, họa sĩ này đã tiếp xúc chặt chẽ với những người theo chủ nghĩa Cộng hòa ở Paris, và được coi là một trong những người truyền giáo mà, từ thời kỳ sớm nhất của Cách mạng, những người làm mới lại loài người vui mừng gửi đến các quốc gia khác vẫn bị ràng buộc, dù là bởi sự áp bức thực sự hay bởi những luật pháp lành mạnh. Chắc chắn, như nhà sử học Italia (Botta.) đã quan sát, không có thành phố nào ở Italia mà những nguyên tắc mới này sẽ được tiếp nhận với sự ưa thích lớn hơn so với Napoli, một phần từ tính cách hăng hái của người dân, chủ yếu là vì những đặc quyền phong kiến đáng ghét nhất, tuy đã bị cắt giảm một phần một vài năm trước bởi bộ trưởng vĩ đại, Tanuccini, vẫn gây ra nhiều tác hại hàng ngày và thực tế đến mức làm cho sự thay đổi mang một sức hút vững chắc hơn so với vẻ đẹp đơn giản và hớp hồn trên gương mặt của kẻ điếm, Sự Mới Lạ. Người này, mà tôi sẽ gọi là Jean Nicot, do đó, là một người thầy tư vấn trong số những tinh thần trẻ trung và táo bạo của Napoli; và trước khi Glyndon gặp Zanoni, người trước đó đã không phải là người ít bị lạc quan bởi những khát vọng hùng biện của nhà nhân đạo ghê tởm.

“It is so long since we have met, cher confrere,” said Nicot, drawing his seat nearer to Glyndon’s, “that you cannot be surprised that I see you with delight, and even take the liberty to intrude on your meditations.

"Đã lâu rồi chúng ta không gặp nhau, cher confrere," Nicot nói, kéo ghế của mình gần hơn với Glyndon, "vì vậy bạn không thể

ngạc nhiên khi tôi thấy bạn với niềm vui, và thậm chí mạo hiểm xâm phạm vào suy tư của bạn."

“They were of no agreeable nature,” said Glyndon; “and never was intrusion more welcome.”

“Chúng không mang tính chất dễ chịu,” Glyndon nói; "và không bao giờ sự xâm phạm nào được chào đón hơn."

“You will be charmed to hear,” said Nicot, drawing several letters from his bosom, “that the good work proceeds with marvellous rapidity. Mirabeau, indeed, is no more; but, mort Diable! the French people are now a Mirabeau themselves.” With this remark, Monsieur Nicot proceeded to read and to comment upon several animated and interesting passages in his correspondence, in which the word virtue was introduced twenty-seven times, and God not once. And then, warmed by the cheering prospects thus opened to him, he began to indulge in those anticipations of the future, the outline of which we have already seen in the eloquent extravagance of Condorcet. All the old virtues were dethroned for a new Pantheon: patriotism was a narrow sentiment; philanthropy was to be its successor. No love that did not embrace all mankind, as warm for Indus and the Pole as for the hearth of home, was worthy the breast of a generous man. Opinion was to be free as air; and in order to make it so, it was necessary to exterminate all those whose opinions were not the same as Mons. Jean Nicot’s. Much of this amused, much revolted Glyndon; but when the painter turned to dwell upon a science that all should comprehend, and the results of which all should enjoy,—a science that, springing from the soil of equal institutions and equal mental cultivation, should give to all the races of men wealth without labour, and a life longer than the Patriarchs’, without care,—then Glyndon listened with interest and admiration, not unmixed with awe. “Observe,” said Nicot, “how much that we now cherish as a virtue will then be rejected as meanness. Our oppressors, for

instance, preach to us of the excellence of gratitude. Gratitude, the confession of inferiority! What so hateful to a noble spirit as the humiliating sense of obligation? But where there is equality there can be no means for power thus to enslave merit. The benefactor and the client will alike cease, and—”

"Bạn sẽ rất hài lòng khi nghe," Nicot nói, rút ra một số lá thư từ ngực áo của mình, "rằng công việc tốt đẹp đang tiến triển với tốc độ đáng kinh ngạc. Mirabeau, thật sự, không còn nữa; nhưng, mort Diable! người Pháp giờ đây chính là Mirabeau." Với lời nhận xét này, ông Nicot tiếp tục đọc và bình luận về một số đoạn văn sôi động và thú vị trong thư từ của mình, trong đó từ "đức hạnh" được đề cập đến hai mươi bảy lần, và từ "Chúa" không một lần. Và sau đó, được ấm áp bởi những triển vọng khích lệ mở ra trước mắt, ông bắt đầu mê mải vào

Nicot sprang forward a step, with hands clenched, and showing his teeth from ear to ear, like a wild beast incensed. Zanoni stood motionless, and smiled at him in scorn. Nicot halted abruptly, as if fixed and fascinated by the look, shivered from head to foot, and sullenly, and with a visible effort, as if impelled by a power not his own, turned away.

Nicot bước vọt về phía trước một bước, hai tay nắm chặt, và lộ răng từ tai này đến tai khác, giống như một con thú hoang giận dữ. Zanoni đứng im lặng, và mỉm cười nhạo báng anh ta. Nicot đột ngột dừng lại, như được cố định và mê hoặc bởi ánh nhìn, run lên từ đầu đến chân, và cứng nhắc, và với một nỗ lực rõ ràng, như được thúc đẩy bởi một sức mạnh không phải của mình, quay đi.

Glyndon’s eyes followed him in surprise. “And what know you of this man?” said Zanoni. “I know him as one like myself,—a follower of art.” “Of ART! Do not so profane that glorious word. What Nature is to God, art should be to man,—a sublime, beneficent, genial, and warm creation. That wretch may be a

PAINTER, not an ARTIST.” “And pardon me if I ask what YOU know of one you thus disparage?”

Đôi mắt của Glyndon theo dõi anh ta với sự ngạc nhiên. "Và anh biết gì về người này?" Zanoni nói. "Tôi biết anh ta giống như tôi, —một người theo nghệ thuật." "Nghệ thuật! Đừng phỉ báng từ đó. Như Thiên Nhiên với Thiên Chúa, nghệ thuật nên là với con người,—một sáng tạo cao cả, từ bi, ân cần và ấm áp. Kẻ đó có thể là MỘT HỌA SĨ, chứ không phải là MỘT NGHỆ SĨ." "Và xin lỗi nếu tôi hỏi anh biết gì về kẻ mà anh nói xấu như vậy?"

“I know thus much, that you are beneath my care if it be necessary to warn you against him; his own lips show the hideousness of his heart. Why should I tell you of the crimes he has committed? He SPEAKS crime!” “You do not seem, Signor Zanoni, to be one of the admirers of the dawning Revolution. Perhaps you are prejudiced against the man because you dislike the opinions?” “What opinions?”

"Tôi biết chỉ vậy thôi, rằng nếu cần phải cảnh báo anh về anh ta, anh không đáng phải được tôi quan tâm; lời nói của chính anh ta đã thể hiện sự ghê tởm trong trái tim anh ta. Tại sao tôi phải kể cho anh biết về những tội ác mà anh ta đã phạm? Anh ấy NÓI về tội ác!" "Anh không hợp với Signor Zanoni, những người ngưỡng mộ Cuộc Cách Mạng bắt đầu. Có lẽ anh đối với người đó do anh không thích quan điểm?" "Quan điểm gì?"

Glyndon paused, somewhat puzzled to define; but at length he said, “Nay, I must wrong you; for you, of all men, I suppose, cannot discredit the doctrine that preaches the infinite improvement of the human species.” “You are right; the few in every age improve the many; the many now may be as wise as the few were; but improvement is at a standstill, if you tell me that the many now are as wise as the few ARE.”

Glyndon tạm dừng lại, hơi bối rối để xác định; nhưng sau cùng anh nói, "Không, tôi phải xem xét lại bạn; vì bạn, trong số tất cả mọi người, tôi nghĩ, không thể phủ nhận lẽ tư tưởng mà thuyết giảng về sự cải thiện vô hạn của loài người." "Anh nói đúng; một số ít trong mỗi thời đại cải thiện số lượng lớn; số lượng lớn hiện nay có thể thông minh như số ít đã từng là; nhưng sự cải thiện đứng im, nếu anh nói với tôi rằng số lượng lớn hiện nay thông minh như số ít ĐÃ THỰC SỰ."

“I comprehend you; you will not allow the law of universal equality!” “Law! If the whole world conspired to enforce the falsehood they could not make it LAW. Level all conditions to-day, and you only smooth away all obstacles to tyranny to-morrow. A nation that aspires to EQUALITY is unfit for FREEDOM. Throughout all creation, from the archangel to the worm, from Olympus to the pebble, from the radiant and completed planet to the nebula that hardens through ages of mist and slime into the habitable world, the first law of Nature is inequality.”

"Tôi hiểu bạn; bạn sẽ không chấp nhận luật pháp về sự bình đẳng toàn cầu!" "Luật pháp! Nếu cả thế giới đồng lòng thực hiện sự dối trá, họ không thể biến nó thành LUẬT PHÁP. Cân tất cả các điều kiện hôm nay, và bạn chỉ làm phẳng mọi rào cản cho sự bạo hành vào ngày mai. Một quốc gia khao khát BÌNH ĐẲNG không xứng đáng với TỰ DO. Trong toàn bộ sự sáng tạo, từ thần tiên đến con sâu, từ Olympus đến hòn sỏi, từ hành tinh rực rỡ và hoàn chỉnh đến đám sương và chất nhầy cứng lại qua các thời kỳ trở thành thế giới có thể sống, luật pháp đầu tiên của Thiên Nhiên là sự bất bình đẳng."

“Harsh doctrine, if applied to states. Are the cruel disparities of life never to be removed?” “Disparities of the PHYSICAL life? Oh, let us hope so. But disparities of the INTELLECTUAL and the MORAL, never! Universal equality of intelligence, of mind, of genius, of virtue!—no teacher left to the world! no men wiser,

better than others,—were it not an impossible condition, WHAT A HOPELESS PROSPECT FOR HUMANITY! No, while the world lasts, the sun will gild the mountain-top before it shines upon the plain. Diffuse all the knowledge the earth contains equally over all mankind to-day, and some men will be wiser than the rest to-morrow. And THIS is not a harsh, but a loving law,—the REAL law of improvement; the wiser the few in one generation, the wiser will be the multitude the next!"

"Lẽ thô bạo, nếu áp dụng vào các quốc gia. Những sự bất bình đẳng tàn ác của cuộc sống không bao giờ được loại bỏ sao?" "Sự bất bình đẳng của cuộc sống VẬT LÝ? Ôi, hy vọng vậy. Nhưng sự bất bình đẳng của TRÍ TUỆ và ĐẠO ĐỨC, không bao giờ! Bình đẳng toàn cầu về trí tuệ, tâm hồn, tài năng, đức hạnh!—không còn giáo viên nào để lại cho thế giới! không có người khôn ngoan, tốt hơn người khác,—nếu không phải là một điều kiện không thể xảy ra, ĐÓ LÀ MỘT TƯƠNG LAI KHÔNG CÓ HY VỌNG CHO NHÂN LOẠI! Không, trong khi thế giới tồn tại, mặt trời sẽ chiếu rọi đỉnh núi trước khi chiếu sáng lên đồng bằng. Lan truyền toàn bộ kiến thức mà trái đất chứa đựng đều đều trên tất cả mọi người hôm nay, và một số người sẽ khôn ngoan hơn những người còn lại vào ngày mai. Và ĐÂY không phải là một luật thô bạo, mà là một luật yêu thương,—luật cải thiện thực sự; người khôn ngoan ít trong một thế hệ, người khôn ngoan sẽ nhiều hơn trong thế hệ tiếp theo!"

As Zanoni thus spoke, they moved on through the smiling gardens, and the beautiful bay lay sparkling in the noontide. A gentle breeze just cooled the sunbeam, and stirred the ocean; and in the inexpressible clearness of the atmosphere there was something that rejoiced the senses. The very soul seemed to grow lighter and purer in that lucid air.

Khi Zanoni nói như vậy, họ tiếp tục đi qua những khu vườn tươi cười, và vịnh đẹp lung linh dưới ánh nắng trưa. Một cơn gió nhẹ chỉ làm mát chút ánh nắng, và khuấy động biển cả; và trong sự

trong trẻo không thể diễn tả của không khí có một điều gì đó làm hân hoan các giác quan. Linh hồn dường như trở nên nhẹ nhàng và trong sạch hơn trong không khí trong suốt đó.

“And these men, to commence their era of improvement and equality, are jealous even of the Creator. They would deny an intelligence,—a God!” said Zanoni, as if involuntarily. “Are you an artist, and, looking on the world, can you listen to such a dogma? Between God and genius there is a necessary link,—there is almost a correspondent language. Well said the Pythagorean (Sextus, the Pythagorean.), ‘A good intellect is the chorus of divinity.’”

"Và những người này, để bắt đầu thời đại của sự cải thiện và bình đẳng, đã ghen tỵ ngay cả với Chúa Tạo. Họ sẽ phủ nhận một trí tuệ,—một Đức Chúa Trời!" nói Zanoni, như thể không cố ý. "Anh là một nghệ sĩ, và, nhìn nhìn thế giới, anh có thể lắng nghe một tín ngưỡng như vậy không? Giữa Chúa và tài năng có một liên kết cần thiết,—gần như có một ngôn ngữ tương ứng. Sextus, người Pythagoras nói đúng, 'Một trí tuệ tốt là dàn dựng của thần thánh.'"

Struck and touched with these sentiments, which he little expected to fall from one to whom he ascribed those powers which the superstitions of childhood ascribe to the darker agencies, Glyndon said: “And yet you have confessed that your life, separated from that of others, is one that man should dread to share. Is there, then, a connection between magic and religion?”

Bị ấn tượng và xúc động bởi những tâm tư này, mà anh không ngờ sẽ rơi từ một người mà anh gán cho những quyền năng mà tín ngưỡng thời thơ ấu gán cho những thực thể u ám, Glyndon nói: "Và tuy nhiên, bạn đã thú nhận rằng cuộc sống của bạn, tách biệt từ cuộc sống của người khác, là một cuộc sống mà con

người nên sợ hãi khi chia sẻ. Vậy, liệu có một mối liên hệ giữa phép thuật và tôn giáo không?"

“Magic!” And what is magic! When the traveller beholds in Persia the ruins of palaces and temples, the ignorant inhabitants inform him they were the work of magicians. What is beyond their own power, the vulgar cannot comprehend to be lawfully in the power of others. But if by magic you mean a perpetual research amongst all that is more latent and obscure in Nature, I answer, I profess that magic, and that he who does so comes but nearer to the fountain of all belief. Knowest thou not that magic was taught in the schools of old? But how, and by whom? As the last and most solemn lesson, by the Priests who ministered to the Temple. (Psellus de Daemon (MS.)) And you, who would be a painter, is not there a magic also in that art you would advance?

"Phép thuật!" Và phép thuật là gì! Khi người đi du lịch nhìn thấy tàn tích của cung điện và đền đài ở Ba Tư, những cư dân ngốc nghếch thông báo với anh rằng chúng là công việc của phù thủy. Những gì vượt ra ngoài khả năng của họ, dân thường không thể hiểu được là hợp pháp trong khả năng của người khác. Nhưng nếu bởi phép thuật bạn có ý một nghiên cứu liên tục giữa tất cả những gì ẩn chứa và mơ hồ hơn trong Thiên Nhiên, tôi trả lời, tôi tuyên bố rằng phép thuật, và người làm như vậy chỉ đến gần hơn với nguồn gốc của mọi niềm tin. Anh có biết không rằng phép thuật được giảng dạy trong các trường học xưa? Nhưng như thế nào, và bởi ai? Như một bài học cuối cùng và trang nghiêm nhất, bởi những vị linh mục phụng sự tại Đền thờ. Và anh, người muốn trở thành một họa sĩ, liệu không có một phép thuật cũng trong nghệ thuật mà anh muốn phát triển?

“You demand mastery over the past, a conception of the future. Has not the art that is truly noble for its domain the future and the past? You would conjure the invisible beings to your charm;

and what is painting but the fixing into substance the Invisible? Are you discontented with this world? This world was never meant for genius! To exist, it must create another. What magician can do more; nay, what science can do as much? There are two avenues from the little passions and the drear calamities of earth; both lead to heaven and away from hell,—art and science. But art is more godlike than science; science discovers, art creates. You have faculties that may command art; be contented with your lot. The astronomer who catalogues the stars

CHAPTER 2.VIII. The Goddess Wisdom. To some she is the goddess great; To some the milch cow of the field; Their care is but to calculate What butter she will yield. From Schiller.

CHƯƠNG 2.VIII. Nữ thần Trí Tuệ. Với một số người, bà là nữ thần vĩ đại; Với một số người, bà là con bò nuôi; Chỉ có việc của họ là tính toán Bơ bị bà sẽ cho ra bao nhiêu. Từ Schiller.

This last conversation with Zanoni left upon the mind of Glyndon a tranquillising and salutary effect.

Cuộc trò chuyện cuối cùng với Zanoni để lại trong tâm trí của Glyndon một hiệu ứng an ủi và có lợi.

From the confused mists of his fancy glittered forth again those happy, golden schemes which part from the young ambition of art, to play in the air, to illumine the space like rays that kindle from the sun. And with these projects mingled also the vision of a love purer and serener than his life yet had known. His mind went back into that fair childhood of genius, when the forbidden fruit is not yet tasted, and we know of no land beyond the Eden which is gladdened by an Eve. Insensibly before him there rose the scenes of a home, with his art sufficing for all excitement, and Viola's love circling occupation with happiness and content; and in the midst of these fantasies of a future that might be at his command, he was recalled to the present by the clear, strong voice of Mervale, the man of common-sense.

Từ những sương mù lạc lõng trong tưởng tượng của anh ta, những kế hoạch hạnh phúc, vàng óng lại tỏa ra, những kế hoạch mà rời bỏ hoài bão trẻ tuổi của nghệ thuật, để bay trong không khí, để soi sáng không gian như những tia nắng rực lên từ mặt trời. Và với những dự án này, cũng kết hợp với tầm nhìn về một tình yêu trong sáng và thanh thản hơn mà cuộc đời anh ta chưa từng biết. Tâm trí anh ta quay trở về cái tuổi thơ tuyệt vời của

thiên tài, khi quả cấm chưa được thưởng thức, và chúng ta không biết đến một đất nước nào xa xôi hơn Eden mà được làm hạnh phúc bởi một Eva. Một cách không thể nhận ra, trước mắt anh ta hiện lên những cảnh của một ngôi nhà, với nghệ thuật của anh đủ để làm cho tất cả các cảm xúc phấn khích, và tình yêu của Viola vòng quanh công việc với hạnh phúc và hài lòng; và giữa những ảo mộng về một tương lai mà có thể ở trong tầm kiểm soát của anh ta, anh ta bị nhớ lại hiện tại bởi giọng nói rõ ràng, mạnh mẽ của Mervale, người có lý trí thông thường.

Whoever has studied the lives of persons in whom the imagination is stronger than the will, who suspect their own knowledge of actual life, and are aware of their facility to impressions, will have observed the influence which a homely, vigorous, worldly understanding obtains over such natures. It was thus with Glyndon. His friend had often extricated him from danger, and saved him from the consequences of imprudence; and there was something in Mervale's voice alone that damped his enthusiasm, and often made him yet more ashamed of noble impulses than weak conduct. For Mervale, though a downright honest man, could not sympathise with the extravagance of generosity any more than with that of presumption and credulity. He walked the straight line of life, and felt an equal contempt for the man who wandered up the hill-sides, no matter whether to chase a butterfly, or to catch a prospect of the ocean.

Ai đã nghiên cứu về cuộc sống của những người mà trí tưởng tượng mạnh mẽ hơn ý chí, những người nghi ngờ kiến thức của họ về cuộc sống thực tế, và nhận ra khả năng của họ để nhận ấn tượng, sẽ quan sát thấy ảnh hưởng mà một sự hiểu biết thông thường, mạnh mẽ, thế tục có được đối với những bản tính như vậy. Điều này đã xảy ra với Glyndon. Người bạn của anh ta thường xuyên giải thoát anh ta khỏi nguy hiểm, và cứu anh ta khỏi hậu quả của sự thiếu thận trọng; và chỉ có giọng nói của Mervale đã làm dịu đi sự nhiệt huyết của anh ta, và thường

khiến anh ta cảm thấy xấu hổ hơn với những cảm hứng cao quý hơn là hành vi yếu đuối. Vì Mervale, mặc dù là một người trung thực, thẳng thắn, nhưng không thể đồng cảm với sự hào phóng nhiều hơn với sự tự cho mình quá mức và dễ tin lời. Anh ta đi theo con đường thẳng của cuộc sống, và cảm thấy sự khinh thường bằng nhau với người đi lang thang trên dốc núi, không quan trọng là để bắt một con bướm, hay để ngắm cảnh biển.

“The purblind see but the receding shore, Not that to which the bold wave wafts them o’er.” Yet in this logic of the prudent and the worldly there is often a reasoning unanswerable of its kind. You must have a feeling,—a faith in whatever is self-sacrificing and divine, whether in religion or in art, in glory or in love; or Common-sense will reason you out of the sacrifice, and a syllogism will debase the Divine to an article in the market. Every true critic in art, from Aristotle and Pliny, from Winkelman and Vasari to Reynolds and Fuseli, has sought to instruct the painter that Nature is not to be copied, but EXALTED; that the loftiest order of art, selecting only the loftiest combinations, is the perpetual struggle of Humanity to approach the gods. The great painter, as the great author, embodies what is POSSIBLE to MAN, it is true, but what is not COMMON to MANKIND. There is truth in Hamlet; in Macbeth, and his witches; in Desdemona; in Othello; in Prospero, and in Caliban; there is truth in the cartoons of Raphael; there is truth in the Apollo, the Antinous, and the Laocoon. But you do not meet the originals of the words, the cartoons, or the marble, in Oxford Street or St. James’s. All these, to return to Raphael, are the creatures of the idea in the artist’s mind. This idea is not inborn, it has come from an intense study. But that study has been of the ideal that can be raised from the positive and the actual into grandeur and beauty. The commonest model becomes full of exquisite suggestions to him who has formed this idea; a Venus of flesh and blood would be vulgarised by the imitation of him who has not.

"Người mù quáng chỉ nhìn thấy bờ biển rút lui, không phải là thứ mà sóng mạnh đưa họ qua." Tuy nhiên, trong logic của người cẩn trọng và thế tục, thường có một lý lẽ không thể bác bỏ của riêng nó. Bạn phải có một cảm giác, một niềm tin vào bất cứ điều gì là tự hy sinh và thần thánh, dù trong tôn giáo hay trong nghệ thuật, trong vinh quang hay trong tình yêu; hoặc Lý trí sẽ lý giải bạn ra khỏi sự hy sinh, và một hồi chứng sẽ làm giảm giá trị của Thần Thánh thành một mặt hàng trên thị trường. Mọi nhà phê bình nghệ thuật đích thực, từ Aristotle và Pliny, từ Winkelman và Vasari đến Reynolds và Fuseli, đã cố gắng chỉ dẫn người họa sĩ rằng Thiên Nhiên không phải là để sao chép, mà là để NÂNG CAO; rằng hạng nghệ thuật cao nhất, chỉ chọn lựa những tổ hợp cao nhất, là cuộc chiến không ngừng của Nhân Loại để tiếp cận các vị thần. Người họa sĩ vĩ đại, như nhà văn vĩ đại, thể hiện những gì CÓ THỂ cho CON NGƯỜI, đúng vậy, nhưng không phải là ĐIỀU PHỔ BIẾN với LOÀI NGƯỜI. Có sự thật trong Hamlet; trong Macbeth, và phù thủy của anh ta; trong Desdemona; trong Othello; trong Prospero, và trong Caliban; có sự thật trong các bản vẽ của Raphael; có sự thật trong Apollo, Antinous, và Laocoon. Nhưng bạn không gặp gốc rễ của những từ ngữ, các bản vẽ, hoặc bức tượng, ở Oxford Street hoặc St. James's. Tất cả những điều này, để quay trở lại Raphael, đều là những sinh vật của ý tưởng trong tâm trí nghệ sĩ. Ý tưởng này không phải là bẩm sinh, nó đã đến từ một nghiên cứu sâu sắc. Nhưng nghiên cứu đó đã là về ý tưởng có thể được nâng cao từ tích cực và thực tế thành vĩ đẹp và tuyệt vời. Người mẫu phổ thông trở nên đầy ý tưởng tuyệt vời đối với người đã hình thành ý tưởng này; một Aphrodite của thịt và máu sẽ bị làm bình dân bởi sự bắt chước của người chưa có.

When asked where he got his models, Guido summoned a common porter from his calling, and drew from a mean original a head of surpassing beauty. It resembled the porter, but idealised the porter to the hero. It was true, but it was not real. There are critics who will tell you that the Boor of Teniers is more true to Nature than the Porter of Guido! The

commonplace public scarcely understand the idealising principle, even in art; for high art is an acquired taste. But to come to my comparison. Still less is the kindred principle comprehended in conduct. And the advice of worldly prudence would as often deter from the risks of virtue as from the punishments of vice; yet in conduct, as in art, there is an idea of the great and beautiful, by which men should exalt the hackneyed and the trite of life. Now Glyndon felt the sober prudence of Mervale's reasonings; he recoiled from the probable picture placed before him, in his devotion to the one master-talent he possessed, and the one master-passion that, rightly directed, might purify his whole being as a strong wind purifies the air. But though he could not bring himself to decide in the teeth of so rational a judgment, neither could he resolve at once to abandon the pursuit of Viola. Fearful of being influenced by Zanoni's counsels and his own heart, he had for the last two days shunned an interview with the young actress. But after a night following his last conversation with Zanoni, and that we have just recorded with Mervale,—a night coloured by dreams so distinct as to seem prophetic, dreams that appeared so to shape his future according to the hints of Zanoni that he could have fancied Zanoni himself had sent them from the house of sleep to haunt his pillow,—he resolved once more to seek Viola; and though without a definite or distinct object, he yielded himself up to the impulse of his heart.

Khi được hỏi nơi anh ấy lấy mẫu, Guido triệu tập một người hành khách thông thường từ nghề nghiệp của anh ấy, và vẽ từ một bản gốc bình dân một bức đầu với vẻ đẹp vượt trội. Nó giống như người hành khách, nhưng lý tưởng hóa người hành khách thành anh hùng. Đó là sự thật, nhưng không phải là thực. Có những nhà phê bình sẽ nói với bạn rằng Gã Nông Dân của Teniers thậm chí còn gần gũi với Thiên Nhiên hơn cả Gã Hành Khách của Guido! Công chúng bình thường hiếm khi hiểu nguyên tắc lý tưởng hóa, ngay cả trong nghệ thuật; vì nghệ thuật cao cấp là một sở thích được học được. Nhưng để quay trở

lại với so sánh của tôi. Ít hơn nữa là nguyên tắc họ hàng không được hiểu biết trong hành vi. Và lời khuyên của sự khôn ngoan thế tục thường sẽ ngăn cản từ những rủi ro của đức hạnh cũng như từ những trừng phạt của tội lỗi; tuy nhiên trong hành vi, như trong nghệ thuật, có một ý tưởng về điều vĩ đại và đẹp, mà người ta nên tôn vinh những điều cũ kỹ và nhạt nhẽo của cuộc sống. Bây giờ Glyndon cảm nhận được sự khôn ngoan đúng đắn của lý lẽ của Mervale; anh ta lùi bước khỏi bức tranh có thể xảy ra trước mặt anh ta, trong sự hiến dâng cho tài năng vĩ đại duy nhất mà anh ta sở hữu, và đam mê vĩ đại duy nhất mà, nếu được điều chỉnh đúng cách, có thể làm sạch toàn bộ sinh mệnh của mình như cơn gió mạnh làm sạch không khí. Nhưng mặc dù anh ta không thể tự thuyết phục mình để quyết định chống lại một lời nhận xét hợp lý như vậy, cũng không thể anh ta quyết định ngay lập tức từ bỏ việc theo đuổi Viola. Sợ bị ảnh hưởng bởi lời khuyên của Zanoni và trái tim của mình, anh ta đã tránh một cuộc trò chuyện với nữ diễn viên trẻ trong hai ngày qua. Nhưng sau một đêm theo sau cuộc trò chuyện cuối cùng của anh ta với Zanoni, và đêm chúng tôi vừa ghi lại với Mervale, một đêm được tô màu bởi những giấc mơ rõ ràng đến mức có vẻ như tiên tri, những giấc mơ mà dường như đã hình thành tương lai của anh theo gợi ý của Zanoni mà anh ta có thể tưởng tượng Zanoni chính mình đã gửi chúng từ căn nhà của giấc ngủ để ám ảnh chiếc gối của mình, anh quyết định một lần nữa tìm kiếm Viola; và mặc dù không có một mục tiêu cụ thể hoặc rõ ràng, anh ta đã đầu hàng cho xúc cảm của trái tim mình.

CHAPTER 2.X. O sollecito dubbio e fredda tema Che pensando l’accresci. Tasso, Canzone vi. (O anxious doubt and chilling fear that grows by thinking.) She was seated outside her door,—the young actress! The sea before her in that heavenly bay seemed literally to sleep in the arms of the shore; while, to the right, not far off, rose the dark and tangled crags to which the traveller of today is duly brought to gaze on the tomb of Virgil, or compare with the cavern of Posilipo the archway of Highgate Hill. There were a few fisherman loitering by the cliffs, on which their nets

were hung to dry; and at a distance the sound of some rustic pipe (more common at that day than at this), mingled now and then with the bells of the lazy mules, broke the voluptuous silence,—the silence of declining noon on the shores of Naples; never, till you have enjoyed it, never, till you have felt its enervating but delicious charm, believe that you can comprehend all the meaning of the Dolce far niente (The pleasure of doing nothing.); and when that luxury has been known, when you have breathed that atmosphere of fairy-land, then you will no longer wonder why the heart ripens into fruit so sudden and so rich beneath the rosy skies and the glorious sunshine of the South.

CHƯƠNG 2.X. O sollecito dubbio e fredda tema Che pensando l'accresci. Tasso, Canzone vi. (Sự nghi ngờ lo lắng và sự sợ hãi lạnh lẽo ngày càng tăng khi suy nghĩ.) Cô đã ngồi ngoài cửa của mình, nữ diễn viên trẻ! Biển trước mắt cô ấy trong vịnh thiên đàng ấy dường như thật sự đang ngủ trong vòng tay của bờ biển; trong khi, bên phải, không xa, đứng lên những tảng đá đen và rối rắm mà người du khách ngày nay đều được dẫn vào để nhìn thấy mộ của Virgil, hoặc so sánh với hang động Posilipo cổng chào của Highgate Hill. Có một vài ngư dân lười biếng dạo chơi bên những vách đá, nơi mà mạng lưới của họ được treo để phơi khô; và ở xa, tiếng sáo dân dã (phổ biến hơn trong thời đại đó hơn ngày nay), xen kẽ đôi khi với tiếng chuông của những con lừa lười, phá vỡ sự yên lặng thư thái, sự yên lặng của buổi trưa bắt đầu trên bờ biển Naples; cho đến khi bạn đã thưởng thức nó, cho đến khi bạn đã cảm nhận được sự quyến rũ nhưng ngọt ngào của nó, hãy tin rằng bạn có thể hiểu hết ý nghĩa của Dolce far niente (Niềm vui không làm gì.); và khi đã biết được sự xa hoa đó, khi bạn đã hít thở không khí của xứ thần tiên, thì bạn sẽ không còn tự hỏi tại sao trái tim chín trở nhanh chóng và giàu có dưới bầu trời hồng và ánh nắng mặt trời lấp lánh của miền Nam.

The eyes of the actress were fixed on the broad blue deep beyond. In the unwonted negligence of her dress might be traced the abstraction of her mind. Her beautiful hair was gathered up loosely, and partially bandaged by a kerchief whose purple colour served to deepen the golden hue of her tresses. A stray curl escaped and fell down the graceful neck. A loose morning-robe, girded by a sash, left the breeze. That came ever and anon from the sea, to die upon the bust half disclosed; and the tiny slipper, that Cinderella might have worn, seemed a world too wide for the tiny foot which it scarcely covered. It might be the heat of the day that deepened the soft bloom of the cheeks, and gave an unwonted languor to the large, dark eyes. In all the pomp of her stage attire,—in all the flush of excitement before the intoxicating lamps,—never had Viola looked so lovely. By the side of the actress, and filling up the threshold,—stood Gionetta, with her arms thrust to the elbow in two huge pockets on either side of her gown. "But I assure you," said the nurse, in that sharp, quick, ear-splitting tone in which the old women of the South are more than a match for those of the North,—"but I assure you, my darling, that there is not a finer cavalier in all Naples, nor a more beautiful, than this Inglese; and I am told that all these Inglesi are much richer than they seem. Though they have no trees in their country, poor people! and instead of twenty-four they have only twelve hours to the day, yet I hear that they shoe their horses with scudi; and since they cannot (the poor heretics!) turn grapes into wine, for they have no grapes, they turn gold into physic, and take a glass or two of pistoles whenever they are troubled with the colic. But you don't hear me, little pupil of my eyes,—you don't hear me!" "And these things are whispered of Zanoni!" said Viola, half to herself, and unheeding Gionetta's eulogies on Glyndon and the English. "Blessed Maria! do not talk of this

"Ah, is this only witchcraft? It is like it,—it must be!" murmured Viola, turning very pale. Gionetta herself was scarcely more superstitious than the daughter of the musician. And her very

innocence, chilled at the strangeness of virgin passion, might well ascribe to magic what hearts more experienced would have resolved to love.

“Ôi, liệu đây chỉ là phép thuật? Giống vậy thôi,—phải là thế!” thì thầm Viola, trở nên xanh lè. Chính Viola cũng chẳng kỳ thị hơn Gionetta, con gái của nhạc sĩ. Và sự trong sáng của cô, lạnh lùng trước sự lạ lùng của tình yêu mới nở, có thể dễ dàng quy cho phép thuật những gì trái tim già dặn hơn đã quyết định là tình yêu.

“And then, why has this great Prince di — been so terrified by him? Why has he ceased to persecute us? Why has he been so quiet and still? Is there no sorcery in all that?”

“Và sau đó, tại sao hoàng tử lớn di — lại sợ hãi đến vậy với anh ta? Tại sao anh ta đã ngừng quấy rối chúng ta? Tại sao anh ta đã im lặng và yên tĩnh như vậy? Liệu có phép thuật trong tất cả điều đó không?”

“Think you, then,” said Viola, with sweet inconsistency, “that I owe that happiness and safety to his protection? Oh, let me so believe! Be silent, Gionetta! Why have I only thee and my own terrors to consult? O beautiful sun!” and the girl pressed her hand to her heart with wild energy; “thou lightest every spot but this. Go, Gionetta! leave me alone,—leave me!”

“Có lẽ bạn nghĩ vậy,” Viola nói với sự không nhất quán dễ thương, “rằng tôi nên nợ sự hạnh phúc và an toàn đó cho sự bảo vệ của anh ấy? Ôi, hãy để tôi tin điều đó! Im lặng đi, Gionetta! Tại sao tôi chỉ có mình bạn và nỗi sợ của riêng mình để trao đổi? Ơi mặt trời đẹp đẽ!” và cô gái đặt tay lên trái tim mình với năng lượng hoang dã; “bạn chiếu sáng mọi nơi ngoại trừ đây. Đi đi, Gionetta! hãy để tôi một mình,—hãy để tôi!”

“And indeed it is time I should leave you; for the polenta will be spoiled, and you have eat nothing all day. If you don’t eat you

will lose your beauty, my darling, and then nobody will care for you. Nobody cares for us when we grow ugly,—I know that; and then you must, like old Gionetta, get some Viola of your own to spoil. I'll go and see to the polenta."

"Và thực sự là đến lúc tôi nên rời đi; vì mì năng sẽ bị hỏng, và bạn chẳng ăn gì cả ngày. Nếu bạn không ăn, bạn sẽ mất đi vẻ đẹp, em yêu của tôi, và sau đó không ai quan tâm đến bạn. Không ai quan tâm đến chúng ta khi chúng ta trở nên xấu xí,—tôi biết điều đó; và sau đó bạn sẽ, giống như Gionetta già, phải có một Viola riêng để làm hỏng. Tôi sẽ đi và xem xét mì năng."

"Since I have known this man," said the girl, half aloud,—"since his dark eyes have haunted me, I am no longer the same. I long to escape from myself,—to glide with the sunbeam over the hill-tops; to become something that is not of earth. Phantoms float before me at night; and a fluttering, like the wing of a bird, within my heart, seems as if the spirit were terrified, and would break its cage."

"Kể từ khi tôi biết đến người đàn ông này," cô gái nói, nửa lên tiếng,—"kể từ khi ánh mắt tối tăm của anh ta đã ám ảnh tôi, tôi không còn như trước nữa. Tôi mong muốn thoát khỏi bản thân mình,—trôi với tia nắng qua đỉnh đồi; trở thành điều không phải từ trần. Hồn ma trước mắt tôi vào ban đêm; và một sự rung chuyển, giống như cánh của một con chim, trong trái tim tôi, dường như như là linh hồn sợ hãi, và muốn phá vỡ lồng ngực của mình."

While murmuring these incoherent rhapsodies, a step that she did not hear approached the actress, and a light hand touched her arm. "Viola!—bellissima!—Viola!" She turned, and saw Glyndon. The sight of his fair young face calmed her at once. His presence gave her pleasure.

Trong khi thì thầm những bài thơ không rõ ràng này, một bước chân mà cô không nghe thấy tiến lại gần nữ diễn viên, và một bàn tay nhẹ chạm vào cánh tay cô. "Viola!—bellissima!—Viola!" Cô quay đầu và nhìn thấy Glyndon. Cái nhìn vào gương mặt trẻ đẹp của anh làm cô bình tĩnh ngay lập tức. Sự hiện diện của anh mang lại cho cô niềm vui.

“Viola,” said the Englishman, taking her hand, and drawing her again to the bench from which she had risen, as he seated himself beside her, “you shall hear me speak! You must know already that I love thee! It has not been pity or admiration alone that has led me ever and ever to thy dear side; reasons there may have been why I have not spoken, save by my eyes, before; but this day—I know not how it is—I feel a more sustained and settled courage to address thee, and learn the happiest or the worst. I have rivals, I know,—rivals who are more powerful than the poor artist; are they also more favoured?”

“Viola,” người Anh nói, nắm lấy tay cô, và kéo cô lại gần băng ghế mà cô đã đứng dậy, khi anh ngồi bên cạnh cô, “em sẽ nghe tôi nói! Em phải đã biết rằng tôi yêu em! Điều này không chỉ là lòng thương hay sự ngưỡng mộ đã dẫn dắt tôi lần nào cũng đến bên em; có lẽ có lý do tại sao tôi chưa nói, ngoại trừ qua ánh mắt, trước đây; nhưng hôm nay—tôi không biết làm sao—tôi cảm thấy một sự can đảm ổn định và quyết đoán hơn để nói với em, và biết điều hạnh phúc nhất hoặc tồi tệ nhất. Tôi biết mình có đối thủ,—đối thủ mạnh mẽ hơn người nghệ sĩ nghèo; liệu họ cũng được yêu thích hơn không?”

Viola blushed faintly; but her countenance was grave and distressed. Looking down, and marking some hieroglyphical figures in the dust with the point of her slipper, she said, with some hesitation, and a vain attempt to be gay, “Signor, whoever wastes his thoughts on an actress must submit to have rivals. It is our unhappy destiny not to be sacred even to ourselves.”

Viola đỏ mặt nhè nhẹ; nhưng khuôn mặt của cô trở nên trang nghiêm và đau khổ. Nhìn xuống và đánh dấu một số ký hiệu hình thức trong bụi bẩn bằng đầu giày, cô nói, với một chút do dự, và một cố gắng vô ích để vui vẻ, "Ông, ai mà lãng phí suy nghĩ vào một nữ diễn viên phải chấp nhận có đối thủ. Đó là số phận không may của chúng ta không thể thiêng liêng đến cả với chính bản thân mình."

"But you do not love this destiny, glittering though it seem; your heart is not in the vocation which your gifts adorn."

"Nhưng em không yêu thích số phận này, dù cho nó trông rực rỡ; trái tim em không ở trong nghề nghiệp mà tài năng của em trang trí."

"Ah, no!" said the actress, her eyes filling with tears. "Once I loved to be the priestess of song and music; now I feel only that it is a miserable lot to be slave to a multitude."

"Ôi, không!" nữ diễn viên nói, đôi mắt của cô đầy lệ. "Ngày xưa tôi yêu thích được làm thần dược của âm nhạc và ca hát; bây giờ tôi chỉ cảm thấy rằng đó là một số phận thê thảm khi phải làm nô lệ cho một đám đông."

"Fly, then, with me," said the artist, passionately; "quit forever the calling that divides that heart I would have all my own. Share my fate now and forever,—my pride, my delight, my ideal! Thou shalt inspire my canvas and my song; thy beauty shall be made at once holy and renowned. In the galleries of princes, crowds shall gather round the effigy of a Venus or a Saint, and a whisper shall break forth, 'It is Viola Pisani!' Ah! Viola, I adore thee; tell me that I do not worship in vain."

"Bay đi, với tôi," nghệ sĩ nói, say đắm; "rời xa mãi mãi nghề nghiệp chia cắt trái tim mà tôi muốn có hoàn toàn cho riêng mình. Chia sẻ số phận của tôi bây giờ và mãi mãi,—niềm kiêu hãnh của tôi, niềm vui của tôi, lý tưởng của tôi! Em sẽ truyền

cảm hứng cho bức tranh và bài hát của tôi; vẻ đẹp của em sẽ được tôn thờ và nổi tiếng ngay lập tức. Trong các phòng tranh của các hoàng tử, đám đông sẽ tụ tập xung quanh bức tượng của một Venus hoặc một Thánh, và một lời thì thầm sẽ vang lên, 'Đó là Viola Pisani!' Ah! Viola, tôi tôn sùng em; hãy nói cho tôi biết rằng tôi không thờ phượng một cách vô ích."

"Thou art good and fair," said Viola, gazing on her lover, as he pressed nearer to her, and clasped her hand in his; "but what should I give thee in return?"

"Anh tốt bụng và đẹp trai," Viola nói, nhìn ngắm người yêu của cô, khi anh ta nắm chặt tay cô, "nhưng em nên cho anh điều gì làm đền?"

"Love, love,—only love!"

"Tình yêu, tình yêu,—chỉ có tình yêu!"

"A sister's love?"

"Tình yêu của một người chị?"

"Ah, speak not with such cruel coldness!"

"Ôi, đừng nói với sự lạnh lùng tàn nhẫn như vậy!"

"It is all I have for thee. Listen to me, signor: when I look on your face, when I hear your voice, a certain serene and tranquil calm creeps over and lulls thoughts,—oh, how feverish, how wild! When thou art gone, the day seems a shade more dark; but the shadow soon flies. I miss thee not; I think not of thee: no, I love thee not; and I will give myself only where I love."

"Đó là tất cả những gì em có cho anh. Hãy nghe em, ông: khi nhìn vào gương mặt anh, khi nghe thấy giọng nói của anh, một sự yên bình và bình tĩnh bao phủ và làm dịu bớt suy nghĩ,—ôi,

làm sao nó nóng bỏng, làm sao hoang dại! Khi anh đi, ngày trở nên tối tăm hơn một chút; nhưng cái bóng sớm bay đi. Em không nhớ anh; em không nghĩ về anh: không, em không yêu anh; và em sẽ chỉ trao cho mình em ở nơi em yêu."

"But I would teach thee to love me; fear it not. Nay, such love as thou describest, in our tranquil climates, is the love of innocence and youth."

"Nhưng em sẽ dạy anh yêu em; đừng sợ. Không, tình yêu như anh mô tả, trong khí hậu bình yên của chúng ta, là tình yêu của sự trong sáng và tuổi trẻ."

"Of innocence!" said Viola. "Is it so? Perhaps—" She paused, and added, with an effort, "Foreigner! and wouldst thou wed the orphan? Ah, THOU at least art generous! It is not the innocence thou wouldst destroy!"

"Của sự trong sáng!" Viola nói

"No more, no more!" said Viola, in a stifled tone; "there must be the hand of fate in this. I can speak to you no more now. Farewell!" She sprung past him into the house, and closed the door. Glyndon did not follow her, nor, strange as it may seem, was he so inclined. The thought and recollection of that moonlit hour in the gardens, of the strange address of Zanoni, froze up all human passion. Viola herself, if not forgotten, shrunk back like a shadow into the recesses of his breast. He shivered as he stepped into the sunlight, and musingly retraced his steps into the more populous parts of that liveliest of Italian cities.

"Không nữa, không nữa!" Viola nói trong một giọng khàn giọt; "phải có vận mệnh ở đây. Tôi không thể nói chuyện với anh nữa. Tạm biệt!" Cô bật dậy và lao vào trong nhà, đóng cửa. Glyndon không theo cô, và kỳ lạ như vậy, anh không có ý định đuổi theo cô. Suy tư và kỷ niệm về giờ đêm dưới ánh trăng trong vườn, về

lời nói lạ của Zanoni, làm đóng băng mọi cảm xúc con người. Viola, nếu không bị quên lãng, thì co lại như một bóng trong ký ức của anh. Anh rùng mình khi bước vào ánh nắng mặt trời, và suy tư đi trở lại các khu vực đông đúc hơn của thành phố Ý sôi động nhất.

BOOK III. — THEURGIA. —i cavalier sen vanno dove il pino fatal gli attende in porto. Gerus. Lib., cant. xv (Argomento.)

SÁCH III. — THẦN THUẬT. —các hiệp sĩ rời đi nơi cây thông chết chờ họ ở cảng. Gerus. Lib., canto xv (Tóm lược.)

CHAPTER 3.I. But that which especially distinguishes the brotherhood is their marvellous knowledge of all the resources of medical art. They work not by charms, but simples. —"MS. Account of the Origin and Attributes of the true Rosicrucians," by J. Von D—.

CHƯƠNG 3.I. Nhưng điều đặc biệt phân biệt huynh đệ là kiến thức phi thường của họ về tất cả các nguồn lực của nghệ thuật y học. Họ không thực hiện bằng phép thuật, mà là bằng cách dùng thảo dược. —"Bản Tường trình về Nguyên Do và Thuộc Tính của các Huynh Đệ Hồng Hoa Thập Tự thật sự," của J. Von D —.

At this time it chanced that Viola had the opportunity to return the kindness shown to her by the friendly musician whose house had received and sheltered her when first left an orphan on the world. Old Bernardi had brought up three sons to the same profession as himself, and they had lately left Naples to seek their fortunes in the wealthier cities of Northern Europe, where the musical market was less overstocked. There was only left to glad the household of his aged wife and himself, a lively, prattling, dark-eyed girl of some eight years old, the child of his second son, whose mother had died in giving her birth. It so happened that, about a month previous to the date on which

our story has now entered, a paralytic affection had disabled Bernardi from the duties of his calling. He had been always a social, harmless, improvident, generous fellow—living on his gains from day to day, as if the day of sickness and old age never was to arrive. Though he received a small allowance for his past services, it ill sufficed for his wants,; neither was he free from debt. Poverty stood at his hearth,—when Viola's grateful smile and liberal hand came to chase the grim fiend away. But it is not enough to a heart truly kind to send and give; more charitable is it to visit and console. "Forget not thy father's friend." So almost daily went the bright idol of Naples to the house of Bernardi. Suddenly a heavier affliction than either poverty or the palsy befell the old musician. His grandchild, his little Beatrice, fell ill, suddenly and dangerously ill, of one of those rapid fevers common to the South; and Viola was summoned from her strange and fearful reveries of love or fancy, to the sick-bed of the young sufferer.

Vào thời điểm này, Viola có cơ hội trả lại lòng tốt đã được thể hiện với cô bởi nhạc sĩ thân thiện, ngôi nhà của ông đã đón tiếp và ẩn náu cô khi cô lần đầu bị bỏ rơi như một đứa trẻ mồ côi trên thế giới. Ông Bernardi đã nuôi dạy ba người con trai theo cùng nghề nghiệp như ông, và họ đã gần đây rời Napoli để tìm vận may của mình trong các thành phố giàu có hơn ở Bắc Âu, nơi thị trường âm nhạc không quá đông đúc. Chỉ còn lại làm vui lòng gia đình của bà cô già và ông, một cô bé năng động, nói nhiều, đôi mắt đen lấp lánh khoảng tám tuổi, con gái của người con thứ hai, người mẹ của cô đã qua đời khi sinh cô. Vào khoảng một tháng trước ngày mà câu chuyện của chúng ta bắt đầu, một căn bệnh liệt nửa người đã làm cho Bernardi mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Ông luôn là một người hòa đồng, vô hại, không tiết kiệm, hào phóng—sống dựa vào thu nhập từ ngày này qua ngày khác, như thể ngày bị bệnh và già già không bao giờ đến. Mặc dù ông nhận được một số tiền trợ cấp nhỏ cho những dịch vụ trong quá khứ, nó không đủ cho nhu cầu của ông; ông cũng không thoát khỏi nợ. Nghèo khó đến với ngưỡng

cửa của ông,—khi nụ cười biết ơn và bàn tay hào phóng của Viola đến để đuổi quỷ ác khó chịu đi. Nhưng không đủ với một trái tim thực sự tốt là gửi và tặng; việc thăm viếng và an ủi còn tốt hơn. “Đừng quên người bạn của cha mình.” Vì thế, hầu như mỗi ngày, vị thần tượng sáng của Napoli đến nhà của Bernardi. Đột ngột một bi kịch nặng nề hơn cả nghèo đói hay liệt nửa người đã ập đến với ông nhạc sĩ già. Cháu gái của ông, bé Beatrice, bị ốm, đột ngột và nguy hiểm, bởi một trong những cơn sốt nhanh chóng phổ biến ở miền Nam; và Viola đã được triệu hồi từ những mơ mộng tình yêu hoặc tưởng tượng lạ lẫm và đáng sợ của cô, đến giường bệnh của người đau khổ trẻ tuổi.

The child was exceedingly fond of Viola, and the old people thought that her mere presence would bring healing; but when Viola arrived, Beatrice was insensible. Fortunately there was no performance that evening at San Carlo, and she resolved to stay the night and partake its fearful cares and dangerous vigil.

Đứa trẻ rất thích Viola, và người già nghĩ rằng sự hiện diện của cô sẽ mang lại sự chữa lành; nhưng khi Viola đến, Beatrice đã mất ý thức. May mắn là không có buổi biểu diễn nào vào tối hôm đó ở San Carlo, và cô quyết định ở lại đêm đó và chia sẻ những lo âu đáng sợ và canh gác nguy hiểm của nó.

But during the night the child grew worse, the physician (the leechcraft has never been very skilful at Naples) shook his powdered head, kept his aromatics at his nostrils, administered his palliatives, and departed. Old Bernardi seated himself by the bedside in stern silence; here was the last tie that bound him to life. Well, let the anchor break and the battered ship go down! It was an iron resolve, more fearful than sorrow. An old man, with one foot in the grave, watching by the couch of a dying child, is one of the most awful spectacles in human calamities. The wife was more active, more bustling, more hopeful, and more tearful. Viola took heed of all three. But towards dawn, Beatrice’s state became so obviously alarming, that Viola herself

began to despair. At this time she saw the old woman suddenly rise from before the image of the saint at which she had been kneeling, wrap herself in her cloak and hood, and quietly quit the chamber. Viola stole after her.

Nhưng suốt đêm, tình trạng của đứa trẻ trở nên tồi tệ hơn, bác sĩ (nghề y học không bao giờ được khéo léo lắm tại Napoli) gật đầu phủ bột, giữ các vị thuốc thơm ở mũi, đưa ra các biện pháp giảm đau của mình, và rời đi. Ông Bernardi ngồi bên giường im lặng và nghiêm nghị; đây là mối liên kết cuối cùng mà buộc ông với cuộc sống. Vậy thì, hãy cho neo đứt và con tàu tàn phá chìm xuống! Đó là một quyết tâm bằng sắt, đáng sợ hơn cả nỗi đau. Một ông già, với một chân ở trong mộ, đứng canh bên giường của một đứa trẻ đang chết, là một trong những cảnh tượng đáng sợ nhất trong nạn nhân loài người. Người vợ hoạt bát hơn, náo nhiệt hơn, đầy hy vọng hơn, và đầy nước mắt hơn. Viola chú ý đến cả ba người. Nhưng đến khi bình minh, tình trạng của Beatrice trở nên rõ ràng đáng lo ngại đến như vậy, mà Viola cô cũng bắt đầu hoảng loạn. Lúc đó, cô thấy bà già đột ngột đứng dậy từ trước hình ảnh của thánh mà cô đã đang quỳ gối, bọc mình trong áo choàng và nón, và rời phòng một cách yên lặng. Viola lén theo sau.

“It is cold for thee, good mother, to brave the air; let me go for the physician?” “Child, I am not going to him. I have heard of one in the city who has been tender to the poor, and who, they say, has cured the sick when physicians failed. I will go and say to him, ‘Signor, we are beggars in all else, but yesterday we were rich in love. We are at the close of life, but we lived in our grandchild’s childhood. Give us back our wealth,—give us back our youth. Let us die blessing God that the thing we love survives us.’” She was gone. Why did thy heart beat, Viola? The infant’s sharp cry of pain called her back to the couch; and there still sat the old man, unconscious of his wife’s movements, not stirring, his eyes glazing fast as they watched the agonies of that slight frame. By degrees the wail of pain died into a low

moan,—the convulsions grew feebler, but more frequent; the glow of fever faded into the blue, pale tinge that settles into the last bloodless marble.

“Lạnh cho bà, mẹ hiền, khi bà phải chịu đựng không khí; để con đi gọi bác sĩ?” “Con ơi, mẹ không đi đến bác sĩ. Mẹ đã nghe nói về một người ở thành phố này đã quan tâm đến người nghèo, và họ nói rằng người đó đã chữa trị cho người ốm khi bác sĩ thất bại. Mẹ sẽ đi và nói với người ấy, ‘Ông, chúng tôi là người ăn xin trong mọi thứ, nhưng hôm qua chúng tôi giàu có trong tình yêu. Chúng tôi đang ở cuối đời, nhưng chúng tôi sống trong tuổi thơ của cháu chúng tôi. Hãy trả lại cho chúng tôi tài sản của chúng tôi,—hãy trả lại cho chúng tôi tuổi trẻ của chúng tôi. Hãy để chúng tôi chết với niềm biết ơn Thiên Chúa vì điều chúng tôi yêu thích tồn tại sau chúng tôi.’” Bà đã đi. Làm sao trái tim của cô rung động, Viola? Tiếng khóc sắc bén của đứa trẻ gọi cô trở lại chiếc giường; và vẫn ngồi đó ông già, không biết đến hành động của vợ, không vận động, đôi mắt ông mờ mịt khi nhìn thấy nỗi đau của cơ thể mảnh mai đó. Dần dần, tiếng kêu đau dần chuyển thành tiếng than thở yếu ớt,—cơn co giật trở nên yếu hơn, nhưng nhiều hơn; ánh sáng của cơn sốt phai nhạt thành màu xanh, vẻ mờ tối đó thấm sâu vào viên đá cuối cùng không máu.

The daylight came broader and clearer through the casement; steps were heard on the stairs,—the old woman entered hastily; she rushed to the bed, cast a glance on the patient, “She lives yet, signor, she lives!” Viola raised her eyes,—the child’s head was pillowed on her bosom,—and she beheld Zanoni. He smiled on her with a tender and soft approval, and took the infant from her arms. Yet even then,

“And what cure can the herbs and anodynes effect for thee? If thou canst so readily believe ill of those who have aided and yet would serve thee, thy disease is of the heart; and—nay, weep not! nurse of the sick, and comforter of the sad, I should rather

approve than chide thee. Forgive thee! Life, that ever needs forgiveness, has, for its first duty, to forgive.”

"Và liệu các loại thảo dược và thuốc giảm đau có thể chữa trị cho anh không? Nếu anh có thể dễ dàng tin điều xấu về những người đã giúp đỡ và vẫn muốn phục vụ anh, thì bệnh của anh là bệnh ở trái tim; và—không, đừng khóc! người chăm sóc cho bệnh nhân, và người an ủi những người buồn, tôi thà tán dương hơn là trách mắng anh. Tha thứ cho anh! Cuộc sống, luôn cần phải tha thứ, có, với nhiệm vụ đầu tiên của nó, là tha thứ."

“No, do not forgive me yet. I do not deserve a pardon; for even now, while I feel how ungrateful I was to believe, suspect, aught injurious and false to my preserver, my tears flow from happiness, not remorse. Oh!” she continued, with a simple fervour, unconscious, in her innocence and her generous emotions, of all the secrets she betrayed,—“thou knowest not how bitter it was to believe thee not more good, more pure, more sacred than all the world. And when I saw thee,—the wealthy, the noble, coming from thy palace to minister to the sufferings of the hovel,—when I heard those blessings of the poor breathed upon thy parting footsteps, I felt my very self exalted,—good in thy goodness, noble at least in those thoughts that did NOT wrong thee.”

"Không, đừng tha thứ cho tôi ngay. Tôi không xứng đáng được tha thứ; vì ngay cả lúc này, trong khi tôi cảm thấy mình đã bất hiếu khi tin rằng có điều gì đó xấu, nghi ngờ, gì đó gây hại và sai lầm về người cứu rỗi của mình, nước mắt của tôi chảy từ niềm hạnh phúc, không phải từ sự hối lỗi. Oh!" cô tiếp tục, với một sự nhiệt tình giản dị, không ý thức, trong sự trong sáng và tình cảm hào phóng của mình, về tất cả những bí mật mà cô tiết lộ, —“anh không biết được đắng cay như thế nào khi tin rằng anh không tốt đẹp hơn, không trong trắng hơn, không thánh thiện hơn tất cả thế giới. Và khi tôi thấy anh,—người giàu có, người quý tộc, ra từ cung điện của mình để phục vụ những đau khổ

của nhà nghèo,—khi tôi nghe thấy những lời chúc phúc từ người nghèo thổi vào bước chân của anh khi anh rời đi, tôi cảm thấy bản thân mình được tôn lên,—tốt trong sự tốt lành của anh, quý tộc ít nhất trong những suy nghĩ không làm hại anh."

“And thinkest thou, Viola, that in a mere act of science there is so much virtue? The commonest leech will tend the sick for his fee. Are prayers and blessings a less reward than gold?”

"Và anh nghĩ thế nào, Viola, rằng trong một hành động khoa học đơn giản có nhiều đức tính đến vậy không? Người châm trị thông thường nhất sẽ chăm sóc cho bệnh nhân vì tiền thù lao của mình. Liệu những lời cầu nguyện và phúc là một phần thưởng ít hơn so với vàng không?"

“And mine, then, are not worthless? Thou wilt accept of mine?”

"Và của tôi, thì không vô giá trị? Anh sẽ chấp nhận của tôi không?"

“Ah, Viola!” exclaimed Zanoni, with a sudden passion, that covered her face with blushes, “thou only, methinks, on all the earth, hast the power to wound or delight me!” He checked himself, and his face became grave and sad. “And this,” he added, in an altered tone, “because, if thou wouldst heed my counsels, methinks I could guide a guileless heart to a happy fate.”

"Ôi, Viola!" Zanoni thốt lên với một đam mê đột ngột, khiến cho cô ấy đỏ mặt, "anh nghĩ rằng, chỉ có mình em, trên toàn thế giới, có sức mạnh để làm tổn thương hoặc làm vui vẻ cho anh!" Anh đã ngừng lại, và gương mặt anh trở nên nghiêm túc và buồn bã. “Và điều này,” anh thêm vào, bằng một giọng điệu thay đổi, “bởi vì, nếu em nghe theo lời khuyên của anh, anh nghĩ rằng anh có thể dẫn dắt một trái tim trong sáng đến một số phận hạnh phúc."

“Thy counsels! I will obey them all. Mould me to what thou wilt. In thine absence, I am as a child that fears every shadow in the dark; in thy presence, my soul expands, and the whole world seems calm with a celestial noonday. Do not deny to me that presence. I am fatherless and ignorant and alone!”

"Lời khuyên của anh! Em sẽ tuân theo tất cả. Hãy tạo hình em theo ý anh. Trong lúc anh vắng mặt, em như một đứa trẻ sợ hãi mọi bóng tối trong bóng tối; trong lúc anh hiện diện, linh hồn em mở rộng, và toàn bộ thế giới dường như yên bình như một buổi trưa thiên đàng. Đừng từ chối sự hiện diện đó của anh với em. Em không có cha và không biết, và cô đơn!"

Zanoni averted his face, and, after a moment’s silence, replied calmly,— “Be it so. Sister, I will visit thee again!”

Zanoni quay mặt đi, và, sau một khoảnh khắc im lặng, trả lời một cách bình tĩnh,— "Được thôi. Em gái, anh sẽ đến thăm em một lần nữa!"

CHAPTER 3.II. Gilding pale streams with heavenly alchemy. Shakespeare.

CHƯƠNG 3.II. Chỉnh tô sông nhạt bằng thuật giả kim thiên đàng. Shakespeare.

Who so happy as Viola now! A dark load was lifted from her heart: her step seemed to tread on air; she would have sung for very delight as she went gayly home. It is such happiness to the pure to love,—but oh, such more than happiness to believe in the worth of the one beloved. Between them there might be human obstacles,—wealth, rank, man’s little world. But there was no longer that dark gulf which the imagination recoils to dwell on, and which separates forever soul from soul. He did not love her in return. Love her! But did she ask for love? Did she herself love? No; or she would never have been at once so humble and so bold. How merrily the ocean murmured in her

ear; how radiant an aspect the commonest passer-by seemed to wear! She gained her home,—she looked upon the tree, glancing, with fantastic branches, in the sun. “Yes, brother mine!” she said, laughing in her joy, “like thee, I HAVE struggled to the light!”

Ai hạnh phúc như Viola bây giờ! Một gánh nặng tối tăm đã được gỡ bỏ từ trái tim cô: bước chân của cô dường như bước trên không khí; cô sẽ đã hát vì niềm vui khi cô vui vẻ trở về nhà. Đó là niềm hạnh phúc thật sự khi người trong sáng yêu,—nhưng ơi, hạnh phúc hơn nhiều khi tin vào giá trị của người mà mình yêu. Giữa họ có thể có những trở ngại con người,—sự giàu có, cấp bậc, thế giới nhỏ bé của con người. Nhưng không còn cái vực sâu tối đó mà trí tưởng tượng lún sâu vào, và tách rời mãi mãi linh hồn từ linh hồn. Anh không yêu cô đáp lại. Yêu cô! Nhưng cô đã yêu chưa? Cô có yêu chính mình không? Không; hoặc cô sẽ không bao giờ trở nên đồng thời khiêm nhường và mạnh mẽ như vậy. Biển hát như vui vẻ trong tai cô; ánh mắt rạng rỡ của người qua đường phố dường như mặc. Cô về nhà,—cô nhìn thấy cây, nhìn thấy cây, với những cành cây kỳ quái, trong ánh nắng. “Đúng vậy, anh trai yêu quý của em!” cô nói, cười vui vẻ, “như anh, em ĐÃ vật lội đến ánh sáng!”

She had never hitherto, like the more instructed Daughters of the North, accustomed herself to that delicious Confessional, the transfusion of thought to writing. Now, suddenly, her heart felt an impulse; a new-born instinct, that bade it commune with itself, bade it disentangle its web of golden fancies,—made her wish to look upon her inmost self as in a glass. Upsprung from the embrace of Love and Soul—the Eros and the Psyche—their beautiful offspring, Genius! She blushed, she sighed, she trembled as she wrote. And from the fresh world that she had built for herself, she was awakened to prepare for the glittering stage. How dull became the music, how dim the scene, so exquisite and so bright of old. Stage, thou art the Fairy Land to the vision of the worldly. Fancy, whose music is not heard by

men, whose scenes shift not by mortal hand, as the stage to the present world, art thou to the future and the past!

Cô chưa bao giờ, như những Người con gái của phương Bắc được dạy bảo nhiều hơn, làm quen với việc thú vị đó, việc chuyển đổi suy nghĩ thành văn bản. Giờ đây, đột ngột, trái tim cô cảm thấy một sự thúc đẩy; một bản năng mới sinh, mà bảo nó giao tiếp với chính mình, bảo nó mở rõ ra mạng lưới của những ước mơ vàng,—làm cô muốn nhìn vào bản thân tâm hồn như trong gương. Sinh ra từ sự ôm ấp của Tình yêu và Linh hồn—Eros và Psyche—đứa con xinh đẹp của họ, Tài năng! Cô đỏ mặt, cô thở dài, cô run lên khi cô viết. Và từ thế giới mới mà cô đã xây dựng cho chính mình, cô tỉnh giấc để chuẩn bị cho sân khấu lấp lánh. Âm nhạc trở nên nhạt nhoà, cảnh sắc trở nên mờ nhạt, dù ban đầu nó rất tuyệt vời và sáng sủa. Sân khấu, ngươi là Vương quốc Tiên của tầm nhìn của người thế gian. Suy tưởng, âm nhạc của nó không được nghe bởi con người, cảnh sắc của nó không chuyển đổi bởi tay người tử tế, như sân khấu với thế giới hiện tại, ngươi là của tương lai và quá khứ!

CHAPTER 3.III. In faith, I do not love thee with mine eyes. Shakespeare.

CHƯƠNG 3.III. Theo niềm tin, em không yêu anh bằng đôi mắt của em. Shakespeare.

The next day, at noon, Zanoni visited Viola; and the next day and the next and again the next,—days that to her seemed like a special time set apart from the rest of life. And yet he never spoke to her in the language of flattery, and almost of adoration, to which she had been accustomed. Perhaps his very coldness, so gentle as it was, assisted to this mysterious charm. He talked to her much of her past life, and she was scarcely surprised (she now never thought of TERROR) to perceive how much of that past seemed known to him.

Ngày hôm sau, vào lúc trưa, Zanoni đến thăm Viola; và ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa và lại ngày hôm sau,—những ngày mà đối với cô ấy dường như như một thời gian đặc biệt được chia ra khỏi phần còn lại của cuộc sống. Và tuy nhiên anh không bao giờ nói với cô bằng ngôn ngữ tán tỉnh, và gần như là tôn sùng, mà cô đã quen thuộc. Có lẽ sự lạnh lùng của anh, dù dịu dàng như vậy, đã giúp đến sức quyến rũ bí ẩn này. Anh nói chuyện với cô nhiều về quá khứ của cô, và cô hầu như không ngạc nhiên (cô giờ đây không bao giờ nghĩ đến SỢ HÃI) khi nhận ra bao nhiêu phần của quá khứ đó dường như anh biết.

When Glyndon left Viola, as recorded in the concluding chapter of the second division of this work, he was absorbed again in those mystical desires and conjectures which the haunting recollection of Zanoni always served to create. And as he wandered through the streets, he was scarcely conscious of his own movements till, in the mechanism of custom, he found himself in the midst of one of the noble collections of pictures which form the boast of those Italian cities whose glory is in the past. Thither he had been wont, almost daily, to repair, for the gallery contained some of the finest specimens of a master especially the object of his enthusiasm and study. There, before the works of Salvator, he had often paused in deep and earnest reverence. The striking characteristic of that artist is the “Vigour of Will;” void of the elevated idea of abstract beauty, which furnishes a model and archetype to the genius of more illustrious order, the singular energy of the man hews out of the rock a dignity of his own. His images have the majesty, not of the god, but the savage; utterly free, like the sublimer schools, from the common-place of imitation,—apart, with them, from the conventional littleness of the Real,—he grasps the imagination, and compels it to follow him, not to the heaven, but through all that is most wild and fantastic upon earth; a sorcery, not of the starry magian, but of the gloomy wizard,—a man of romance whose heart beat strongly, griping art with a hand of iron, and forcing it to idealise the scenes of his actual

life. Before this powerful will, Glyndon drew back more awed and admiring than before the calmer beauty which rose from the soul of Raphael, like Venus from the deep.

Khi Glyndon rời bỏ Viola, như đã ghi lại trong chương kết thúc của phần thứ hai của công việc này, anh ta lại mê mải trong những ham muốn và suy luận huyền bí mà ký ức quấy rối về Zanoni luôn tạo ra. Và khi anh ta lang thang qua các con phố, anh ta hầu như không nhận thức được chính mình di chuyển cho đến khi, trong cơ chế của phong tục, anh ta thấy mình ở giữa một trong những bộ sưu tập hùng vĩ về tranh ảnh mà là niềm tự hào của những thành phố Ý mà vinh quang của chúng nằm trong quá khứ. Anh ta đã quen, gần như hàng ngày, đến đó, vì bảo tàng chứa đựng một số bức tranh tốt nhất của một danh hoạ đặc biệt là đối tượng của niềm nhiệt huyết và nghiên cứu của anh. Ở đó, trước các tác phẩm của Salvator, anh thường dừng lại trong sự tôn kính sâu sắc và chân thành. Đặc điểm nổi bật của nghệ sĩ đó là "Sức mạnh của Ý chí;" không có ý tưởng cao cả về vẻ đẹp trừu tượng, mà cung cấp một mô hình và bản nguyên cho tài năng của một hạng cao cả hơn, năng lượng độc đáo của người đàn ông khắc ra từ đá một vẻ đẳng cấp của riêng mình. Hình ảnh của ông có vẻ uy nghi, không phải của vị thần, mà là của người hoang dã; hoàn toàn tự do, như các trường phái cao cả hơn, không chứa những điều bình thường của bắt chước, — riêng biệt, với họ, khỏi sự nhỏ nhen thông thường của Thực tế, — ông nắm bắt trí tưởng tượng, và buộc nó phải theo ông, không phải đến thiên đàng, mà qua tất cả những điều hoang dã và ảo diệu nhất trên trái đất; một phép thuật, không phải của người phù thủy sao, mà của phù thủy u ám, — một người của lãng mạn mà trái tim của ông đập mạnh mẽ, nắm chặt nghệ thuật bằng một bàn tay sắt, và buộc nó phải lý tưởng hóa các cảnh của cuộc sống thực tế của ông. Trước ý chí mạnh mẽ này, Glyndon rút lui với tư cách kính sợ và ngưỡng mộ hơn trước vẻ đẹp bình tĩnh hơn mà nổi lên từ tâm hồn của Raphael, như Venus từ đáy.

And now, as awaking from his reverie, he stood opposite to that wild and magnificent gloom of Nature which frowned on him from the canvas, the very leaves on those gnome-like, distorted trees seemed to rustle sibylline secrets in his ear. Those rugged and sombre Apennines, the cataract that dashed between, suited, more than the actual scenes would have done, the mood and temper of his mind. The stern, uncouth forms at rest on the crags below, and dwarfed by the giant size of the Matter that reigned around them, impressed him with the might of Nature and the littleness of Man. As in genius of the more spiritual cast, the living man, and the soul that lives in him, are studiously made the prominent image; and the mere accessories of scene kept down, and cast back, as if to show that the exile from paradise is yet the monarch of the outward world,—so, in the landscapes of Salvator, the tree, the mountain, the waterfall, become the principal, and man himself dwindles to the accessory. The Matter seems to reign supreme, and its true lord to creep beneath its stupendous shadow. Inert matter giving interest to the immortal man, not the immortal man to the inert matter. A terrible philosophy in art!

Và bây giờ, khi tỉnh giấc từ suy tư, anh đứng đối diện với vẻ u ám hoang dã và tuyệt vời của Thiên nhiên mà nhìn chằm chằm vào anh từ bức tranh, những chiếc lá trên những cây biến dạng giống như lùn và u ám đó đã như rên rỉ những bí mật của sibylline vào tai anh. Những dãy núi Apennines gồ ghề và u ám, thác nước xô giữa, phù hợp hơn là những cảnh thực tế sẽ làm, tâm trạng và tính cách của tâm trí anh. Những hình thái nghiêm nghị và vụng về nằm nghỉ trên những tảng đá dưới, và bị lùn bởi kích thước khổng lồ của Chất mà trị vòng quanh họ, đã ấn tượng anh với sức mạnh của Thiên nhiên và sự nhỏ bé của Con người. Như trong tài năng của hình thức tinh thần hơn, người sống và linh hồn sống trong anh, được chú ý làm hình ảnh nổi bật; và các phụ kiện đơn thuần của cảnh được giữ lại, và đẩy lại, như thể để cho thấy rằng kẻ lưu đày khỏi thiên đàng vẫn là vua của thế giới bên ngoài,—vậy, trong các cảnh quan của

Salvator, cây, núi, thác nước, trở thành chính, và con người chính mình teo nhỏ thành phụ kiện. Chất dường như trị chủ, và chân chính của nó trườn dưới bóng tối khổng lồ của nó. Chất liệu tĩnh vật làm cho người bất tử trở nên đáng quan tâm, chứ không phải người bất tử trở nên đáng quan tâm đối với chất liệu tĩnh vật. Một triết lý kinh khủng trong nghệ thuật!

While something of these thoughts passed through the mind of the painter, he felt his arm touched, and saw Nicot by his side. “A great master,” said Nicot, “but I do not love the school.” “I do not love, but I am awed by it. We love the beautiful and serene, but we have a feeling as deep as love for the terrible and dark.” “True,” said Nicot, thoughtfully. “And yet that feeling is only a superstition. The nursery, with its tales of ghosts and goblins, is the cradle of many of our impressions in the world. But art should not seek to pander to our ignorance; art should represent only truths. I confess that Raphael pleases me less, because I have no sympathy with his subjects. His saints and virgins are to me only men and women.” “And from what source should painting, then, take its themes?” “From history, without doubt,” returned Nicot, pragmatically,—“those great Roman actions which inspire men with sentiments of liberty and valour, with the virtues of a republic. I wish the cartoons of Raphael had illustrated the story of the Horatii; but it remains for France and her Republic to give to posterity the new and the true school, which could never have arisen in a country of priestcraft and delusion.” “And the saints and virgins of Raphael are to you only men and women?” repeated Glyndon, going back to Nicot’s candid confession in amaze, and scarcely hearing the deductions the Frenchman drew from his proposition. “Assuredly. Ha, ha!” and Nicot laughed hideously, “do you ask me to believe in the calendar, or what?” “But the ideal?” “The ideal!” interrupted Nicot. “Stuff! The Italian critics, and your English Reynolds, have turned your head. They are so fond of their ‘gusto grande,’ and their ‘ideal beauty that speaks to the soul!‘—soul!—IS there a soul? I understand a man when

he talks of composing for a refined taste,—for an educated and intelligent reason; for a sense that comprehends truths. But as for the soul,—bah!—we are but modifications of matter, and painting is modification of matter also." Glyndon turned his eyes from the picture before him to Nicot, and from Nicot to the picture. The dogmatist gave a voice to the thoughts which the sight of the picture had awakened. He shook his head without reply.

Trong khi những suy nghĩ này trôi qua tâm trí của họa sĩ, anh cảm thấy cánh tay của mình bị chạm vào, và thấy Nicot bên cạnh. "Một vĩ nhân," Nicot nói, "nhưng tôi không yêu thích trường phái." "Tôi không yêu thích, nhưng tôi bị kinh sợ bởi nó. Chúng ta yêu thích cái đẹp và yên bình, nhưng chúng ta có một cảm xúc sâu sắc như tình yêu đối với cái kinh hoàng và u ám." "Đúng," Nicot nói, suy tư. "Và tuy nhiên cảm xúc đó chỉ là một điều tín ngưỡng. Phòng trẻ, với những câu chuyện ma và yêu tinh, là nơi nuôi dưỡng nhiều ấn tượng của chúng ta trong thế giới. Nhưng nghệ thuật không nên cố gắng chiều lòng sự ngu dốt của chúng ta; nghệ thuật chỉ nên đại diện cho sự thật. Tôi thú nhận rằng Raphael không làm tôi hài lòng bằng cách nào, vì tôi không cảm thông với các chủ đề của ông. Các vị thánh và trinh nữ của ông chỉ là đàn ông và phụ nữ với tôi." "Và nên lấy chủ đề từ đâu cho hội họa?" "Từ lịch sử, không nghi ngờ," Nicot trả lời một cách thiết thực, "những hành động vĩ đại của La Mã kích thích người ta bằng cảm xúc tự do và dũng cảm, với những đức tính của một cộng hòa. Tôi ước mong tranh của Raphael đã minh họa câu chuyện về Horatii; nhưng vẫn còn cho Pháp và cộng hòa của mình truyền lại cho hậu thế trường phái mới và đích thực, mà không thể bao giờ nổi lên trong một quốc gia đầy tôn giáo và ảo tưởng." "Và các vị thánh và trinh nữ của Raphael với anh chỉ là đàn ông và phụ nữ?" Glyndon nhắc lại, quay trở lại lời thú nhận chân thành của Nicot với sự ngạc nhiên, và hầu như không nghe thấy những suy luận mà người Pháp rút ra từ đề xuất của mình. "Chắc chắn. Ha, ha!" và Nicot cười một cách kinh sợ, "anh có muốn tôi tin vào lịch, hay sao?" "Nhưng ý tưởng

lý tưởng?" "Ý tưởng lý tưởng!" Nicot ngắt lời. "Làm sao! Các nhà phê bình Ý, và Reynolds người Anh của anh, đã làm anh mê mẩn. Họ rất thích 'gusto grande' của họ, và 'vẻ đẹp lý tưởng nói với linh hồn!'—linh hồn!—có linh hồn không? Tôi hiểu một người khi anh ta nói về việc sáng tác cho một khẩu vị tinh tế,—cho một lý do được giáo dục và thông minh; cho một giác quan hiểu biết sự thật. Nhưng về linh hồn,—bah!—chúng ta chỉ là sự biến thể của chất, và hội họa cũng là sự biến thể của chất." Glyndon trở mắt từ bức tranh trước mặt anh đến Nicot, và từ Nicot đến bức tranh. Người định kiến đã đưa giọng nói vào những suy nghĩ mà việc nhìn thấy bức tranh đã đánh thức. Anh lắc đầu mà không trả lời.

Glyndon’s mind at that moment had escaped to his art, and the comments and presence of Nicot had been no welcome interruption. He turned from the landscape of Salvator, and his eye falling on a Nativity by Coreggio, the contrast between the two ranks of genius struck him as a discovery. That exquisite repose, that perfect sense of beauty, that strength without effort, that breathing moral of high art, which speaks to the mind through the eye, and raises the thoughts, by the aid of tenderness and love, to the regions of awe and wonder,—ay! THAT was the true school. He quitted the gallery with reluctant steps and inspired ideas; he sought his own home. Here, pleased not to find the sober Mervale, he leaned his face on his hands, and endeavoured to recall the words of Zanoni in their last meeting. Yes, he felt Nicot’s talk even on art was crime; it debased the imagination itself to mechanism. Could he, who saw nothing in the soul but a combination of matter, prate of schools that should excel a Raphael? Yes, art was magic; and as he owned the truth of the aphorism, he could comprehend that in magic there may be religion, for religion is an essential to art. His old ambition, freeing itself from the frigid prudence with which Mervale sought to desecrate all images less substantial than the golden calf of the world, revived, and stirred, and kindled. The subtle detection of what he conceived to be an

error in the school he had hitherto adopted, made more manifest to him by the grinning commentary of Nicot, seemed to open to him a new world of invention. He seized the happy moment,—he placed before him the colours and the canvas. Lost in his conceptions of a fresh ideal, his mind was lifted aloft into the airy realms of beauty; dark thoughts, unhallowed desires, vanished. Zanoni was right: the material world shrunk from his gaze; he viewed Nature as from a mountain-top afar; and as the waves of his unquiet heart became calm and still, again the angel eyes of Viola beamed on them as a holy star.

Tâm trí của Glyndon tại thời điểm đó đã trốn thoát vào nghệ thuật của mình, và nhận xét và sự hiện diện của Nicot không phải là sự gián đoạn được chào đón. Anh quay đi từ cảnh đồi của Salvator, và khi mắt anh chuyển sang một Bài Thánh Nơi Chuộc Tội của Coreggio, sự tương phản giữa hai hạng tài năng đã khiến anh cảm thấy như một phát hiện. Sự yên bình tinh tế đó, cái cảm giác hoàn hảo về vẻ đẹp, sức mạnh mà không cần cố gắng, bài học đạo đức của nghệ thuật cao cấp đó, mà nói với tâm trí qua mắt, và nâng cao tư duy, bằng sự nhân ái và tình yêu, lên những vùng đấng kính và ngạc nhiên,—ôi! Đó là trường học thực sự. Anh rời khỏi phòng tranh với những bước chân miễn cưỡng và ý tưởng đầy cảm hứng; anh tìm về nhà của mình. Ở đây, vui mừng khi không thấy Mervale nghiêm túc, anh dựa mặt vào tay mình, và cố gắng nhớ lại những lời của Zanoni trong cuộc gặp cuối cùng của họ. Vâng, anh cảm thấy cuộc trò chuyện của Nicot ngay cả về nghệ thuật cũng là tội lỗi; nó làm cho trí tưởng tượng chính mình trở thành cơ chế. Liệu anh, người chỉ nhìn thấy trong tâm hồn một sự kết hợp của vật chất, có thể nói về những trường học mà nên vượt trội hơn một Raphael không? Vâng, nghệ thuật là phép thuật; và khi anh thừa nhận sự thật của ngạn ngữ đó, anh có thể hiểu rằng trong phép thuật có thể có tôn giáo, vì tôn giáo là một phần thiết yếu của nghệ thuật. Hoài bão cũ của anh, thoát khỏi sự cẩn trọng lạnh lùng mà Mervale cố gắng làm hủy hoại tất cả những hình ảnh ít cốt lõi hơn con bò vàng của thế giới, đã hồi sinh, và kích thích,

và đốt lên. Sự phát hiện tinh tế của điều anh cho là một sai lầm trong trường học mà anh đã theo đuổi cho đến nay, được làm rõ hơn đối với anh bởi bình luận cười nhạo của Nicot, dường như mở ra trước mắt anh một thế giới sáng tạo mới. Anh nắm lấy khoảnh khắc hạnh phúc,—anh đặt trước mặt mình những màu sắc và bức vẽ. Lạc trong những khái niệm về một lý tưởng mới, tâm trí anh được nâng lên vào những vùng không khí của vẻ đẹp; những suy tư tăm tối, những ham muốn không thanh khiết, biến mất. Zanoni đã đúng: thế giới vật chất co lại khỏi ánh nhìn của anh; anh nhìn thấy Thiên Nhiên như từ một ngọn núi xa xăm; và khi những sóng của trái tim không yên bắt đầu trở nên yên bình và tĩnh lặng, lại một lần nữa đôi mắt thiên thần của Viola chiếu sáng trên chúng như một ngôi sao thánh.

Locking himself in his chamber, he refused even the visits of Mervale. Intoxicated with the pure air of his fresh existence, he remained for three days, and almost nights, absorbed in his employment; but on the fourth morning came that reaction to which all labour is exposed. He woke listless and fatigued; and as he cast his eyes on the canvas, the glory seemed to have gone from it. Humiliating recollections of the great masters he aspired to rival forced themselves upon him; defects before unseen magnified themselves to deformities in his languid and discontented eyes. He touched and retouched, but his hand failed him; he threw down his instruments in despair; he opened his casement: the day without was bright and lovely; the street was crowded with that life which is ever so joyous and affluent in the animated population of Naples. He saw the lover, as he passed, conversing with his mistress by those mute gestures which have survived all changes of languages, the same now as when the Etruscan painted yon vases in the Museo Borbonico. Light from without beckoned his youth to its mirth and its pleasures; and the dull walls within, lately large enough to comprise heaven and earth, seemed now cabined and confined as a felon's prison. He welcomed the step of Mervale at his threshold, and unbarred the door.

Tự khóa mình trong phòng, anh từ chối thậm chí cả sự ghé thăm của Mervale. Say mê với không khí trong lành của sự tồn tại mới mẻ của mình, anh ở lại trong ba ngày, và gần như đêm, tập trung vào công việc của mình; nhưng vào sáng ngày thứ tư, sự phản ứng đó mà mọi lao động đều phải đối mặt đã đến. Anh thức dậy mệt mỏi và mệt mỏi; và khi anh nhìn vào bức tranh, vẻ vinh quang dường như đã biến mất. Những kỷ niệm đáng xấu hổ về những bậc thầy vĩ đại mà anh ao ước vượt qua bắt buộc anh phải đối diện; những khuyết điểm trước đây không thấy tự phóng đại thành những dạng dạng trong đôi mắt uể oải và không hài lòng của anh. Anh chạm và chạm lại, nhưng tay anh đã không còn đủ sức; anh ném xuống các dụng cụ một cách tuyệt vọng; anh mở cửa sổ: ngày ngoài trời sáng và dễ thương; đường phố đông người với cuộc sống đầy niềm vui và phong phú của dân số sôi nổi của Naples. Anh nhìn thấy người yêu, khi anh đi qua, trò chuyện với người tình bằng những cử chỉ câm mà đã tồn tại qua tất cả những thay đổi của ngôn ngữ, giống như bây giờ như khi người Etruscan vẽ các chum sứ kia trong Bảo Tàng Museo Borbonico. Ánh sáng từ bên ngoài gọi mời tuổi trẻ của anh đến vui vẻ và niềm vui của nó; và những bức tường u ám bên trong, gần đây đủ lớn để bao gồm trời và đất, dường như giờ đây bị hạn chế và giam cầm như trong tù nhân. Anh chào đón bước chân của Mervale tại ngưỡng cửa, và mở cửa.

“And is that all you have done?” said Mervale, glancing disdainfully at the canvas. “Is it for this that you have shut yourself out from the sunny days and moonlit nights of Naples?” “While the fit was on me, I basked in a brighter sun, and imbibed the voluptuous luxury of a softer moon.” “You own that the fit is over. Well, that is some sign of returning sense. After all, it is better to daub canvas for three days than make a fool of yourself for life. This little siren?” “Be dumb! I hate to hear you name her.” Mervale drew his chair nearer to Glyndon’s, thrust his hands deep in his breeches-pockets, stretched his legs, and was about to begin a serious strain of expostulation,

when a knock was heard at the door, and Nicot, without waiting for leave, obtruded his ugly head.

"Và đó là tất cả những gì anh đã làm?" Mervale nói, nhìn khinh miệt vào bức tranh. "Chính vì điều này mà anh đã tự khóa mình khỏi những ngày nắng và đêm trăng của Naples?" "Khi cảm giác đó đang hiện hữu trong tôi, tôi được tận hưởng ánh nắng sáng hơn, và hấp thụ sự xa hoa của một ánh trăng mềm mại." "Anh thừa nhận rằng cảm giác đã qua. Vâng, đó là một dấu hiệu của sự trở lại lý trí. Cuối cùng, cũng tốt hơn là vẽ tranh cho ba ngày thay vì tự làm mình trở thành một kẻ ngốc suốt đời. Con kỳ lân nhỏ này?" "Im đi! Tôi ghét nghe anh nhắc đến cô ấy." Mervale đẩy chiếc ghế của mình gần hơn với Glyndon, chìm tay sâu vào túi quần, duỗi chân, và sắp bắt đầu một đoạn lời đối thoại nghiêm túc, khi một tiếng gõ được nghe thấy tại cửa, và Nicot, mà không chờ phép, đưa đầu xấu xí của mình vào.

"A better offer? You don’t understand me,” said Nicot. “I, Jean Nicot, propose to marry the girl; marry her! Others may make her more liberal offers, but no one, I apprehend, would make one so honourable. I alone have pity on her friendless situation. Besides, according to the dawning state of things, one will always, in France, be able to get rid of a wife whenever one wishes. We shall have new laws of divorce. Do you imagine that an Italian girl—and in no country in the world are maidens, it seems, more chaste (though wives may console themselves with virtues more philosophical)—would refuse the hand of an artist for the settlements of a prince? No; I think better of the Pisani than you do. I shall hasten to introduce myself to her.”

"Một ưu đãi tốt hơn? Anh không hiểu tôi,” Nicot nói. “Tôi, Jean Nicot, đề nghị kết hôn với cô gái; kết hôn với cô ấy! Người khác có thể đưa ra những đề nghị rộng lượng hơn, nhưng không ai, tôi nghĩ, sẽ đưa ra một đề nghị cao quý như vậy. Chỉ có mình tôi thương xót cho tình cảnh không bạn bè của cô ấy. Ngoài ra, theo tình hình mới mở ra, ở Pháp, luôn có thể thoát khỏi một người

vợ bất cứ khi nào muốn. Chúng ta sẽ có luật ly dị mới. Anh có tưởng tượng rằng một cô gái Ý—và ở không quốc gia nào trên thế giới các thiếu nữ, dường như, chân chaste hơn (mặc dù các vợ có thể an ủi bản thân bằng những đức tính triết học hơn)—sẽ từ chối tay của một nghệ sĩ vì sự sắp đặt của một hoàng tử không? Không; tôi nghĩ tốt hơn về Pisani hơn anh. Tôi sẽ nhanh chóng giới thiệu với cô ấy."

"I wish you all success, Monsieur Nicot," said Mervale, rising, and shaking him heartily by the hand.

"Tôi chúc anh mọi thành công, ông Nicot," Mervale nói, đứng dậy và bắt tay anh một cách nồng nhiệt.

Glyndon cast at them both a disdainful glance.

Glyndon liếc nhìn họ cả hai với ánh mắt khinh miệt.

"Perhaps, Monsieur Nicot," said he, at length, constraining his lips into a bitter smile,—"perhaps you may have rivals."

"Có lẽ, ông Nicot," anh nói, cuối cùng, kìm hãm môi thành nụ cười cay đắng,—"có lẽ anh có đối thủ."

"So much the better," replied Monsieur Nicot, carelessly, kicking his heels together, and appearing absorbed in admiration at the size of his large feet.

"Càng tốt," ông Nicot trả lời lơ đãng, đá chân lại với nhau, và dường như say mê ngắm nhìn kích thước của bàn chân to của mình.

"I myself admire Viola Pisani."

"Chính tôi ngưỡng mộ Viola Pisani."

"Every painter must!"

“Mọi họa sĩ phải ngưỡng mộ!”

“I may offer her marriage as well as yourself.”

“Tôi cũng có thể đề nghị cô ấy kết hôn như anh.”

“That would be folly in you, though wisdom in me. You would not know how to draw profit from the speculation! Cher confrere, you have prejudices.”

“Điều đó sẽ là ngu dại ở anh, mặc dù là sự khôn ngoan ở tôi. Anh sẽ không biết cách rút lời từ sự đầu tư! Cher confrere, anh có định kiến.”

“You do not dare to say you would make profit from your own wife?”

“Anh không dám nói rằng anh sẽ rút lời từ vợ của mình sao?”

“The virtuous Cato lent his wife to a friend. I love virtue, and I cannot do better than imitate Cato. But to be serious,—I do not fear you as a rival. You are good-looking, and I am ugly. But you are irresolute, and I decisive. While you are uttering fine phrases, I shall say, simply, ‘I have a bon etat. Will you marry me?’ So do your worst, cher confrere. Au revoir, behind the scenes!”

“Cato đạo đức đã cho vợ mình cho một người bạn. Tôi yêu đạo đức, và tôi không thể làm tốt hơn ngoài việc bắt chước Cato. Nhưng để nghiêm túc,—tôi không sợ anh như một đối thủ. Anh đẹp trai, còn tôi xấu xí. Nhưng anh không quyết đoán, còn tôi quyết định. Trong khi anh đang phát biểu những câu nói tinh tế, tôi sẽ nói, đơn giản, ‘Tôi có một tình trạng tốt. Anh sẽ kết hôn với tôi chứ?’ Vậy hãy làm điều tồi tệ nhất của anh, cher confrere. Au revoir, sau màn!”

So saying, Nicot rose, stretched his long arms and short legs, yawned till he showed all his ragged teeth from ear to ear, pressed down his cap on his shaggy head with an air of defiance, and casting over his left shoulder a glance of triumph and malice at the indignant Glyndon, sauntered out of the room.

Nói xong, Nicot đứng dậy, vươn tay dài và chân ngắn, ngáp đến khi anh ta lộ ra tất cả các răng rách từ tai này đến tai kia, đẩy mũ sâu xuống đầu rậm rạp với vẻ kiêu ngạo, và nhìn qua vai trái một cái nhìn thắng lợi và ác ý vào Glyndon tức giận, bước ra khỏi phòng.

Mervale burst into a violent fit of laughter. “See how your Viola is estimated by your friend. A fine victory, to carry her off from the ugliest dog between Lapland and the Calmucks.”

Mervale bùng nổ vào một cơn cười dữ dội. “Xem xem cách mà người bạn của anh đánh giá Viola. Một chiến thắng tuyệt vời, để đưa cô ấy ra khỏi tay con chó xấu nhất giữa Lapland và Calmucks.”

Glyndon was yet too indignant to answer, when a new visitor arrived. It was Zanoni himself. Mervale, on whom the appearance and aspect of this personage imposed a kind of reluctant deference, which he was unwilling to acknowledge, and still more to betray, nodded to Glyndon, and saying, simply, “More when I see you again,” left the painter and his unexpected visitor.

Glyndon vẫn còn quá tức giận để trả lời, khi một khách mới đến. Đó chính là Zanoni. Mervale, trước vẻ ngoại hình và diện mạo của người này, đã đánh cho anh ta một sự phục tùng không muốn phải thừa nhận, và hơn thế nữa là không muốn phải phản bội, gật đầu với Glyndon, và nói, đơn giản, “Nhiều hơn khi tôi gặp lại anh,” rồi rời khỏi họa sĩ và khách thăm bất ngờ của mình.

“I see,” said Zanoni, lifting the cloth from the canvas, “that you have not slighted the advice I gave you. Courage, young artist; this is an escape from the schools: this is full of the bold self-confidence of real genius. You had no Nicot—no Mervale—at your elbow when this image of true beauty was conceived!”

“Tôi thấy,” Zanoni nói, nâng khăn từ bức tranh, “rằng anh đã không coi thường lời khuyên mà tôi đã đưa ra cho anh. Dũng cảm lên, người nghệ sĩ trẻ; đây là một thoát khỏi nhà trường: đây đầy đủ lòng tự tin mạnh mẽ của thiên tài thực sự. Anh không có Nicot—không có Mervale—ở bên cạnh anh khi hình ảnh vẻ đẹp thực sự này được tạo ra!”

Charmed back to his art by this unlooked-for praise, Glyndon replied modestly, “I thought well of my design till this morning; and then I was disenchanted of my happy persuasion.”

Bị cuốn hút trở lại với nghệ thuật của mình bởi lời khen không mong đợi này, Glyndon trả lời một cách khiêm tốn, “Tôi đã nghĩ tốt về thiết kế của mình cho đến sáng nay; và sau đó tôi đã mất niềm tin hạnh phúc của mình.”

“Say, rather, that, unaccustomed to continuous labour, you were fatigued with your employment.”

“Hãy nói, thay vì, rằng, không quen với lao động liên tục, anh mệt mỏi với công việc của mình.”

“That is true. Shall I confess it? I began to miss the world without. It seemed to me as if, while I lavished my heart and my youth upon visions of beauty, I was losing the beautiful realities of actual life. And I envied the merry fisherman, singing as he passed below my casement, and the lover conversing with his mistress.”

“Điều đó đúng. Liệu tôi có nên thú nhận không? Tôi bắt đầu nhớ về thế giới bên ngoài. Dường như với tôi, trong khi tôi dành trái

tim và tuổi trẻ cho những ảo tưởng về vẻ đẹp, tôi đang mất đi những thực tế đẹp của cuộc sống thực sự. Và tôi ghen tị với ngư dân vui vẻ, hát như anh ta đi qua dưới cửa sổ của tôi, và người tình đang trò chuyện với người tình của mình."

"And," said Zanoni, with an encouraging smile, "do you blame yourself for the natural and necessary return to earth, in which even the most habitual visitor of the Heavens of Invention seeks his relaxation and repose? Man's genius is a bird that cannot be always on the wing; when the craving for the actual world is felt, it is a hunger that must be appeased. They who command best the ideal, enjoy ever most the real. See the true artist, when abroad in men's thoroughfares, ever observant, ever diving into the heart, ever alive to the least as to the greatest of the complicated truths of existence; descending to what pedants would call the trivial and the frivolous. From every mesh in the social web, he can disentangle a grace. And for him each airy gossamer floats in the gold of the sunlight. Know you not that around the animalcule that sports in the water there shines a halo, as around the star (The monas mica, found in the purest pools, is encompassed with a halo. And this is frequent amongst many other species of animalcule.) that revolves in bright pastime through the space? True art finds beauty everywhere. In the street, in the market-place, in the hovel, it gathers food for the hive of its thoughts. In the mire of politics, Dante and Milton selected pearls for the wreath of song."

"Và," Zanoni nói, với một nụ cười động viên, "anh có trách bản thân về sự trở lại tự nhiên và cần thiết đất đai, trong đó ngay cả người thường xuyên ghé thăm Thiên Đường Sáng Tạo cũng tìm kiếm sự nghỉ ngơi và an nhiên? Thiên tài của con người là một con chim không thể luôn luôn trên cánh; khi cảm giác đói khao về thế giới thực tế, đó là một sự đói khát phải được đền đáp. Những người thống trị tốt nhất lý tưởng, luôn luôn thích nhất thực tế. Hãy xem họa sĩ thực thụ, khi ra ngoài đường phố, luôn quan sát, luôn nhìn sâu vào tâm hồn, luôn sống động với những

sự thật phức tạp nhỏ nhất cũng như lớn nhất của tồn tại; hạ cấp xuống những điều mà những người học giả gọi là những điều tầm thường và không quan trọng. Từ mỗi mắt lưới trong mạng xã hội, anh ta có thể mở ra một vẻ đẹp. Và với anh ta, mỗi sợi tơ nhẹ bay lơ lửng trong ánh nắng mặt trời. Anh có biết rằng xung quanh sinh vật nhỏ chơi đùa trong nước có một vòng sáng, giống như xung quanh ngôi sao (The monas mica, được tìm thấy trong những hồ nước trong nhất, được bao bọc bởi một vòng sáng. Và điều này thường xuyên xảy ra ở nhiều loài khác của sinh vật nhỏ.) quay quanh trong sự giải trí sáng sủa qua không gian? Nghệ thuật thực sự tìm thấy vẻ đẹp ở mọi nơi. Trong đường phố, trong chợ, trong lều, nó thu thập thức ăn cho tổ suy tư của mình. Trong bùn của chính trị, Dante và Milton đã chọn lựa những viên ngọc cho vòng hoa của bài hát."

"No; but I will adapt my answer the better to your comprehension, for it is upon this very point that I have sought you. Listen to me!" Zanoni fixed his eyes earnestly on his listener, and continued: "For the accomplishment of whatever is great and lofty, the clear perception of truths is the first requisite,—truths adapted to the object desired. The warrior thus reduces the chances of battle to combinations almost of mathematics. He can predict a result, if he can but depend upon the materials he is forced to employ. At such a loss he can cross that bridge; in such a time he can reduce that fort. Still more accurately, for he depends less on material causes than ideas at his command, can the commander of the purer science or diviner art, if he once perceive the truths that are in him and around, foretell what he can achieve, and in what he is condemned to fail. But this perception of truths is disturbed by many causes,—vanity, passion, fear, indolence in himself, ignorance of the fitting means without to accomplish what he designs. He may miscalculate his own forces; he may have no chart of the country he would invade. It is only in a peculiar state of the mind that it is capable of perceiving truth; and that state is profound serenity. Your mind is fevered by a desire for

truth: you would compel it to your embraces; you would ask me to impart to you, without ordeal or preparation, the grandest secrets that exist in Nature. But truth can no more be seen by the mind unprepared for it, than the sun can dawn upon the midst of night. Such a mind receives truth only to pollute it: to use the simile of one who has wandered near to the secret of the sublime Goetia (or the magic that lies within Nature, as electricity within the cloud), 'He who pours water into the muddy well, does but disturb the mud.'" ("Iamb. de Vit. Pythag.")

"Không; nhưng tôi sẽ điều chỉnh câu trả lời của mình sao cho phù hợp với sự hiểu biết của bạn, vì chính vấn đề này mà tôi đã tìm kiếm bạn. Hãy lắng nghe tôi!" Zanoni nhìn chăm chú vào người nghe, và tiếp tục: "Để thực hiện mọi điều vĩ đại và cao cả, sự nhận biết rõ ràng về sự thật là yếu tố quan trọng nhất,—những sự thật phù hợp với mục tiêu mong muốn. Chiến binh giảm thiểu cơ hội chiến đấu thành các kết hợp gần như toán học. Anh ta có thể dự đoán kết quả, nếu anh ta chỉ có thể phụ thuộc vào các vật liệu anh ta buộc phải sử dụng. Trong tình cảnh như vậy, anh ta có thể vượt qua cây cầu đó; trong thời gian như vậy, anh ta có thể giảm thiểu pháo đài đó. Còn chính xác hơn nữa, vì anh ta phụ thuộc ít vào nguyên nhân vật chất hơn là ý tưởng mà anh ta có, chỉ có thể trước báo được những gì anh ta có thể đạt được, và trong những điều anh ta bị kết án thất bại. Nhưng sự nhận biết về sự thật này bị làm xáo trộn bởi nhiều nguyên nhân,—tính kiêu căng, đam mê, nỗi sợ, sự lười biếng trong chính mình, sự không hiểu biết về những phương tiện phù hợp bên ngoài để thực hiện những gì anh ta thiết kế. Anh ta có thể tính toán sai về lực lượng của chính mình; anh ta có thể không có bản đồ của đất nước mà anh ta muốn xâm lược. Chỉ có trong một trạng thái tinh thần đặc biệt mà nó có thể nhận biết được sự thật; và trạng thái đó là sự yên bình sâu sắc. Tâm trí của bạn đang sốt ruột vì mong muốn sự thật: bạn muốn ép buộc nó vào vòng tay bạn; bạn muốn yêu cầu tôi truyền cho bạn, mà không cần trải qua thử thách hoặc chuẩn bị, những bí mật cao

quý nhất tồn tại trong Tự Nhiên. Nhưng sự thật không thể được nhìn thấy bởi tâm trí không chuẩn bị cho nó, như mặt trời không thể mọc giữa đêm tối. Một tâm trí như vậy chỉ nhận thức sự thật chỉ để làm bẩn nó: để sử dụng ví dụ của người đã bước gần với bí mật của Goetia tối cao (hoặc phép thuật nằm trong Tự Nhiên, như điện trong mây), 'Người đổ nước vào giếng đục, chỉ làm xáo trộn bùn.'" ("Iamb. de Vit. Pythag.")

"What do you tend to?"

"Bạn hướng đến điều gì?"

"This: that you have faculties that may attain to surpassing power, that may rank you among those enchanters who, greater than the magian, leave behind them an enduring influence, worshipped wherever beauty is comprehended, wherever the soul is sensible of a higher world than that in which matter struggles for crude and incomplete existence. "But to make available those faculties, need I be a prophet to tell you that you must learn to concentre upon great objects all your desires? The heart must rest, that the mind may be active. At present you wander from aim to aim. As the ballast to the ship, so to the spirit are faith and love. With your whole heart, affections, humanity, centred in one object, your mind and aspirations will become equally steadfast and in earnest. Viola is a child as yet; you do not perceive the high nature the trials of life will develop. Pardon me, if I say that her soul, purer and loftier than your own, will bear it upward, as a secret hymn carries aloft the spirits of the world. Your nature wants the harmony, the music which, as the Pythagoreans wisely taught, at once elevates and soothes. I offer you that music in her love." "But am I sure that she does love me?" "Artist, no; she loves you not at present; her affections are full of another. But if I could transfer to you, as the loadstone transfers its attraction to the magnet, the love that she has now for me,—if I could cause her to see in you the ideal of her dreams—" "Is such a gift in the power of man?" "I

offer it to you, if your love be lawful, if your faith in virtue and yourself be deep and loyal; if not, think you that I would disenchant her with truth to make her adore a falsehood?" "But if," persisted Glyndon,—"if she be all that you tell me, and if she love you, how can you rob yourself of so priceless a treasure?" "Oh, shallow and mean heart of man!" exclaimed Zanoni, with unaccustomed passion and vehemence, "dost thou conceive so little of love as not to know that it sacrifices all—love itself—for the happiness of the thing it loves? Hear me!" And Zanoni's face grew pale. "Hear me! I press this upon you, because I love her, and because I fear that with me her fate will be less fair than with yourself. Why,—ask not, for I will not tell you. Enough! Time presses now for your answer; it cannot long be delayed. Before the night of the third day from this, all choice will be forbid you!" "But," said Glyndon, still doubting and suspicious, —"but why this haste?" "Man, you are not worthy of her when you ask me. All I can tell you here, you should have known yourself. This ravisher, this man of will, this son of the old Visconti, unlike you,—steadfast, resolute, earnest even in his crimes,—never relinquishes an object. But one passion controls his lust,—it is his avarice. The day after his attempt on Viola, his uncle, the Cardinal —, from whom he has large expectations of land and gold, sent for him, and forbade him, on pain of forfeiting all the possessions which his schemes already had parcelled out, to pursue with dishonourable designs one whom the Cardinal had heeded and loved from childhood. This is the cause of his present pause from his pursuit. While we speak, the cause expires. Before the hand of the clock reaches the hour of noon, the Cardinal — will be no more. At this very moment thy friend, Jean Nicot, is with the Prince di —." "He! wherefore?" "To ask what dower shall go with Viola Pisani, the morning that she leaves the palace of the prince." "And how do you know all this?" "Fool! I tell thee again, because a lover is a watcher by night and day; because love never sleeps when danger menaces the beloved one!" "And you it was that informed the Cardinal —?" "Yes; and what has been my task might as easily have been

thine. Speak,—thine answer!" "You shall have it on the third day from this." "Be it so. Put off, poor waverer, thy happiness to the last hour. On the third day from this, I will ask thee thy resolve." "And where shall we meet?" "Before midnight, where you may least expect me. You cannot shun me, though you may seek to do so!" "Stay one moment! You condemn me as doubtful, irresolute, suspicious. Have I no cause? Can I yield without a struggle to the strange fascination you exert upon my mind? What interest can you have in me, a stranger, that you should thus dictate to me the gravest action in the life of man? Do you suppose that any one in his senses would not pause, and deliberate, and ask himself, 'Why should this stranger care thus for me?'" "And yet," said Zanoni, "if I told thee that I could initiate thee into the secrets of that magic which the philosophy of the whole existing world treats as a chimera, or imposture; if I promised to show thee how to command the beings of air and ocean, how to accumulate wealth more easily than a child can gather pebbles on the shore, to place in thy hands the essence of the herbs which prolong life from age to age, the mystery of that attraction by which to awe all danger and disarm all violence and subdue man as the serpent charms the bird,—if I told thee that all these it was mine to possess and to communicate, thou wouldst listen to me then, and obey me without a doubt!"

"Điều gì bạn muốn?" "Điều này: rằng bạn có khả năng có thể đạt được sức mạnh vượt trội, có thể xếp hạng bạn vào số những phù thủy đó, lớn hơn cả phù thủy, để lại ảnh hưởng bền vững, được tôn sùng ở mọi nơi nơi vẻ đẹp được hiểu, nơi linh hồn cảm nhận được một thế giới cao cấp hơn thế giới mà vật chất đấu tranh cho sự tồn tại thô sơ và không hoàn chỉnh. "Nhưng để tận dụng những khả năng đó, liệu rằng tôi cần phải là một tiên tri để nói với bạn rằng bạn phải học cách tập trung tất cả những khao khát của mình vào những mục tiêu lớn? Trái tim phải yên nghỉ, để tâm trí có thể hoạt động. Hiện tại bạn lang thang từ mục tiêu này sang mục tiêu khác. Như cân bằng cho con thuyền, đối với tinh thần là niềm tin và tình yêu. Với cả trái tim, tình cảm, nhân

loại, tập trung vào một đối tượng, tâm trí và khát vọng của bạn sẽ trở nên bền bỉ và chân thành. Viola vẫn còn là một đứa trẻ; bạn không nhận ra bản chất cao quý mà những thử thách của cuộc sống sẽ phát triển. Xin lỗi, nếu tôi nói rằng linh hồn của cô ấy, trong sáng và cao cả hơn của bạn, sẽ đưa nó lên cao, như một bản nhạc bí mật đưa lên cao tinh thần của thế giới. Bản tính của bạn thiếu hòa hợp, âm nhạc mà, như các học giả Pythagoreans dạy rằng, cùng một lúc nâng cao và làm dịu. Tôi mang đến cho bạn âm nhạc đó trong tình yêu của cô ấy." "Nhưng tôi có chắc rằng cô ấy yêu tôi không?" "Nghệ sĩ, không; cô ấy không yêu bạn lúc này; tình cảm của cô ấy đầy với một người khác. Nhưng nếu tôi có thể chuyển giao cho bạn, như cách nam châm chuyển giao sức hút của nó cho nam châm, tình yêu mà cô ấy hiện có cho tôi, —nếu tôi có thể khiến cô ấy nhìn thấy trong bạn ý tưởng của giấc mơ của cô ấy—" "Một món quà như vậy có trong khả năng của con người không?" "Tôi đề xuất nó cho bạn, nếu tình yêu của bạn là hợp pháp, nếu niềm tin của bạn vào đức hạnh và chính mình sâu sắc và trung thành; nếu không, bạn có nghĩ rằng tôi sẽ làm cho cô ấy mê mải với sự thật để khiến cô ấy tôn sùng một sự dối trá?" "Nhưng nếu," Glyndon cứ kiên trì,—"nếu cô ấy là tất cả những gì bạn nói với tôi, và nếu cô ấy yêu bạn, làm sao bạn có thể cướp mất cho mình một kho báu quý giá như vậy?" "Ôi, trái tim hèn nhát và tầm thường của con người!" Zanoni thốt lên với sự nhiệt tình và mãnh liệt không quen, "anh không hiểu tình yêu mà không biết rằng nó hy sinh tất cả—chính tình yêu—để hạnh phúc cho thứ mà nó yêu thích? Hãy lắng nghe tôi!" Và khuôn mặt của Zanoni trở nên tái nhợt. "Hãy lắng nghe tôi! Tôi đặt điều này lên bạn, vì tôi yêu cô ấy, và vì tôi lo sợ rằng với tôi, số phận của cô ấy sẽ không công bằng bằng với bạn. Tại sao,—đừng hỏi, vì tôi sẽ không nói cho bạn biết. Đủ rồi! Thời gian đang gấp gáp cho câu trả lời của bạn; nó không thể bị trì hoãn lâu dài. Trước đêm của ngày thứ ba từ đây, mọi lựa chọn sẽ bị cấm đoán bạn!" "Nhưng," Glyndon vẫn nghi ngờ và đa nghi,—"nhưng tại sao lại vội vã như vậ

“It is true; and I can account for this only by the imperfect associations of my childhood,—by traditions in our house of—”

“Điều đó đúng; và tôi chỉ có thể giải thích điều này bằng những liên kết không hoàn hảo từ thời thơ ấu của tôi,—bởi những truyền thống trong nhà chúng ta về—”

“Your forefather, who, in the revival of science, sought the secrets of Apollonius and Paracelsus.”

“Ông tổ của bạn, người, trong sự hồi sinh của khoa học, đã tìm kiếm bí mật của Apollonius và Paracelsus.”

“What!” said Glyndon, amazed, “are you so well acquainted with the annals of an obscure lineage?”

“Gì chứ!” Glyndon ngạc nhiên nói, “bạn quen thuộc đến vậy với sử sách của một dòng dõi tăm tối?”

“To the man who aspires to know, no man who has been the meanest student of knowledge should be unknown. You ask me why I have shown this interest in your fate? There is one reason which I have not yet told you. There is a fraternity as to whose laws and whose mysteries the most inquisitive schoolmen are in the dark. By those laws all are pledged to warn, to aid, and to guide even the remotest descendants of men who have toiled, though vainly, like your ancestor, in the mysteries of the Order. We are bound to advise them to their welfare; nay, more,—if they command us to it, we must accept them as our pupils. I am a survivor of that most ancient and immemorial union. This it was that bound me to thee at the first; this, perhaps, attracted thyself unconsciously, Son of our Brotherhood, to me.”

“Đối với người mà khao khát hiểu biết, không ai từng là học trò kém nhất về tri thức cũng không nên là không quen. Bạn hỏi tại sao tôi đã thể hiện sự quan tâm này đến số phận của bạn? Có

một lý do mà tôi chưa nói với bạn. Có một hội đồng mà về luật lệ và bí ẩn của nó, các nhà học giả tò mò nhất đều không hiểu biết. Theo những luật lệ đó, tất cả đều cam kết phải cảnh báo, hỗ trợ và hướng dẫn ngay cả những hậu duệ xa nhất của những người đã lao động, dù vô ích, như tổ tiên của bạn, trong những bí ẩn của Hội. Chúng ta phải tư vấn cho họ về sự phúc lợi của họ; không chỉ vậy,—nếu họ yêu cầu chúng ta, chúng ta phải chấp nhận họ là học trò của chúng ta. Tôi là một người sống sót từ liên minh cổ nhất và bất diệt đó. Đó là điều mà đã buộc tôi với anh từ đầu; có lẽ, điều này đã hấp dẫn chính anh, Con trai của Hội chúng ta, vô thức, đến với tôi."

"If this be so, I command thee, in the name of the laws thou obeyest, to receive me as thy pupil!"

"Nếu vậy, tôi mệnh lệnh anh, bằng tên của những luật pháp mà anh tuân thủ, phải tiếp nhận tôi làm học trò của mình!"

"What do you ask?" said Zanoni, passionately. "Learn, first, the conditions. No neophyte must have, at his initiation, one affection or desire that chains him to the world. He must be pure from the love of woman, free from avarice and ambition, free from the dreams even of art, or the hope of earthly fame. The first sacrifice thou must make is—Viola herself. And for what? For an ordeal that the most daring courage only can encounter, the most ethereal natures alone survive! Thou art unfit for the science that has made me and others what we are or have been; for thy whole nature is one fear!"

"Anh muốn gì?" Zanoni nói, đam mê. "Hãy tìm hiểu, trước tiên, các điều kiện. Không một tân đồ nào được phép, trong nghi lễ nhập môn của mình, có một tình cảm hoặc mong muốn nào mà buộc anh ta vào thế giới. Anh ta phải trong trắng khỏi tình yêu của phụ nữ, không bị tham lam và tham vọng, không bị giấc mơ ngay cả của nghệ thuật, hoặc hy vọng về danh tiếng trên trần gian. Sự hy sinh đầu tiên mà anh phải thực hiện là—chính Viola.

Và vì cái gì? Vì một thử thách mà chỉ có lòng dũng cảm mạnh nhất mới có thể đương đầu, chỉ có những bản tính tinh thần duy nhất mới sống sót! Anh không phù hợp với khoa học đã làm cho tôi và những người khác trở nên như chúng ta hoặc đã từng là; vì toàn bộ bản tính của anh là nỗi sợ hãi!"

"Fear!" cried Glyndon, colouring with resentment, and rising to the full height of his stature.

"Nỗi sợ hãi!" Glyndon gào lên, mặt đỏ vì tức giận, và đứng lên cao nhất chiều cao của mình.

"Fear! and the worst fear,—fear of the world's opinion; fear of the Nicots and the Mervales; fear of thine own impulses when most generous; fear of thine own powers when thy genius is most bold; fear that virtue is not eternal; fear that God does not live in heaven to keep watch on earth; fear, the fear of little men; and that fear is never known to the great."

"Nỗi sợ hãi! và nỗi sợ hãi tồi tệ nhất,—sợ hãi về ý kiến của thế giới; sợ hãi về Nicots và Mervales; sợ hãi về những xúc động của bản thân khi rất hào phóng; sợ hãi về sức mạnh của bản thân khi tài năng của anh mạnh mẽ nhất; sợ hãi rằng đức hạnh không bền vững; sợ hãi rằng Chúa không sống trên trời để canh giữ trên trái đất; sợ hãi, nỗi sợ hãi của những người nhỏ bé; và nỗi sợ hãi đó không bao giờ xuất hiện ở những người lớn."

With these words Zanoni abruptly left the artist, humbled, bewildered, and not convinced. He remained alone with his thoughts till he was aroused by the striking of the clock; he then suddenly remembered Zanoni's prediction of the Cardinal's death; and, seized with an intense desire to learn its truth, he hurried into the streets,—he gained the Cardinal's palace. Five minutes before noon his Eminence had expired, after an illness of less than an hour. Zanoni's visit had occupied more time than the illness of the Cardinal. Awed and perplexed, he turned from

the palace, and as he walked through the Chiaja, he saw Jean Nicot emerge from the portals of the Prince di —.

Với những lời này, Zanoni rời bỏ nghệ sĩ một cách đột ngột, nhẹ nhàng, bối rối, và không thuyết phục. Anh ta ở một mình với suy tư của mình cho đến khi anh ta bị đánh thức bởi tiếng đồng hồ đánh; sau đó, anh ta bất ngờ nhớ lại lời tiên tri của Zanoni về cái chết của Đức Giám mục; và, bị cuốn hút bởi mong muốn mãnh liệt để tìm hiểu sự thật của nó, anh ta vội vàng chạy ra đường,—anh ta đến cung điện của Đức Giám mục. Năm phút trước trưa, Đức Tổng Giám mục đã qua đời, sau một cơn bệnh kéo dài không đến một giờ. Cuộc viếng thăm của Zanoni đã chiếm nhiều thời gian hơn cả cơn bệnh của Đức Giám mục. Khiếp sợ và hoang mang, anh quay lưng khỏi cung điện, và khi anh đi qua Chiaja, anh thấy Jean Nicot bước ra từ cửa cung của Vương tử di —.

CHAPTER 3.V.

CHƯƠNG 3.V.

Two loves I have of comfort and despair, Which like two spirits do suggest me still. —Shakespeare.

Hai tình yêu của tôi về sự an ủi và tuyệt vọng, Như hai linh hồn vẫn gợi ý cho tôi. —Shakespeare.

Venerable Brotherhood, so sacred and so little known, from whose secret and precious archives the materials for this history have been drawn; ye who have retained, from century to century, all that time has spared of the august and venerable science,—thanks to you, if now, for the first time, some record of the thoughts and actions of no false and self-styled luminary of your Order be given, however imperfectly, to the world. Many have called themselves of your band; many spurious pretenders have been so-called by the learned ignorance which still, baffled and perplexed, is driven to confess that it knows nothing of

your origin, your ceremonies or doctrines, nor even if you still have local habitation on the earth. Thanks to you if I, the only one of my country, in this age, admitted, with a profane footstep, into your mysterious Academe (The reader will have the goodness to remember that this is said by the author of the original MS., not by the editor.), have been by you empowered and instructed to adapt to the comprehension of the uninitiated, some few of the starry truths which shone on the great Shemaia of the Chaldean Lore, and gleamed dimly through the darkened knowledge of latter disciples, labouring, like Psellus and Iamblichus, to revive the embers of the fire which burned in the Hamarin of the East. Though not to us of an aged and hoary world is vouchsafed the NAME which, so say the earliest oracles of the earth, "rushes into the infinite worlds," yet is it ours to trace the reviving truths, through each new discovery of the philosopher and chemist. The laws of attraction, of electricity, and of the yet more mysterious agency of that great principal of life, which, if drawn from the universe, would leave the universe a grave, were but the code in which the Theurgy of old sought the guides that led it to a legislation and science of its own. To rebuild on words the fragments of this history, it seems to me as if, in a solemn trance, I was led through the ruins of a city whose only remains were tombs. From the sarcophagus and the urn I awake the genius (The Greek Genius of Death.) of the extinguished Torch, and so closely does its shape resemble Eros, that at moments I scarcely know which of ye dictates to me,—O Love! O Death!

Hội Thanh Thiên, thánh thiện và ít được biết đến, từ những kho lưu trữ bí mật và quý giá của mình mà vật liệu cho câu chuyện này đã được rút ra; các ngươi đã giữ lại, từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, tất cả những gì thời gian đã bảo toàn từ khoa học cao quý và truyền thống,—cảm ơn các ngươi, nếu bây giờ, lần đầu tiên, một số ghi chép về những suy nghĩ và hành động của không ai là nhà huyền bí giả mà không thật thà và tự xưng trong Hội của các ngươi được đưa ra, dù không hoàn hảo, cho

thế giới. Nhiều người đã tự gọi mình là của bọn các ngươi; nhiều kẻ giả mạo đã được gọi là như vậy bởi sự ngu dốt của những người học giả vẫn còn, bối rối và hoang mang, bị buộc phải thú nhận rằng chúng không biết gì về nguồn gốc, nghi lễ hoặc tín ngưỡng của các ngươi, cũng như không biết liệu các ngươi còn nơi cư trú trên trái đất hay không. Cảm ơn các ngươi nếu tôi, người duy nhất của quốc gia tôi, trong thời đại này, được phép, bằng một bước chân không thiêng liêng, vào Học Viện bí ẩn của các ngươi (Người đọc xin nhớ rằng điều này được nói bởi tác giả của bản gốc, không phải bởi biên tập viên.), đã được các ngươi trao quyền lực và hướng dẫn để điều chỉnh cho sự hiểu biết của những người chưa được khai sáng, một số ít sự thật sao mà đã chiếu sáng trên Shemaia vĩ đại của tri thức Chaldean, và lóe sáng mờ nhạt qua kiến thức tối tăm của những học trò sau này, lao động, như Psellus và Iamblichus, để làm sống lại những tàn tro của ngọn lửa đã cháy trong Hamarin của phương Đông. Mặc dù không phải chúng ta, của một thế giới già và bạc phận, được ban phước tên mà, như những lời tiên tri sớm nhất của trái đất nói, “la vào thế giới vô tận,” nhưng chúng ta có nhiệm vụ để truy tìm những sự thật hồi sinh, qua mỗi khám phá mới của nhà triết học và nhà hóa học. Các luật hấp dẫn, của điện, và của sức mạnh bí ẩn hơn của nguyên tắc lớn của cuộc sống đó, nếu được rút ra từ vũ trụ, sẽ khiến cho vũ trụ trở thành một ngôi mộ, chỉ là mãi mãi của Theurgy cổ xưa tìm kiếm những hướng dẫn dẫn dắt nó đến một pháp luật và khoa học của riêng mình. Để xây dựng lại từ những từ ngữ m

“How tenderly thou hast rebuked me for the grievous wrong that my thoughts did thee! Why should I have shuddered to feel thee glancing upon my thoughts like the beam on the solitary tree, to which thou didst once liken me so well? It was—it was, that, like the tree, I struggled for the light, and the light came. They tell me of love, and my very life of the stage breathes the language of love into my lips. No; again and again, I know THAT is not the love that I feel for thee!—it is not a passion, it is a thought! I ask not to be loved again. I murmur not that thy

words are stern and thy looks are cold. I ask not if I have rivals; I sigh not to be fair in thine eyes. It is my SPIRIT that would blend itself with thine. I would give worlds, though we were apart, though oceans rolled between us, to know the hour in which thy gaze was lifted to the stars,—in which thy heart poured itself in prayer. They tell me thou art more beautiful than the marble images that are fairer than all human forms; but I have never dared to gaze steadfastly on thy face, that memory might compare thee with the rest. Only thine eyes and thy soft, calm smile haunt me; as when I look upon the moon, all that passes into my heart is her silent light.

“Làm sao em đã nhẹ nhàng khi trách em vì tội lỗi nặng nề mà ý nghĩ của em đã làm cho anh! Tại sao em phải rùng mình khi cảm thấy anh nhìn vào ý nghĩ của em như ánh sáng trên cây đơn độc, mà anh đã từng so sánh em rất tốt? Đó là — đó là, rằng, giống như cây, em đã vật lộn vì ánh sáng, và ánh sáng đã đến. Họ nói với em về tình yêu, và cuộc sống của em trên sân khấu hơi thở ngôn ngữ của tình yêu vào môi em. Không; một lần nữa, em biết ĐÓ không phải là tình yêu mà em cảm thấy dành cho anh! — đó không phải là một đam mê, đó là một ý nghĩ! Em không yêu cầu được yêu lại. Em không than vãn về việc từng lời nói của anh đều nghiêm khắc và ánh mắt của anh lạnh lùng. Em không hỏi xem mình có đối thủ không; em không thở dài để trở nên đẹp trong mắt anh. Đó là LINH HỒN của em muốn hòa mình với linh hồn của anh. Em sẽ đưa ra thế giới, dù chúng ta ở xa nhau, dù đại dương cuốn trôi giữa chúng ta, để biết giờ mà ánh nhìn của anh được nâng lên ngôi sao, — trong giờ mà trái tim của anh đổ mình trong lời cầu nguyện. Họ nói với em rằng anh đẹp hơn những bức tượng đá mà đẹp hơn tất cả các hình dạng con người; nhưng em chưa từng dám nhìn chăm chú vào gương mặt của anh, để ký ức có thể so sánh anh với những người còn lại. Chỉ mắt anh và nụ cười nhẹ nhàng của anh làm ám ảnh em; như khi em nhìn vào mặt trăng, tất cả những gì đi vào trong tim em là ánh sáng yên lặng của nó.

“Often, when the air is calm, I have thought that I hear the strains of my father’s music; often, though long stilled in the grave, have they waked me from the dreams of the solemn night. Methinks, ere thou comest to me that I hear them herald thy approach. Methinks I hear them wail and moan, when I sink back into myself on seeing thee depart. Thou art OF that music, —its spirit, its genius. My father must have guessed at thee and thy native regions, when the winds hushed to listen to his tones, and the world deemed him mad! I hear where I sit, the far murmur of the sea. Murmur on, ye blessed waters! The waves are the pulses of the shore. They beat with the gladness of the morning wind,—so beats my heart in the freshness and light that make up the thoughts of thee!

“Thường, khi không khí bình yên, em đã nghĩ rằng em nghe được giai điệu của âm nhạc của cha em; thường, mặc dù đã im lặng từ lâu trong mộ, nhưng chúng đã đánh thức em khỏi giấc mơ của đêm trang nghiêm. Em nghĩ, trước khi anh đến với em em nghe thấy họ báo hiệu sự tiếp cận của anh. Em nghĩ rằng em nghe thấy họ rên rỉ và than thở, khi em lún vào bản thân mình khi thấy anh đi. Anh là CỦA âm nhạc đó, — linh hồn, tài năng của nó. Cha em phải đã đoán được về anh và vùng quê của anh, khi gió im lặng để lắng nghe những giai điệu của cha em, và thế giới coi cha em là điên rồ! Em nghe từ nơi em ngồi, tiếng rì rào xa xôi của biển. Hãy rì rào, những dòng nước thần thánh! Những làn sóng là nhịp tim của bờ biển. Chúng đập với sự vui mừng của gió buổi sáng, — như trái tim em đập trong sự tươi mới và ánh sáng tạo nên những ý nghĩ về anh!”

"And he spoke to me of ANOTHER: to another he would consign me! No, it is not love that I feel for thee, Zanoni; or why did I hear thee without anger, why did thy command seem to me not a thing impossible? As the strings of the instrument obey the hand of the master, thy look modulates the wildest chords of my heart to thy will. If it please thee,—yes, let it be so. Thou art lord of my destinies; they cannot rebel against thee! I almost

think I could love him, whoever it be, on whom thou wouldst shed the rays that circumfuse thyself. Whatever thou hast touched, I love; whatever thou speakest of, I love. Thy hand played with these vine leaves; I wear them in my bosom. Thou seemest to me the source of all love; too high and too bright to be loved thyself, but darting light into other objects, on which the eye can gaze less dazzled. No, no; it is not love that I feel for thee, and therefore it is that I do not blush to nourish and confess it. Shame on me if I loved, knowing myself so worthless a thing to thee!

"Và anh nói với em về MỘT NGƯỜI KHÁC: anh sẽ giao em cho người khác! Không, em không yêu anh, Zanoni; hoặc tại sao em nghe anh mà không tức giận, tại sao mệnh lệnh của anh dường như không phải là điều không thể? Như dây đàn vẫn tuân theo bàn tay của thầy, ánh mắt của anh điều chỉnh những dây dây dữ dội nhất trong tim em theo ý anh. Nếu anh muốn, vậy thì hãy để như vậy. Anh là chúa tể của số phận của em; họ không thể nổi dậy chống lại anh! Em nghĩ rằng em có thể yêu người đó, bất cứ ai, nơi anh sẽ rơi những tia sáng vây quanh chính mình. Bất cứ điều gì anh đã chạm vào, em đều yêu; bất cứ điều gì anh nói về, em đều yêu. Bàn tay anh chơi với những chiếc lá nho này; em để chúng trong lòng. Anh dường như là nguồn gốc của tất cả tình yêu; cao quá và sáng quá để được yêu, nhưng chiếu sáng vào các vật khác, mà mắt có thể nhìn không bị chói lóa. Không, không; em không yêu anh, và vì vậy mà em không ngượng mà nuôi dưỡng và thú nhận nó. Xin lỗi em nếu em yêu, biết rằng em là một thứ vô giá trị đối với anh!"

“ANOTHER!—my memory echoes back that word. Another! Dost thou mean that I shall see thee no more? It is not sadness, —it is not despair that seizes me. I cannot weep. It is an utter sense of desolation. I am plunged back into the common life; and I shudder coldly at the solitude. But I will obey thee, if thou wilt. Shall I not see thee again beyond the grave? O how sweet it were to die! “Why do I not struggle from the web in which my

will is thus entangled? Hast thou a right to dispose of me thus? Give me back—give me back the life I knew before I gave life itself away to thee. Give me back the careless dreams of my youth,—-my liberty of heart that sung aloud as it walked the earth. Thou hast disenchanted me of everything that is not of thyself. Where was the sin, at least, to think of thee,—to see thee? Thy kiss still glows upon my hand; is that hand mine to bestow? Thy kiss claimed and hallowed it to thyself. Stranger, I will NOT obey thee.

"MỘT NGƯỜI KHÁC!—ký ức của em vang vọng từ từ từng từ. Người khác! Liệu anh có ý nghĩa rằng em sẽ không thể gặp anh nữa? Đó không phải là nỗi buồn,—đó không phải là tuyệt vọng làm em bị bao trùm. Em không thể khóc. Đó là một cảm giác hoàn toàn cô đơn. Em bị chìm vào cuộc sống bình thường; và em lạnh run với sự cô đơn. Nhưng em sẽ vâng lời anh, nếu anh muốn. Liệu em có thể gặp lại anh sau mộ? Ôi, thật ngọt ngào nếu em chết đi! "Tại sao em không vùng lên khỏi mạng lưới mà ý chí của em bị vướng vào như vậy? Liệu anh có quyền định đoạt em như vậy không? Trả lại cho em—trả lại cho em cuộc sống em biết trước khi em đưa chính cuộc sống đó cho anh. Trả lại cho em những giấc mơ không lo lắng của tuổi trẻ,—-sự tự do của trái tim em đã hát to khi nó bước trên trái đất. Anh đã làm em mất niềm tin vào mọi thứ không phải là anh. Ở đâu là tội lỗi, ít nhất, khi nghĩ đến anh,—khi nhìn thấy anh? Nụ hôn của anh vẫn lung linh trên tay em; liệu tay đó có phải là của em để trao không? Nụ hôn của anh đã yêu thương và linh thiêng nó cho chính anh. Người lạ, em SẼ KHÔNG vâng lời anh.

“Another day,—one day of the fatal three is gone! It is strange to me that since the sleep of the last night, a deep calm has settled upon my breast. I feel so assured that my very being is become a part of thee, that I cannot believe that my life can be separated from thine; and in this conviction I repose, and smile even at thy words and my own fears. Thou art fond of one maxim, which thou repeatest in a thousand forms,—that the beauty of

the soul is faith; that as ideal loveliness to the sculptor, faith is to the heart; that faith, rightly understood, extends over all the works of the Creator, whom we can know but through belief; that it embraces a tranquil confidence in ourselves, and a serene repose as to our future; that it is the moonlight that sways the tides of the human sea. That faith I comprehend now. I reject all doubt, all fear. I know that I have inextricably linked the whole that makes the inner life to thee; and thou canst not tear me from thee, if thou wouldst! And this change from struggle into calm came to me with sleep,—a sleep without a dream; but when I woke, it was with a mysterious sense of happiness,—an indistinct memory of something blessed,—as if thou hadst cast from afar off a smile upon my slumber. At night I was so sad; not a blossom that had not closed itself up, as if never more to open to the sun; and the night itself, in the heart as on the earth, has ripened the blossoms into flowers. The world is beautiful once more, but beautiful in repose,—not a breeze stirs thy tree, not a doubt my soul!"

"Một ngày nữa,—một ngày trong ba ngày chết chóc đã qua! Điều kỳ lạ với em là kể từ khi ngủ đêm qua, một sự bình yên sâu đã đặt trên ngực em. Em cảm thấy chắc chắn rằng chính bản thân em đã trở thành một phần của anh, rằng em không thể tin rằng cuộc sống của em có thể tách rời khỏi cuộc sống của anh; và trong niềm tin này, em nghỉ ngơi, và cười ngay cả với lời nói của anh và nỗi sợ của riêng mình. Anh thích một nguyên tắc, mà anh lặp đi lặp lại bằng nghìn cách,—rằng vẻ đẹp của tâm hồn là đức tin; rằng như cái đẹp lý tưởng đối với người điêu khắc, đức tin là đối với trái tim; rằng đức tin, hiểu đúng cách, bao trùm trên tất cả các tác phẩm của Chúa sáng tạo, mà chúng ta chỉ có thể biết qua niềm tin; rằng nó ôm lấy một niềm tin yên bình vào chính bản thân, và một sự yên bình về tương lai của chúng ta; rằng nó chính là ánh trăng làm đưa dòng nước của biển loài người. Đức tin đó em hiểu rõ bây giờ. Em từ chối mọi nghi ngờ, mọi sợ hãi. Em biết rằng em đã liên kết không thể tách rời với cuộc sống bên trong với anh; và anh không thể xé em ra khỏi

anh, nếu anh muốn! Và sự thay đổi từ cuộc đấu tranh thành sự bình yên đến với em cùng với giấc ngủ,—một giấc ngủ không có giấc mơ; nhưng khi em thức dậy, nó là với một cảm giác hạnh phúc bí ẩn,—một ký ức không rõ ràng về một điều phước lành, —như thể anh đã quẳng một nụ cười từ xa vào giấc ngủ của em. Đêm qua em buồn biết bao; không có bông hoa nào không đóng cửa lại, như chưa bao giờ mở ra dưới ánh mặt trời; và đêm chính nó, trong lòng như trên trái đất, đã chín hoa từ những bông hoa. Thế giới trở nên đẹp một lần nữa, nhưng đẹp trong sự yên bình, —không có cơn gió nào thổi cây của anh, không có một nỗi sợ hãi nào động đến linh hồn em!"

CHAPTER 3.VI. Tu vegga o per violenzia o per inganno Patire o disonore o mortal danno. "Orlando Furioso," Cant. xlii. i. (Thou art about, either through violence or artifice, to suffer either dishonour or mortal loss.)

CHƯƠNG 3.VI. Tu vegga o per violenzia o per inganno Patire o disonore o mortal danno. "Orlando Furioso," Cant. xlii. i. (Ngươi sắp trải qua, qua bạo lực hoặc mưu mẹo, hoặc chịu đắng cay hoặc tổn thất chết chóc.)

It was a small cabinet; the walls were covered with pictures, one of which was worth more than the whole lineage of the owner of the palace. Oh, yes! Zanoni was right. The painter IS a magician; the gold he at least wrings from his crucible is no delusion. A Venetian noble might be a fribble, or an assassin,—a scoundrel, or a dolt; worthless, or worse than worthless, yet he might have sat to Titian, and his portrait may be inestimable,—a few inches of painted canvas a thousand times more valuable than a man with his veins and muscles, brain, will, heart, and intellect!

Đó là một tủ nhỏ; tường được phủ bằng những bức tranh, trong đó có một bức tranh đáng giá hơn cả dòng dõi của chủ nhân của cung điện. Ôi, đúng vậy! Zanoni đã đúng. Họa sĩ LÀ một phù

thủy; vàng anh ta ít nhất lấy từ nồi luyện kim của mình không phải là ảo tưởng. Một quý tộc Venetian có thể là một người lăng nhăng, hoặc một kẻ ám sát,—một tên côn đồ, hoặc một kẻ ngốc; không có giá trị, hoặc tồi tệ hơn cả, nhưng anh ta có thể đã ngồi để Titian vẽ, và bức tranh của anh ta có thể là vô giá,—một vài inch vải sơn màu có giá trị gấp nghìn lần so với một người với tĩnh mạch và cơ bắp, não, ý chí, trái tim và trí tuệ!

In this cabinet sat a man of about three-and-forty,—dark-eyed, sallow, with short, prominent features, a massive conformation of jaw, and thick, sensual, but resolute lips; this man was the Prince di —. His form, above the middle height, and rather inclined to corpulence, was clad in a loose dressing-robe of rich brocade. On a table before him lay an old-fashioned sword and hat, a mask, dice and dice-box, a portfolio, and an inkstand of silver curiously carved.

Trong tủ này, ngồi một người khoảng ba mươi ba,—đôi mắt đen, da ngăm, với đặc điểm ngắn, nổi bật, một kết cấu cằm lớn, và đôi môi dày, gợi cảm, nhưng kiên quyết; người đàn ông này là Hoàng tử di —. Hình dáng của ông, cao hơn trung bình và khá nghiêng về béo phì, được bọc trong một chiếc áo choàng lỏng lẻo của vải lụa rất đẹp. Trên một cái bàn trước mặt ông nằm một thanh kiếm và mũ cũ, một chiếc mặt nạ, xí ngầu và hộp xí ngầu, một cặp tài liệu, và một bình mực bằng bạc được khắc tinh xảo.

“Well, Mascari,” said the prince, looking up towards his parasite, who stood by the embrasure of the deep-set barricadoed window,—“well! the Cardinal sleeps with his fathers. I require comfort for the loss of so excellent a relation; and where a more dulcet voice than Viola Pisani’s?”

“Vâng, Mascari,” hoàng tử nói, nhìn lên về hướng kẻ phụ thuộc của mình, đứng bên cạnh cửa sổ sâu có

The prince involuntarily laid his hand upon the sword placed on the table, then with a smile at his own impulse, rose, and met his visitor at the threshold, with all the profuse and respectful courtesy of Italian simulation.

Hoàng tử không cố ý đặt tay lên thanh kiếm đặt trên bàn, sau đó với một nụ cười với sự thúc đẩy của chính mình, đứng dậy và gặp khách của mình ở ngưỡng cửa, với tất cả sự lịch thiệp và tôn trọng dồi dào của sự mô phỏng Ý.

“This is an honour highly prized,” said the prince. “I have long desired to clasp the hand of one so distinguished.”

“Điều này là một vinh dự được đánh giá cao,” hoàng tử nói. “Tôi đã lâu rồi mới mong muốn bắt tay với một người nổi tiếng như vậy.”

“And I give it in the spirit with which you seek it,” replied Zanoni.

“Và tôi đưa ra nó với tinh thần mà anh tìm kiếm,” Zanoni trả lời.

The Neapolitan bowed over the hand he pressed; but as he touched it a shiver came over him, and his heart stood still. Zanoni bent on him his dark, smiling eyes, and then seated himself with a familiar air.

Người Napoli cúi đầu trên bàn tay mà anh ôm; nhưng khi anh chạm vào nó, một cơn lạnh lùng tràn qua anh, và trái tim anh ngừng đập. Zanoni nhìn chăm chú vào anh với đôi mắt đen, tươi cười, và sau đó ngồi xuống với một dáng vẻ quen thuộc.

“Thus it is signed and sealed; I mean our friendship, noble prince. And now I will tell you the object of my visit. I find, Excellency, that, unconsciously perhaps, we are rivals. Can we not accommodate out pretensions!”

“Như vậy là đã ký và niêm phong; ý tôi là tình bạn của chúng ta, hoàng tử quý tộc. Và bây giờ tôi sẽ cho anh biết mục đích của việc tôi đến. Tôi nhận thấy, ngài ơi, rằng, có lẽ không có ý thức, chúng ta là đối thủ. Liệu chúng ta có thể điều chỉnh những yêu cầu của mình không!”

“Ah!” said the prince, carelessly, “you, then, were the cavalier who robbed me of the reward of my chase. All stratagems fair in love, as in war. Reconcile our pretensions! Well, here is the dice-box; let us throw for her. He who casts the lowest shall resign his claim.”

“Ah!” hoàng tử nói không chú ý, “vậy là anh, người hiệp sĩ đã lấy mất phần thưởng của cuộc săn của tôi. Tất cả chiến thuật công bằng trong tình yêu, như trong chiến tranh. Hòa giải những yêu cầu của chúng ta! Vâng, đây là hộp xúc xắc; hãy tung xúc xắc cho cô ấy. Người nào tung số thấp nhất sẽ từ bỏ quyền lợi của mình.”

“Is this a decision by which you will promise to be bound?”

“Đây có phải là một quyết định mà anh sẽ hứa tuân thủ không?”

“Yes, on my faith.”

“Vâng, theo trên danh dự của tôi.”

“And for him who breaks his word so plighted, what shall be the forfeit?”

“Và đối với người vi phạm lời hứa đã cam kết như vậy, phạt gì sẽ là?”

“The sword lies next to the dice-box, Signor Zanoni. Let him who stands not by his honour fall by the sword.”

“Thanh kiếm đặt ngay bên cạnh hộp xúc xắc, ông Zanoni. Hãy để người không giữ danh dự của mình rơi vào thanh kiếm.”

“And you invoke that sentence if either of us fail his word? Be it so; let Signor Mascari cast for us.”

“Và anh kêu gọi câu hỏi đó nếu một trong chúng ta không giữ lời hứa? Được vậy; để Signor Mascari tung xúc xắc cho chúng ta.”

“Well said!—Mascari, the dice!”

“Nói hay đấy!—Mascari, tung xúc xắc!”

The prince threw himself back in his chair; and, world-hardened as he was, could not suppress the glow of triumph and satisfaction that spread itself over his features. Mascari took up the three dice, and rattled them noisily in the box. Zanoni, leaning his cheek on his hand, and bending over the table, fixed his eyes steadfastly on the parasite; Mascari in vain struggled to extricate from that searching gaze; he grew pale, and trembled, he put down the box.

Hoàng tử tự đẩy mình lùi vào ghế; và, dù đã cứng rắn với thế giới như anh ấy, không thể kìm nén được sự hân hoan và hài lòng lan tỏa trên khuôn mặt anh ấy. Mascari lấy ba viên xúc xắc, và lắc chúng ồn ào trong hộp. Zanoni, nghiêng má vào tay, và cúi xuống bàn, nhìn chăm chú vào kẻ ký sinh; Mascari vô ích cố gắng thoát khỏi cái ánh nhìn tìm kiếm đó; anh ta trở nên trắng bệch, và run lên, anh đặt hộp xuống.

“I give the first throw to your Excellency. Signor Mascari, be pleased to terminate our suspense.”

“Tôi để lượt tung đầu tiên cho ngài. Signor Mascari, hãy kết thúc sự hồi hộp của chúng ta.”

Again Mascari took up the box; again his hand shook so that the dice rattled within. He threw; the numbers were sixteen.

Mascari lại lấy hộp; lại một lần nữa tay anh rung động đến mức xúc xắc lắc trong. Anh ta tung; số điểm là mười sáu.

“It is a high throw,” said Zanoni, calmly; “nevertheless, Signor Mascari, I do not despond.”

“Đó là một lượt tung cao,” Zanoni nói, điềm tĩnh; “tuy nhiên, Signor Mascari, tôi không nản lòng.”

Mascari gathered up the dice, shook the box, and rolled the contents once more on the table: the number was the highest that can be thrown,—eighteen.

Mascari nhặt xúc xắc, lắc hộp, và tung nội dung một lần nữa trên bàn: số điểm là cao nhất có thể tung được,—mười tám.

The prince darted a glance of fire at his minion, who stood with gaping mouth, staring at the dice, and trembling from head to foot.

Hoàng tử liếc mắt như lửa vào tay sai của mình, người đứng với miệng hở to, nhìn chăm chú vào xúc xắc, và run lên từ đầu đến chân.

“I have won, you see,” said Zanoni; “may we be friends still?”

“Tôi đã thắng, nhìn kìa,” Zanoni nói; “chúng ta có thể vẫn là bạn chứ?”

“Signor,” said the prince, obviously struggling with anger and confusion, “the victory is yours. But pardon me, you have spoken lightly of this young girl,—will anything tempt you to yield your claim?”

“Signor,” hoàng tử nói, rõ ràng đấu tranh với sự tức giận và lúng túng, “chiến thắng là của anh. Nhưng xin lỗi, anh đã nói nhẹ nhàng về cô gái trẻ này,—có điều gì sẽ kích thích anh từ bỏ quyền lợi của mình không?”

“Ah, do not think so ill of my gallantry; and,” resumed Zanoni, with a stern meaning in his voice, “forget not the forfeit your own lips have named.”

“Ah, đừng nghĩ xấu về sự dũng cảm của tôi; và,” Zanoni tiếp tục, với một ý nghĩa nghiêm nghị trong giọng điệu, “đừng quên phạt mà chính miệng anh đã đặt ra.”

The prince knit his brow, but constrained the haughty answer that was his first impulse.

Hoàng tử nhăn mày, nhưng kìm nén câu trả lời kiêu ngạo là bản năng đầu tiên của anh.

“Enough!” he said, forcing a smile; “I yield. Let me prove that I do not yield ungraciously; will you favour me with your presence at a little feast I propose to give in honour,” he added, with a sardonic mockery, “of the elevation of my kinsman, the late Cardinal, of pious memory, to the true seat of St. Peter?”

“Đủ rồi!” anh nói, ép một nụ cười; “Tôi từ bỏ. Hãy để tôi chứng minh rằng tôi không từ bỏ một cách không lịch sự; anh có sẵn lòng tham dự bữa tiệc nhỏ mà tôi đề xuất tổ chức để tôn vinh,” anh thêm, với sự chế nhạo mỉa mai, “sự thăng chức của người họ hàng của tôi, ngài Giáo hoàng đã qua đời, trong vị trí thật sự của Thánh Phêro?”

“It is, indeed, a happiness to hear one command of yours I can obey.”

“Đúng vậy, đó là một niềm hạnh phúc khi nghe một lệnh của anh mà tôi có thể tuân theo.”

Zanoni then turned the conversation, talked lightly and gayly, and soon afterwards departed.

Sau đó, Zanoni chuyển chủ đề, nói nhẹ nhàng và vui vẻ, và sau đó rời đi.

“Villain!” then exclaimed the prince, grasping Mascari by the collar, “you betrayed me!”

“Kẻ gian ác!” hoàng tử kêu lên, nắm Mascari bởi cổ áo, “anh đã phản bội tôi!”

“I assure your Excellency that the dice were properly arranged; he should have thrown twelve; but he is the Devil, and that’s the end of it.”

“Tôi đảm bảo ngài rằng xúc xắc đã được sắp xếp đúng cách; anh ấy nên tung mười hai; nhưng anh ta là Ác Quỷ, và đó là kết thúc của nó.”

“There is no time to be lost,” said the prince, quitting his hold of his parasite, who quietly resettled his cravat.

“Không có thời gian để lãng phí,” hoàng tử nói, buông tay kẻ ký sinh của mình, người yên lặng sửa lại cà vạt của mình.

“My blood is up,—I will win this girl, if I die for it! What noise is that?”

“Tôi phấn khích,—tôi sẽ chiến thắng cô gái này, cho dù tôi phải chết vì nó! Tiếng ồn là gì vậy?”

“It is but the sword of your illustrious ancestor that has fallen from the table.”

“Chỉ là thanh kiếm của tổ tiên vĩ đại của ngài đã rơi từ bàn.”

Letter from Zanoni to Mejnour.

Thư từ Zanoni đến Mejnour.

My art is already dim and troubled. I have lost the tranquillity which is power. I cannot influence the decisions of those whom I would most guide to the shore; I see them wander farther and deeper into the infinite ocean where our barks sail evermore to the horizon that flies before us! Amazed and awed to find that I can only warn where I would control, I have looked into my own soul. It is true that the desires of earth chain me to the present, and shut me from the solemn secrets which Intellect, purified from all the dross of the clay, alone can examine and survey. The stern condition on which we hold our nobler and diviner gifts darkens our vision towards the future of those for whom we know the human infirmities of jealousy or hate or love. Mejnour, all around me is mist and haze; I have gone back in our sublime existence; and from the bosom of the imperishable youth that blooms only in the spirit, springs up the dark poison-flower of human love.

Nghệ thuật của tôi hiện đang mờ và rối rắm. Tôi đã mất sự yên bình mà là quyền lực. Tôi không thể ảnh hưởng đến các quyết định của những người mà tôi muốn hướng dẫn nhất đến bờ; tôi thấy họ lang thang xa hơn và sâu hơn vào đại dương vô cùng mà những chiếc thuyền của chúng ta luôn luôn đi tới chân trời vô cùng mà trước mắt chúng ta! Ngạc nhiên và kinh sợ khi phát hiện ra rằng tôi chỉ có thể cảnh báo nơi tôi muốn kiểm soát, tôi đã nhìn vào linh hồn của mình

My life would be to her one marvel. Even if, on the other hand, I sought to guide her path through the realms of terror to the light, think of the Haunter of the Threshold, and shudder with me at the awful hazard! I have endeavoured to fill the Englishman's ambition with the true glory of his art; but the restless spirit of his ancestor still seems to whisper in him, and to attract to the spheres in which it lost its own wandering way. There is a mystery in man's inheritance from his fathers.

Peculiarities of the mind, as diseases of the body, rest dormant for generations, to revive in some distant descendant, baffle all treatment and elude all skill. Come to me from thy solitude amidst the wrecks of Rome! I pant for a living confidant,—for one who in the old time has himself known jealousy and love. I have sought commune with Adon-Ai; but his presence, that once inspired such heavenly content with knowledge, and so serene a confidence in destiny, now only troubles and perplexes me. From the height from which I strive to search into the shadows of things to come, I see confused spectres of menace and wrath. Methinks I behold a ghastly limit to the wondrous existence I have held,—methinks that, after ages of the Ideal Life, I see my course merge into the most stormy whirlpool of the Real. Where the stars opened to me their gates, there looms a scaffold,—thick steams of blood rise as from a shambles. What is more strange to me, a creature here, a very type of the false ideal of common men,—body and mind, a hideous mockery of the art that shapes the Beautiful, and the desires that seek the Perfect, ever haunts my vision amidst these perturbed and broken clouds of the fate to be. By that shadowy scaffold it stands and gibbers at me, with lips dropping slime and gore. Come, O friend of the far-time; for me, at least, thy wisdom has not purged away thy human affections. According to the bonds of our solemn order, reduced now to thee and myself, lone survivors of so many haughty and glorious aspirants, thou art pledged, too, to warn the descendant of those whom thy counsels sought to initiate into the great secret in a former age. The last of that bold Visconti who was once thy pupil is the relentless persecutor of this fair child. With thoughts of lust and murder, he is digging his own grave; thou mayest yet daunt him from his doom. And I also mysteriously, by the same bond, am pledged to obey, if he so command, a less guilty descendant of a baffled but nobler student. If he reject my counsel, and insist upon the pledge, Mejnour, thou wilt have another neophyte. Beware of another victim! Come to me! This will

reach thee with all speed. Answer it by the pressure of one hand that I can dare to clasp!

CHAPTER 3.VIII. Il lupo Ferito, credo, mi conobbe e ‘ncontro Mi venne con la bocca sanguinosa. “Aminta,” At. iv. Sc. i. (The wounded wolf, I think, knew me, and came to meet me with its bloody mouth.) At Naples, the tomb of Virgil, beetling over the cave of Posilipo, is reverenced, not with the feelings that should hallow the memory of the poet, but the awe that wraps the memory of the magician. To his charms they ascribe the hollowing of that mountain passage; and tradition yet guards his tomb by the spirits he had raised to construct the cavern. This spot, in the immediate vicinity of Viola’s home, had often attracted her solitary footsteps. She had loved the dim and solemn fancies that beset her as she looked into the lengthened gloom of the grotto, or, ascending to the tomb, gazed from the rock on the dwarfed figures of the busy crowd that seemed to creep like insects along the windings of the soil below; and now, at noon, she bent thither her thoughtful way. She threaded the narrow path, she passed the gloomy vineyard that clambers up the rock, and gained the lofty spot, green with moss and luxuriant foliage, where the dust of him who yet soothes and elevates the minds of men is believed to rest. From afar rose the huge fortress of St. Elmo, frowning darkly amidst spires and domes that glittered in the sun. Lulled in its azure splendour lay the Siren’s sea; and the grey smoke of Vesuvius, in the clear distance, soared like a moving pillar into the lucid sky. Motionless on the brink of the precipice, Viola looked upon the lovely and living world that stretched below; and the sullen vapour of Vesuvius fascinated her eye yet more than the scattered gardens, or the gleaming Caprea, smiling amidst the smiles of the sea. She heard not a step that had followed her on her path and started to hear a voice at hand. So sudden was the apparition of the form that stood by her side, emerging from the bushes that clad the crags, and so singularly did it harmonise in its uncouth ugliness with the wild nature of the

scene immediately around her, and the wizard traditions of the place, that the colour left her cheek, and a faint cry broke from her lips. “Tush, pretty trembler!—do not be frightened at my face,” said the man, with a bitter smile. “After three months’ marriage, there is no different between ugliness and beauty. Custom is a great leveller. I was coming to your house when I saw you leave it; so, as I have matters of importance to communicate, I ventured to follow your footsteps. My name is Jean Nicot, a name already favourably known as a French artist. The art of painting and the art of music are nearly connected, and the stage is an altar that unites the two.” There was something frank and unembarrassed in the man’s address that served to dispel the fear his appearance had occasioned. He seated himself, as he spoke, on a crag beside her, and, looking up steadily into her face, continued:— “You are very beautiful, Viola Pisani, and I am not surprised at the number of your admirers. If I presume to place myself in the list, it is because I am the only one who loves thee honestly, and woos thee fairly. Nay, look not so indignant! Listen to me. Has the Prince di — ever spoken to thee of marriage; or the beautiful imposter Zanoni, or the young blue-eyed Englishman, Clarence Glyndon? It is marriage,—it is a home, it is safety, it is reputation, that I offer to thee; and these last when the straight form grows crooked, and the bright eyes dim. What say you?” and he attempted to seize her hand. Viola shrunk from him, and silently turned to depart. He rose abruptly and placed himself on her path. “Actress, you must hear me! Do you know what this calling of the stage is in the eyes of prejudice,—that is, of the common opinion of mankind? It is to be a princess before the lamps, and a Pariah before the day. No man believes in your virtue, no man credits your vows; you are the puppet that they consent to trick out with tinsel for their amusement, not an idol for their worship. Are you so enamoured of this career that you scorn even to think of security and honour? Perhaps you are different from what you seem. Perhaps you laugh at the prejudice that would degrade you, and would wisely turn it to

advantage. Speak frankly to me; I have no prejudice either. Sweet one, I am sure we should agree. Now, this Prince di —, I have a message from him. Shall I deliver it?" Never had Viola felt as she felt then, never had she so thoroughly seen all the perils of her forelorn condition and her fearful renown. Nicot continued:—

"Zanoni would but amuse himself with thy vanity; Glyndon would despise himself, if he offered thee his name, and thee, if thou wouldst accept it; but the Prince di — is in earnest, and he is wealthy. Listen!"

"Zanoni chỉ muốn giải trí với sự kiêu ngạo của ngươi; Glyndon sẽ khinh bỉ bản thân mình, nếu anh ấy đề nghị cho ngươi tên của mình, và cũng khinh bỉ ngươi, nếu ngươi chấp nhận; nhưng Hoàng tử di — thì nghiêm túc, và anh ấy giàu có. Hãy nghe!"

And Nicot approached his lips to her, and hissed a sentence which she did not suffer him to complete. She darted from him with one glance of unutterable disdain. As he strove to regain his hold of her arm, he lost his footing, and fell down the sides of the rock till, bruised and lacerated, a pine-branch saved him from the yawning abyss below. She heard his exclamation of rage and pain as she bounded down the path, and, without once turning to look behind, regained her home. By the porch stood Glyndon, conversing with Gionetta. She passed him abruptly, entered the house, and, sinking on the floor, wept loud and passionately.

Và Nicot đưa môi đến gần cô, và thì thầm một câu mà cô không cho anh ta hoàn thành. Cô lao ra khỏi anh ta với một ánh nhìn khinh bỉ không thể diễn tả. Khi anh ta cố gắng giữ chặt cánh tay của cô, anh ta trượt chân và rơi xuống bên cạnh của tảng đá cho đến khi, bị thương và xé rách, một cành thông cứu anh ta khỏi vực sâu dưới chân. Cô nghe thấy tiếng hòi giận và đau đớn của anh ta khi cô lao xuống con đường, và, không một lần quay đầu

lại, cô trở về nhà. Bên cạnh hiên đứng Glyndon, trò chuyện với Gionetta. Cô đi qua anh ta một cách đột ngột, vào nhà, và, ngồi xuống sàn nhà, khóc to và mãnh liệt.

Glyndon, who had followed her in surprise, vainly sought to soothe and calm her. She would not reply to his questions; she did not seem to listen to his protestations of love, till suddenly, as Nicot's terrible picture of the world's judgment of that profession which to her younger thoughts had seemed the service of Song and the Beautiful, forced itself upon her, she raised her face from her hands, and, looking steadily upon the Englishman, said, "False one, dost thou talk of me of love?"

Glyndon, người đã theo cô với sự ngạc nhiên, vô ích cố gắng làm dịu và làm dịu cô. Cô không trả lời câu hỏi của anh ta; cô không hề nghe thấy những tuyên bố tình yêu của anh ta, cho đến khi đột ngột, khi bức tranh khủng khiếp của Nicot về sự phán xét của thế giới về nghề nghiệp mà đối với suy nghĩ trẻ thơ của cô đã trở nên là dịch vụ của Bài hát và Đẹp, tự nhiên xuất hiện trong tâm trí cô, cô nâng gương mặt từ trong lòng bàn tay lên, và, nhìn chăm chú vào người Anh, nói, "Kẻ giả dối, ngươi nói về tình yêu đến tôi sao?"

"By my honour, words fail to tell thee how I love!"

"Bởi danh dự của tôi, lời nói không đủ để diễn tả tình yêu của tôi đến ngươi!"

"Wilt thou give me thy home, thy name? Dost thou woo me as thy wife?" And at that moment, had Glyndon answered as his better angel would have counselled, perhaps, in that revolution of her whole mind which the words of Nicot had effected, which made her despise her very self, sicken of her lofty dreams, despair of the future, and distrust her whole ideal,—perhaps, I say, in restoring her self-esteem,—he would have won her confidence, and ultimately secured her love. But against the

prompting of his nobler nature rose up at that sudden question all those doubts which, as Zanoni had so well implied, made the true enemies of his soul.

"Ngươi có sẵn lòng cho tôi ngôi nhà, tên ngươi không? Ngươi cầu hôn tôi như vợ của ngươi sao?" Và vào thời điểm đó, nếu Glyndon đã trả lời như thiên thần hộ mệnh của anh ấy sẽ khuyên, có lẽ, trong cuộc cách mạng của cả tâm trí cô mà lời nói của Nicot đã tạo ra, khiến cô khinh bỉ chính bản thân mình, chán ghét những giấc mơ cao cả của mình, tuyệt vọng về tương lai và không tin tưởng vào lý tưởng của mình,—có lẽ, tôi nói, trong việc phục hồi lòng tự trọng của cô,—anh ấy đã giành được sự tin tưởng của cô, và cuối cùng làm chắc chắn tình yêu của cô. Nhưng chống lại sự khuyến khích của bản năng cao quý của anh ấy đã nổi lên tất cả những nghi ngờ đó khi câu hỏi đột ngột đó, những nghi ngờ mà, như Zanoni đã gợi ý rất tốt, làm cho những kẻ thù đích thực của linh hồn anh ấy.

Was he thus suddenly to be entangled into a snare laid for his credulity by deceivers? Was she not instructed to seize the moment to force him into an avowal which prudence must repent? Was not the great actress rehearsing a premeditated part? He turned round, as these thoughts, the children of the world, passed across him, for he literally fancied that he heard the sarcastic laugh of Mervale without. Nor was he deceived. Mervale was passing by the threshold, and Gionetta had told him his friend was within. Who does not know the effect of the world's laugh?

Liệu anh ấy có đột ngột bị vướng vào một bẫy mà những kẻ lừa dối đã dựng lên để lừa dối sự ngây thơ của anh ấy? Cô không được hướng dẫn để nắm bắt cơ hội để ép anh ấy phải thú nhận mà sự cẩn trọng phải hối hận? Cô không phải là nữ diễn viên lớn đang diễn một vai đã được lên kế hoạch trước? Anh quay lại, khi những suy nghĩ này, những đứa con của thế giới, đi qua anh ấy, vì anh thực sự nghĩ rằng anh nghe thấy tiếng cười mỉa mai của

Mervale ở ngoài. Và anh không bị lừa. Mervale đang đi qua ngưỡng cửa, và Gionetta đã nói với anh ấy rằng người bạn của anh ấy ở bên trong. Ai không biết tác động của tiếng cười của thế giới?

Glyndon was staggered. He could not combat the reasonings of his friend; he was not convinced, but he hesitated; and at that moment Nicot passed them. He turned round, and stopped, as he saw Glyndon.

Glyndon bị choáng ngợp. Anh không thể đấu tranh với lý do của người bạn; anh không được thuyết phục, nhưng anh do dự; và vào thời điểm đó Nicot đi qua họ. Anh quay lại, và dừng lại, khi anh thấy Glyndon.

“Well, and do you think still of the Pisani?”

"Vâng, và ngươi vẫn nghĩ về Pisani à?"

“Yes; and you—”

"Có; còn ngươi—"

“Have seen and conversed with her. She shall be Madame Nicot before this day week! I am going to the cafe, in the Toledo; and hark ye, when next you meet your friend Signor Zanoni, tell him that he has twice crossed my path. Jean Nicot, though a painter, is a plain, honest man, and always pays his debts.”

"Đã gặp và trò chuyện với cô ấy. Cô ấy sẽ là Madame Nicot trước tuần này! Tôi đang đến quán cà phê, ở Toledo; và nghe này, khi lần tiếp theo ngươi gặp người bạn Signor Zanoni, nói với anh ấy rằng anh ấy đã gặp tôi hai lần. Jean Nicot, mặc dù là một họa sĩ, là một người đàn ông chân thực, trung thực, và luôn trả nợ của mình."

“It is a good doctrine in money matters,” said Mervale; “as to revenge, it is not so moral, and certainly not so wise. But is it in your love that Zanoni has crossed your path? How that, if your suit prosper so well?”

“Đó là một tư tưởng tốt trong vấn đề tiền bạc,” Mervale nói; “về mặt trả thù, nó không đạo đức bằng, và chắc chắn không khôn ngoan bằng. Nhưng liệu tình yêu của bạn có phải là lý do Zanoni đã bắt gặp con đường của bạn không? Làm sao, nếu lời tỏ tình của bạn thành công tốt đẹp?”

“Ask Viola Pisani that question. Bah! Glyndon, she is a prude only to thee. But I have no prejudices. Once more, farewell.”

“Hãy hỏi Viola Pisani câu đó. Bah! Glyndon, cô ấy chỉ là một người phỉ nhổ với anh. Nhưng tôi không có thành kiến. Một lần nữa, tạm biệt.”

“Rouse thyself, man!” said Mervale, slapping Glyndon on the shoulder. “What think you of your fair one now?”

“Tỉnh người đi nào!” Mervale nói, vỗ nhẹ vào vai Glyndon. “Anh nghĩ sao về người đẹp của mình bây giờ?”

“This man must lie.”

“Người đàn ông này phải nói dối.”

“Will you write to her at once?”

“Anh sẽ viết thư cho cô ấy ngay lập tức không?”

“No; if she be really playing a game, I could renounce her without a sigh. I will watch her closely; and, at all events, Zanoni shall not be the master of my fate. Let us, as you advise, leave Naples at daybreak to-morrow.”

“Không; nếu cô ấy thực sự đang chơi một trò chơi, tôi có thể từ bỏ cô ấy mà không một tiếng thở. Tôi sẽ theo dõi cô ấy một cách cẩn thận; và, trong mọi trường hợp, Zanoni sẽ không là chủ nhân của số phận của tôi. Hãy, như anh khuyên, rời khỏi Naples vào lúc bình minh ngày mai.”

CHAPTER 3.X.

CHƯƠNG 3.X.

O chiunque tu sia, che fuor d'ogni uso Pieghi Natura ad opre altere e strane, E, spiando i segreti, entri al piu chiuso Spazi' a tua voglia delle menti umane—Deh, Dimmi! "Gerus. Lib.," Cant. x. xviii.

Early the next morning the young Englishmen mounted their horses, and took the road towards Baiae. Glyndon left word at his hotel, that if Signor Zanoni sought him, it was in the neighbourhood of that once celebrated watering-place of the ancients that he should be found.

Sáng sớm hôm sau, hai thanh niên Anh cưỡi ngựa và đi đường về Baiae. Glyndon để lại lời tại khách sạn rằng nếu Signor Zanoni tìm anh, anh sẽ ở khu vực đóng cửa đã từng nổi tiếng của người xưa.

They passed by Viola's house, but Glyndon resisted the temptation of pausing there; and after threading the grotto of Posilipo, they wound by a circuitous route back into the suburbs of the city, and took the opposite road, which conducts to Portici and Pompeii. It was late at noon when they arrived at the former of these places. Here they halted to dine; for Mervale had heard much of the excellence of the macaroni at Portici, and Mervale was a bon vivant.

Họ đi qua nhà của Viola, nhưng Glyndon chống lại cám dỗ dừng lại ở đó; và sau khi đi qua hang động Posilipo, họ quanh co trở lại ngoại ô của thành phố, và đi con đường đối diện, dẫn đến Portici và Pompeii. Khi họ đến địa điểm đầu tiên trong số những nơi này, đã muộn trưa. Ở đây, họ dừng lại để ăn trưa; vì Mervale đã nghe nhiều về sự xuất sắc của mì ống tại Portici, và Mervale là một người sành ăn.

They put up at an inn of very humble pretensions, and dined under an awning. Mervale was more than usually gay; he pressed the lacrima upon his friend, and conversed gayly.

Họ ở một khách sạn với những ước vọng rất khiêm tốn, và ăn trưa dưới mái hiên. Mervale vui vẻ hơn bình thường; anh ấy ép rượu lacrima cho bạn mình, và trò chuyện vui vẻ.

"Well, my dear friend, we have foiled Signor Zanoni in one of his predictions at least. You will have no faith in him hereafter."

"Như vậy, người bạn thân mến của tôi, chúng ta đã thất bại Signor Zanoni trong ít nhất một trong những dự đoán của anh ấy. Sau này bạn sẽ không tin tưởng anh ấy nữa."

"The ides are come, not gone."

"Những ngày ấy đã đến, chứ không phải đã qua."

"Tush! If he be the soothsayer, you are not the Caesar. It is your vanity that makes you credulous. Thank Heaven, I do not think myself of such importance that the operations of Nature should be changed in order to frighten me."

"Chớ! Nếu anh ấy là người tiên tri, anh không phải là Caesar. Đó là sự kiêu ngạo của anh khiến anh tin tưởng. Cảm ơn Trời, tôi không nghĩ rằng mình quan trọng đến mức phải thay đổi các hoạt động của Tự Nhiên để làm cho tôi sợ hãi."

"But why should the operations of Nature be changed? There may be a deeper philosophy than we dream of,—a philosophy that discovers the secrets of Nature, but does not alter, by penetrating, its courses."

"Nhưng tại sao các hoạt động của Tự Nhiên phải thay đổi? Có thể có một triết học sâu sắc hơn chúng ta ước mơ,—một triết

học khám phá ra bí mật của Tự Nhiên, nhưng không thay đổi, bằng cách xâm nhập, các quy trình của nó."

"Ah, you relapse into your heretical credulity; you seriously suppose Zanoni to be a prophet,—a reader of the future; perhaps an associate of genii and spirits!"

"Ah, anh rơi vào sự tin tưởng dị đoan của anh; anh nghiêm túc cho rằng Zanoni là một tiên tri,—một người đọc tương lai; có lẽ là một đồng minh của thần và linh hồn!"

The glare of the flame spread, luminous and crimson, over the dark and rugged ground on which they stood, and drew an innumerable variety of shadows from crag and hollow. An oppressive and sulphureous exhalation served to increase the gloomy and sublime terror of the place. But on turning from the mountain, and towards the distant and unseen ocean, the contrast was wonderfully great; the heavens serene and blue, the stars still and calm as the eyes of Divine Love. It was as if the realms of the opposing principles of Evil and of Good were brought in one view before the gaze of man! Glyndon—once more the enthusiast, the artist—was enchained and entranced by emotions vague and undefinable, half of delight and half of pain. Leaning on the shoulder of his friend, he gazed around him, and heard with deepening awe the rumbling of the earth below, the wheels and voices of the Ministry of Nature in her darkest and most inscrutable recess. Suddenly, as a bomb from a shell, a huge stone was flung hundreds of yards up from the jaws of the crater, and falling with a mighty crash upon the rock below, split into ten thousand fragments, which bounded down the sides of the mountain, sparkling and groaning as they went. One of these, the largest fragment, struck the narrow space of soil between the Englishmen and the guide, not three feet from the spot where the former stood. Mervale uttered an exclamation of terror, and Glyndon held his breath, and shuddered.

Ánh sáng của ngọn lửa lan rộng, sáng chói và màu đỏ, trải dài trên mặt đất u ám và gồ ghề mà họ đứng, và thu hút một loạt bóng đổ đa dạng từ những vách đá và hang đá. Một hơi thở áp đặt và lưu huỳnh phục vụ để tăng cường sự kinh hoàng và tuyệt vời của nơi đó. Nhưng khi quay đi từ núi, và nhìn về phía đại dương xa xôi và không thể nhìn thấy, sự tương phản rất lớn; bầu trời yên bình và xanh, những ngôi sao yên lặng và bình tĩnh như ánh mắt của Tình Yêu Thần Thánh. Như là nếu các vương quốc của các nguyên tắc đối lập của Ác và Thiện được đưa ra trong một tầm nhìn trước mắt của con người! Glyndon—một lần nữa là người say mê, người nghệ sĩ—đã bị ràng buộc và mê hoặc bởi những cảm xúc mơ hồ và không thể xác định, một nửa niềm vui và một nửa nỗi đau. Dựa vào vai người bạn, anh nhìn quanh và nghe thấy với sự kinh hoàng sâu sắc tiếng ầm ầm của đất dưới chân, những bánh xe và giọng nói của Bộ Nghiệp của Thiên Nhiên trong những khu vực tối tăm và khó hiểu nhất của mình. Đột nhiên, như một quả bom từ một quả trứng, một tảng đá lớn được ném lên hàng trăm mét từ miệng núi lửa, và rơi với một tiếng vang mạnh xuống tảng đá dưới, bị chia thành mười ngàn mảnh vỡ, rơi xuống các bên của núi, lấp lánh và rên rỉ khi chúng đi xuống. Một trong số chúng, mảnh vỡ lớn nhất, đập vào không gian hẹp của đất giữa người Anh và hướng dẫn, không đến ba bước chân từ nơi mà người Anh đứng. Mervale phát ra một tiếng kinh hoàng, và Glyndon nín thở, và rùng mình.

“Diavolo!” cried the guide. “Descend, Excellencies,—descend! we have not a moment to lose; follow me close!” So saying, the guide and the peasant fled with as much swiftness as they were able to bring to bear. Mervale, ever more prompt and ready than his friend, imitated their example; and Glyndon, more confused than alarmed, followed close. But they had not gone many yards, before, with a rushing and sudden blast, came from the crater an enormous volume of vapour. It pursued,—it overtook, it overspread them. It swept the light from the heavens. All was abrupt and utter darkness; and through the gloom was heard the shout of the guide, already distant, and lost in an instant

amidst the sound of the rushing gust and the groans of the earth beneath. Glyndon paused. He was separated from his friend, from the guide. He was alone,—with the Darkness and the Terror. The vapour rolled sullenly away; the form of the plumed fire was again dimly visible, and its struggling and perturbed reflection again shed a glow over the horrors of the path. Glyndon recovered himself, and sped onward. Below, he heard the voice of Mervale calling on him, though he no longer saw his form. The sound served as a guide. Dizzy and breathless, he bounded forward; when—hark!—a sullen, slow rolling sounded in his ear! He halted,—and turned back to gaze. The fire had overflowed its course; it had opened itself a channel amidst the furrows of the mountain. The stream pursued him fast—fast; and the hot breath of the chasing and preternatural foe came closer and closer upon his cheek! He turned aside; he climbed desperately with hands and feet upon a crag that, to the right, broke the scathed and blasted level of the soil. The stream rolled beside and beneath him, and then taking a sudden wind round the spot on which he stood, interposed its liquid fire,—a broad and impassable barrier between his resting-place and escape. There he stood, cut off from descent, and with no alternative but to retrace his steps towards the crater, and thence seek, without guide or clew, some other pathway.

“Diavolo!” hướng dẫn kêu. “Xuống, Quý tộc,—xuống! chúng ta không có một khoảnh khắc để lãng phí; hãy theo tôi chặt chẽ!” Nói như vậy, hướng dẫn và người nông dân chạy với tốc độ mà họ có thể đem lại. Mervale, luôn luôn nhanh nhẹn và sẵn sàng hơn bạn, bắt chước ví dụ của họ; và Glyndon, mơ hồ hơn là sợ hãi, theo sát. Nhưng họ không đi được nhiều bước chân, trước khi, với một cơn gió thổi và đột ngột, một lượng hơi nước lớn từ núi lửa phun ra. Nó truy đuổi,—nó vượt qua, nó lan rộng trên họ. Nó quét đi ánh sáng từ bầu trời. Tất cả đều là bóng tối và hoàn toàn tối tăm; và qua bóng tối, có thể nghe thấy tiếng hướng dẫn hét lên, đã xa xôi, và mất trong một nháy mắt giữa tiếng ồn ào của cơn gió thổi và tiếng rên của đất dưới chân.

Glyndon dừng lại. Anh ta bị tách rời khỏi người bạn, khỏi hướng dẫn. Anh ta đơn độc,—với Bóng Tối và Nỗi kinh hoàng. Hơi nước lăn lênh đênh đi; hình dạng của lửa lông chim lại lần nữa được nhìn thấy mờ nhạt, và sự phản chiếu đấu tranh và rối loạn của nó lại rải một ánh sáng qua những nỗi kinh hoàng của con đường. Glyndon tự lấy lại bản thân, và lao về phía trước. Dưới đất, anh nghe thấy giọng của Mervale gọi anh, mặc dù anh ta không còn thấy hình dáng của anh ta nữa. Âm thanh đó phục vụ như một hướng dẫn. Chóng mặt và hấp hối, anh nhảy vọt về phía trước; khi—nghe kìa!—một tiếng lăn chậm chạp đổ vào tai anh! Anh dừng lại,—và quay lại để nhìn. Lửa đã tràn ra khỏi lối đi của nó; nó đã mở ra một con kênh giữa những rãnh của núi. Dòng nước truy đuổi anh nhanh chóng—nhanh chóng; và hơi nóng từ kẻ săn đuổi và siêu tự nhiên đến gần và gần hơn trên má của anh! Anh quay sang; anh leo một cách liều lĩnh với tay và chân trên một tảng đá mà, về bên phải, phá vỡ bề mặt đất tan hoang và cháy đen. Dòng nước lăn qua bên cạnh và dưới anh, và sau đó, sau khi quay một cách đột ngột xung quanh nơi mà anh đứng, xen vào lửa lỏng của nó,—một rào cản rộng và không thể vượt qua giữa nơi nghỉ ngơi của anh và sự thoát khỏi. Ở đó anh đứng, bị tách rời khỏi việc đi xuống, và không có lựa chọn nào khác ngoài việc quay lại bước chân của mình về phía núi lửa, và rồi tìm kiếm, không có hướng dẫn hoặc sợi chỉ, một con đường khác.

For a moment his courage left him; he cried in despair, and in that overstrained pitch of voice which is never heard afar off, to the guide, to Mervale, to return to aid him. No answer came; and the Englishman, thus abandoned solely to his own resources, felt his spirit and energy rise against the danger. He turned back, and ventured as far towards the crater as the noxious exhalation would permit; then, gazing below, carefully and deliberately he chalked out for himself a path by which he trusted to shun the direction the fire-stream had taken, and trod firmly and quickly over the crumbling and heated strata. He had proceeded about fifty yards, when he halted abruptly; an

unspeakable and unaccountable horror, not hitherto experienced amidst all his peril, came over him. He shook in every limb; his muscles refused his will,—he felt, as it were, palsied and death-stricken. The horror, I say, was unaccountable, for the path seemed clear and safe. The fire, above and behind, burned clear and far; and beyond, the stars lent him their cheering guidance. No obstacle was visible,—no danger seemed at hand. As thus, spell-bound, and panic-stricken, he stood chained to the soil,—his breast heaving, large drops rolling down his brow, and his eyes starting wildly from their sockets,—he saw before him, at some distance, gradually shaping itself more and more distinctly to his gaze, a colossal shadow; a shadow that seemed partially borrowed from the human shape, but immeasurably above the human stature; vague, dark, almost formless; and differing, he could not tell where or why, not only from the proportions, but also from the limbs and outline of man. The glare of the volcano, that seemed to shrink and collapse from this gigantic and appalling apparition, nevertheless threw its light, redly and steadily, upon another shape that stood beside, quiet and motionless; and it was, perhaps, the contrast of these two things—the Being and the Shadow—that impressed the beholder with the difference between them,—the Man and the Superhuman. It was but for a moment—nay, for the tenth part of a moment—that this sight was permitted to the wanderer. A second eddy of sulphureous vapours from the volcano, yet more rapidly, yet more densely than its predecessor, rolled over the mountain; and either the nature of the exhalation, or the excess of his own dread, was such, that Glyndon, after one wild gasp for breath, fell senseless on the earth.

Trong một khoảnh khắc, lòng dũng cảm của anh bỏ anh; anh hét lên trong sự tuyệt vọng, và trong dải âm thanh căng thẳng đó không bao giờ được nghe xa xôi, đến hướng dẫn, đến Mervale, để quay lại giúp anh. Không có câu trả lời nào đến; và người Anh, như vậy bị bỏ rơi hoàn toàn vào tài nguyên của bản

thân, cảm thấy tinh thần và năng lượng của mình nổi lên chống lại nguy hiểm. Anh quay lại, và mạo hiểm đi đến gần núi lửa như hơi thở độc hại cho phép; sau đó, nhìn xuống, cẩn thận và cố ý anh vẽ ra cho mình một con đường mà anh tin là tránh được hướng mà dòng lửa đã đi, và bước chắc chắn và nhanh chóng qua các lớp đất sụt và nóng. Anh đã tiến bước khoảng năm mươi mét, khi anh đột ngột dừng lại; một nỗi kinh hoàng không thể diễn tả và không thể giải thích, chưa từng trải qua giữa tất cả mọi nguy hiểm, tràn ngập anh. Anh run lên từng cơ thể; cơ bắp của anh từ chối ý chí của anh,—anh cảm thấy, như là, bị tê liệt và bị chết đứng. Nỗi kinh hoàng, tôi nói, không thể giải thích, vì con đường dường như rõ ràng và an toàn. Lửa, ở phía trên và phía sau, đốt cháy rõ ràng và xa; và phía xa, những ngôi sao cho anh những hướng dẫn an ủi. Không có chướng ngại vật nào được nhìn thấy,—không có nguy hiểm nào gần. Như thế, bị mê hoặc, và hoảng sợ, anh đứng bị ràng buộc vào đất,—ngực anh nặng, giọt mồ hôi lớn trên trán xuống, và đôi mắt anh nhảy ra dữ dội khỏi khe ngắm,—anh thấy trước mặt, ở một khoảng cách nào đó, dần dần hình thành rõ ràng hơn và rõ ràng hơn trước ánh mắt của anh, một bóng lớn lao; một bóng mà dường như một phần được mượn từ hình dạng của con người, nhưng vượt xa hình dạng của con người; mơ hồ, tối tăm, gần như không hình dạng; và khác biệt, anh không thể nói ở đâu hoặc tại sao, không chỉ từ tỷ lệ, mà còn từ cánh và đường viền của con người. Ánh sáng của núi lửa, dường như co lại và sụp đổ khỏi hình dạng khổng lồ và đáng sợ

“But how?—but where?” stammered Mervale, in great confusion and surprise.

“Nhưng thế nào?—nhưng ở đâu?” Mervale nói lắp bắp, trong sự rối loạn và ngạc nhiên lớn.

“I found your friend stretched on the ground, overpowered by the mephitic exhalation of the crater. I bore him to a purer atmosphere; and as I know the mountain well, I have conducted

him safely to you. This is all our history. You see, sir, that were it not for that prophecy which you desired to frustrate, your friend would ere this time have been a corpse; one minute more, and the vapour had done its work. Adieu; goodnight, and pleasant dreams."

"Tôi tìm thấy người bạn của bạn nằm sấp trên mặt đất, bị áp đảo bởi hơi thở độc hại từ miệng núi lửa. Tôi đã đưa anh ấy đến môi trường trong lành; và vì tôi biết núi rất tốt, tôi đã dẫn anh ấy đến an toàn với bạn. Đây là toàn bộ lịch sử của chúng ta. Ông thấy không, thưa ông, nếu không có lời tiên tri mà ông muốn phá hoại, người bạn của ông sẽ từ lâu đã là xác chết; thêm một phút nữa, và hơi đã hoàn thành công việc của mình. Tạm biệt; chúc ông ngủ ngon và mơ mộng dễ chịu."

"But, my preserver, you will not leave us?" said Glyndon, anxiously, and speaking for the first time. "Will you not return with us?"

"Nhưng người cứu rỗi của tôi, ông sẽ không rời chúng tôi chứ?" Glyndon nói lo lắng, và lần đầu tiên nói. "Ông sẽ không quay trở với chúng tôi chứ?"

Zanoni paused, and drew Glyndon aside. "Young man," said he, gravely, "it is necessary that we should again meet to-night. It is necessary that you should, ere the first hour of morning, decide on your own fate. I know that you have insulted her whom you profess to love. It is not too late to repent. Consult not your friend: he is sensible and wise; but not now is his wisdom needed. There are times in life when, from the imagination, and not the reason, should wisdom come,—this, for you, is one of them. I ask not your answer now. Collect your thoughts,—recover your jaded and scattered spirits. It wants two hours of midnight. Before midnight I will be with you."

Zanoni dừng lại, và kéo Glyndon sang một bên. “Chàng trai trẻ,” ông nói nghiêm túc, “cần phải chúng ta gặp lại tối nay. Cần phải làm cho chàng quyết định vận mệnh của mình trước giờ đầu tiên của buổi sáng. Tôi biết rằng chàng đã xúc phạm người mà chàng tuyên bố yêu. Chưa muộn để hối cải. Đừng tham khảo ý kiến của bạn bè: họ là những người biết lý trí và khôn ngoan; nhưng không phải lúc này là lúc họ cần đến sự khôn ngoan của họ. Có những lúc trong cuộc đời, khôn ngoan cần phải đến từ trí tưởng tượng, không phải lý trí,—đối với chàng, đây là một trong những lúc đó. Tôi không yêu cầu câu trả lời ngay lúc này. Tập trung suy nghĩ của mình,—khôi phục tinh thần mệt mỏi và rải rác của mình. Còn hai tiếng nữa là đêm trước bán đêm. Trước bán đêm tôi sẽ ở bên chàng.”

“Incomprehensible being!” replied the Englishman, “I would leave the life you have preserved in your own hands; but what I have seen this night has swept even Viola from my thoughts. A fiercer desire than that of love burns in my veins,—the desire not to resemble but to surpass my kind; the desire to penetrate and to share the secret of your own existence—the desire of a preternatural knowledge and unearthly power. I make my choice. In my ancestor’s name, I adjure and remind thee of thy pledge. Instruct me; school me; make me thine; and I surrender to thee at once, and without a murmur, the woman whom, till I saw thee, I would have defied a world to obtain.”

“Một sinh vật khó hiểu!” người Anh trả lời, “Tôi muốn để cuộc sống mà ông đã bảo vệ ở trong tay của mình; nhưng những gì tôi đã thấy vào đêm nay đã đẩy Viola ra khỏi suy nghĩ của tôi. Một mong muốn mãnh liệt hơn cả tình yêu đang cháy trong tâm hồn tôi,—mong muốn không giống nhưng vượt xa loài người; mong muốn xâm nhập và chia sẻ bí mật của sự tồn tại của ông—mong muốn có kiến thức siêu nhiên và quyền lực huyền bí. Tôi đã chọn. Thay mặt tổ tiên, tôi tố cáo và nhắc nhở ông về lời hứa của mình. Hướng dẫn tôi; dạy tôi; làm cho tôi thuộc về ông; và tôi đầu hàng cho ông ngay lập tức, và không

một tiếng than vãn, người phụ nữ mà cho đến khi gặp ông, tôi sẽ thách thức cả một thế giới để có được."

"I bid thee consider well: on the one hand, Viola, a tranquil home, a happy and serene life; on the other hand, all is darkness,—darkness, that even these eyes cannot penetrate."

"Tôi nghi ngờ chúng ta cần phải xem xét kỹ: mặt một, Viola, một ngôi nhà yên bình, một cuộc sống hạnh phúc và thanh bình; mặt khác, tất cả đều là bóng tối,—bóng tối, mà ngay cả đôi mắt này cũng không thể thâm nhập."

"But thou hast told me, that if I wed Viola, I must be contented with the common existence,—if I refuse, it is to aspire to thy knowledge and thy power."

"Nhưng ông đã nói với tôi, rằng nếu tôi cưới Viola, tôi phải hài lòng với cuộc sống thông thường,—nếu tôi từ chối, đó là để tham vọng đến kiến thức và quyền lực của ông."

"Vain man, knowledge and power are not happiness."

"Đàn ông vô ích, kiến thức và quyền lực không phải là hạnh phúc."

"But they are better than happiness. Say!—if I marry Viola, wilt thou be my master,—my guide? Say this, and I am resolved.

"Nhưng chúng tốt hơn hạnh phúc. Nói!—nếu tôi cưới Viola, ông sẽ là thầy,—hướng dẫn của tôi chứ? Nói điều này, và tôi đã quyết định.

"It were impossible."

"Điều đó là không thể."

“Then I renounce her? I renounce love. I renounce happiness. Welcome solitude,—welcome despair; if they are the entrances to thy dark and sublime secret.”

“Vậy thì tôi từ bỏ cô ấy? Tôi từ bỏ tình yêu. Tôi từ bỏ hạnh phúc. Chào đón cô đơn,—chào đón tuyệt vọng; nếu chúng là cửa vào bí mật tối tăm và tuyệt vời của ông.”

“I will not take thy answer now. Before the last hour of night thou shalt give it in one word,—ay or no! Farewell till then.”

“Tôi sẽ không chấp nhận câu trả lời của ông ngay lúc này. Trước giờ cuối đêm, ông sẽ trả lời bằng một từ,—có hoặc không! Tạm biệt cho đến lúc đó.”

Zanoni waved his hand, and, descending rapidly, was seen no more. Glyndon rejoined his impatient and wondering friend; but Mervale, gazing on his face, saw that a great change had passed there. The flexile and dubious expression of youth was forever gone. The features were locked, rigid, and stern; and so faded was the natural bloom, that an hour seemed to have done the work of years.

Zanoni vẫy tay, và, rơi xuống nhanh chóng, không còn thấy nữa. Glyndon đến gặp lại người bạn nóng lòng và đầy tò mò của mình; nhưng Mervale, nhìn vào khuôn mặt của anh, thấy rằng có một sự thay đổi lớn đã xảy ra. Sự biểu hiện linh hoạt và không rõ ràng của tuổi trẻ đã mất mãi. Những đặc điểm đã bị khóa chặt, cứng nhắc và nghiêm nghị; và màu hồng tự nhiên đã phai mờ đến nỗi một giờ dường như đã làm công việc của nhiều năm.

CHAPTER 3.XII. Was ist’s Das hinter diesem Schleier sich verbirgt? “Das Verschleierte Bild zu Sais.” (What is it that conceals itself behind this veil?)

CHƯƠNG 3.XII. Was ist's Đằng sau chiếc màn che này là gì? "Bức ảnh bị che khuất ở Sais."

On returning from Vesuvius or Pompeii, you enter Naples through its most animated, its most Neapolitan quarter,—through that quarter in which modern life most closely resembles the ancient; and in which, when, on a fair-day, the thoroughfare swarms alike with Indolence and Trade, you are impressed at once with the recollection of that restless, lively race from which the population of Naples derives its origin; so that in one day you may see at Pompeii the habitations of a remote age; and on the Mole, at Naples, you may imagine you behold the very beings with whom those habitations had been peopled.

Trên đường trở lại từ Vesuvius hoặc Pompeii, bạn đi vào Naples qua khu phố sôi động nhất, phố nơi mà cuộc sống hiện đại gần nhất với cuộc sống cổ xưa; và khi, vào một ngày đẹp, con đường chật hẹp đầy với Cẩu Thả và Thương Mại, bạn sẽ ngay lập tức bị ấn tượng với sự nhớ lại về dân tộc năng động, sống động từ đó dân số của Naples xuất phát; để bạn có thể trong một ngày thấy ở Pompeii những nơi ở của một thời xa xưa; và trên Bến, ở Naples, bạn có thể tưởng tượng mình thấy những người với những nơi ở đó đã được người ta ở.

But now, as the Englishmen rode slowly through the deserted streets, lighted but by the lamps of heaven, all the gayety of day was hushed and breathless. Here and there, stretched under a portico or a dingy booth, were sleeping groups of houseless Lazzaroni,—a tribe now merging its indolent individuality amidst an energetic and active population.

Nhưng giờ đây, khi người Anh đi qua những con phố vắng vẻ một cách chậm rãi, chỉ được chiếu sáng bởi ánh đèn của trời, toàn bộ sự vui vẻ của ngày đã yên lặng và im lặng. Khắp nơi, giãn dài dưới một dải hiên hoặc một gian hàng rách rưới, là

nhóm người Lazzaroni không nhà,—một bộ tộc giờ đang hòa nhập cá nhân lười biếng của mình giữa một dân số năng động và hoạt bát.

The Englishman rode on in silence; for Glyndon neither appeared to heed nor hear the questions and comments of Mervale, and Mervale himself was almost as weary as the jaded animal he bestrode.

Người Anh cứ tiếp tục đi trong im lặng; vì Glyndon dường như không chú ý hoặc nghe thấy những câu hỏi và nhận xét của Mervale, và chính Mervale cũng gần như mệt mỏi như con vật mệt mỏi mà anh ta cưỡi.

Suddenly the silence of earth and ocean was broken by the sound of a distant clock that proclaimed the quarter preceding the last hour of night. Glyndon started from his reverie, and looked anxiously round. As the final stroke died, the noise of hoofs rung on the broad stones of the pavement, and from a narrow street to the right emerged the form of a solitary horseman. He neared the Englishmen, and Glyndon recognised the features and mien of Zanoni.

Đột nhiên, sự yên lặng của trái đất và đại dương bị phá vỡ bởi âm thanh của một cái đồng hồ xa xôi, tuyên bố giờ trước giờ cuối đêm. Glyndon bật dậy khỏi suy tư, và nhìn xung quanh lo lắng. Khi tiếng đồng hồ cuối cùng tắt, tiế

Far from recalling with renewed affright the remembrance of the apparition that had so appalled him, the recollection only served to kindle and concentrate his curiosity into a burning focus. He had said aright,—LOVE HAD VANISHED FROM HIS HEART; there was no longer a serene space amidst its disordered elements for human affection to move and breathe. The enthusiast was rapt from this earth; and he would have surrendered all that mortal beauty ever promised, that mortal

hope ever whispered, for one hour with Zanoni beyond the portals of the visible world.

Xa xa không gợi nhớ lại với nỗi sợ hãi mới nhớ về hình dáng đã làm anh ta kinh hoàng, việc nhớ lại chỉ giúp đốt lên và tập trung sự tò mò của anh ta thành một tâm điểm cháy bỏng. Anh ta đã nói đúng,—TÌNH YÊU ĐÃ BIẾN MẤT KHỎI TRÁI TIM ANH; không còn một không gian thanh bình giữa các yếu tố hỗn loạn của nó để tình cảm con người di chuyển và thở. Người đam mê đã được rút khỏi trần gian này; và anh ta đã sẵn sàng hi sinh tất cả những gì vẻ đẹp vĩnh cửu từng hứa hẹn, hy vọng vĩnh cửu từng thì thầm, chỉ để được một giờ với Zanoni ngoài cửa của thế giới hiện hữu.

He rose, oppressed and fevered with the new thoughts that raged within him, and threw open his casement for air. The ocean lay suffused in the starry light, and the stillness of the heavens never more eloquently preached the morality of repose to the madness of earthly passions. But such was Glyndon's mood that their very hush only served to deepen the wild desires that preyed upon his soul; and the solemn stars, that are mysteries in themselves, seemed, by a kindred sympathy, to agitate the wings of the spirit no longer contented with its cage. As he gazed, a star shot from its brethren, and vanished from the depth of space!

Anh đứng dậy, bị áp đặt và sốt cao với những suy nghĩ mới cuồn cuộn bên trong anh, và mở cửa sổ cho không khí. Đại dương phủ đầy trong ánh sáng sao, và sự yên lặng của bầu trời chưa bao giờ thuyết giảng về đạo đức của sự yên bình đến cơn điên cuồng của những đam mê trần tục một cách hùng hồn như vậy. Nhưng tâm trạng của Glyndon làm cho sự yên lặng của họ chỉ làm sâu thêm những ham muốn hoang dại mà ăn mòn linh hồn anh ta; và những vì sao trang trọng, mà chính họ là những bí ẩn, dường như, thông qua một sự đồng cảm họ hàng, kích động cánh của tinh thần không còn hài lòng với lồng của nó. Khi anh nhìn, một

vì sao bắn ra từ anh em của nó, và biến mất từ bên trong không gian!

CHAPTER 3.XIII. O, be gone! By Heaven, I love thee better than myself, For I came hither armed against myself. —“Romeo and Juliet.” The young actress and Gionetta had returned from the theatre; and Viola fatigued and exhausted, had thrown herself on a sofa, while Gionetta busied herself with the long tresses which, released from the fillet that bound them, half-concealed the form of the actress, like a veil of threads of gold. As she smoothed the luxuriant locks, the old nurse ran gossiping on about the little events of the night, the scandal and politics of the scenes and the tireroom. Gionetta was a worthy soul. Almanzor, in Dryden’s tragedy of “Almahide,” did not change sides with more gallant indifference than the exemplary nurse. She was at last grieved and scandalised that Viola had not selected one chosen cavalier. But the choice she left wholly to her fair charge. Zegri or Abencerrage, Glyndon or Zanoni, it had been the same to her, except that the rumours she had collected respecting the latter, combined with his own recommendations of his rival, had given her preference to the Englishman. She interpreted ill the impatient and heavy sigh with which Viola greeted her praises of Glyndon, and her wonder that he had of late so neglected his attentions behind the scenes, and she exhausted all her powers of panegyric upon the supposed object of the sigh. “And then, too,” she said, “if nothing else were to be said against the other signor, it is enough that he is about to leave Naples.” “Leave Naples!—Zanoni?” “Yes, darling! In passing by the Mole to-day, there was a crowd round some outlandish-looking sailors. His ship arrived this morning, and anchors in the bay. The sailors say that they are to be prepared to sail with the first wind; they were taking in fresh stores. They—” “Leave me, Gionetta! Leave me!” The time had already passed when the girl could confide in Gionetta. Her thoughts had advanced to that point when the heart recoils from all confidence, and feels that it cannot be comprehended. Alone now, in the principal

apartment of the house, she paced its narrow boundaries with tremulous and agitated steps: she recalled the frightful suit of Nicot,—the injurious taunt of Glyndon; and she sickened at the remembrance of the hollow applauses which, bestowed on the actress, not the woman, only subjected her to contumely and insult. In that room the recollection of her father's death, the withered laurel and the broken chords, rose chillingly before her. Hers, she felt, was a yet gloomier fate,—the chords may break while the laurel is yet green. The lamp, waning in its socket, burned pale and dim, and her eyes instinctively turned from the darker corner of the room. Orphan, by the hearth of thy parent, dost thou fear the presence of the dead! And was Zanoni indeed about to quit Naples? Should she see him no more? Oh, fool, to think that there was grief in any other thought! The past!—that was gone! The future!—there was no future to her, Zanoni absent! But this was the night of the third day on which Zanoni had told her that, come what might, he would visit her again. It was, then, if she might believe him, some appointed crisis in her fate; and how should she tell him of Glyndon's hateful words? The pure and the proud mind can never confide its wrongs to another, only its triumphs and its happiness. But at that late hour would Zanoni visit her,—could she receive him? Midnight was at hand. Still in undefined suspense, in intense anxiety, she lingered in the room. The quarter before midnight sounded, dull and distant. All was still, and she was about to pass to her sleeping-room, when she heard the hoofs of a horse at full speed; the sound ceased, there was a knock at the door. Her heart beat violently; but fear gave way to another sentiment when she heard a voice, too well known, calling on her name. She paused, and then, with the fearlessness of innocence, descended and unbarred the door. Zanoni entered with a light and hasty step. His horseman's cloak fitted tightly to his noble form, and his broad hat threw a gloomy shade over his commanding features. The girl followed him into the room she had just left, trembling and blushing deeply, and stood before him with the lamp she held shining

upward on her cheek and the long hair that fell like a shower of light over the half-clad shoulders and heaving bust. “Viola,” said Zanoni, in a voice that spoke deep emotion, “I am by thy side once more to save thee. Not a moment is to be lost. Thou must fly with me, or remain the victim of the Prince di —. I would have made the charge I now undertake another’s; thou knowest I would,—thou knowest it!—but he is not worthy of thee, the cold Englishman! I throw myself at thy feet; have trust in me, and fly.” He grasped her hand passionately as he dropped on his knee, and looked up into her face with his bright, beseeching eyes. “Fly with thee!” said Viola, scarce believing her senses. “With me. Name, fame, honour,—all will be sacrificed if thou dost not.” “Then—then,” said the wild girl, falteringly, and turning aside her face,—“then I am not indifferent to thee; thou wouldst not give me to another?” Zanoni was silent; but his breast heaved, his cheeks flushed, his eyes darted dark and impassioned fire. “Speak!” exclaimed Viola, in jealous suspicion of his silence. “Indifferent to me! No; but I dare not yet say that I love thee.” “Then what matters my fate?” said Viola, turning pale, and shrinking from his side; “leave me,—I fear no danger. My life, and therefore my honour, is in mine own hands.” “Be not so mad,” said Zanoni. “Hark! do you hear the neigh of my steed?—it is an alarm that warns us of the approaching peril. Haste, or you are lost!” “Why dost thou care for me?” said the girl, bitterly. “Thou hast read my heart; thou knowest that thou art become the lord of my destiny. But to be bound beneath the weight of a cold obligation; to be the beggar on the eyes of indifference; to cast myself on one who loves me not,—THAT were indeed the vilest sin of my sex. Ah, Zanoni, rather let me die!”

CHƯƠNG 3.XIII. Ôi, đi đi! Trời ơi, tôi yêu em hơn chính bản thân tôi, Vì tôi đến đây trang bị chống lại chính mình. —“Romeo và Juliet.” Nữ diễn viên trẻ và Gionetta đã trở về từ nhà hát; và Viola mệt mỏi và kiệt sức, đã ném mình lên ghế sofa, trong khi Gionetta bận rộn với mái tóc dài, được thả ra từ dải đai buộc

chúng, một nửa che khuất hình dáng của nữ diễn viên, như một chiếc màn của những sợi vàng. Khi cô làm phẳng những sợi tóc phong phú, người hầu cũ chuyện phiếm về những sự kiện nhỏ trong đêm, những lời vu khống và chính trị của các cảnh và phòng đợi. Gionetta là một linh hồn đáng kính. Almanzor, trong vở kịch của Dryden "Almahide", không chuyển sang phía khác với sự lãnh đạm dũng cảm hơn người hầu gương mẫu. Cuối cùng, cô ấy buồn và xấu hổ vì Viola không chọn một quý ông đã chọn. Nhưng quyết định đó cô ấy để hoàn toàn cho trách nhiệm của cô gái xinh đẹp của mình. Zegri hoặc Abencerrage, Glyndon hoặc Zanoni, với cô ấy, đều giống nhau, trừ khi những tin đồn cô ấy đã thu thập về người sau, kết hợp với những lời giới thiệu của đối thủ của mình, đã khiến cô ưu tiên người Anh. Cô ấy hiểu sai cái thở nóng bỏng và nặng nề mà Viola chào đón lời khen của cô ấy về Glyndon, và sự ngạc nhiên của cô ấy vì anh ta đã gần đây bỏ qua sự chú ý của mình sau màn. Và cô ấy đã cạn kiệt tất cả sức mạnh của mình trong việc ca tụng về đối tượng được giả định của cái thở. “Và sau đó, nữa,” cô ấy nói, “nếu không có gì khác để nói về người khác, đó là đủ rồi, anh ta sắp rời khỏi Naples.” “Rời khỏi Naples!—Zanoni?” “Vâng, em yêu! Khi đi qua bến tàu hôm nay, có một đám đông xung quanh một số thủy thủ trông lạ mắt. Tàu của anh ấy đã đến sáng nay, và neo ở trong vịnh. Thủy thủ nói rằng họ sẽ chuẩn bị để ra khơi khi có cơn gió đầu tiên; họ đang chờ hàng tươi. Họ—” “Để tôi một mình, Gionetta! Để tôi một mình!” Thời gian đã qua khi cô gái có thể tin tưởng Gionetta. Tâm trí cô đã tiến bộ đến mức mà trái tim lẩn tránh mọi sự tin tưởng, và cảm thấy rằng nó không thể được hiểu. Bây giờ chỉ mình cô, trong căn phòng chính của ngôi nhà, cô đi dạo quanh những ranh giới hẹp của nó với những bước run và xao lãng; cô nhớ lại bộ áo đáng sợ của Nicot,—lời chế nhạo tổn thương của Glyndon; và cô cảm thấy mệt mỏi khi nhớ lại những lời khen rỗng rãi mà, được trao cho nữ diễn viên, không phải người phụ nữ, chỉ làm cô phải chịu sự coi thường và xúc phạm. Trong căn phòng đó, ký ức về cái chết của cha cô, cành nguyệt quế héo và dây đàn bị gãy, nổi lên lạnh lùng trước mặt cô. Cô cảm thấy, đó là một số phận còn u ám hơn,—dây đàn có

thể gãy khi cây nguyệt quế vẫn xanh. Chiếc đèn, dần dần tắt trong ổ cắm, sáng mờ và mờ, và đôi mắt của cô tự nhiên quay đi từ góc tối hơn của căn phòng. Mồ côi, bên lò sưởi của cha mẹ, em có sợ sự hiện diện của người đã chết không!

She had thrown back her clustering hair from her face while she spoke; and as she now stood, with her arms drooping mournfully, and her hands clasped together with the proud bitterness of her wayward spirit, giving new zest and charm to her singular beauty, it was impossible to conceive a sight more irresistible to the eye and the heart.

Cô đã đẩy tóc dày đặc của mình ra khỏi khuôn mặt khi cô nói; và khi cô đứng đó, với đôi tay chùng xuống bi thương, và đôi tay nắm chặt với sự tự hào gắn bó của tinh thần ương ngạnh của cô, tạo thêm hứng thú và quyến rũ cho vẻ đẹp độc đáo của cô, không thể tưởng tượng được một cảnh tượng nào hấp dẫn hơn cho mắt và trái tim.

“Tempt me not to thine own danger,—perhaps destruction!” exclaimed Zanoni, in faltering accents. “Thou canst not dream of what thou wouldst demand,—come!” and, advancing, he wound his arm round her waist. “Come, Viola; believe at least in my friendship, my honour, my protection—”

“Đừng cám dỗ tôi vào nguy hiểm của chính mình,—có lẽ là sự hủy hoại!” Zanoni than thở trong những giọng điệu lung lay. “Em không thể tưởng tượng được điều mà em muốn đòi hỏi,—hãy đến!” và, tiến lên, anh ôm lấy eo cô. “Hãy đến, Viola; tin ít nhất vào tình bạn, danh dự, sự bảo vệ của anh—”

“And not thy love,” said the Italian, turning on him her reproachful eyes. Those eyes met his, and he could not withdraw from the charm of their gaze. He felt her heart throbbing beneath his own; her breath came warm upon his cheek. He trembled,—HE! the lofty, the mysterious Zanoni, who

seemed to stand aloof from his race. With a deep and burning sigh, he murmured, “Viola, I love thee! Oh!” he continued passionately, and, releasing his hold, he threw himself abruptly at her feet, “I no more command,—as woman should be wooed, I woo thee. From the first glance of those eyes, from the first sound of thy voice, thou becamest too fatally dear to me. Thou speakest of fascination,—it lives and it breathes in thee! I fled from Naples to fly from thy presence,—it pursued me. Months, years passed, and thy sweet face still shone upon my heart. I returned, because I pictured thee alone and sorrowful in the world, and knew that dangers, from which I might save thee, were gathering near thee and around. Beautiful Soul! whose leaves I have read with reverence, it was for thy sake, thine alone, that I would have given thee to one who might make thee happier on earth than I can. Viola! Viola! thou knowest not—never canst thou know—how dear thou art to me!”

“Và không phải tình yêu của anh,” người Italia nói, quay sang anh với đôi mắt trách móc. Đôi mắt đó gặp mắt anh, và anh không thể rời khỏi sức hấp dẫn của ánh nhìn đó. Anh cảm thấy trái tim cô đập dưới trái tim của mình; hơi thở ấm áp của cô đến gần má anh. Anh run lên,—ANH! Zanoni cao quý, bí ẩn, người dường như đứng xa lánh khỏi dòng dõi của mình. Với một tiếng thở sâu và nồng cháy, anh rên rỉ, “Viola, anh yêu em! Ôi!” anh tiếp tục một cách mãnh liệt, và, thả lỏng bám giữ, anh đột ngột quỳ gối trước chân cô, “Anh không còn ra lệnh nữa,—như phụ nữ nên được cầu hôn, anh cầu hôn em. Từ ánh nhìn đầu tiên của đôi mắt đó, từ âm thanh đầu tiên của giọng nói của em, em trở nên quá quý giá đối với anh. Em nói về sức quyến rũ,—nó sống và thở trong em! Anh chạy trốn khỏi Naples để trốn khỏi sự hiện diện của em,—nó đuổi theo anh. Tháng, năm trôi qua, và khuôn mặt ngọt ngào của em vẫn chiếu sáng trên trái tim anh. Anh trở về, vì anh tưởng tượng em đơn độc và buồn bã trong thế giới, và biết rằng nguy hiểm, mà anh có thể cứu em khỏi, đang hội tụ gần em và xung quanh. Linh Hồn Tuyệt Vời! lá của em anh đã đọc với sự tôn kính, chỉ vì lợi ích của em, chỉ của riêng em, mà

anh sẽ đã cho em cho một người có thể làm cho em hạnh phúc hơn trên trái đất so với anh. Viola! Viola! em không biết—không bao giờ em có thể biết—em quý giá đến như thế nào với anh!"

It is in vain to seek for words to describe the delight—the proud, the full, the complete, and the entire delight—that filled the heart of the Neapolitan. He whom she had considered too lofty even for love,—more humble to her than those she had half-despised! She was silent, but her eyes spoke to him; and then slowly, as aware, at last, that the human love had advanced on the ideal, she shrank into the terrors of a modest and virtuous nature. She did not dare,—she did not dream to ask him the question she had so fearlessly made to Glyndon; but she felt a sudden coldness,—a sense that a barrier was yet between love and love. "Oh, Zanoni!" she murmured, with downcast eyes, "ask me not to fly with thee; tempt me not to my shame. Thou wouldst protect me from others. Oh, protect me from thyself!"

Việc tìm kiếm từ ngữ để mô tả niềm vui—niềm vui tự hào, đầy đủ, hoàn chỉnh, và toàn vẹn—đã lấp đầy trái tim của người Napoli. Người mà cô đã xem là quá cao quý đến nỗi thậm chí cả tình yêu,—còn khiêm tốn hơn với cô hơn những người mà cô đã một nửa khinh thường! Cô im lặng, nhưng đôi mắt của cô nói với anh; và sau đó, dần dần, nhận ra cuối cùng, rằng tình yêu con người đã tiến bộ hơn tưởng tượng, cô rút lui vào nỗi sợ hãi của một bản tính khiêm nhường và đạo đức. Cô không dám,—cô không mơ tưởng để hỏi anh câu hỏi mà cô đã can đảm đặt ra với Glyndon; nhưng cô cảm thấy một sự lạnh lẽo đột ngột,—một cảm giác rằng có một rào cản vẫn còn giữa tình yêu và tình yêu. "Ôi, Zanoni!" cô rên rỉ, với ánh mắt hướng xuống, "đừng hỏi em cùng anh đi trốn; đừng cám dỗ em vào sự xấu hổ. Anh muốn bảo vệ em khỏi người khác. Ôi, bảo vệ em khỏi chính anh!"

"Poor orphan!" said he, tenderly, "and canst thou think that I ask from thee one sacrifice,—still less the greatest that woman can give to love? As my wife I woo thee, and by every tie, and by

every vow that can hallow and endear affection. Alas! they have belied love to thee indeed, if thou dost not know the religion that belongs to it! They who truly love would seek, for the treasure they obtain, every bond that can make it lasting and secure. Viola, weep not, unless thou givest me the holy right to kiss away thy tears!"

"Đứa trẻ mồ côi!" anh nói, một cách âu yếm, "và em có thể nghĩ rằng anh đòi hỏi từ em một hy sinh,—thậm chí là ít hơn nhất mà phụ nữ có thể đưa cho tình yêu? Như vợ anh, anh cầu hôn em, và bằng mọi tuy nhiên, và bằng mọi lời thề nào có thể làm cho tình yêu trở nên thiêng liêng và đáng yêu. Ôi! họ đã phỉ báng tình yêu với em thật sự, nếu em không biết tôn trọng mà nó thuộc về! Những người thật sự yêu sẽ tìm kiếm, cho kho báu mà họ nhận được, mọi mối liên kết có thể làm cho nó bền vững và an toàn. Viola, đừng khóc, trừ khi em cho anh quyền thánh để hôn khôi nước mắt của em!"

And that beautiful face, no more averted, drooped upon his bosom; and as he bent down, his lips sought the rosy mouth: a long and burning kiss,—danger, life, the world was forgotten! Suddenly Zanoni tore himself from her. "Hearest thou the wind that sighs, and dies away? As that wind, my power to preserve thee, to guard thee, to foresee the storm in thy skies, is gone. No matter. Haste, haste; and may love supply the loss of all that it has dared to sacrifice! Come."

Và khuôn mặt đẹp đó, không còn quay đi nữa, nhẹ nhàng chấm bổng lên ngực anh; và khi anh cúi xuống, môi anh tìm đến đôi môi hồng: một nụ hôn dài và nồng nàn,—nguy hiểm, cuộc sống, thế giới được quên lãng! Đột nhiên Zanoni tự giải thoát mình khỏi cô.

Viola hesitated no more. She threw her mantle over her shoulders, and gathered up her dishevelled hair; a moment, and she was prepared, when a sudden crash was heard below.

Viola không do dự nữa. Cô đưa áo choàng lên vai, và sửa lại mái tóc rối bời; một thoáng, và cô đã sẵn sàng, khi một tiếng động đột ngột vang lên phía dưới.

“Too late!—fool that I was, too late!” cried Zanoni, in a sharp tone of agony, as he hurried to the door. He opened it, only to be borne back by the press of armed men. The room literally swarmed with the followers of the ravisher, masked, and armed to the teeth.

“Quá muộn!—ngốc nghếch như anh đã, quá muộn!” Zanoni gào lên trong một giọng đau đớn sắc bén, khi anh vội vã đến cửa. Anh mở cửa, chỉ để bị đẩy trở lại bởi sự đè nén của những người đàn ông mang vũ khí. Phòng buồn thực sự đầy với những tay theo sát thủ, che mặt, và vũ trang đến răng lợi.

Viola was already in the grasp of two of the myrmidons. Her shriek smote the ear of Zanoni. He sprang forward; and Viola heard his wild cry in a foreign tongue. She saw the blades of the ruffians pointed at his breast! She lost her senses; and when she recovered, she found herself gagged, and in a carriage that was driven rapidly, by the side of a masked and motionless figure. The carriage stopped at the portals of a gloomy mansion. The gates opened noiselessly; a broad flight of steps, brilliantly illumined, was before her. She was in the palace of the Prince di —.

Viola đã rơi vào vòng tay của hai tay sai của quý tộc. Tiếng kêu la to của cô đập vào tai Zanoni. Anh nhảy tới; và Viola nghe thấy tiếng la hét hoang dã của anh bằng một ngôn ngữ ngoại quốc. Cô nhìn thấy lưỡi kiếm của những kẻ cướp trỏ vào ngực anh! Cô mất ý thức; và khi cô tỉnh lại, cô phát hiện mình bị bịt miệng, và trong một chiếc xe ngựa được lái nhanh, bên cạnh một hình bóng che mặt và không cử động. Xe dừng ở lối vào của một biệt thự u ám. Cánh cổng mở một cách yên lặng; một dãy bậc rộng,

rực rỡ đèn sáng, nằm trước mặt cô. Cô đang ở trong cung điện của Hoàng tử di —.

CHAPTER 3.XIV. Ma lasciamo, per Dio, Signore, ormai Di parlar d' ira, e di cantar di morte. "Orlando Furioso," Canto xvii. xvii. (But leave me, I solemnly conjure thee, signor, to speak of wrath, and to sing of death.)

CHƯƠNG 3.XIV. Nhưng để chúng ta, xin Chúa, Ông, bây giờ Để nói về nỗi giận, và hát về cái chết. "Orlando Furioso," Canto xvii. xvii.

The young

"He asserts that your life is in imminent danger. The source whence it proceeds he will relate to your Excellency alone."

"Anh ta khẳng định rằng cuộc sống của anh đang gặp nguy hiểm. Nguồn gốc của nó anh ta sẽ kể cho Đức vị một mình."

The prince frowned; but his colour changed. He mused a moment, and then, re-entering the chamber and advancing towards Viola, he said,—

Hoàng tử nhăn mày; nhưng màu da của anh ta thay đổi. Anh ta suy tư một lúc, và sau đó, quay lại phòng và tiến gần Viola, anh ta nói,—

"Believe me, fair creature, I have no wish to take advantage of my power. I would fain trust alone to the gentler authorities of affection. Hold yourself queen within these walls more absolutely than you have ever enacted that part on the stage. To-night, farewell! May your sleep be calm, and your dreams propitious to my hopes."

"Hãy tin tôi, sinh vật xinh đẹp, tôi không muốn lợi dụng quyền lực của mình. Tôi muốn chỉ tin tưởng vào những yếu tố nhẹ

nhàng của tình yêu thương. Tự mình làm nữ hoàng trong những bức tường này một cách tuyệt đối hơn bất kỳ lúc nào anh đã từng đóng vai trên sân khấu. Đêm nay, chào tạm biệt! Chúc cho giấc ngủ của anh yên bình, và những giấc mơ của anh thuận lợi cho hy vọng của tôi."

With these words he retired, and in a few moments Viola was surrounded by officious attendants, whom she at length, with some difficulty, dismissed; and, refusing to retire to rest, she spent the night in examining the chamber, which she found was secured, and in thoughts of Zanoni, in whose power she felt an almost preternatural confidence.

Với những lời này, anh ta rời đi, và chỉ trong vài phút Viola đã bị bao quanh bởi những người hầu tận tâm, mà cuối cùng, với một chút khó khăn, cô đã giải quyết; và, từ chối đi nghỉ ngơi, cô đã dành cả đêm trong việc kiểm tra phòng, mà cô thấy đã được bảo vệ, và trong suy tư về Zanoni, trong quyền lực của anh ta cô cảm thấy một sự tự tin gần như siêu nhiên.

Meanwhile the prince descended the stairs and sought the room into which the stranger had been shown.

Trong khi đó, hoàng tử đi xuống cầu thang và tìm phòng mà người lạ đã được dẫn vào.

He found the visitor wrapped from head to foot in a long robe, half-gown, half-mantle, such as was sometimes worn by ecclesiastics. The face of this stranger was remarkable. So sunburnt and swarthy were his hues, that he must, apparently, have derived his origin amongst the races of the farthest East.

Anh ta thấy người khách mặc một chiếc áo dài từ đầu đến chân, một phần áo, một phần áo choàng, như thường được mặc bởi giáo sĩ. Gương mặt của người lạ này đáng chú ý. Màu da nâu cháy nắng và đậm đà của anh ta đến nỗi, rõ ràng, anh ta phải đã có nguồn gốc từ giữa các sắc tộc ở phương Đông xa xôi nhất.

“Seize that man!” he cried, pointing to the spot which had been filled by the form of Mejnour. To his inconceivable amaze and horror, the spot was vacant. The mysterious stranger had vanished like a dream; but a thin and fragrant mist undulated, in pale volumes, round the walls of the chamber. “Look to my lord,” cried Mascari. The prince had fallen to the floor insensible. For many hours he seemed in a kind of trance. When he recovered, he dismissed his attendants, and his step was heard in his chamber, pacing to and fro, with heavy and disordered strides. Not till an hour before his banquet the next day did he seem restored to his wonted self.

“Bắt người đó!” hắn la hét, chỉ vào nơi mà Mejnour đã đứng. Đến sự kinh ngạc và kinh hoàng của mình, nơi mà hình ảnh của Mejnour đã biến mất. Người lạ bí ẩn đã biến mất như một giấc mơ; nhưng một sương mù mảnh và thơm ngát sóng sánh, trong những dải mờ nhạt, quanh các bức tường của phòng. “Nhìn vị lạ”, Mascari kêu. Hoàng tử đã ngã xuống sàn bất tỉnh. Trong nhiều giờ đồng hồ, anh ta dường như trong một loại hồi hướng. Khi anh ta tỉnh lại, anh ta sa thải những người hầu của mình, và bước chân của anh ta vang lên trong phòng, đi tới và đi lui, với những bước chân nặng nề và lộn xộn. Cho đến một giờ trước bữa tiệc của mình vào ngày hôm sau, anh ta mới trở lại với bản thân bình thường.

CHAPTER 3.XV.

CHƯƠNG 3.XV.

Oime! come poss' io Altri trovar, se me trovar non posso. "Amint.," At. i. Sc. ii. (Alas! how can I find another when I cannot find myself?) The sleep of Glyndon, the night after his last interview with Zanoni, was unusually profound; and the sun streamed full upon his eyes as he opened them to the day. He rose refreshed, and with a strange sentiment of calmness that seemed more the result of resolution than exhaustion. The incidents and emotions of the past night had settled into distinct and clear impressions. He thought of them but slightly, —he thought rather of the future. He was as one of the initiated in the old Egyptian mysteries who have crossed the gate only to long more ardently for the penetralia.

He dressed himself, and was relieved to find that Mervale had joined a party of his countrymen on an excursion to Ischia. He spent the heat of noon in thoughtful solitude, and gradually the image of Viola returned to his heart. It was a holy—for it was a HUMAN—image. He had resigned her; and though he repented not, he was troubled at the thought that repentance would have come too late.

He started impatiently from his seat, and strode with rapid steps to the humble abode of the actress. The distance was considerable, and the air oppressive. Glyndon arrived at the door breathless and heated. He knocked; no answer came. He lifted the latch and entered. He ascended the stairs; no sound, no sight of life met his ear and eye. In the front chamber, on a table, lay the guitar of the actress, and some manuscript parts in the favourite operas. He paused, and, summoning courage, tapped at the door which seemed to lead into the inner apartment. The door was ajar; and, hearing no sound within, he

pushed it open. It was the sleeping-chamber of the young actress, that holiest ground to a lover; and well did the place become the presiding deity: none of the tawdry finery of the profession was visible, on the one hand; none of the slovenly disorder common to the humbler classes of the South, on the other. All was pure and simple; even the ornaments were those of an innocent refinement,—a few books, placed carefully on shelves, a few half-faded flowers in an earthen vase, which was modelled and painted in the Etruscan fashion. The sunlight streamed over the snowy draperies of the bed, and a few articles of clothing on the chair beside it. Viola was not there; but the nurse!—was she gone also? He made the house resound with the name of Gionetta, but there was not even an echo to reply. At last, as he reluctantly quitted the desolate abode, he perceived Gionetta coming towards him from the street.

The poor old woman uttered an exclamation of joy on seeing him; but, to their mutual disappointment, neither had any cheerful tidings or satisfactory explanation to afford the other. Gionetta had been aroused from her slumber the night before by the noise in the rooms below; but ere she could muster courage to descend, Viola was gone! She found the marks of violence on the door without; and all she had since been able to learn in the neighbourhood was, that a Lazzarone, from his nocturnal resting-place on the Chiaja, had seen by the moonlight a carriage, which he recognised as belonging to the Prince di —, pass and repass that road about the first hour of morning. Glyndon, on gathering from the confused words and broken sobs of the old nurse the heads of this account, abruptly left her, and repaired to the palace of Zanoni. There he was informed that the signor was gone to the banquet of the Prince di —, and would not return till late. Glyndon stood motionless with perplexity and dismay; he knew not what to believe, or how to act. Even Mervale was not at hand to advise him. His conscience smote him bitterly. He had had the power to save the woman he had loved, and had foregone that power; but how

was it that in this Zanoni himself had failed? How was it that he was gone to the very banquet of the ravisher? Could Zanoni be aware of what had passed? If not, should he lose a moment in apprising him? Though mentally irresolute, no man was more physically brave. He would repair at once to the palace of the prince himself; and if Zanoni failed in the trust he had half-appeared to arrogate, he, the humble foreigner, would demand the captive of fraud and force, in the very halls and before the assembled guests of the Prince di —.

CHAPTER 3.XVI.

CHƯƠNG 3.XVI.

Ardua vallatur duris sapientia scrupis. Hadr. Jun., "Emblem." xxxvii. (Lofty wisdom is circled round with rugged rocks.) We must go back some hours in the progress of this narrative. It was the first faint and gradual break of the summer dawn; and two men stood in a balcony overhanging a garden fragrant with the scents of the awakening flowers. The stars had not yet left the sky,—the birds were yet silent on the boughs: all was still, hushed, and tranquil; but how different the tranquillity of reviving day from the solemn repose of night! In the music of silence there are a thousand variations. These men, who alone seemed awake in Naples, were Zanoni and the mysterious stranger who had but an hour or two ago startled the Prince di — in his voluptuous palace.

"No," said the latter; "hadst thou delayed the acceptance of the Arch-gift until thou hadst attained to the years, and passed through all the desolate bereavements that chilled and seared myself ere my researches had made it mine, thou wouldst have escaped the curse of which thou complainest now,—thou wouldst not have mourned over the brevity of human affection as compared to the duration of thine own existence; for thou wouldst have survived the very desire and dream of the love of

woman. Brightest, and, but for that error, perhaps the loftiest, of the secret and solemn race that fills up the interval in creation between mankind and the children of the Empyreal, age after age wilt thou rue the splendid folly which made thee ask to carry the beauty and the passions of youth into the dreary grandeur of earthly immortality."

"I do not repent, nor shall I," answered Zanoni. "The transport and the sorrow, so wildly blended, which have at intervals diversified my doom, are better than the calm and bloodless tenor of thy solitary way—thou, who lovest nothing, hatest nothing, feelest nothing, and walkest the world with the noiseless and joyless footsteps of a dream!"

"You mistake," replied he who had owned the name of Mejnour, —"though I care not for love, and am dead to every PASSION that agitates the sons of clay, I am not dead to their more serene enjoyments. I carry down the stream of the countless years, not the turbulent desires of youth, but the calm and spiritual delights of age. Wisely and deliberately I abandoned youth forever when I separated my lot from men. Let us not envy or reproach each other. I would have saved this Neapolitan, Zanoni (since so it now pleases thee to be called), partly because his grandsire was but divided by the last airy barrier from our own brotherhood, partly because I know that in the man himself lurk the elements of ancestral courage and power, which in earlier life would have fitted him for one of us. Earth holds but few to whom Nature has given the qualities that can bear the ordeal. But time and excess, that have quickened his grosser senses, have blunted his imagination. I relinquish him to his doom."

"And still, then, Mejnour, you cherish the desire to revive our order, limited now to ourselves alone, by new converts and allies. Surely—surely—thy experience might have taught thee, that scarcely once in a thousand years is born the being who can

pass through the horrible gates that lead into the worlds without! Is not thy path already strewed with thy victims? Do not their ghastly faces of agony and fear—the blood-stained suicide, the raving maniac—rise before thee, and warn what is yet left to thee of human sympathy from thy insane ambition?"

"Và vẫn, Mejnour, anh ước muốn hồi sinh lại tổ chức chúng ta, giới hạn hiện tại chỉ còn chúng ta một mình, bằng các tín đồ mới và đồng minh. Chắc chắn - chắc chắn - kinh nghiệm của anh không thể đã dạy anh rằng, hầu như chỉ có một trong một nghìn năm mới sinh ra được người có thể vượt qua những cánh cổng kinh hoàng dẫn vào thế giới bên ngoài! Đường đi của anh đã không phải đã rải đầy với những nạn nhân của anh chưa? Khuôn mặt đau khổ và sợ hãi của họ - người tự tử nhuốm máu, kẻ điên cuồng - có không đứng lên trước mắt anh, và cảnh báo điều gì còn sót lại cho anh từ lòng đồng cảm con người của anh với tham vọng điên rồ của anh?"

"Nay," answered Mejnour; "have I not had success to counterbalance failure? And can I forego this lofty and august hope, worthy alone of our high condition,—the hope to form a mighty and numerous race with a force and power sufficient to permit them to acknowledge to mankind their majestic conquests and dominion, to become the true lords of this planet, invaders, perchance, of others, masters of the inimical and malignant tribes by which at this moment we are surrounded: a race that may proceed, in their deathless destinies, from stage to stage of celestial glory, and rank at last amongst the nearest ministrants and agents gathered round the Throne of Thrones? What matter a thousand victims for one convert to our band? And you, Zanoni," continued Mejnour, after a pause,—"you, even you, should this affection for a mortal beauty that you have dared, despite yourself, to cherish, be more than a passing fancy; should it, once admitted into your inmost nature, partake of its bright and enduring essence, —even you may brave all things to raise the beloved one into

your equal. Nay, interrupt me not. Can you see sickness menace her; danger hover around; years creep on; the eyes grow dim; the beauty fade, while the heart, youthful still, clings and fastens round your own,—can you see this, and know it is yours to—"

"Không," Mejnour trả lời; "Liệu tôi không có thành công để cân bằng với thất bại sao? Và liệu tôi có thể từ bỏ hy vọng cao quý và trang nghiêm này, đáng giá một mình với điều kiện cao cấp của chúng ta - hy vọng hình thành một dòng tộc mạnh mẽ và đông đảo với một lực lượng và quyền lực đủ để cho họ công nhận với loài người những chiến công và chủ quyền tráng lệ của họ, để trở thành những bá tước thực sự của hành tinh này, những kẻ xâm lược, có lẽ, của những hành tinh khác, các bậc thầy của các bộ tộc đối địch và ác độc mà chúng ta đang bao quanh: một dòng tộc có thể tiến lên, trong vận mệnh bất tử của họ, từ giai đoạn này sang giai đoạn khác của vinh quang thiên đàng, và xếp cuối cùng trong số những người phụng sự gần nhất và đặc vụ tụ hội quanh Ngai Vua của các Ngai Vua? Một nghìn nạn nhân cho một tín đồ của chúng ta có ý nghĩa gì chứ? Và anh, Zanoni," Mejnour tiếp tục sau một giây nghỉ, "anh, thậm chí anh, nếu tình yêu này cho một vẻ đẹp phàm trần mà anh đã dám, mặc dù không muốn, chăm sóc, nhiều hơn một sở thích thoáng qua; nếu nó, khi đã được chấp nhận vào bản chất sâu nhất của anh, chia sẻ bản chất sáng sủa và bền vững của nó, - thậm chí anh có thể dám mọi thứ để đưa người yêu lên ngang hàng với anh. Không, đừng ngắt lời tôi. Anh có thể thấy căn bệnh đe dọa cô ấy; nguy hiểm vẫn quanh co; năm tháng trôi qua; đôi mắt trở mờ; vẻ đẹp phai nhạt, trong khi trái tim, vẫn trẻ trung, bám lấy và kết nối với trái tim của anh, - anh có thể thấy điều này, và biết rằng điều đó là của anh để -"

"Cease!" cried Zanoni, fiercely. "What is all other fate as compared to the death of terror? What, when the coldest sage, the most heated enthusiast, the hardiest warrior with his nerves of iron, have been found dead in their beds, with

straining eyeballs and horrent hair, at the first step of the Dread Progress,—thinkest thou that this weak woman—from whose cheek a sound at the window, the screech of the night-owl, the sight of a drop of blood on a man's sword, would start the colour—could brave one glance of—Away! the very thought of such sights for her makes even myself a coward!"

"Ngừng lại!" Zanoni gào lên mạnh mẽ. "Fate khác là gì so với cái chết của nỗi kinh hoàng? Cái gì, khi các nhà hiền triết lạnh lùng nhất, những người say mê nồng nhiệt nhất, những chiến binh mạnh mẽ nhất với dây thần kinh sắt thép của họ, đã được tìm thấy chết trong giường của họ, với đôi mắt căng tròn và tóc rối, tại bước đầu tiên của Cuộc tiến triển Khủng khiếp, - liệu rằng người phụ nữ yếu đuối này - từ gò má của cô ấy âm thanh ở cửa sổ, tiếng kêu của cú đêm, cảnh một giọt máu trên thanh kiếm của một người đàn ông, sẽ làm mất màu da - có thể dám đối mặt với ánh nhìn của một - Đi đi! ý nghĩ về những cảnh như vậy cho cô ấy làm chính tôi trở thành một kẻ hèn nhát!"

"When you told her you loved her,—when you clasped her to your breast, you renounced all power to foresee her future lot, or protect her from harm. Henceforth to her you are human, and human only. How know you then to what you may be tempted; how know you what her curiosity may learn and her courage brave? But enough of this,—you are bent on your pursuit?"

"Khi anh nói với cô ấy rằng anh yêu cô ấy, - khi anh ôm cô ấy vào ngực, anh đã từ bỏ mọi quyền lực để dự đoán tương lai của cô ấy, hoặc bảo vệ cô ấy khỏi nguy hiểm. Về sau với cô ấy, anh là con người, và chỉ là con người. Làm sao anh biết được rằng anh sẽ bị cám dỗ đến mức nào; làm sao anh biết được những gì sự tò mò của cô ấy có thể học và lòng dũng cảm của cô ấy có thể dám? Nhưng đủ rồi về điều này, - anh quyết tâm theo đuổi của anh chứ?"

“The fiat has gone forth.” “And to-morrow?” “To-morrow, at this hour, our bark will be bounding over yonder ocean, and the weight of ages will have fallen from my heart! I compassionate thee, O foolish sage,—THOU hast given up THY youth!”

“Lệnh đã được ban ra.” “Và ngày mai?” “Ngày mai, vào giờ này, chiếc thuyền của chúng ta sẽ đang nhảy múa trên đại dương kia, và gánh nặng của thời gian sẽ rơi khỏi trái tim tôi! Tôi thương cậu, ông hiền triết ngốc nghếch, - CẬU đã từ bỏ TUỔI TRẺ của CẬU!”

“Alch: Thou always speakest riddles. Tell me if thou art that fountain of which Bernard Lord Trevizan writ? Merc: I am not that fountain, but I am the water. The fountain compasseth me about. Sandivogius, “New Light of Alchymy.”

“Alch: Cậu luôn nói những câu đố. Hãy nói cho tôi nếu cậu là nguồn mà Bernard Lord Trevizan đã viết? Merc: Tôi không phải là nguồn đó, nhưng tôi là nước. Ngọn suối bao quanh tôi. Sandivogius, “Ánh Sáng Mới của Alchymy.”

The Prince di — was not a man whom Naples could suppose to be addicted to superstitious fancies. Still, in the South of Italy, there was then, and there still lingers a certain spirit of credulity, which may, ever and anon, be visible amidst the boldest dogmas of their philosophers and sceptics. In his childhood, the prince had learned strange tales of the ambition, the genius, and the career of his grandsire,—and secretly, perhaps influenced by ancestral example, in earlier youth he himself had followed science, not only through her legitimate course, but her antiquated and erratic windings. I have, indeed, been shown in Naples a little volume, blazoned with the arms of the Visconti, and ascribed to the nobleman I refer to, which treats of alchemy in a spirit half-mocking and half-reverential.

Vị Công tước — không phải là người mà Naples có thể cho là mê tín. Tuy nhiên, ở miền Nam Italia, lúc đó, và vẫn còn tồn tại một tinh thần tin ngưỡng nhất định, có thể, lúc này lúc khác, có thể thấy giữa những tín ngưỡng mạnh mẽ nhất của các nhà triết học và người nghi ngờ của họ. Ở thời thơ ấu, Công tước đã nghe những câu chuyện kỳ lạ về lòng tham vọng, tài năng và sự nghiệp của ông nội của mình - và bí mật, có lẽ bị ảnh hưởng bởi ví dụ tổ tiên, ở tuổi trẻ đầu anh đã theo đuổi khoa học, không chỉ qua con đường hợp pháp của nó, mà còn qua những vòng xoáy cổ điển và lạ lùng của nó. Thực ra, tôi đã được xem một cuốn sách nhỏ ở Naples, được trang trí với huy hiệu của Visconti, và được ghi cho người quý tộc mà tôi đề cập, nói về luyện kim thuật trong tinh thần nửa chế nhạo và nửa tôn kính.

Pleasure soon distracted him from such speculations, and his talents, which were unquestionably great, were wholly perverted to extravagant intrigues, or to the embellishment of a gorgeous ostentation with something of classic grace. His immense wealth, his imperious pride, his unscrupulous and daring character, made him an object of no inconsiderable fear to a feeble and timid court; and the ministers of the indolent government willingly connived at excesses which allured him at least from ambition. The strange visit and yet more strange departure of Mejnour filled the breast of the Neapolitan with awe and wonder, against which all the haughty arrogance and learned scepticism of his maturer manhood combated in vain. The apparition of Mejnour served, indeed, to invest Zanoni with a character in which the prince had not hitherto regarded him. He felt a strange alarm at the rival he had braved,—at the foe he had provoked. When, a little before his banquet, he had resumed his self-possession, it was with a fell and gloomy resolution that he brooded over the perfidious schemes he had previously formed. He felt as if the death of the mysterious Zanoni were necessary for the preservation of his own life; and if at an earlier period of their rivalry he had determined on the

fate of Zanoni, the warnings of Mejnour only served to confirm his resolve.

Niềm vui sớm đã lôi cuốn anh ta khỏi những suy luận như vậy, và tài năng của anh, không thể phủ nhận là lớn, đã bị hoàn toàn biến tướng thành những âm mưu quá mức, hoặc để trang trí cho một sự phô trương lộng lẫy với chút dáng vẻ cổ điển. Sự giàu có vô song, lòng kiêu căng bướng bỉnh, tính cách không ràng buộc và táo bạo của anh đã khiến cho anh trở thành một đối tượng đáng sợ không nhỏ đối với một triều đình yếu đuối và nhút nhát; và các bộ trưởng của chính phủ lười biếng đã sẵn lòng đồng tình với những hành vi quá mức mà đã khiến anh ít nhất cũng thoát khỏi tham vọng. Cuộc viếng thăm kỳ lạ và rời đi càng kỳ lạ hơn của Mejnour đã khiến trái tim của người Napoli tràn ngập sự kinh sợ và ngạc nhiên, mà mọi thái độ kiêu ngạo và sự nghi ngờ sáng suốt của tuổi trưởng thành của anh đã đối mặt vô ích. Sự xuất hiện của Mejnour thực sự đã giúp tạo dựng một hình ảnh về Zanoni mà công tước trước đây chưa từng nhìn nhận. Anh cảm thấy một cảm giác kinh hoàng lạ lẫm trước kẻ đối thủ mà anh đã đương đầu,

Mascari stared in surprise; but the signal for the banquet was given, and the guests were marshalled to the board. As was the custom then, the feast took place not long after mid-day. It was a long, oval hall, the whole of one side opening by a marble colonnade upon a court or garden, in which the eye rested gratefully upon cool fountains and statues of whitest marble, half-sheltered by orange-trees. Every art that luxury could invent to give freshness and coolness to the languid and breezeless heat of the day without (a day on which the breath of the sirocco was abroad) had been called into existence. Artificial currents of air through invisible tubes, silken blinds waving to and fro, as if to cheat the senses into the belief of an April wind, and miniature jets d’eau in each corner of the apartment, gave to the Italians the same sense of exhilaration and COMFORT (if I

may use the word) which the well-drawn curtains and the blazing hearth afford to the children of colder climes.

Mascari nhìn ngạc nhiên; nhưng tín hiệu cho bữa tiệc đã được đưa ra, và khách mời được dẫn đến bàn. Như thường lệ vào thời điểm đó, bữa tiệc diễn ra không lâu sau buổi trưa. Đó là một phòng hình bầu dục dài, một bên toàn bộ mở ra bằng một hàng cột đá cẩm thạch vào một sân hoặc vườn, nơi mà ánh mắt được nghỉ ngơi hạnh phúc trước những bức phun nước mát lạnh và tượng đá trắng nhất, nửa che bởi cây cam. Mọi nghệ thuật mà xa hoa có thể tạo ra để mang lại sự tươi mới và mát mẻ cho cái nóng và không gió của ngày đó (một ngày mà hơi nóng khô của sirocco lan truyền) đã được tạo ra. Dòng khí nhân tạo qua ống không nhìn thấy, rèm lụa đu đưa qua lại, như muốn lừa gạt giác quan vào niềm tin của một cơn gió tháng Tư, và các phun nước nhỏ ở mỗi góc của căn phòng, mang lại cho người Ý cảm giác phấn khích và SỰ THOẢI MÁI (nếu tôi có thể sử dụng từ này) mà những bức rèm tốt và bếp lửa sáng sủa mang lại cho con cái của những vùng đất lạnh hơn.

The conversation was somewhat more lively and intellectual than is common amongst the languid pleasure-hunters of the South; for the prince, himself accomplished, sought his acquaintance not only amongst the beaux esprits of his own country, but amongst the gay foreigners who adorned and relieved the monotony of the Neapolitan circles. There were present two or three of the brilliant Frenchmen of the old regime, who had already emigrated from the advancing Revolution; and their peculiar turn of thought and wit was well calculated for the meridian of a society that made the dolce far niente at once its philosophy and its faith. The prince, however, was more silent than usual; and when he sought to rouse himself, his spirits were forced and exaggerated. To the manners of his host, those of Zanoni afforded a striking contrast. The bearing of this singular person was at all times characterised by a calm and polished ease, which was attributed

by the courtiers to the long habit of society. He could scarcely be called gay; yet few persons more tended to animate the general spirits of a convivial circle. He seemed, by a kind of intuition, to elicit from each companion the qualities in which he most excelled; and if occasionally a certain tone of latent mockery characterised his remarks upon the topics on which the conversation fell, it appeared to men who took nothing in earnest to be the language both of wit and wisdom. To the Frenchmen, in particular, there was something startling in his intimate knowledge of the minutest events in their own capital and country, and his profound penetration (evinced but in epigrams and sarcasms) into the eminent characters who were then playing a part upon the great stage of continental intrigue.

Cuộc trò chuyện đã sôi nổi và trí tuệ hơn so với những người theo đuổi niềm vui lười biếng ở miền Nam; vì hoàng tử, một người thành tựu, đã tìm kiếm mối quen biết của mình không chỉ giữa các tinh hoa của đất nước mình, mà còn giữa những người nước ngoài vui vẻ trang trí và giải trí cho sự đơn điệu của các vòng tròn Napoli. Có mặt hai hoặc ba người Pháp sáng dạ của thời kỳ cũ, đã từng di cư từ Cuộc Cách Mạng tiến bộ; và cách suy nghĩ và hài hước riêng của họ được tính toán tốt cho vùng đất mà dolce far niente không chỉ là triết lý mà còn là đức tin. Tuy nhiên, hoàng tử im lặng hơn bình thường; và khi anh ta cố tỉnh táo, tinh thần của anh ta bị ép buộc và phóng đại. So với cách ứng xử của chủ nhà, cách ứng xử của Zanoni tạo ra một sự tương phản đáng kể. Cách cư xử của người đặc biệt này luôn được đặc trưng bởi sự bình tĩnh và lịch thiệp, mà quý tộc cho rằng đó là do thói quen lâu dài trong xã hội. Anh ta khó mà được gọi là vui vẻ; nhưng rất ít người có khả năng làm sống lại tinh thần chung của một vòng tròn vui vẻ. Anh ta dường như, bằng một loại trực giác, kích thích từng người bạn với những phẩm chất mà họ giỏi nhất; và nếu đôi khi một dạng âm mưu tiềm ẩn đặc trưng các bình luận của anh ta về các chủ đề mà cuộc trò chuyện rơi vào, thì nó dường như đối với những người không nghiêm túc là ngôn ngữ của cả sự hài hước lẫn sự khôn ngoan.

Đối với người Pháp, đặc biệt là, có một điều gì đó gây sốc trong sự hiểu biết thân thiết của anh ta về những sự kiện nhỏ nhất trong thủ đô và đất nước của họ, và sự xâm nhập sâu sắc (thể hiện qua những câu châm ngôn và châm biếm) vào những nhân vật nổi tiếng đang đóng vai trò trên sân khấu lớn của âm mưu châu Âu.

It was while this conversation grew animated, and the feast was at its height, that Glyndon arrived at the palace. The porter, perceiving by his dress that he was not one of the invited guests, told him that his Excellency was engaged, and on no account could be disturbed; and Glyndon then, for the first time, became aware how strange and embarrassing was the duty he had taken on himself. To force an entrance into the banquet-hall of a great and powerful noble, surrounded by the rank of Naples, and to arraign him for what to his boon-companions would appear but an act of gallantry, was an exploit that could not fail to be at once ludicrous and impotent. He mused a moment, and, slipping a piece of gold into the porter's hand, said that he was commissioned to seek the Signor Zanoni upon an errand of life and death, and easily won his way across the court, and into the interior building. He passed up the broad staircase, and the voices and merriment of the revellers smote his ear at a distance. At the entrance of the reception-rooms he found a page, whom he despatched with a message to Zanoni. The page did the errand; and Zanoni, on hearing the whispered name of Glyndon, turned to his host.

Lúc cuộc trò chuyện trở nên sôi nổi, và bữa tiệc ở độ cao của nó, Glyndon đã đến cung điện. Người gác cổng, nhận biết qua trang phục của anh ta rằng anh ta không phải là một trong số khách mời, nói với anh rằng ngài đã bận và không thể bị làm phiền bất cứ lý do nào; và Glyndon lúc đó, lần đầu tiên, nhận ra là nhiệm vụ mà anh đã tự nhận lấy là lạ lùng và khó xử như thế nào. Để cưỡi vào phòng tiệc của một quý tộc lớn mạnh và quyền lực, được bao quanh bởi đẳng cấp của Napoli, và buộc tội anh ta với

những người bạn đồng hành của anh ta mà dường như chỉ là một hành động của sự dũng cảm, là một chiến công không thể không trở nên cười cợt và vô dụng. Anh ta suy nghĩ một chút, và, trượt một mảnh vàng vào tay người gác cổng, nói rằng anh được ủy thác để tìm kiếm Signor Zanoni vì một công việc liên quan đến sinh tử, và dễ dàng vượt qua sân và vào trong tòa nhà bên trong. Anh đi qua cầu thang rộng, và tiếng nói và sự vui vẻ của những người mừng rỡ đánh vào tai anh ấy ở một khoảng cách. Tại lối vào của phòng tiếp đãi, anh tìm thấy một page, mà anh gửi đi với một thông điệp tới Zanoni. Page đã làm nhiệm vụ; và Zanoni, khi nghe thấy tên Glyndon được thì thầm, quay sang chủ nhà của mình.

“Pardon me, my lord; an English friend of mine, the Signor Glyndon (not unknown by name to your Excellency) waits without,—the business must indeed be urgent on which he has sought me in such an hour. You will forgive my momentary absence.” “Nay, signor,” answered the prince, courteously, but with a sinister smile on his countenance, “would it not be better for your friend to join us? An Englishman is welcome everywhere; and even were he a Dutchman, your friendship would invest his presence with attraction. Pray his attendance; we would not spare you even for a moment.”

“Xin lỗi, lão tôi; một người bạn người Anh của tôi, ngài Glyndon (không xa lạ với tên của ngài đối với ngài Đức vương) đang đợi ở ngoài,—công việc thực sự là cấp bách mà anh ta đã tìm kiếm tôi vào một giờ như vậy. Xin lượng thứ cho sự vắng mặt thoáng qua của tôi.” “Không phải, signor,” hoàng tử trả lời, lịch sự, nhưng với một nụ cười đầy xấu xa trên khuôn mặt của mình, “liệu có phải tốt hơn không nếu người bạn của ngài tham gia cùng chúng tôi không? Người Anh được chào đón ở mọi nơi; và ngay cả khi anh ta là người Hà Lan, tình bạn của ngài sẽ đầu tư cho sự hiện diện của anh ta với sức hút. Xin mời anh ta tham dự; chúng tôi sẽ không buông chúng tôi ngay cả một khoảnh khắc.”

“You are most welcome, sir. I trust your business to our illustrious guest is of good omen and pleasant import. If you bring evil news, defer it, I pray you.” Glyndon’s brow was sullen; and he was about to startle the guests by his reply, when Zanoni, touching his arm significantly, whispered in English, “I know why you have sought me. Be silent, and witness what ensues.” “You know then that Viola, whom you boasted you had the power to save from danger—” “Is in this house!—yes. I know also that Murder sits at the right hand of our host. But his fate is now separated from hers forever; and the mirror which glasses it to my eye is clear through the streams of blood. Be still, and learn the fate that awaits the wicked! “My lord,” said Zanoni, speaking aloud, “the Signor Glyndon has indeed brought me tidings not wholly unexpected. I am compelled to leave Naples, —an additional motive to make the most of the present hour.” “And what, if I may venture to ask, may be the cause that brings such affliction on the fair dames of Naples?” “It is the approaching death of one who honoured me with most loyal friendship,” replied Zanoni, gravely. “Let us not speak of it; grief cannot put back the dial. As we supply by new flowers those that fade in our vases, so it is the secret of worldly wisdom to replace by fresh friendships those that fade from our path.” “True philosophy!” exclaimed the prince. “‘Not to admire,’ was the Roman’s maxim; ‘Never to mourn,’ is mine. There is nothing in life to grieve for, save, indeed, Signor Zanoni, when some young beauty, on whom we have set our hearts, slips from our grasp. In such a moment we have need of all our wisdom, not to succumb to despair, and shake hands with death. What say you, signor? You smile! Such never could be your lot. Pledge me in a sentiment, ‘Long life to the fortunate lover,—a quick release to the baffled suitor’?” “I pledge you,” said Zanoni; and, as the fatal wine was poured into his glass, he repeated, fixing his eyes on the prince, “I pledge you even in this wine!” He lifted the glass to his lips. The prince seemed ghastly pale, while the gaze of his guest bent upon him, with an intent and stern brightness, beneath which the conscience-stricken host cowered and

quailed. Not till he had drained his draft, and replaced the glass upon the board, did Zanoni turn his eyes from the prince; and he then said, “Your wine has been kept too long; it has lost its virtues. It might disagree with many, but do not fear: it will not harm me, prince, Signor Mascari, you are a judge of the grape; will you favour us with your opinion?”

“Anh rất được hoan nghênh, ngài. Tôi hy vọng công việc của anh với khách quý của chúng tôi mang lại điềm lành và ý nghĩa dễ chịu. Nếu anh mang tin tức xấu

“Nay,” answered Mascari, with well-affected composure, “I like not the wines of Cyprus; they are heating. Perhaps Signor Glyndon may not have the same distaste? The English are said to love their potations warm and pungent.”

“Không,” Mascari trả lời với sự bình tĩnh giả vờ, “Tôi không thích rượu của Cyprus; chúng làm nóng cơ thể. Có lẽ Signor Glyndon không có cùng sở thích? Người Anh được cho là thích thức uống ấm và cay nồng.”

“Do you wish my friend also to taste the wine, prince?” said Zanoni. “Recollect, all cannot drink it with the same impunity as myself.”

“Anh có muốn bạn tôi cũng nếm thử rượu không, hoàng tử?” Zanoni nói. “Nhớ lại, không phải ai cũng có thể uống rượu như tôi mà không bị ảnh hưởng.”

“No,” said the prince, hastily; “if you do not recommend the wine, Heaven forbid that we should constrain our guests! My lord duke,” turning to one of the Frenchmen, “yours is the true soil of Bacchus. What think you of this cask from Burgundy? Has it borne the journey?”

“Không,” hoàng tử nói vội vã; “nếu anh không khuyên rượu, Chúa cấm chúng ta ép buộc khách mời! Bá tước ơi,” quay sang

một người Pháp, “đất nước của anh mới là nơi thật sự của Bacchus. Anh nghĩ sao về thùng rượu từ Burgundy này? Nó đã trải qua chặng đường chưa?”

“Ah,” said Zanoni, “let us change both the wine and the theme.”

“Ah,” Zanoni nói, “hãy đổi cả rượu lẫn chủ đề.”

With that, Zanoni grew yet more animated and brilliant. Never did wit more sparkling, airy, exhilarating, flash from the lips of reveller. His spirits fascinated all present—even the prince himself, even Glyndon—with a strange and wild contagion. The former, indeed, whom the words and gaze of Zanoni, when he drained the poison, had filled with fearful misgivings, now hailed in the brilliant eloquence of his wit a certain sign of the operation of the bane. The wine circulated fast; but none seemed conscious of its effects. One by one the rest of the party fell into a charmed and spellbound silence, as Zanoni continued to pour forth sally upon sally, tale upon tale. They hung on his words, they almost held their breath to listen. Yet, how bitter was his mirth; how full of contempt for the triflers present, and for the trifles which made their life!

Với điều đó, Zanoni trở nên sống động và rực rỡ hơn. Chưa bao giờ sự hóm hỉnh tinh tế, thoáng đãng và sảng khoái lại tỏa ra từ lời nói của người vui chơi. Tinh thần của anh hấp dẫn tất cả mọi người hiện diện—thậm chí cả hoàng tử chính mình, thậm chí Glyndon—với một sự lan truyền kỳ lạ và hoang dã. Người trước đây, thực sự, những lời nói và ánh nhìn của Zanoni, khi anh uống chất độc, đã khiến anh ta tràn ngập trong lo sợ kinh hoàng, giờ đây hoan hô trong sự hùng biện tinh tế rực rỡ của trí thông minh một dấu hiệu chắc chắn của sự hoạt động của chất độc. Rượu lưu thông nhanh chóng; nhưng không ai dường như nhận thức được tác động của nó. Một cách từ từ, từng người còn lại trong bữa tiệc rơi vào một sự im lặng mê hoặc và bị mê hoặc, khi Zanoni tiếp tục đổ ra một sự phát ngôn sau một sự phát

ngôn, câu chuyện sau câu chuyện. Họ treo mình vào những lời của anh, họ gần như không thở để lắng nghe. Nhưng, sự vui vẻ của anh đắng chát như thế nào; đầy sự khinh thường với những kẻ nhẹ dạ hiện diện, và với những thứ nhỏ nhoi làm nên cuộc sống của họ!

Night came on; the room grew dim, and the feast had lasted several hours longer than was the customary duration of similar entertainments at that day. Still the guests stirred not, and still Zanoni continued, with glittering eye and mocking lip, to lavish his stores of intellect and anecdote; when suddenly the moon rose, and shed its rays over the flowers and fountains in the court without, leaving the room itself half in shadow, and half tinged by a quiet and ghostly light.

Đêm đến; phòng trở nên mờ dần, và bữa tiệc kéo dài nhiều giờ hơn so với thời lượng thông thường của các buổi tiệc tương tự vào thời điểm đó. Vẫn chưa có khách mời nào rời đi, và vẫn Zanoni tiếp tục, với ánh mắt lung linh và môi chế nhạo, để phô trương những kho tàng trí tuệ và câu chuyện của mình; khi đột ngột mặt trăng mọc, và chiếu ánh sáng của nó qua những bông hoa và đài phun nước ở sân ngoài, để lại phòng chính nó một nửa trong bóng tối, và một nửa được tô bởi ánh sáng yên bình và ma quái.

It was then that Zanoni rose. “Well, gentlemen,” said he, “we have not yet wearied our host, I hope; and his garden offers a new temptation to protract our stay. Have you no musicians among your train, prince, that might regale our ears while we inhale the fragrance of your orange-trees?”

Đó là lúc Zanoni đứng dậy. “Vâng, quý ông,” anh nói, “Chúng ta hy vọng chưa làm chủ nhà mệt mỏi; và vườn của anh ta đề xuất một cám dỗ mới để kéo dài sự lưu lại của chúng ta. Hoàng tử, anh có nhạc sĩ nào trong đoàn của mình không, có thể thưởng

thức âm thanh của chúng ta trong khi chúng ta hít thở hương thơm của cây cam của anh?"

"An excellent thought!" said the prince. "Mascari, see to the music." The party rose simultaneously to adjourn to the garden; and then, for the first time, the effect of the wine they had drunk seemed to make itself felt.

"Một ý tưởng xuất sắc!" hoàng tử nói. "Mascari, xem xét về âm nhạc." Cả bữa tiệc đồng loạt đứng dậy để chuyển sang vườn; và sau đó, lần đầu tiên, tác động của rượu mà họ đã uống dường như bắt đầu được cảm nhận.

With flushed cheeks and unsteady steps they came into the open air, which tended yet more to stimulate that glowing fever of the grape. As if to make up for the silence with which the guests had hitherto listened to Zanoni, every tongue was now loosened,—every man talked, no man listened. There was something wild and fearful in the contrast between the calm beauty of the night and scene, and the hubbub and clamour of these disorderly roysters. One of the Frenchmen, in especial, the young Duc de R—, a nobleman of the highest rank, and of all the quick, vivacious, and irascible temperament of his countrymen, was particularly noisy and excited. And as circumstances, the remembrance of which is still preserved among certain circles of Naples, rendered it afterwards necessary that the duc should himself give evidence of what occurred, I will here translate the short account he drew up, and which was kindly submitted to me some few years ago by my accomplished and lively friend, Il Cavaliere di B—.

Với khuôn mặt đỏ ửng và bước chân không ổn định, họ ra ngoài không khí mở, làm tăng thêm cảm giác sốt nóng của rượu. Như để bù đắp cho sự im lặng mà khách mời đã lắng nghe Zanoni cho đến nay, mỗi lưỡi dao bây giờ đã được mở ra,—mỗi người nói, không ai nghe. Có điều gì đó hoang dã và đáng sợ trong sự

tương phản giữa vẻ đẹp bình yên của đêm và cảnh, và sự ồn ào và xôn xao của những kẻ uống rượu không ngựa. Một trong số những người Pháp, đặc biệt là, ngài Duc de R— trẻ tuổi, một quý tộc của hạng cao, và của tất cả tính cách nhanh nhẹn, hăng hái, và dễ cáu kỉnh của đồng bào, đều ồn ào và háo hức. Và do hoàn cảnh, nhớ lại trong một số vòng tròn cố định của Naples, sau này buộc phải đòi hỏi rằng ngài công tước phải tự mình đưa ra bằng chứng về những gì đã xảy ra, tôi sẽ dịch ngay đây bản tóm tắt anh ta viết, và đã được gửi cho tôi một vài năm trước bởi người bạn tài năng và sống động của tôi, Il Cavaliere di B—.

“I never remember,” writes the duc, “to have felt my spirits so excited as on that evening; we were like so many boys released from school, jostling each other as we reeled or ran down the flight of seven or eight stairs that led from the colonnade into the garden,—some laughing, some whooping, some scolding, some babbling. The wine had brought out, as it were, each man’s inmost character. Some were loud and quarrelsome, others sentimental and whining; some, whom we had hitherto thought dull, most mirthful; some, whom we had ever regarded as discreet and taciturn, most garrulous and uproarious. I remember that in the midst of our clamorous gayety, my eye fell upon the cavalier Signor Zanoni, whose conversation had so enchanted us all; and I felt a certain chill come over me to perceive that he wore the same calm and unsympathising smile upon his countenance which had characterised it in his singular and curious stories of the court of Louis XIV. I felt, indeed, half-inclined to seek a quarrel with one whose composure was almost an insult to our disorder. Nor was such an effect of this irritating and mocking tranquillity confined to myself alone. Several of the party have told me since, that on looking at Zanoni they felt their blood yet more heated, and gayety change to resentment. There seemed in his icy smile a very charm to wound vanity and provoke rage. It was at this moment that the prince came up to me, and, passing his arm into mine, led me a little apart from the rest. He had certainly

indulged in the same excess as ourselves, but it did not produce the same effect of noisy excitement. There was, on the contrary, a certain cold arrogance and supercilious scorn in his bearing and language, which, even while affecting so much caressing courtesy towards me, roused my self-love against him. He seemed as if Zanoni had infected him; and in imitating the manner of his guest, he surpassed the original. He rallied me on some court gossip, which had honoured my name by associating it with a certain beautiful and distinguished Sicilian lady, and affected to treat with contempt that which, had it been true, I should have regarded as a boast. He spoke, indeed, as if he himself had gathered all the flowers of Naples, and left us foreigners only the gleanings he had scorned. At this my natural and national gallantry was piqued, and I retorted by some sarcasms that I should certainly have spared had my blood been cooler. He laughed heartily, and left me in a strange fit of resentment and anger. Perhaps (I must own the truth) the wine had produced in me a wild disposition to take offence and provoke quarrel. As the prince left me, I turned, and saw Zanoni at my side. "'The prince is a braggart,' said he, with the same smile that displeased me before. 'He would monopolize all fortune and all love. Let us take our revenge.' "'And how?' "'He has at this moment, in his house, the most enchanting singer in Naples,—the celebrated Viola Pisani. She is here, it is true, not by her own choice; he carried her hither by force, but he will pretend that she adores him. Let us insist on his producing this secret treasure, and when she enters, the Duc de R— can have no doubt that his flatteries and attentions will charm the lady, and provoke all the jealous fears of our host. It would be a fair revenge upon his imperious self-conceit.'

"Tôi không bao giờ nhớ," ngài công tước viết, "đã cảm thấy tinh thần của mình bị kích động như vào đêm đó; chúng tôi như những đứa trẻ được thả ra từ trường học, xô đẩy nhau khi chúng tôi lảo đảo hoặc chạy xuống dãy bậc thang bảy hoặc tám bậc dẫn từ hành lang vào vườn,—một số cười, một số gào thét, một số

mắng mỏ, một số lảm nhảm. Rượu đã đưa ra, như thể, bản chất sâu kín của từng người. Một số to tiếng và hay cãi cọ, người khác lãng mạn và rên rỉ; một số, mà trước đây chúng tôi nghĩ là nhàm chán nhất, vui vẻ nhất; một số, mà chúng tôi từng coi là kín đáo và ít nói, nói nhiều nhất và ồn ào nhất. Tôi nhớ rằng giữa sự vui vẻ ồn ào của chúng tôi, ánh mắt tôi chuy

“This suggestion delighted me. I hastened to the prince. At that instant the musicians had just commenced; I waved my hand, ordered the music to stop, and, addressing the prince, who was standing in the centre of one of the gayest groups, complained of his want of hospitality in affording to us such poor proficients in the art, while he reserved for his own solace the lute and voice of the first performer in Naples. I demanded, half-laughingly, half-seriously, that he should produce the Pisani. My demand was received with shouts of applause by the rest. We drowned the replies of our host with uproar, and would hear no denial. ‘Gentlemen,’ at last said the prince, when he could obtain an audience, ‘even were I to assent to your proposal, I could not induce the signora to present herself before an assemblage as riotous as they are noble. You have too much chivalry to use compulsion with her, though the Duc de R —forgets himself sufficiently to administer it to me.’

“Đề nghị này khiến tôi vui mừng. Tôi vội đến gặp hoàng tử. Ngay lúc đó, các nhạc công mới bắt đầu; tôi vẫy tay, yêu cầu dừng nhạc, và, gọi hoàng tử, đang đứng ở trung tâm của một trong những nhóm vui nhộn nhất, phàn nàn về sự thiếu lòng mến của anh ta khi cung cấp cho chúng tôi những người thực hành kém trong nghệ thuật, trong khi anh ta dành lời và giọng hát của người biểu diễn hàng đầu ở Naples cho chính mình. Tôi yêu cầu, nửa cười nửa nghiêm túc, rằng anh ta nên đưa ra Pisani. Yêu cầu của tôi được nhận với tiếng vỗ tay của những người còn lại. Chúng tôi chôn vùi âm thanh trả lời của chủ nhà bằng sự ồn ào, và không chịu từ chối. ‘Quý ông,’ cuối cùng hoàng tử nói khi anh ta có thể thu hút sự chú ý, ‘thậm chí nếu

tôi đồng ý với đề nghị của quý vị, tôi cũng không thể thuyết phục signora xuất hiện trước một nhóm người như hỗn loạn như họ, dù Duc de R—quên mình đủ để áp dụng nó cho tôi.'

"I was stung by this taunt, however well deserved. 'Prince,' said I, 'I have for the indelicacy of compulsion so illustrious an example that I cannot hesitate to pursue the path honoured by your own footsteps. All Naples knows that the Pisani despises at once your gold and your love; that force alone could have brought her under your roof; and that you refuse to produce her, because you fear her complaints, and know enough of the chivalry your vanity sneers at to feel assured that the gentlemen of France are not more disposed to worship beauty than to defend it from wrong.'

"Tôi bị đau lòng bởi lời châm biếm này, dù xứng đáng. 'Hoàng tử,' tôi nói, 'Tôi có một ví dụ nổi tiếng về sự thiếu tế nhị của sự áp đặt mà tôi không thể ngần ngại theo đuổi con đường được tôn vinh bởi bước chân của riêng anh. Toàn bộ Naples biết rằng Pisani cùng lúc khinh thường cả vàng và tình yêu của anh; chỉ có lực lượng mới có thể đưa cô dưới mái nhà của anh; và anh từ chối đưa ra cô, vì anh sợ sự phàn nàn của cô, và biết đủ về lòng hiếu kỳ mà anh tự hào chế nhạo để chắc chắn rằng các quý ông của Pháp không phải là người muốn tôn sùng vẻ đẹp hơn là bảo vệ nó khỏi sai lầm.'

"'You speak well, sir,' said Zanoni, gravely. 'The prince dares not produce his prize!'

"'Quý ông nói rất đúng,' Zanoni nói, nghiêm túc. 'Hoàng tử không dám đưa ra phần thưởng của mình!'

"The prince remained speechless for a few moments, as if with indignation. At last he broke out into expressions the most injurious and insulting against Signor Zanoni and myself. Zanoni replied not; I was more hot and hasty. The guests

appeared to delight in our dispute. None, except Mascari, whom we pushed aside and disdained to hear, strove to conciliate; some took one side, some another. The issue may be well foreseen. Swords were called for and procured. Two were offered me by one of the party. I was about to choose one, when Zanoni placed in my hand the other, which, from its hilt, appeared of antiquated workmanship. At the same moment, looking towards the prince, he said, smilingly, 'The duc takes your grandsire's sword. Prince, you are too brave a man for superstition; you have forgot the forfeit!' Our host seemed to me to recoil and turn pale at those words; nevertheless, he returned Zanoni's smile with a look of defiance. The next moment all was broil and disorder. There might be some six or eight persons engaged in a strange and confused kind of melee, but the prince and myself only sought each other. The noise around us, the confusion of the guests, the cries of the musicians, the clash of our own swords, only served to stimulate our unhappy fury. We feared to be interrupted by the attendants, and fought like madmen, without skill or method. I thrust and parried mechanically, blind and frantic, as if a demon had entered into me, till I saw the prince stretched at my feet, bathed in his blood, and Zanoni bending over him, and whispering in his ear. That sight cooled us all. The strife ceased; we gathered, in shame, remorse, and horror, round our ill-fated host; but it was too late,—his eyes rolled fearfully in his head. I have seen many men die, but never one who wore such horror on his countenance. At last all was over! Zanoni rose from the corpse, and, taking, with great composure, the sword from my hand, said calmly, 'Ye are witnesses, gentlemen, that the prince brought his fate upon himself. The last of that illustrious house has perished in a brawl.'

"Hoàng tử im lặng trong vài phút, như thể bằng sự tức giận. Cuối cùng anh ta phun ra những lời lẽ độc ác và xúc phạm nhất về Signor Zanoni và tôi. Zanoni không trả lời; tôi nóng bỏng và nóng vội hơn. Khách mời dường như thích thú trong cuộc tranh

cãi của chúng tôi. Không ai, ngoại trừ Mascari, mà chúng tôi đẩy sang một bên và khinh thường không muốn nghe, cố gắng hòa giải; một số chọn một bên, một số chọn một bên khác. Kết quả có thể dễ dàng được dự đoán. Gươm được yêu cầu và mua. Hai cây được một người trong nhóm đề xuất cho tôi. Tôi chuẩn bị chọn một cái, khi Zanoni đưa cho tôi cái kia, mà từ cái quai, trông thấy là của thợ mộc cổ điển. Cùng lúc đó, nhìn về phía hoàng tử, anh ta nói, cười, 'Duc lấy gươm của ông nội anh. Hoàng tử, ông là một người quá dũng cảm để tin vào ma quỷ; ông đã quên mất cái bồi thường!' Chủ nhà của chúng ta dường như rút lui và trở bạch mà nhìn những lời đó; tuy nhiên, anh ta đáp lại nụ cười của Zanoni với ánh nhìn thách thức. Ngay sau đó mọi thứ trở thành hỗn loạn và rối ren. Có thể có khoảng sáu hoặc tám người tham gia vào một loại melee lạ lẫm và hỗn loạn, nhưng hoàng tử và tôi chỉ tìm kiếm nhau. Tiếng ồn quanh chúng tôi, sự hỗn loạn của khách mời, tiếng kêu của nhạc công, tiếng va chạm của chính gươm của chúng tôi, chỉ làm kích thích sự giận dữ không may của chúng ta. Chúng tôi sợ bị ngắt quãng bởi nhân viên phục vụ, và chiến đấu như những người điên, không có kỹ năng hoặc phương pháp. Tôi đâm và đỡ cơ học, mù mịt và điên cuồng, như thể một con ác quỷ đã nhập vào tôi, cho đến khi tôi thấy hoàng tử nằm dài dưới chân tôi, ngập trong máu của anh ta, và Zanoni cúi xuống trên anh ta, và thì thầm vào tai anh ta. Cảnh đó làm chúng tôi mát lòng. Cuộc chiến chấm dứt; chúng tôi tụ tập, trong sự xấu hổ, ăn năn và kinh hoàng, xung quanh chủ nhà không may của chúng tôi; nhưng đã quá muộn,—đôi mắt của anh ta lăn lóc đáng sợ trong đầu. Tôi đã thấy nhiều người chết, nhưng chưa bao giờ có người nào đeo trên khuôn mặt mình nỗi kinh hoàng như vậy. Cuối cùng, mọi thứ đã kết thúc! Zanoni đứng lên từ xác chết, và, lấy, với sự bình tĩnh lặng lẽ, cây gươm từ tay tôi, nói bình tĩnh, 'Quý ông là nhân chứng, rằng hoàng tử đã gây ra số phận của mình. Gia tộc danh giá cuối cùng đã chết trong một cuộc vụ náo loạn.'

"I saw no more of Zanoni. I hastened to our envoy to narrate the event, and abide the issue. I am grateful to the Neapolitan

government, and to the illustrious heir of the unfortunate nobleman, for the lenient and generous, yet just, interpretation put upon a misfortune the memory of which will afflict me to the last hour of my life. (Signed) “Louis Victor, Duc de R.”

“Tôi không còn thấy Zanoni nữa. Tôi vội đến với người đại diện của chúng tôi để kể lại sự kiện, và chờ xem kết quả. Tôi biết ơn chính phủ Naples, và người thừa kế danh giá của người quý tộc không may, vì sự hiểu biết nhẹ nhàng và hào phóng, nhưng công bằng, đặt ra trên một tai họa mà ký ức về đó sẽ làm tôi đau khổ đến giờ cuối cùng của cuộc đời. (Ký tên) “Louis Victor, Duc de R.”

In the above memorial, the reader will find the most exact and minute account yet given of an event which created the most lively sensation at Naples in that day.

Trong bức di chúc trên, người đọc sẽ tìm thấy bản báo cáo chính xác và tỉ mỉ nhất từng được đưa ra về một sự kiện đã tạo ra cảm giác sống động nhất tại Naples vào ngày đó.

Glyndon had taken no part in the affray, neither had he participated largely in the excesses of the revel. For his exemption from both he was perhaps indebted to the whispered exhortations of Zanoni. When the last rose from the corpse, and withdrew from that scene of confusion, Glyndon remarked that in passing the crowd he touched Mascari on the shoulder, and said something which the Englishman did not overhear. Glyndon followed Zanoni into the banquet-room, which, save where the moonlight slept on the marble floor, was wrapped in the sad and gloomy shadows of the advancing night.

Glyndon không tham gia vào cuộc ẩu đả, cũng không tham gia nhiều vào những trạng thái quá mức của tiệc tùng. Để được miễn trừ khỏi cả hai, có lẽ anh ấy phải cảm ơn những lời cảm hội

thầm kín của Zanoni. Khi người cuối cùng đứng lên từ xác chết, và rời khỏi cảnh hỗn loạn đó, Glyndon nhận xét rằng khi đi qua đám đông, anh chạm vào vai Mascari và nói điều gì đó mà người Anh không nghe thấy. Glyndon theo Zanoni vào phòng tiệc, nơi, ngoại trừ nơi ánh trăng nằm trên sàn đá, được bao bọc bởi bóng tối buồn và u ám của đêm đang đến.

“How could you foretell this fearful event? He fell not by your arm!” said Glyndon, in a tremulous and hollow tone.

“Làm sao anh có thể dự đoán sự kiện đáng sợ này? Anh ta không bị ngã bởi tay anh!” Glyndon nói, trong một âm thanh run rẩy và trống rỗng.

“The general who calculates on the victory does not fight in person,” answered Zanoni; “let the past sleep with the dead. Meet me at midnight by the sea-shore, half a mile to the left of your hotel. You will know the spot by a rude pillar—the only one near—to which a broken chain is attached. There and then, if thou wouldst learn our lore, thou shalt find the master. Go; I have business here yet. Remember, Viola is still in the house of the dead man!”

“Tướng quân nào tính toán trên chiến thắng không phải tự mình chiến đấu,” Zanoni trả lời; “hãy để quá khứ ngủ với người chết. Gặp tôi lúc nửa đêm bên bờ biển, nửa dặm về bên trái của khách sạn của anh. Anh sẽ biết địa điểm bằng một cột thô lỗ—duy nhất gần đó—mà có một chuỗi bị gãy đính kèm. Ở đó và lúc đó, nếu anh muốn học bí mật của chúng tôi, anh sẽ tìm

It wanted several minutes of midnight, and Glyndon repaired to the appointed spot. The mysterious empire which Zanoni had acquired over him, was still more solemnly confirmed by the events of the last few hours; the sudden fate of the prince, so deliberately foreshadowed, and yet so seemingly accidental, brought out by causes the most commonplace, and yet

associated with words the most prophetic, impressed him with the deepest sentiments of admiration and awe. It was as if this dark and wondrous being could convert the most ordinary events and the meanest instruments into the agencies of his inscrutable will; yet, if so, why have permitted the capture of Viola? Why not have prevented the crime rather than punish the criminal? And did Zanoni really feel love for Viola? Love, and yet offer to resign her to himself,—to a rival whom his arts could not have failed to baffle. He no longer reverted to the belief that Zanoni or Viola had sought to dupe him into marriage. His fear and reverence for the former now forbade the notion of so poor an imposture. Did he any longer love Viola himself? No; when that morning he had heard of her danger, he had, it is true, returned to the sympathies and the fears of affection; but with the death of the prince her image faded from his heart, and he felt no jealous pang at the thought that she had been saved by Zanoni,—that at that moment she was perhaps beneath his roof. Whoever has, in the course of his life, indulged the absorbing passion of the gamester, will remember how all other pursuits and objects vanished from his mind; how solely he was wrapped in the one wild delusion; with what a sceptre of magic power the despot-demon ruled every feeling and every thought. Far more intense than the passion of the gamester was the frantic yet sublime desire that mastered the breast of Glyndon. He would be the rival of Zanoni, not in human and perishable affections, but in preternatural and eternal lore. He would have laid down life with content—nay, rapture—as the price of learning those solemn secrets which separated the stranger from mankind. Enamoured of the goddess of goddesses, he stretched forth his arms—the wild Ixion—and embraced a cloud!

Còn vài phút nữa là nửa đêm, và Glyndon đã đến nơi đã hẹn. Để chế bí ẩn mà Zanoni đã kiếm được trên anh, được xác nhận một cách trang trọng hơn bao giờ hết qua những sự kiện của những giờ cuối cùng; số phận đột ngột của hoàng tử, được dự báo một

cách cẩn thận, nhưng lại dường như tình cờ, được đưa ra bởi những nguyên nhân phổ biến nhất, nhưng lại liên quan đến những lời tiên tri nhất, khiến anh cảm thấy ấn tượng sâu sắc và kính sợ. Đó như là nếu người vô cùng tối tăm và kỳ diệu này có thể biến những sự kiện thông thường nhất và những công cụ thấp kém nhất thành những phương tiện của ý thức không thể lường trước của mình; nhưng nếu vậy, tại sao đã cho phép bắt giữ Viola? Tại sao không ngăn chặn tội phạm thay vì trừng phạt tội phạm? Và Zanoni có thực sự yêu Viola không? Yêu, nhưng lại đề nghị từ bỏ cô cho chính mình,—cho một kẻ đối thủ mà bí thuật của mình không thể thất bại. Anh không còn nghi ngờ rằng Zanoni hoặc Viola đã cố lừa dối anh vào hôn nhân. Nỗi sợ hãi và sùng kính của anh dành cho người trước đây đã ngăn cản ý nghĩ về một mưu kế nghèo nàn như vậy. Liệu anh còn yêu Viola không? Không; khi sáng hôm đó anh nghe về nguy hiểm của cô, đúng là anh đã trở lại những tình cảm và nỗi lo sợ của tình yêu; nhưng với cái chết của hoàng tử, hình ảnh của cô đã phai nhạt trong trái tim anh, và anh không cảm thấy ghen tị khi nghĩ rằng cô đã được cứu bởi Zanoni,—rằng vào lúc đó có lẽ cô đang dưới mái nhà của anh ta. Bất cứ ai đã, trong suốt cuộc đời mình, nuông chiều đam mê cuồng nhiệt của người chơi cờ bạc, sẽ nhớ lại cách mà tất cả những sở thích và đối tượng khác biệt biến mất khỏi tâm trí anh; anh chỉ đắm chìm trong ảo giác hoang dã đó; với quyền lực ma thuật của ác quỷ bá chủ, người cai trị mọi cảm xúc và mọi suy nghĩ. Cảm xúc mạnh mẽ hơn nhiều so với niềm đam mê của người chơi cờ bạc là khao khát điên cuồng nhưng cao cả mà thống trị tâm hồn của Glyndon. Anh sẽ trở thành kẻ đối thủ của Zanoni, không trong những tình cảm con người và thoáng qua, mà trong tri thức siêu nhiên và vĩnh cửu. Anh sẽ dừng lại cuộc đời mình với sự hài lòng—thậm chí, niềm sung sướng—như giá trị để học những bí mật nghiêm trọng đó mà người lạ tách biệt với nhân loại. Say mê với nữ thần của các nữ thần, anh rộng rãi vòng tay—con người điên rồ Ixion—và ôm một đám mây!

The night was most lovely and serene, and the waves scarcely rippled at his feet as the Englishman glided on by the cool and starry beach. At length he arrived at the spot, and there, leaning against the broken pillar, he beheld a man wrapped in a long mantle, and in an attitude of profound repose. He approached, and uttered the name of Zanoni. The figure turned, and he saw the face of a stranger: a face not stamped by the glorious beauty of Zanoni, but equally majestic in its aspect, and perhaps still more impressive from the mature age and the passionless depth of thought that characterised the expanded forehead, and deep-set but piercing eyes. "You seek Zanoni," said the stranger; "he will be here anon; but, perhaps, he whom you see before you is more connected with your destiny, and more disposed to realise your dreams." "Hath the earth, then, another Zanoni?" "If not," replied the stranger, "why do you cherish the hope and the wild faith to be yourself a Zanoni? Think you that none others have burned with the same godlike dream? Who, indeed in his first youth,—youth when the soul is nearer to the heaven from which it sprang, and its divine and primal longings are not all effaced by the sordid passions and petty cares that are begot in time,—who is there in youth that has not nourished the belief that the universe has secrets not known to the common herd, and panted, as the hart for the water-springs, for the fountains that lie hid and far away amidst the broad wilderness of trackless science? The music of the fountain is heard in the soul WITHIN, till the steps, deceived and erring, rove away from its waters, and the wanderer dies in the mighty desert. Think you that none who have cherished the hope have found the truth, or that the yearning after the Ineffable Knowledge was given to us utterly in vain? No! Every desire in human hearts is but a glimpse of things that exist, alike distant and divine. No! in the world there have been from age to age some brighter and happier spirits who have attained to the air in which the beings above mankind move and breathe. Zanoni, great though he be, stands not alone. He has had his predecessors, and long lines of successors may be yet to come." "And will you tell me," said

Glyndon, “that in yourself I behold one of that mighty few over whom Zanoni has no superiority in power and wisdom?” “In me,” answered the stranger, “you see one from whom Zanoni himself learned some of his loftiest secrets. On these shores, on this spot, have I stood in ages that your chroniclers but feebly reach. The Phoenician, the Greek, the Oscan, the Roman, the Lombard, I have seen them all!—leaves gay and glittering on the trunk of the universal life, scattered in due season and again renewed; till, indeed, the same race that gave its glory to the ancient world bestowed a second youth upon the new. For the pure Greeks, the Hellenes, whose origin has bewildered your dreaming scholars, were of the same great family as the Norman tribe, born to be the lords of the universe, and in no land on earth destined to become the hewers of wood. Even the dim traditions of the learned, which bring the sons of Hellas from the vast and undetermined territories of Northern Thrace, to be the victors of the pastoral Pelasgi, and the founders of the line of demi-gods; which assign to a population bronzed beneath the suns of the West, the blue-eyed Minerva and the yellow-haired Achilles (physical characteristics of the North); which introduce, amongst a pastoral people, warlike aristocracies and limited monarchies, the feudalism of the classic time,—even these might serve you to trace back the primeval settlements of the Hellenes to the same region whence, in later times, the Norman warriors broke on the dull and savage hordes of the Celt, and became the Greeks of the Christian world. But this interests you not, and you are wise in your indifference. Not in the knowledge of things without, but in the perfection of the soul within, lies the empire of man aspiring to be more than man.” “And what books contain that science; from what laboratory is it wrought?” “Nature supplies the materials; they are around you in your daily walks. In the herbs that the beast devours and the chemist disdains to cull; in the elements from which matter in its meanest and its mightiest shapes is deduced; in the wide bosom of the air; in the black abysses of the earth; everywhere are given to mortals the

resources and libraries of immortal lore. But as the simplest problems in the simplest of all studies are obscure to one who braces not his mind to their comprehension; as the rower in yonder vessel cannot tell you why two circles can touch each other only in one point,—so though all earth were carved over and inscribed with the letters of diviner knowledge, the characters would be valueless to him who does not pause to inquire the language and meditate the truth. Young man, if thy imagination is vivid, if thy heart is daring, if thy curiosity is insatiate, I will accept thee as my pupil. But the first lessons are stern and dread.

Đêm đẹp và thanh bình nhất, và sóng biển chỉ nhẹ nhàng lăn tăn ở chân anh chàng người Anh trượt qua bãi biển mát mẻ và sao rọi. Cuối cùng anh đến nơi, và ở đó, dựa vào cột bị vỡ, anh nhìn thấy một người đàn ông mặc một tấm khăn dài, và ở trong tư thế yên bình. Anh tiến lại gần, và thốt ra tên Zanoni. Hình ảnh quay lại, và anh nhìn thấy khuôn mặt của một người lạ: một khuôn mặt không được đánh dấu bởi vẻ đẹp lộng lẫy của Zanoni, nhưng cũng ngang ngửa uy nghi trong diện mạo của nó, và có lẽ còn ấn tượng hơn từ tuổi trưởng thành và sâu sắc không cảm xúc của suy tư mà đặc trưng ở trán mở rộ, và đôi mắt sâu nhưng sắc bén. “Anh đang tìm Zanoni,” người lạ nói; “anh sẽ đến đây sớm thôi; nhưng, có lẽ, người mà anh thấy trước mặt là liên quan hơn đến số phận của anh, và sẵn lòng thực hiện giấc mơ của anh.” “Vậy thì trái đất có một Zanoni khác à?” “Nếu không,” người lạ trả lời, “tại sao anh nuôi hy vọng và niềm tin hoang dã rằng anh sẽ là chính mình một Zanoni? Anh có nghĩ rằng không ai khác đã đốt cháy với cùng một giấc mơ như thần thánh đó chưa? Ai, thực sự trong tuổi trẻ đầu tiên của mình,—tuổi trẻ khi tâm hồn gần hơn với thiên đường mà nó bắt nguồn, và những khao khát thiêng liêng và nguyên thủy của nó không bị mờ nhạt bởi những đam mê hèn hạ và những lo lắng nhỏ bé mà được sinh ra theo thời gian,—ai trong tuổi trẻ mà không nuôi hy vọng rằng vũ trụ chứa đựng những bí mật mà không ai biết đến ngoại trừ đám đông phàm trần, và khao khát, như con

hươu thèm nước, cho những suối nước ẩn giấu và xa xôi giữa vùng hoang dã rộng lớn của khoa học không đường mòn? Âm nhạc của suối nước được nghe thấy trong tâm hồn BÊN TRONG, cho đến khi những bước chân, lừa dối và sai lầm, rời xa nước của nó, và người lang thang chết giữa sa mạc mạnh mẽ. Anh có nghĩ rằng không ai đã nuôi hy vọng như vậy đã tìm được sự thật, hoặc rằng khao khát sau cùng của tri thức không thể diễn tả đã được ban cho chúng ta hoàn toàn vô ích? Không! Mỗi khao khát trong trái tim con người chỉ là một cái nhìn thoáng qua của những điều tồn tại, cũng xa xôi và thần thánh. Không! Trên thế giới đã từng có từ đời này sang đời khác một số tinh thần sáng sủa và hạnh phúc đã đạt được bầu không khí mà những sinh vật cao hơn con người di chuyển và hít thở. Zanoni, dù lớn lao như thế nào, không đứng một mình. Anh đã có những người tiền bối

“If thou hast mastered them, why not I?” answered Glyndon, boldly. “I have felt from my boyhood that strange mysteries were reserved for my career; and from the proudest ends of ordinary ambition I have carried my gaze into the cloud and darkness that stretch beyond. The instant I beheld Zanoni, I felt as if I had discovered the guide and the tutor for which my youth had idly languished and vainly burned.”

“Nếu ngươi đã thành thạo chúng, tại sao ta không thể?” Glyndon trả lời mạnh mẽ. “Ta đã cảm thấy từ khi còn bé rằng những bí ẩn kỳ lạ đã được dành cho sự nghiệp của ta; và từ những mục tiêu cao quý nhất của tham vọng bình thường, ta đã nhìn xa vào đám mây và bóng tối vô tận. Ngay từ khi nhìn thấy Zanoni, ta cảm thấy như đã tìm ra người hướng dẫn và thầy dạy mà tuổi trẻ của ta đã trống rỗng và hối hả tìm kiếm.”

“And to me his duty is transferred,” replied the stranger. “Yonder lies, anchored in the bay, the vessel in which Zanoni seeks a fairer home; a little while and the breeze will rise, the sail will swell; and the stranger will have passed, like a wind, away. Still, like the wind, he leaves in thy heart the seeds that

may bear the blossom and the fruit. Zanoni hath performed his task,—he is wanted no more; the perfecter of his work is at thy side. He comes! I hear the dash of the oar. You will have your choice submitted to you. According as you decide we shall meet again." With these words the stranger moved slowly away, and disappeared beneath the shadow of the cliffs. A boat glided rapidly across the waters: it touched land; a man leaped on shore, and Glyndon recognised Zanoni.

"Và nhiệm vụ của hắn được chuyển giao cho ta," người lạ trả lời. "Kia, neo đậu trong vịnh, chiếc thuyền mà Zanoni tìm kiếm một mái ấm hơn; chốc lát nữa và làn gió sẽ thổi, cánh buồm sẽ phồng; và người lạ sẽ qua đi, giống như một cơn gió. Nhưng, giống như cơn gió, hắn để lại trong tim ngươi những hạt giống có thể nảy mầm và cho trái. Zanoni đã hoàn thành nhiệm vụ của mình,—hắn không còn cần nữa; người hoàn thiện công việc của hắn đứng bên cạnh ngươi. Người đến rồi! Ta nghe tiếng chạy chân của chèo. Ngươi sẽ được đưa ra lựa chọn. Tùy thuộc vào quyết định của ngươi, ta và ngươi sẽ gặp lại." Với những lời này, người lạ di chuyển chậm rãi và biến mất dưới bóng của vách đá. Một chiếc thuyền trôi nhanh qua mặt nước: nó chạm đất; một người nhảy lên bờ, và Glyndon nhận ra Zanoni.

"I give thee, Glyndon,—I give thee no more the option of happy love and serene enjoyment. That hour is past, and fate has linked the hand that might have been thine own to mine. But I have ample gifts to bestow upon thee, if thou wilt abandon the hope that gnaws thy heart, and the realisation of which even I have not the power to foresee. Be thine ambition human, and I can gratify it to the full. Men desire four things in life,—love, wealth, fame, power. The first I cannot give thee, the rest are at my disposal. Select which of them thou wilt, and let us part in peace."

"Ta trao cho ngươi, Glyndon,—ta không còn trao cho ngươi lựa chọn của tình yêu hạnh phúc và niềm vui thanh bình. Giờ đã

qua, và số phận đã liên kết bàn tay mà có thể đã thuộc về ngươi với ta. Nhưng ta có nhiều quà tặng phong phú để trao cho ngươi, nếu ngươi sẵn lòng từ bỏ hy vọng ăn sâu vào tim ngươi, mà thậm chí ta cũng không có khả năng thấy trước. Nếu khát vọng của ngươi là con người, ta có thể làm hài lòng nó đến cùng. Người ta khao khát bốn điều trong cuộc đời,—tình yêu, giàu có, danh tiếng, quyền lực. Điều đầu tiên ta không thể trao cho ngươi, những điều còn lại nằm trong tay ta. Chọn cái mà ngươi muốn, và ta sẽ chia tay một cách bình yên."

"Such are not the gifts I covet. I choose knowledge; that knowledge must be thine own. For this, and for this alone, I surrendered the love of Viola; this, and this alone, must be my recompense."

"Những món quà đó không phải là những điều ta khao khát. Ta chọn tri thức; tri thức đó phải thuộc về ngươi. Vì điều này, và chỉ vì điều này, ta từ bỏ tình yêu của Viola; điều này, và chỉ điều này, phải là phần thưởng của ta."

"Answer me but these questions, and according to your answer I will decide. Is it in the power of man to attain intercourse with the beings of other worlds? Is it in the power of man to influence the elements, and to insure life against the sword and against disease?"

"Chỉ trả lời cho ta những câu hỏi này, và dựa vào câu trả lời của ngươi, ta sẽ quyết định. Liệu con người có thể tiếp xúc với các sinh vật của thế giới khác không? Liệu con người có thể ảnh hưởng đến các yếu tố, và đảm bảo sự sống sót chống lại kiếm và bệnh tật không?"

"All this may be possible," answered Zanoni, evasively, "to the few; but for one who attains such secrets, millions may perish in the attempt."

“Tất cả có thể là khả thi,” Zanoni trả lời tránh, “đối với một số ít; nhưng đối với ai đạt được những bí mật như vậy, hàng triệu người có thể chết trong quá trình thử nghiệm.”

“One question more. Thou—”

“Một câu hỏi nữa. Ngươi—”

“Beware! Of myself, as I have said before, I render no account.”

“Cẩn thận! Về bản thân ta, như ta đã nói trước đó, ta không chịu trách nhiệm.”

“Well, then, the stranger I have met this night,—are his boasts to be believed? Is he in truth one of the chosen seers whom you allow to have mastered the mysteries I yearn to fathom?”

“Vâng, vậy, người lạ mà ta đã gặp đêm nay,—những lời quảng cáo của hắn có nên tin không? Liệu hắn có thật sự là một trong những nhà tiên tri được chọn mà ngươi cho phép đã thành thạo những bí ẩn mà ta khao khát khám phá không?”

“Rash man,” said Zanoni, in a tone of compassion, “thy crisis is past, and thy choice made! I can only bid thee be bold and prosper; yes, I resign thee to a master who HAS the power and the will to open to thee the gates of an awful world. Thy weal or woe are as nought in the eyes of his relentless wisdom. I would bid him spare thee, but he will heed me not. Mejnour, receive thy pupil!” Glyndon turned, and his heart beat when he perceived that the stranger, whose footsteps he had not heard upon the pebbles, whose approach he had not beheld in the moonlight, was once more by his side.

“Người dũng cảm,” Zanoni nói, bằng giọng cảm thông, “cuộc khủng hoảng của ngươi đã qua, và lựa chọn của ngươi đã được đưa ra! Ta chỉ có thể bảo ngươi hãy dũng cảm và thành công; vâng, ta trao ngươi cho một thầy mà CÓ khả năng và Ý CHÍ để

mở cánh cửa của một thế giới đáng sợ cho ngươi. Sự hạnh phúc hay đau khổ của ngươi không có ý nghĩa nào trong mắt của trí tuệ không nương cậy của hắn. Ta muốn hắn khoan dung cho ngươi, nhưng hắn sẽ không nghe ta. Mejnour, nhận học trò của mình!" Glyndon quay đầu, và tim anh đập khi nhận ra rằng người lạ, các bước chân của hắn mà anh không nghe thấy trên những viên sỏi, sự tiếp cận của hắn mà anh không nhìn thấy trong ánh trăng, lại một lần nữa đứng bên cạnh anh.

"Farewell," resumed Zanoni; "thy trial commences. When next we meet, thou wilt be the victim or the victor."

"Tạm biệt," Zanoni tiếp tục; "cuộc thử thách của ngươi bắt đầu. Khi chúng ta gặp lại, ngươi sẽ là nạn nhân hoặc chiến thắng."

Glyndon's eyes followed the receding form of the mysterious stranger. He saw him enter the boat, and he then for the first time noticed that besides the rowers there was a female, who stood up as Zanoni gained the boat. Even at the distance he recognised the once-adored form of Viola. She waved her hand to him, and across the still and shining air came her voice, mournfully and sweetly, in her mother's tongue, "Farewell, Clarence,—I forgive thee!—farewell, farewell!" He strove to answer; but the voice touched a chord at his heart, and the words failed him. Viola was then lost forever, gone with this dread stranger; darkness was round her lot! And he himself had decided her fate and his own! The boat bounded on, the soft waves flashed and sparkled beneath the oars, and it was along one sapphire track of moonlight that the frail vessel bore away the lovers. Farther and farther from his gaze sped the boat, till at last the speck, scarcely visible, touched the side of the ship that lay lifeless in the glorious bay. At that instant, as if by magic, up sprang, with a glad murmur, the playful and freshening wind: and Glyndon turned to Mejnour and broke the silence.

Ánh mắt của Glyndon theo dõi hình dạng xa dần của người lạ bí ẩn. Anh thấy hắn lên thuyền, và lúc đó anh lần đầu tiên chú ý rằng ngoài các người chèo còn có một phụ nữ, đứng dậy khi Zanoni lên thuyền. Ngay cả ở khoảng cách xa, anh nhận ra hình dáng một thời được ngưỡng mộ của Viola. Cô gật đầu chào anh, và qua không khí yên bình và sáng ngời, tiếng nói của cô, đầy bi kịch và dịu dàng, bằng ngôn ngữ của mẹ cô, "Tạm biệt, Clarence, —ta tha thứ ngươi!—tạm biệt, tạm biệt!" Anh cố gắng trả lời; nhưng giọng nói chạm vào dây cảm xúc trong tim anh, và lời nói thất bại. Viola đã mất mãi, đi cùng với kẻ lạ đáng sợ này; bóng tối ôm lấy số phận của cô! Và anh chính đã quyết định số phận của cô và của mình! Chiếc thuyền nhảy nhót, những con sóng mềm mại lóe sáng và lấp lánh dưới mái chèo, và chiếc thuyền yếu đuối kéo đi cặp tình nhân dọc theo một dải ánh trăng lam lặng lẽ. Chiếc thuyền càng xa và xa hơn khỏi tầm nhìn của anh, cho đến khi cuối cùng, một dấu vết, gần như không thể nhìn thấy, chạm vào bên của chiếc tàu nằm im bờ trong vịnh tuyệt vời. Ngay lúc đó, như bằng phép thuật, một cơn gió vui vẻ và tươi mới bất ngờ nổi lên, với tiếng rì rào, và Glyndon quay lại với Mejnour và phá vỡ sự im lặng.

"Tell me—if thou canst read the future—tell me that HER lot will be fair, and that HER choice at least is wise?"

"Hãy nói cho ta—nếu ngươi có thể đọc được tương lai—hãy nói cho ta rằng số phận CÔ ấy sẽ công bằng, và rằng LỰA CHỌN của CÔ ấy ít nhất là khôn ngoan?"

"My pupil!" answered Mejnour, in a voice the calmness of which well accorded with the chilling words, "thy first task must be to withdraw all thought, feeling, sympathy from others. The elementary stage of knowledge is to make self, and self alone, thy study and thy world. Thou hast decided thine own career; thou hast renounced love; thou hast rejected wealth, fame, and the vulgar pomps of power. What, then, are all mankind to

thee? To perfect thy faculties, and concentrate thy emotions, is henceforth thy only aim!"

"Học trò của ta!" Mejnour trả lời, bằng một giọng điệu trấn tĩnh phù hợp với những lời lạnh lùng, "nhiệm vụ đầu tiên của ngươi phải là rút lui tất cả suy nghĩ, cảm xúc, sự đồng cảm khỏi người khác. Giai đoạn cơ bản của tri thức là tự mình, và chỉ mình mà thôi, là nghiên cứu và thế giới của ngươi. Ngươi đã quy

BOOK IV. — THE DWELLER OF THE THRESHOLD.

CUỐN SÁCH IV. — KẺ TRẤN GIỮ NGƯỠNG CỬA.

Bey hinter ihm was will! Ich heb ihn auf. “Das Verschleierte Bildzu Sais” (Be behind what there may,—I raise the veil.)

CHAPTER 4.I. Come vittima io vengo all’ ara. “Metast.,” At. ii. Sc. 7. (As a victim I go to the altar.)

It was about a month after the date of Zanoni’s departure and Glyndon’s introduction to Mejnour, when two Englishmen were walking, arm-in-arm, through the Toledo.

Đã khoảng một tháng sau ngày Zanoni ra đi và Glyndon được giới thiệu với Mejnour, khi hai người Anh đang đi bộ, tay trong tay, qua Toledo.

“I tell you,” said one (who spoke warmly), “that if you have a particle of common-sense left in you, you will accompany me to England. This Mejnour is an imposter more dangerous, because more in earnest, than Zanoni. After all, what do his promises amount to? You allow that nothing can be more equivocal. You say that he has left Naples,—that he has selected a retreat more congenial than the crowded thoroughfares of men to the studies in which he is to initiate you; and this retreat is among the haunts of the fiercest bandits of Italy,—haunts which justice itself dares not penetrate. Fitting hermitage for a sage! I tremble for you. What if this stranger—of whom nothing is known—be leagued with the robbers; and these lures for your credulity bait but the traps for your property,—perhaps your life? You might come off cheaply by a ransom of half your fortune. You smile indignantly! Well, put common-sense out of the question; take your own view of the matter. You are to undergo an ordeal which Mejnour himself does not profess to describe as a very tempting one. It may, or it may not, succeed: if it does not, you

are menaced with the darkest evils; and if it does, you cannot be better off than the dull and joyless mystic whom you have taken for a master. Away with this folly; enjoy youth while it is left to you; return with me to England; forget these dreams; enter your proper career; form affections more respectable than those which lured you awhile to an Italian adventuress. Attend to your fortune, make money, and become a happy and distinguished man. This is the advice of sober friendship; yet the promises I hold out to you are fairer than those of Mejnour."

"Tôi nói với bạn," một người (nói một cách ấm áp) nói, "nếu bạn còn một chút lý trí trong bạn, bạn sẽ đi cùng tôi về Anh. Mejnour này là một kẻ lừa đảo nguy hiểm hơn, vì nghiêm túc hơn, so với Zanoni. Sau tất cả, những lời hứa của anh ta có ý nghĩa gì không? Bạn thừa nhận rằng không có gì có thể mơ hồ hơn. Bạn nói rằng anh ta đã rời khỏi Naples, rằng anh ta đã chọn một nơi ẩn mình hơn so với những con đường đông đúc của con người để thực hiện những nghiên cứu mà anh ta sẽ khởi đầu cho bạn; và nơi ẩn mình này nằm giữa những nơi sinh sống của những tên cướp dữ dội nhất của Ý, nơi mà chính công lý cũng không dám xâm nhập. Nơi tu tập phù hợp cho một nhà hiền triết! Tôi run sợ cho bạn. Nếu người lạ này—mà không ai biết gì về anh ấy—đã liên minh với những tên cướp; và những lời mời dụ này chỉ là bẫy để lừa dối sự tin tưởng của bạn,—có lẽ cả tài sản của bạn, thậm chí cả cuộc sống của bạn? Bạn có thể trả giá rẻ bằng một khoản tiền chuộc bằng nửa tài sản của bạn. Bạn cười một cách tức giận! Được rồi, bỏ đi lý trí; hãy nhìn nhận vấn đề theo cách của riêng bạn. Bạn sẽ phải trải qua một cuộc thử thách mà chính Mejnour cũng không mô tả là một cuộc thử thách hấp dẫn lắm. Nó có thể thành công, hoặc không; nếu không, bạn đang đối diện với những điều tối tăm nhất; và nếu thành công, bạn cũng không thể tốt hơn như nhà mê tín đời đầu và buồn chán mà bạn đã chọn làm thầy. Hãy bỏ đi điều ngớ ngẩn này; hãy tận hưởng tuổi trẻ còn lại của bạn; quay về với tôi về Anh; quên đi những giấc mơ này; bắt đầu sự nghiệp đúng của bạn; hình thành tình cảm đáng kính hơn so với những thứ đã

lôi cuốn bạn một thời tới một người phụ nữ phiêu lưu người Ý. Hãy chú ý đến vận may của bạn, kiếm tiền, và trở thành một người hạnh phúc và xuất sắc. Đây là lời khuyên của một tình bạn chín chắn; nhưng những lời hứa mà tôi đưa ra cho bạn là công bằng hơn so với những lời của Mejnour."

"Mervale," said Glyndon, doggedly, "I cannot, if I would, yield to your wishes. A power that is above me urges me on; I cannot resist its influence. I will proceed to the last in the strange career I have commenced. Think of me no more. Follow yourself the advice you give to me, and be happy."

"Mervale," Glyndon nói, cứng rắn, "Tôi không thể, nếu tôi muốn, chiều theo ý bạn. Một sức mạnh cao cấp hơn tôi thúc đẩy tôi đi; tôi không thể chống lại ảnh hưởng của nó. Tôi sẽ tiến tới cuối cùng trong sự nghiệp kỳ lạ mà tôi đã bắt đầu. Đừng nghĩ về tôi nữa. Hãy tuân theo lời khuyên mà bạn đưa ra cho tôi, và hãy hạnh phúc."

"This is madness," said Mervale; "your health is already failing; you are so changed I should scarcely know you. Come; I have already had your name entered in my passport; in another hour I shall be gone, and you, boy that you are, will be left, without a friend, to the deceits of your own fancy and the machinations of this relentless mountebank."

"Điều này là điên rồ," Mervale nói; "sức khỏe của bạn đã bắt đầu suy giảm; bạn đã thay đổi đến mức tôi gần như không nhận ra bạn. Hãy đi; tôi đã cho ghi tên của bạn vào hộ chiếu của tôi; trong một giờ nữa tôi sẽ ra đi, và bạn, cậu bé như bạn là, sẽ bị bỏ lại, không có một người bạn, trước những sự lừa dối của trí tưởng tượng của riêng bạn và mưu đồ của kẻ lừa đảo không trắng tay này."

"Enough," said Glyndon, coldly; "you cease to be an effective counsellor when you suffer your prejudices to be thus evident. I

have already had ample proof," added the Englishman, and his pale cheek grew more pale, "of the power of this man,—if man he be, which I sometimes doubt,—and, come life, come death, I will not shrink from the paths that allure me. Farewell, Mervale; if we never meet again,—if you hear, amidst our old and cheerful haunts, that Clarence Glyndon sleeps the last sleep by the shores of Naples, or amidst yon distant hills, say to the friends of our youth, 'He died worthily, as thousands of martyr-students have died before him, in the pursuit of knowledge.'"

"Đủ rồi," Glyndon nói, lạnh lùng; "bạn không còn là một người tư vấn hiệu quả nữa khi bạn để lộ rõ những định kiến của mình như vậy. Tôi đã có đủ bằng chứng," thêm người Anh, và má hồng của anh ta trở nên trắng hơn, "về sức mạnh của người này, —nếu anh ta là người, điều mà tôi đôi khi nghi ngờ,—và, dù sống, dù chết, tôi sẽ không rút lui khỏi những con đường mà lôi cuốn tôi. Tạm biệt, Mervale; nếu chúng ta không gặp lại nhau nữa,—nếu bạn nghe thấy, giữa những nơi vui vẻ xưa cũ của chúng ta, rằng Clarence Glyndon ngủ giấc cuối cùng bên bờ biển Naples, hoặc giữa những ngọn đồi xa xôi kia, nói với những người bạn của tuổi trẻ của chúng ta, 'Anh ta đã chết đáng kính, như hàng nghìn học sinh hiến thân trước đó đã chết, trong việc tìm kiếm kiến thức.'"

He wrung Mervale's hand as he spoke, darted from his side, and disappeared amidst the crowd.

Anh ôm chặt tay của Mervale khi anh nói, rồi chạy thoát khỏi bên cạnh anh ta, và biến mất giữa đám đông.

By the corner of the Toledo he was arrested by Nicot.

Ở góc phố Toledo, anh bị Nicot ngăn lại.

"Ah, Glyndon! I have not seen you this month. Where have you hid yourself? Have you been absorbed in your studies?"

“Ah, Glyndon! Tôi đã không thấy bạn trong tháng này. Bạn đã ẩn mình ở đâu? Bạn đã bị cuốn vào nghiên cứu của mình à?”

“Yes.”

“Vâng.”

“I am about to leave Naples for Paris. Will you accompany me? Talent of all order is eagerly sought for there, and will be sure to rise.”

“Tôi sắp rời khỏi Naples để đi Paris. Bạn có đi cùng tôi không? Tài năng của mọi loại đều được tìm kiếm một cách háo hức ở đó, và chắc chắn sẽ phát triển.”

“I thank you; I have other schemes for the present.”

“Tôi cám ơn bạn; tôi có kế hoạch khác cho hiện tại.”

“So laconic!—what ails you? Do you grieve for the loss of the Pisani? Take example by me. I have already consoled myself with Bianca Sacchini,—a handsome woman, enlightened, no prejudices. A valuable creature I shall find her, no doubt. But as for this Zanoni!”

“Đáng ngắn gọn!—bạn bị làm sao vậy? Bạn đau buồn vì mất Pisani à? Hãy lấy tôi làm gương. Tôi đã an ủi bản thân với Bianca Sacchini,—một phụ nữ xinh đẹp, thông thái, không định kiến. Tôi chắc chắn sẽ thấy cô ấy là một sinh vật quý giá. Nhưng với Zanoni này!”

“What of him?”

“Anh ta thế nào?”

“If ever I paint an allegorical subject, I will take his likeness as Satan. Ha, ha! a true painter’s revenge,—eh? And the way of the

world, too! When we can do nothing else against a man whom we hate, we can at least paint his effigies as the Devil's. Seriously, though: I abhor that man."

"Nếu bao giờ tôi vẽ một chủ đề tượng trưng, tôi sẽ lấy hình ảnh của anh ta như là Satan. Ha, ha! một sự trả thù thực sự của họa sĩ,—phải không? Và cách của thế giới, nữa! Khi chúng ta không thể làm gì khác với một người mà chúng ta ghét, chúng ta ít nhất cũng có thể vẽ hình tượng của anh ta như là của Quỷ. Nhưng nghiêm túc một chút: tôi ghê tởm người đó."

"Wherefore?'

"Tại sao?"

"Wherefore! Has he not carried off the wife and the dowry I had marked for myself! Yet, after all," added Nicot, musingly, "had he served instead of injured me, I should have hated him all the same. His very form, and his very face, made me at once envy and detest him. I felt that there is something antipathetic in our natures. I feel, too, that we shall meet again, when Jean Nicot's hate may be less impotent. We, too, cher confrere,—we, too, may meet again! Vive la Republique! I to my new world!"

"Tại sao! Anh ta đã không cướp đi vợ và hồi phụ mà tôi đã dành cho bản thân tôi! Nhưng, sau tất cả," Nicot thêm, suy tư, "nếu anh ta đã phục vụ thay vì làm tổn thương tôi, tôi cũng sẽ ghét anh ta như vậy. Chính hình dạng của anh ta, và khuôn mặt của anh ta, khiến tôi cùng một lúc ghen tị và ghét anh ta. Tôi cảm thấy có điều gì đó đối lập trong bản chất của chúng ta. Tôi cũng cảm thấy rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau, khi m

That day Mervale left Naples; the next morning Glyndon also quitted the City of Delight alone, and on horseback. He bent his way into those picturesque but dangerous parts of the country which at that time were infested by banditti, and which few travellers dared to pass, even in broad daylight, without a

strong escort. A road more lonely cannot well be conceived than that on which the hoofs of his steed, striking upon the fragments of rock that encumbered the neglected way, woke a dull and melancholy echo. Large tracts of waste land, varied by the rank and profuse foliage of the South, lay before him; occasionally a wild goat peeped down from some rocky crag, or the discordant cry of a bird of prey, startled in its sombre haunt, was heard above the hills. These were the only signs of life; not a human being was met,—not a hut was visible. Wrapped in his own ardent and solemn thoughts, the young man continued his way, till the sun had spent its noonday heat, and a breeze that announced the approach of eve sprung up from the unseen ocean which lay far distant to his right. It was then that a turn in the road brought before him one of those long, desolate, gloomy villages which are found in the interior of the Neapolitan dominions: and now he came upon a small chapel on one side the road, with a gaudily painted image of the Virgin in the open shrine. Around this spot, which, in the heart of a Christian land, retained the vestige of the old idolatry (for just such were the chapels that in the pagan age were dedicated to the demon-saints of mythology), gathered six or seven miserable and squalid wretches, whom the curse of the leper had cut off from mankind. They set up a shrill cry as they turned their ghastly visages towards the horseman; and, without stirring from the spot, stretched out their gaunt arms, and implored charity in the name of the Merciful Mother! Glyndon hastily threw them some small coins, and, turning away his face, clapped spurs to his horse, and relaxed not his speed till he entered the village. On either side the narrow and miry street, fierce and haggard forms—some leaning against the ruined walls of blackened huts, some seated at the threshold, some lying at full length in the mud—presented groups that at once invoked pity and aroused alarm: pity for their squalor, alarm for the ferocity imprinted on their savage aspects. They gazed at him, grim and sullen, as he rode slowly up the rugged street; sometimes whispering significantly to

each other, but without attempting to stop his way. Even the children hushed their babble, and ragged urchins, devouring him with sparkling eyes, muttered to their mothers; “We shall feast well to-morrow!” It was, indeed, one of those hamlets in which Law sets not its sober step, in which Violence and Murder house secure,—hamlets common then in the wilder parts of Italy, in which the peasant was but the gentler name for the robber.

Vào ngày đó, Mervale rời khỏi Naples; sáng hôm sau, Glyndon cũng rời khỏi Thành phố Hạnh Phúc một mình, trên lưng ngựa. Anh đi vào những vùng đất pittoresque nhưng nguy hiểm của đất nước vào thời điểm đó bị quấy rối bởi bọn cướp và ít người dám đi qua, ngay cả vào ban ngày mà không có sự bảo vệ mạnh. Một con đường cô đơn hơn không thể tưởng tượng được, nơi mà những bước chân của con ngựa, đập vào những mảnh đá rải rác trên con đường bị bỏ hoang, đánh thức một âm thanh vô hồn và buồn bã. Những miền đất hoang vắng, xen kẽ với cây xanh dày đặc của miền Nam, nằm trước mắt anh; đôi khi, một con dê hoang nhìn xuống từ một tảng đá dựng đứng, hoặc tiếng kêu hấp tấp của một con chim săn, bị kinh hoàng trong nơi ẩn náu của nó, vang lên trên những ngọn đồi. Đó là những dấu hiệu duy nhất của cuộc sống; không gặp một con người, không thấy một cái nhà. Bao phủ bởi những suy tư nồng nhiệt và trang nghiêm của mình, chàng trai trẻ tiếp tục con đường của mình, cho đến khi mặt trời đã qua cơn nóng giữa trưa, và một cơn gió thông báo sự đến gần của buổi tối thoáng đã lên từ biển vô hình nằm xa bên phải anh. Lúc đó, một khúc quanh trên con đường đưa trước mắt anh một trong những ngôi làng dài, hoang vắng và u ám như thường thấy ở bên trong các vương quốc của Naples: và giờ anh đã gặp một nhà thờ nhỏ bên một bên con đường, với một bức tượng của Đức Mẹ được sơn sặc sỡ trong mái hiên mở. Xung quanh đây, nơi mà, trong lòng đất nước Kitô giáo, vẫn còn lại dấu vết của bài tín cũ (vì chính là những nhà thờ như thế mà trong thời kỳ thờ cổ đã được dâng hiến cho các thánh ma của thần thoại), tập trung sáu hoặc bảy kẻ thống khổ và bẩn thỉu,

mà lời nguyền của người mắc bệnh phong đã cắt đứt họ khỏi loài người. Họ vang lên một tiếng kêu than thét khi họ quay mặt đáng sợ của mình về phía người đàn ông cưỡi ngựa; và, mà không di chuyển khỏi chỗ, họ vươn ra những cánh tay gầy guộc của mình, và van xin lòng từ bi của Đức Mẹ! Glyndon vội vã ném cho họ một số đồng xu nhỏ, và, quay mặt đi, đạp gai vào ngựa của mình, và không giảm tốc độ cho đến khi anh bước vào ngôi làng. Hai bên con đường hẹp và lầy lội, những hình dạng hung ác và cằn nhằn—một số dựa vào những bức tường đổ nát của những căn nhà đen thui, một số ngồi ở ngưỡng cửa, một số nằm dài trong bùn—tạo ra những nhóm người vừa gợi lên lòng thương và đồng thời gợi lên sự lo sợ: lòng thương cho sự bẩn thỉu của họ, lo sợ vì sự hung ác in sâu vào vẻ mặt dã man của họ. Họ nhìn anh, gay gắt và ủ rũ, khi anh cưỡi chậm dần lên con đường gồ ghề; đôi khi thì thì thầm nói với nhau một cách ý nghĩa, nhưng không cố gắng ngăn chặn con đường của anh. Ngay cả trẻ con cũng im lặng, và những đứa trẻ ăn mặc rách rưới, nhìn anh với đôi mắt lấp lánh, thì thầm với mẹ của mình; "Ngày mai chúng ta sẽ ăn no!" Đó thực sự là một trong những ngôi làng mà Luật pháp không bước vào, trong đó Bạo lực và Tội Ác ẩn náu an toàn,—những ngôi làng phổ biến vào thời điểm đó ở những nơi hoang dã hơn của Italy, nơi mà nông dân chỉ là tên ôn hòa của kẻ cướp.

Glyndon's heart somewhat failed him as he looked around, and the question he desired to ask died upon his lips. At length from one of the dismal cabins emerged a form superior to the rest. Instead of the patched and ragged over-all, which made the only garment of the men he had hitherto seen, the dress of this person was characterised by all the trappings of the national bravery. Upon his raven hair, the glossy curls of which made a notable contrast to the matted and elfin locks of the savages around, was placed a cloth cap, with a gold tassel that hung down to his shoulder; his mustaches were trimmed with care, and a silk kerchief of gay hues was twisted round a well-shaped but sinewy throat; a short jacket of rough cloth was decorated

with several rows of gilt filagree buttons; his nether garments fitted tight to his limbs, and were curiously braided; while in a broad parti-coloured sash were placed two silver-hilted pistols, and the sheathed knife, usually worn by Italians of the lower order, mounted in ivory elaborately carved. A small carbine of handsome workmanship was slung across his shoulder and completed his costume. The man himself was of middle size, athletic yet slender, with straight and regular features, sunburnt, but not swarthy; and an expression of countenance which, though reckless and bold, had in it frankness rather than ferocity, and, if defying, was not altogether unprepossessing.

Trái tim của Glyndon hơi sụt sùi khi anh nhìn xung quanh, và câu hỏi anh muốn hỏi chết lặng trên môi anh. Cuối cùng, từ một trong những căn nhà u ám trỗi dậy một hình dạng vượt trội so với những người khác. Thay vì bộ đồ toàn bị vá và rách rưới, mà là bộ trang phục duy nhất của những người đàn ông anh đã từng thấy, trang phục của người này được đặc trưng bởi tất cả các phụ kiện của lòng dũng cảm dân tộc. Trên mái tóc màu cuốn, những lọn tóc bóng loáng tạo nên một sự tương phản đáng chú ý với những lọn tóc rối và như tóc lùn của những kẻ dã man xung quanh, một mũ vải, với một sợi dây vàng treo dài xuống vai của anh; ria mép của anh được cắt tỉ mỉ, và một khăn lụa với những màu sặc sỡ được quấn quanh cổ mảnh mạnh nhưng săn chắc của anh; một chiếc áo khoác ngắn của vải cứng được trang trí với một vài dãy nút vàng filagree; quần dài của anh vừa khít với chân và được tết cẩn thận; trong một chiếc dây lưng phối màu rộng, được đặt hai khẩu súng với cán bằng bạc và con dao được cất trong lõi xương điêu khắc tỉ mỉ. Một khẩu súng ngắn với công nghệ làm việc tốt được treo qua vai của anh và hoàn thiện trang phục của anh. Chính người đàn ông này vừa vừa vừa

vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừa vừ

"And was it from disgust, from poverty, or from some—some ebullition of passion which entailed punishment, that you betook yourself to the mountains?"

"Và liệu có phải từ sự chán ghét, từ nghèo đói, hay từ một — một cơn giận dữ nào đó khiến bạn chạy đến núi không?"

"Why, signor," said the bravo, with a gay laugh, "hermits of my class seldom love the confessional. However, I have no secrets while my step is in these defiles, my whistle in my pouch, and my carbine at my back." With that the robber, as if he loved permission to talk at his will, hemmed thrice, and began with much humour; though, as his tale proceeded, the memories it roused seemed to carry him farther than he at first intended, and reckless and light-hearted ease gave way to that fierce and varied play of countenance and passion of gesture which characterise the emotions of his countrymen.

"Tại sao, ông," tên kẻ cướp nói với một tiếng cười vui vẻ, "người tu của tôi hiếm khi thích gian điệp. Tuy nhiên, tôi không có bí mật khi bước chân trong những con hẻm này, còi sáo trong túi, và súng nhỏ ở lưng." Với điều đó, tên cướp, như thể anh ấy thích được phép nói theo ý muốn của mình, ho hoàn ba cái, và bắt đầu với rất nhiều hài hước; mặc dù, khi câu chuyện của anh ấy tiếp tục, những ký ức mà nó đánh thức dường như đã đưa anh ấy xa hơn so với ban đầu, và sự thoải mái không chút cẩn thận và vui vẻ nhường chỗ cho sự đa dạng và dữ dội của biểu cảm và cử chỉ mà đặc trưng cho cảm xúc của đồng bào anh ấy.

"I was born at Terracina,—a fair spot, is it not? My father was a learned monk of high birth; my mother—Heaven rest her!—an innkeeper's pretty daughter. Of course there could be no marriage in the case; and when I was born, the monk gravely

declared my appearance to be miraculous. I was dedicated from my cradle to the altar; and my head was universally declared to be the orthodox shape for a cowl. As I grew up, the monk took great pains with my education; and I learned Latin and psalmody as soon as less miraculous infants learn crowing. Nor did the holy man's care stint itself to my interior accomplishments. Although vowed to poverty, he always contrived that my mother should have her pockets full; and between her pockets and mine there was soon established a clandestine communication; accordingly, at fourteen, I wore my cap on one side, stuck pistols in my belt, and assumed the swagger of a cavalier and a gallant. At that age my poor mother died; and about the same period my father, having written a History of the Pontifical Bulls, in forty volumes, and being, as I said, of high birth, obtained a cardinal's hat. From that time he thought fit to disown your humble servant. He bound me over to an honest notary at Naples, and gave me two hundred crowns by way of provision. Well, signor, I saw enough of the law to convince me that I should never be rogue enough to shine in the profession. So, instead of spoiling parchment, I made love to the notary's daughter. My master discovered our innocent amusement, and turned me out of doors; that was disagreeable. But my Ninetta loved me, and took care that I should not lie out in the streets with the Lazzaroni. Little jade! I think I see her now with her bare feet, and her finger to her lips, opening the door in the summer nights, and bidding me creep softly into the kitchen, where, praised be the saints! a flask and a manchet always awaited the hungry amoroso. At last, however, Ninetta grew cold. It is the way of the sex, signor. Her father found her an excellent marriage in the person of a withered old picture-dealer. She took the spouse, and very properly clapped the door in the face of the lover. I was not disheartened, Excellency; no, not I. Women are plentiful while we are young. So, without a ducat in my pocket or a crust for my teeth, I set out to seek my fortune on board of a Spanish merchantman. That was duller work than I expected; but

luckily we were attacked by a pirate,—half the crew were butchered, the rest captured. I was one of the last: always in luck, you see, signor,—monks' sons have a knack that way! The captain of the pirates took a fancy to me. 'Serve with us?' said he. 'Too happy,' said I. Behold me, then, a pirate! O jolly life! how I blessed the old notary for turning me out of doors! What feasting, what fighting, what wooing, what quarrelling! Sometimes we ran ashore and enjoyed ourselves like princes; sometimes we lay in a calm for days together on the loveliest sea that man ever traversed. And then, if the breeze rose and a sail came in sight, who so merry as we? I passed three years in that charming profession, and then, signor, I grew ambitious. I caballed against the captain; I wanted his post. One still night we struck the blow. The ship was like a log in the sea, no land to be seen from the mast-head, the waves like glass, and the moon at its full. Up we rose, thirty of us and more. Up we rose with a shout; we poured into the captain's cabin, I at the head. The brave old boy had caught the alarm, and there he stood at the doorway, a pistol in each hand; and his one eye (he had only one) worse to meet than the pistols were. "'Yield!' cried I; 'your life shall be safe.' "'Take that,' said he, and whiz went the pistol; but the saints took care of their own, and the ball passed by my cheek, and shot the boatswain behind me. I closed with the captain, and the other pistol went off without mischief in the struggle. Such a fellow he was,—six feet four without his shoes! Over we went, rolling each on the other. Santa Maria! no time to get hold of one's knife. Meanwhile all the crew were up, some for the captain, some for me,—clashing and firing, and swearing and groaning, and now and then a heavy splash in the sea. Fine supper for the sharks that night! At last old Bilboa got uppermost; out flashed his knife; down it came, but not in my heart. No! I gave my left arm as a shield; and the blade went through to the hilt, with the blood spurting up like the rain from a whale's nostril! With the weight of the blow the stout fellow came down so that his face touched mine; with my right hand I caught him by the throat, turned him over like a lamb,

signor, and faith it was soon all up with him: the boatswain's brother, a fat Dutchman, ran him through with a pike.

"Tôi sinh ra ở Terracina, một nơi đẹp, phải không? Cha tôi là một thầy tu học giáo có dòng dõi cao quý; mẹ tôi — Chúa hãy nghỉ cho hồn bà! — là con gái xinh đẹp của một chủ nghĩa trại. Tất nhiên không thể có hôn nhân trong trường hợp này; và khi tôi ra đời, thầy tu nghiêm túc tuyên bố hình dạng của tôi là một phép lạ. Tôi được dâng hiến từ lúc mới sinh cho bàn thờ; và đầu tôi được tuyên bố là hình dạng đúng đắn cho một chiếc cowl. Khi tôi lớn lên, thầy tu đã chăm sóc tôi với nhiều công đức; và tôi học Latin và hát thánh ca cùng lúc với việc các đứa trẻ bình thường học khóc. Sự quan tâm của ông thầy không chỉ dừng lại ở những kỹ năng bên trong của tôi. Mặc dù đã thề nguyện nghèo khó, ông luôn soi xét cho mẹ tôi có tiền trong túi; và giữa túi của mẹ và tôi đã nhanh chóng thiết lập một kênh liên lạc bí mật; do đó, khi tôi mười bốn tuổi, tôi đeo mũ nghiêng một bên, cắm súng vào dây lưng, và giả vờ là một kỹ sư và một người quý tộc. Ở tuổi đó, mẹ tôi nghèo chết; và khoảng thời gian đó cha tôi, sau khi viết một Lịch sử về các Bảo Bối Giáo hoàng, trong bốn mươi quyển sách, và như tôi nói, có dòng dõi cao quý, nhận được một chiếc mũ mũi tên. Từ thời điểm đó ông nghĩ rằng nên từ chối người hầu của mình. Ông bắt tôi làm việc cho một công chứng đàng hoàng ở Napoli, và cho tôi hai trăm ngạc bằng tiền. Vâng, ông, tôi đã thấy đủ về pháp luật để thuyết phục rằng tôi sẽ không bao giờ đủ xảo quyệt để tỏa sáng trong nghề nghiệp đó. Vì vậy, thay vì làm hỏng giấy da, tôi đã tán tỉnh con gái của công chứng. Thầy tôi phát hiện ra trò chơi vô tội của chúng tôi, và đuổi tôi ra khỏi nhà; điều đó không dễ chịu. Nhưng Ninetta yêu tôi, và chăm sóc để tôi không phải nằm ngoài đường với những kẻ Lazzaroni. Đứa con gái nhỏ! Tôi nghĩ tôi thấy cô ấy bây giờ với đôi chân trần, và ngón tay đặt lên môi, mở cánh cửa vào những đêm hè, và bảo tôi đi vào nhẹ nhàng vào bếp, nơi, ngợi khen các thánh! một chai và một ổ bánh mỳ luôn chờ đợi tình yêu đói. Cuối cùng, tuy nhiên, Ninetta trở lạnh. Đó là cách hành xử của giới phụ nữ, ông. Cha cô tìm cho cô một cuộc hôn nhân tuyệt vời

với một người bán tranh già cỗi. Cô đồng ý với chồng, và đóng cửa một cách đúng đắn trước mặt tình nhân. Tôi không nản chí, ông tướng; không, không phải tôi. Phụ nữ có thừa trong khi chúng ta còn trẻ. Vì vậy, không một đồng trong túi hoặc một ổ bánh cho răng của tôi, tôi lên đường tìm vận may trên tàu thương Tây Ban Nha. Đó là công việc nhàm chán hơn tôi mong đợi; nhưng may mắn thay chúng tôi bị tấn công bởi một tên cướp biển, — nửa thủy thủy thủ bị giết, phần còn lại bị bắt. Tôi là một trong những người cuối cùng: luôn luôn may mắn, ông thấy không, ông tướng, — con trai thầy tu có một tài năng như vậy! Thuyền trưởng của bọn cướp biển thích tôi. 'Phục vụ với chúng tôi?' ông ta nói. 'Rất hạnh phúc,' tôi nói. Nhìn tôi, sau đó, là một tên cướp biển! Cuộc sống vui vẻ! tôi đã cầu nguyện cho ông công chứng già cỗi vì đã đuổi tôi ra khỏi nhà! Ăn tiệc, chiến đấu, tán tỉnh, cãi vã! Đôi khi chúng tôi cập bờ và thưởng thức như hoàng tử; đôi khi chúng tôi nằm yên trong bình tĩnh mấy ngày liền trên biển đẹp nhất mà con người từng qua. Và sau đó, nếu cơn gió nổi lên và một chiếc buồm xuất hiện, ai vui vẻ nhất nếu không phải chúng tôi? Tôi đã trải qua ba năm trong nghề nghiệp quyến rũ đó, và sau đó, ông tướng, tôi trở nên tham vọng. Tôi âm mưu chống lại thuyền trưởng; tôi muốn vị trí của ông. Một đêm yên lặng chúng tôi đánh đòn. Chiếc tàu giống như một khúc gỗ trên biển, không thấy đất từ đỉnh cột buồm, sóng như thủy tinh, và trăng tròn. Chúng tôi đứng dậy, ba mươi người và nhiều hơn. Chúng tôi đứng dậy với tiếng hò; chúng tôi đổ vào cabin của thuyền trưởng, tôi đứng đầu. Người đàn ông già dũng cảm đã chớp mắt, và ông đứng ở cửa, một khẩu súng trong mỗi tay; và mắt của ông (ông chỉ có một mắt) khó chịu hơn so với khẩu súng.

"'Old fellow,' said I, as he turned his terrible eye to me, 'I bear you no malice, but we must try to get on in the world, you know.' The captain grinned and gave up the ghost. I went upon deck,—what a sight! Twenty bold fellows stark and cold, and the moon sparkling on the puddles of blood as calmly as if it were water. Well, signor, the victory was ours, and the ship mine; I

ruled merrily enough for six months. We then attacked a French ship twice our size; what sport it was! And we had not had a good fight so long, we were quite like virgins at it! We got the best of it, and won ship and cargo. They wanted to pistol the captain, but that was against my laws: so we gagged him, for he scolded as loud as if we were married to him; left him and the rest of his crew on board our own vessel, which was terribly battered; clapped our black flag on the Frenchman's, and set off merrily, with a brisk wind in our favour. But luck deserted us on forsaking our own dear old ship. A storm came on, a plank struck; several of us escaped in a boat; we had lots of gold with us, but no water. For two days and two nights we suffered horribly; but at last we ran ashore near a French seaport. Our sorry plight moved compassion, and as we had money, we were not suspected,—people only suspect the poor. Here we soon recovered our fatigues, rigged ourselves out gayly, and your humble servant was considered as noble a captain as ever walked deck. But now, alas! my fate would have it that I should fall in love with a silk-mercer's daughter. Ah, how I loved her!—the pretty Clara! Yes, I loved her so well that I was seized with horror at my past life! I resolved to repent, to marry her, and settle down into an honest man. Accordingly, I summoned my messmates, told them my resolution, resigned my command, and persuaded them to depart. They were good fellows, engaged with a Dutchman, against whom I heard afterwards they made a successful mutiny, but I never saw them more. I had two thousand crowns still left; with this sum I obtained the consent of the silk-mercer, and it was agreed that I should become a partner in the firm. I need not say that no one suspected that I had been so great a man, and I passed for a Neapolitan goldsmith's son instead of a cardinal's. I was very happy then, signor, very,—I could not have harmed a fly! Had I married Clara, I had been as gentle a mercer as ever handled a measure."

"'Ông già,' tôi nói, khi anh ta quay mắt đáng sợ của mình về phía tôi, 'Tôi không giữ mối thù với ông, nhưng chúng ta phải cố

gắng sống sót trong thế giới này, ông biết mà.' Thuyền trưởng mỉm cười và từ bỏ linh hồn. Tôi lên boong tàu,—một cảnh tượng thế nào! Hai mươi anh dũng mạnh lạnh giá, và ánh trăng lấp lánh trên các vũng máu như làn nước yên bình. Vâng, ông, chiến thắng thuộc về chúng tôi, và con tàu của tôi; tôi cai trị vui vẻ đủ cho sáu tháng. Sau đó, chúng tôi tấn công một con tàu Pháp lớn gấp đôi kích thước của chúng tôi; thật là một trò vui! Và chúng tôi đã không có một trận chiến tốt trong thời gian dài, chúng tôi hoàn toàn như trinh nữ! Chúng tôi đã chiến thắng, và giành được con tàu và hàng hóa. Họ muốn bắn thuyền trưởng, nhưng đó là vi phạm luật của tôi: vì vậy chúng tôi bịt miệng anh ta, vì anh ta la mắng to như chúng tôi đã kết hôn với anh ta; để anh ta và phần còn lại của thủy thủ đoàn trên con tàu của chúng tôi, con tàu của chúng tôi bị hỏng nặng; đặt cờ đen của chúng tôi lên con tàu của người Pháp, và rời đi vui vẻ, với một cơn gió nhanh hướng thuận lợi. Nhưng may mắn rời xa chúng tôi khi rời bỏ con tàu cũ thân thương của chúng tôi. Một cơn bão đến, một tấm ván va chạm; một số người trong chúng tôi thoát khỏi trên một chiếc thuyền; chúng tôi mang theo nhiều vàng, nhưng không có nước. Trong hai ngày và hai đêm chúng tôi chịu đau đớn khủng khiếp; nhưng cuối cùng chúng tôi đổ bộ gần một cảng biển Pháp. Tình trạng thảm hại của chúng tôi đã làm lòng trắc ẩn, và vì chúng tôi có tiền, nên không bị nghi ngờ,—người ta chỉ nghi ngờ người nghèo. Ở đây chúng tôi nhanh chóng hồi phục sức khỏe, trang hoàng mình một cách lộng lẫy, và người hầu tận tâm của ông được coi là một thuyền trưởng quý tộc nhất từng bước trên boong tàu. Nhưng giờ, ôi, số phận của tôi lại muốn tôi phải yêu một cô con gái thương lái lụa. Ôi, tôi yêu cô ấy thế nào!—cô Clara xinh đẹp! Vâng, tôi yêu cô ấy đến mức tôi kinh hoàng với quá khứ của mình! Tôi quyết tâm hối cải, cưới cô ấy, và trở thành một người đàn ông trung thực. Do đó, tôi triệu tập các đồng đội, nói cho họ biết quyết định của mình, từ chức thuyền trưởng, và thuyết phục họ rời đi. Họ là những người bạn tốt, bị một người Hà Lan mướn, mà sau này tôi nghe sau đó họ đã thực hiện một cuộc nổi loạn thành công, nhưng tôi không bao giờ gặp họ nữa. Tôi vẫn còn hai nghìn ngàn đồng; với số tiền

này tôi đã có sự đồng ý của thương lái lụa, và được thống nhất rằng tôi sẽ trở thành một đối tác trong công ty. Không cần phải nói rằng không ai nghi ngờ rằng tôi đã là một người lớn mạnh, và tôi được xem như con trai của một thợ vàng Napoli thay vì là một con trai của một giám mục. Lúc đó tôi rất hạnh phúc, ông, rất hạnh phúc,—tôi không thể làm hại một con ruồi nào!

The bravo paused a moment, and it was easy to see that he felt more than his words and tone betokened. "Well, well, we must not look back at the past too earnestly,—the sunlight upon it makes one's eyes water. The day was fixed for our wedding,—it approached. On the evening before the appointed day, Clara, her mother, her little sister, and myself, were walking by the port; and as we looked on the sea, I was telling them old gossip-tales of mermaids and sea-serpents, when a red-faced, bottle-nosed Frenchman clapped himself right before me, and, placing his spectacles very deliberately astride his proboscis, echoed out, 'Sacre, mille tonnerres! this is the damned pirate who boarded the "Niobe"!'"

Kẻ giết người tạm ngưng một chút, và dễ dàng thấy anh ta cảm thấy nhiều hơn những gì lời nói và cách ngôn từ của mình biểu lộ. "Vâng, vâng, chúng ta không nên nhìn lại quá nghiêm túc vào quá khứ,—ánh nắng trên nó làm mắt ta ướt. Ngày định cho đám cưới của chúng tôi,—đã đến gần. Vào tối trước ngày được chỉ định, Clara, mẹ cô, em gái nhỏ của cô và tôi, đang đi dạo bên cảng; và khi nhìn ra biển, tôi đang kể cho họ nghe những câu chuyện cũ về tiên cá và rắn biển, khi một người Pháp mặt đỏ, mũi chai đứng ngay trước mặt tôi, và, đặt kính cẩn thận lên mũi, hét lên, 'Sacre, mille tonnerres! đây là tên cướp biển đáng chết đã bắt con tàu "Niobe"!'"

"'None of your jests,' said I, mildly. 'Ho, ho!' said he; 'I can't be mistaken; help there!' and he griped me by the collar. I replied, as you may suppose, by laying him in the kennel; but it would not do. The French captain had a French lieutenant at his back,

whose memory was as good as his chief's. A crowd assembled; other sailors came up: the odds were against me. I slept that night in prison; and in a few weeks afterwards I was sent to the galleys. They spared my life, because the old Frenchman politely averred that I had made my crew spare his. You may believe that the oar and the chain were not to my taste. I and two others escaped; they took to the road, and have, no doubt, been long since broken on the wheel. I, soft soul, would not commit another crime to gain my bread, for Clara was still at my heart with her sweet eyes; so, limiting my rogueries to the theft of a beggar's rags, which I compensated by leaving him my galley attire instead, I begged my way to the town where I left Clara."

"'Không có lời đùa đâu,' tôi nói, nhẹ nhàng. 'Ho, ho!' anh ta nói; 'Tôi không thể nhầm lẫn; giúp đỡ ở đây!' và anh ta nắm tôi bằng cổ áo. Tôi đáp lại, như bạn có thể đoán, bằng cách đặt anh ta vào khu chó; nhưng không được. Thuyền trưởng Pháp có một trung úy Pháp ở sau lưng, ký ức của anh ta không kém gì với thuyền trưởng. Một đám đông tụ tập; các thủy thủ khác đến: ưu thế nghiêng về phía tôi. Tôi ngủ đêm đó trong tù; và vài tuần sau tôi được gửi đến nhà lao. Họ tha cho tôi mạng sống, vì ông Pháp già lịch sự đã khẳng định rằng tôi đã khiến thủy thủ đoàn của mình tha cho ông. Bạn có thể tin rằng cày và xích không phải là sở thích của tôi. Tôi và hai người khác đã trốn thoát; họ đã chạy ra đường, và chắc chắn đã bị đánh gãy bánh xe từ lâu. Tôi, tâm hồn mềm, không muốn phạm tội nữa để kiếm miếng ăn, vì Clara vẫn ở trong tim tôi với đôi mắt ngọt ngào của cô; vì vậy, hạn chế những hành vi gian lận của mình chỉ trong việc trộm đồ rẻ tiền của một kẻ ăn xin, mà tôi đền bù bằng cách để lại cho anh ta bộ trang phục nhà lao của tôi, tôi ăn xin để đến thị trấn nơi tôi đã rời bỏ Clara."

"'Ho, father!' said I; 'don't you know me?' 'Who are you?' 'Your son,' said I, in a whisper. The cardinal drew back, looked at me earnestly, and mused a moment. 'All men are my sons,' quoth he then, very mildly; 'there is gold for thee! To him who begs once,

alms are due; to him who begs twice, jails are open. Take the hint and molest me no more. Heaven bless thee!' With that he got into his coach, and drove off to the Vatican. His purse which he had left behind was well supplied. I was grateful and contented, and took my way to Terracina. I had not long passed the marshes when I saw two horsemen approach at a canter. 'You look poor, friend,' said one of them, halting; 'yet you are strong.' 'Poor men and strong are both serviceable and dangerous, Signor Cavalier.' 'Well said; follow us.' I obeyed, and became a bandit."

"'Ho, cha!' tôi nói; 'Ông không nhận ra con à?' 'Con là ai?' 'Con của ông,' tôi nói, thì thầm. Giám mục lùi lại, nhìn tôi một cách nghiêm túc, và suy tư một chút. 'Tất cả mọi người đều là con trai của tôi,' ông nói, rất nhẹ nhàng; 'đây là vàng cho con! Với người ăn xin một lần, cần được ban; với người ăn xin hai lần, tù cần mở. Nắm lấy gợi ý và không làm phiền tôi nữa. Chúa phù hộ con!' Với lời đó ông lên xe của mình, và lái đến Vatican. Chiếc ví mà ông đã để lại đằng sau đầy đủ. Tôi biết ơn và hài lòng, và đi đến Terracina. Chưa lâu sau khi vượt qua các đầm lầy, tôi thấy hai người đi ngựa tiếp cận với tốc độ chậm. 'Bạn trông nghèo, bạn bè ơi,' một người trong số họ nói, dừng lại; 'nhưng bạn rất mạnh.' 'Người nghèo và mạnh đều có ích và nguy hiểm, Signor Cavalier.' 'Nói rất đúng; theo chúng tôi.' Tôi tuân theo, và trở thành một tên cướp."

Maestro Paolo turned his black eyes very gravely towards his questioner. “Why, signor,” said he, “you must surely know more of the foreign cavalier with the hard name than I do. All I can say is, that about a fortnight ago I chanced to be standing by a booth in the Toledo at Naples, when a sober-looking gentleman touched me by the arm, and said, ‘Maestro Paolo, I want to make your acquaintance; do me the favour to come into yonder tavern, and drink a flask of lacrima.’ ‘Willingly,’ said I. So we entered the tavern. When we were seated, my new acquaintance thus accosted me: ‘The Count d’O— has offered to

let me hire his old castle near B—. You know the spot?' "'Extremely well; no one has inhabited it for a century at least; it is half in ruins, signor. A queer place to hire; I hope the rent is not heavy.' "'Maestro Paolo,' said he, 'I am a philosopher, and don't care for luxuries. I want a quiet retreat for some scientific experiments. The castle will suit me very well, provided you will accept me as a neighbour, and place me and my friends under your special protection. I am rich; but I shall take nothing to the castle worth robbing. I will pay one rent to the count, and another to you.' "With that we soon came to terms; and as the strange signor doubled the sum I myself proposed, he is in high favour with all his neighbours. We would guard the whole castle against an army. And now, signor, that I have been thus frank, be frank with me. Who is this singular cavalier?" "Who? —he himself told you, a philosopher." "Hem! searching for the Philosopher's Stone,—eh, a bit of a magician; afraid of the priests?" "Precisely; you have hit it." "I thought so; and you are his pupil?" "I am." "I wish you well through it," said the robber, seriously, and crossing himself with much devotion; "I am not much better than other people, but one's soul is one's soul. I do not mind a little honest robbery, or knocking a man on the head if need be,—but to make a bargain with the devil! Ah, take care, young gentleman, take care!" "You need not fear," said Glyndon, smiling; "my preceptor is too wise and too good for such a compact. But here we are, I suppose. A noble ruin,—a glorious prospect!"

Maestro Paolo nhìn chuyển mắt đen của mình với sự nghiêm túc đến từ người hỏi. "Tại sao, quý ông," ông nói, "quý ông chắc chắn phải biết nhiều hơn về người du khách nước ngoài với cái tên khó nhớ hơn tôi. Tất cả những gì tôi có thể nói là, khoảng mười bốn ngày trước tôi đang đứng bên một gian hàng ở Toledo ở Naples, khi một quý ông trông đàng hoàng chạm vào tay tôi, và nói, 'Maestro Paolo, tôi muốn được làm quen với quý ông; làm ơn đến quán rượu kia, và uống một chai lacrima.' 'Rất vui,' tôi nói. Vậy là chúng tôi đã vào quán rượu. Khi chúng tôi ngồi

xuống, người bạn mới của tôi đã chào mời tôi như sau: ‘Count d’O— đã đề nghị cho tôi thuê lâu đài cũ gần B—. Quý ông biết địa điểm đó chứ?’ “‘Rất rõ ràng; không ai đã sống ở đó ít nhất một thế kỷ; nó đã bị hoang phế một nửa rồi, quý ông. Một nơi lạ để thuê; tôi hy vọng rằng tiền thuê không nặng nề.’ “‘Maestro Paolo,’ ông nói, ‘tôi là một nhà triết học, và không quan tâm đến xa hoa. Tôi muốn một nơi yên tĩnh cho một số thí nghiệm khoa học. Lâu đài sẽ phù hợp với tôi rất tốt, miễn là quý ông sẽ chấp nhận tôi làm hàng xóm, và đặt tôi và bạn bè của tôi dưới sự bảo vệ đặc biệt của quý ông. Tôi giàu có; nhưng tôi sẽ không mang bất cứ thứ gì đến lâu đài đáng để bị cướp. Tôi sẽ trả một khoản tiền thuê cho count, và một khoản khác cho quý ông.’ “Với điều đó chúng tôi nhanh chóng đạt được thỏa thuận; và vì người đàn ông lạ kia gấp đôi số tiền tôi đề xuất, ông ấy được lòng hàng xóm. Chúng tôi sẽ bảo vệ toàn bộ lâu đài chống lại một đội quân. Và bây giờ, quý ông, sau khi tôi đã trung thực như vậy, hãy trung thực với tôi. Người du khách độc đáo này là ai?” “Ai?—chính ông ấy đã nói với quý ông, một nhà triết học.” “Hem! tìm kiếm Đá Triết Học,—eh, một chút phù thủy; sợ giáo sĩ à?” “Đúng vậy; quý ông đã hiểu rõ.” “Tôi đã nghĩ vậy; và quý ông là học trò của ông ấy?” “Đúng vậy.” “Tôi chúc quý ông may mắn,” tên cướp nói, một cách nghiêm túc, và vẫy thánh giá với sự tận tâm; “tôi không tốt hơn nhiều so với người khác, nhưng linh hồn của mỗi người là của riêng mình. Tôi không ngại một chút cướp bóc trung thực, hoặc đánh một người đầu nếu cần thiết,—nhưng để thỏa thuận với quỷ! À, hãy cẩn thận, chàng trai trẻ ạ, hãy cẩn thận!” “Quý ông không cần phải lo lắng,” Glyndon nói, cười; “người hướng dẫn của tôi quá khôn ngoan và quá tốt để thỏa thuận như vậy. Nhưng đây chính là nơi chúng ta, tôi giả định. Một tàn tích quý giá,—một tầm nhìn tuyệt vời!”

Glyndon paused delightedly, and surveyed the scene before and below with the eye of a painter. Insensibly, while listening to the bandit, he had wound up a considerable ascent, and now he was upon a broad ledge of rock covered with mosses and dwarf shrubs. Between this eminence and another of equal height,

upon which the castle was built, there was a deep but narrow fissure, overgrown with the most profuse foliage, so that the eye could not penetrate many yards below the rugged surface of the abyss; but the profoundness might be well conjectured by the hoarse, low, monotonous roar of waters unseen that rolled below, and the subsequent course of which was visible at a distance in a perturbed and rapid stream that intersected the waste and desolate valleys. To the left, the prospect seemed almost boundless,—the extreme clearness of the purple air serving to render distinct the features of a range of country that a conqueror of old might have deemed in itself a kingdom. Lonely and desolate as the road which Glyndon had passed that day had appeared, the landscape now seemed studded with castles, spires, and villages. Afar off, Naples gleamed whitely in the last rays of the sun, and the rose-tints of the horizon melted into the azure of her glorious bay. Yet more remote, and in another part of the prospect, might be caught, dim and shadowy, and backed by the darkest foliage, the ruined pillars of the ancient Posidonia. There, in the midst of his blackened and sterile realms, rose the dismal Mount of Fire; while on the other hand, winding through variegated plains, to which distance lent all its magic, glittered many and many a stream by which Etruscan and Sybarite, Roman and Saracen and Norman had, at intervals of ages, pitched the invading tent. All the visions of the past—the stormy and dazzling histories of Southern Italy—rushed over the artist's mind as he gazed below. And then, slowly turning to look behind, he saw the grey and mouldering walls of the castle in which he sought the secrets that were to give to hope in the future a mightier empire than memory owns in the past. It was one of those baronial fortresses with which Italy was studded in the earlier middle ages, having but little of the Gothic grace or grandeur which belongs to the ecclesiastical architecture of the same time, but rude, vast, and menacing, even in decay. A wooden bridge was thrown over the chasm, wide enough to admit two horsemen abreast; and the planks trembled and gave back a hollow sound as Glyndon urged his

jaded steed across. A road which had once been broad and paved with rough flags, but which now was half-obliterated by long grass and rank weeds, conducted to the outer court of the castle hard by; the gates were open, and half the building in this part was dismantled; the ruins partially hid by ivy that was the growth of centuries. But on entering the inner court, Glyndon was not sorry to notice that there was less appearance of neglect and decay; some wild roses gave a smile to the grey walls, and in the centre there was a fountain in which the waters still trickled coolly, and with a pleasing murmur, from the jaws of a gigantic Triton. Here he was met by Mejnour with a smile. "Welcome, my friend and pupil," said he: "he who seeks for Truth can find in these solitudes an immortal Academe."

Glyndon dừng lại một cách vui sướng, và ngắm cảnh phía trước và dưới với ánh mắt của một họa sĩ. Mà không hề biết, trong khi nghe bandit, anh đã đi lên một con dốc đá khá lớn, và bây giờ anh đang đứng trên một mảnh đá lớn phủ đầy rêu và cây bụi lùn. Giữa đỉnh cao này và một đỉnh khác cùng chiều cao, nơi mà lâu đài được xây dựng, có một khe hẹp nhưng sâu, mọc đầy cây xanh rậm rạ, khiến mắt không thể thấu mấy mét dưới bề mặt gồ ghề của vực sâu; nhưng sự sâu thẳm có thể được đoán đúng bởi tiếng gầm ồn ào, thấp, đều đặn của những dòng nước không thể nhìn thấy cuốn xuống dưới, và quãng đường sau đó có thể nhìn thấy ở xa trong một dòng suối hỗn loạn và nhanh chóng chia cắt những thung lũng hoang vắng và hoang tàn. Bên trái, phong cảnh dường như vô tận,—sự trong trẻo cực độ của không khí màu tím giúp làm nổi bật những đặc điểm của một dãy đất mà một nhà chinh phạt ngày xưa có thể coi là một vương quốc ở chính nó. Cô đơn và hoang vắng như con đường mà Glyndon đi qua trong ngày hôm đó đã xuất hiện, phong cảnh bây giờ dường như đầy các lâu đài, tháp chuông và ngôi làng. Xa xa, Naples lóng lánh trắng bóng dưới ánh nắng cuối cùng của mặt trời, và sắc hồng của chân trời hòa quyện vào xanh da trời của vịnh tuyệt vời của cô ấy. Còn xa hơn, và ở một phần khác của tầm nhìn, có thể nhìn thấy, mờ nhạt và bóng bẩy, và được ủng hộ bởi

những bóng cây tối nhất, những cột đổ nát của Posidonia cổ xưa. Ở đó, giữa những vùng đất đen và cằn cỗi của mình, đứng lên ngọn núi Địa Ngục u ám; trong khi ở phía bên kia, uốn cong qua những thảo nguyên đa dạng, mà ở đó khoảng cách đã mượt mà đầy ma thuật, lấp lánh nhiều dòng suối mà người Etruscan và Sybarite, La Mã và Saracen và Norman đã, theo chu kỳ của thời đại, dựng lều xâm lược. Tất cả những ảo tưởng của quá khứ —những câu chuyện hỗn loạn và rực rỡ của miền Nam Ý—đổ dồn vào tâm hồn của nghệ sĩ khi anh nhìn xuống dưới. Và sau đó, từ từ quay lại nhìn phía sau, anh nhìn thấy những bức tường xám và mục nát của lâu đài mà anh tìm kiếm những bí mật mà sẽ mang lại cho hy vọng trong tương lai một đế chế mạnh mẽ hơn cái mà ký ức sở hữu trong quá khứ. Đó là một trong những pháo đài quý tộc mà Ý đã trải rải trong thời kỳ trung cổ sớm, có rất ít nét đẹp hoặc vĩ đại kiến trúc Gothic mà thuộc về cùng thời gian nhưng lại thô lỗ, to lớn, và đe dọa, ngay cả khi suy tàn. Một cây cầu gỗ được ném qua vực, đủ rộng để cho hai người cưỡi ngựa song song; và những tấm ván rung lên và phản lại âm thanh hốc hác khi Glyndon thúc ngựa mệt mỏi của mình qua. Một con đường mà trước đây đã rộng và được lát bằng những viên đá thô, nhưng bây giờ đã bị phủ mờ một phần bởi cỏ dài và cỏ dại, dẫn đến sân n

With these words Mejnour turned to lighter topics. He made the Englishman accompany him in long rambles through the wild scenes around, and he smiled approvingly when the young artist gave way to the enthusiasm which their fearful beauty could not have failed to rouse in a duller breast; and then Mejnour poured forth to his wondering pupil the stores of a knowledge that seemed inexhaustible and boundless. He gave accounts the most curious, graphic, and minute of the various races (their characters, habits, creeds, and manners) by which that fair land had been successively overrun. It is true that his descriptions could not be found in books, and were unsupported by learned authorities; but he possessed the true charm of the tale-teller, and spoke of all with the animated

confidence of a personal witness. Sometimes, too, he would converse upon the more durable and the loftier mysteries of Nature with an eloquence and a research which invested them with all the colours rather of poetry than science. Insensibly the young artist found himself elevated and soothed by the lore of his companion; the fever of his wild desires was slaked. His mind became more and more lulled into the divine tranquillity of contemplation; he felt himself a nobler being, and in the silence of his senses he imagined that he heard the voice of his soul.

Với những lời này, Mejnour chuyển sang các chủ đề nhẹ nhàng hơn. Anh đã buộc người Anh đi dạo dài qua những cảnh đẹp hoang dã xung quanh, và anh mỉm cười phê phán khi người nghệ sĩ trẻ đắm chìm trong sự hăng hái mà vẻ đẹp đáng sợ của họ không thể không kích thích trong một ngực không sôi nổi; và sau đó, Mejnour đổ ra học trò ngưỡng mộ của mình những kiến thức dường như không thể cạn kiệt và bao la. Anh ta đưa ra những tài liệu tò mò, sinh động và tỉ mỉ nhất về các chủng tộc khác nhau (tính cách, thói quen, tín ngưỡng và phong tục) mà vùng đất đẹp đẽ đó đã liên tiếp bị xâm chiếm. Đúng là mô tả của anh ta không thể tìm thấy trong sách vở, và không được ủng hộ bởi các cơ quan học thuật; nhưng anh ta sở hữu sức hấp dẫn thật sự của những người kể chuyện, và nói về tất cả với sự tự tin sống động của một nhân chứng cá nhân. Đôi khi, anh ta cũng trò chuyện về những điều bền vững và cao quý hơn của Tự Nhiên với một lời diễn thuyết và một sự nghiên cứu mà biến chúng thành tất cả những màu sắc hơn là thơ ca hay khoa học. Dần dần, người nghệ sĩ trẻ cảm thấy mình được nâng cao và an ủi bởi kiến thức của người bạn đồng hành; cơn sốt của những ham muốn hoang dã của anh dần dần được dập tắt. Tâm trí của anh trở nên lắng đọng hơn và lắng nghe vào sự yên bình thiêng liêng của sự suy ngẫm; anh cảm thấy mình là một sinh vật cao quý hơn, và trong im lặng của giác quan, anh tưởng tượng rằng mình nghe thấy giọng nói của linh hồn mình.

It was to this state that Mejnour evidently sought to bring the neophyte, and in this elementary initiation the mystic was like every more ordinary sage. For he who seeks to DISCOVER must first reduce himself into a kind of abstract idealism, and be rendered up, in solemn and sweet bondage, to the faculties which CONTEMPLATE and IMAGINE.

Đã rõ rằng Mejnour đang cố gắng đưa tân đồ đến trạng thái này, và trong nghi lễ nhập môn này, người huyền bí giống như mọi nhà hiền tri thông thường. Vì người tìm kiếm để KHÁM PHÁ phải trước tiên tự giảm bản thân mình thành một loại duy tâm trừu tượng, và được trao, trong trạng thái nô lệ trang nghiêm và ngọt ngào, cho những khả năng mà NGẪM và TƯỞNG TƯỞNG.

Glyndon noticed that, in their rambles, Mejnour often paused, where the foliage was rifest, to gather some herb or flower; and this reminded him that he had seen Zanoni similarly occupied. “Can these humble children of Nature,” said he one day to Mejnour,—“things that bloom and wither in a day, be serviceable to the science of the higher secrets? Is there a pharmacy for the soul as well as the body, and do the nurslings of the summer minister not only to human health but spiritual immortality?”

Glyndon nhận thấy rằng, trong những cuộc đi dạo của họ, Mejnour thường dừng lại ở những nơi lá cây phong phú nhất để hái một số loại thảo mộc hoặc hoa; và điều này làm anh nhớ rằng anh đã thấy Zanoni cũng đang làm tương tự. "Những đứa con khiêm nhường của Tự Nhiên này," anh nói một ngày với Mejnour, "những thứ nảy mầm và tàn úa trong một ngày, có thể hữu ích cho khoa học của những bí mật cao cả không? Có một nhà thuốc cho tâm hồn cũng như cơ thể, và những đứa trẻ của mùa hè không chỉ phục vụ cho sức khỏe con người mà còn cho bất tử tinh thần?"

"If," answered Mejnour, "a stranger had visited a wandering tribe before one property of herbalism was known to them; if he had told the savages that the herbs which every day they trampled under foot were endowed with the most potent virtues; that one would restore to health a brother on the verge of death; that another would paralyse into idiocy their wisest sage; that a third would strike lifeless to the dust their most stalwart champion; that tears and laughter, vigour and disease, madness and reason, wakefulness and sleep, existence and dissolution, were coiled up in those unregarded leaves,—would they not have held him a sorcerer or a liar? To half the virtues of the vegetable world mankind are yet in the darkness of the savages I have supposed. There are faculties within us with which certain herbs have affinity, and over which they have power. The moly of the ancients is not all a fable."

"Nếu," Mejnour trả lời, "một người lạ đã thăm một bộ tộc lang thang trước khi họ biết một tính chất của dược thảo; nếu anh ta đã nói với bọn hung dữ rằng những loại thảo mộc mà họ hằng ngày đạp dưới chân đều được trao cho những đức tính mạnh mẽ nhất; rằng một loại sẽ phục hồi sức khỏe cho một người anh trên bờ vực của cái chết; rằng một loại khác sẽ làm cho người thầy tài năng nhất của họ bị tê liệt thành ngốc; rằng một loại thứ ba sẽ khiến người chiến binh mạnh mẽ nhất của họ trở nên như chết lặng trên đất; rằng nước mắt và tiếng cười, sức mạnh và bệnh tật, điên rồ và lý trí, thức tỉnh và giấc ngủ, sự tồn tại và tan rã, đều cuộn tròn trong những chiếc lá không được chú ý ấy, liệu họ có không coi anh ta như một phù thủy hay một kẻ nói dối không? Đến một nửa số đức tính của thế giới thực vật, loài người vẫn còn trong bóng tối của bọn hung dữ mà tôi đã giả định. Có những khả năng trong chúng ta mà một số loại thảo mộc có sự thích hợp, và có quyền lực trên chúng. Moly của cổ đại không hoàn toàn là một truyền thuyết."

The apparent character of Mejnour differed in much from that of Zanoni; and while it fascinated Glyndon less, it subdued and

impressed him more. The conversation of Zanoni evinced a deep and general interest for mankind,—a feeling approaching to enthusiasm for art and beauty. The stories circulated concerning his habits elevated the mystery of his life by actions of charity and beneficence. And in all this there was something genial and humane that softened the awe he created, and tended, perhaps, to raise suspicions as to the loftier secrets that he arrogated to himself. But Mejnour seemed wholly indifferent to all the actual world. If he committed no evil, he seemed equally apathetic to good. His deeds relieved no want, his words pitied no distress. What we call the heart appeared to have merged into the intellect. He moved, thought, and lived like some regular and calm abstraction, rather than one who yet retained, with the form, the feelings and sympathies of his kind.

Tính cách rõ ràng của Mejnour khác biệt nhiều so với của Zanoni; và trong khi nó quyến rũ Glyndon ít hơn, nó làm anh dịu dàng và ấn tượng hơn. Cuộc trò chuyện của Zanoni cho thấy một sự quan tâm sâu sắc và tổng quát đối với loài người, một cảm giác tiếp cận với niềm đam mê với nghệ thuật và vẻ đẹp. Những câu chuyện lan truyền về thói quen của anh ta nâng cao sự bí ẩn của cuộc sống của mình bằng những hành động từ thiện và ân từ. Và trong tất cả những điều này có điều gì đó ấm áp và nhân từ làm dịu đi sự sợ hãi mà anh ta tạo ra, và có thể làm nảy sinh nghi ngờ về những bí mật cao cả mà anh ta tự cho mình. Nhưng Mejnour dường như hoàn toàn thờ ơ với thế giới thực tế. Nếu anh ta không gây hại, anh ta dường như cũng không quan tâm đến điều tốt lành. Hành động của anh không giúp giải quyết vấn đề nào, lời nói của anh không thương xót cho nỗi đau. Điều chúng ta gọi là trái tim đã hòa quyện vào trí tuệ. Anh ta di chuyển, suy nghĩ và sống như một sự trừu tượng thường lệ và bình tĩnh, chứ không phải như một người vẫn giữ lại, cùng với hình dạng, những cảm xúc và sự đồng cảm của loài người.

Glyndon once, observing the tone of supreme indifference with which he spoke of those changes on the face of earth which he asserted he had witnessed, ventured to remark to him the distinction he had noted. “It is true,” said Mejnour, coldly. “My life is the life that contemplates,—Zanoni’s is the life that enjoys: when I gather the herb, I think but of its uses; Zanoni will pause to admire its beauties.” “And you deem your own the superior and the loftier existence?” “No. His is the existence of youth,—mine of age. We have cultivated different faculties. Each has powers the other cannot aspire to. Those with whom he associates live better,—those who associate with me know more.” “I have heard, in truth,” said Glyndon, “that his companions at Naples were observed to lead purer and nobler lives after intercourse with Zanoni; yet were they not strange companions, at the best, for a sage? This terrible power, too, that he exercises at will, as in the death of the Prince di —, and that of the Count Ughelli, scarcely becomes the tranquil seeker after good.” “True,” said Mejnour, with an icy smile; “such must ever be the error of those philosophers who would meddle with the active life of mankind. You cannot serve some without injuring others; you cannot protect the good without warring on the bad; and if you desire to reform the faulty, why, you must lower yourself to live with the faulty to know their faults. Even so saith Paracelsus, a great man, though often wrong. [‘It is as necessary to know evil things as good; for who can know what is good without the knowing what is evil?’ etc.—Paracelsus, ‘De Nat. Rer.,’ lib. 3.) Not mine this folly; I live but in knowledge,—I have no life in mankind!”

Một lần, khi Glyndon quan sát thái độ thờ ơ tuyệt vời với mà anh ta nói về những sự thay đổi trên bề mặt trái đất mà anh ta khẳng định mình đã chứng kiến, đã dám nhận xét với anh ta về sự phân biệt mà anh ta đã chú ý. "Đúng," Mejnour nói lạnh lùng. "Cuộc sống của tôi là cuộc sống của người suy tư - cuộc sống của Zanoni là cuộc sống của người thưởng thức: khi tôi hái thảo mộc, tôi chỉ nghĩ đến công dụng của nó; Zanoni sẽ dừng lại để

ngắm những vẻ đẹp của nó." "Và anh coi cuộc sống của mình là cuộc sống cao cả và cao cả hơn?" "Không. Cuộc sống của anh ta là cuộc sống của tuổi trẻ, cuộc sống của tôi là cuộc sống của tuổi già. Chúng ta đã trồng trọt những năng lực khác nhau. Mỗi người có sức mạnh mà người kia không thể hoài nghi. Những người mà anh ta giao tiếp sống tốt hơn, những người giao tiếp với tôi biết nhiều hơn." "Thực sự, tôi đã nghe," Glyndon nói, "rằng những người bạn của anh ta tại Naples được quan sát sống một cuộc sống trong sạch và cao quý hơn sau khi tiếp xúc với Zanoni; nhưng họ không phải là những người bạn lạ lùng, tốt nhất, cho một nhà hiền tri? Quyền lực kinh khủng này, nữa, mà an

“Your ancestor attained that secret; he died rather than survive the only thing he loved. We have, my pupil, no arts by which we CAN PUT DEATH OUT OF OUR OPTION, or out of the will of Heaven. These walls may crush me as I stand. All that we profess to do is but this,—to find out the secrets of the human frame; to know why the parts ossify and the blood stagnates, and to apply continual preventives to the effects of time. This is not magic; it is the art of medicine rightly understood. In our order we hold most noble,—first, that knowledge which elevates the intellect; secondly, that which preserves the body. But the mere art (extracted from the juices and simples) which recruits the animal vigour and arrests the progress of decay, or that more noble secret, which I will only hint to thee at present, by which HEAT, or CALORIC, as ye call it, being, as Heraclitus wisely taught, the primordial principle of life, can be made its perpetual renovater,—these I say, would not suffice for safety. It is ours also to disarm and elude the wrath of men, to turn the swords of our foes against each other, to glide (if not incorporeal) invisible to eyes over which we can throw a mist and darkness. And this some seers have professed to be the virtue of a stone of agate. Abaris placed it in his arrow. I will find you an herb in yon valley that will give a surer charm than the agate and the arrow. In one word, know this, that the

humblest and meanest products of Nature are those from which the sublimest properties are to be drawn."

"Tổ tiên của bạn đã đạt được bí mật đó; ông ta đã chết thà chết còn hơn sống sót mà mất đi món duy nhất mà ông ta yêu thương. Chúng tôi, học trò ơi, không có bất kỳ kỹ năng nào mà chúng tôi CÓ THỂ ĐẶT SỰ CHẾT KHỎI LỰA CHỌN CỦA CHÚNG TÔI, hoặc khỏi ý muốn của trời. Những bức tường này có thể làm nát tôi khi tôi đứng đấy. Tất cả chúng tôi tuyên bố làm chỉ là điều này,—tìm hiểu bí mật của cấu trúc cơ thể con người; biết tại sao các phần cơ thể xương cứng và máu đọng, và áp dụng biện pháp ngăn ngừa liên tục cho tác động của thời gian. Điều này không phải là ma thuật; đó là nghệ thuật y học hiểu đúng. Trong tổ chức của chúng tôi, chúng tôi coi trọng nhất,—đầu tiên, là kiến thức nâng cao trí tuệ; thứ hai, là kiến thức bảo vệ cơ thể. Nhưng nghệ thuật đơn thuần (trích từ các nước hoa và thảo dược) làm tăng sức mạnh hữu cơ và ngăn chặn sự suy giảm, hoặc bí mật còn cao quý hơn, mà tôi chỉ gợi ý cho bạn vào lúc này, bằng cách mà NHIỆT ĐỘ, hay CALORIC, như bạn gọi nó, theo như Heraclitus đã khôn ngoan dạy, là nguyên tắc nguyên thủy của cuộc sống, có thể trở thành nguồn tái tạo vĩnh cửu của nó,—những điều này tôi nói, sẽ không đủ cho sự an toàn. Chúng tôi cũng giải quyết và né tránh sự tức giận của con người, biến thanh kiếm của kẻ thù chống lại nhau, trượt (nếu không phải là vô hình) không thể nhìn thấy qua mắt mà chúng ta có thể tạo sương mù và bóng tối. Và điều này một số nhà nhìn thấy đã tuyên bố là phẩm chất của một viên đá thạch anh. Abaris đặt nó vào mũi tên của mình. Tôi sẽ tìm cho bạn một loại thảo dược trong thung lũng kia sẽ mang lại một lời nguyền chắc chắn hơn cả thạch anh và mũi tên. Một lời, hãy biết rằng, những sản phẩm khiêm nhường và tầm thường nhất của Tự Nhiên là những thứ mà ta có thể rút ra những thuộc tính cao quý nhất."

"But," said Glyndon, "if possessed of these great secrets, why so churlish in withholding their diffusion? Does not the false or charlatanic science differ in this from the true and indisputable,

—that the last communicates to the world the process by which it attains its discoveries; the first boasts of marvellous results, and refuses to explain the causes?"

"Nhưng," Glyndon nói, "nếu sở hữu những bí mật lớn này, tại sao lại cứng nhắc trong việc không chia sẻ chúng? Liệu khoa học giả dối hoặc lừa đảo có khác biệt với sự thật và không thể bàn cãi không,—rằng cái cuối cùng truyền đạt cho thế giới quá trình mà nó đạt được những phát hiện của mình; cái đầu tiên tự hào về kết quả kỳ diệu, và từ chối giải thích nguyên nhân?"

"Well said, O Logician of the Schools; but think again. Suppose we were to impart all our knowledge to all mankind indiscriminately,—alike to the vicious and the virtuous,—should we be benefactors or scourges? Imagine the tyrant, the sensualist, the evil and corrupted being possessed of these tremendous powers; would he not be a demon let loose on earth? Grant that the same privilege be accorded also to the good; and in what state would be society? Engaged in a Titan war,—the good forever on the defensive, the bad forever in assault. In the present condition of the earth, evil is a more active principle than good, and the evil would prevail. It is for these reasons that we are not only solemnly bound to administer our lore only to those who will not misuse and pervert it, but that we place our ordeal in tests that purify the passions and elevate the desires. And Nature in this controls and assists us: for it places awful guardians and insurmountable barriers between the ambition of vice and the heaven of the loftier science."

"Nói hay quá, O Triết gia của các trường học; nhưng hãy suy nghĩ lại. Giả sử chúng ta truyền bá toàn bộ kiến thức của chúng ta cho tất cả mọi người mà không phân biệt,—dù là người xấu hay người tốt,—chúng ta có là những người làm việc thiện hay là những kẻ tàn phá không? Hãy tưởng tượng kẻ bạo chúa, kẻ thèm dâm, người xấu xa và bị hủy hoại sở hữu những quyền lực

khủng khiếp này; liệu họ có phải là một ác quỷ được thả tự do trên trái đất không? Hãy giả định rằng đặc quyền tương tự cũng được ban cho người tốt; và xã hội sẽ ở trong tình trạng như thế nào? Đang tham gia vào cuộc chiến khổng lồ,—người tốt luôn phải phòng thủ, kẻ xấu luôn tấn công. Trong tình trạng hiện tại của trái đất, ác là nguyên tắc hoạt động mạnh mẽ hơn là tốt, và ác sẽ chiến thắng. Chính vì những lý do này mà chúng tôi không chỉ bị ràng buộc nghiêm trọng để truyền bá kiến thức của mình chỉ cho những người sẽ không lạm dụng và biến tình, mà chúng tôi còn đặt thử thách của mình trong các bài kiểm tra làm sạch những cảm xúc và nâng cao những khao khát. Và Tự Nhiên trong điều này kiểm soát và hỗ trợ chúng tôi: vì nó đặt những người bảo vệ đáng sợ và những rào cản không thể vượt qua giữa lòng tham vọng của tội lỗi và thiên đàng của khoa học cao cả hơn."

Such made a small part of the numerous conversations Mejnour held with his pupil,—conversations that, while they appeared to address themselves to the reason, inflamed yet more the fancy. It was the very disclaiming of all powers which Nature, properly investigated, did not suffice to create, that gave an air of probability to those which Mejnour asserted Nature might bestow.

Đó chỉ là một phần nhỏ trong số nhiều cuộc trò chuyện Mejnour đã có với học trò của mình,—những cuộc trò chuyện mà, trong khi chúng có vẻ như hướng đến lý trí, lại kích thích thêm trí tưởng tượng. Chính việc bác bỏ tất cả những quyền lực mà Tự Nhiên, nếu được nghiên cứu đúng cách, không đủ sức tạo ra, đã tạo ra một bầu không khí của khả năng cho những điều mà Mejnour khẳng định Tự Nhiên có thể ban cho.

Thus days and weeks rolled on; and the mind of Glyndon, gradually fitted to this sequestered and musing life, forgot at last the vanities and chimeras of the world without.

Và như vậy, ngày tháng trôi đi; và tâm trí của Glyndon, dần dần thích hợp với cuộc sống tách biệt và suy tư này, cuối cùng quên hết những hư không và ảo tưởng của thế giới bên ngoài.

One evening he had lingered alone and late upon the ramparts, watching the stars as, one by one, they broke upon the twilight. Never had he felt so sensibly the mighty power of the heavens and the earth upon man; how much the springs of our intellectual being are moved and acted upon by the solemn influences of Nature. As a patient on whom, slowly and by degrees, the agencies of mesmerism are brought to bear, he acknowledged to his heart the growing force of that vast and universal magnetism which is the life of creation, and binds the atom to the whole. A strange and ineffable consciousness of power, of the SOMETHING GREAT within the perishable clay, appealed to feelings at once dim and glorious,—like the faint recognitions of a holier and former being. An impulse, that he could not resist, led him to seek the mystic. He would demand, that hour, his initiation into the worlds beyond our world,—he was prepared to breathe a diviner air. He entered the castle, and strode the shadowy and starlit gallery which conducted to Mejnour's apartment.

Một buổi tối, anh đã lưu lại một mình và muộn trên thành lũy, nhìn những ngôi sao khi, từng cái một, chúng bắt đầu xuất hiện trong hoàng hôn. Chưa bao giờ anh cảm thấy mạnh mẽ như vậy sức mạnh to lớn của bầu trời và đất đai đối với con người; bao nhiêu mà những nguồn cảm xúc trí tuệ của chúng ta bị di chuyển và tác động bởi những ảnh hưởng trang trọng của Tự Nhiên. Như một bệnh nhân trên đó, từ từ và theo từng bước, những hiệu ứng của huyền thuyết được áp đặt lên anh, anh thừa nhận với trái tim mình sức mạnh ngày càng tăng của từ trường toàn cầu to lớn và vô hạn đó, mà là sự sống của sự sáng tạo, và liên kết nguyên tử với toàn bộ. Một ý thức sức mạnh lạ lùng và không thể diễn tả, về CÁI GÌ ĐÓ LỚN LAO bên trong cơ thể phế phẩm, kêu gọi đến những cảm xúc đồng thời mờ nhạt

và lộng lẫy,—như những sự nhận biết lờ mờ của một sự tồn tại cao quý và trước kia. Một xúc động, mà anh không thể chống lại, dẫn anh tìm kiếm nhà thần bí. Anh sẽ đòi hỏi, trong giờ đó, được khởi đầu vào những thế giới vượt ra ngoài thế giới của chúng ta, —anh đã sẵn sàng thở không khí thiêng liêng hơn. Anh bước vào lâu đài, và đi dọc theo hành lang bóng tối và đầy sao chói sáng dẫn đến phòng của Mejnour.

CHAPTER 4.III. Man is the eye of things.—Euryph, “de Vit. Hum.”

CHƯƠNG 4.III. Người đó là con mắt của các vật.—Euryph, “de Vit. Hum.”

...There is, therefore, a certain ecstatical or transporting power, which, if at any time it shall be excited or stirred up by an ardent desire and most strong imagination, is able to conduct the spirit of the more outward even to some absent and far-distant object.—Von Helmont.

...Do đó, có một sức mạnh mê hoặc hoặc truyền tải nhất định, nếu bất cứ khi nào nó được kích thích hoặc khuấy động bởi một mong muốn mãnh liệt và trí tưởng tượng mạnh mẽ nhất, có thể dẫn hồn của người ngoài hơn đến một vật thể vắng mặt và xa xôi.—Von Helmont.

The rooms that Mejnour occupied consisted of two chambers communicating with each other, and a third in which he slept. All these rooms were placed in the huge square tower that beetled over the dark and bush-grown precipice. The first chamber which Glyndon entered was empty. With a noiseless step he passed on, and opened the door that admitted into the inner one. He drew back at the threshold, overpowered by a strong fragrance which filled the chamber: a kind of mist thickened the air rather than obscured it, for this vapour was not dark, but resembled a snow-cloud moving slowly, and in heavy undulations, wave upon wave regularly over the space. A mortal cold struck to the Englishman’s heart, and his blood froze. He stood rooted to the spot; and as his eyes strained involuntarily through the vapour, he fancied (for he could not be sure that it was not the trick of his imagination) that he saw dim, spectre-like, but gigantic forms floating through the mist; or was it not rather the mist itself that formed its vapours

fantastically into those moving, impalpable, and bodiless apparitions? A great painter of antiquity is said, in a picture of Hades, to have represented the monsters that glide through the ghostly River of the Dead, so artfully, that the eye perceived at once that the river itself was but a spectre, and the bloodless things that tenanted it had no life, their forms blending with the dead waters till, as the eye continued to gaze, it ceased to discern them from the preternatural element they were supposed to inhabit. Such were the moving outlines that coiled and floated through the mist; but before Glyndon had even drawn breath in this atmosphere—for his life itself seemed arrested or changed into a kind of horrid trance—he felt his hand seized, and he was led from that room into the outer one. He heard the door close,—his blood rushed again through his veins, and he saw Mejnour by his side. Strong convulsions then suddenly seized his whole frame,—he fell to the ground insensible. When he recovered, he found himself in the open air in a rude balcony of stone that jutted from the chamber, the stars shining serenely over the dark abyss below, and resting calmly upon the face of the mystic, who stood beside him with folded arms.

Các phòng mà Mejnour sử dụng bao gồm hai phòng liên thông với nhau, và một phòng thứ ba mà anh ta ngủ. Tất cả các phòng này được đặt trong tháp vuông khổng lồ vươn lên trên vách đá tối và mọc cây bụi dày. Phòng đầu tiên mà Glyndon bước vào trống trơn. Với một bước chân không tiếng động, anh ta tiếp tục và mở cánh cửa dẫn vào phòng bên trong. Anh ta rút lại ở ngưỡng cửa, choáng ngợp bởi một hương thơm mạnh mẽ lấp đầy căn phòng: một loại hơi đặc làm dày không khí hơn là làm mờ nó, vì hơi này không tối, mà giống như một đám mây tuyết di chuyển chậm rãi, và trong những đợt sóng dày đặc, từng đợt sóng điều đều qua không gian. Một cảm lạnh chết người đâm vào tim người Anh, và máu cứng lại. Anh ta đứng cố định ở chỗ; và khi ánh mắt của anh ta căng thẳng qua hơi, anh ta tưởng rằng (vì anh ta không chắc chắn rằng đó không phải là trò ảo

tưởng của anh) anh thấy hình dáng mờ, ma quỷ, nhưng khổng lồ đang lơ lửng qua sương mù; hay có phải đó không phải là sương mù chính nó tạo hình dạng sương mù của nó một cách ảo diệu thành những hiện thân di chuyển, không thể chạm vào? Một họa sĩ vĩ đại trong thời cổ đại được nói là, trong một bức tranh của Hades, đã miêu tả những quái vật lướt qua con sông ma quái của những người đã chết, một cách tinh tế, sao cho mắt có thể ngay lập tức nhận ra rằng con sông chính là một hồn ma, và những thứ không máu mà ở trong đó không có cuộc sống, hình thể của họ hòa quyện với nước chết cho đến khi, khi mắt tiếp tục nhìn, mắt ngừng phân biệt chúng từ yếu tố siêu tự nhiên mà họ được cho là ẩn cư. Đó là những đường nét di chuyển xoắn và lơ lửng qua sương mù; nhưng trước khi Glyndon đã thở vào không khí này—vì cuộc sống của anh ta dường như bị dừng hoặc biến đổi thành một loại hôn mê ghê rợn—anh ta cảm thấy bàn tay của mình bị nắm và anh ta được dẫn ra khỏi căn phòng đó vào phòng ngoài. Anh nghe thấy cánh cửa đóng lại,—máu chảy lại xuyên qua tĩnh mạch, và anh thấy Mejnour bên cạnh anh ta. Rối loạn mạnh mẽ bất ngờ sau đó bỗng dưng tấn công toàn bộ cơ thể anh ta,—anh ta ngã xuống đất không tỉnh táo. Khi anh ta tỉnh lại, anh ta thấy mình ở ngoài trời trên một ban công đá thô nhô ra từ căn phòng, những ngôi sao tỏa sáng thanh bình trên hố sâu tối dưới đất, và nghỉ ngơ trên khuôn mặt của người thần bí, người đứng bên cạnh anh với hai tay gấp.

“And yet,” she continued, “I am now assured of what I at first believed,—that the feelings which attracted me towards thee at first were not those of love. I know THAT, by comparing the present with the past,—it was a sentiment then wholly of the mind or the spirit! I could not hear thee now say, ‘Viola, be happy with another!’”

"Và tuy nhiên," cô tiếp tục, "Tôi hiện đã chắc chắn về điều tôi ban đầu tin,—rằng những cảm xúc đã hấp dẫn tôi đến với anh từ đầu không phải là của tình yêu. Tôi biết ĐIỀU ĐÓ, bằng cách so

sánh hiện tại với quá khứ,—đó là một cảm xúc hoàn toàn của tâm trí hoặc tinh thần! Tôi không thể nghe anh bây giờ nói, 'Viola, hãy hạnh phúc với người khác!'"

“And I could not now tell thee so! Ah, Viola, never be weary of assuring me that thou art happy!”

"Và tôi không thể nói với anh được! À, Viola, đừng bao giờ mệt mỏi trong việc đảm bảo rằng anh hạnh phúc!"

“Happy while thou art so. Yet at times, Zanoni, thou art so sad!”

"Hạnh phúc khi anh hạnh phúc. Nhưng đôi khi, Zanoni, anh lại buồn thế!"

“Because human life is so short; because we must part at last; because yon moon shines on when the nightingale sings to it no more! A little while, and thine eyes will grow dim, and thy beauty haggard, and these locks that I toy with now will be grey and loveless.”

"Bởi vì cuộc sống con người ngắn ngủi; bởi vì chúng ta cuối cùng phải chia tay; bởi vì ánh trăng kia vẫn chiếu sáng khi con sáo không còn hót! Một lúc nữa, và đôi mắt của anh sẽ trở mờ, vẻ đẹp của anh sẽ kiệt quệ, và những sợi tóc mà tôi đang đùa giỡn với bây giờ sẽ xám và không còn yêu thương nữa."

“And thou, cruel one!” said Viola, touchingly, “I shall never see the signs of age in thee! But shall we not grow old together, and our eyes be accustomed to a change which the heart shall not share!”

"Và anh, người tàn nhẫn!" Viola nói, cảm động, "Tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy dấu hiệu của tuổi tác trên anh! Nhưng liệu chúng ta có thể già đi cùng nhau không, và đôi mắt của chúng ta sẽ quen với sự thay đổi mà trái tim không chia sẻ!"

Zanoni sighed. He turned away, and seemed to commune with himself.

Zanoni thở dài. Anh quay đi, và dường như đang trò chuyện với chính mình.

Glyndon’s attention grew yet more earnest.

Sự chú ý của Glyndon trở nên nghiêm túc hơn.

“But were it so,” muttered Zanoni; and then looking steadfastly at Viola, he said, with a half-smile, “Hast thou no curiosity to learn more of the lover thou once couldst believe the agent of the Evil One?”

"Nhưng nếu thế mà," Zanoni thì thầm, và sau đó nhìn chăm chú vào Viola, anh nói, với một nửa nụ cười, "Anh có tò mò muốn biết thêm về người tình mà anh từng tin là đại diện của Ác Quỷ không?"

“None; all that one wishes to know of the beloved one, I know—THAT THOU LOVEST ME!”

"Không; tất cả những gì người muốn biết về người yêu, tôi biết—RẰNG ANH YÊU TÔI!"

“I have told thee that my life is apart from others. Wouldst thou not seek to share it?”

"Tôi đã nói với anh rằng cuộc sống của tôi không giống như người khác. Anh có muốn chia sẻ không?"

“I share it now!”

"Tôi chia sẻ nó ngay bây giờ!"

“But were it possible to be thus young and fair forever, till the world blazes round us as one funeral pyre!”

"Nhưng nếu có thể mãi mãi trẻ và xinh đẹp như vậy, cho đến khi thế giới bốc cháy xung quanh chúng ta như một lễ hỏa táng!"

“We shall be so, when we leave the world!”

"Chúng ta sẽ như vậy, khi chúng ta rời khỏi thế giới này!"

Zanoni was mute for some moments, and at length he said,—

Zanoni im lặng một lúc, và cuối cùng anh nói,—

“Canst thou recall those brilliant and aerial dreams which once visited thee, when thou didst fancy that thou wert preordained to some fate aloof and afar from the common children of the earth?”

"Anh có thể nhớ những giấc mơ sáng lạn và huyền diệu mà từng ghé thăm anh, khi anh tưởng tượng rằng anh đã được định trước cho một số phận xa lạ và xa cách hơn so với những đứa trẻ thông thường trên trái đất?"

“Zanoni, the fate is found.”

"Zanoni, số phận đã được tìm thấy."

“And hast thou no terror of the future?”

"Và anh không sợ hãi về tương lai sao?"

“The future! I forget it! Time past and present and to come reposes in thy smile. Ah, Zanoni, play not with the foolish credulities of my youth! I have been better and humbler since thy presence has dispelled the mist of the air. The future!—well, when I have cause to dread it, I will look up to heaven, and remember who guides our fate!”

"Tương lai! Tôi quên nó! Thời gian đã qua và hiện tại và sắp tới nằm trong nụ cười của anh. À, Zanoni, đừng đùa với những

niềm tin ngớ ngẩn của tuổi trẻ của tôi! Tôi đã trở nên tốt hơn và khiêm tốn hơn kể từ khi sự hiện diện của anh đã xua tan sương mù của không khí. Tương lai!—vâng, khi tôi có lý do phải sợ hãi, tôi sẽ nhìn lên trời, và nhớ ai hướng dẫn số phận của chúng ta!"

As she lifted her eyes above, a dark cloud swept suddenly over the scene. It wrapped the orange-trees, the azure ocean, the dense sands; but still the last images that it veiled from the charmed eyes of Glyndon were the forms of Viola and Zanoni. The face of the one rapt, serene, and radiant; the face of the other, dark, thoughtful, and locked in more than its usual rigidness of melancholy beauty and profound repose.

Khi cô nhìn lên trên, một đám mây tối đen bất ngờ cuốn qua cảnh tượng. Nó bao phủ lấy các cây cam, đại dương xanh ngắt, cát dày; nhưng vẫn những hình ảnh cuối cùng mà nó che giấu khỏi những ánh mắt quyến rũ của Glyndon là hình dạng của Viola và Zanoni. Khuôn mặt của một người hồn nhiên, thanh thản, và rạng rỡ; khuôn mặt của người kia, u ám, suy tư, và khép kín hơn so với sự cứng nhắc thông thường của vẻ đẹp u sầu và sự yên bình sâu sắc.

“Rouse thyself,” said Mejnour; “thy ordeal has commenced! There are pretenders to the solemn science who could have shown thee the absent, and prated to thee, in their charlatanic jargon, of the secret electricities and the magnetic fluid of whose true properties they know but the germs and elements. I will lend thee the books of those glorious dupes, and thou wilt find, in the dark ages, how many erring steps have stumbled upon the threshold of the mighty learning, and fancied they had pierced the temple. Hermes and Albert and Paracelsus, I knew ye all; but, noble as ye were, ye were fated to be deceived. Ye had not souls of faith, and daring fitted for the destinies at which ye aimed! Yet Paracelsus—modest Paracelsus—had an arrogance that soared higher than all our knowledge. Ho, ho!—he thought he could make a race of men from chemistry; he

arrogated to himself the Divine gift,—the breath of life. (Paracelsus, 'De Nat. Rer.,' lib. i.) "He would have made men, and, after all, confessed that they could be but pygmies! My art is to make men above mankind. But you are impatient of my digressions. Forgive me. All these men (they were great dreamers, as you desire to be) were intimate friends of mine. But they are dead and rotten. They talked of spirits,—but they dreaded to be in other company than that of men. Like orators whom I have heard, when I stood by the Pnyx of Athens, blazing with words like comets in the assembly, and extinguishing their ardour like holiday rockets when they were in the field. Ho, ho! Demosthenes, my hero-coward, how nimble were thy heels at Chaeronea! And thou art impatient still! Boy, I could tell thee such truths of the past as would make thee the luminary of schools. But thou lustest only for the shadows of the future. Thou shalt have thy wish. But the mind must be first exercised and trained. Go to thy room, and sleep; fast austerely, read no books; meditate, imagine, dream, bewilder thyself if thou wilt. Thought shapes out its own chaos at last. Before midnight, seek me again!"

"Hãy tỉnh giấc," Mejnour nói; "thử thách của anh đã bắt đầu! Có những kẻ giả mạo trong khoa học trang trọng đã có thể chỉ cho anh những điều vắng mặt, và nói dối anh, bằng ngôn ngữ lừa dối của họ, về những điện tích bí mật và chất lỏng từ tính mà họ chỉ biết về những phôi thai và nguyên tố của chúng. Tôi sẽ cho anh mượn những cuốn sách của những kẻ lừa dối tuyệt vời đó, và anh sẽ thấy, trong thời kỳ tối tăm đó, có bao nhiêu bước nhầm lẫn đã vấp ngã trên ngưỡng cửa của kiến thức mạnh mẽ, và tưởng rằng họ đã xâm nhập vào đền thờ. Hermes và Albert và Paracelsus, tôi biết tất cả các người; nhưng, cao quý như anh đã từng, anh đã định mệnh bị lừa dối. Anh không có linh hồn đức tin, và lòng gan dũng cảm phù hợp với những số phận mà anh nhắm đến! Nhưng Paracelsus—Paracelsus khiêm tốn—có một sự kiêu ngạo bay cao hơn tất cả kiến thức của chúng ta. Ha, ha! —anh nghĩ rằng anh có thể tạo ra một dòng người từ hóa học;

anh tự cho mình món quà Thiên Chúa,—hơi thở của cuộc sống. (Paracelsus, 'De Nat. Rer.,' lib. i.) Anh ấy đã tạo ra con người, và cuối cùng, thú nhận rằng họ chỉ có thể là người lùn! Nghệ thuật của tôi là tạo ra con người cao cấp hơn nhân loại. Nhưng anh không kiên nhẫn với sự trừu tượng của tôi. Hãy tha thứ cho tôi. Tất cả những người đàn ông này (họ là những người mơ mộng lớn, như anh mong muốn trở thành) đã là bạn thân của tôi. Nhưng họ đã chết và mục rữa. Họ nói về tinh linh,—nhưng họ sợ hãi khi phải ở bên cạnh những người khác ngoài con người. Giống như các hùng biện viên mà tôi đã nghe, khi tôi đứng ở Pnyx của Athens, phát ngôn với những từ ngữ như sao chổi trong cuộc họp, và tắt lửa nhiệt huyết của họ giống như pháo hoa lễ hội khi họ ở trên chiến trường. Ha, ha! Demosthenes, anh hùng hèn nhát của tôi, bàn chân của anh nhanh nhẹn như thế nào ở Chaeronea! Và anh vẫn còn nóng lòng! Bé, tôi có thể kể cho anh những sự thật về qu

"Man is arrogant in proportion to his ignorance. Man’s natural tendency is to egotism. Man, in his infancy of knowledge, thinks that all creation was formed for him. For several ages he saw in the countless worlds that sparkle through space like the bubbles of a shoreless ocean only the petty candles, the household torches, that Providence had been pleased to light for no other purpose but to make the night more agreeable to man. Astronomy has corrected this delusion of human vanity; and man now reluctantly confesses that the stars are worlds larger and more glorious than his own,—that the earth on which he crawls is a scarce visible speck on the vast chart of creation. But in the small as in the vast, God is equally profuse of life. The traveller looks upon the tree, and fancies its boughs were formed for his shelter in the summer sun, or his fuel in the winter frosts. But in each leaf of these boughs the Creator has made a world; it swarms with innumerable races. Each drop of the water in yon moat is an orb more populous than a kingdom is of men. Everywhere, then, in this immense design, science brings new life to light. Life is the one pervading principle, and

even the thing that seems to die and putrify but engenders new life, and changes to fresh forms of matter. Reasoning, then, by evident analogy: if not a leaf, if not a drop of water, but is, no less than yonder star, a habitable and breathing world,—nay, if even man himself is a world to other lives, and millions and myriads dwell in the rivers of his blood, and inhabit man's frame as man inhabits earth, commonsense (if your schoolmen had it) would suffice to teach that the circumfluent infinite which you call space—the countless Impalpable which divides earth from the moon and stars—is filled also with its correspondent and appropriate life. Is it not a visible absurdity to suppose that being is crowded upon every leaf, and yet absent from the immensities of space? The law of the Great System forbids the waste even of an atom; it knows no spot where something of life does not breathe. In the very charnel-house is the nursery of production and animation. Is that true? Well, then, can you conceive that space, which is the Infinite itself, is alone a waste, is alone lifeless, is less useful to the one design of universal being than the dead carcass of a dog, than the peopled leaf, than the swarming globule? The microscope shows you the creatures on the leaf; no mechanical tube is yet invented to discover the nobler and more gifted things that hover in the illimitable air. Yet between these last and man is a mysterious and terrible affinity. And hence, by tales and legends, not wholly false nor wholly true, have arisen from time to time, beliefs in apparitions and spectres. If more common to the earlier and simpler tribes than to the men of your duller age, it is but that, with the first, the senses are more keen and quick. And as the savage can see or scent miles away the traces of a foe, invisible to the gross sense of the civilised animal, so the barrier itself between him and the creatures of the airy world is less thickened and obscured. Do you listen?"

"Con người kiêu căng tỉ lệ với sự ngu dốt của mình. Xu hướng tự cao của con người là tất yếu. Con người, trong sự non nớt của tri thức, nghĩ rằng tất cả sự sáng tạo đã được hình thành dành cho

mình. Trong mấy thế kỷ qua, con người chỉ nhìn thấy trong vô vàn thế giới lung linh qua không gian như những bong bóng của một đại dương không bờ bến chỉ những ngọn nến nhỏ, những cây đuốc gia đình, mà Thiên Địa đã hài lòng thắp sáng không gian chỉ để làm cho đêm trở nên dễ chịu hơn với con người. Thiên Văn học đã sửa chữa sự hiểu lầm của kiêu căng nhân loại; và con người giờ đành thú nhận rằng những ngôi sao là thế giới lớn hơn và lộng lẫy hơn so với của mình, — rằng trái đất mà con người bò trườn trên đó chỉ là một đốm nhỏ trên bản đồ rộng lớn của sự sáng tạo. Nhưng trong cái nhỏ như trong cái rộng, Chúa cũng bằng lòng phóng phát sự sống. Người đi du lịch nhìn cây, và tưởng rằng những cành cây được hình thành để che chở cho anh trong ánh nắng mùa hè, hoặc nhiên liệu cho anh trong giá lạnh mùa đông. Nhưng trong từng chiếc lá của những cành cây đó, Người Tạo Hóa đã tạo ra một thế giới; nó đầy với vô số chủng tộc. Mỗi giọt nước trong cái khe nước kia là một hành tinh đông dân hơn một vương quốc của con người. Ở mọi nơi, trong thiết kế vô cùng này, khoa học đưa sự sống mới ra ánh sáng. Sự sống là nguyên tắc lan tràn duy nhất, và thậm chí thứ dường như chết và mục rữ cũng sinh ra sự sống mới, và biến thành hình thức vật chất mới. Suy luận, sau đó, bằng phương pháp tương đương rõ ràng: nếu không phải là một chiếc lá, nếu không phải là một giọt nước, mà không ít hơn là ngôi sao kia, một thế giới có thể ở và thở,—hoặc thậm chí, nếu chính con người cũng là một thế giới dành cho những sinh mạng khác, và hàng triệu và hàng tỷ trú ngụ trong những con sông của máu anh, và cư ngụ trong cơ thể con người như con người cư ngụ trên trái đất, lẽ thông thường (nếu các thầy học của anh có nó) sẽ đủ để dạy rằng không gian bao la xung quanh anh gọi là không gian—vô số sự không thể tiếp xúc mà phân chia từ trái đất đến mặt trăng và các ngôi sao—cũng được lấp đầy bằng sự sống tương ứng và phù hợp của nó. Điều đó có phải là một điều vô lý mắt thấy khi giả sử rằng sự sống đầy trên mỗi chiếc lá, và nhưng vắng mặt trong những vùng không gian vô cùng? Luật của Hệ thống Vĩ đại cấm phế phí ngay cả một nguyên tử; nó không biết điểm nào mà không có sự sống nào hít thở. Ngay cả

trong nhà ma quái cũng là nơi nuôi dưỡng sự sản xuất và sự hồi sinh. Điều đó có đúng không? Vâng, vậy, anh có thể tưởng tượng không gian, chính là Vô cực chính nó, chỉ một vùng hoang, chỉ một nơi không có sự sống, ít hữu ích hơn cho một thiết kế của sự tồn tại tất cả hàng dữ chó chết, hơn chiếc lá đầy người, hơn hòn hạt tràn ngập? Kính hiển vi cho anh thấy những sinh vật trên chiếc lá; không có ống thủy tinh cơ khí nào đã được phát minh để khám phá những sinh vật quý giá và tài năng hơn mà lơ lửng trong không khí không giới hạn. Nhưng giữa những sinh vật cuối cùng này và con người có một mối quan hệ bí ẩn và kinh hoàng. Và từ đó, qua những câu chuyện và truyền thuyết, không hoàn toàn sai cũng không hoàn toàn đúng, đã xuất phát từ thời gian qua thời gian, niềm tin vào hồn ma và hình ảnh ma. Nếu cũng phổ biến hơn đối với các bộ lạc đầu tiên và đơn giản hơn so với những người của thời đại ngu ngốc của anh, chỉ là vì, với những người đầu tiên, giác quan sắc bén và nhanh nhẹn hơn. Và giống như người hoang dã có thể nhìn thấy hoặc ngửi mùi hàng dặm xa dấu vết của một kẻ thù, không thể nhìn thấy bằng giác quan thô của loài động vật văn minh, vì vậy rào cản chính giữa anh và những sinh vật của thế giới không khí ít dày hơn và không rõ ràng. Anh có nghe không?"

"With my soul!"

"Bằng linh hồn của tôi!"

"But first, to penetrate this barrier, the soul with which you listen must be sharpened by intense enthusiasm, purified from all earthlier desires. Not without reason have the so-styled magicians, in all lands and times, insisted on chastity and abstemious reverie as the communicants of inspiration. When thus prepared, science can be brought to aid it; the sight itself may be rendered more subtle, the nerves more acute, the spirit more alive and outward, and the element itself—the air, the space—may be made, by certain secrets of the higher chemistry, more palpable and clear. And this, too, is not magic, as the

credulous call it; as I have so often said before, magic (or science that violates Nature) exists not: it is but the science by which Nature can be controlled. Now, in space there are millions of beings not literally spiritual, for they have all, like the animalculae unseen by the naked eye, certain forms of matter, though matter so delicate, air-drawn, and subtle, that it is, as it were, but a film, a gossamer that clothes the spirit. Hence the Rosicrucian's lovely phantoms of sylph and gnome. Yet, in truth, these races and tribes differ more widely, each from each, than the Calmuc from the Greek,—differ in attributes and powers. In the drop of water you see how the animalculae vary, how vast and terrible are some of those monster mites as compared with others. Equally so with the inhabitants of the atmosphere: some of surpassing wisdom, some of horrible malignity; some hostile as fiends to men, others gentle as messengers between earth and heaven."

"Nhưng trước tiên, để xâm nhập qua rào cản này, linh hồn mà anh nghe cần phải được mài giũa bằng niềm đam mê mãnh liệt, được lọc sạch từ tất cả những khao khát trần thế. Không có lý do khi những người được gọi là phù thủy, ở mọi nơi và mọi thời đại, đã nhấn mạnh về sự trong sạch và việc tĩnh niệm tiết chế như những người tham gia của nguồn cảm hứng. Khi đã chuẩn bị như vậy, khoa học có thể được đưa vào giúp đỡ; thị giác có thể trở nên tinh vi hơn, thần kinh cảm thấy nhạy bén hơn, tinh thần sống động và hướng ra ngoài hơn, và chính yếu tố đó—không khí, không gian—có thể được làm rõ và hiển nhiên hơn bằng một số bí mật của hóa học cao cấp. Và điều này, cũng không phải là phép thuật, như những người tin dễ dãi gọi; như tôi đã nói nhiều lần trước đây, phép thuật (hoặc khoa học vi phạm Tự nhiên) không tồn tại: đó chỉ là khoa học mà Tự nhiên có thể được kiểm soát. Bây giờ, trong không gian có hàng triệu sinh vật không phải là thực sự tinh thần, vì chúng đều, giống như những sinh vật nhỏ nhất không thể nhìn thấy bằng mắt thường, có một số dạng của vật chất, mặc dù vật chất mỏng manh, hấp thụ bởi không khí, và tinh tế, đến mức nó, như là

một lớp phim, một lớp vải mỏng che phủ linh hồn. Do đó, những hình ảnh đẹp đẽ của Rosicrucian về sylph và gnome. Tuy nhiên, trong sự thật, những chủng tộc và bộ tộc này khác nhau nhiều hơn, mỗi cái từ cái này đến cái khác, hơn cả người Calmuc so với người Hy Lạp,—khác biệt về đặc tính và sức mạnh. Trong giọt nước, anh thấy rằng những sinh vật nhỏ nhất khác nhau như thế nào, những sinh vật quái dị đến mức nào so với những người khác. Tương tự với những cư dân của không khí: một số vô cùng thông thái, một số độc ác khủng khiếp; một số thù địch như quỷ dữ với con người, những người khác hiền lành như những người thông báo giữa trái đất và trời."

"He who would establish intercourse with these varying beings resembles the traveller who would penetrate into unknown lands. He is exposed to strange dangers and unconjectured terrors. THAT INTERCOURSE ONCE GAINED, I CANNOT SECURE THEE FROM THE CHANCES TO WHICH THY JOURNEY IS EXPOSED. I cannot direct thee to paths free from the wanderings of the deadliest foes. Thou must alone, and of thyself, face and hazard all. But if thou art so enamoured of life as to care only to live on, no matter for what ends, recruiting the nerves and veins with the alchemist's vivifying elixir, why seek these dangers from the intermediate tribes? Because the very elixir that pours a more glorious life into the frame, so sharpens the senses that those larvae of the air become to thee audible and apparent; so that, unless trained by degrees to endure the phantoms and subdue their malice, a life thus gifted would be the most awful doom man could bring upon himself. Hence it is, that

And Glyndon beheld with delighted surprise the simple means by which the wildest cheats of the imagination can be formed. The magical landscapes in which Baptista Porta rejoiced; the apparent change of the seasons with which Albertus Magnus startled the Earl of Holland; nay, even those more dread delusions of the Ghost and Image with which the necromancers

of Heraclea woke the conscience of the conqueror of Plataea (Pausanias,—see Plutarch.),—all these, as the showman enchants some trembling children on a Christmas Eve with his lantern and phantasmagoria, Mejnour exhibited to his pupil.

Và Glyndon đã nhìn thấy với sự ngạc nhiên hân hoan cách đơn giản mà những trò lừa dối dại nhất của trí tưởng tượng có thể được hình thành. Cảnh đẹp ma thuật mà Baptista Porta hân hoan; sự thay đổi bề ngoại của mùa với sự sửng sốt của Albertus Magnus đã làm kinh ngạc Bá tước của Hà Lan; thậm chí những ảo tưởng đáng sợ hơn của Hồn ma và Hình ảnh mà các phù thủy của Heraclea đã làm tỉnh táo lương tâm của người chinh phạt Plataea (Pausanias,—xem Plutarch.),—tất cả những điều này, giống như người trình diễn mê hoặc một số đứa trẻ run rẩy vào một đêm Giáng Sinh với chiếc lồng đèn và phantasmagoria, Mejnour đã trình diễn cho học trò của mình.

“And now laugh forever at magic! when these, the very tricks, the very sports and frivolities of science, were the very acts which men viewed with abhorrence, and inquisitors and kings rewarded with the rack and the stake.”

“Và bây giờ hãy cười mãi mãi về ma thuật! khi những điệu múa, những trò chơi và trò ngớ ngẩn của khoa học, đó chính là những hành động mà con người coi như là ghê tởm, và những thẩm vấn viên và vua chúa đã thưởng với cây đinh và ngọn đốc.”

“But the alchemist’s transmutation of metals—” “Nature herself is a laboratory in which metals, and all elements, are forever at change. Easy to make gold,—easier, more commodious, and cheaper still, to make the pearl, the diamond, and the ruby. Oh, yes; wise men found sorcery in this too; but they found no sorcery in the discovery that by the simplest combination of things of every-day use they could raise a devil that would sweep away thousands of their kind by the breath of consuming fire. Discover what will destroy life, and you are a great man!—

what will prolong it, and you are an imposter! Discover some invention in machinery that will make the rich more rich and the poor more poor, and they will build you a statue! Discover some mystery in art that will equalise physical disparities, and they will pull down their own houses to stone you! Ha, ha, my pupil! such is the world Zanoni still cares for!—you and I will leave this world to itself. And now that you have seen some few of the effects of science, begin to learn its grammar."

"Nhưng quá trình biến đổi kim loại của nhà luyện kim—"
"Chính thiên nhiên là một phòng thí nghiệm trong đó kim loại, và tất cả các nguyên tố, đều luôn thay đổi. Dễ dàng để tạo ra vàng,—dễ dàng hơn, thuận tiện hơn, và rẻ hơn, để tạo ra ngọc trai, kim cương, và ruby. Ồ, vâng; những người khôn ngoan cũng tìm thấy phép thuật trong điều này; nhưng họ không tìm thấy phép thuật trong việc phát hiện ra rằng bằng cách kết hợp đơn giản nhất của những thứ sử dụng hàng ngày họ có thể tạo ra một con quỷ sẽ cuốn đi hàng ngàn người của họ bằng hơi nóng của lửa tiêu diệt. Khám phá điều gì sẽ phá hủy cuộc sống, và bạn là một người vĩ đại!—điều gì sẽ kéo dài nó, và bạn là một kẻ lừa đảo! Khám phá ra một phát minh trong máy móc sẽ làm cho người giàu giàu hơn và người nghèo nghèo hơn, và họ sẽ xây cho bạn một bức tượng! Khám phá một số bí ẩn trong nghệ thuật sẽ làm cho sự chênh lệch về thể chất trở nên bình đẳng, và họ sẽ phá hủy những ngôi nhà của chính mình để đá bạn! Ha, ha, học trò của tôi! đó là thế giới mà Zanoni vẫn quan tâm!—bạn và tôi sẽ để thế giới này tự quyết. Và bây giờ khi bạn đã thấy một số hiệu ứng của khoa học, hãy bắt đầu học ngữ pháp của nó."

Mejnour then set before his pupil certain tasks, in which the rest of the night wore itself away.

Mejnour sau đó đặt trước học trò của mình một số nhiệm vụ, trong đó phần còn lại của đêm trôi qua.

CHAPTER 4.V. Great travell hath the gentle Calidore And toyle endured... There on a day,—He chaunst to spy a sort of shepheard groomes, Playing on pipes and caroling apace. ...He, there besyde Saw a faire damzell. —Spenser, “Faerie Queene,” cant. ix.

CHƯƠNG 4.V. Gentle Calidore đã trải qua một chuyến đi lớn và chịu đựng... Một ngày nọ,—Anh tình cờ nhìn thấy một nhóm những người chăn cừu, Đang chơi trên ống sáo và hát rất vui vẻ. ...Anh, ở bên cạnh đó Đã thấy một cô gái xinh đẹp. —Spenser, “Nữ Hoàng Tiên,” canto ix.

For a considerable period the pupil of Mejnour was now absorbed in labour dependent on the most vigilant attention, on the most minute and subtle calculation. Results astonishing and various rewarded his toils and stimulated his interest. Nor were these studies limited to chemical discovery,—in which it is permitted me to say that the greatest marvels upon the organisation of physical life seemed wrought by experiments of the vivifying influence of heat. Mejnour professed to find a link between all intellectual beings in the existence of a certain all-pervading and invisible fluid resembling electricity, yet distinct from the known operations of that mysterious agency—a fluid that connected thought to thought with the rapidity and precision of the modern telegraph, and the influence of this fluid, according to Mejnour, extended to the remotest past,—that is to say, whenever and wheresoever man had thought. Thus, if the doctrine were true, all human knowledge became attainable through a medium established between the brain of the individual inquirer and all the farthest and obscurest regions in the universe of ideas. Glyndon was surprised to find Mejnour attached to the abstruse mysteries which the Pythagoreans ascribed to the occult science of NUMBERS. In this last, new lights glimmered dimly on his eyes; and he began to perceive that even the power to predict, or rather to calculate, results, might by— (Here there is an erasure in the MS.)

Trong một khoảng thời gian đáng kể, học trò của Mejnour bây giờ đã bị hấp thụ vào lao động phụ thuộc vào sự chú ý cẩn thận nhất, vào sự tính toán tinh tế nhất và tinh xảo nhất. Những kết quả đáng kinh ngạc và đa dạng đã thưởng cho những lao động của anh và kích thích sự quan tâm của anh. Những nghiên cứu này cũng không giới hạn ở việc khám phá hóa học,—mà trong đó, cho phép tôi nói rằng những điều kỳ diệu nhất về tổ chức của cuộc sống vật lý dường như được thực hiện bằng các thí nghiệm về tác động sống của nhiệt đới. Mejnour tuyên bố tìm thấy một liên kết giữa tất cả các sinh vật tư duy trong sự tồn tại của một dòng chảy toàn diện và vô hình giống như điện, nhưng khác biệt với các hoạt động đã biết của cơ quan bí ẩn đó—một dòng chảy kết nối suy nghĩ với suy nghĩ với tốc độ và độ chính xác của hệ thống điện hiện đại, và ảnh hưởng của dòng chảy này, theo Mejnour, lan rộng đến quá khứ xa xôi nhất,—nghĩa là, bất cứ khi nào và ở bất cứ nơi nào con người đã suy nghĩ. Do đó, nếu lý thuyết đó đúng, mọi kiến thức con người trở nên có thể đạt được thông qua một phương tiện được thiết lập giữa não bộ của người tìm hiểu cá nhân và tất cả các vùng xa nhất và tối tăm nhất trong vũ trụ của các ý tưởng. Glyndon đã ngạc nhiên khi thấy Mejnour quan tâm đến những bí mật tối tăm mà người Pythagore đặt cho khoa học HUYỀN BÍ của SỐ. Trong điều này, ánh sáng mới nhấp nhô mờ nhạt trong mắt anh; và anh bắt đầu nhận ra rằng thậm chí khả năng dự đoán, hoặc chính xác hơn là tính toán, kết quả, có thể bằng cách— (Ở đây có một sự xóa bỏ trong bản thảo.)

But he observed that the last brief process by which, in each of these experiments, the wonder was achieved, Mejnour reserved for himself, and refused to communicate the secret. The answer he obtained to his remonstrances on this head was more stern than satisfactory: “Dost thou think,” said Mejnour, “that I would give to the mere pupil, whose qualities are not yet tried, powers that might change the face of the social world? The last secrets are intrusted only to him of whose virtue the Master is convinced. Patience! It is labour itself that is the great purifier of

the mind; and by degrees the secrets will grow upon thyself as thy mind becomes riper to receive them."

Nhưng anh nhận thấy rằng quy trình cuối cùng ngắn gọn bằng cách đó, trong mỗi trong những thí nghiệm này, sự kỳ diệu đã đạt được, Mejnour đã dành riêng cho bản thân mình, và từ chối để tiết lộ bí mật. Câu trả lời mà anh nhận được cho sự khiêu khích của mình về vấn đề này cứng rắn hơn là hài lòng: "Cậu có nghĩ," Mejnour nói, "rằng tôi sẽ cho người học trò đơn thuần, những người phẩm chất chưa được thử nghiệm, quyền lực có thể thay đổi diện mạo của thế giới xã hội không? Những bí mật cuối cùng chỉ được giao cho người mà Đạo Sư tin tưởng vào đức hạnh của họ. Kiên nhẫn! Chính lao động chính là chất tẩy tốt nhất của tâm hồn; và dần dần những bí mật sẽ phát triển trong chính bạn khi tâm hồn của bạn trở nên trưởng thành để chấp nhận chúng."

At last Mejnour professed himself satisfied with the progress made by his pupil. "The hour now arrives," he said, "when thou mayst pass the great but airy barrier,—when thou mayst gradually confront the terrible Dweller of the Threshold. Continue thy labours—continue to surpass thine impatience for results until thou canst fathom the causes. I leave thee for one month; if at the end of that period, when I return, the tasks set thee are completed, and thy mind prepared by contemplation and austere thought for the ordeal, I promise thee the ordeal shall commence. One caution alone I give thee: regard it as a peremptory command, enter not this chamber!" (They were then standing in the room where their experiments had been chiefly made, and in which Glyndon, on the night he had sought the solitude of the mystic, had nearly fallen a victim to his intrusion.) "Enter not this chamber till my return; or, above all, if by any search for materials necessary to thy toils thou shouldst venture hither, forbear to light the naphtha in those vessels, and to open the vases on yonder shelves. I leave the key of the room in thy keeping, in order to try thy abstinence and

self-control. Young man, this very temptation is a part of thy trial." With that, Mejnour placed the key in his hands; and at sunset he left the castle.

Cuối cùng, Mejnour tuyên bố anh hài lòng với sự tiến triển của học trò. "Giờ đây, anh ấy nói, "khi cậu có thể vượt qua rào cản lớn nhưng không khí,—khi cậu có thể từ từ đối diện với Kẻ Trấn Giữ Ngưỡng Cửa khủng khiếp. Tiếp tục lao động của mình—tiếp tục vượt qua sự hấp tấp của cậu cho kết quả cho đến khi cậu có thể hiểu rõ nguyên nhân. Tôi để lại cho cậu một tháng; nếu vào cuối thời kỳ đó, khi tôi trở lại, những nhiệm vụ đã được giao cho cậu đã hoàn thành, và tâm hồn của cậu đã được chuẩn bị bởi sự suy tư và suy nghĩ nghiêm khắc cho thử thách, tôi hứa sẽ bắt đầu thử thách. Tôi chỉ đưa cảnh báo duy nhất cho cậu: xem nó như một lệnh hạng cấp, đừng bước vào căn phòng này!" (Khi đó họ đang đứng trong căn phòng mà hầu hết các thí nghiệm của họ đã được thực hiện, và trong đó Glyndon, vào đêm anh ấy đã tìm kiếm s

But in less than half the time which Mejnour had stated for the duration of his absence, all that the mystic had appointed to his toils was completed by the pupil; and then his mind, thus relieved from the drudgery and mechanism of employment, once more sought occupation in dim conjecture and restless fancies. His inquisitive and rash nature grew excited by the prohibition of Mejnour, and he found himself gazing too often, with perturbed and daring curiosity, upon the key of the forbidden chamber. He began to feel indignant at a trial of constancy which he deemed frivolous and puerile. What nursery tales of Bluebeard and his closet were revived to daunt and terrify him! How could the mere walls of a chamber, in which he had so often securely pursued his labours, start into living danger? If haunted, it could be but by those delusions which Mejnour had taught him to despise,—a shadowy lion,—a chemical phantasm! Tush! he lost half his awe of Mejnour, when he thought that by such tricks the sage could practise upon the

very intellect he had awakened and instructed! Still he resisted the impulses of his curiosity and his pride, and, to escape from their dictation, he took long rambles on the hills, or amidst the valleys that surrounded the castle,—seeking by bodily fatigue to subdue the unreposing mind. One day suddenly emerging from a dark ravine, he came upon one of those Italian scenes of rural festivity and mirth in which the classic age appears to revive. It was a festival, partly agricultural, partly religious, held yearly by the peasants of that district. Assembled at the outskirts of a village, animated crowds, just returned from a procession to a neighbouring chapel, were now forming themselves into groups: the old to taste the vintage, the young to dance,—all to be gay and happy. This sudden picture of easy joy and careless ignorance, contrasting so forcibly with the intense studies and that parching desire for wisdom which had so long made up his own life, and burned at his own heart, sensibly affected Glyndon. As he stood aloof and gazing on them, the young man felt once more that he was young. The memory of all he had been content to sacrifice spoke to him like the sharp voice of remorse. The flitting forms of the women in their picturesque attire, their happy laughter ringing through the cool, still air of the autumn noon, brought back to the heart, or rather perhaps to the senses, the images of his past time, the "golden shepherd hours," when to live was but to enjoy.

He approached nearer and nearer to the scene, and suddenly a noisy group swept round him; and Maestro Paolo, tapping him familiarly on the shoulder, exclaimed in a hearty voice, "Welcome, Excellency!—we are rejoiced to see you amongst us." Glyndon was about to reply to this salutation, when his eyes rested upon the face of a young girl leaning on Paolo's arm, of a beauty so attractive that his colour rose and his heart beat as he encountered her gaze. Her eyes sparkled with a roguish and petulant mirth, her parted lips showed teeth like pearls; as if impatient at the pause of her companion from the revel of the rest, her little foot beat the ground to a measure that she half-

hummed, half-chanted. Paolo laughed as he saw the effect the girl had produced upon the young foreigner.

"Will you not dance, Excellency? Come, lay aside your greatness, and be merry, like us poor devils. See how our pretty Fillide is longing for a partner. Take compassion on her." Fillide pouted at this speech, and, disengaging her arm from Paolo's, turned away, but threw over her shoulder a glance half inviting, half defying. Glyndon, almost involuntarily, advanced to her, and addressed her.

Oh, yes; he addresses her! She looks down, and smiles. Paolo leaves them to themselves, sauntering off with a devil-me-carish air. Fillide speaks now, and looks up at the scholar's face with arch invitation. He shakes his head; Fillide laughs, and her laugh is silvery. She points to a gay mountaineer, who is tripping up to her merrily. Why does Glyndon feel jealous? Why, when she speaks again, does he shake his head no more? He offers his hand; Fillide blushes, and takes it with a demure coquetry. What! is it so, indeed! They whirl into the noisy circle of the revellers. Ha! ha! is not this better than distilling herbs, and breaking thy brains on Pythagorean numbers? How lightly Fillide bounds along! How her lithesome waist supples itself to thy circling arm! Tara-ra-tara, ta-tara, rara-ra! What the devil is in the measure that it makes the blood course like quicksilver through the veins? Was there ever a pair of eyes like Fillide's? Nothing of the cold stars there! Yet how they twinkle and laugh at thee! And that rosy, pursed-up mouth that will answer so sparingly to thy flatteries, as if words were a waste of time, and kisses were their proper language. Oh, pupil of Mejnour! Oh, would-be Rosicrucian, Platonist, Magian, I know not what! I am ashamed of thee! What, in the names of Averroes and Burri and Agrippa and Hermes have become of thy austere contemplations? Was it for this thou didst resign Viola? I don't think thou hast the smallest recollection of the elixir or the Cabala. Take care! What are you about, sir? Why do you clasp

that small hand locked within your own? Why do you—Tara-rara tara-ra tara-rara-ra, rarara, ta-ra, a-ra! Keep your eyes off those slender ankles and that crimson bodice! Tara-rara-ra! There they go again! And now they rest under the broad trees. The revel has whirled away from them. They hear—or do they not hear—the laughter at the distance? They see—or if they have their eyes about them, they SHOULD see—couple after couple gliding by, love-talking and love-looking. But I will lay a wager, as they sit under that tree, and the round sun goes down behind the mountains, that they see or hear very little except themselves.

"Hollo, Signor Excellency! and how does your partner please you? Come and join our feast, loiterers; one dances more merrily after wine." Down goes the round sun; up comes the autumn moon. Tara, tara, rarara, rarara, tarara-ra! Dancing again; is it a dance, or some movement gayer, noisier, wilder still? How they glance and gleam through the night shadows, those flitting forms! What confusion!—what order! Ha, that is the Tarantula dance; Maestro Paolo foots it bravely! Diavolo, what fury! the Tarantula has stung them all. Dance or die; it is fury,—the Corybantes, the Maenads, the—Ho, ho! more wine! the Sabbat of the Witches at Benevento is a joke to this! From cloud to cloud wanders the moon,—now shining, now lost. Dimness while the maiden blushes; light when the maiden smiles.

"Fillide, thou art an enchantress!" "Buona notte, Excellency; you will see me again!" "Ah, young man," said an old, decrepit, hollow-eyed octogenarian, leaning on his staff, "make the best of your youth. I, too, once had a Fillide! I was handsomer than you then! Alas! if we could be always young!" "Always young!" Glyndon started, as he turned his gaze from the fresh, fair, rosy face of the girl, and saw the eyes dropping rheum, the yellow wrinkled skin, the tottering frame of the old man. "Ha, ha!" said the decrepit creature, hobbling near to him, and with a

malicious laugh. “Yet I, too, was young once! Give me a baiocco for a glass of aqua vitae!”

Tara, rara, ra-rara, tara, rara-ra! There dances Youth! Wrap thy rags round thee, and totter off, Old Age!

CHAPTER 4.VI.

Whilest Calidore does follow that faire mayd, Unmindful of his vow and high beheast Which by the Faerie Queene was on him layd. —Spenser, “Faerie Queene,” cant. x. s. 1.

It was that grey, indistinct, struggling interval between the night and the dawn, when Clarence stood once more in his chamber. The abstruse calculations lying on his table caught his eye, and filled him with a sentiment of weariness and distaste. But—“Alas, if we could be always young! Oh, thou horrid spectre of the old, rheum-eyed man! What apparition can the mystic chamber shadow forth more ugly and more hateful than thou? Oh, yes, if we could be always young! But not [thinks the neophyte now]—not to labour forever at these crabbed figures and these cold compounds of herbs and drugs. No; but to enjoy, to love, to revel! What should be the companion of youth but pleasure? And the gift of eternal youth may be mine this very hour! What means this prohibition of Mejnour’s? Is it not of the same complexion as his ungenerous reserve even in the minutest secrets of chemistry, or the numbers of his Cabala?—compelling me to perform all the toils, and yet withholding from me the knowledge of the crowning result? No doubt he will still, on his return, show me that the great mystery CAN be attained; but will still forbid ME to attain it. Is it not as if he desired to keep my youth the slave to his age; to make me dependent solely on himself; to bind me to a journeyman’s service by perpetual excitement to curiosity, and the sight of the fruits he places beyond my lips?” These, and many reflections still more repining, disturbed and irritated him.

Heated with wine—excited by the wild revels he had left—he was unable to sleep. The image of that revolting Old Age which Time, unless defeated, must bring upon himself, quickened the eagerness of his desire for the dazzling and imperishable Youth he ascribed to Zanoni. The prohibition only served to create a spirit of defiance. The reviving day, laughing jocundly through his lattice, dispelled all the fears and superstitions that belong to night. The mystic chamber presented to his imagination nothing to differ from any other apartment in the castle. What foul or malignant apparition could harm him in the light of that blessed sun! It was the peculiar, and on the whole most unhappy, contradiction in Glyndon's nature, that while his reasonings led him to doubt,—and doubt rendered him in MORAL conduct irresolute and unsteady; he was PHYSICALLY brave to rashness. Nor is this uncommon: scepticism and presumption are often twins. When a man of this character determines upon any action, personal fear never deters him; and for the moral fear, any sophistry suffices to self-will. Almost without analysing himself the mental process by which his nerves hardened themselves and his limbs moved, he traversed the corridor, gained Mejnour's apartment, and opened the forbidden door. All was as he had been accustomed to see it, save that on a table in the centre of the room lay open a large volume. He approached, and gazed on the characters on the page; they were in a cipher, the study of which had made a part of his labours. With but slight difficulty he imagined that he interpreted the meaning of the first sentences, and that they ran thus:— "To quaff the inner life, is to see the outer life: to live in defiance of time, is to live in the whole. He who discovers the elixir discovers what lies in space; for the spirit that vivifies the frame strengthens the senses. There is attraction in the elementary principle of light. In the lamps of Rosicrucius the fire is the pure elementary principle. Kindle the lamps while thou openst the vessel that contains the elixir, and the light attracts towards thee those beings whose life is that light. Beware of Fear. Fear is the deadliest enemy to Knowledge." Here

the ciphers changed their character, and became incomprehensible. But had he not read enough? Did not the last sentence suffice?—"Beware of Fear!" It was as if Mejnour had purposely left the page open,—as if the trial was, in truth, the reverse of the one pretended; as if the mystic had designed to make experiment of his COURAGE while affecting but that of his FORBEARANCE. Not Boldness, but Fear, was the deadliest enemy to Knowledge. He moved to the shelves on which the crystal vases were placed; with an untrembling hand he took from one of them the stopper, and a delicious odor suddenly diffused itself through the room. The air sparkled as if with a diamond-dust. A sense of unearthly delight,—of an existence that seemed all spirit, flashed through his whole frame; and a faint, low, but exquisite music crept, thrilling, through the chamber. At this moment he heard a voice in the corridor calling on his name; and presently there was a knock at the door without. "Are you there, signor?" said the clear tones of Maestro Paolo. Glyndon hastily reclosed and replaced the vial, and bidding Paolo await him in his own apartment, tarried till he heard the intruder's steps depart; he then reluctantly quitted the room. As he locked the door, he still heard the dying strain of that fairy music; and with a light step and a joyous heart he repaired to Paolo, inly resolving to visit again the chamber at an hour when his experiment would be safe from interruption.

As he crossed his threshold, Paolo started back, and exclaimed, "Why, Excellency! I scarcely recognise you! Amusement, I see, is a great beautifier to the young. Yesterday you looked so pale and haggard; but Fillide's merry eyes have done more for you than the Philosopher's Stone (saints forgive me for naming it) ever did for the wizards." And Glyndon, glancing at the old Venetian mirror as Paolo spoke, was scarcely less startled than Paolo himself at the change in his own mien and bearing. His form, before bent with thought, seemed to him taller by half the head, so lithesome and erect rose his slender stature; his eyes glowed, his cheeks bloomed with health and the innate and pervading

pleasure. If the mere fragrance of the elixir was thus potent, well might the alchemists have ascribed life and youth to the draught!

“You must forgive me, Excellency, for disturbing you,” said Paolo, producing a letter from his pouch; “but our Patron has just written to me to say that he will be here to-morrow, and desired me to lose not a moment in giving to yourself this billet, which he enclosed.”

“Who brought the letter?”

“A horseman, who did not wait for any reply.”

Glyndon opened the letter, and read as follows:— “I return a week sooner than I had intended, and you will expect me to-morrow. You will then enter on the ordeal you desire, but remember that, in doing so, you must reduce Being as far as possible into Mind. The senses must be mortified and subdued,—not the whisper of one passion heard. Thou mayst be master of the Cabala and the Chemistry; but thou must be master also over the Flesh and the Blood,—over Love and Vanity, Ambition and Hate. I will trust to find thee so. Fast and meditate till we meet!”

Glyndon crumpled the letter in his hand with a smile of disdain. What! more drudgery,—more abstinence! Youth without love and pleasure! Ha, ha! baffled Mejnour, thy pupil shall gain thy secrets without thine aid!

"And Fillide! I passed her cottage in my way,—she blushed and sighed when I jested her about you, Excellency!"

"Và Fillide! Tôi đã đi qua căn nhà của cô ấy trên đường đi của tôi, cô ấy đỏ mặt và thở dài khi tôi đùa cô về anh, Ngài Tổng Lãnh Sự!"

"Well, Paolo! I thank thee for so charming an introduction. Thine must be a rare life."

"Vâng, Paolo! Tôi cảm ơn anh vì lời giới thiệu đáng yêu. Cuộc sống của anh chắc chắn là hiếm có."

"Ah, Excellency, while we are young, nothing like adventure,—except love, wine, and laughter!"

"Ôi, Tổng Lãnh Sự, khi chúng ta còn trẻ, không có gì bằng cuộc phiêu lưu,—ngoại trừ tình yêu, rượu và tiếng cười!"

"Very true. Farewell, Maestro Paolo; we will talk more with each other in a few days."

"Rất đúng. Tạm biệt, Maestro Paolo; chúng ta sẽ nói chuyện nhiều hơn trong vài ngày tới."

All that morning Glyndon was almost overpowered with the new sentiment of happiness that had entered into him. He roamed into the woods, and he felt a pleasure that resembled his earlier life of an artist, but a pleasure yet more subtle and vivid, in the various colours of the autumn foliage. Certainly Nature seemed to be brought closer to him; he comprehended better all that Mejnour had often preached to him of the mystery of sympathies and attractions. He was about to enter into the same law as those mute children of the forests. He was to know THE RENEWAL OF LIFE; the seasons that chilled to winter should yet bring again the bloom and the mirth of spring. Man’s common existence is as one year to the vegetable world: he has his spring, his summer, his autumn, and winter,—but only ONCE. But the giant oaks round him go through a revolving series of verdure and youth, and the green of the centenarian is as vivid in the beams of May as that of the sapling by its side. "Mine shall be your spring, but not your winter!" exclaimed the aspirant.

Buổi sáng đó, Glyndon gần như bị áp đảo bởi cảm xúc hạnh phúc mới đã nhập vào anh. Anh lang thang vào rừng, và anh cảm thấy một niềm vui giống như cuộc sống trước đây của một nghệ sĩ, nhưng một niềm vui còn tinh tế và sắc nét hơn, trong những sắc màu đa dạng của lá mùa thu. Chắc chắn rằng Thiên Nhiên dường như đã đưa gần hơn với anh; anh hiểu rõ hơn tất cả những gì Mejnour thường thuyết giảng cho anh về bí ẩn của sự đồng cảm và hấp dẫn. Anh chuẩn bị bước vào cùng một luật lệ như những đứa trẻ câm của rừng. Anh sẽ biết SỰ ĐỔI MỚI CỦA CUỘC SỐNG; những mùa đông lạnh lẽo sẽ mang lại bông hoa và niềm vui của mùa xuân. Cuộc sống thông thường của con người giống như một năm đối với thế giới thực vật: anh có mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông,—nhưng chỉ MỘT LẦN. Nhưng những cây sồi khổng lồ xung quanh anh trải qua một chuỗi liên tục của sự tươi tốt và tuổi trẻ, và màu xanh của cây già trăm tuổi cũng sáng rõ trong ánh nắng tháng Năm như cây non bên cạnh. "Mùa xuân của anh sẽ là của em, nhưng không phải mùa đông của em!" thề nguyền người theo đuổi.

Wrapped in these sanguine and joyous reveries, Glyndon, quitting the woods, found himself amidst cultivated fields and vineyards to which his footstep had not before wandered; and there stood, by the skirts of a green lane that reminded him of verdant England, a modest house,—half cottage, half farm. The door was open, and he saw a girl at work with her distaff. She looked up, uttered a slight cry, and, tripping gayly into the lane to his side, he recognised the dark-eyed Fillide.

Quấn trong những ảo mộng lạc quan và vui vẻ này, Glyndon, rời rừng, thấy mình giữa những cánh đồng và vườn nho mà chân anh chưa từng lang thang; và đứng ở bờ của một con đường xanh mà nhắc anh về nước Anh xanh tươi, có một căn nhà khiêm tốn,—nửa nhà cửa, nửa trang trại. Cửa mở, và anh thấy một cô gái đang làm việc với cây chổi. Cô nhìn lên, kêu một tiếng rất nhỏ, và, nhảy nhót vui vẻ vào con đường phía bên anh, anh nhận ra Fillide với đôi mắt đen thẫm.

CHAPTER 4.VII.

CHƯƠNG 4.VII.

Cernis, custodia qualis Vestibulo sedeat? facies quae limina servet? "Aeneid," lib. vi. 574.

(See you what porter sits within the vestibule?—what face watches at the threshold?) And it is profound night. All is at rest within the old castle,—all is breathless under the melancholy stars. Now is the time. Mejnour with his austere wisdom,—Mejnour the enemy to love; Mejnour, whose eye will read thy heart, and refuse thee the promised secrets because the sunny face of Fillide disturbs the lifeless shadow that he calls repose,—Mejnour comes to-morrow! Seize the night! Beware of fear! Never, or this hour! So, brave youth,—brave despite all thy errors,—so, with a steady pulse, thy hand unlocks once more the forbidden door.

(Bạn có thấy người gác cửa ngồi trong hành lang không? - gương mặt nào đang ngó chờ ở ngưỡng cửa?) Và đêm tối sâu. Mọi thứ yên bình trong lâu đài cũ, - tất cả đều yên lặng dưới ánh sao u buồn. Đây là thời điểm. Mejnour với sự trí tuệ khắc nghiệt của mình, - Mejnour kẻ thù của tình yêu; Mejnour, người mà ánh mắt sẽ đọc được trái tim của bạn, và từ chối cho bạn những bí mật đã hứa vì gương mặt nắng Fillide làm xáo trộn bóng tối chết chóc mà anh gọi là sự yên bình, - Mejnour sẽ đến ngày mai! Bắt lấy đêm! Hãy cẩn thận với nỗi sợ hãi! Không bao giờ, hoặc trong giờ này! Vậy, anh chàng dũng cảm, dũng cảm mặc dù có tất cả lỗi lầm của mình, - với nhịp tim vững vàng, tay anh mở cánh cửa cấm một lần nữa.

He placed his lamp on the table beside the book, which still lay there opened; he turned over the leaves, but could not decipher their meaning till he came to the following passage:— "When, then, the pupil is thus initiated and prepared, let him open the

casement, light the lamps, and bathe his temples with the elixir. He must beware how he presume yet to quaff the volatile and fiery spirit. To taste till repeated inhalations have accustomed the frame gradually to the ecstatic liquid, is to know not life, but death."

(Anh đặt cây đèn trên bàn bên cạnh cuốn sách, vẫn còn đang mở đấy; anh đổi qua trang, nhưng không thể giải mã ý nghĩa cho đến khi anh đến đoạn sau: "Khi đó, khi học trò đã được khai mở và chuẩn bị như vậy, hãy cho anh mở cửa sổ, bật đèn, và rửa trán bằng elixir. Anh phải cẩn thận không nên ngạo mạnh để uống tinh thần bay hơi và cháy bỏng này. Để nếm cho đến khi các hơi thở lặp đi lặp lại đã làm quen dần dần với chất lỏng đắm say, là để biết không phải là sự sống, mà là cái chết."

He could penetrate no farther into the instructions; the cipher again changed. He now looked steadily and earnestly round the chamber. The moonlight came quietly through the lattice as his hand opened it, and seemed, as it rested on the floor, and filled the walls, like the presence of some ghostly and mournful Power. He ranged the mystic lamps (nine in number) round the centre of the room, and lighted them one by one. A flame of silvery and azure tints sprung up from each, and lighted the apartment with a calm and yet most dazzling splendour; but presently this light grew more soft and dim, as a thin, grey cloud, like a mist, gradually spread over the room; and an icy thrill shot through the heart of the Englishman, and quickly gathered over him like the coldness of death. Instinctively aware of his danger, he tottered, though with difficulty, for his limbs seemed rigid and stone-like, to the shelf that contained the crystal vials; hastily he inhaled the spirit, and laved his temples with the sparkling liquid. The same sensation of vigour and youth, and joy and airy lightness, that he had felt in the morning, instantaneously replaced the deadly numbness that just before had invaded the citadel of life. He stood, with his

arms folded on his bosom erect and dauntless, to watch what should ensue.

Anh không thể thâm nhập sâu hơn vào hướng dẫn; bí mật lại thay đổi. Anh nhìn chăm chú và nghiêm túc xung quanh căn phòng. Ánh trăng trôi qua yên bình qua lưới cửa sổ khi tay anh mở nó, và dường như, khi nó nghỉ trên sàn nhà, và lấp đầy các bức tường, giống như sự hiện diện của một sức mạnh ma quái và buồn thảm nào đó. Anh xếp các đèn thần bí (chín cái) quanh trung tâm của căn phòng, và bật chúng một cách tuần tự. Một ngọn lửa màu bạc và xanh da trời nhảy lên từ mỗi cái, và chiếu sáng căn phòng với một vẻ đẹp yên bình nhưng rực rỡ nhất; nhưng sau đó ánh sáng này trở nên mềm mại và mờ đi, giống như một đám mây mỏng, màu xám, giống như sương, dần lan tràn trong căn phòng; và một cảm giác lạnh lẽo xuyên qua tim người Anh, và nhanh chóng tập hợp trên anh như sự lạnh lẽo của cái chết. Nhận thức bản năng về nguy hiểm của mình, anh lung lay, mặc dù với khó khăn, vì cánh tay anh dường như cứng nhắc và giống như đá, đến kệ chứa các ống lọ pha lê; anh vội hít vào tinh thần, và rửa trán bằng chất lỏng lấp lánh. Cảm giác như vị lực và tuổi trẻ, và niềm vui và sự nhẹ nhàng bay bổng, mà anh đã cảm thấy vào buổi sáng, ngay lập tức thay thế cảm giác tê liệt đường tử mà trước đó đã xâm chiếm thành trì của cuộc sống. Anh đứng, với hai tay gập chéo trên ngực mình thẳng và dũng cảm, để quan sát điều gì sẽ xảy ra.

The vapour had now assumed almost the thickness and seeming consistency of a snow-cloud; the lamps piercing it like stars. And now he distinctly saw shapes, somewhat resembling in outline those of the human form, gliding slowly and with regular evolutions through the cloud. They appeared bloodless; their bodies were transparent, and contracted or expanded like the folds of a serpent. As they moved in majestic order, he heard a low sound—the ghost, as it were, of voice—which each caught and echoed from the other; a low sound, but musical, which seemed the chant of some unspeakably tranquil joy. None of

these apparitions heeded him. His intense longing to accost them, to be of them, to make one of this movement of aerial happiness,—for such it seemed to him,—made him stretch forth his arms and seek to cry aloud, but only an inarticulate whisper passed his lips; and the movement and the music went on the same as if the mortal were not there. Slowly they glided round and aloft, till, in the same majestic order, one after one, they floated through the casement and were lost in the moonlight; then, as his eyes followed them, the casement became darkened with some object undistinguishable at the first gaze, but which sufficed mysteriously to change into ineffable horror the delight he had before experienced. By degrees this object shaped itself to his sight. It was as that of a human head covered with a dark veil through which glared, with livid and demoniac fire, eyes that froze the marrow of his bones. Nothing else of the face was distinguishable,—nothing but those intolerable eyes; but his terror, that even at the first seemed beyond nature to endure, was increased a thousand-fold, when, after a pause, the phantom glided slowly into the chamber.

Hơi nước bây giờ đã có độ dày gần như mây tuyết; các đèn xuyên qua nó như những ngôi sao. Và bây giờ anh rõ ràng nhìn thấy hình dáng, hơi giống trong đường nét với hình dạng của con người, trượt chậm và với những vòng quay đều đặn qua đám mây. Họ trông không máu; cơ thể của họ trong suốt, và co bóp hoặc mở rộng giống như những nếp gấp của một con rắn. Khi họ di chuyển theo thứ tự trang trọng, anh nghe thấy một âm thanh thấp - hồn ma, như là, của giọng nói - mà mỗi cái bắt và phản ánh từ người kia; một âm thanh thấp, nhưng âm nhạc, giống như là lời ca của một niềm vui bình yên không thể diễn tả. Không một trong những hình dạng này quan tâm đến anh. Khao khát mạnh mẽ của anh để tiếp xúc với họ, để thuộc về họ, để trở thành một phần của cuộc di chuyển của niềm hạnh phúc trên không,—vì như vậy đó là cách anh cảm thấy,—làm cho anh duỗi tay ra và cố gào lên, nhưng chỉ có một tiếng rên không rõ

nghĩa thoáng qua môi anh; và cử động và âm nhạc tiếp tục như thể người chết không có mặt. Chậm rãi chúng trượt quanh và lên trên, cho đến khi, theo cùng một thứ tự trang trọng, một sau một, chúng lơ lửng qua cửa sổ và biến mất trong ánh trăng; sau đó, khi mắt anh theo dõi họ, cửa sổ trở nên tối đi với một vật không thể phân biệt được ở cái nhìn đầu tiên, nhưng đủ bí ẩn để biến niềm vui mà anh đã trước đây trải qua thành nỗi kinh hoàng không thể diễn tả. Dần dần vật thể này hình thành trước mắt anh. Nó giống như của một cái đầu người bị che kín bằng một chiếc vải đen qua đó nhấp nhô, với ánh lửa xanh tái và ma quái, đôi mắt làm đông cứng xương của anh. Không có gì khác của khuôn mặt đó có thể phân biệt được,—không gì ngoài đôi mắt không thể chịu nổi đó; nhưng nỗi kinh hãi của anh, mà ngay cả từ lúc đầu cũng dường như vượt qua khả năng chịu đựng của tự nhiên, đã tăng lên một nghìn lần, khi, sau một cú ngừng, hình bóng trượt dần vào trong phòng.

The cloud retreated from it as it advanced; the bright lamps grew wan, and flickered restlessly as at the breath of its presence. Its form was veiled as the face, but the outline was that of a female; yet it moved not as move even the ghosts that simulate the living. It seemed rather to crawl as some vast misshapen reptile; and pausing, at length it cowered beside the table which held the mystic volume, and again fixed its eyes through the filmy veil on the rash invoker. All fancies, the most grotesque, of monk or painter in the early North, would have failed to give to the visage of imp or fiend that aspect of deadly malignity which spoke to the shuddering nature in those eyes alone. All else so dark,—shrouded, veiled and larva-like. But that burning glare so intense, so livid, yet so living, had in it something that was almost HUMAN in its passion of hate and mockery,—something that served to show that the shadowy Horror was not all a spirit, but partook of matter enough, at least, to make it more deadly and fearful an enemy to material forms. As, clinging with the grasp of agony to the wall,—his hair erect, his eyeballs starting, he still gazed back upon that

appalling gaze,—the Image spoke to him: his soul rather than his ear comprehended the words it said. “Thou hast entered the immeasurable region. I am the Dweller of the Threshold. What wouldst thou with me? Silent? Dost thou fear me? Am I not thy beloved? Is it not for me that thou hast rendered up the delights of thy race? Wouldst thou be wise? Mine is the wisdom of the countless ages. Kiss me, my mortal lover.” And the Horror crawled near and nearer to him; it crept to his side, its breath breathed upon his cheek! With a sharp cry he fell to the earth insensible, and knew no more till, far in the noon of the next day, he opened his eyes and found himself in his bed,—the glorious sun streaming through his lattice, and the bandit Paolo by his side, engaged in polishing his carbine, and whistling a Calabrian love-air.

Đám mây rút lui khỏi nó khi nó tiến lên; các đèn sáng trở nên nhợt nhạt, và nhấp nháy không yên như khi có hơi thở của sự hiện diện của nó. Hình dạng của nó được che kín giống như khuôn mặt, nhưng đường nét là của một người phụ nữ; nhưng nó không di chuyển như những hồn ma giả mạo sự sống. Nó dường như bò như một con loài bò khổng lồ biến dạng; và dừng lại, cuối cùng nó nằm xuống bên cạnh cái bàn chứa cuốn sách thần bí, và lại một lần nữa cố gắng mắt qua lớp vải mỏng trên người kêu gọi khinh bỉ. Tất cả những ảo tưởng, những cái kỳ dị nhất, của nhà tu hay họa sĩ ở phía bắc sớm, sẽ thất bại trong việc đưa ra cho khuôn mặt của ác quỷ hoặc quỷ một cái nhìn của sự ác ôn chết người mà chỉ nói với tự nhiên run rẩy trong nh

In one of those islands whose history the imperishable literature and renown of Athens yet invest with melancholy interest, and on which Nature, in whom “there is nothing melancholy,” still bestows a glory of scenery and climate equally radiant for the freeman or the slave,—the Ionian, the Venetian, the Gaul, the Turk, or the restless Briton,—Zanoni had fixed his bridal home. There the air carries with it the perfumes of the plains for miles along the blue, translucent deep. (See Dr.

Holland's "Travels to the Ionian Isles," etc., page 18.) Seen from one of its green sloping heights, the island he had selected seemed one delicious garden. The towers and turrets of its capital gleaming amidst groves of oranges and lemons; vineyards and olive-woods filling up the valleys, and clambering along the hill-sides; and villa, farm, and cottage covered with luxuriant trellises of dark-green leaves and purple fruit. For there the prodigal beauty yet seems half to justify those graceful superstitions of a creed that, too enamoured of earth, rather brought the deities to man, than raised the man to their less alluring and less voluptuous Olympus.

Trong một trong những hòn đảo mà lịch sử của nó, văn chương bất diệt và danh tiếng của Athens vẫn làm cho cuộc sống trở nên buồn bã, và nơi mà Thiên Nhiên, trong đó "không có gì buồn bã," vẫn ban tặng một vẻ đẹp của cảnh quan và khí hậu cũng rực rỡ cho người tự do hay nô lệ,—người Ionia, người Venice, người Gaul, người Turk, hoặc người Anh hồn nhiên,—Zanoni đã chọn địa điểm kết hôn của mình ở đó. Ở đó, không khí mang theo hương thơm của đồng bằng xa hàng dặm dọc theo đại dương xanh ngọc. (Xem "Du lịch đến các đảo Ionia" của Tiến sĩ Holland, trang 18.) Nhìn từ một trong những đỉnh xanh dốc của nó, hòn đảo mà anh chọn dường như trở thành một khu vườn ngọt ngào. Các tháp cung và tháp chòi của thủ đô lóe sáng giữa những khu vườn cam và chanh; những vườn nho và rừng ôliu lấp đầy các thung lũng, và leo dốc dọc theo các bên đồi; và biệt thự, trang trại và nhà tranh che phủ bởi những giàn lá màu xanh đậm và trái màu tím. Bởi vì ở đó, vẻ đẹp hoang phí vẫn dường như nửa làm cho những niềm tin duyên dáng của một tín ngưỡng mà, quá mến mộ đất đai, hơn là đưa các vị thần đến với con người, thay vì đưa con người lên với Olympus hấp dẫn và thô tục hơn.

And still to the fishermen, weaving yet their antique dances on the sand; to the maiden, adorning yet, with many a silver fibula, her glossy tresses under the tree that overshadows her tranquil

cot,—the same Great Mother that watched over the wise of Samos, the democracy of Corcyra, the graceful and deep-taught loveliness of Miletus, smiles as graciously as of yore. For the North, philosophy and freedom are essentials to human happiness; in the lands which Aphrodite rose from the waves to govern, as the Seasons, hand in hand, stood to welcome her on the shores, Nature is all sufficient. (Homeric Hymn.)

Và vẫn đối với những ngư dân, vẫn đang dệt những điệu múa cổ điển trên cát; đối với cô gái, vẫn đang trang trí, với nhiều chiếc khuy bạc, những sợi tóc bóng láng dưới cái cây che bóng lấy ngôi nhà yên bình của mình,—cùng Mẹ Hiền đáng yêu đó đã chăm sóc cho những người khôn ngoan của Samos, dân chủ của Corcyra, vẻ đẹp duyên dáng và sâu sắc của Miletus, cười như thân thiện như xưa. Với miền Bắc, triết học và tự do là điều cần thiết cho hạnh phúc con người; ở những vùng mà Aphrodite vươn lên từ sóng biển để cai trị, khi mùa xuân và mùa hạ, chung tay đứng đón chào cô trên bờ biển, Thiên Nhiên là đủ đầy. (Kinh ca Homeric.)

The isle which Zanoni had selected was one of the loveliest in that divine sea. His abode, at some distance from the city, but near one of the creeks on the shore, belonged to a Venetian, and, though small, had more of elegance than the natives ordinarily cared for. On the seas, and in sight, rode his vessel. His Indians, as before, ministered in mute gravity to the service of the household. No spot could be more beautiful,—no solitude less invaded. To the mysterious knowledge of Zanoni, to the harmless ignorance of Viola, the babbling and garish world of civilised man was alike unheeded. The loving sky and the lovely earth are companions enough to Wisdom and to Ignorance while they love.

Hòn đảo mà Zanoni đã chọn là một trong những hòn đảo đẹp nhất trong biển thần thánh đó. Nơi ở của anh, cách một khoảng cách nhất định từ thành phố, nhưng gần một trong những vịnh

trên bờ, thuộc về một người Venice, và, mặc dù nhỏ, nhưng có nhiều vẻ duyên dáng hơn so với những người bản xứ thường quan tâm đến. Trên biển, và trong tầm nhìn, đang chèo thuyền của anh. Các người Ấn Độ của anh, như trước đây, phục vụ với sự trang trọng im lặng cho việc gia đình. Không thể có một địa điểm nào đẹp hơn,—không có nơi hoang vắng ít bị xâm phạm hơn. Với kiến thức bí ẩn của Zanoni, với sự vô tội của Viola, thế giới ồn ào và lòe loẹt của con người văn minh đều không được chú ý. Bầu trời yêu thương và đất đá yêu thương đủ là bạn đồng hành cho Trí tuệ và cho Sự Ngốc ngếch trong khi họ yêu.

Although, as I have before said, there was nothing in the visible occupations of Zanoni that betrayed a cultivator of the occult sciences, his habits were those of a man who remembers or reflects. He loved to roam alone, chiefly at dawn, or at night, when the moon was clear (especially in each month, at its rise and full), miles and miles away over the rich inlands of the island, and to cull herbs and flowers, which he hoarded with jealous care. Sometimes, at the dead of night, Viola would wake by an instinct that told her he was not by her side, and, stretching out her arms, find that the instinct had not deceived her. But she early saw that he was reserved on his peculiar habits; and if at times a chill, a foreboding, a suspicious awe crept over her, she forebore to question him.

Mặc dù, như tôi đã nói trước đó, không có gì trong các hoạt động rõ ràng của Zanoni tiết lộ một người trồng trọt các khoa học huyền bí, nhưng thói quen của anh là của một người nhớ hoặc suy tư. Anh thích lang thang một mình, chủ yếu vào lúc bình minh, hoặc vào ban đêm, khi trăng sáng (đặc biệt vào mỗi tháng, khi trăng mọc và tròn), hàng dặm qua những vùng đất giàu màu của hòn đảo, và thu hái các loại thảo mộc và hoa, mà anh giữ gìn với sự cẩn trọng ghen tị. Đôi khi, vào giữa đêm, Viola sẽ tỉnh dậy bởi một trực giác cho biết anh không ở bên cạnh cô, và, vươn tay ra, cô sẽ thấy rằng trực giác không hề đánh lừa cô. Nhưng cô sớm nhận thấy rằng anh giữ kín về những thói quen

đặc biệt của mình; và nếu đôi khi một cảm giác lạnh, một dấu hiệu tiên tri, một sự e sợ nghi ngờ trào lên trong cô, cô không dám hỏi anh.

But his rambles were not always unaccompanied,—he took pleasure in excursions less solitary. Often, when the sea lay before them like a lake, the barren dreariness of the opposite coast of Cephallenia contrasting the smiling shores on which they dwelt, Viola and himself would pass days in cruising slowly around the coast, or in visits to the neighbouring isles. Every spot of the Greek soil, "that fair Fable-Land," seemed to him familiar; and as he conversed of the past and its exquisite traditions, he taught Viola to love the race from which have descended the poetry and the wisdom of the world. There was much in Zanoni, as she knew him better, that deepened the fascination in which Viola was from the first enthralled. His love for herself was so tender, so vigilant, and had that best and most enduring attribute, that it seemed rather grateful for the happiness in its own cares than vain of the happiness it created. His habitual mood with all who approached him was calm and gentle, almost to apathy. An angry word never passed his lips,—an angry gleam never shot from his eyes. Once they had been exposed to the danger not uncommon in those then half-savage lands. Some pirates who infested the neighbouring coasts had heard of the arrival of the strangers, and the seamen Zanoni employed had gossiped of their master's wealth. One night, after Viola had retired to rest, she was awakened by a slight noise below. Zanoni was not by her side; she listened in some alarm. Was that a groan that came upon her ear? She started up, she went to the door; all was still. A footstep now slowly approached, and Zanoni entered calm as usual, and seemed unconscious of her fears.

Nhưng những cuộc lang thang của anh không phải lúc nào cũng một mình,—anh thích những chuyến đi ít cô đơn hơn. Thường, khi biển trải rộng trước mắt họ như một hồ, sự hoang vắng cằn

cỗi của bờ biển đối diện Cephallenia so với những bờ biển tươi cười mà họ cư trú, Viola và anh sẽ dành những ngày trong việc du ngoạn chậm chạp xung quanh bờ biển, hoặc thăm các hòn đảo láng giềng. Mỗi góc đất Hy Lạp, "đất nước truyền thuyết đẹp đẽ đó," dường như quen thuộc với anh; và khi anh nói về quá khứ và những truyền thống tinh tế của nó, anh dạy Viola yêu thích dòng họ từ đó đã xuất phát ra thơ ca và trí tuệ của thế giới. Có nhiều điều trong Zanoni, khi cô biết anh càng rõ, đã làm sâu thêm sự quyến rũ mà Viola đã bị mê hoặc từ đầu. Tình yêu của anh dành cho cô rất ân cần, rất cảnh giác, và có đặc tính tốt nhất và bền vững đó, dường như chúng ta cảm kích hơn vì hạnh phúc trong những lo lắng của chính mình hơn là tự hào về hạnh phúc mà nó tạo ra. Tâm trạng thường lệ của anh với tất cả những người tiếp cận anh là bình tĩnh và nhẹ nhàng, gần như đến tận cùng lãnh đạm. Không bao giờ một lời nói giận dữ qua môi anh,—không bao giờ một ánh sáng giận dữ từ đôi mắt anh. Một lần họ đã phải đối mặt với nguy hiểm không hiếm gặp ở những vùng đất lúc đó nửa hoang dã. Một số tên cướp biển đã quấy rối các bờ biển láng giềng đã nghe tin về sự xuất hiện của những người lạ, và các thủy thủ mà Zanoni thuê đã lạc quan về sự giàu có của chủ nhân của họ. Một đêm, sau khi Viola đã nghỉ ngơi, cô bị đánh thức bởi một tiếng ồn nhỏ ở dưới. Zanoni không ở bên cạnh cô; cô lắng nghe với một chút hoảng sợ. Đó có phải là một tiếng rên mà đến tai cô không? Cô bật dậy, cô đến cửa; tất cả vẫn yên bình. Bây giờ một bước chân chậm chậm tiến đến, và Zanoni bước vào bình tĩnh như thường lệ, và dường như không nhận thức được nỗi sợ hãi của cô.

The next morning three men were found dead at the threshold of the principal entrance, the door of which had been forced. They were recognised in the neighbourhood as the most sanguinary and terrible marauders of the coasts,—men stained with a thousand murders, and who had never hitherto failed in any attempt to which the lust of rapine had impelled them. The footsteps of many others were tracked to the seashore. It seemed that their accomplices must have fled on the death of

their leaders. But when the Venetian Proveditore, or authority, of the island, came to examine into the matter, the most unaccountable mystery was the manner in which these ruffians had met their fate. Zanoni had

Whatever the pursuits that instigated these wanderings and favoured these haunts, either they were linked with, or else subordinate to, one main and master desire, which every fresh day passed in the sweet human company of Viola confirmed and strengthened.

Bất kỳ những nỗ lực nào là nguồn gốc của những cuộc lang thang này và ưa thích những nơi ẩn náu này, có thể chúng liên quan hoặc phụ thuộc vào một ước muốn chính và chủ quan, mà mỗi ngày mới trôi qua trong sự hiện diện ngọt ngào của Viola đã xác nhận và củng cố.

The scene that Glyndon had witnessed in his trance was faithful to truth. And some little time after the date of that night, Viola was dimly aware that an influence, she knew not of what nature, was struggling to establish itself over her happy life. Visions indistinct and beautiful, such as those she had known in her earlier days, but more constant and impressive, began to haunt her night and day when Zanoni was absent, to fade in his presence, and seem less fair than THAT. Zanoni questioned her eagerly and minutely of these visitations, but seemed dissatisfied, and at times perplexed, by her answers.

Cảnh mà Glyndon đã chứng kiến trong cơn mê của mình là trung thực. Và một thời gian sau ngày đó, Viola đã mơ hồ nhận ra rằng một ảnh hưởng, cô không biết đó là cơ bản gì, đang cố gắng thiết lập trên cuộc sống hạnh phúc của mình. Những ảo giác mơ hồ và đẹp đẽ, giống như những gì cô đã từng biết trong những ngày đầu tiên, nhưng càng ổn định và ấn tượng hơn, bắt đầu ám ảnh cô vào đêm ngày khi Zanoni vắng mặt, phai nhạt khi có mặt, và dường như ít xinh đẹp hơn. Zanoni cẩn thận và

chi tiết hỏi cô về những sự xuất hiện này, nhưng dường như không hài lòng và đôi khi bối rối bởi câu trả lời của cô.

“Tell me not,” he said, one day, “of those unconnected images, those evolutions of starry shapes in a choral dance, or those delicious melodies that seem to thee of the music and the language of the distant spheres. Has no ONE shape been to thee more distinct and more beautiful than the rest,—no voice uttering, or seeming to utter, thine own tongue, and whispering to thee of strange secrets and solemn knowledge?”

"Đừng nói với tôi," anh ta nói một ngày, "về những hình ảnh không liên kết đó, những sự tiến triển của hình dạng sao trong một vũ điệu hòa âm, hoặc những giai điệu ngon ngọt mà dường như với cô là nhạc và ngôn ngữ của các hành tinh xa xôi. Có một hình dạng nào đó đối với cô rõ ràng và xinh đẹp hơn so với những hình dạng khác không?—không có một giọng nói phát ra, hoặc dường như phát ra, tiếng ngôn ngữ riêng của cô, và thì thầm với cô về những bí mật lạ lùng và kiến thức trang nghiêm?"

“Yet, how is it that visions less fair than these once seemed to thee so alluring? How is it that they then stirred thy fancies and filled thy heart? Once thou didst desire a fairy-land, and now thou seemest so contented with common life.”

"Nhưng, làm thế nào mà những ảo giác ít xinh đẹp hơn những ảo giác này đã từng hấp dẫn cô? Làm thế nào mà chúng lúc đó đã kích thích trí tưởng tượng của cô và làm đầy trái tim cô? Một thời cô đã ao ước một xứ sở tiên, và bây giờ cô dường như thấy thỏa mãn với cuộc sống bình thường."

And so night surprised them by the lonely beach; and Zanoni, allured from his sublimer projects, and bending over that tender face, forgot that, in the Harmonious Infinite which

spread around, there were other worlds than that one human heart.

Và vậy đêm đã bất ngờ bắt gặp họ bên bờ biển vắng vẻ; và Zanoni, bị hấp dẫn từ những dự án cao cả của mình, và cúi xuống gương mặt dịu dàng đó, quên rằng, trong Vô Biên Hòa Hợp lan tỏa xung quanh, có những thế giới khác ngoài trái tim con người đó.

There is a principle of the soul, superior to all nature, through which we are capable of surpassing the order and systems of the world. When the soul is elevated to natures better than itself, THEN it is entirely separated from subordinate natures, exchanges this for another life, and, deserting the order of things with which it was connected, links and mingles itself with another. —Iamblichus.

Có một nguyên lý của tâm hồn, vượt trội hơn tất cả thiên nhiên, thông qua đó chúng ta có khả năng vượt qua trật tự và hệ thống của thế giới. Khi tâm hồn được nâng cao lên những bản chất tốt hơn chính nó, KHI ĐÓ nó hoàn toàn tách rời khỏi những bản chất phụ thuộc, trao đổi điều này cho một cuộc sống khác, và, bỏ rơi trật tự của những điều mà nó đã kết nối, liên kết và hòa quyện với một thứ khác. —Iamblichus.

“Adon-Ai! Adon-Ai!—appear, appear!” And in the lonely cave, whence once had gone forth the oracles of a heathen god, there emerged from the shadows of fantastic rocks a luminous and gigantic column, glittering and shifting. It resembled the shining but misty spray which, seen afar off, a fountain seems to send up on a starry night. The radiance lit the stalactites, the crags, the arches of the cave, and shed a pale and tremulous splendour on the features of Zanoni.

“Adon-Ai! Adon-Ai!—hiện ra, hiện ra!” Và trong hang độc đáo, từng là nơi đã đi ra những lời tiên tri của một vị thần thần thoại,

một cột sáng và khổng lồ, lấp lánh và chuyển động, xuất hiện từ bóng tối của những tảng đá kỳ quái. Nó giống như làn sương sáng nhưng mờ mịt mà, khi nhìn từ xa, một nguồn nước dường như phun lên trong một đêm đầy sao. Ánh sáng chiếu sáng những đá nước, những vách đá, những cửa hang của hang động, và rải một ánh sáng xanh và lung linh lên gương mặt của Zanoni.

“Son of Eternal Light,” said the invoker, “thou to whose knowledge, grade after grade, race after race, I attained at last, on the broad Chaldean plains; thou from whom I have drawn so largely of the unutterable knowledge that yet eternity alone can suffice to drain; thou who, congenial with myself, so far as our various beings will permit, hast been for centuries my familiar and my friend,—answer me and counsel!”

“Con của Ánh Sáng Vĩnh Hằng,” người kêu gọi nói, “người mà từ kiến thức của người, từ cấp độ này đến cấp độ khác, từ dân tộc này đến dân tộc khác, cuối cùng tôi đã đạt được trên những cánh đồng rộng lớn của Chaldea; người mà từ người, tôi đã rút ra nhiều kiến thức không thể diễn tả mà chỉ vĩnh hằng mới có thể đủ để hấp thụ; người đã đồng cảm với tôi, cho đến mức mà các tồn tại khác nhau của chúng ta cho phép, đã là bạn của tôi và quen thuộc của tôi trong nhiều thế kỷ,—trả lời tôi và tư vấn cho tôi!”

“Alas, Adon-Ai!” answered the seer, mournfully, “I know too well the conditions of the being which thy presence was wont to rejoice. I know that our wisdom comes but from the indifference to the things of the world which the wisdom masters. The mirror of the soul cannot reflect both earth and heaven; and the one vanishes from the surface as the other is glassed upon its deeps. But it is not to restore me to that sublime abstraction in which the intellect, free and disembodied, rises, region after region, to the spheres,—that once again, and with the agony and travail of enfeebled power I

have called thee to mine aid. I love; and in love I begin to live in the sweet humanities of another. If wise, yet in all which makes danger powerless against myself, or those on whom I can gaze from the calm height of indifferent science, I am blind as the merest mortal to the destinies of the creature that makes my heart beat with the passions which obscure my gaze."

"Buồn thay, Adon-Ai!" nhà tiên tri trả lời, đau buồn, "tôi biết quá rõ điều kiện của sự tồn tại mà sự hiện diện của người đã từng làm cho người vui mừng. Tôi biết rằng sự khôn ngoan của chúng ta chỉ đến từ sự thờ ơ đối với những điều của thế giới mà sự khôn ngoan chiếm hữu. Gương tâm hồn không thể phản chiếu cả trái đất và thiên đàng; và một trong hai sẽ biến mất từ bề mặt khi cái kia được phản chiếu trên đáy của nó. Nhưng không phải để trả về cho tôi trong sự trừu tượng cao cả đó mà trí tuệ, tự do và không thể nắm bắt, vươn lên, khu vực sau khu vực, đến các hành tinh,—rằng một lần nữa, và với nỗi đau và cực nhọc của sức mạnh yếu kém, tôi đã gọi người đến trợ giúp của tôi. Tôi yêu; và trong tình yêu tôi bắt đầu sống trong những tình cảm ngọt ngào của người khác. Nếu khôn ngoan, nhưng trong tất cả những điều khiến nguy hiểm trở nên vô dụng trước bản thân tôi, hoặc những người mà tôi có thể nhìn từ trên cao yên bình của khoa học lạnh lùng, tôi mù quáng như người thường đến vận mệnh của sinh vật khiến trái tim tôi đập với những đam mê làm mờ đi tầm nhìn của tôi."

"What matter!" answered Adon-Ai. "Thy love must be but a mockery of the name; thou canst not love as they do for whom there are death and the grave. A short time,—like a day in thy incalculable life,—and the form thou dotest on is dust! Others of the nether world go hand in hand, each with each, unto the tomb; hand in hand they ascend from the worm to new cycles of existence. For thee, below are ages; for her, but hours. And for her and thee—O poor, but mighty one!—will there be even a joint hereafter! Through what grades and heavens of spiritualised being will her soul have passed when thou, the

solitary loiterer, comest from the vapours of the earth to the gates of light!"

"Chuyện gì!" Adon-Ai trả lời. "Tình yêu của người phải chỉ là sự chế nhạo tên gọi; người không thể yêu như họ làm với những người mà cho họ là cái chết và mộ. Một thời gian ngắn,—như một ngày trong cuộc sống không thể tính của người,—và hình dạng mà người yêu quý sẽ trở thành tro! Những người khác của thế giới dưới đi cùng nhau, từng người với từng người, đến nghĩa trang; từng người cùng nhau lên từ con sâu đến các chu kỳ sống mới. Với người, dưới đây là những thời kỳ; với cô ấy, chỉ là những giờ. Và với cô ấy và người—Ôi, người nghèo, nhưng mạnh mẽ!—liệu có một ngày sau! Thông qua những cấp độ và những thiên đàng của sự tồn tại tinh thần, linh hồn của cô ấy sẽ đã trải qua những gì khi người, kẻ lang thang cô đơn, từ hơi nước của trái đất đến cánh cửa của ánh sáng!"

"Son of the Starbeam, thinkest thou that this thought is not with me forever; and seest thou not that I have invoked thee to hearken and minister to my design? Readest thou not my desire and dream to raise the conditions of her being to my own? Thou, Adon-Ai, bathing the celestial joy that makes thy life in the oceans of eternal splendour,—thou, save by the sympathies of knowledge, canst conjecture not what I, the offspring of mortals, feel—debarred yet from the objects of the tremendous and sublime ambition that first winged my desires above the clay—when I see myself compelled to stand in this low world alone. I have sought amongst my tribe for comrades, and in vain. At last I have found a mate. The wild bird and the wild beast have theirs; and my mastery over the malignant tribes of terror can banish their larvae from the path that shall lead her upward, till the air of eternity fits the frame for the elixir that baffles death."

"Con của Tia Sáng Sao, người có nghĩ rằng suy tư này không bao giờ rời khỏi tôi; và người có nhận thấy rằng tôi đã mời người để

lắng nghe và phục vụ cho kế hoạch của mình không?

“And thou hast begun the initiation, and thou art foiled! I know it. Thou hast conjured to her sleep the fairest visions; thou hast invoked the loveliest children of the air to murmur their music to her trance, and her soul heeds them not, and, returning to the earth, escapes from their control. Blind one, wherefore? canst thou not perceive? Because in her soul all is love. There is no intermediate passion with which the things thou wouldst charm to her have association and affinities. Their attraction is but to the desires and cravings of the INTELLECT. What have they with the PASSION that is of earth, and the HOPE that goes direct to heaven?”

“Và ngươi đã bắt đầu nghi lễ nhập môn, và ngươi bị thất bại! Tôi biết. Ngươi đã triệu hồi những ảo mộng đẹp nhất vào giấc ngủ của cô ấy; ngươi đã kêu gọi những đứa trẻ dễ thương của không khí để thì thầm âm nhạc vào giấc mê của cô ấy, và linh hồn cô ấy không chú ý đến chúng, và, trở về trần gian, trốn thoát khỏi sự kiểm soát của chúng. Người mù, vì sao vậy? ngươi không thể nhận ra sao? Bởi vì trong tâm hồn cô ấy tất cả đều là tình yêu. Không có cảm xúc trung gian nào mà những điều ngươi muốn mê hoặc cô ấy có sự liên kết và tương hợp. Sức hấp dẫn của họ chỉ đến từ những khao khát và mong muốn của TRÍ TUỆ. Họ có gì với SỰ NỒNG NHIỆT của trần gian, và SỰ HI VỌNG trực tiếp đến thiên đàng?”

“But can there be no medium—no link—in which our souls, as our hearts, can be united, and so mine may have influence over her own?”

“Nhưng có thể không có một phương tiện—một liên kết—mà trong đó tâm hồn chúng ta, như trái tim chúng ta, có thể được kết nối, để vậy tâm hồn tôi có thể ảnh hưởng đến tâm hồn cô ấy?”

“Ask me not,—thou wilt not comprehend me!”

“Đừng hỏi tôi,—ngươi sẽ không hiểu tôi!”

“I adjure thee!—speak!”

“Tôi thề với ngươi!—nói đi!”

“When two souls are divided, knowest thou not that a third in which both meet and live is the link between them!”

“Khi hai linh hồn bị chia cắt, ngươi có biết rằng một linh hồn thứ ba trong đó cả hai gặp nhau và sống chính là liên kết giữa họ!”

“I do comprehend thee, Adon-Ai,” said Zanoni, with a light of more human joy upon his face than it had ever before been seen to wear; “and if my destiny, which here is dark to mine eyes, vouchsafes to me the happy lot of the humble,—if ever there be a child that I may clasp to my bosom and call my own—”

“Tôi hiểu ngươi, Adon-Ai,” nói Zanoni, với ánh sáng của niềm vui nhân đạo hơn bao giờ hết trên khuôn mặt của mình mà trước đây chưa từng được nhìn thấy; “và nếu vận mệnh của tôi, mà ở đây là tối tăm đối với đôi mắt của tôi, ban phước cho tôi số phận hạnh phúc của người khiêm nhường,—nếu bao giờ có một đứa trẻ mà tôi có thể ôm vào lòng và gọi là của riêng mình—”

“And is it to be man at last, that thou hast aspired to be more than man?”

“Và cuối cùng có phải là con người, mà ngươi đã mơ ước trở nên hơn con người?”

“But a child,—a second Viola!” murmured Zanoni, scarcely heeding the Son of Light; “a young soul fresh from heaven, that I may rear from the first moment it touches earth,—whose

wings I may train to follow mine through the glories of creation; and through whom the mother herself may be led upward over the realm of death!"

"Nhưng một đứa trẻ,—một Viola thứ hai!" thì thầm Zanoni, hầu như không để ý đến Con Ánh Sáng; "một linh hồn trẻ mới từ thiên đàng, mà tôi có thể dạy dỗ từ khoảnh khắc đầu tiên nó chạm vào trái đất,—đôi cánh của nó mà tôi có thể huấn luyện để theo đuổi theo cánh của tôi qua những vinh quang của sự tạo dựng; và qua đó mà chính người mẹ có thể được dẫn lên trên vương quốc của cái chết!"

"Beware,—reflect! Knowest thou not that thy darkest enemy dwells in the Real? Thy wishes bring thee near and nearer to humanity."

"Hãy cẩn thận,—suy nghĩ! Ngươi có biết rằng kẻ thù tối tăm nhất của ngươi cư ngụ trong thực? Những điều ước của ngươi đưa ngươi gần hơn và gần hơn với con người."

"Ah, humanity is sweet!" answered Zanoni.

"Ah, con người thật ngọt ngào!" trả lời Zanoni.

And as the seer spoke, on the glorious face of Adon-Ai there broke a smile.

Và khi nhà nhìn thấy nói, trên khuôn mặt vẻ vang của Adon-Ai, một nụ cười nở ra.

CHAPTER 4.X.

Aeterna aeternus tribuit, mortalia confert Mortalis; divina Deus, peritura caducus. "Aurel. Prud. contra Symmachum," lib. ii.

EXTRACTS FROM THE LETTERS OF ZANONI TO MEJNOUR.

Letter 1.

Thou hast not informed me of the progress of thy pupil; and I fear that so differently does circumstance shape the minds of the generations to which we are descended, from the intense and earnest children of the earlier world, that even thy most careful and elaborate guidance would fail, with loftier and purer natures than that of the neophyte thou hast admitted within thy gates. Even that third state of being, which the Indian sage (The Brahmins, speaking of Brahm, say, "To the Omniscient the three modes of being—sleep, waking, and trance—are not;" distinctly recognising trance as a third and coequal condition of being.) rightly recognises as being between the sleep and the waking, and describes imperfectly by the name of TRANCE, is unknown to the children of the Northern world; and few but would recoil to indulge it, regarding its peopled calm as maya and delusion of the mind. Instead of ripening and culturing that airy soil, from which Nature, duly known, can evoke fruits so rich and flowers so fair, they strive but to exclude it from their gaze; they esteem that struggle of the intellect from men's narrow world to the spirit's infinite home, as a disease which the leech must extirpate with pharmacy and drugs, and know not even that it is from this condition of their being, in its most imperfect and infant form, that poetry, music, art—all that belong to an Idea of Beauty to which neither SLEEPING nor WAKING can furnish archetype and actual semblance—take their immortal birth.

When we, O Mejnour in the far time, were ourselves the neophytes and aspirants, we were of a class to which the actual world was shut and barred. Our forefathers had no object in life but knowledge. From the cradle we were predestined and reared to wisdom as to a priesthood. We commenced research where modern Conjecture closes its faithless wings. And with us, those were common elements of science which the sages of to-day disdain as wild chimeras, or despair of as unfathomable

mysteries. Even the fundamental principles, the large yet simple theories of electricity and magnetism, rest obscure and dim in the disputes of their blinded schools; yet, even in our youth, how few ever attained to the first circle of the brotherhood, and, after wearily enjoying the sublime privileges they sought, they voluntarily abandoned the light of the sun, and sunk, without effort, to the grave, like pilgrims in a trackless desert, overawed by the stillness of their solitude, and appalled by the absence of a goal.

Thou, in whom nothing seems to live BUT THE DESIRE TO KNOW; thou, who, indifferent whether it leads to weal or to woe, lendest thyself to all who would tread the path of mysterious science, a human book, insensate to the precepts it enounces,—thou hast ever sought, and often made additions to our number. But to these have only been vouchsafed partial secrets; vanity and passion unfitted them for the rest; and now, without other interest than that of an experiment in science, without love, and without pity, thou exposest this new soul to the hazards of the tremendous ordeal! Thou thinkest that a zeal so inquisitive, a courage so absolute and dauntless, may suffice to conquer, where austerer intellect and purer virtue have so often failed. Thou thinkest, too, that the germ of art that lies in the painter's mind, as it comprehends in itself the entire embryo of power and beauty, may be expanded into the stately flower of the Golden Science. It is a new experiment to thee.

Be gentle with thy neophyte, and if his nature disappoint thee in the first stages of the process, dismiss him back to the Real while it is yet time to enjoy the brief and outward life which dwells in the senses, and closes with the tomb. And as I thus admonish thee, O Mejnour, wilt thou smile at my inconsistent hopes? I, who have so invariably refused to initiate others into our mysteries,—I begin at last to comprehend why the great law, which binds man to his kind, even when seeking most to set himself aloof from their condition, has made thy cold and

bloodless science the link between thyself and thy race; why, THOU has sought converts and pupils; why, in seeing life after life voluntarily dropping from our starry order, thou still aspirest to renew the vanished, and repair the lost; why, amidst thy calculations, restless and unceasing as the wheels of Nature herself, thou recoilest from the THOUGHT TO BE ALONE!

So with myself; at last I, too, seek a convert, an equal,—I, too, shudder to be alone! What thou hast warned me of has come to pass. Love reduces all things to itself. Either must I be drawn down to the nature of the beloved, or hers must be lifted to my own. As whatever belongs to true Art has always necessarily had attraction for US, whose very being is in the ideal whence Art descends, so in this fair creature I have learned, at last, the secret that bound me to her at the first glance. The daughter of music,—music, passing into her being, became poetry. It was not the stage that attracted her, with its hollow falsehoods; it was the land in her own fancy which the stage seemed to centre and represent. There the poetry found a voice,—there it struggled into imperfect shape; and then (that land insufficient for it) it fell back upon itself. It coloured her thoughts, it suffused her soul; it asked not words, it created not things; it gave birth but to emotions, and lavished itself on dreams. At last came love; and there, as a river into the sea, it poured its restless waves, to become mute and deep and still,—the everlasting mirror of the heavens.

And is it not through this poetry which lies within her that she may be led into the large poetry of the universe! Often I listen to her careless talk, and find oracles in its unconscious beauty, as we find strange virtues in some lonely flower. I see her mind ripening under my eyes; and in its fair fertility what ever-teeming novelties of thought! O Mejnour! how many of our tribe have unravelled the laws of the universe,—have solved the riddles of the exterior nature, and deduced the light from darkness! And is not the POET, who studies nothing but the

human heart, a greater philosopher than all? Knowledge and atheism are incompatible. To know Nature is to know that there must be a God. But does it require this to examine the method and architecture of creation? Methinks, when I look upon a pure mind, however ignorant and childlike, that I see the August and Immaterial One more clearly than in all the orbs of matter which career at His bidding through space.

Rightly is it the fundamental decree of our order, that we must impart our secrets only to the pure. The most terrible part of the ordeal is in the temptations that our power affords to the criminal. If it were possible that a malevolent being could attain to our faculties, what disorder it might introduce into the globe! Happy that it is NOT possible; the malevolence would disarm the power. It is in the purity of Viola that I rely, as thou more vainly hast relied on the courage or the genius of thy pupils. Bear me witness, Mejnour! Never since the distant day in which I pierced the Arcana of our knowledge, have I ever sought to make its mysteries subservient to unworthy objects; though, alas! the extension of our existence robs us of a country and a home; though the law that places all science, as all art, in the abstraction from the noisy passions and turbulent ambition of actual life, forbids us to influence the destinies of nations, for which Heaven selects ruder and blinder agencies; yet, wherever have been my wanderings, I have sought to soften distress, and to convert from sin. My power has been hostile only to the guilty; and yet with all our lore, how in each step we are reduced to be but the permitted instruments of the Power that vouchsafes our own, but only to direct it. How all our wisdom shrinks into nought, compared with that which gives the meanest herb its virtues, and peoples the smallest globule with its appropriate world. And while we are allowed at times to influence the happiness of others, how mysteriously the shadows thicken round our own future doom! We cannot be prophets to ourselves! With what trembling hope I nurse the

thought that I may preserve to my solitude the light of a living smile!

Đúng là quyết định cơ bản của tổ chức chúng ta, rằng chúng ta chỉ nên tiết lộ bí mật của chúng ta cho người trong sạch. Phần khủng khiếp nhất của cuộc thử thách là ở những cám dỗ mà sức mạnh của chúng ta mang lại cho kẻ phạm tội. Nếu có thể một sinh vật ác có thể đạt được những năng lực của chúng ta, hỗn loạn nào nó có thể giới thiệu vào trái đất! May mắn là Điều Đó KHÔNG thể. Sự ác nghịch sẽ làm mất sức mạnh. Đó là sự trong sáng của Viola mà tôi tin cậy, trong khi bạn đã tin vào dũng lực hoặc tài năng của học trò của mình một cách vô ích. Hãy làm chứng cho tôi, Mejnour! Kể từ ngày xa xưa mà tôi đã xâm nhập vào Arcana của kiến thức của chúng ta, tôi chưa bao giờ cố gắng làm cho những bí ẩn của nó phục vụ cho các mục tiêu không xứng đáng; mặc dù, ôi! Sự kéo dài của sự tồn tại của chúng ta cướp đi từ chúng ta một quốc gia và một mái ấm; mặc dù luật lệ đặt tất cả khoa học, cũng như tất cả nghệ thuật, trong sự trừu tượng khỏi những cảm xúc ồn ào và tham vọng hỗn loạn của cuộc sống thực tế, ngăn chúng ta ảnh hưởng đến số phận của các quốc gia, mà Thiên Đường chọn lựa các công cụ thô bạo và mù quáng; tuy nhiên, bất kỳ nơi nào tôi đã đi lang thang, tôi đã cố gắng làm dịu đau khổ, và chuyển hóa từ tội lỗi. Sức mạnh của tôi chỉ đối với những người có tội; và vẫn với tất cả kiến thức của chúng ta, làm sao mỗi bước chúng ta bị giảm xuống chỉ là các công cụ được phép của Quyền Năng mà ban cho chúng ta, nhưng chỉ để điều chỉnh nó. Làm sao tất cả sự khôn ngoan của chúng ta co lại thành không, so với những gì mà ban cho loại thảo dược thấp nhất của nó là những phẩm chất, và lấp đầy hạt nhỏ nhất với thế giới phù hợp của nó. Và trong khi chúng ta được phép đôi khi ảnh hưởng đến hạnh phúc của người khác, làm sao bóng tối dày đặc xung quanh số phận tương lai của chúng ta! Chúng ta không thể là những nhà tiên tri của chính mình! Với niềm hy vọng run rẩ tôi chăm sóc suy nghĩ rằng tôi có thể giữ cho sự cô đơn của mình ánh sáng của một nụ cười sống!

Extracts from Letter II. Deeming myself not pure enough to initiate so pure a heart, I invoke to her trance those fairest and most tender inhabitants of space that have furnished to poetry, which is the instinctive guess into creation, the ideas of the Glendoveer and Sylph. And these were less pure than her own thoughts, and less tender than her own love! They could not raise her above her human heart, for THAT has a heaven of its own.

Trích từ Thư II. Tự cho rằng mình không trong sạch đủ để khởi xướng một trái tim trong sáng như vậy, tôi mời vào giấc ngủ mê của cô ấy những cư dân tinh tú đẹp nhất và nhẹ nhàng nhất của không gian mà đã cung cấp cho thơ ca, mà là sự đoán trực giác vào sự sáng tạo, các ý tưởng của Glendoveer và Sylph. Và những ý tưởng đó không trong sáng bằng suy nghĩ của cô ấy, và không nhẹ nhàng bằng tình yêu của cô ấy! Chúng không thể đưa cô ấy lên trên trái tim con người của cô ấy, vì ĐÓ có một thiên đàng riêng.

I have just looked on her in sleep,—I have heard her breathe my name. Alas! that which is so sweet to others has its bitterness to me; for I think how soon the time may come when that sleep will be without a dream,—when the heart that dictates the name will be cold, and the lips that utter it be dumb. What a twofold shape there is in love! If we examine it coarsely,—if we look but on its fleshy ties, its enjoyments of a moment, its turbulent fever and its dull reaction,—how strange it seems that this passion should be the supreme mover of the world; that it is this which has dictated the greatest sacrifices, and influenced all societies and all times; that to this the loftiest and loveliest genius has ever consecrated its devotion; that, but for love, there were no civilisation, no music, no poetry, no beauty, no life beyond the brute's.

Tôi vừa nhìn cô ấy trong giấc ngủ,—tôi đã nghe cô ấy thở tên của tôi. Ôi! Điều đó ngọt ngào với người khác thì lại đắng đắng

với tôi; vì tôi nghĩ làm sao lúc nào thời gian sẽ đến khi giấc ngủ đó sẽ không có mơ mộng,—khi trái tim đang ra lệnh tên sẽ lạnh lẽo, và đôi môi phát âm sẽ câm. Có bao nhiêu hình dạng kép trong tình yêu! Nếu chúng ta xem xét nó một cách thô thiển,—nếu chúng ta chỉ nhìn vào những mối liên kết thịt thào của nó, những niềm vui trong một khoảnh khắc, cơn sốt hỗn loạn và phản ứng chậm chạp của nó,—nó trở nên lạ lẫm khi đam mê này được coi là người thống soái của thế giới; rằng đó chính là điều đã ra lệnh cho những hy sinh lớn nhất, và ảnh hưởng đến tất cả các xã hội và tất cả các thời đại; rằng đối với điều này, những tài năng cao nhất và đẹp nhất đã từng cống hiến sự tận tâm của mình; rằng, nếu không có tình yêu, không có nền văn minh, không có âm nhạc, không có thơ ca, không có vẻ đẹp, không có cuộc sống ngoài thế giới động vật.

Knowest thou that of late I have sometimes asked myself, “Is there no guilt in the knowledge that has so divided us from our race?” It is true that the higher we ascend the more hateful seem to us the vices of the short-lived creepers of the earth,—the more the sense of the goodness of the All-good penetrates and suffuses us, and the more immediately does our happiness seem to emanate from him. But, on the other hand, how many virtues must lie dead in those who live in the world of death, and refuse to die! Is not this sublime egotism, this state of abstraction and reverie,—this self-wrapped and self-dependent majesty of existence, a resignation of that nobility which incorporates our own welfare, our joys, our hopes, our fears with others? To live on in no dread of foes, undegraded by infirmity, secure through the cares, and free from the disease of flesh, is a spectacle that captivates our pride. And yet dost thou not more admire him who dies for another? Since I have loved her, Mejnour, it seems almost cowardice to elude the grave which devours the hearts that wrap us in their folds. I feel it,—the earth grows upon my spirit. Thou wert right; eternal age, serene and passionless, is a happier boon than eternal youth,

with its yearnings and desires. Until we can be all spirit, the tranquillity of solitude must be indifference.

Có biết rằng gần đây tôi đã đôi khi tự hỏi mình, "Liệu có tội lỗi nào trong kiến thức đã chia cắt chúng ta khỏi chủng loài của chúng ta không?" Đúng là càng cao lên ta, càng ghê tởm những tật xấu của những cây cỏ ngắn ngủi trên trái đất,—càng cảm nhận được sự tốt lành của Chúa trên hết thấu và tràn ngập chúng ta, và càng ngay lập tức hạnh phúc của chúng ta dường như bắt nguồn từ Ngài. Nhưng, ngược lại, có bao nhiêu đức tính phải chết trong những người sống trong thế giới của cái chết, và từ chối chết! Liệu rằng sự tự cao cao quý, trạng thái trừu tượng và mơ mộng,—sự vĩ đại tự cao và tự phụ của sự tồn tại, một sự từ bỏ cao quý kia đi vào sự hòa nhập của hạnh phúc của chúng ta, niềm vui của chúng ta, hy vọng của chúng ta, nỗi sợ của chúng ta với người khác? Sống mà không sợ kẻ thù, không bị hạ thấp bởi sự yếu đuối, an toàn qua sự chăm sóc, và không bị bệnh tật của thịt thì là một cảnh tượng mà làm cho niềm tự hào của chúng ta bị lôi cuốn. Và nhưng liệu rằng không phải người ta càng ngưỡng mộ người đó chết vì người khác không? Kể từ khi tôi yêu cô ấy, Mejnour, có vẻ như hầu như là sự hèn nhát khi tránh né ngôi mộ nuốt chửng những trái tim bao bọc chúng ta trong vòng tay của chúng. Tôi cảm nhận được,—đất đang bao phủ lấy tinh thần của tôi. Ông đã đúng; tuổi tác vĩnh hằng, thanh bình và không cảm xúc, là một món quà hạnh phúc hơn so với tuổi trẻ vĩnh hằng, với những khao khát và mong muốn của nó. Cho đến khi chúng ta có thể trở thành tất cả là tinh thần, sự yên bình của cô đơn phải là sự thờ ơ.

I have received thy communication. What! is it so? Has thy pupil disappointed thee? Alas, poor pupil! But—

Tôi đã nhận được thông tin của bạn. Cái gì! Vậy à? Học trò của bạn đã làm bạn thất vọng à? Ôi, học trò tội nghiệp! Nhưng—

(Here follow comments on those passages in Glyndon's life already known to the reader, or about to be made so, with earnest adjurations to Mejnour to watch yet over the fate of his scholar.)

(Tiếp theo là những bình luận về những đoạn trong cuộc đời của Glyndon đã được độc giả biết, hoặc sắp được biết, với những lời cầu nguyện chân thành đến Mejnour để tiếp tục theo dõi số phận của học trò của mình.)

But I cherish the same desire, with a warmer heart. My pupil! how the terrors that shall encompass thine ordeal warn me from the task! Once more I will seek the Son of Light.

Nhưng tôi nuôi dưỡng cùng ước muốn đó, với một trái tim ấm áp hơn. Học trò của tôi! những nỗi sợ hãi sẽ bao quanh thử thách của bạn cảnh báo tôi khỏi nhiệm vụ! Một lần nữa tôi sẽ tìm kiếm Con của Ánh Sáng.

Yes; Adon-Ai, long deaf to my call, at last has descended to my vision, and left behind him the glory of his presence in the shape of Hope. Oh, not impossible, Viola,—not impossible, that we yet may be united, soul with soul!

Đúng; Adon-Ai, đã lâu khiếm thính với lời kêu gọi của tôi, cuối cùng đã hạ xuống trong tầm nhìn của tôi, và để lại phía sau sự vinh quang của sự hiện diện của mình dưới hình dạng của Hy vọng. Ôi, không phải không thể, Viola,—không phải không thể, rằng chúng ta có thể được hợ

Yes, Viola, thou art another being than when, by the threshold of thy Italian home, thou didst follow thy dim fancies through the Land of Shadow; or when thou didst vainly seek to give voice to an ideal beauty, on the boards where illusion counterfeits earth and heaven for an hour, till the weary sense, awaking, sees but the tinsel and the scene-shifter. Thy spirit reposes in its own happiness. Its wanderings have found a goal.

In a moment there often dwells the sense of eternity; for when profoundly happy, we know that it is impossible to die. Whenever the soul FEELS ITSELF, it feels everlasting life.

Vâng, Viola, em là một người khác so với khi, bên lối vào ngôi nhà Ý của em, em đi theo những ảo tưởng mờ nhạt qua Vùng Bóng Đêm; hoặc khi em vô ích tìm cách thể hiện một vẻ đẹp lý tưởng, trên sân khấu nơi ảo giác làm giả mạo trái đất và thiên đường trong một giờ, cho đến khi giác quan mệt mỏi, tỉnh giấc, chỉ thấy những bạc và người thay đổi cảnh. Linh hồn của em yên nghỉ trong hạnh phúc của chính mình. Những cuộc lang thang đã tìm thấy một mục tiêu. Trong một khoảnh khắc thường tồn tại cảm giác vĩnh hằng; vì khi vô cùng hạnh phúc, chúng ta biết rằng không thể chết. Khi nào linh hồn CẢM THẤY CHÍNH MÌNH, nó cảm nhận cuộc sống vĩnh cửu.

The initiation is deferred,—thy days and nights are left to no other visions than those with which a contented heart enchants a guileless fancy. Glendoveers and Sylphs, pardon me if I question whether those visions are not lovelier than yourselves.

Nghi lễ nhập môn bị hoãn, ngày đêm của em không còn những tầm nhìn khác ngoài những điều mà một trái tim hài lòng quyến rũ một trí tưởng nguyên thủy. Glendoveers và Sylphs, xin lỗi em nếu em nghi ngờ liệu những tầm nhìn đó có đẹp hơn chính các người.

They stand by the beach, and see the sun sinking into the sea. How long now have they dwelt on that island? What matters!—it may be months, or years—what matters! Why should I, or they, keep account of that happy time? As in the dream of a moment ages may seem to pass, so shall we measure transport or woe,—by the length of the dream, or the number of emotions that the dream involves?

Họ đứng bên bờ biển, và nhìn thấy mặt trời lặn vào biển. Họ đã sống trên hòn đảo đó bao lâu rồi? Có quan trọng không!—đó có thể là tháng, hoặc năm—có quan trọng không! Tại sao tôi, hoặc họ, phải ghi chú về thời gian hạnh phúc đó? Như trong giấc mơ của một khoảnh khắc có thể có vẻ như đã trôi qua nhiều thời kỳ, vậy chúng ta sẽ đo lường niềm vui hoặc nỗi buồn,—bằng độ dài của giấc mơ, hoặc số lượng cảm xúc mà giấc mơ kèm theo?

The sun sinks slowly down; the air is arid and oppressive; on the sea, the stately vessel lies motionless; on the shore, no leaf trembles on the trees.

Mặt trời lặn chậm chạp; không khí khô khan và áp đặt; trên biển, con thuyền trang trọng đứng im lì; bên bờ, không lá cây rung rinh.

Viola drew nearer to Zanoni. A presentiment she could not define made her heart beat more quickly; and, looking into his face, she was struck with its expression: it was anxious, abstracted, perturbed. “This stillness awes me,” she whispered.

Viola đến gần Zanoni. Một linh cảm mà cô không thể xác định khiến trái tim cô đập nhanh hơn; và, nhìn vào khuôn mặt anh ta, cô bị ấn tượng bởi biểu hiện của anh ta: nó lo lắng, trừu tượng, rối loạn. "Sự yên bình này làm cho em kinh hãi," cô thì thầm.

Zanoni did not seem to hear her. He muttered to himself, and his eyes gazed round restlessly. She knew not why, but that gaze, which seemed to pierce into space,—that muttered voice in some foreign language—revived dimly her earlier superstitions. She was more fearful since the hour when she knew that she was to be a mother. Strange crisis in the life of woman, and in her love! Something yet unborn begins already to divide her heart with that which had been before its only monarch.

Zanoni dường như không nghe thấy cô. Anh ta lầm bầm với chính mình, và ánh mắt anh ta nhìn quanh một cách không yên. Cô không biết tại sao, nhưng ánh nhìn đó, dường như xâm nhập vào không gian,—giọng nói lầm bầm bằng một ngôn ngữ nước ngoài—đánh thức mờ nhạt những niềm tin tiên sử trong cô. Cô càng sợ hơn từ khi cô biết mình sắp làm mẹ. Cuộc khủng hoảng lạ trong cuộc sống của phụ nữ, và trong tình yêu của cô! Một cái gì đó chưa sinh ra đã bắt đầu chia lìa trái tim cô với cái đã từng là vị vua duy nhất của nó.

“Look on me, Zanoni,” she said, pressing his hand. He turned: “Thou art pale, Viola; thy hand trembles!” “It is true. I feel as if some enemy were creeping near us.” “And the instinct deceives thee not. An enemy is indeed at hand. I see it through the heavy air; I hear it through the silence: the Ghostly One,—the Destroyer, the PESTILENCE! Ah, seest thou how the leaves swarm with insects, only by an effort visible to the eye. They follow the breath of the plague!” As he spoke, a bird fell from the boughs at Viola’s feet; it fluttered, it writhed an instant, and was dead. “Oh, Viola!” cried Zanoni, passionately, “that is death. Dost thou not fear to die?” “To leave thee? Ah, yes!”

"Nhìn em, Zanoni," cô nói, nắm chặt tay anh. Anh quay lại: "Em trắng bệch, Viola; tay em run!" "Đúng vậy. Em cảm thấy như có một kẻ thù đang bò gần chúng ta." "Và trực giác không đánh lừa em. Một kẻ thù thực sự đang ở gần. Anh thấy nó qua không khí nặng nề; anh nghe thấy nó qua sự yên lặng: Kẻ Ma Quỷ,—Kẻ Hủy Diệt, SỰ DỊCH BỆNH! Ah, em thấy không, lá cây đầy sâu bọ, chỉ qua một cố gắng mới có thể nhìn thấy bằng mắt. Chúng theo dõi hơi thở của dịch bệnh!" Khi anh nói, một con chim rơi từ cành xuống chân của Viola; nó đập cánh, nó quẹo một thoáng, và chết. "Ôi, Viola!" Zanoni gào lên, mạnh mẽ, "đó là cái chết. Em có sợ chết không?" "Để rời xa anh? Ah, có!"

“And if I could teach thee how Death may be defied; if I could arrest for thy youth the course of time; if I could—” He paused

abruptly, for Viola's eyes spoke only terror; her cheek and lips were pale. "Speak not thus,—look not thus," she said, recoiling from him. "You dismay me. Ah, speak not thus, or I should tremble,—no, not for myself, but for thy child."

"Và nếu anh có thể dạy em làm thế nào để thách thức cái Chết; nếu anh có thể ngăn chặn thời gian cho tuổi trẻ của em; nếu anh có thể—" Anh dừng đột ngột, vì ánh mắt của Viola chỉ nói lên sự kinh hoàng; má và môi cô trắng bệch. "Đừng nói như vậy,—đừng nhìn như vậy," cô nói, lùi lại khỏi anh. "Anh làm em sợ hãi. Ah, đừng nói như vậy, hoặc em sẽ run lên,—không phải vì bản thân em, mà vì đứa con của anh."

"Thy child! But wouldst thou reject for thy child the same glorious boon?" "Zanoni!" "Well!" "The sun has sunk from our eyes, but to rise on those of others. To disappear from this world is to live in the world afar. Oh, lover,—oh, husband!" she continued, with sudden energy, "tell me that thou didst but jest,—that thou didst but trifle with my folly! There is less terror in the pestilence than in thy words."

"Đứa con của em! Nhưng em có muốn từ chối cho đứa con của mình món quà vĩnh cửu đó không?" "Zanoni!" "Vâng!" "Mặt trời đã lặn khỏi ánh mắt chúng ta, nhưng sẽ mọc trên ánh mắt của người khác. Biến mất khỏi thế giới này là sống trong thế giới xa. Ôi, người yêu,—ôi, người chồng!" cô tiếp tục, với một năng lượng đột ngột, "nói với em rằng anh chỉ đùa,—rằng anh chỉ đùa giỡn với sự ngu xuẩn của em! Không có nỗi sợ hơn trong dịch bệnh hơn trong những lời nói của anh."

Zanoni's brow darkened; he looked at her in silence for some moments, and then said, almost severely,— "What hast thou known of me to distrust?" "Oh, pardon, pardon!—nothing!" cried Viola, throwing herself on his breast, and bursting into tears. "I will not believe even thine own words, if they seem to

wrong thee!” He kissed the tears from her eyes, but made no answer.

Trán của Zanoni tối đi; anh nhìn cô trong im lặng một lúc, sau đó nói, gần như nghiêm khắc,— "Em đã biết gì về anh mà phải nghi ngờ?" "Ôi, xin lỗi, xin lỗi!—không gì cả!" Viola gào lên, ném mình vào ngực anh, và bật khóc. "Em sẽ không tin cả những lời của anh, nếu chúng dường như làm hại anh!" Anh hôn những giọt nước mắt từ mắt cô, nhưng không trả lời.

“And ah!” she resumed, with an enchanting and child-like smile, “if thou wouldst give me a charm against the pestilence! see, I will take it from thee.” And she laid her hand on a small, antique amulet that he wore on his breast. “Thou knowest how often this has made me jealous of the past; surely some love-gift, Zanoni? But no, thou didst not love the giver as thou dost me. Shall I steal thine amulet?” “Infant!” said Zanoni, tenderly; “she who placed this round my neck deemed it indeed a charm, for she had superstitions like thyself; but to me it is more than the wizard’s spell,—it is the relic of a sweet vanished time when none who loved me could distrust.” He said these words in a tone of such melancholy reproach that it went to the heart of Viola; but the tone changed into a solemnity which chilled back the gush of her feelings as he resumed: “And this, Viola, one day, perhaps, I will transfer from my breast to thine; yes, whenever thou shalt comprehend me better,—WHENEVER THE LAWS OF OUR BEING SHALL BE THE SAME!”

"Và ah!" cô tiếp tục, với một nụ cười quyến rũ và giống như trẻ con, "nếu anh muốn cho em một bùa chống lại dịch bệnh! xem, em sẽ lấy nó từ anh." Và cô đặt tay lên một chiếc bùa cổ xưa mà anh đeo trên ngực. "Anh biết bao lần điều này khiến em ghen tỵ với quá khứ; chắc chắn là một món quà tình yêu, Zanoni? Nhưng không, anh không yêu người tặng như anh yêu em. Em có nên lấy bùa của anh không?" "Đứa trẻ!" Zanoni nói, một cách nhân hậu; "người đã đặt chiếc này vào cổ tôi thực sự coi nó là

một bùa, vì cô ấy có những niềm tin tưởng giống như em; nhưng đối với tôi nó có ý nghĩa hơn là lời nguyền của phù thủy, —nó là di vật của một thời kỳ ngọt ngào đã qua khi không ai yêu tôi có thể nghi ngờ." Anh nói những lời này với một âm thanh của sự trách móc u sầu đến nỗi nó đến tận tâm hồn của Viola; nhưng âm thanh đó thay đổi thành một sự trang nghiêm làm lạnh những cảm xúc của cô khi anh tiếp tục: "Và đi

“Has the wisdom of ages brought me no happier hours than those common to the shepherd and the herdsman, with no world beyond their village, no aspiration beyond the kiss and the smile of home?”

"Thế giới của người chăn cừu và người chăn trâu, không có thế giới nào vượt ra ngoài làng quê, không có khát vọng nào cao hơn nụ hôn và nụ cười của gia đình, liệu có mang lại cho tôi những giờ phút hạnh phúc hơn không?"

And the moon, resting alike over the ruins of the temple of the departed creed, over the hut of the living peasant, over the immemorial mountain-top, and the perishable herbage that clothed its sides, seemed to smile back its answer of calm disdain to the being who, perchance, might have seen the temple built, and who, in his inscrutable existence, might behold the mountain shattered from its base.

Và ánh trăng, nghỉ ngơi trên những tàn tích của đền thờ của tín ngưỡng đã mất, trên nhà của người nông dân đang sống, trên đỉnh núi vô định tuổi thọ và cỏ cây phế thải bao phủ hai bên, dường như cười nhẹ với sự khinh bỉ bình tĩnh trả lời lại cho người có lẽ đã thấy đền thờ được xây dựng, và người, trong sự tồn tại không thể lý giải của mình, có thể nhìn thấy núi bị phá hủy từ gốc.

It will be remembered that we left Master Paolo by the bedside of Glyndon; and as, waking from that profound slumber, the recollections of the past night came horribly back to his mind, the Englishman uttered a cry, and covered his face with his hands.

Chúng ta nhớ rằng chúng ta đã để lại Master Paolo bên giường của Glyndon; và khi tỉnh dậy từ giấc ngủ sâu lắng đó, ký ức về đêm qua quay về tâm trí anh ta một cách kinh hoàng, người Anh kêu lên và che kín khuôn mặt bằng tay.

“Good morrow, Excellency!” said Paolo, gayly. “Corpo di Bacco, you have slept soundly!”

"Chào buổi sáng, Ngài!" Paolo nói một cách vui vẻ. "Corpo di Bacco, Ngài đã ngủ sâu!"

The sound of this man’s voice, so lusty, ringing, and healthful, served to scatter before it the phantasma that yet haunted Glyndon’s memory.

Âm thanh của giọng nói của người này, mạnh mẽ, vang vọng và khỏe mạnh, đã phân tán trước mặt những hình ảnh ma quỷ mà vẫn ám ảnh trong ký ức của Glyndon.

He rose erect in his bed. “And where did you find me? Why are you here?”

Anh đứng dậy trên giường. "Và anh tìm thấy tôi ở đâu? Tại sao anh lại ở đây?"

“Where did I find you!” repeated Paolo, in surprise,—“in your bed, to be sure. Why am I here!—because the Padrone bade me await your waking, and attend your commands.”

"Anh tìm thấy bạn ở đâu!" Paolo lặp lại, ngạc nhiên, "chắc chắn là trong giường của bạn. Tại sao tôi ở đây!—vì Padrone bảo tôi đợi cho đến khi anh tỉnh dậy và tuân theo mệnh lệnh của anh."

“The Padrone, Mejnour!—is he arrived?”

"Pardrone, Mejnour!—anh ấy đã đến chưa?"

“At your service. I have bespoke an excellent breakfast: you must be hungry. I am a very tolerable cook; a monk’s son ought to be! You will be startled at my genius in the dressing of fish. My singing, I trust, will not disturb you. I always sing while I prepare a salad; it harmonises the ingredients.” And slinging his carbine over his shoulder, Paolo sauntered from the room, and closed the door.

"Dịch vụ tận tình của tôi. Tôi đã đặt một bữa sáng tuyệt vời: anh chắc chắn đói rồi. Tôi là một đầu bếp khá ổn; con trai của một thầy tu nên phải làm vậy! Anh sẽ ngạc nhiên với tài năng của tôi trong việc chế biến cá. Tôi hy vọng rằng việc hát của tôi sẽ không làm phiền anh. Tôi luôn hát khi chuẩn bị một phần salad; nó hòa quyện các nguyên liệu." Và vươn súng ngắn qua vai, Paolo đi lang thang ra khỏi phòng và đóng cửa.

“When I first received thee as my pupil, I promised Zanoni, if convinced by thy first trials that thou couldst but swell, not the number of our order, but the list of the victims who have aspired to it in vain, I would not rear thee to thine own wretchedness and doom,—I would dismiss thee back to the world. I fulfil my promise.

"Khi tôi lần đầu tiên nhận anh làm học trò của mình, tôi đã hứa với Zanoni, nếu thuyết phục bởi những thử nghiệm đầu tiên của anh rằng anh chỉ có thể phồng to, không phải số lượng của chúng ta, mà là danh sách của những nạn nhân đã thèm muốn mà vô ích, tôi sẽ không nuôi dưỡng anh đến cảnh khốn khổ và

số phận của riêng anh,—tôi sẽ giải tán anh trở lại thế giới. Tôi thực hiện lời hứa của mình.

“But woe to thee! insect meshed in the web in which thou hast entangled limbs and wings! Thou hast not only inhaled the elixir, thou hast conjured the spectre; of all the tribes of the space, no foe is so malignant to man,—and thou hast lifted the veil from thy gaze. I cannot restore to thee the happy dimness of thy vision. Know, at least, that all of us—the highest and the wisest—who have, in sober truth, passed beyond the threshold, have had, as our first fearful task, to master and subdue its grisly and appalling guardian. Know that thou CANST deliver thyself from those livid eyes,—know that, while they haunt, they cannot harm, if thou resistest the thoughts to which they tempt, and the horror they engender. DREAD THEM MOST WHEN THOU BEHOLDEST THEM NOT. And thus, son of the worm, we part! All that I can tell thee to encourage, yet to warn and to guide, I have told thee in these lines. Not from me, from thyself has come the gloomy trial from which I yet trust thou wilt emerge into peace. Type of the knowledge that I serve, I withhold no lesson from the pure aspirant; I am a dark enigma to the general seeker. As man’s only indestructible possession is his memory, so it is not in mine art to crumble into matter the immaterial thoughts that have sprung up within thy breast. The tyro might shatter this castle to the dust, and topple down the mountain to the plain. The master has no power to say, ‘Exist no more,’ to one THOUGHT that his knowledge has inspired. Thou mayst change the thoughts into new forms; thou mayst rarefy and sublimate it into a finer spirit,—but thou canst not annihilate that which has no home but in the memory, no substance but the idea. EVERY THOUGHT IS A SOUL! Vainly, therefore, would I or thou undo the past, or restore to thee the gay blindness of thy youth. Thou must endure the influence of the elixir thou hast inhaled; thou must wrestle with the spectre thou hast invoked!”

Nhưng sự oan hồn cho ngươi! con côn trùng mắc kẹt trong mạng mà ngươi đã vướng vào cánh và cánh! Ngươi không chỉ hít vào bí thuốc, ngươi đã triệu hồi hình dạng; trong tất cả các bộ tộc trên không gian, không có kẻ thù nào độc ác bằng với con người,—và ngươi đã bật lên lớp màn từ cái nhìn của mình. Tôi không thể trả lại cho ngươi sự mờ nhạt hạnh phúc của cái nhìn. Biết, ít nhất, rằng tất cả chúng ta—những người cao cả và thông thái—ai đã, trong sự thật đúng đắn, vượt qua ngưỡng cửa, đã trải qua, như nhiệm vụ đầu tiên đầy sợ hãi, là phải kiểm soát và khuất phục người trông coi lốc xoáy đáng sợ và đáng sợ của nó. Biết rằng ngươi CÓ THỂ giải thoát cho mình khỏi những đôi mắt xanh,—biết rằng, trong khi chúng quấy rối, chúng không thể gây hại, nếu ngươi chống lại những suy nghĩ mà chúng dụ dỗ, và sự kinh hoàng mà chúng sinh ra. NGUYỀN RỦA CHÚNG NHẤT KHI NGƯƠI NHÌN THẤY CHÚNG KHÔNG. Và như vậy, con của con sâu, chúng ta chia tay! Tất cả những gì tôi có thể nói cho ngươi khích lệ, vẫn cảnh báo và chỉ dẫn, tôi đã nói cho ngươi trong những dòng này. Không phải từ tôi, từ chính mình ngươi đã đến cuộc thử thách u ám mà tôi tin rằng ngươi sẽ thoát ra vào hòa bình. Loại kiến thức mà tôi phục vụ, tôi không giấu bài học nào khỏi người tìm kiếm trong sáng; tôi là một bí ẩn tối tăm với người tìm kiếm tổng quát. Vì tài sản duy nhất không thể phá hủy của con người là ký ức, nên không phải trong nghệ thuật của tôi để làm tan chảy thành vật chất những suy nghĩ phi vật chất mà đã nảy sinh trong ngực của ngươi. Người mới có thể phá hủy lâu đài này thành bụi, và đẩy núi đổ xuống đồng bằng. Người thầy không có quyền nói, 'Đừng tồn tại nữa,' với một SỰ NÓI mà kiến thức của mình đã truyền cảm hứng. Ngươi có thể biến những suy nghĩ thành các hình thức mới; ngươi có thể làm cho nó tinh lọc và tinh khiết hơn thành một tinh thần tốt hơn, —nhưng ngươi không thể tiêu diệt điều đó mà không có nơi ở ngoài ký ức, không có chất liệu ngoài ý tưởng. MỖI SỰ NÓI CHUYỆN LÀ MỘT LINH HỒN! Vô ích, vì vậy, tôi hoặc ngươi muốn xóa bỏ quá khứ, hoặc trả lại cho ngươi sự mù quáng vui vẻ của tuổi trẻ. Ngươi phải chịu đựng tác động của bí thuốc mà

ngươi đã hít vào; ngươi phải đấu tranh với hình dạng mà ngươi đã triệu hồi!"

The letter fell from Glyndon's hand. A sort of stupor succeeded to the various emotions which had chased each other in the perusal,—a stupor resembling that which follows the sudden destruction of any ardent and long-nursed hope in the human heart, whether it be of love, of avarice, of ambition. The loftier world for which he had so thirsted, sacrificed, and toiled, was closed upon him "forever," and by his own faults of rashness and presumption. But Glyndon's was not of that nature which submits long to condemn itself. His indignation began to kindle against Mejnour, who owned he had tempted, and who now abandoned him,—abandoned him to the presence of a spectre. The mystic's reproaches stung rather than humbled him. What crime had he committed to deserve language so harsh and disdainful? Was it so deep a debasement to feel pleasure in the smile and the eyes of Fillide? Had not Zanoni himself confessed love for Viola; had he not fled with her as his companion? Glyndon never paused to consider if there are no distinctions between one kind of love and another. Where, too, was the great offence of yielding to a temptation which only existed for the brave? Had not the mystic volume which Mejnour had purposely left open, bid him but "Beware of fear"? Was not, then, every wilful provocative held out to the strongest influences of the human mind, in the prohibition to enter the chamber, in the possession of the key which excited his curiosity, in the volume which seemed to dictate the mode by which the curiosity was to be gratified? As rapidly these thoughts passed over him, he began to consider the whole conduct of Mejnour either as a perfidious design to entrap him to his own misery, or as the trick of an imposter, who knew that he could not realise the great professions he had made. On glancing again over the more mysterious threats and warnings in Mejnour's letter, they seemed to assume the language of mere parable and allegory,—the jargon of the Platonists and

Pythagoreans. By little and little, he began to consider that the very spectra he had seen—even that one phantom so horrid in its aspect—were but the delusions which Mejnour's science had enable him to raise. The healthful sunlight, filling up every cranny in his chamber, seemed to laugh away the terrors of the past night. His pride and his resentment nerved his habitual courage; and when, having hastily dressed himself, he rejoined Paolo, it was with a flushed cheek and a haughty step.

Bức thư rơi khỏi tay của Glyndon. Một loại sự mê sảng kế tiếp sau những cảm xúc khác nhau đã đuổi theo nhau trong lúc đọc, —một sự mê sảng giống như sự mê sảng sau sự phá hủy đột ngột của bất kỳ hy vọng nồng nàn và dưỡng dục lâu dài nào trong trái tim con người, có thể là của tình yêu, của tham lam, của tham vọng. Thế giới cao cả mà anh đã khát khao, hy sinh và lao động, đã đóng cửa trên anh "mãi mãi," và bởi lỗi của mình về sự hấp tấp và tự phụ. Nhưng Glyndon không phải là loại người mà chấp nhận lâu để kết án chính mình. Sự tức giận của anh bắt đầu bùng lên chống lại Mejnour, người đã thú nhận rằng anh đã dụ dỗ, và bây giờ bỏ rơi anh,—bỏ rơi anh trước mặt một hình dạng. Những lời trách móc của nhà thần bí làm anh đau đớn hơn là làm anh khiêm nhường. Tội ác nào mà anh đã phạm để xứng đáng với ngôn ngữ khắc nghiệt và khinh thường như vậy? Có phải việc cảm thấy vui vẻ với nụ cười và ánh mắt của Fillide là một sự suy sụp sâu sắc? Liệu Zanoni chính mình có thú nhận tình yêu với Viola không; liệu anh không đã chạy trốn cùng cô ấy như người bạn đồng hành? Glyndon không bao giờ dừng lại để xem xét xem có phân biệt giữa một loại tình yêu và loại khác. Ở đâu, cũng là tội lớn khi nhường mình cho một cám dỗ chỉ tồn tại cho người dũng cảm? Liệu quyển sách thần bí mà Mejnour đã để mở cố ý, chỉ ra cho anh "Hãy đề phòng nỗi sợ"? Vậy thì, mỗi sự khích lệ tự nguyện đã được đưa ra cho những ảnh hưởng mạnh nhất của tâm trí con người, trong cấm đoán vào phòng, trong việc sở hữu chiếc chìa khóa khiến tò mò của anh bị kích thích, trong quyển sách mà dường như định rằng cách mà sự tò mò sẽ được làm hài lòng là gì? Khi những suy nghĩ này trôi qua anh,

anh bắt đầu xem xét toàn bộ hành vi của Mejnour hoặc là một kế hoạch đê tiện để mắc kẹt anh vào đau khổ của mình, hoặc là mưu mẹo của một kẻ lừa đảo, người biết rằng anh không thể thực hiện những lời tuyên bố lớn mà anh đã làm. Khi nhìn lại những đe dọa và cảnh báo huyền bí hơn trong bức thư của Mejnour, chúng dường như trở thành ngôn ngữ của truyện ngụ và alegori,—lời lẽ của các triết gia Plato và Pythagoras. Dần dần, anh bắt đầu xem xét rằng những hình dạng mà anh đã thấy—thậm chí cả hình dạng đáng sợ như vậy—chỉ là những ảo ảnh mà khoa học của Mejnour đã cho phép anh tạo ra. Ánh nắng khỏe mạnh, lấp đầy mọi khe hở trong phòng của anh, dường như cười nhạo những nỗi sợ hãi của đêm qua. Niềm tự hào và sự oán giận nâng cao tinh thần dũng cảm thường lệ của anh; và khi, sau khi vội vã mặc quần áo, anh quay lại gặp Paolo, đó là với má ửng hồng và bước đi kiêu hãnh.

“So, Paolo,” said he, “the Padrone, as you call him, told you to expect and welcome me at your village feast?” “He did so by a message from a wretched old cripple. This surprised me at the time, for I thought he was far distant; but these great philosophers make a joke of two or three hundred leagues.” “Why did you not tell me you had heard from Mejnour?” “Because the old cripple forbade me.” “Did you not see the man afterwards during the dance?” “No, Excellency.” “Humph!” “Allow me to serve you,” said Paolo, piling Glyndon’s plate, and then filling his glass. “I wish, signor, now the Padrone is gone,—not,” added Paolo, as he cast rather a frightened and suspicious glance round the room, “that I mean to say anything disrespectful of him,—I wish, I say, now that he is gone, that you would take pity on yourself, and ask your own heart what your youth was meant for? Not to bury yourself alive in these old ruins, and endanger body and soul by studies which I am sure no saint could approve of.” “Are the saints so partial, then, to your own occupations, Master Paolo?” “Why,” answered the bandit, a little confused, “a gentleman with plenty of pistoles in his purse need not, of necessity, make it his profession to take

away the pistoles of other people! It is a different thing for us poor rogues. After all, too, I always devote a tithe of my gains to the Virgin; and I share the rest charitably with the poor. But eat, drink, enjoy yourself; be absolved by your confessor for any little peccadilloes and don't run too long scores at a time,—that's my advice. Your health, Excellency! Pshaw, signor, fasting, except on the days prescribed to a good Catholic, only engenders phantoms." "Phantoms!" "Yes; the devil always tempts the empty stomach. To covet, to hate, to thieve, to rob, and to murder,—these are the natural desires of a man who is famishing. With a full belly, signor, we are at peace with all the world. That's right; you like the partridge! Cospetto! when I myself have passed two or three days in the mountains, with nothing

This man, indeed, seemed the very personation of animal sensual life. He would have been to Faust a more dangerous tempter than Mephistopheles. There was no sneer on HIS lip at the pleasures which animated his voice. To one awaking to a sense of the vanities in knowledge, this reckless ignorant joyousness of temper was a worse corrupter than all the icy mockeries of a learned Fiend. But when Paolo took his leave, with a promise to return the next day, the mind of the Englishman again settled back to a graver and more thoughtful mood. The elixir seemed, in truth, to have left the refining effects Mejnour had ascribed to it. As Glyndon paced to and fro the solitary corridor, or, pausing, gazed upon the extended and glorious scenery that stretched below, high thoughts of enterprise and ambition—bright visions of glory—passed in rapid succession through his soul.

Người đàn ông này, thực sự, dường như là sự hiện thân của cuộc sống cảm thụ động vật. Anh ta đã sẽ là một kẻ cám dỗ nguy hiểm hơn Mephistopheles đối với Faust. Không có sự chế nhạo trên môi CỦA anh ta về những niềm vui làm sống động giọng nói của anh ta. Đối với người tỉnh giấc với nhận thức về sự vô

nghĩa trong kiến thức, sự vui vẻ ngớ ngẩn và hạnh phúc này là một kẻ hủy hoại tồi tệ hơn tất cả những sự chế nhạo lạnh lùng của một Ác Thần hiểu biết. Nhưng khi Paolo chia tay, hứa sẽ trở lại vào ngày mai, tâm trí của người Anh lại trở lại một tâm trạng nghiêm túc và sâu sắc hơn. Elixir dường như thực sự đã để lại những hiệu ứng tinh tế mà Mejnour đã miêu tả. Khi Glyndon đi từ đầu hành lang cô đơn này qua lại, hoặc, dừng lại, nhìn ngắm cảnh đẹp và rộng lớn phía dưới, những suy tưởng cao cả về khởi nghiệp và tham vọng - những tầm nhìn sáng lạn về vinh quang - lướt qua linh hồn anh ta một cách nhanh chóng.

“Mejnour denies me his science. Well,” said the painter, proudly, “he has not robbed me of my art.” What! Clarence Glyndon, dost thou return to that from which thy career commenced? Was Zanoni right after all? He found himself in the chamber of the mystic; not a vessel,—not an herb! the solemn volume is vanished,—the elixir shall sparkle for him no more! But still in the room itself seems to linger the atmosphere of a charm. Faster and fiercer it burns within thee, the desire to achieve, to create! Thou longest for a life beyond the sensual!—but the life that is permitted to all genius,—that which breathes through the immortal work, and endures in the imperishable name.

"Mejnour từ chối cho tôi khoa học của ông ấy. Thôi," nghệ sĩ nói một cách tự hào, "ông ấy không cướp tôi của nghệ thuật." Gì vậy! Clarence Glyndon, ngươi có quay trở lại với điều mà sự nghiệp của ngươi bắt đầu không? Liệu Zanoni có đúng sau tất cả? Anh phát hiện mình ở trong phòng của phù thủy; không có một bình, không có một loại thảo dược! cuốn sách trang trọng đã biến mất, elixir sẽ không còn lấp lánh với anh ấy nữa! Nhưng vẫn trong phòng vẫn còn lưu lại không khí của một lời nguyền. Nó cháy mạnh mẽ và nhanh chóng trong anh, khao khát để đạt được, để sáng tạo! Ngươi mong muốn một cuộc sống vượt ra ngoài thế gian! - nhưng cuộc sống được phép cho tất cả tài năng, - cuộc sống mà hơi thở qua công trình bất tử, và tồn tại trong cái tên không thể hủy hoại.

Where are the implements for thine art? Tush!—when did the true workman ever fail to find his tools? Thou art again in thine own chamber,—the white wall thy canvas, a fragment of charcoal for thy pencil. They suffice, at least, to give outline to the conception that may otherwise vanish with the morrow. The idea that thus excited the imagination of the artist was unquestionably noble and august. It was derived from that Egyptian ceremonial which Diodorus has recorded,—the Judgment of the Dead by the Living (Diod., lib. i.): when the corpse, duly embalmed, is placed by the margin of the Acherusian Lake; and before it may be consigned to the bark which is to bear it across the waters to its final resting-place, it is permitted to the appointed judges to hear all accusations of the past life of the deceased, and, if proved, to deprive the corpse of the rites of sepulture.

Công cụ cho nghệ thuật của ngươi ở đâu? Hừm! - khi mà người thợ thực sự đã bao giờ không tìm thấy công cụ của mình? Ngươi lại ở trong phòng riêng của mình, - bức tường trắng làm bức tranh của ngươi, một mảnh than củi làm bút chì của ngươi. Chúng đủ, ít nhất là, để làm nét cho sự tưởng tượng mà nếu không sẽ biến mất vào ngày mai. Ý tưởng mà kích thích trí tưởng tượng của nghệ sĩ là không thể phủ nhận là cao quý và trang nghiêm. Nó được lấy từ nghi lễ Ai Cập mà Diodorus đã ghi chép, - Phán Xét Người Chết bởi Người Sống (Diod., lib. i.): khi xác chết, được bảo quản đúng cách, được đặt bên bờ Hồ Acherusian; và trước khi nó được giao cho chiếc thuyền sẽ đưa nó qua những dòng nước đến nơi nghỉ cuối cùng, được phép cho các thẩm phán chỉ định nghe tất cả các cáo buộc về quá khứ của người đã khuất, và, nếu được chứng minh, có thể tước quyền cho xác chết về quyền lễ an táng.

Unconsciously to himself, it was Mejnour's description of this custom, which he had illustrated by several anecdotes not to be found in books, that now suggested the design to the artist, and gave it reality and force. He supposed a powerful and guilty king

whom in life scarce a whisper had dared to arraign, but against whom, now the breath was gone, came the slave from his fetters, the mutilated victim from his dungeon, livid and squalid as if dead themselves, invoking with parched lips the justice that outlives the grave.

Mà không ý thức đến mình, đó là mô tả về phong tục của Mejnour, mà anh ấy đã minh họa bằng một số câu chuyện không thể tìm thấy trong sách, giờ đây đã gợi ý cho nghệ sĩ về thiết kế, và cho nó hiện thực và sức mạnh. Anh ấy giả định một vị vua mạnh mẽ và có tội lỗi mà trong cuộc sống ít ai dám buộc tội, nhưng chống lại ông, bây giờ hơi thở đã ra đi, là người nô lệ từ xiềng xích của mình, nạn nhân bị tàn phế từ tù cảnh, tái mặt và bẩn thỉu như chính họ đã chết, cầu nguyện với môi khô khát công bằng vượt qua mộ.

Strange fervour this, O artist! breaking suddenly forth from the mists and darkness which the occult science had spread so long over thy fancies,—strange that the reaction of the night's terror and the day's disappointment should be back to thine holy art! Oh, how freely goes the bold hand over the large outline! How, despite those rude materials, speaks forth no more the pupil, but the master! Fresh yet from the glorious elixir, how thou givest to thy creatures the finer life denied to thyself!—some power not thine own writes the grand symbols on the wall. Behind rises the mighty sepulchre, on the building of which repose to the dead the lives of thousands had been consumed. There sit in a semicircle the solemn judges. Black and sluggish flows the lake. There lies the mummied and royal dead. Dost thou quail at the frown on his lifelike brow? Ha!—bravely done, O artist!—up rise the haggard forms!—pale speak the ghastly faces! Shall not Humanity after death avenge itself on Power? Thy conception, Clarence Glyndon, is a sublime truth; thy design promises renown to genius. Better this magic than the charms of the volume and the vessel. Hour after hour has gone; thou hast lighted the lamp; night sees thee yet at thy labour.

Merciful Heaven! what chills the atmosphere; why does the lamp grow wan; why does thy hair bristle? There!—there!—there! at the casement! It gazes on thee, the dark, mantled, loathsome thing! There, with their devilish mockery and hateful craft, glare on thee those horrid eyes!

Sự nhiệt huyết kỳ lạ này, Ô nghệ sĩ! bất ngờ bùng nổ từ những sương mù và bóng tối mà huyền bí đã lan rộng trong tâm hồn ngươi suốt thời gian dài, - kỳ lạ rằng phản ứng của nỗi sợ hãi đêm và thất vọng ban ngày lại quay trở lại với nghệ thuật thánh thánh của ngươi! Ôi, tay táo bạo đi qua nét ngoại vi lớn như thế nào tự do! Nhưng, mặc dù với những vật liệu gồ ghề, không còn là đứa học trò, mà là thầy! Mới đây từ elixir vĩnh cửu, ngươi làm cho những sinh vật của mình có cuộc sống tinh tú hơn mà ngươi tự mình không được phép! - một sức mạnh không phải của ngươi viết những ký hiệu lớn trên tường. Phía sau nổi lên ngôi mộ mạnh mẽ, trên công trình của nó nghỉ ngơi cho những linh hồn đã tiêu thụ cuộc sống của hàng ngàn người đã qua đời. Có ngồi thành vòng tròn bán nguyệt những thẩm phán trang nghiêm. Hồ nước đen và lười biếng chảy. Có đó nằm xác chết màu mộc và hoàng gia. Ngươi có sợ hãi khi nhìn thấy nét cau có trên trán giống như thật của ông ta không? Ha! - dũng cảm lên, Ô nghệ sĩ! - dậy lên những hình dạng mệt mỏi! - những khuôn mặt kinh dị nói lên! Liệu Nhân Loại sau khi chết có trả thù cho chính mình trước Quyền Lực không? Ý tưởng của ngươi, Clarence Glyndon, là một sự thật tuyệt vời; thiết kế của ngươi hứa hẹn danh tiếng cho tài năng. Tốt hơn là phép mà thuật này hơn là sự mê hoặc của cuốn sách và bình. Giờ sau giờ đã qua; ngươi đã thắp đèn; đêm vẫn thấy ngươi vẫn đang làm việc. Thiên Đàng thương xót! cái gì làm lạnh không khí; tại sao đèn trở nên nhợt nhạt; tại sao tóc của ngươi đứng dựng? Đó! - đó! - đó! ở cửa sổ! Nó nhìn chăm chú vào ngươi, thứ vật đen đầy mặc áo, kinh tởm! Đó, với sự chế nhạo ma quỷ và sự thủ đoạn đáng ghét, ánh mắt kinh dị đó chói loá ngươi!

He stood and gazed,—it was no delusion. It spoke not, moved not, till, unable to bear longer that steady and burning look, he covered his face with his hands. With a start, with a thrill, he removed them; he felt the nearer presence of the nameless. There it cowered on the floor beside his design; and lo! the figures seemed to start from the wall! Those pale accusing figures, the shapes he himself had raised, frowned at him, and gibbered. With a violent effort that convulsed his whole being, and bathed his body in the sweat of agony, the young man mastered his horror. He strode towards the phantom; he endured its eyes; he accosted it with a steady voice; he demanded its purpose and defied its power.

Anh đứng và nhìn chăm chú, - đó không phải là ảo giác. Nó không nói, không di chuyển, cho đến khi, không thể chịu đựng được cái nhìn chắc chắn và đốt cháy đó nữa, anh che mặt mình bằng bàn tay. Với một sự giật mình, với một cảm giác rung động, anh gỡ bỏ chúng; anh cảm thấy sự hiện diện gần gũi của cái không tên. Đó cowering trên sàn bên cạnh thiết kế của anh; và lạ thay! những hình dạng dường như bắt đầu từ tường! Những hình dạng mờ nhạt đó, những hình dạng mà chính anh đã tạo ra, cau có nhìn chăm chú vào anh, và lảng lót. Với một nỗ lực mãnh liệt làm rung chuyển cả linh hồn của mình, và làm người mình đầy mồ hôi của nỗi đau, chàng trai trẻ vượt qua nỗi kinh hoàng của mình. Anh bước đi về phía hình ảo; anh chịu đựng ánh mắt của nó; anh chào hỏi nó bằng một giọng nói vững vàng; anh yêu cầu mục đích của nó và thách thức sức mạnh của nó.

And then, as a wind from a charnel, was heard its voice. What it said, what revealed, it is forbidden the lips to repeat,

It was the easiest thing in the world for Mervale, on returning from his Continental episode of life, to settle down to his desk, —his heart had been always there. The death of his father gave him, as a birthright, a high position in a respectable though

second-rate firm. To make this establishment first-rate was an honourable ambition,—it was his! He had lately married, not entirely for money,—no! he was worldly rather than mercenary. He had no romantic ideas of love; but he was too sensible a man not to know that a wife should be a companion,—not merely a speculation. He did not care for beauty and genius, but he liked health and good temper, and a certain proportion of useful understanding. He chose a wife from his reason, not his heart, and a very good choice he made. Mrs. Mervale was an excellent young woman,—bustling, managing, economical, but affectionate and good. She had a will of her own, but was no shrew. She had a great notion of the rights of a wife, and a strong perception of the qualities that insure comfort. She would never have forgiven her husband, had she found him guilty of the most passing fancy for another; but, in return, she had the most admirable sense of propriety herself. She held in abhorrence all levity, all flirtation, all coquetry,—small vices which often ruin domestic happiness, but which a giddy nature incurs without consideration. But she did not think it right to love a husband over much. She left a surplus of affection, for all her relations, all her friends, some of her acquaintances, and the possibility of a second marriage, should any accident happen to Mr. M. She kept a good table, for it suited their station; and her temper was considered even, though firm; but she could say a sharp thing or two, if Mr. Mervale was not punctual to a moment. She was very particular that he should change his shoes on coming home,—the carpets were new and expensive. She was not sulky, nor passionate,—Heaven bless her for that!—but when displeased she showed it, administered a dignified rebuke, alluded to her own virtues, to her uncle who was an admiral, and to the thirty thousand pounds which she had brought to the object of her choice. But as Mr. Mervale was a good-humoured man, owned his faults, and subscribed to her excellence, the displeasure was soon over.

Every household has its little disagreements, none fewer than that of Mr. and Mrs. Mervale. Mrs. Mervale, without being improperly fond of dress, paid due attention to it. She was never seen out of her chamber with papers in her hair, nor in that worst of dis-illusions,—a morning wrapper. At half-past eight every morning Mrs. Mervale was dressed for the day,—that is, till she re-dressed for dinner,—her stays well laced, her cap prim, her gowns, winter and summer, of a thick, handsome silk. Ladies at that time wore very short waists; so did Mrs. Mervale. Her morning ornaments were a thick, gold chain, to which was suspended a gold watch,—none of those fragile dwarfs of mechanism that look so pretty and go so ill, but a handsome repeater which chronicled Father Time to a moment; also a mosaic brooch; also a miniature of her uncle, the admiral, set in a bracelet. For the evening she had two handsome sets,—necklace, earrings, and bracelets complete,—one of amethysts, the other topazes. With these, her costume for the most part was a gold-coloured satin and a turban, in which last her picture had been taken. Mrs. Mervale had an aquiline nose, good teeth, fair hair, and light eyelashes, rather a high complexion, what is generally called a fine bust; full cheeks; large useful feet made for walking; large, white hands with filbert nails, on which not a speck of dust had, even in childhood, ever been known to a light. She looked a little older than she really was; but that might arise from a certain air of dignity and the aforesaid aquiline nose. She generally wore short mittens. She never read any poetry but Goldsmith's and Cowper's. She was not amused by novels, though she had no prejudice against them. She liked a play and a pantomime, with a slight supper afterwards. She did not like concerts nor operas. At the beginning of the winter she selected some book to read, and some piece of work to commence. The two lasted her till the spring, when, though she continued to work, she left off reading. Her favourite study was history, which she read through the medium of Dr. Goldsmith. Her favourite author in the belles lettres was, of course, Dr. Johnson. A worthier

woman, or one more respected, was not to be found, except in an epitaph!

It was an autumn night. Mr. and Mrs. Mervale, lately returned from an excursion to Weymouth, are in the drawing-room, —"the dame sat on this side, the man sat on that."

"Yes, I assure you, my dear, that Glyndon, with all his eccentricities, was a very engaging, amiable fellow. You would certainly have liked him,—all the women did."

"My dear Thomas, you will forgive the remark,—but that expression of yours, 'all the WOMEN'—"

"I beg your pardon,—you are right. I meant to say that he was a general favourite with your charming sex."

"I understand,—rather a frivolous character."

"Frivolous! no, not exactly; a little unsteady,—very odd, but certainly not frivolous; presumptuous and headstrong in character, but modest and shy in his manners, rather too much so,—just what you like. However, to return; I am seriously uneasy at the accounts I have heard of him to-day. He has been living, it seems, a very strange and irregular life, travelling from place to place, and must have spent already a great deal of money."

"Apropos of money," said Mrs. Mervale; "I fear we must change our butcher; he is certainly in league with the cook."

"That is a pity; his beef is remarkably fine. These London servants are as bad as the Carbonari. But, as I was saying, poor Glyndon—"

Here a knock was heard at the door. "Bless me," said Mrs. Mervale, "it is past ten! Who can that possibly be?"

“Perhaps your uncle, the admiral,” said the husband, with a slight peevishness in his accent. “He generally favours us about this hour.”

“I hope, my love, that none of my relations are unwelcome visitors at your house. The admiral is a most entertaining man, and his fortune is entirely at his own disposal.”

“No one I respect more,” said Mr. Mervale, with emphasis.

The servant threw open the door, and announced Mr. Glyndon.

“Mr. Glyndon!—what an extraordinary—” exclaimed Mrs. Mervale; but before she could conclude the sentence, Glyndon was in the room.

The two friends greeted each other with all the warmth of early recollection and long absence. An appropriate and proud presentation to Mrs. Mervale ensued; and Mrs. Mervale, with a dignified smile, and a furtive glance at his boots, bade her husband’s friend welcome to England. Glyndon was greatly altered since Mervale had seen him last. Though less than two years had elapsed since then, his fair complexion was more bronzed and manly. Deep lines of care, or thought, or dissipation, had replaced the smooth contour of happy youth. To a manner once gentle and polished had succeeded a certain recklessness of mien, tone, and bearing, which bespoke the habits of a society that cared little for the calm decorums of conventional ease. Still a kind of wild nobleness, not before apparent in him, characterised his aspect, and gave something of dignity to the freedom of his language and gestures.

"So, then, you are settled, Mervale,—I need not ask you if you are happy. Worth, sense, wealth, character, and so fair a companion deserve happiness, and command it."

"Vậy, anh đã ổn định rồi, Mervale,—tôi không cần hỏi anh có hạnh phúc không. Giá trị, lý trí, giàu có, phẩm chất và một bạn đồng hành đẹp deserve hạnh phúc, và yêu cầu nó."

"Would you like some tea, Mr. Glyndon?" asked Mrs. Mervale, kindly.

"Anh có muốn uống trà không, ông Glyndon?" hỏi bà Mervale, tử tế.

"Thank you,—no. I propose a more convivial stimulus to my old friend. Wine, Mervale,—wine, eh!—or a bowl of old English punch. Your wife will excuse us,—we will make a night of it!"

"Cảm ơn,—không. Tôi đề xuất một nguồn cảm hứng vui vẻ hơn cho người bạn cũ của tôi. Rượu, Mervale,—rượu, đúng không!—hoặc một tô punch Anh cổ. Vợ anh sẽ tha thứ cho chúng tôi,—chúng tôi sẽ tạo ra một đêm vui vẻ!"

Mrs. Mervale drew back her chair, and tried not to look aghast. Glyndon did not give his friend time to reply.

Bà Mervale đẩy ghế của mình ra sau và cố gắng không trông vẻ sững sờ. Glyndon không để cho người bạn của mình có thời gian trả lời.

"So at last I am in England," he said, looking round the room, with a slight sneer on his lips; "surely this sober air must have its influence; surely here I shall be like the rest."

"Vậy cuối cùng tôi đã ở Anh," anh nói, nhìn quanh căn phòng, với một nụ cười méo mó trên môi; "chắc chắn không khí nghiêm túc này phải có ảnh hưởng của nó; chắc chắn ở đây tôi sẽ giống như mọi người khác."

"Have you been ill, Glyndon?"

"Anh đã ốm à, Glyndon?"

"Ill, yes. Humph! you have a fine house. Does it contain a spare room for a solitary wanderer?"

"Ốm, có. Humph! anh có một ngôi nhà tuyệt vời. Liệu nó có chứa một phòng dành cho một người lang thang đơn độc không?"

Mr. Mervale glanced at his wife, and his wife looked steadily on the carpet. "Modest and shy in his manners—rather too much so!" Mrs. Mervale was in the seventh heaven of indignation and amaze!

Ông Mervale nhìn vợ mình, và vợ ông nhìn chăm chú vào thảm. "Khiêm tốn và nhút nhát trong cách ứng xử của anh ta—có phần quá mức!" Bà Mervale đang trên cả bốn mặt với sự tức giận và ngạc nhiên!

After spending some days with the merchant, during which time he contrived to disorganise all the mechanism of the house, to turn night into day, harmony into discord, to drive poor Mrs. Mervale half-distracted, and to convince her husband that he was horribly hen-pecked, the ill-omened visitor left them as suddenly as he had arrived. He took a house of his own; he sought the society of persons of substance; he devoted himself to the money-market; he seemed to have become a man of business; his schemes were bold and colossal; his calculations rapid and profound. He startled Mervale by his energy, and dazzled him by his success. Mervale began to envy him,—to be discontented with his own regular and slow gains. When Glyndon bought or sold in the funds, wealth rolled upon him like the tide of a sea; what years of toil could not have done for him in art, a few months, by a succession of lucky chances, did for him in speculation. Suddenly, however, he relaxed his exertions; new objects of ambition seemed to attract him. If he heard a drum in the streets, what glory like the soldier's? If a

new poem were published, what renown like the poet's? He began works in literature, which promised great excellence, to throw them aside in disgust. All at once he abandoned the decorous and formal society he had courted; he joined himself, with young and riotous associates; he plunged into the wildest excesses of the great city, where Gold reigns alike over Toil and Pleasure. Through all he carried with him a certain power and heat of soul. In all society he aspired to command,—in all pursuits to excel. Yet whatever the passion of the moment, the reaction was terrible in its gloom. He sank, at times, into the most profound and the darkest reveries. His fever was that of a mind that would escape memory,—his repose, that of a mind which the memory seizes again, and devours as a prey. Mervale now saw little of him; they shunned each other. Glyndon had no confidant, and no friend.

CHAPTER 5.IV. Ich fuhle Dich mir nahe; Die Einsamkeit belebt; Wie uber seinen Welten Der Unsichtbare schwebt. Uhland. (I feel thee near to me, The loneliness takes life,—As over its world The Invisible hovers.) From this state of restlessness and agitation rather than continuous action, Glyndon was aroused by a visitor who seemed to exercise the most salutary influence over him. His sister, an orphan with himself, had resided in the country with her aunt. In the early years of hope and home he had loved this girl, much younger than himself, with all a brother's tenderness. On his return to England, he had seemed to forget her existence. She recalled herself to him on her aunt's death by a touching and melancholy letter: she had now no home but his,—no dependence save on his affection; he wept when he read it, and was impatient till Adela arrived.

This girl, then about eighteen, concerned beneath a gentle and calm exterior much of the romance or enthusiasm that had, at her own age, characterised her brother. But her enthusiasm was of a far purer order, and was restrained within proper bounds, partly by the sweetness of a very feminine nature, and partly by

a strict and methodical education. She differed from him especially in a timidity of character which exceeded that usual at her age, but which the habit of self-command concealed no less carefully than that timidity itself concealed the romance I have ascribed to her.

Adela was not handsome: she had the complexion and the form of delicate health; and too fine an organisation of the nerves rendered her susceptible to every impression that could influence the health of the frame through the sympathy of the mind. But as she never complained, and as the singular serenity of her manners seemed to betoken an equanimity of temperament which, with the vulgar, might have passed for indifference, her sufferings had so long been borne unnoticed that it ceased to be an effort to disguise them. Though, as I have said, not handsome, her countenance was interesting and pleasing; and there was that caressing kindness, that winning charm about her smile, her manners, her anxiety to please, to comfort, and to soothe which went at once to the heart, and made her lovely,—because so loving.

Such was the sister whom Glyndon had so long neglected, and whom he now so cordially welcomed. Adela had passed many years a victim to the caprices, and a nurse to the maladies, of a selfish and exacting relation. The delicate and generous and respectful affection of her brother was no less new to her than delightful. He took pleasure in the happiness he created; he gradually weaned himself from other society; he felt the charm of home. It is not surprising, then, that this young creature, free and virgin from every more ardent attachment, concentrated all her grateful love on this cherished and protecting relative. Her study by day, her dream by night, was to repay him for his affection. She was proud of his talents, devoted to his welfare; the smallest trifle that could interest him swelled in her eyes to the gravest affairs of life. In short, all the long-hoarded enthusiasm, which was her perilous and only heritage, she

invested in this one object of her holy tenderness, her pure ambition.

But in proportion as Glyndon shunned those excitements by which he had so long sought to occupy his time or distract his thoughts, the gloom of his calmer hours became deeper and more continuous. He ever and especially dreaded to be alone; he could not bear his new companion to be absent from his eyes: he rode with her, walked with her, and it was with visible reluctance, which almost partook of horror, that he retired to rest at an hour when even revel grows fatigued. This gloom was not that which could be called by the soft name of melancholy, —it was far more intense; it seemed rather like despair. Often after a silence as of death—so heavy, abstracted, motionless, did it appear—he would start abruptly, and cast hurried glances around him,—his limbs trembling, his lips livid, his brows bathed in dew. Convinced that some secret sorrow preyed upon his mind, and would consume his health, it was the dearest as the most natural desire of Adela to become his confidant and consoler. She observed, with the quick tact of the delicate, that he disliked her to seem affected by, or even sensible of, his darker moods. She schooled herself to suppress her fears and her feelings. She would not ask his confidence,—she sought to steal into it. By little and little she felt that she was succeeding. Too wrapped in his own strange existence to be acutely observant of the character of others, Glyndon mistook the self-content of a generous and humble affection for constitutional fortitude; and this quality pleased and soothed him. It is fortitude that the diseased mind requires in the confidant whom it selects as its physician. And how irresistible is that desire to communicate! How often the lonely man thought to himself, “My heart would be lightened of its misery, if once confessed!” He felt, too, that in the very youth, the inexperience, the poetical temperament of Adela, he could find one who would comprehend and bear with him better than any sterner and more practical nature. Mervale would have looked

on his revelations as the ravings of madness, and most men, at best, as the sicklied chimeras, the optical delusions, of disease. Thus gradually preparing himself for that relief for which he yearned, the moment for his disclosure arrived thus:—

One evening, as they sat alone together, Adela, who inherited some portion of her brother's talent in art, was employed in drawing, and Glyndon, rousing himself from meditations less gloomy than usual, rose, and affectionately passing his arm round her waist, looked over her as she sat. An exclamation of dismay broke from his lips,—he snatched the drawing from her hand: "What are you about?—what portrait is this?"

Một buổi tối, khi họ ngồi một mình cùng nhau, Adela, người thừa kế một phần tài năng của anh trai trong nghệ thuật, đang vẽ, và Glyndon, rời khỏi những suy tư ít u ám hơn bình thường, đứng dậy, và âu yếm đưa tay qua eo cô, nhìn qua vai cô khi cô ngồi. Một tiếng kinh ngạc phá vỡ từ môi của anh ấy,—anh ta nhấc bức vẽ khỏi tay cô: "Cô đang làm gì đấy?—bức chân dung này là của ai?"

"Never will I betray your trust; I swear it,—never!" said Adela, firmly; and she drew closer to his side. Then Glyndon commenced his story. That which, perhaps, in writing, and to minds prepared to question and disbelieve, may seem cold and terrorless, became far different when told by those blanched lips, with all that truth of suffering which convinces and appalls. Much, indeed, he concealed, much he involuntarily softened; but he revealed enough to make his tale intelligible and distinct to his pale and trembling listener. "At daybreak," he said, "I left that unhallowed and abhorred abode. I had one hope still,—I would seek Mejnour through the world. I would force him to lay at rest the fiend that haunted my soul. With this intent I journeyed from city to city. I instituted the most vigilant researches through the police of Italy. I even employed the services of the Inquisition at Rome, which had lately

asserted its ancient powers in the trial of the less dangerous Cagliostro. All was in vain; not a trace of him could be discovered. I was not alone, Adela." Here Glyndon paused a moment, as if embarrassed; for in his recital, I need scarcely say that he had only indistinctly alluded to Fillide, whom the reader may surmise to be his companion. "I was not alone, but the associate of my wanderings was not one in whom my soul could confide,—faithful and affectionate, but without education, without faculties to comprehend me, with natural instincts rather than cultivated reason; one in whom the heart might lean in its careless hours, but with whom the mind could have no commune, in whom the bewildered spirit could seek no guide. Yet in the society of this person the demon troubled me not. Let me explain yet more fully the dread conditions of its presence. In coarse excitement, in commonplace life, in the wild riot, in the fierce excess, in the torpid lethargy of that animal existence which we share with the brutes, its eyes were invisible, its whisper was unheard. But whenever the soul would aspire, whenever the imagination kindled to the loftier ends, whenever the consciousness of our proper destiny struggled against the unworthy life I pursued, then, Adela—then, it cowered by my side in the light of noon, or sat by my bed,—a Darkness visible through the Dark. If, in the galleries of Divine Art, the dreams of my youth woke the early emulation,—if I turned to the thoughts of sages; if the example of the great, if the converse of the wise, aroused the silenced intellect, the demon was with me as by a spell. At last, one evening, at Genoa, to which city I had travelled in pursuit of the mystic, suddenly, and when least expected, he appeared before me. It was the time of the Carnival. It was in one of those half-frantic scenes of noise and revel, call it not gayety, which establish a heathen saturnalia in the midst of a Christian festival. Wearied with the dance, I had entered a room in which several revellers were seated, drinking, singing, shouting; and in their fantastic dresses and hideous masks, their orgy seemed scarcely human. I placed myself amongst them, and in that fearful excitement of

the spirits which the happy never know, I was soon the most riotous of all. The conversation fell on the Revolution of France, which had always possessed for me an absorbing fascination. The masks spoke of the millennium it was to bring on earth, not as philosophers rejoicing in the advent of light, but as ruffians exulting in the annihilation of law. I know not why it was, but their licentious language infected myself; and, always desirous to be foremost in every circle, I soon exceeded even these rioters in declamations on the nature of the liberty which was about to embrace all the families of the globe,—a liberty that should pervade not only public legislation, but domestic life; an emancipation from every fetter that men had forged for themselves. In the midst of this tirade one of the masks whispered me,— "'Take care. One listens to you who seems to be a spy!' "My eyes followed those of the mask, and I observed a man who took no part in the conversation, but whose gaze was bent upon me. He was disguised like the rest, yet I found by a general whisper that none had observed him enter. His silence, his attention, had alarmed the fears of the other revellers,—they only excited me the more. Rapt in my subject, I pursued it, insensible to the signs of those about me; and, addressing myself only to the silent mask who sat alone, apart from the group, I did not even observe that, one by one, the revellers slunk off, and that I and the silent listener were left alone, until, pausing from my heated and impetuous declamations, I said,— "'And you, signor,—what is your view of this mighty era? Opinion without persecution; brotherhood without jealousy; love without bondage—' "'And life without God,' added the mask as I hesitated for new images. "The sound of that well-known voice changed the current of my thought. I sprang forward, and cried,— "'Imposter or Fiend, we meet at last!' "The figure rose as I advanced, and, unmasking, showed the features of Mejnour. His fixed eye, his majestic aspect, awed and repelled me. I stood rooted to the ground. "'Yes,' he said solemnly, 'we meet, and it is this meeting that I have sought. How hast thou followed my admonitions! Are these the scenes in which the

Aspirant for the Serene Science thinks to escape the Ghastly Enemy? Do the thoughts thou hast uttered—thoughts that would strike all order from the universe—express the hopes of the sage who would rise to the Harmony of the Eternal Spheres?' "'It is thy fault,—it is thine!' I exclaimed. 'Exorcise the phantom! Take the haunting terror from my soul!' "Mejnour looked at me a moment with a cold and cynical disdain which provoked at once my fear and rage, and replied,— "'No; fool of thine own senses! No; thou must have full and entire experience of the illusions to which the Knowledge that is without Faith climbs its Titan way. Thou pantest for this Millennium,—thou shalt behold it! Thou shalt be one of the agents of the era of Light and Reason. I see, while I speak, the Phantom thou fliest, by thy side; it marshals thy path; it has power over thee as yet,—a power that defies my own. In the last days of that Revolution which thou hailest, amidst the wrecks of the Order thou cursest as Oppression, seek the fulfilment of thy destiny, and await thy cure.'

"At that instant a troop of masks, clamorous, intoxicated, reeling, and rushing, as they reeled, poured into the room, and separated me from the mystic. I broke through them, and sought him everywhere, but in vain. All my researches the next day were equally fruitless. Weeks were consumed in the same pursuit,—not a trace of Mejnour could be discovered. Wearied with false pleasures, roused by reproaches I had deserved, recoiling from Mejnour's prophecy of the scene in which I was to seek deliverance, it occurred to me, at last, that in the sober air of my native country, and amidst its orderly and vigorous pursuits, I might work out my own emancipation from the spectre. I left all whom I had before courted and clung to,—I came hither. Amidst mercenary schemes and selfish speculations, I found the same relief as in debauch and excess. The Phantom was invisible; but these pursuits soon became to me distasteful as the rest. Ever and ever I felt that I was born for something nobler than the greed of gain,—that life may be

made equally worthless, and the soul equally degraded by the icy lust of avarice, as by the noisier passions. A higher ambition never ceased to torment me. But, but," continued Glyndon, with a whitening lip and a visible shudder, "at every attempt to rise into loftier existence, came that hideous form. It gloomed beside me at the easel. Before the volumes of poet and sage it stood with its burning eyes in the stillness of night, and I thought I heard its horrible whispers uttering temptations never to be divulged." He paused, and the drops stood upon his brow.

"Ngay lúc đó, một đám mặt nạ, ồn ào, say sỉn, lảo đảo và xô đẩy nhau, khi họ lảo đảo, đổ vào phòng, và tách tôi ra khỏi người thần bí. Tôi vượt qua họ và tìm anh ấy khắp mọi nơi, nhưng không có kết quả. Tất cả các nỗ lực của tôi vào ngày hôm sau đều vô ích. Tuần tháng trôi qua trong việc tìm kiếm cùng,—không thấy dấu vết nào của Mejnour. Mệt mỏi với những niềm vui giả dối, bị đánh thức bởi những lời khiển trách tôi xứng đáng, lẩn tránh tiên tri của Mejnour về cảnh mà tôi sẽ tìm kiếm sự giải thoát, cuối cùng, tôi nghĩ rằng trong không khí trầm tĩnh của quê hương, và giữa những hoạt động gọn gàng và mạnh mẽ của nó, tôi có thể tự giải phóng mình khỏi bóng ma. Tôi bỏ tất cả những người mà trước đây tôi đã tìm kiếm và quấn quýt,—tôi đến đây. Giữa những kế hoạch lợi dụng và suy tính ích kỷ, tôi tìm thấy sự giải thoát giống như trong sự uống rượu và thái quá. Hình ảnh ma quỷ không thể nhìn thấy; nhưng những hoạt động này sớm trở nên khó chịu với tôi như phần còn lại. Mãi mãi tôi cảm thấy rằng tôi được sinh ra cho điều cao quý hơn là lòng tham lợi nhuận,—rằng cuộc sống có thể trở nên vô giá trị như nhau, và linh hồn cũng bị hủy hoại bởi sự khao khát lạnh lùng của tham lam, cũng như bởi những cảm xúc ồn ào. Một ước mơ cao hơn không ngừng làm tôi đau khổ. Nhưng, nhưng," tiếp tục Glyndon, với một đôi môi trắng bệch và một cảm giác run rẩy rõ ràng, "mỗi lần cố gắng nâng cao vào một tồn tại cao cả hơn, hình ảnh kinh hoàng đó lại đến. Nó đen tối bên cạnh tôi ở bức tranh. Trước những cuốn sách của nhà thơ và nhà hiền triết, nó

đứng với đôi mắt cháy bỏng trong yên lặng của đêm, và tôi nghĩ rằng tôi nghe thấy tiếng thì thầm kinh hoàng của nó phát ngôn những lời cám dỗ không bao giờ được tiết lộ." Anh dừng lại, và giọt mồ hôi đọng trên trán anh.

"But I," said Adela, mastering her fears and throwing her arms around him,—"but I henceforth will have no life but in thine. And in this love so pure, so holy, thy terror shall fade away." "No, no!" exclaimed Glyndon, starting from her. "The worst revelation is to come. Since thou hast been here, since I have sternly and resolutely refrained from every haunt, every scene in which this preternatural enemy troubled me not, I—I—have —Oh, Heaven! Mercy—mercy! There it stands,—there, by thy side,—there, there!" And he fell to the ground insensible.

"Nhưng tôi," nói Adela, vượt qua nỗi sợ hãi và ôm anh ta, —"nhưng tôi từ nay sẽ không còn cuộc sống nào ngoài cuộc sống của anh. Và trong tình yêu này, tình yêu tinh khiết, tình yêu thánh thiện, nỗi sợ hãi của anh sẽ tan biến." "Không, không!" hét Glyndon, bắt đầu từ cô. "Sự phát hiện tồi tệ nhất sắp đến. Kể từ khi em đã ở đây, kể từ khi tôi đã cương quyết và kiên định từ chối mọi nơi, mọi cảnh trong đó kẻ thù siêu nhiên này không làm phiền tôi, tôi—tôi—đã—Ôi Trời ơi! Xin hãy thương xót—thương xót! Nó đứng đó,—đứng bên cạnh em,—đứng đó, đó!" Và anh ta ngã xuống đất mất ý thức.

CHAPTER 5.V.

CHƯƠNG 5.V.

Doch wunderbar ergriff mich's diese Nacht; Die Glieder schienen schon in Todes Macht. Uhland.

(This night it fearfully seized on me; my limbs appeared already in the power of death.) A fever, attended with delirium, for several days deprived Glyndon of consciousness; and when, by Adela's care more than the skill of the physicians, he was restored to life and reason, he was unutterably shocked by the change in his sister's appearance; at first, he fondly imagined that her health, affected by her vigils, would recover with his own. But he soon saw, with an anguish which partook of remorse, that the malady was deep-seated,—deep, deep, beyond the reach of Aesculapius and his drugs. Her imagination, little less lively than his own, was awfully impressed by the strange confessions she had heard,—by the ravings of his delirium. Again and again had he shrieked forth, "It is there,—there, by thy side, my sister!" He had transferred to her fancy the spectre, and the horror that cursed himself. He perceived this, not by her words, but her silence; by the eyes that strained into space; by the shiver that came over her frame; by the start of terror; by the look that did not dare to turn behind. Bitterly he repented his confession; bitterly he felt that between his sufferings and human sympathy there could be no gentle and holy commune; vainly he sought to retract,—to undo what he had done, to declare all was but the chimera of an overheated brain!

Một cơn sốt, kèm theo cuồng loạn, trong vài ngày đã làm mất ý thức của Glyndon; và khi nhờ sự chăm sóc của Adela hơn là sự khéo léo của các bác sĩ, anh đã được khôi phục lại sức khỏe và lý trí, anh đã bị sốc không thể diễn tả được bởi sự thay đổi trong diện mạo của em gái mình; ban đầu, anh tưởng tượng rằng sức

khỏe của cô, bị ảnh hưởng bởi những thức tỉnh của cô, sẽ hồi phục cùng với sức khỏe của anh. Nhưng anh nhanh chóng nhận ra, với một nỗi đau mà chúng tương tự như hối hận, rằng căn bệnh đã sâu sắc,—sâu sắc, sâu sắc, vượt xa tầm tay của Aesculapius và các loại thuốc của ông. Tưởng tượng của cô bé hơn chút nữa so với tưởng tượng của anh, đã bị ấn tượng mạnh mẽ bởi những bài thú tội lạ mà cô đã nghe,—bởi những lời mê muội trong cuồng loạn của anh. Mà anh đã hét to lên nhiều lần, "Nó ở đó,—ở đó, bên cạnh em, em gái của anh!" Anh đã chuyển hình ảnh của kẻ ma, và nỗi kinh hoàng đó đã nguyền rủa anh. Anh nhận thức điều này, không qua lời nói của cô, mà qua sự im lặng của cô; qua đôi mắt nhìn về không gian; qua cơn rùng mình trải qua; qua cơn rung lên của cơ thể cô; qua cái nhìn không dám quay lại phía sau. Anh ăn năn mạnh mẽ về sự thú nhận của mình; anh cảm thấy đắng cay khi giữa nỗi đau của mình và sự đồng cảm của con người không thể có một cuộc trò chuyện nhẹ nhàng và thánh thiện; anh tìm kiếm vô ích để rút lại,—để hủy bỏ những gì mình đã làm, để tuyên bố rằng tất cả chỉ là giấc mộng của một trí não nóng lên quá mức!

And brave and generous was this denial of himself; for, often and often, as he thus spoke, he saw the Thing of Dread gliding to her side, and glaring at him as he disowned its being. But what chilled him, if possible, yet more than her wasting form and trembling nerves, was the change in her love for him; a natural terror had replaced it. She turned paler if he approached,—she shuddered if he took her hand. Divided from the rest of earth, the gulf of the foul remembrance yawned now between his sister and himself. He could endure no more the presence of the one whose life HIS life had embittered. He made some excuses for departure, and writhed to see that they were greeted eagerly. The first gleam of joy he had detected since that fatal night, on Adela's face, he beheld when he murmured "Farewell." He travelled for some weeks through the wildest parts of Scotland; scenery which MAKES the artist, was loveless to his haggard eyes. A letter recalled him to London on the

wings of new agony and fear; he arrived to find his sister in a condition both of mind and health which exceeded his worst apprehensions.

Và sự từ chối bản thân này của anh dũng cảm và hào phóng; vì, thường xuyên và thường xuyên, khi anh nói như vậy, anh thấy Cái Điều Kinh Hoàng lướt tới bên cạnh cô, và nhìn chằm chằm vào anh khi anh phủ nhận sự tồn tại của nó. Nhưng điều làm anh lạnh lùng hơn, nếu có thể, hơn cả diện mạo phai nhạt và những dây thần kinh run rẩy của cô, là sự thay đổi trong tình yêu của cô dành cho anh; một nỗi kinh hoàng tự nhiên đã thay thế nó. Cô trở bạnh hơn nếu anh tiến lại gần,—cô rung lên nếu anh nắm lấy tay cô. Bị chia cắt khỏi phần còn lại của trái đất, khe hở của ký ức độc ác giờ đã hiện ra giữa em gái và anh. Anh không thể chịu nổi sự hiện diện của người mà CUỘC sống CỦA anh đã làm đắng cay. Anh đưa ra một số lý do để rời đi, và thấy mình quằn quại khi thấy chúng được chào đón nồng nhiệt. Anh nhìn thấy tia vui mừng đầu tiên mà anh đã phát hiện kể từ đêm định mệnh đó, trên khuôn mặt của Adela, khi anh thì thầm "Tạm biệt." Anh đi du lịch trong một vài tuần qua những vùng hoang dã nhất của Scotland; phong cảnh mà LÀM cho nghệ sĩ, không còn yêu dấu đối với đôi mắt mệt mỏi của anh. Một lá thư gọi anh trở về London trên cánh của nỗi đau và sợ hãi mới; anh đến và thấy em gái mình trong tình trạng tinh thần và sức khỏe vượt xa những lo ngại tồi tệ nhất của anh.

Her vacant look, her lifeless posture, appalled him; it was as one who gazed on the Medusa's head, and felt, without a struggle, the human being gradually harden to the statue. It was not frenzy, it was not idiocy,—it was an abstraction, an apathy, a sleep in waking. Only as the night advanced towards the eleventh hour—the hour in which Glyndon had concluded his tale—she grew visibly uneasy, anxious, and perturbed. Then her lips muttered; her hands writhed; she looked round with a look of unspeakable appeal for succour, for protection, and suddenly, as the clock struck, fell with a shriek to the ground, cold and

lifeless. With difficulty, and not until after the most earnest prayers, did she answer the agonised questions of Glyndon; at last she owned that at that hour, and that hour alone, wherever she was placed, however occupied, she distinctly beheld the apparition of an old hag, who, after thrice knocking at the door, entered the room, and hobbling up to her with a countenance distorted by hideous rage and menace, laid its icy fingers on her forehead: from that moment she declared that sense forsook her; and when she woke again, it was only to wait, in suspense that froze up her blood, the repetition of the ghastly visitation.

Ánh nhìn trống rỗng, tư thế không sinh động của cô, làm anh kinh hoàng; như một ai nhìn vào đầu Medusa, và cảm thấy, mà không cần phải đấu tranh, con người dần dần cứng lại thành tượng. Đó không phải là cuồng nộ, không phải là điên rồ,—đó là sự trừu tượng, sự lãnh đạm, một giấc ngủ trong cơn mê mải. Chỉ khi đêm dần đến giờ mười một—giờ mà Glyndon đã kết thúc câu chuyện của mình—cô trở nên rõ ràng bất an, lo lắng và rối bời. Sau đó, môi cô lầm bầm; tay cô quằn quại; cô nhìn quanh với ánh mắt không thể diễn tả được, để yêu cầu sự giúp đỡ, sự bảo vệ, và đột ngột, khi đồng hồ đánh, cô té ngã xuống đất, lạnh lẽo và không sự sống. Với sự khó khăn, và không cho đến sau những lời cầu nguyện nồng nàn nhất, cô trả lời cho những câu hỏi đau đớn của Glyndon; cuối cùng cô thừa nhận rằng vào thời gian đó, và chỉ vào thời gian đó, ở bất cứ nơi nào cô được đặt, dù làm bất cứ việc gì, cô đã mạnh mẽ nhìn thấy hình ảnh của một bà cụ già, người, sau khi gõ ba cái cửa, đã bước vào phòng, và đi lom khom đến gần cô với một khuôn mặt bị biến dạng bởi sự giận dữ và đe dọa kinh hoàng, đặt ngón tay lạnh lẽo lên trán cô: từ khoảnh khắc đó cô tuyên bố rằng ý thức cô đã rời bỏ cô; và khi cô tỉnh lại, đó chỉ để chờ đợi, trong sự hồi hộp làm đông cứng máu của cô, sự lặp lại của cuộc viếng thăm kinh hoàng.

“There is a painter here—a great man, one of their great men at Paris, I know not what they call them; but he rules over all here, —life and death; and he has paid me largely but to sit for my

portrait. It is for a picture to be given to the Nation, for he paints only for glory. Think of thy Fillide's renown!" And the girl's wild eyes sparkled; her vanity was roused. "And he would have married me if I would!—divorced his wife to marry me! But I waited for thee, ungrateful!"

"Ở đây có một họa sĩ—một người lớn, một trong những người lớn ở Paris, tôi không biết họ gọi họ như thế nào; nhưng anh ta thống trị tất cả ở đây,—đời sống và cái chết; và anh ta đã trả cho tôi một số tiền lớn chỉ để ngồi để vẽ bức chân dung của tôi. Đó là một bức tranh sẽ được tặng cho Quốc gia, vì anh ta chỉ vẽ vì danh tiếng. Hãy nghĩ đến danh tiếng của Fillide của bạn!" Và đôi mắt hoang dại của cô gái lóe lên; sự kiêu ngạo của cô đã được đánh thức. "Và anh ta đã sẵn sàng cưới tôi nếu tôi muốn!—ly dị vợ để cưới tôi! Nhưng tôi đã đợi chờ cho anh, bất biết ơn!"

A knock at the door was heard,—a man entered. "Nicot!" "Ah, Glyndon!—hum!—welcome! What! thou art twice my rival! But Jean Nicot bears no malice. Virtue is my dream,—my country, my mistress. Serve my country, citizen; and I forgive thee the preference of beauty. Ca ira! ca ira!"

Một tiếng gõ cửa vang lên,—một người đàn ông vào. "Nicot!" "Ah, Glyndon!—hum!—chào mừng! Cái gì! anh đó mà là đối thủ của tôi hai lần! Nhưng Jean Nicot không có ác ý. Đức hạnh là giấc mơ của tôi,—đất nước tôi, người phụ nữ của tôi. Phục vụ đất nước tôi, công dân; và tôi tha thứ cho anh sự ưa thích vẻ đẹp. Ca ira! ca ira!"

But as the painter spoke, it hymned, it rolled through the streets,—the fiery song of the Marseillaise! There was a crowd, a multitude, a people up, abroad, with colours and arms, enthusiasm and song,—with song, with enthusiasm, with colours and arms! And who could guess that that martial movement was one, not of war, but massacre,—Frenchmen against Frenchmen? For there are two parties in Marseilles,—

and ample work for Jourdan Coupe-tete! But this, the Englishman, just arrived, a stranger to all factions, did not as yet comprehend. He comprehended nothing but the song, the enthusiasm, the arms, and the colours that lifted to the sun the glorious lie, “Le peuple Francais, debout contre les tyrans!” (Up, Frenchmen, against tyrants!)

Nhưng khi họa sĩ nói, nó hát, nó lan tỏa qua các con phố,—bài hát mãnh liệt của Marseillaise! Có một đám đông, một đám đông, một dân chúng đứng dậy, ra ngoài, với màu sắc và vũ khí, sự nhiệt huyết và bài hát,—với bài hát, với sự nhiệt huyết, với màu sắc và vũ khí! Và ai có thể đoán được rằng cuộc di chuyển quân sự đó không phải là chiến tranh, mà là tàn sát,—người Pháp chống lại người Pháp? Vì có hai phe ở Marseilles,—và công việc đầy đủ cho Jourdan Coupe-tete! Nhưng người Anh, vừa mới đến, một người lạ đối với tất cả các phe, chưa hiểu rõ. Anh không hiểu gì ngoại trừ bài hát, sự nhiệt huyết, vũ khí và màu sắc mà đưa lên ánh mặt trời bức dối huyền bí, “Le peuple Francais, debout contre les tyrans!” (Đứng dậy, người Pháp, chống lại bạo chúa!)

The dark brow of the wretched wanderer grew animated; he gazed from the window on the throng that marched below, beneath their waving Oriflamme. They shouted as they beheld the patriot Nicot, the friend of Liberty and relentless Hebert, by the stranger’s side, at the casement. “Ay, shout again!” cried the painter,—“shout for the brave Englishman who abjures his Pitts and his Coburgs to be a citizen of Liberty and France!”

Cái trán tối tăm của kẻ lang thang đáng thương trở nên sống động; anh nhìn từ cửa sổ xuống đám đông đi qua dưới, dưới bức cờ Oriflamme đang vẫy. Họ hò reo khi họ nhìn thấy nhà yêu nước Nicot, người bạn của Tự do và kẻ không thương xót Hebert, bên cạnh người lạ, ở cửa sổ. “Ừ, hò lên nữa!” họa sĩ hét lên,—“hò lên cho người Anh dũng cảm mà từ chối Pitts và Coburgs của mình để trở thành công dân của Tự do và Pháp!”

A thousand voices rent the air, and the hymn of the Marseillaise rose in majesty again. “Well, and if it be among these high hopes and this brave people that the phantom is to vanish, and the cure to come!” muttered Glyndon; and he thought he felt again the elixir sparkling through his veins. “Thou shalt be one of the Convention with Paine and Clootz,—I will manage it all for thee!” cried Nicot, slapping him on the shoulder: “and Paris —”

Một nghìn giọng nói xé toáng không khí, và bài hát của Marseillaise lại vươn lên với vẻ tráng lệ. “Vâng, và nếu đó là trong những hy vọng cao cả và những người dũng cảm này mà hình ảnh sẽ tan biến, và sự chữa lành sẽ đến!” Glyndon thì thầm; và anh nghĩ rằng anh cảm thấy lại hòa quyện trong huyết quản của mình. “Ngươi sẽ là một trong Đại hội với Paine và Clootz,—tôi sẽ sắp xếp tất cả cho ngươi!” Nicot hét lên, vỗ vào vai anh: “và Paris—”

“Ah, if I could but see Paris!” cried Fillide, in her joyous voice. Joyous! the whole time, the town, the air—save where, unheard, rose the cry of agony and the yell of murder—were joy! Sleep unhaunting in thy grave, cold Adela. Joy, joy! In the Jubilee of Humanity all private griefs should cease! Behold, wild mariner, the vast whirlpool draws thee to its stormy bosom! There the individual is not. All things are of the whole! Open thy gates, fair Paris, for the stranger-citizen! Receive in your ranks, O meek Republicans, the new champion of liberty, of reason, of mankind! “Mejnour is right; it was in virtue, in valour, in glorious struggle for the human race, that the spectre was to shrink to her kindred darkness.”

“À, nếu tôi có thể nhìn thấy Paris!” hét Fillide, trong giọng vui vẻ của cô. Vui! suốt thời gian, thị trấn, bầu không khí—nơi trừ khi, không nghe thấy, vọng lên tiếng kêu than và tiếng hét của tội ác —đều là niềm vui! Hãy ngủ yên trong nghĩa địa của ngươi, Adela lạnh. Vui, vui! Trong Lễ hội của Nhân loại tất cả những

nỗi buồn riêng sẽ dừng lại! Hỡi, thủy thủ hoang dã, cơn xoáy rộng lớn hút ngươi vào lòng sóng dữ! Ở đó cá nhân không tồn tại. Mọi thứ đều thuộc về toàn thể! Mở cửa ngươi, Paris xinh đẹp, cho người dân nước ngoại! Hãy chào đón trong hàng ngũ của ngươi, những người Cộng hòa hiền lành, nhà vô địch mới của tự do, của lý trí, của nhân loại! “Mejnour đúng; đó là trong đức hạnh, trong dũng cảm, trong cuộc chiến vĩ đại cho nhân loại, mà bóng ma sẽ co lại vào bóng tối của chúng.”

And Nicot’s shrill voice praised him; and lean Robespierre —“Flambeau, colonne, pierre angulaire de l’edifice de la Republique!” (“The light, column, and keystone of the Republic.”—“Lettre du Citoyen P—; Papiers inedits trouves chez Robespierre,” tom 11, page 127.)—smiled ominously on him from his bloodshot eyes; and Fillide clasped him with passionate arms to her tender breast. And at his up-rising and down-sitting, at board and in bed, though he saw it not, the Nameless One guided him with the demon eyes to the sea whose waves were gore.

Và giọng hót lạnh của Nicot khen ngợi anh; và Robespierre gầy gò—“Flambeau, colonne, pierre angulaire de l’edifice de la Republique!” (“Ánh sáng, cột, và viên gạch cơ bản của Cộng hòa.”—“Lettre du Citoyen P—; Papiers inedits trouves chez Robespierre,” tập 11, trang 127.)—mỉm cười đầy điềm báo với anh từ đôi mắt đỏ như máu; và Fillide ôm anh với đôi tay đam mê vào ngực mềm mại của cô. Và khi anh đứng lên và ngồi xuống, ăn trưa và đi ngủ, mặc dù anh không nhìn thấy, Người Vô Danh dẫn dắt anh với đôi mắt quỷ đến biển với những con sóng là máu.

BOOK VI. — SUPERSTITION DESERTING FAITH.

SÁCH VI. — TIN NGƯỠNG BỎ BỚT NIỀM TIN.

Why do I yield to that suggestion, Whose horrid image doth unfix my hair.—Shakespeare

Tại sao tôi nhường bước cho đề nghị đó, Hình ảnh kinh dị đó làm rối tóc của tôi.—Shakespeare

CHAPTER 6.I.

CHƯƠNG 6.I.

Therefore the Genii were painted with a platter full of garlands and flowers in one hand, and a whip in the other.—Alexander Ross, “Mystag. Poet.”

Vì vậy, Thần đạo được vẽ với một cái dĩa đầy hoa và vòng hoa trong một tay, và một roi trong tay kia.—Alexander Ross, “Mystag. Poet.”

According to the order of the events related in this narrative, the departure of Zanoni and Viola from the Greek isle, in which two happy years appear to have been passed, must have been somewhat later in date than the arrival of Glyndon at Marseilles. It must have been in the course of the year 1791 when Viola fled from Naples with her mysterious lover, and when Glyndon sought Mejnour in the fatal castle. It is now towards the close of 1793, when our story again returns to Zanoni. The stars of winter shone down on the lagunes of Venice. The hum of the Rialto was hushed,—the last loiterers had deserted the Place of St. Mark’s, and only at distant intervals might be heard the oars of the rapid gondolas, bearing reveller or lover to his home. But lights still flitted to and fro across the windows of one of the Palladian palaces, whose shadow slept in the great canal; and within the palace watched the twin Eumenides that never sleep for Man,—Fear and Pain.

Theo thứ tự của các sự kiện được kể trong câu chuyện này, sự ra đi của Zanoni và Viola từ hòn đảo Hy Lạp, trong đó dường như

đã trôi qua hai năm hạnh phúc, phải là sau một chút so với thời gian Glyndon đến Marseilles. Điều đó phải đã xảy ra vào năm 1791 khi Viola chạy trốn từ Naples với người tình bí ẩn của cô, và khi Glyndon tìm Mejnour trong lâu đài định mệnh. Bây giờ là gần cuối năm 1793, khi câu chuyện của chúng ta lại quay trở lại Zanoni. Những vì sao của mùa đông chiếu xuống những lagunes của Venice. Tiếng ồn ào của Rialto đã im lặng,—những người lười biếng cuối cùng đã rời khỏi Quảng trường St. Mark's, và chỉ ở những khoảng cách xa có thể nghe thấy tiếng chèo của những chiếc gondola nhanh chóng, chở người vui vẻ hoặc người yêu về nhà. Nhưng ánh sáng vẫn lượn phượt qua cửa sổ của một trong những cung điện Palladian, bóng của nó ngủ trong kênh lớn; và bên trong cung điện, hai Eumenides

“And as a slave will I serve thee! Command thy slave, O beautiful Chaldean! Hark, the wail of women!—hark, the sharp shriek of thy beloved one! Death is in thy palace! Adon-Ai comes not to thy call. Only where no cloud of the passion and the flesh veils the eye of the Serene Intelligence can the Sons of the Starbeam glide to man. But I can aid thee!—hark!” And Zanoni heard distinctly in his heart, even at that distance from the chamber, the voice of Viola calling in delirium on her beloved one.

"Và như một người nô lệ, tôi sẽ phục vụ ngươi! Ra lệnh cho nô lệ của ngươi, ô người Caldean đẹp đẽ! Hãy nghe, tiếng khóc của phụ nữ!—hãy nghe, tiếng hét to của người mà ngươi yêu quý! Sự chết đang ở trong cung điện của ngươi! Adon-Ai không đến khi ngươi gọi. Chỉ khi không có mây của đam mê và thịt che đi ánh mắt của Trí Tuệ Thanh Bình, con cái của Tia Sáng Sao có thể lướt đến với con người. Nhưng tôi có thể giúp ngươi!—hãy nghe!" Và Zanoni nghe rõ ràng trong trái tim mình, ngay cả ở khoảng cách xa đó từ phòng, tiếng của Viola gọi trong tình trạng hôn mê về người yêu thương của mình.

“Oh, Viola, I can save thee not!” exclaimed the seer, passionately; “my love for thee has made me powerless!”

"Ôi, Viola, tôi không thể cứu ngươi được!" nhà nhìn thấy thổ lộ, mạnh mẽ; "tình yêu của tôi dành cho ngươi đã làm tôi trở nên vô lực!"

“Not powerless; I can gift thee with the art to save her,—I can place healing in thy hand!”

"Không vô lực; tôi có thể tặng ngươi với nghệ thuật để cứu cô ấy, —tôi có thể đặt sức khỏe vào tay ngươi!"

“For both?—child and mother,—for both?”

"Cho cả hai?—đứa trẻ và mẹ,—cho cả hai?"

“Both!”

"Cả hai!"

A convulsion shook the limbs of the seer,—a mighty struggle shook him as a child: the Humanity and the Hour conquered the repugnant spirit. “I yield! Mother and child—save both!”

Một cơn co giật rung chuyển cơ thể của nhà nhìn thấy,—một cuộc chiến mạnh mẽ rung chuyển anh như một đứa trẻ: Con Người và Giờ đã chiến thắng tinh thần phản động. "Tôi nhượng bộ! Mẹ và con—cứu cả hai!"

...

...

CHAPTER 6.II. Tristis Erinnys Praetulit infaustas sanguinolenta faces. Ovid. (Erinnys, doleful and bloody, extends the unblessed torches.)

...

And they placed the child in the father’s arms! As silently he bent over it, tears—tears, how human!—fell from his eyes like rain! And the little one smiled through the tears that bathed its cheeks! Ah, with what happy tears we welcome the stranger into our sorrowing world! With what agonising tears we dismiss the stranger back to the angels! Unselfish joy; but how selfish is the sorrow!

Và họ đặt đứa trẻ vào vòng tay của cha! Khi ông bẽn lẽn cúi xuống trước nó, nước mắt—nước mắt, như con người!—rơi từ đôi mắt của ông như mưa! Và đứa bé cười qua những giọt nước mắt ướt đẫm má hồng của nó! Ôi, bằng những giọt nước mắt hạnh phúc chúng ta chào đón người lạ vào thế giới đau khổ của chúng ta! Bằng những giọt nước mắt đau khổ chúng ta giáng người lạ trở về cùng thiên thần! Niềm vui không ích kỉ; nhưng nỗi đau thì ích kỉ thế nào!

And now through the silent chamber a faint sweet voice is heard,—the young mother’s voice. “I am here: I am by thy side!” murmured Zanoni. The mother smiled, and clasped his hand, and asked no more; she was contented.

Và bây giờ qua căn phòng yên lặng, một giọng nói nhẹ nhàng ngọt ngào được nghe thấy,—giọng của người mẹ trẻ. "Tôi ở đây: Tôi bên cạnh ngươi!" thì thầm Zanoni. Người mẹ cười, nắm lấy tay anh, và không hỏi thêm; cô ấy hài lòng.

...

...

CHAPTER 6.III. Fuscis tellurem amplectitur alis. Virgil.
(Embraces the Earth with gloomy wings.)

...

Letter from Zanoni to Mejnour. Mejnour, Humanity, with all its sorrows and its joys, is mine once more. Day by day, I am forging my own fetters. I live in other lives than my own, and in them I have lost more than half my empire. Not lifting them aloft, they drag me by the strong bands of the affections to their own earth. Exiled from the beings only visible to the most abstract sense, the grim Enemy that guards the Threshold has entangled me in its web. Canst thou credit me, when I tell thee that I have accepted its gifts, and endure the forfeit? Ages must pass ere the brighter beings can again obey the spirit that has bowed to the ghastly one! And—

...

In this hope, then, Mejnour, I triumph still; I yet have supreme power over this young life. Insensibly and inaudibly my soul speaks to its own, and prepares it even now. Thou knowest that for the pure and unsullied infant spirit, the ordeal has no terror and no peril. Thus unceasingly I nourish it with no unholy light; and ere it yet be conscious of the gift, it will gain the privileges it has been mine to attain: the child, by slow and scarce-seen degrees, will communicate its own attributes to the mother; and content to see Youth forever radiant on the brows of the two that now suffice to fill up my whole infinity of thought, shall I regret the airier kingdom that vanishes hourly from my grasp? But thou, whose vision is still clear and serene, look into the far deeps shut from my gaze, and counsel me, or forewarn! I know that the gifts of the Being whose race is so hostile to our own are, to the common seeker, fatal and perfidious as itself. And hence, when, at the outskirts of knowledge, which in earlier ages men called Magic, they encountered the things of the hostile tribes, they believed the apparitions to be fiends, and, by fancied compacts, imagined they had signed away their souls; as if man could give for an eternity that over which he has control but while he lives! Dark, and shrouded forever from human sight, dwell the demon

rebels, in their impenetrable realm; in them is no breath of the Divine One. In every human creature the Divine One breathes; and He alone can judge His own hereafter, and allot its new career and home. Could man sell himself to the fiend, man could prejudge himself, and arrogate the disposal of eternity! But these creatures, modifications as they are of matter, and some with more than the malignanty of man, may well seem, to fear and unreasoning superstition, the representatives of fiends. And from the darkest and mightiest of them I have accepted a boon,—the secret that startled Death from those so dear to me. Can I not trust that enough of power yet remains to me to baffle or to daunt the Phantom, if it seek to pervert the gift? Answer me, Mejnour, for in the darkness that veils me, I see only the pure eyes of the new-born; I hear only the low beating of my heart. Answer me, thou whose wisdom is without love!

Trong hy vọng này, Mejnour, tôi vẫn chiến thắng; tôi vẫn có quyền lực tối cao trên cuộc sống trẻ này. Một cách không thể cảm nhận được, linh hồn của tôi nói với chính mình, và chuẩn bị ngay bây giờ. Ngươi biết rằng với linh hồn trẻ thơ trong trắng và không bị vấy bẩn, thử thách không đáng sợ và không nguy hiểm. Do đó, tôi không ngừng nuôi dưỡng nó bằng ánh sáng không tà; và trước khi nó nhận biết được món quà, nó sẽ đạt được những đặc quyền mà tôi đã đạt được: đứa trẻ, qua từng bước chậm rãi và hầu như không thấy, sẽ truyền đạt những phẩm chất của chính mình cho người mẹ; và hài lòng khi thấy Tuổi trẻ luôn tỏa sáng trên trán của hai người mà hiện nay đã đủ để lấp đầy vô tận tư tưởng của tôi, liệu rằng tôi sẽ nuối tiếc vương quốc thoáng qua hàng giờ khỏi tầm tay của tôi? Nhưng ngươi, người tầm nhìn vẫn rõ ràng và thanh bình, hãy nhìn vào những địa sâu kín giấu khỏi tầm nhìn của tôi, và tư vấn cho tôi, hoặc cảnh báo! Tôi biết rằng những món quà của Thực Thể mà chủng tộc của nó thù địch với chúng ta, đối với người tìm kiếm thông thường, chúng là tử vong và đê tiện như chính chúng. Và vì vậy, khi, ở rìa kiến thức, mà trong những thời đại trước, con người gọi là Ma Thuật, họ gặp phải những điều của các bộ lạc

thù địch, họ tin rằng những hình dạng ấy là quỷ, và, bởi các hiệp ước tưởng tượng, họ tưởng rằng họ đã ký hợp đồng để nhường đi linh hồn; như thể con người có thể cho mãi mãi điều mà anh ta kiểm soát chỉ khi còn sống! Đen tối, và mãi mãi che khuất khỏi tầm nhìn của con người, những kẻ nổi dậy đầy quỷ, trong vương quốc không thể xâm nhập của chúng; trong chúng không có hơi thở của Thượng Đế. Trong mỗi sinh vật con người, Thượng Đế thở; và chỉ Ngài mới có thể phán xét tương lai của Chính Ngài, và phân phối sự nghiệp mới và nơi cư trú của nó. Nếu con người có thể bán mình cho quỷ, con người có thể định trước cho chính mình, và tự cho mình quyền quyết định về vĩnh hằng! Nhưng những sinh vật này, dù là biến thể của vật chất, và một số có nhiều hơn cả sự độc ác của con người, có lẽ sẽ dường như, đối với nỗi sợ và tín ngưỡng mù quáng, là đại diện của quỷ. Và từ những kẻ tối tăm và mạnh mẽ nhất, tôi đã chấp nhận một món quà, - bí mật khiến cái chết giật mình khỏi những người thân yêu của tôi. Liệu tôi có thể tin rằng còn đủ quyền lực để phá hoặc làm hãi kẻ ma, nếu nó tìm cách biến chất món quà? Trả lời tôi, Mejnour, vì trong bóng tối che khuất tôi, tôi chỉ thấy đôi mắt trong trắng của đứa trẻ mới sinh; tôi chỉ nghe thấy nhịp đập nhẹ của trái tim tôi. Trả lời tôi, ngươi có trí tuệ không có tình yêu!

Mejnour to Zanoni. Rome. Fallen One!—I see before thee Evil and Death and Woe! Thou to have relinquished Adon-Ai for the nameless Terror,—the heavenly stars for those fearful eyes! Thou, at the last to be the victim of the Larva of the dreary Threshold, that, in thy first novitiate, fled, withered and shrivelled, from thy kingly brow! When, at the primary grades of initiation, the pupil I took from thee on the shores of the changed Parthenope, fell senseless and cowering before that Phantom-Darkness, I knew that his spirit was not formed to front the worlds beyond; for FEAR is the attraction of man to earthiest earth, and while he fears, he cannot soar. But THOU, seest thou not that to love is but to fear; seest thou not that the power of which thou boastest over the malignant one is already

gone? It awes, it masters thee; it will mock thee and betray. Lose not a moment; come to me. If there can yet be sufficient sympathy between us, through MY eyes shalt thou see, and perhaps guard against the perils that, shapeless yet, and looming through the shadow, marshal themselves around thee and those whom thy very love has doomed. Come from all the ties of thy fond humanity; they will but obscure thy vision! Come forth from thy fears and hopes, thy desires and passions. Come, as alone Mind can be the monarch and the seer, shining through the home it tenants,—a pure, impressionless, sublime intelligence!

Mejnour gửi đến Zanoni. Rome. Kẻ Rơi! - Tôi thấy trước mặt ngươi là Ác và Chết và Nỗi Đau! Ngươi đã từ bỏ Adon-Ai vì Nỗi Kinh Hoàng không tên, - những ngôi sao trời cho những đôi mắt đáng sợ ấy! Ngươi, cuối cùng sẽ trở thành nạn nhân của Larva của Ngưỡng Cửa ảm đạm, mà, trong thời kỳ tập sự đầu tiên của ngươi, đã bỏ chạy, héo úa và khô cằn, khỏi trán vương giả của ngươi! Khi, ở các cấp độ khởi nguyên, học trò tôi lấy từ ngươi trên bờ biển của Parthenope đã ngã ngất và run rẩy trước bóng tối ma quái ấy, tôi biết rằng linh hồn của hắn không được hình thành để đối mặt với thế giới bên kia; vì SỢ là sức hút của con người đến với trái đất, và trong khi hắn sợ, hắn không thể bay cao. Nhưng NGƯƠI, ngươi có thấy rằng yêu chỉ là sợ; ngươi có thấy rằng quyền lực mà ngươi khoe khoang trước kẻ độc ác đã không còn? Nó làm ngươi kính sợ, nó thống trị ngươi; nó sẽ trêu chọc và phản bội ngươi. Đừng để lãng phí một khoảnh khắc; đến với tôi. Nếu vẫn có đủ sự đồng cảm giữa chúng ta, qua ĐÔI mắt CỦA tôi ngươi sẽ thấy, và có thể bảo vệ chống lại những nguy hiểm mà, mặc dù chưa hình thành hình dạng, và hiện rõ qua bóng tối, đã tập hợp xung quanh ngươi và những người mà tình yêu của ngươi đã định đoạt. Đến từ tất cả những ràng buộc của tình người yêu dấu của ngươi; chúng chỉ làm mờ tầm nhìn của ngươi! Đến từ những nỗi sợ hãi và hy vọng, những khao khát và cảm xúc của ngươi. Đến, vì chỉ có Tâm hồn mới có thể là vị vua

và nhà tiên tri, chiếu sáng qua ngôi nhà mà nó đóng trọ, - một trí tuệ thuần khiết, không ấn tượng, cao quý!

CHAPTER 6.IV. Plus que vous ne pensez ce moment est terrible. La Harpe, “Le Comte de Warwick,” Act 3, sc. 5. (The moment is more terrible than you think.) For the first time since their union, Zanoni and Viola were separated,—Zanoni went to Rome on important business. “It was,” he said, “but for a few days;” and he went so suddenly that there was little time either for surprise or sorrow. But first parting is always more melancholy than it need be: it seems an interruption to the existence which Love shares with Love; it makes the heart feel what a void life will be when the last parting shall succeed, as succeed it must, the first. But Viola had a new companion; she was enjoying that most delicious novelty which ever renews the youth and dazzles the eyes of woman. As the mistress—the wife—she leans on another; from another are reflected her happiness, her being,—as an orb that takes light from its sun. But now, in turn, as the mother, she is raised from dependence into power; it is another that leans on her,—a star has sprung into space, to which she herself has become the sun!

CHƯƠNG 6.IV. Plus que vous ne pensez ce moment est terrible. La Harpe, "Le Comte de Warwick," Hành động 3, cảnh 5. (Khoảnh khắc đó đáng sợ hơn bạn nghĩ.) Lần đầu tiên kể từ khi họ kết hôn, Zanoni và Viola bị tách rời, - Zanoni đi Rome vì công việc quan trọng. "Chỉ là vài ngày thôi," anh ta nói, "và anh ta đi một cách đột ngột đến nỗi không có thời gian nào để ngạc nhiên hoặc buồn bã. Nhưng lần chia ly đầu tiên luôn đau buồn hơn những gì cần thiết: nó dường như là một sự gián đoạn cho sự tồn tại mà Tình yêu chia sẻ với Tình yêu; nó khiến trái tim cảm thấy cuộc sống sẽ trở thành hư vô khi lần chia ly cuối cùng sẽ kế tiếp, như nó phải, lần chia ly đầu tiên. Nhưng Viola có một người bạn mới; cô đang tận hưởng sự mới mẻ ngon ngọt nhất mà luôn làm tươi trẻ và làm cho mắt phụ nữ chói sáng. Như người tình - người vợ - cô dựa vào một người khác; từ người

khác phản chiếu lại hạnh phúc, sự tồn tại của cô - như một hành tinh lấy ánh sáng từ mặt trời của nó. Nhưng bây giờ, lần lượt, như người mẹ, cô được nâng lên từ sự phụ thuộc thành quyền lực; đó là một người khác dựa vào cô, - một ngôi sao đã bắt đầu vào không gian, mà cô chính mình đã trở thành mặt trời!

“Your last letter mentioned this wealthy and mysterious visitor,—this Zanoni. He is still at Venice?”

“Trong lá thư cuối cùng của bạn đã đề cập đến khách thăm giàu có và bí ẩn này, Zanoni. Anh ấy vẫn ở Venice phải không?”

“I heard that he had left this morning; but his wife is still here.”

“Tôi nghe nói anh ấy đã rời đi sáng nay; nhưng vợ anh ấy vẫn ở đây.”

“His wife!—that is well!”

“Vợ anh ấy!—điều đó tốt!”

“What know you of him? Think you that he would join us? His wealth would be—”

“Anh biết gì về anh ấy? Anh nghĩ rằng anh ấy sẽ tham gia với chúng ta không? Sự giàu có của anh ấy sẽ—”

“His house, his address,—quick!” interrupted the man.

“Nhà của anh ấy, địa chỉ của anh ấy,—nhanh lên!” người đàn ông gián đoạn.

“The Palazzo di —, on the Grand Canal.”

“The Palazzo di —, trên Canal Grande.”

“I thank you,—at nine we meet.”

“Tôi cám ơn bạn,—lúc chín giờ chúng ta gặp nhau.”

The man hurried on through the street from which he had emerged; and, passing by the house in which he had taken up his lodging (he had arrived at Venice the night before), a woman who stood by the door caught his arm.

Người đàn ông vội vàng đi qua con phố mà anh ấy đã xuất hiện; và, đi ngang qua căn nhà mà anh ấy đã ở (anh ấy đã đến Venice vào đêm trước), một người phụ nữ đứng bên cửa nắm lấy cánh tay anh.

“Monsieur,” she said in French, “I have been watching for your return. Do you understand me? I will brave all, risk all, to go back with you to France,—to stand, through life or in death, by my husband’s side!”

“Monsieur,” cô nói bằng tiếng Pháp, “Tôi đã đợi bạn quay trở lại. Bạn hiểu tôi chứ? Tôi sẽ dũng cảm tất cả, liều mạng tất cả, để trở về với bạn ở Pháp,—đứng, qua cuộc sống hoặc trong cái chết, bên cạnh chồng tôi!”

“Citoyenne, I promised your husband that, if such your choice, I would hazard my own safety to aid it. But think again! Your husband is one of the faction which Robespierre’s eyes have already marked; he cannot fly. All France is become a prison to the ‘suspect.’ You do not endanger yourself by return. Frankly, citoyenne, the fate you would share may be the guillotine. I speak (as you know by his letter) as your husband bade me.”

“Citoyenne, tôi đã hứa với chồng của bạn rằng, nếu đó là sự lựa chọn của bạn, tôi sẽ liều mạng an toàn của mình để giúp đỡ. Nhưng hãy suy nghĩ lại! Chồng của bạn là một trong những người trong phe mà ánh mắt của Robespierre đã chú ý; anh ấy không thể chạy trốn. Toàn bộ Pháp đã trở thành một nhà tù cho 'người nghi ngờ.' Bạn không đặt mình vào tình thế nguy hiểm bằng cách trở lại. Thành thật mà nói, citoyenne, số phận mà bạn

sẽ chia sẻ có thể là chiếc cưa gạt. Tôi nói (như bạn biết qua lá thư của anh ấy) như chồng bạn đã bảo tôi."

"Monsieur, I will return with you," said the woman, with a smile upon her pale face.

"Monsieur, tôi sẽ trở về với bạn," người phụ nữ nói với một nụ cười trên khuôn mặt trắng bệch của mình.

And yet you deserted your husband in the fair sunshine of the Revolution, to return to him amidst its storms and thunder," said the man, in a tone half of wonder, half rebuke.

"Và tuy nhiên bạn đã bỏ chồng mình trong ánh nắng sáng của Cuộc cách mạng, để trở về với anh ấy giữa những cơn bão và sấm," người đàn ông nói, với một dáng vẻ nửa ngạc nhiên, nửa khiển trách.

"Because my father's days were doomed; because he had no safety but in flight to a foreign land; because he was old and penniless, and had none but me to work for him; because my husband was not then in danger, and my father was! HE is dead —dead! My husband is in danger now. The daughter's duties are no more,—the wife's return!"

"Bởi vì những ngày của cha tôi đã được định trước; bởi vì anh ấy không có sự an toàn ngoài việc chạy trốn đến một đất nước nước ngoài; bởi vì anh ấy già nua và túng quẫn, và chỉ có mình tôi để làm việc cho anh ấy; bởi vì chồng tôi không đang trong nguy hiểm, và cha tôi đang! ANH ấy đã chết—chết! Chồng tôi đang gặp nguy hiểm bây giờ. Các nhiệm vụ của con gái không còn nữa,—trở về với vợ!"

"Be it so, citoyenne; on the third night I depart. Before then you may retract your choice."

“Hãy như vậy, citoyenne; vào đêm thứ ba tôi rời đi. Trước đó bạn có thể rút lại lựa chọn của mình.”

“Never!”

“Không bao giờ!”

A dark smile passed over the man’s face.

Một nụ cười tối tăm vượt qua khuôn mặt của người đàn ông.

“O guillotine!” he said, “how many virtues hast thou brought to light! Well may they call thee ‘A Holy Mother!’ O gory guillotine!”

“Ô cưa gạt!” anh ta nói, “bạn đã đưa ra bao nhiêu đức tính! Họ có thể gọi bạn là 'Một Bà Mẹ Thánh!' Ô cưa gạt máu me!”

He passed on muttering to himself, hailed a gondola, and was soon amidst the crowded waters of the Grand Canal.

Anh tiếp tục lẩm bẩm với chính mình, gọi một chiếc gondola, và sớm đã ở giữa những dòng nước đông đúc của Canal Grande.

CHAPTER 6.V.

CHƯƠNG 6.V.

Ce que j’ignore

Ce que j’ignore

Est plus triste peut-etre et plus affreux encore.

Có thể là triste và đáng sợ hơn nữa.

(That which I know not is, perhaps, more sad and fearful still.)

(Những điều mà tôi không biết, có lẽ, còn buồn và đáng sợ hơn nữa.)

The casement stood open, and Viola was seated by it. Beneath sparkled the broad waters in the cold but cloudless sunlight; and to that fair form, that half-averted face, turned the eyes of many a gallant cavalier, as their gondolas glided by.

Cửa sổ mở, và Viola đang ngồi bên cạnh. Dưới đó, những dòng nước rộng lớn lấp lánh dưới ánh nắng lạnh nhưng không mây; và với hình dáng đẹp đẽ đó, gương mặt hơi quay đi, thu hút ánh nhìn của nhiều hiệp sĩ dũng cảm, khi chiếc gondola của họ trôi qua.

But at last, in the centre of the canal, one of these dark vessels halted motionless, as a man fixed his gaze from its lattice upon that stately palace. He gave the word to the rowers,—the vessel approached the marge. The stranger quitted the gondola; he passed up the broad stairs; he entered the palace. Weep on, smile no more, young mother!—the last page is turned!

Nhưng cuối cùng, ở trung tâm của kênh, một trong những con tàu tối tăm này dừng lại không di chuyển, khi một người đàn ông cố chú ý từ ô cửa sổ của nó đến cung điện tráng lệ đó. Anh ta ra lệnh cho thủy thủ,—con tàu tiến đến bờ. Người lạ rời gondola; anh ta đi lên cầu thang rộng; anh ta bước vào cung điện. Hãy khóc đi, đừng cười nữa, người mẹ trẻ!—trang cuối đã được lật!

An attendant entered the room, and gave to Viola a card, with these words in English, “Viola, I must see you! Clarence Glyndon.”

Một người hầu bàn vào phòng, và đưa cho Viola một tấm thiệp, với những từ này bằng tiếng Anh, “Viola, tôi phải gặp bạn! Clarence Glyndon.”

Oh, yes, how gladly Viola would see him; how gladly speak to him of her happiness, of Zanoni!—how gladly show to him her child! Poor Clarence! she had forgotten him till now, as she had all the fever of her earlier life,—its dreams, its vanities, its poor excitement, the lamps of the gaudy theatre, the applause of the noisy crowd.

Oh, có lẽ, Viola sẽ rất vui khi gặp anh; rất vui khi nói với anh về hạnh phúc của mình, về Zanoni!—rất vui khi cho anh thấy đứa con của mình! Thật tội nghiệp Clarence! cô đã quên anh cho đến bây giờ, giống như cô đã quên tất cả những cơn sốt của cuộc đời trước đó,—những giấc mơ, những vật rỗng, những cảm xúc kém, ánh đèn của nhà hát lòe loẹt, tiếng vỗ tay của đám đông ồn ào.

He entered. She started to behold him, so changed were his gloomy brow, his resolute, careworn features, from the graceful form and careless countenance of the artist-lover. His dress, though not mean, was rude, neglected, and disordered. A wild, desperate, half-savage air had supplanted that ingenuous mien, diffident in its grace, earnest in its diffidence, which had once characterised the young worshipper of Art, the dreaming aspirant after some starrier lore.

Anh vào. Cô bất ngờ khi nhìn thấy anh, vì anh đã thay đổi nhiều, từ cái trán u ám, nét mặt quyết đoán, mệt mỏi, so với hình dáng dễ thương và khuôn mặt không chú ý của người yêu nghệ sĩ. Bộ trang phục của anh, mặc dù không tầm thường, nhưng thô lỗ, bị bỏ rơi, và lộn xộn. Một dáng vẻ hoang dã, tuyệt vọng, nửa hoang dã đã thay thế nét mặt hồn nhiên đó, mộng mơ trong sự duyên dáng, nghiêm túc trong sự nhút nhát, mà trước đây đã đặc trưng cho người tôn sùng nghệ thuật trẻ, người mơ mộng theo một số kiến thức cao cấp hơn.

“Is it you?” she said at last. “Poor Clarence, how changed!”

“Đó là anh à?” cô nói cuối cùng. “Tội nghiệp Clarence, anh đã thay đổi thế nào!”

“Changed!” he said abruptly, as he placed himself by her side. “And whom am I to thank, but the fiends—the sorcerers—who have seized upon thy existence, as upon mine? Viola, hear me. A few weeks since the news reached me that you were in Venice. Under other pretences, and through innumerable dangers, I have come hither, risking liberty, perhaps life, if my name and career are known in Venice, to warn and save you. Changed, you call me!—changed without; but what is that to the ravages within? Be warned, be warned in time!”

“Thay đổi!” anh nói một cách đột ngột, khi anh đặt mình bên cạnh cô. “Và tôi phải cảm ơn ai, ngoại trừ những con quỷ—những phù thủy—mà đã chiếm lấy sự tồn tại của em, cũng như tôi? Viola, hãy nghe tôi. Một vài tuần trước tin tức đến với tôi rằng em đang ở Venice. Dưới các lý do khác nhau, và qua vô số nguy hiểm, tôi đã đến đây, liều mạng tự do, có lẽ là tính mạng, nếu tên và sự nghiệp của tôi được biết ở Venice, để cảnh báo và cứu em. Anh gọi tôi là thay đổi!—thay đổi bên ngoài; nhưng điều đó có ý nghĩa gì so với những gì đã hủy

Then there came back to Viola’s mind the remembrance of Zanoni’s night-long watches by that cradle, and the fear which even then had crept over her as she heard his murmured half-chanted words. And as the child looked at her with its clear, steadfast eye, in the strange intelligence of that look there was something that only confirmed her awe. So there both Mother and Forewarner stood in silence,—the sun smiling upon them through the casement, and dark by the cradle, though they saw it not, sat the motionless, veiled Thing!

Sau đó, ký ức về những đêm Zanoni thức đêm bên cũi của Viola trở lại trong tâm trí cô, và nỗi sợ hãi ngay từ lúc đó đã lan rộng trong cô khi cô nghe những lời thì thầm hát vang của anh. Và

khi đứa trẻ nhìn cô với ánh mắt rõ ràng, kiên định, trong sự thông minh lạ lùng của ánh nhìn đó có điều gì đó chỉ làm tăng thêm nỗi kính sợ của cô. Vì vậy, cả Mẹ và Người Cảnh Báo đứng im lặng, mặt trời chiếu rạng lên họ qua cửa sổ, và bên cạnh cũi, mặc dù họ không nhìn thấy, đứng một Điều vật đứng yên, che kín!

But by degrees better and juster and more grateful memories of the past returned to the young mother. The features of the infant, as she gazed, took the aspect of the absent father. A voice seemed to break from those rosy lips, and say, mournfully, “I speak to thee in thy child. In return for all my love for thee and thine, dost thou distrust me, at the first sentence of a maniac who accuses?”

Her breast heaved, her stature rose, her eyes shone with a serene and holy light. “Go, poor victim of thine own delusions,” she said to Glyndon; “I would not believe mine own senses, if they accused ITS father! And what knowest thou of Zanoni? What relation have Mejnour and the grisly spectres he invoked, with the radiant image with which thou wouldst connect them?”

“Thou wilt learn too soon,” replied Glyndon, gloomily. “And the very phantom that haunts me, whispers, with its bloodless lips, that its horrors await both thine and thee! I take not thy decision yet; before I leave Venice we shall meet again.” He said, and departed.

CHAPTER 6.VI. Quel est l’egarement ou ton ame se livre? La Harpe, “Le Comte de Warwick,” Act 4, sc. 4. (To what delusion does thy soul abandon itself?)

CHƯƠNG 6.VI. Quel est l’egarement ou ton ame se livre? La Harpe, “Le Comte de Warwick,” Hành động 4, cảnh 4. (Tâm hồn của ngươi đang bị lạc lối vào đâu?)

Alas, Zanoni! the aspirer, the dark, bright one!—didst thou think that the bond between the survivor of ages and the daughter of a day could endure? Didst thou not foresee that, until the ordeal was past, there could be no equality between thy wisdom and her love? Art thou absent now seeking amidst thy solemn secrets the solemn safeguards for child and mother, and forgettest thou that the phantom that served thee hath power over its own gifts,—over the lives it taught thee to rescue from the grave? Dost thou not know that Fear and Distrust, once sown in the heart of Love, spring up from the seed into a forest that excludes the stars? Dark, bright one! the hateful eyes glare beside the mother and the child!

All that day Viola was distracted by a thousand thoughts and terrors, which fled as she examined them to settle back the darklier. She remembered that, as she had once said to Glyndon, her very childhood had been haunted with strange forebodings, that she was ordained for some preternatural doom. She remembered that, as she had told him this, sitting by the seas that slumbered in the arms of the Bay of Naples, he, too, had acknowledged the same forebodings, and a mysterious sympathy had appeared to unite their fates. She remembered, above all, that, comparing their entangled thoughts, both had then said, that with the first sight of Zanoni the foreboding, the instinct, had spoken to their hearts more audibly than before, whispering that "with HIM was connected the secret of the unconjectured life."

And now, when Glyndon and Viola met again, the haunting fears of childhood, thus referred to, woke from their enchanted sleep. With Glyndon's terror she felt a sympathy, against which her reason and her love struggled in vain. And still, when she turned her looks upon her child, it watched her with that steady, earnest eye, and its lips moved as if it sought to speak to her,—but no sound came. The infant refused to sleep. Whenever she gazed upon its face, still those wakeful, watchful

eyes!—and in their earnestness, there spoke something of pain, of upbraiding, of accusation. They chilled her as she looked. Unable to endure, of herself, this sudden and complete revulsion of all the feelings which had hitherto made up her life, she formed the resolution natural to her land and creed; she sent for the priest who had habitually attended her at Venice, and to him she confessed, with passionate sobs and intense terror, the doubts that had broken upon her. The good father, a worthy and pious man, but with little education and less sense, one who held (as many of the lower Italians do to this day) even a poet to be a sort of sorcerer, seemed to shut the gates of hope upon her heart. His remonstrances were urgent, for his horror was unfeigned. He joined with Glyndon in imploring her to fly, if she felt the smallest doubt that her husband's pursuits were of the nature which the Roman Church had benevolently burned so many scholars for adopting. And even the little that Viola could communicate seemed, to the ignorant ascetic, irrefragable proof of sorcery and witchcraft; he had, indeed, previously heard some of the strange rumours which followed the path of Zanoni, and was therefore prepared to believe the worst; the worthy Bartolomeo would have made no bones of sending Watt to the stake, had he heard him speak of the steam-engine. But Viola, as untutored as himself, was terrified by his rough and vehement eloquence,—terrified, for by that penetration which Catholic priests, however dull, generally acquire, in their vast experience of the human heart hourly exposed to their probe, Bartolomeo spoke less of danger to herself than to her child. "Sorcerers," said he, "have ever sought the most to decoy and seduce the souls of the young,—nay, the infant;" and therewith he entered into a long catalogue of legendary fables, which he quoted as historical facts. All at which an English woman would have smiled, appalled the tender but superstitious Neapolitan; and when the priest left her, with solemn rebukes and grave accusations of a dereliction of her duties to her child, if she hesitated to fly with it from an abode polluted by the darker powers and unhallowed arts,

Viola, still clinging to the image of Zanoni, sank into a passive lethargy which held her very reason in suspense.

The hours passed: night came on; the house was hushed; and Viola, slowly awakened from the numbness and torpor which had usurped her faculties, tossed to and fro on her couch, restless and perturbed. The stillness became intolerable; yet more intolerable the sound that alone broke it, the voice of the clock, knelling moment after moment to its grave. The moments, at last, seemed themselves to find voice,—to gain shape. She thought she beheld them springing, wan and fairy-like, from the womb of darkness; and ere they fell again, extinguished, into that womb, their grave, their low small voices murmured, "Woman, we report to eternity all that is done in time! What shall we report of thee, O guardian of a new-born soul?" She became sensible that her fancies had brought a sort of partial delirium, that she was in a state between sleep and waking, when suddenly one thought became more predominant than the rest. The chamber which, in that and every house they had inhabited, even that in the Greek isles, Zanoni had set apart to a solitude on which none might intrude, the threshold of which even Viola's step was forbid to cross, and never, hitherto, in that sweet repose of confidence which belongs to contented love, had she even felt the curious desire to disobey,—now, that chamber drew her towards it. Perhaps THERE might be found a somewhat to solve the riddle, to dispel or confirm the doubt: that thought grew and deepened in its intenseness; it fastened on her as with a palpable and irresistible grasp; it seemed to raise her limbs without her will.

Những giờ phút trôi qua: đêm đến; căn nhà yên bình; và Viola, từ từ tỉnh dậy từ sự tê liệt và mất tỉnh táo đã chiếm đoạt tất cả khả năng của cô, lăn qua lại trên chiếc giường, bồn chồn và lo lắng. Sự yên lặng trở nên không chịu nổi; nhưng cái âm thanh duy nhất phá vỡ nó, tiếng đồng hồ, vang lên từng khoảnh khắc đến nơi an nghỉ. Cuối cùng, những khoảnh khắc dường như có

giọng nói riêng,—có hình dáng. Cô nghĩ mình thấy chúng nhảy ra, mảnh mai và như tiên, từ lòng bóng tối; và trước khi chúng rơi xuống, tắt lịm, vào lòng bóng tối, nơi an nghỉ của chúng, giọng nói nhỏ bé của chúng lầy lội, “Người phụ nữ, chúng tôi báo cáo cho vĩnh hằng tất cả những gì đã xảy ra trong thời gian! Chúng tôi sẽ báo cáo gì về người, người là người bảo vệ linh hồn mới sinh?” Cô nhận ra rằng những ảo tưởng của mình đã mang đến một loại mê sảng một phần, rằng cô đang ở trong tình trạng giữa giấc ngủ và tỉnh giấc, khi đột ngột một suy nghĩ trở nên quan trọng hơn tất cả. Phòng mà, trong căn nhà đó và mọi căn nhà họ đã sống, thậm chí cả ở những hòn đảo Hy Lạp, Zanoni đã dành riêng cho sự cô đơn mà không ai được xâm phạm, ngưỡng cửa mà ngay cả bước chân của Viola cũng bị cấm bước qua, và cho đến bây giờ, trong sự yên bình tin tưởng mà chỉ có trong tình yêu mãnh liệt, cô chưa từng thấy khao khát tò mò để vi phạm,—bây giờ, căn phòng đó hút cô về phía nó. Có lẽ Ở ĐÓ có thể tìm thấy một cái gì đó để giải mã câu đố, để xua tan hoặc xác nhận nghi ngờ: suy nghĩ ấy phát triển và sâu sắc hơn trong sự cường điệu của nó; nó bám chặt vào cô như với một vòng tay rõ ràng và không thể cưỡng lại; nó dường như đưa cơ thể cô lên mà không cần ý muốn.

And now, through the chamber, along the galleries thou glidest, O lovely shape! sleep-walking, yet awake. The moon shines on thee as thou glidest by, casement after casement, white-robed and wandering spirit!—thine arms crossed upon thy bosom, thine eyes fixed and open, with a calm unfearing awe. Mother, it is thy child that leads thee on! The fairy moments go before thee; thou hearest still the clock-knell tolling them to their graves behind. On, gliding on, thou hast gained the door; no lock bars thee, no magic spell drives thee back. Daughter of the dust, thou standest alone with night in the chamber where, pale and numberless, the hosts of space have gathered round the seer!

Và bây giờ, qua căn phòng, dọc theo những hành lang cô trượt đi, hình dạng dễ thương! đi trong giấc mơ, nhưng vẫn tỉnh táo. Ánh trăng chiếu sáng lên cô khi cô đi qua, từ cửa sổ này đến cửa sổ khác, hồn ma mặc áo trắng và lang thang!—đôi tay gập trên ngực, đôi mắt cố định và mở, với một sự kính sợ yên bình. Mẹ, đó là đứa con của mẹ dẫn dắt mẹ! Những khoảnh khắc tiên nữ đi trước mặt mẹ; mẹ vẫn nghe thấy tiếng đồng hồ kêu gọi chúng đến nơi an nghỉ phía sau. Tiếp tục, trượt đi, mẹ đã đến cửa; không có khóa cản cửa, không có phép thuật nào đẩy mẹ trở lại. Con gái của bụi đất, mẹ đứng một mình với đêm trong căn phòng nơi, mờ nhạt và không đếm xuể, các đội quân của không gian đã tụ về xung quanh nhà tiên tri!

CHAPTER 6.VII.

CHƯƠNG 6.VII.

Des Erdenlebens

Schweres Traumbild sinkt, und sinkt, und sinkt.

“Das Ideal und das Lebens.”

(The Dream Shape of the heavy earthly life sinks, and sinks, and sinks.)

She stood within the chamber, and gazed around her; no signs by which an inquisitor of old could have detected the scholar of the Black Art were visible. No crucibles and caldrons, no brass-bound volumes and ciphered girdles, no skulls and cross-bones. Quietly streamed the broad moonlight through the desolate chamber with its bare, white walls. A few bunches of withered herbs, a few antique vessels of bronze, placed carelessly on a wooden form, were all which that curious gaze could identify with the pursuits of the absent owner. The magic, if it existed, dwelt in the artificer, and the materials, to other hands, were but herbs and bronze. So is it ever with thy works and wonders, O Genius,—Seeker of the Stars! Words themselves are the common property of all men; yet, from words themselves, Thou Architect of Immortalities, pilest up temples that shall outlive the Pyramids, and the very leaf of the Papyrus becomes a Shinar, stately with towers, round which the Deluge of Ages, shall roar in vain!

But in that solitude has the Presence that there had invoked its wonders left no enchantment of its own? It seemed so; for as Viola stood in the chamber, she became sensible that some mysterious change was at work within herself. Her blood coursed rapidly, and with a sensation of delight, through her

veins,—she felt as if chains were falling from her limbs, as if cloud after cloud was rolling from her gaze. All the confused thoughts which had moved through her trance settled and centred themselves in one intense desire to see the Absent One, —to be with him. The monads that make up space and air seemed charged with a spiritual attraction,—to become a medium through which her spirit could pass from its clay, and confer with the spirit to which the unutterable desire compelled it. A faintness seized her; she tottered to the seat on which the vessels and herbs were placed, and, as she bent down, she saw in one of the vessels a small vase of crystal. By a mechanical and involuntary impulse, her hand seized the vase; she opened it, and the volatile essence it contained sparkled up, and spread through the room a powerful and delicious fragrance. She inhaled the odour, she laved her temples with the liquid, and suddenly her life seemed to spring up from the previous faintness,—to spring, to soar, to float, to dilate upon the wings of a bird. The room vanished from her eyes. Away, away, over lands and seas and space on the rushing desire flies the disprisoned mind!

Upon a stratum, not of this world, stood the world-born shapes of the sons of Science, upon an embryo world, upon a crude, wan, attenuated mass of matter, one of the Nebulae, which the suns of the myriad systems throw off as they roll round the Creator's throne*, to become themselves new worlds of symmetry and glory,—planets and suns that forever and forever shall in their turn multiply their shining race, and be the fathers of suns and planets yet to come.

(*"Astronomy instructs us that, in the original condition of the solar system, the sun was the nucleus of a nebulosity or luminous mass which revolved on its axis, and extended far beyond the orbits of all the planets,—the planets as yet having no existence. Its temperature gradually diminished, and, becoming contracted by cooling, the rotation increased

in rapidity, and zones of nebulosity were successively thrown off, in consequence of the centrifugal force overpowering the central attraction. The condensation of these separate masses constituted the planets and satellites. But this view of the conversion of gaseous matter into planetary bodies is not limited to our own system; it extends to the formation of the innumerable suns and worlds which are distributed throughout the universe. The sublime discoveries of modern astronomers have shown that every part of the realms of space abounds in large expansions of attenuated matter termed nebulae, which are irregularly reflective of light, of various figures, and in different states of condensation, from that of a diffused, luminous mass to suns and planets like our own."—From Mantell's eloquent and delightful work, entitled "The Wonders of Geology," volume i. page 22.)

There, in that enormous solitude of an infant world, which thousands and thousands of years can alone ripen into form, the spirit of Viola beheld the shape of Zanoni, or rather the likeness, the simulacrun, the LEMUR of his shape, not its human and corporeal substance,—as if, like hers, the Intelligence was parted from the Clay,—and as the sun, while it revolves and glows, had cast off into remotest space that nebular image of itself, so the thing of earth, in the action of its more luminous and enduring being, had thrown its likeness into that new-born stranger of the heavens. There stood the phantom,—a phantom Mejnour, by its side. In the gigantic chaos around raved and struggled the kindling elements; water and fire, darkness and light, at war,—vapour and cloud hardening into mountains, and the Breath of Life moving like a steadfast splendour over all.

As the dreamer looked, and shivered, she beheld that even there the two phantoms of humanity were not alone. Dim monster-forms that that disordered chaos alone could engender, the first reptile Colossal race that wreathe and crawl through the earliest

stratum of a world labouring into life, coiled in the oozing matter or hovered through the meteorous vapours. But these the two seekers seemed not to heed; their gaze was fixed intent upon an object in the farthest space. With the eyes of the spirit, Viola followed theirs; with a terror far greater than the chaos and its hideous inhabitants produced, she beheld a shadowy likeness of the very room in which her form yet dwelt, its white walls, the moonshine sleeping on its floor, its open casement, with the quiet roofs and domes of Venice looming over the sea that sighed below,—and in that room the ghost-like image of herself! This double phantom—here herself a phantom, gazing there upon a phantom-self—had in it a horror which no words can tell, no length of life forego.

But presently she saw this image of herself rise slowly, leave the room with its noiseless feet: it passes the corridor, it kneels by a cradle! Heaven of Heaven! She beholds her child!—still with its wondrous, child-like beauty and its silent, wakeful eyes. But beside that cradle there sits cowering a mantled, shadowy form, —the more fearful and ghastly from its indistinct and unsubstantial gloom. The walls of that chamber seem to open as the scene of a theatre. A grim dungeon; streets through which pour shadowy crowds; wrath and hatred, and the aspect of demons in their ghastly visages; a place of death; a murderous instrument; a shamble-house of human flesh; herself; her child;—all, all, rapid phantasmagoria, chased each other. Suddenly the phantom-Zanoni turned, it seemed to perceive herself,—her second self. It sprang towards her; her spirit could bear no more. She shrieked, she woke. She found that in truth she had left that dismal chamber; the cradle was before her, the child! all—all as that trance had seen it; and, vanishing into air, even that dark, formless Thing!

"My child! my child! thy mother shall save thee yet!"

"Con của mẹ! con của mẹ! mẹ sẽ cứu con!"

CHAPTER 6.VIII.

Qui? Toi m'abandonner! Ou vas-tu? Non! demeure, Demeure! La Harpe, "Le Comte de Warwick," Act 3, sc. 5. (Who? THOU abandon me!—where goest thou? No! stay, stay!)

Letter from Viola to Zanoni. "It has come to this!—I am the first to part! I, the unfaithful one, bid thee farewell forever. When thine eyes fall upon this writing thou wilt know me as one of the dead. For thou that wert, and still art my life,—I am lost to thee! O lover! O husband! O still worshipped and adored! if thou hast ever loved me, if thou canst still pity, seek not to discover the steps that fly thee. If thy charms can detect and tract me, spare me, spare our child! Zanoni, I will rear it to love thee, to call thee father! Zanoni, its young lips shall pray for thee! Ah, spare thy child, for infants are the saints of earth, and their mediation may be heard on high! Shall I tell thee why I part? No; thou, the wisely-terrible, canst divine what the hand trembles to record; and while I shudder at thy power,—while it is thy power I fly (our child upon my bosom),—it comforts me still to think that thy power can read the heart! Thou knowest that it is the faithful mother that writes to thee, it is not the faithless wife! Is there sin in thy knowledge, Zanoni? Sin must have sorrow: and it were sweet—oh, how sweet—to be thy comforter. But the child, the infant, the soul that looks to mine for its shield!—magician, I wrest from thee that soul! Pardon, pardon, if my words wrong thee. See, I fall on my knees to write the rest! "Why did I never recoil before from thy mysterious lore; why did the very strangeness of thine unearthly life only fascinate me with a delightful fear? Because, if thou wert sorcerer or angel-demon, there was no peril to other but myself: and none to me, for my love was my heavenliest part; and my ignorance in all things, except the art to love thee, repelled every thought that was not bright and glorious as thine image to my eyes. But NOW there is another! Look! why does it watch me thus,—why that never-sleeping, earnest, rebuking gaze? Have thy spells

encompassed it already? Hast thou marked it, cruel one, for the terrors of thy unutterable art? Do not madden me,—do not madden me!—unbind the spell! "Hark! the oars without! They come,—they come, to bear me from thee! I look round, and methinks that I see thee everywhere. Thou speakest to me from every shadow, from every star. There, by the casement, thy lips last pressed mine; there, there by that threshold didst thou turn again, and thy smile seemed so trustingly to confide in me! Zanoni—husband!—I will stay! I cannot part from thee! No, no! I will go to the room where thy dear voice, with its gentle music, assuaged the pangs of travail!—where, heard through the thrilling darkness, it first whispered to my ear, 'Viola, thou art a mother!' A mother!—yes, I rise from my knees,—I AM a mother! They come! I am firm; farewell!" Yes; thus suddenly, thus cruelly, whether in the delirium of blind and unreasoning superstition, or in the resolve of that conviction which springs from duty, the being for whom he had resigned so much of empire and of glory forsook Zanoni. This desertion, never foreseen, never anticipated, was yet but the constant fate that attends those who would place Mind BEYOND the earth, and yet treasure the Heart WITHIN it. Ignorance everlastingly shall recoil from knowledge. But never yet, from nobler and purer motives of self-sacrifice, did human love link itself to another, than did the forsaking wife now abandon the absent. For rightly had she said that it was not the faithless wife, it WAS the faithful mother that fled from all in which her earthly happiness was centred. As long as the passion and fervour that impelled the act animated her with false fever, she clasped her infant to her breast, and was consoled,—resigned. But what bitter doubt of her own conduct, what icy pang of remorse shot through her heart, when, as they rested for a few hours on the road to Leghorn, she heard the woman who accompanied herself and Glyndon pray for safety to reach her husband's side, and strength to share the perils that would meet her there! Terrible contrast to her own desertion! She shrunk into the

darkness of her own heart,—and then no voice from within consoled her.

CHAPTER 6.IX.

Zukunft hast du mir gegeben, Doch du nehmst den Augenblick. “Kassandra.” (Futurity hast thou given to me,—yet takest from me the Moment.) "Mejnour, behold thy work! Out, out upon our little vanities of wisdom!—out upon our ages of lore and life! To save her from Peril I left her presence, and the Peril has seized her in its grasp!" "Chide not thy wisdom but thy passions! Abandon thine idle hope of the love of woman. See, for those who would unite the lofty with the lowly, the inevitable curse; thy very nature uncomprehended,—thy sacrifices unguessed. The lowly one views but in the lofty a necromancer or a fiend. Titan, canst thou weep?" "I know it now, I see it all! It WAS her spirit that stood beside our own, and escaped my airy clasp! O strong desire of motherhood and nature! unveiling all our secrets, piercing space and traversing worlds!—Mejnour, what awful learning lies hid in the ignorance of the heart that loves!" "The heart," answered the mystic, coldly; “ay, for five thousand years I have ransacked the mysteries of creation, but I have not yet discovered all the wonders in the heart of the simplest boor!” "Yet our solemn rites deceived us not; the prophet-shadows, dark with terror and red with blood, still foretold that, even in the dungeon, and before the deathsman, I,—I had the power to save them both!" "But at some unconjectured and most fatal sacrifice to thyself." "To myself! Icy sage, there is no self in love! I go. Nay, alone: I want thee not. I want now no other guide but the human instincts of affection. No cave so dark, no solitude so vast, as to conceal her. Though mine art fail me; though the stars heed me not; though space, with its shining myriads, is again to me but the azure void,—I return but to love and youth and hope! When have they ever failed to triumph and to save!"

BOOK VII. — THE REIGN OF TERROR. Orrida maesta nei fero aspetto Terrore accresce, e piu superbo il rende; Rosseggian gli occhi, e di veneno infetto Come infausta cometa, il guardo splende, Gil involve il mento, e sull 'irsuto petto Ispida efoita la gran barbe scende; E IN GUISA DE VORAGINE PROFONDA SAPRE LA BOCCA A'ATRO SANGUE IMMONDA. (Ger. Lib., Cant. iv. 7.) A horrible majesty in the fierce aspect increases it terror, and renders it more superb. Red glow the eyes, and the aspect infected, like a baleful comet, with envenomed influences, glares around. A vast beard covers the chin—and, rough and thick, descends over the shaggy breast.—And like a profound gulf expand the jaws, foul with black gore.

CHAPTER 7.I. Qui suis-je, moi qu'on accuse? Un esclave de la Liberte, un martyr vivant de la Republique. —"Discours de Robespierre, 8 Thermidor." (Who am I,—I whom they accuse? A slave of Liberty,—a living martyr for the Republic.)

It roars,—The River of Hell, whose first outbreak was chanted as the gush of a channel to Elysium. How burst into blossoming hopes fair hearts that had nourished themselves on the diamond dews of the rosy dawn, when Liberty came from the dark ocean, and the arms of decrepit Thraldom—Aurora from the bed of Tithon! Hopes! ye have ripened into fruit, and the fruit is gore and ashes! Beautiful Roland, eloquent Vergniaud, visionary Condorcet, high-hearted Malesherbes!—wits, philosophers, statesmen, patriots, dreamers! behold the millennium for which ye dared and laboured!

Nó gầm lên,—Sông Địa Ngục, mạnh mẽ như làn sóng đầu tiên đã được ca ngợi như là dòng kênh dẫn đến Elysium. Làm sao những hy vọng nở hoa rực rỡ trong những trái tim đẹp đã nuôi dưỡng bản thân trên sương kim cương của bình minh hồng, khi Tự Do từ biển tối đến, và vòng tay của sự kém cỏi—Aurora từ giường Tithon! Hy vọng! các ngươi đã chín thành trái, và trái đó là máu và tro! Roland xinh đẹp, Vergniaud hùng biện, Condorcet

tầm nhìn, Malesherbes cao thượng!—những tài năng, nhà triết học, chính trị gia, nhà yêu nước, những người mơ mộng! hãy nhìn thấy thiên niên kỷ mà các ngươi đã dám và lao động!

I invoke the ghosts! Saturn hath devoured his children ("La Revolution est comme Saturne, elle devorera tous ses enfans."—Vergniaud.), and lives alone,—I his true name of Moloch!

Ta kêu gọi những hồn ma! Saturn đã nuốt chửng con cái của mình ("Cuộc Cách Mạng là như Saturn, nó sẽ nuốt chửng tất cả con cái của mình."—Vergniaud.), và sống một mình,—Ta, tên thật của Ta là Moloch!

It is the Reign of Terror, with Robespierre the king. The struggles between the boa and the lion are past: the boa has consumed the lion, and is heavy with the gorge,—Danton has fallen, and Camille Desmoulins. Danton had said before his death, "The poltroon Robespierre,—I alone could have saved him." From that hour, indeed, the blood of the dead giant clouded the craft of "Maximilien the Incorruptible," as at last, amidst the din of the roused Convention, it choked his voice. ("Le sang de Danton t'etouffe!" (the blood of Danton chokes thee!) said Garnier de l'Aube, when on the fatal 9th of Thermidor, Robespierre gasped feebly forth, "Pour la derniere fois, President des Assassins, je te demande la parole." (For the last time, President of Assassins, I demand to speak.)) If, after that last sacrifice, essential, perhaps, to his safety, Robespierre had proclaimed the close of the Reign of Terror, and acted upon the mercy which Danton had begun to preach, he might have lived and died a monarch. But the prisons continued to reek,—the glaive to fall; and Robespierre perceived not that his mobs were glutted to satiety with death, and the strongest excitement a chief could give would be a return from devils into men.

Đó là Triều đại Kinh Hoàng, với Robespierre là vua. Những cuộc đấu tranh giữa con trăn và sư tử đã qua: con trăn đã nuốt chửng con sư tử, và nặng nề với bụng,—Danton đã ngã xuống, và Camille Desmoulins. Danton đã nói trước khi chết, "Tên hèn nhát Robespierre,—chỉ có mình ta có thể cứu được hắn." Từ giờ, thực sự, máu của người khổng lồ đã làm mờ trí tuệ của "Maximilien không thể mua chuộc," và cuối cùng, giữa tiếng ồn ào của Đại Hội thức tỉnh, nó đã nghẹn kẹt tiếng nói của hắn. ("Máu của Danton làm hắn hóc! (máu của Danton làm hắn bị nghẹt lời!)" nói Garnier de l'Aube, khi vào ngày 9 tháng 7, Robespierre thở dốc khẽ ra, "Lần cuối, Chủ Tịch của những Kẻ Ám Sát, ta yêu cầu được phát biểu.") Nếu, sau lễ hy sinh cuối cùng đó, có lẽ cần thiết cho sự an toàn của mình, Robespierre đã tuyên bố kết thúc Triều đại Kinh Hoàng, và hành động theo lòng nhân từ mà Danton đã bắt đầu thuyết giảng, hắn có thể đã sống và chết như một vị vua. Nhưng nhà tù vẫn tiếp tục bốc mùi,—lưỡi kiếm vẫn rơi xuống; và Robespierre không nhận ra rằng bọn hắn đã ngộ đầy dư sự chết chóc, và sự kích thích mạnh nhất mà một thủ lĩnh có thể mang lại sẽ là một trở lại từ ác quỷ thành con người.

We are transported to a room in the house of Citizen Dupleix, the menuisier, in the month of July, 1794; or, in the calendar of the Revolutionists, it was the Thermidor of the Second Year of the Republic, One and Indivisible! Though the room was small, it was furnished and decorated with a minute and careful effort at elegance and refinement. It seemed, indeed, the desire of the owner to avoid at once what was mean and rude, and what was luxurious and voluptuous. It was a trim, orderly, precise grace that shaped the classic chairs, arranged the ample draperies, sank the frameless mirrors into the wall, placed bust and bronze on their pedestals, and filled up the niches here and there with well-bound books, filed regularly in their appointed ranks. An observer would have said, "This man wishes to imply to you,—I am not rich; I am not ostentatious; I am not luxurious; I am no indolent Sybarite, with couches of down, and pictures that

provoke the sense; I am no haughty noble, with spacious halls, and galleries that awe the echo. But so much the greater is my merit if I disdain these excesses of the ease or the pride, since I love the elegant, and have a taste! Others may be simple and honest, from the very coarseness of their habits; if I, with so much refinement and delicacy, am simple and honest,—reflect, and admire me!"

Chúng ta được chuyển đến một căn phòng trong nhà của Công Dân Dupleix, thợ mộc, vào tháng 7 năm 1794; hoặc, theo lịch của những người Cách mạng, đó là Tháng Thermidor của Năm Thứ Hai của Cộng Hòa, Một và Không Thể Chia Cắt! Mặc dù căn phòng nhỏ, nhưng được trang trí và trang hoàng với sự cố gắng tỉ mỉ và cẩn thận về vẻ đẹp và tinh tế. Đúng như vậy, dường như ý muốn của chủ nhân là tránh ngay lập tức những gì tầm thường và thô lỗ, và những gì xa hoa và lưu manh. Đó là một vẻ đẹp gọn gàng, gọn gàng, chính xác đã tạo hình cho những chiếc ghế cổ điển, sắp xếp những tấm rèm lớn, đặt gương không khung vào tường, đặt tượng và đồng trên đế của chúng, và lấp đầy những khe đó và đây với những cuốn sách đẹp, được xếp theo thứ tự của chúng. Một người quan sát có thể nói, "Người này muốn ám chỉ với bạn,—Ta không giàu có; Ta không phô trương; Ta không xa hoa; Ta không phải là người lười biếng, với chiếc giường lông vịt, và bức tranh khiêu khích giác quan; Ta không phải là một quý tộc kiêu ngạo, với những phòng rộng lớn, và những hành lang khiến cho tiếng vang sợ hãi. Nhưng giá trị của ta càng lớn nếu ta khinh bỉ những sự vượt quá của sự dễ dàng hay kiêu ngạo, vì ta yêu thích vẻ đẹp, và có gu! Người khác có thể đơn giản và trung thực, từ sự thô lỗ của thói quen của họ; nếu ta, với sự tinh tế và tế nhị, đơn giản và trung thực,—hãy suy nghĩ và ngưỡng mộ ta!"

On the walls of this chamber hung many portraits, most of them represented but one face; on the formal pedestals were grouped many busts, most of them sculptured but one head. In that small chamber Egotism sat supreme, and made the Arts its

looking-glasses. Erect in a chair, before a large table spread with letters, sat the original of bust and canvas, the owner of the apartment. He was alone, yet he sat erect, formal, stiff, precise, as if in his very home he was not at ease. His dress was in harmony with his posture and his chamber; it affected a neatness of its own,—foreign both to the sumptuous fashions of the deposed nobles, and the filthy ruggedness of the sans-culottes. Frizzled and coiffe, not a hair was out of order, not a speck lodged on the sleek surface of the blue coat, not a wrinkle crumpled the snowy vest, with its under-relief of delicate pink. At the first glance, you might have seen in that face nothing but the ill-favoured features of a sickly countenance; at a second glance, you would have perceived that it had a power, a character of its own. The forehead, though low and compressed, was not without that appearance of thought and intelligence which, it may be observed, that breadth between the eyebrows almost invariably gives; the lips were firm and tightly drawn together, yet ever and anon they trembled, and writhed restlessly. The eyes, sullen and gloomy, were yet piercing, and full of a concentrated vigour that did not seem supported by the thin, feeble frame, or the green lividness of the hues, which told of anxiety and disease.

Trên tường của căn phòng này treo nhiều bức tranh chân dung, hầu hết chúng đều chỉ đại diện cho một khuôn mặt; trên những đế chân chính thức được nhóm nhiều tượng đầu, hầu hết chúng được tạc từ một cái đầu. Trong căn phòng nhỏ đó, Tự ái ngồi ở vị trí tối cao, và đã biến Nghệ Thuật thành gương soi của nó. Đứng thẳng trong một chiếc ghế, trước một cái bàn lớn được trải đầy bức thư, người mẫu của tượng và bức tranh, chủ nhân của căn phòng, ngồi một mình. Hắn đơn độc, nhưng hắn ngồi thẳng, chính thức, cứng nhắc, chính xác, như thể trong chính ngôi nhà của mình hắn không thoải mái. Trang phục của hắn hòa hợp với tư thế và căn phòng của hắn; nó tạo ra một sự sạch sẽ riêng,—lạ với cả những kiểu thời trang xa hoa của quý tộc bị lật đổ, và sự dơ bẩn gồ ghề của những người không quần. Tóc xoăn và chải,

không một sợi tóc nào lệch lạc, không một vết bẩn nào dính trên bề mặt mịn màng của áo màu xanh, không một nếp gấp nào làm nhàu nhĩ áo tuyết trắng, với phần dưới màu hồng nhạt tinh tế. Ở lần nhì nhìn, bạn có thể thấy trong khuôn mặt đó chỉ là những đặc điểm xấu xí của một khuôn mặt bệnh tật; ở lần nhì nhìn, bạn sẽ nhận ra rằng nó có một sức mạnh, một tính cách riêng. Trán, mặc dù thấp và bị ép, nhưng không thiếu vẻ của sự suy nghĩ và thông minh mà, có thể được quan sát, sự rộng rãi giữa hai lông mày gần như luôn đưa ra; môi chặt chẽ và co lại, nhưng liên tục run lên, và giằng xéo không yên. Đôi mắt, u ám và âm u, nhưng sắc bén, đầy sức mạnh tập trung mà không dường như được hỗ trợ bởi cấu trúc mảnh khảnh, yếu ớt, hoặc sự xanh xao của các sắc tố, nói lên sự lo lắng và bệnh tật.

Such was Maximilien Robespierre; such the chamber over the menuisier's shop, whence issued the edicts that launched armies on their career of glory, and ordained an artificial conduit to carry off the blood that deluged the metropolis of the most martial people in the globe! Such was the man who had resigned a judicial appointment (the early object of his ambition) rather than violate his philanthropical principles by subscribing to the death of a single fellow-creature; such was the virgin enemy to capital punishments; and such, Butcher-Dictator now, was the man whose pure and rigid manners, whose incorruptible honesty, whose hatred of the excesses that tempt to love and wine, would, had he died five years earlier, have left him the model for prudent fathers and careful citizens to place before their sons. Such was the man who seemed to have no vice, till circumstance, that hotbed, brought forth the two which, in ordinary times, lie ever the deepest and most latent in a man's heart,—Cowardice and Envy. To one of these sources is to be traced every murder that master-fiend committed. His cowardice was of a peculiar and strange sort; for it was accompanied with the most unscr

The soliloquist glanced at the opposite mirror, and took up a volume; he seemed absorbed in its contents, as a tall fellow, a bludgeon in his hand, a girdle adorned with pistols round his waist, opened the door, and announced two visitors. The one was a young man, said to resemble Robespierre in person, but of a far more decided and resolute expression of countenance. He entered first, and, looking over the volume in Robespierre's hand, for the latter seemed still intent on his lecture, exclaimed, —

Người nói đơn nhìn vào gương đối diện, và lấy một quyển sách; anh ta dường như đã say mê với nội dung của nó, khi một anh chàng cao lớn, cầm một cây gậy trong tay, một dây thắt lưng trang trí với súng quanh eo, mở cửa và thông báo có hai khách đến. Người đầu tiên là một chàng trai trẻ, được cho là giống với Robespierre về hình dạng, nhưng có biểu hiện quyết đoán và kiên quyết hơn nhiều. Anh ta đi vào trước, và, nhìn qua cuốn sách trong tay của Robespierre, vì người cuối cùng dường như vẫn tập trung vào bài giảng của mình, hét lên, —

"What! Rousseau's Heloise? A love-tale!"

"Gì đấy! Heloise của Rousseau? Một câu chuyện tình yêu!"

"Dear Payan, it is not the love,—it is the philosophy that charms me. What noble sentiments!—what ardour of virtue! If Jean Jacques had but lived to see this day!"

"Thưa Payan, không phải là tình yêu, mà là triết lý làm cho tôi say mê. Những tư tưởng cao quý! — đam mê của đức hạnh! Nếu Jean Jacques còn sống để thấy ngày hôm nay này!"

While the Dictator thus commented on his favourite author, whom in his orations he laboured hard to imitate, the second visitor was wheeled into the room in a chair. This man was also in what, to most, is the prime of life,—namely, about thirty-eight; but he was literally dead in the lower limbs: crippled,

paralytic, distorted, he was yet, as the time soon came to tell him,—a Hercules in Crime! But the sweetest of human smiles dwelt upon his lips; a beauty almost angelic characterised his features; an inexpressible aspect of kindness, and the resignation of suffering but cheerful benignity, stole into the hearts of those who for the first time beheld him. With the most caressing, silver, flute-like voice, Citizen Couthon saluted the admirer of Jean Jacques.

Trong khi Độc Tài như vậy bình luận về tác giả yêu thích của mình, mà trong các bài phát biểu của mình anh đã cố gắng mô phỏng, khách thứ hai được đẩy vào phòng trên một chiếc ghế. Người này cũng ở trong thời kỳ mà, với hầu hết mọi người, là thời kỳ tốt nhất của cuộc đời, — cụ thể là khoảng ba mươi tám tuổi; nhưng anh ta thực sự đã chết ở những chiếc chân dưới: tàn tật, bại não, biến dạng, nhưng anh ta vẫn, khi thời gian sớm đến với anh ta, — một Hercules trong Tội Ác! Nhưng nụ cười ngọt ngào nhất của con người sống trên môi anh ta; một vẻ đẹp gần như thiên thần đặc trưng cho nét mặt của anh ta; một khía cạnh không thể diễn tả của lòng tốt, và sự từ bỏ trong nỗi đau nhưng vẻ hiền hòa lạc quan, trội vào trong lòng những người lần đầu tiên nhìn thấy anh ta. Với giọng nói như tiếng sáo bạc, êm ái nhất, Công Dân Couthon chào mừng người ngưỡng mộ Jean Jacques.

“I have a SMALL list here,” said Couthon, sweetly,—“a VERY small list. You are dealing with the Mountain; it is necessary to make a few examples in the Plain. These moderates are as straws which follow the wind. They turned against us yesterday in the Convention. A little terror will correct the weathercocks. Poor creatures! I owe them no ill-will; I could weep for them. But before all, la chere patrie!”

"Tôi có một danh sách NHỎ ở đây," Couthon nói, ngọt ngào, - "một danh sách RẤT nhỏ. Bạn đang đối diện với núi; cần phải làm một vài ví dụ ở Đồng Bằng. Những người ôn hòa này như

rơm rạ theo gió. Họ đã quay lưng lại với chúng tôi trong Hội nghị hôm qua. Một chút kinh hoàng sẽ sửa chữa những con lều cánh. Những sinh vật nghèo nàn! Tôi không ganh tị họ; tôi có thể khóc cho họ. Nhưng trước hết, la chere patrie!"

The terrible glance of Robespierre devoured the list which the man of sensibility submitted to him. “Ah, these are well chosen; men not of mark enough to be regretted, which is the best policy with the relics of that party; some foreigners too,—yes, THEY have no parents in Paris. These wives and parents are beginning to plead against us. Their complaints demoralise the guillotine!”

Ánh nhìn khủng khiếp của Robespierre nuốt chửng danh sách mà người nhạy cảm trình bày cho anh ta. "Ồ, đây là những người được chọn kỹ lưỡng; những người không đủ nổi bật để được hối tiếc, đó là chiến lược tốt nhất với những di tích của đảng đó; vài người nước ngoài nữa, - có, HỌ không có cha mẹ ở Paris. Những người vợ và cha mẹ đang bắt đầu kêu cầu chống lại chúng tôi. Những lời phàn nàn đó làm suy yếu cái đầu chém!”

“Couthon is right,” said Payan; “MY list contains those whom it will be safer to despatch en masse in the crowd assembled at the Fete. HIS list selects those whom we may prudently consign to the law. Shall it not be signed at once?”

"Couthon đúng," Payan nói; "Danh sách của TÔI chứa những người mà việc giết hàng loạt trong đám đông tụ họp tại Lễ hội sẽ an toàn hơn. Danh sách của ANH ấy chọn những người mà chúng ta có thể một cách cẩn thận giao cho pháp luật. Phải không ký ngay lúc này không?"

“It IS signed,” said Robespierre, formally replacing his pen upon the inkstand. “Now to more important matters. These deaths will create no excitement; but Collot d’Herbois, Bourdon De l’Oise, Tallien,” the last name Robespierre gasped as he

pronounced, “THEY are the heads of parties. This is life or death to us as well as them.”

"Đã KÝ rồi," Robespierre nói, chính thức đặt bút trở lại trên bàn mực. "Bây giờ đến những vấn đề quan trọng hơn. Những cái chết này sẽ không gây kích động gì; nhưng Collot d’Herbois, Bourdon De l’Oise, Tallien," cái tên cuối cùng Robespierre thở hổn hển khi phát âm, "HỌ là các lãnh đạo của các đảng. Điều này là sự sống còn hoặc tử vong đối với chúng ta cũng như họ."

“Their heads are the footstools to your curule chair,” said Payan, in a half whisper. “There is no danger if we are bold. Judges, juries, all have been your selection. You seize with one hand the army, with the other, the law. Your voice yet commands the people—”

"Đầu họ là bậc thang cho chiếc ghế cao của bạn," Payan nói, thì thầm nửa. "Không có nguy hiểm nếu chúng ta mạnh mẽ. Các thẩm phán, ban hành phán quyết, tất cả đều được bạn lựa chọn. Bạn nắm giữ với một tay quân đội, với tay còn lại, pháp luật. Tiếng nói của bạn vẫn chỉ huy nhân dân—"

“The poor and virtuous people,” murmured Robespierre.

"Những người nghèo và chân chính," Robespierre thì thầm.

“And even,” continued Payan, “if our design at the Fete fail us, we must not shrink from the resources still at our command. Reflect! Henriot, the general of the Parisian army, furnishes you with troops to arrest; the Jacobin Club with a public to approve; inexorable Dumas with judges who never acquit. We must be bold!”

"Và thậm chí," Payan tiếp tục, "nếu kế hoạch của chúng tôi tại Lễ hội thất bại, chúng ta không thể lùi lại khỏi những tài nguyên vẫn còn trong tay chúng ta. Hãy suy nghĩ! Henriot, tướng quân đội Paris, cung cấp cho bạn quân để bắt giữ; Hội Jacobin cung

cấp cho bạn một công chúng để phê phán; Dumas không khoan nhượng cung cấp cho bạn các thẩm phán không bao giờ tha bổng. Chúng ta phải mạnh mẽ!"

“And we ARE bold,” exclaimed Robespierre, with sudden passion, and striking his hand on the table as he rose, with his crest erect, as a serpent in the act to strike. “In seeing the multitude of vices that the revolutionary torrent mingles with civic virtues, I tremble to be sullied in the eyes of posterity by the impure neighbourhood of these perverse men who thrust themselves among the sincere defenders of humanity. What!—they think to divide the country like a booty! I thank them for their hatred to all that is virtuous and worthy! These men,”—and he grasped the list of Payan in his hand,—“these!—not WE—have drawn the line of demarcation between themselves and the lovers of France!”

"Và chúng ta ĐÃ mạnh mẽ," Robespierre kêu lên, với sự nhiệt tình đột ngột, và vung tay vào bàn khi anh đứng dậy, với cái gai đứng thẳng, như một con rắn trong hành động tấn công. "Khi nhìn thấy đám đông tội lỗi mà dòng lịch sử cách mệnh kết hợp với đức tính dân chủ, tôi run sợ khi bị bẩn bị trong mắt của hậu thế bởi sự gần gũi bẩn thỉu của những người lệch lạc này tự đẩy mình vào giữa những người bảo vệ chân thành của nhân loại. Cái gì! - họ nghĩ rằng họ có thể chia đất nước như một phần thưởng! Tôi cảm ơn họ vì sự căm hận của họ đối với tất cả những điều chính trực và đáng kính! Những người này," - và anh nắm lấy danh sách của Payan trong tay anh, - "những người này! - không phải CHÚNG TÔI - đã vẽ đường ranh giới giữa bản thân họ và những người yêu nước Pháp!"

“True, we must reign alone!” muttered Payan; “in other words, the state needs unity of will;” working, with his strong practical mind, the corollary from the logic of his word-compelling colleague.

"Đúng, chúng ta phải trị vì một mình!" Payan lầm bầm; "nói cách khác, nhà nước cần sự đồng lòng của ý thức;" làm việc, với trí óc thực tế mạnh mẽ của mình, hệ quả từ logic của đồng nghiệp khiến người khác phải nghe theo lời nói.

“I will go to the Convention,” continued Robespierre. “I have absented myself too long,—lest I might seem to overawe the Republic that I have created. Away with such scruples! I will prepare the people! I will blast the traitors with a look!”

"Tôi sẽ đi đến Nghị viện," Robespierre tiếp tục. "Tôi đã vắng mặt quá lâu, - để không bị xem như là tôi áp đặt quá nhiều lên nước Cộng hòa mà tôi đã tạo ra. Điều này thôi! Tôi sẽ chuẩn bị nhân dân! Tôi sẽ phàn nàn những kẻ phản bội chỉ với một cái nhìn!"

He spoke with the terrible firmness of the orator that had never failed,—of the moral will that marched like a warrior on the cannon. At that instant he was interrupted; a letter was brought to him: he opened it,—his face fell, he shook from limb to limb; it was one of the anonymous warnings by which the hate and revenge of those yet left alive to threaten tortured the death-giver.

Anh nói với sự kiên quyết khủng khiếp của một nhà diễn thuyết không bao giờ thất bại, - của ý chí đạo đức đi như một chiến binh trên súng pháo. Ngay lúc đó, anh bị gián đoạn; một lá thư được mang đến cho anh: anh mở nó, - khuôn mặt anh trở xuống, anh run từng đợt; đó là một trong những cảnh báo ẩn danh bởi sự căm hận và trả thù của những người còn sống để đe dọa những kẻ gây ra cái chết.

“Your lists are not full enough!” said the tyrant, with a hollow voice, as the paper dropped from his trembling hand. “Give them to me!—give them to me! Think again, think again! Barrere is right—right! ‘Frappons! il n’y a que les morts qui ne revient pas!’”

"Danh sách của bạn chưa đầy đủ!" kẻ bạo ngược nói, với giọng hỗn láo, khi tờ giấy rơi từ tay run rẩy của anh ta. "Đưa chúng cho tôi! - đưa chúng cho tôi! Hãy suy nghĩ lại, hãy suy nghĩ lại! Barrere đúng - đúng! 'Frappons! il n'y a que les morts qui ne revient pas!'"

CHAPTER 7.II. La haine, dans ces lieux, n'a qu'un glaive assassin. Elle marche dans l'ombre. La Harpe, "Jeanne de Naples," Act iv. sc. 1. (Hate, in these regions, has but the sword of the assassin. She moves in the shade.)

CHƯƠNG 7.II. Sự căm hận, trong những nơi này, chỉ có một cây gươm sát thủ. Cô ấy đi trong bóng tối. La Harpe, "Jeanne de Naples," Hành động iv. cảnh 1.

While such the designs and fears of Maximilien Robespierre, common danger, common hatred, whatever was yet left of mercy or of virtue in the agents of the Revolution, served to unite strange opposites in hostility to the universal death-dealer. There was, indeed, an actual conspiracy at work against him among men little less bespattered than himself with innocent blood. But that conspiracy would have been idle of itself, despite the abilities of Tallien and Barras (the only men whom it comprised, worthy, by foresight and energy, the names of "leaders"). The sure and destroying elements that gathered round the tyrant were Time and Nature; the one, which he no longer suited; the other, which he had outraged and stirred up in the human breast. The most atrocious party of the Revolution, the followers of Hebert, gone to his last account, the butcher-atheists, who, in desecrating heaven and earth, still arrogated inviolable sanctity to themselves, were equally enraged at the execution of their filthy chief, and the proclamation of a Supreme Being. The populace, brutal as it had been, started as from a dream of blood, when their huge idol, Danton, no longer filled the stage of terror, rendering crime popular by that combination of careless frankness and eloquent

energy which endears their heroes to the herd. The glaive of the guillotine had turned against THEMSELVES. They had yelled and shouted, and sung and danced, when the venerable age, or the gallant youth, of aristocracy or letters, passed by their streets in the dismal tumbrils; but they shut up their shops, and murmured to each other, when their own order was invaded, and tailors and cobblers, and journeymen and labourers, were huddled off to the embraces of the "Holy Mother Guillotine," with as little ceremony as if they had been the Montmorencies or the La Tremouilles, the Malesherbes or the Lavoisiers. "At this time," said Couthon, justly, "Les ombres de Danton, d'Hebert, de Chaumette, se promenent parmi nous!" (The shades of Danton, Hebert, and Chaumette walk amongst us.)

Trong khi những kế hoạch và nỗi sợ hãi của Maximilien Robespierre, nguy cơ chung, sự căm hận chung, bất kỳ điều gì còn lại của lòng nhân từ hoặc đức hạnh trong những người làm nhiệm vụ cách mạng, phục vụ để đưa những đối lập lạ kỳ vào tình thù với kẻ gây ra cái chết phổ quát. Thật sự, có một â

Among those who had shared the doctrines, and who now dreaded the fate of the atheist Hebert, was the painter, Jean Nicot. Mortified and enraged to find that, by the death of his patron, his career was closed; and that, in the zenith of the Revolution for which he had laboured, he was lurking in caves and cellars, more poor, more obscure, more despicable than he had been at the commencement,—not daring to exercise even his art, and fearful every hour that his name would swell the lists of the condemned,—he was naturally one of the bitterest enemies of Robespierre and his government. He held secret meetings with Collot d'Herbois, who was animated by the same spirit; and with the creeping and furtive craft that characterised his abilities, he contrived, undetected, to disseminate tracts and invectives against the Dictator, and to prepare, amidst "the poor and virtuous people," the train for the grand explosion. But still so firm to the eyes, even of profounder politicians than Jean

Nicot, appeared the sullen power of the incorruptible Maximilien; so timorous was the movement against him,—that Nicot, in common with many others, placed his hopes rather in the dagger of the assassin than the revolt of the multitude. But Nicot, though not actually a coward, shrunk himself from braving the fate of the martyr; he had sense enough to see that, though all parties might rejoice in the assassination, all parties would probably concur in beheading the assassin. He had not the virtue to become a Brutus. His object was to inspire a proxy-Brutus; and in the centre of that inflammable population this was no improbable hope.

Trong số những người đã chia sẻ những tín ngưỡng, và người bây giờ sợ hãi số phận của nhà thần học không tin vào Chúa, là họa sĩ Jean Nicot. Bị tổn thương và tức giận khi phát hiện ra rằng, với sự chết của bảo trợ, sự nghiệp của ông đã kết thúc; và rằng, trong đỉnh cao của Cuộc cách mạng mà ông đã làm việc, ông đang lẩn trốn trong hang động và hầm ngục, nghèo hơn, tối nghèo hơn, đáng khinh hơn so với lúc ban đầu,—không dám thực hành nghệ thuật của mình, và đầy sợ hãi mỗi giờ rằng tên tuổi của mình sẽ được thêm vào danh sách bị kết án,—ông tự nhiên là một trong những kẻ thù đáng ghen tị nhất của Robespierre và chính phủ của ông. Ông đã tổ chức cuộc họp bí mật với Collot d'Herbois, người được truyền cảm bởi cùng một tinh thần; và với sự tinh vi và tố chất lừa lọc ẩn mình của khả năng của mình, ông đã lên kế hoạch, không bị phát hiện, để phổ biến các bản tracts và lời chỉ trích chống lại Tổng chánh án, và để chuẩn bị, giữa "những người nghèo và đạo đức," đường lối cho cuộc nổ. Nhưng vẫn cứ mạnh mẽ trong mắt, ngay cả của những nhà chính trị sâu sắc hơn Jean Nicot, sức mạnh ương ngạnh của Maximilien không thể phá vỡ; sự sợ hãi của sự di chuyển chống lại ông,—Nicot, cùng với nhiều người khác, đặt hy vọng của mình chứ không phải ở thanh kiếm của kẻ ám sát mà ở cuộc nổi dậy của đám đông. Nhưng Nicot, mặc dù không phải là một kẻ hèn nhát, nhưng anh ta tự rút lui khỏi việc đối mặt với số phận của người hy sinh; anh ta đủ sáng suốt để nhận

ra rằng, mặc dù tất cả các phe có thể mừng rỡ với việc ám sát, tất cả các phe có thể sẽ đồng lòng trong việc chém đầu kẻ ám sát. Anh ta không có đức tính để trở thành một Brutus. Mục tiêu của anh ta là truyền cảm cho một người đại diện của Brutus; và giữa dân chúng nồng cháy đó, điều này không phải là một hy vọng không thể.

Amongst those loudest and sternest against the reign of blood; amongst those most disenchanted of the Revolution; amongst those most appalled by its excesses,—was, as might be expected, the Englishman, Clarence Glyndon. The wit and accomplishments, the uncertain virtues that had lighted with fitful gleams the mind of Camille Desmoulins, had fascinated Glyndon more than the qualities of any other agent in the Revolution. And when (for Camille Desmoulins had a heart, which seemed dead or dormant in most of his contemporaries) that vivid child of genius and of error, shocked at the massacre of the Girondins, and repentant of his own efforts against them, began to rouse the serpent malice of Robespierre by new doctrines of mercy and toleration, Glyndon espoused his views with his whole strength and soul. Camille Desmoulins perished, and Glyndon, hopeless at once of his own life and the cause of humanity, from that time sought only the occasion of flight from the devouring Golgotha. He had two lives to heed besides his own; for them he trembled, and for them he schemed and plotted the means of escape. Though Glyndon hated the principles, the party (None were more opposed to the Hebertists than Camille Desmoulins and his friends. It is curious and amusing to see these leaders of the mob, calling the mob “the people” one day, and the “canaille” the next, according as it suits them. “I know,” says Camille, “that they (the Hebertists) have all the canaille with them.”—(Ils ont toute la canaille pour eux.)), and the vices of Nicot, he yet extended to the painter’s penury the means of subsistence; and Jean Nicot, in return, designed to exalt Glyndon to that very immortality of a Brutus from which he modestly recoiled himself. He founded his designs on the

physical courage, on the wild and unsettled fancies of the English artist, and on the vehement hate and indignant loathing with which he openly regarded the government of Maximilien.

Trong số những người kêu lớn và nghiêm khắc nhất chống lại triều đại máu; trong số những người mất lòng với Cách mạng; trong số những người kinh hoàng nhất trước sự vượt quá của nó,—như có thể dự đoán, người Anh, Clarence Glyndon, cũng như vậy. Sự thông minh và thành tựu, những đức độ không chắc chắn đã làm sáng tỏ với những tia sáng lúc lúc của tâm hồn của Camille Desmoulins, đã làm cho Glyndon mê mẩn hơn bất kỳ đặc điểm nào khác của một nhà nước trong Cách mạng. Và khi (vì Camille Desmoulins có một trái tim, mà dường như đã chết hoặc ngủ yên trong hầu hết đồng nghiệp của mình) đứa trẻ tài năng và sai lầm sáng sủa đó, bị sốc với vụ thảm sát của những người Girondins, và hối lỗi về những nỗ lực của chính mình chống lại họ, bắt đầu đánh thức sự hiểm ác của Robespierre bằng những tín ngưỡng mới về lòng nhân từ và khoan dung, Glyndon ủng hộ quan điểm của ông với toàn bộ sức mạnh và tâm hồn của mình. Camille Desmoulins qua đời, và Glyndon, mất hy vọng ngay lập tức vào cuộc sống của mình và nguyên nhân của nhân loại, từ thời điểm đó chỉ tìm kiếm cơ hội để chạy trốn khỏi Golgotha ăn thịt. Anh ấy phải quan tâm đến hai cuộc sống ngoài cuộc sống của mình; anh ấy run sợ cho họ, và anh ấy âm mưu và lập kế hoạch về phương tiện thoát thân. Mặc dù Glyndon ghét các nguyên tắc, đảng phái (Không ai phản đối Hebertists hơn Camille Desmoulins và bạn bè của ông. Thật tò mò và buồn cười khi thấy những nhà lãnh đạo của bè phái, gọi bè phái là "dân" một ngày, và "canaille" ngày hôm sau, tùy theo việc phù hợp với họ. "Tôi biết," Camille nói, "rằng họ (Hebertists) có tất cả những người canaille với họ."), và những tật xấu của Nicot, anh vẫn cung cấp cho sự nghèo đói của họa sĩ phương tiện để sinh sống; và Jean Nicot, đổi lại, đã thiết kế để tôn cao Glyndon đến sự bất tử của một Brutus từ đó anh ta khiêm tốn rút lui. Anh ấy xây dựng kế hoạch của mình dựa trên

lòng dũng cảm vật lý, trên những ảo tưởng hoang dã và không ổn định của nghệ sĩ người Anh, và trên sự căm hận mãnh liệt và sự kinh tởm tức giận mà anh ta công khai nhìn nhận chính phủ của Maximilien.

At the same hour, on the same day in July, in which Robespierre conferred (as we have seen) with his allies, two persons were seated in a small room in one of the streets leading out of the Rue St. Honore; the one, a man, appeared listening impatiently, and with a sullen brow, to his companion, a woman of singular beauty, but with a bold and reckless expression, and her face as she spoke was animated by the passions of a half-savage and vehement nature. “Englishman,” said the woman, “beware!—you know that, whether in flight or at the place of death, I would brave all to be by your side,—you know THAT! Speak!” “Well, Fillide; did I ever doubt your fidelity?” “Doubt it you cannot,—betray it you may. You tell me that in flight you must have a companion besides myself, and that companion is a female. It shall not be!” “Shall not!” “It shall not!” repeated Fillide, firmly, and folding her arms across her breast. Before Glyndon could reply, a slight knock at the door was heard, and Nicot opened the latch and entered. Fillide sank into her chair, and, leaning her face on her hands, appeared unheeding of the intruder and the conversation that ensued. “I cannot bid thee good-day, Glyndon,” said Nicot, as in his sans-culotte fashion he strode towards the artist, his ragged hat on his head, his hands in his pockets, and the beard of a week’s growth upon his chin, —“I cannot bid thee good-day; for while the tyrant lives, evil is every sun that sheds its beams on France.” “It is true; what then? We have sown the wind, we must reap the whirlwind.” “And yet,” said Nicot, apparently not heeding the reply, and as if musingly to himself, “it is strange to think that the butcher is as mortal as the butchered; that his life hangs on as slight a thread; that between the cuticle and the heart there is as short a passage,—that, in short, one blow can free France and redeem mankind!” Glyndon surveyed the speaker with a careless and

haughty scorn, and made no answer. “And,” proceeded Nicot, “I have sometimes looked round for the man born for this destiny, and whenever I have done so, my steps have led me hither!” “Should they not rather have led thee to the side of Maximilien Robespierre?” said Glyndon, with a sneer. “No,” returned Nicot, coldly,—“no; for I am a ‘suspect:’ I could not mix with his train; I could not approach within a hundred yards of his person, but I should be seized; YOU, as yet, are safe. Hear me!”—and his voice became earnest and expressive,—“hear me! There seems danger in this action; there is none. I have been with Collot d’Herbois and Bilaud-Varennes; they will hold him harmless who strikes the blow; the populace would run to thy support; the Convention would hail thee as their deliverer, the—” “Hold, man! How darest thou couple my name with the act of an assassin? Let the tocsin sound from yonder tower, to a war between Humanity and the Tyrant, and I will not be the last in the field; but liberty never yet acknowledged a defender in a felon.” There was something so brave and noble in Glyndon’s voice, mien, and manner, as he thus spoke, that Nicot at once was silenced; at once he saw that he had misjudged the man. “No,” said Fillide, lifting her face from her hands,—“no! your friend has a wiser scheme in preparation; he would leave you wolves to mangle each other. He is right; but—” “Flight!” exclaimed Nicot; “is it possible? Flight; how?—when?—by what means? All France begirt with spies and guards! Flight! would to Heaven it were in our power!” “Dost thou, too, desire to escape the blessed Revolution?”

Vào cùng một giờ, vào cùng một ngày trong tháng bảy, trong đó Robespierre bàn thảo (như chúng ta đã thấy) với đồng minh của mình, hai người ngồi trong một căn phòng nhỏ trên một trong những con phố dẫn ra từ đường Rue St. Honore; người này, một người đàn ông, dường như đang nghe một cách không kiên nhẫn, và với một cái trán ủ rũ, đến người bạn đồng hành của mình, một phụ nữ với vẻ đẹp đặc biệt, nhưng với một biểu hiện táo bạo và liều lĩnh, và khuôn mặt của cô khi cô nói đã được thôi

thúc bởi những cảm xúc của một tính cách nửa dã man và mãnh liệt. "Người Anh," phụ nữ nói, "hãy cẩn thận!—bạn biết rằng, dù trong chuyến bay hay tại nơi chết, tôi sẽ dám mọi thứ để ở bên cạnh bạn,—bạn biết ĐIỀU ĐÓ! Nói đi!" "Vâng, Fillide; liệu tôi từng nghi ngờ sự trung thành của bạn chưa?" "Bạn không thể nghi ngờ nó,—bạn có thể phản bội nó. Bạn nói với tôi rằng trong chuyến bay bạn phải có một người bạn đồng hành ngoài tôi, và người bạn đó là một phụ nữ. Sẽ không phải là tôi!" "Sẽ không phải!" "Sẽ không phải!" Fillide lặp lại, mạnh mẽ, và gập tay trên ngực. Tr

"Desire! Oh!" cried Nicot, suddenly, and, falling down, he clasped Glyndon’s knees,—“oh, save me with thyself! My life is a torture; every moment the guillotine frowns before me. I know that my hours are numbered; I know that the tyrant waits but his time to write my name in his inexorable list; I know that Rene Dumas, the judge who never pardons, has, from the first, resolved upon my death. Oh, Glyndon, by our old friendship, by our common art, by thy loyal English faith and good English heart, let me share thy flight!”

"Khao khát! Ôi!" hét Nicot, đột ngột, và, ngã xuống, ôm chặt đầu gối của Glyndon, - "ôi, cứu tôi với chính bản thân anh! Cuộc đời của tôi là một cảnh hình phạt; mỗi khoảnh khắc, cái cưa guillotine vẫy trước mặt tôi. Tôi biết rằng giờ đây giờ phút của tôi đếm trên đầu ngón tay; tôi biết rằng kẻ bạo chúa chỉ đợi thời cơ để viết tên tôi vào danh sách không thể tha thứ của mình; tôi biết rằng Rene Dumas, thẩm phán không bao giờ khoan nhượng, từ đầu đã quyết định về cái chết của tôi. Ôi, Glyndon, bởi tình bạn cũ ta, bởi nghệ thuật chung ta, bởi lòng trung thành của anh và trái tim tốt của người Anh, hãy để tôi cùng anh chạy trốn!"

"If thou wilt, so be it."

"Nếu anh muốn, thì cứ như vậy."

"Thanks!—my whole life shall thank thee. But how hast thou prepared the means, the passports, the disguise, the—"

"Cảm ơn! - cả cuộc đời tôi sẽ cảm ơn anh. Nhưng anh đã chuẩn bị những phương tiện, hộ chiếu, lối trang điểm, cái gì -"

"I will tell thee. Thou knowest C—, of the Convention,—he has power, and he is covetous. ‘Qu’on me meprise, pourvu que je dine’ (Let them despise me, provided that I dine.), said he, when reproached for his avarice."

"Tôi sẽ nói cho anh biết. Anh biết C—, của Hội Nghị, - anh ta có quyền lực, và anh ta tham lam. 'Qu’on me meprise, pourvu que je dine' (Hãy khinh thường tôi, miễn là tôi ăn.), anh ta nói khi bị chỉ trích về sự tham lam của mình."

"Well?"

"Vâng?"

"By the help of this sturdy republican, who has friends enough in the Comite, I have obtained the means necessary for flight; I have purchased them. For a consideration I can procure thy passport also."

"Nhờ sự giúp đỡ của người cộng hòa mạnh mẽ này, người có đủ bạn bè trong Uỷ Ban, tôi đã có được những phương tiện cần thiết cho việc chạy trốn; tôi đã mua chúng. Với một khoản thuế, tôi cũng có thể thu được hộ chiếu của anh."

"Thy riches, then, are not in assignats?"

"Như vậy, tài sản của anh không phải là assignats sao?"

"No; I have gold enough for us all."

"Không; tôi có đủ vàng cho chúng ta cả."

And here Glyndon, beckoning Nicot into the next room, first briefly and rapidly detailed to him the plan proposed, and the disguises to be assumed conformably to the passports, and then added, “In return for the service I render thee, grant me one favour, which I think is in thy power. Thou rememberest Viola Pisani?”

Và ở đây, Glyndon, gọi Nicot vào phòng kế tiếp, trước tiên ngắn gọn và nhanh chóng trình bày cho anh kế hoạch đề xuất, và những trang phục cần mặc phù hợp với hộ chiếu, và sau đó thêm vào, "Đổi lại cho dịch vụ mà tôi cung cấp cho anh, hãy ban cho tôi một ân huệ, mà tôi nghĩ là trong tầm tay anh. Anh nhớ Viola Pisani chứ?"

"Ah,—remember, yes!—and the lover with whom she fled."

"Ah, - nhớ, vâng! - và người tình cô ta cùng trốn."

"And FROM whom she is a fugitive now."

"Và TỪ người mà cô ta bây giờ đang trốn chạy."

"Indeed—what!—I understand. Sacre bleu! but you are a lucky fellow, cher confrere."

"Thực sự - gì vậy! - tôi hiểu. Sacre bleu! nhưng anh là một người may mắn, cher confrere."

"Silence, man! with thy eternal prate of brotherhood and virtue, thou seemest never to believe in one kindly action, or one virtuous thought!"

"Im lặng đi, người đàn ông! với sự nói nhiều về tình anh em và đức hạnh của anh, anh dường như không bao giờ tin vào một hành động tử tế, hoặc một suy nghĩ đạo đức nào!"

Nicot bit his lip, and replied sullenly, “Experience is a great undeceiver. Humph! What service can I do thee with regard to the Italian?”

Nicot cắn môi mình, và trả lời uất ức, "Kinh nghiệm là một người khám phá tài giỏi. Humph! Tôi có thể làm gì cho anh với người Ý?"

"I have been accessory to her arrival in this city of snares and pitfalls. I cannot leave her alone amidst dangers from which neither innocence nor obscurity is a safeguard. In your blessed Republic, a good and unsuspected citizen, who casts a desire on any woman, maid or wife, has but to say, ‘Be mine, or I denounce you!’ In a word, Viola must share our flight."

"Tôi đã góp phần vào việc cô ấy đến thành phố này đầy bẫy và nguy hiểm. Tôi không thể để cô ấy một mình giữa những nguy hiểm mà không có sự trong sáng hoặc vô danh nào là bảo vệ. Trong Cộng hòa phúc lành của anh, một công dân tốt và không bị nghi ngờ, người đặt một mong muốn vào bất kỳ người phụ nữ nào, gái trinh hay vợ, chỉ cần nói, 'Là của tôi, hoặc tôi tố cáo anh!' Nói tóm lại, Viola phải chia sẻ chuyến bay của chúng ta."

"What so easy? I see your passports provide for her."

"Dễ hiểu thế sao? Tôi thấy hộ chiếu của anh cung cấp cho cô ấy."

"What so easy? What so difficult? This Fillide—would that I had never seen her!—would that I had never enslaved my soul to my senses! The love of an uneducated, violent, unprincipled woman, opens with a heaven, to merge in a hell! She is jealous as all the Furies; she will not hear of a female companion; and when once she sees the beauty of Viola!—I tremble to think of it. She is capable of any excess in the storm of her passions."

"Dễ hiểu thế sao? Khó như thế nào? Fillide này - ước gì tôi chưa từng gặp cô ấy! - ước gì tôi chưa bao giờ bị bẫy linh hồn bởi giác

quan của mình! Tình yêu của một người phụ nữ vô học, hung ác, không nguyên tắc, mở ra với một thiên đường, để hòa vào một địa ngục! Cô ấy ghen tuông như tất cả các Fury; cô ấy không chấp nhận có một người đồng hành nữ; và khi cô ấy nhìn thấy vẻ đẹp của Viola một lần! - tôi run sợ khi nghĩ đến điều đó. Cô ấy có thể làm bất cứ điều gì trong cơn bão của cảm xúc của mình."

"Aha, I know what such women are! My wife, Beatrice Sacchini, whom I took from Naples, when I failed with this very Viola, divorced me when my money failed, and, as the mistress of a judge, passes me in her carriage while I crawl through the streets. Plague on her!—but patience, patience! such is the lot of virtue. Would I were Robespierre for a day!"

"Aha, tôi biết phụ nữ như thế nào! Vợ tôi, Beatrice Sacchini, mà tôi đưa từ Naples, khi tôi thất bại với chính Viola này, đã ly dị tôi khi tiền của tôi cạn kiệt, và, như người tình của một thẩm phán, vượt qua tôi trong xe hơi của mình trong khi tôi bò qua các con đường. Loài dịch hạ làm sao! - nhưng kiên nhẫn, kiên nhẫn! đó là số phận của đức hạnh. Ước gì tôi là Robespierre trong một ngày!"

"Cease these tirades!" exclaimed Glyndon, impatiently; “and to the point. What would you advise?”

"Dừng lại những bài phê bình này!" Glyndon gào lên, không kiên nhẫn; "và đi đến vấn đề. Anh sẽ khuyên gì?"

"Leave your Fillide behind."

"Để Fillide của anh lại."

"Leave her to her own ignorance; leave her unprotected even by the mind; leave her in the Saturnalia of Rape and Murder? No! I have sinned against her once. But come what may, I will not so basely desert one who, with all her errors, trusted her fate to my love."

"Để cô ấy trong sự ngu dốt của riêng mình; để cô ấy không được bảo vệ bởi tâm trí; để cô ấy trong ngày hội của Việc Hiếp Dâm và Giết Người? Không! Tôi đã phạm tội với cô ấy một lần. Nhưng dù có chuyện gì xảy ra, tôi sẽ không bao giờ bỏ rơi một người đã tin tưởng số phận của mình vào tình yêu của tôi, dù cô ấy có sai lầm đến đâu."

"You deserted her at Marseilles."

"Anh đã bỏ rơi cô ấy ở Marseilles."

"True; but I left her in safety, and I did not then believe her love to be so deep and faithful. I left her gold, and I imagined she would be easily consoled; but since THEN WE HAVE KNOWN DANGER TOGETHER! And now to leave her alone to that danger which she would never have incurred but for devotion to me!—no, that is impossible. A project occurs to me. Canst thou not say that thou hast a sister, a relative, or a benefactress, whom thou wouldst save? Can we not—till we have left France—make Fillide believe that Viola is one in whom THOU only art interested; and whom, for thy sake only, I permit to share in our escape?"

"Đúng; nhưng tôi đã để cô ấy an toàn, và lúc đó tôi không tin tình yêu của cô ấy sâu sắc và trung thành như vậy. Tôi để lại cho cô ấy vàng, và tôi tưởng cô ấy sẽ được an ủi dễ dàng; nhưng từ KHI ĐÓ CHÚNG TA ĐÃ BIẾT ĐẾN NGUY HIỂM CÙNG NHAU! Và giờ để rời bỏ cô ấy một mình trong nguy hiểm mà cô ấy sẽ không bao giờ gặp phải nếu không vì sự tận tâm đến tôi! - không, điều đó là không thể. Một dự án xuất hiện trong tôi. Anh có thể không nói rằng anh có một người chị, một người thân, hoặc một bà từ thiện, mà anh muốn cứu giúp? Chúng ta có thể - cho đến khi chúng ta rời khỏi Pháp - khiến Fillide tin rằng Viola là một người mà CHỈ CÓ ANH quan tâm; và mà, chỉ vì lợi ích của anh, tôi cho phép cô ấy tham gia vào chuyến trốn của chúng ta?"

"Ha, well thought of!—certainly!”

"Ha, suy nghĩ tốt! - chắc chắn!"

"I will then appear to yield to Fillide’s wishes, and resign the project, which she so resents, of saving the innocent object of her frantic jealousy. You, meanwhile, shall yourself entreat Fillide to intercede with me to extend the means of escape to—”

"Vậy thì tôi sẽ dường như đồng ý với nguyện vọng của Fillide, và từ bỏ dự án, mà cô ấy đang phản đối, để cứu giúp đối tượng vô tội của sự ghen tuông điên

"But wilt thou swear, if I reveal to thee the secret, that thou wilt not betray me,—that thou wilt not fall, as women do, into weak tears and fond reproaches, when thy betrayer returns?"

"Nhưng liệu ngươi sẽ thề rằng, nếu ta tiết lộ bí mật cho ngươi, ngươi sẽ không phản bội ta,—rằng ngươi sẽ không rơi vào những giọt nước mắt yếu đuối và những lời trách móc âu yếm, khi kẻ phản bội trở về?"

"Tears, reproaches! Revenge hides itself in smiles!"

"Nước mắt, lời trách móc! Sự trả thù ẩn chứa trong nụ cười!"

"Thou art a brave creature!" said Nicot, almost admiringly. "One condition more: thy lover designs to fly with his new love, to leave thee to thy fate; if I prove this to thee, and if I give thee revenge against thy rival, wilt thou fly with me? I love thee!—I will wed thee!"

"Ngươi là một sinh vật dũng cảm!" Nicot nói, gần như ngưỡng mộ. "Một điều kiện nữa: người tình của ngươi định bỏ trốn với tình yêu mới của hắn, để bỏ lại ngươi với số phận của ngươi; nếu ta chứng minh điều này cho ngươi, và nếu ta mang lại cho ngươi

cơ hội trả thù đối với đối thủ của ngươi, ngươi có sẵn lòng bỏ trốn cùng ta không? Ta yêu ngươi!—Ta sẽ kết hôn với ngươi!"

Fillide’s eyes flashed fire; she looked at him with unutterable disdain, and was silent.

Đôi mắt của Fillide phát ra lửa; hắn nhìn cô với sự khinh thường không thể diễn tả bằng lời, và im lặng.

Nicot felt he had gone too far; and with that knowledge of the evil part of our nature which his own heart and association with crime had taught him, he resolved to trust the rest to the passions of the Italian, when raised to the height to which he was prepared to lead them.

Nicot cảm thấy mình đã đi quá xa; và với kiến thức về phần tối của bản tính con người mà trái tim và mối quan hệ với tội ác đã dạy cho hắn, hắn quyết định trao phần còn lại cho những cảm xúc của người Ý, khi chúng được đẩy lên đến mức mà hắn đã chuẩn bị dẫn dắt.

"Pardon me," he said; "my love made me too presumptuous; and yet it is only that love,—my sympathy for thee, beautiful and betrayed, that can induce me to wrong, with my revelations, one whom I have regarded as a brother. I can depend upon thine oath to conceal all from Glyndon?"

"Xin lỗi," hắn nói; "Tình yêu đã làm cho ta quá tự tin; và nhưng chỉ có tình yêu đó,—sự đồng cảm của ta với ngươi, xinh đẹp và bị phản bội, mới khiến ta dám làm sai với những lời tiết lộ của mình, với người mà ta đã coi như anh em. Ta có thể tin tưởng vào lời thề của ngươi để giấu tất cả khỏi Glyndon không?"

"On my oath and my wrongs and my mountain blood!"

"Trên lời thề của ta và những sự bất công và máu núi của ta!"

"Enough! get thy hat and mantle, and follow me."

"Đủ rồi! Lấy mũ và áo choàng của ngươi, và theo ta."

As Fillide left the room, Nicot's eyes again rested on the gold; it was much,—much more than he had dared to hope for; and as he peered into the well and opened the drawers, he perceived a packet of letters in the well-known hand of Camille Desmoulins. He seized—he opened the packet; his looks brightened as he glanced over a few sentences. "This would give fifty Glyndons to the guillotine!" he muttered, and thrust the packet into his bosom.

Khi Fillide rời khỏi phòng, ánh mắt của Nicot lại nhìn chăm chú vào vàng; nó nhiều,—nhiều hơn nhiều so với những gì hắn đã dám hy vọng; và khi hắn nhìn vào giếng và mở các ngăn kéo, hắn nhận ra một gói thư viết bằng tay nổi tiếng của Camille Desmoulins. Hắn nắm lấy—hắn mở gói thư; ánh mắt của hắn sáng lên khi hắn liếc qua một vài câu. "Điều này sẽ đưa năm mươi Glyndon ra dưới lưỡi cưa!" hắn thì thầm, và nhét gói thư vào ngực hắn.

O artist!—O haunted one!—O erring genius!—behold the two worst foes,—the False Ideal that knows no God, and the False Love that burns from the corruption of the senses, and takes no lustre from the soul!

Ông nghệ sĩ!—Ông bị ám ánh!—Ông thiên tài lạc lối!—hãy nhìn thấy hai kẻ thù tồi tệ nhất,—Ý tưởng Sai Lầm không biết đến Chúa, và Tình Yêu Sai Lầm bùng cháy từ sự hủy hoại của giác quan, và không mang ánh sáng từ linh hồn!

CHAPTER 7.III.

CHƯƠNG 7.III.

Liebe sonnt das Reich der Nacht.

(Tình yêu soi sáng vương quốc của Đêm.)

"Der Triumph der Liebe."

"Thành công của Tình yêu."

Letter from Zanoni to Mejnour.

Thư từ Zanoni gửi đến Mejnour.

Paris.

Paris.

Dost thou remember in the old time, when the Beautiful yet dwelt in Greece, how we two, in the vast Athenian Theatre, witnessed the birth of Words as undying as ourselves? Dost thou remember the thrill of terror that ran through that mighty audience, when the wild Cassandra burst from her awful silence to shriek to her relentless god! How ghastly, at the entrance of the House of Atreus, about to become her tomb, rang out her exclamations of foreboding woe: “Dwelling abhorred of heaven!—human shamble-house and floor blood-bespattered!” (Aesch. “Agam.” 1098.) Dost thou remember how, amidst the breathless awe of those assembled thousands, I drew close to thee, and whispered, “Verily, no prophet like the poet! This scene of fabled horror comes to me as a dream, shadowing forth some likeness in my own remoter future!” As I enter this slaughter-house that scene returns to me, and I hearken to the voice of Cassandra ringing in my ears. A solemn and warning

dread gathers round me, as if I too were come to find a grave, and “the Net of Hades” had already entangled me in its web! What dark treasure-houses of vicissitude and woe are our memories become! What our lives, but the chronicles of unrelenting death! It seems to me as yesterday when I stood in the streets of this city of the Gaul, as they shone with plumed chivalry, and the air rustled with silken braveries. Young Louis, the monarch and the lover, was victor of the Tournament at the Carousel; and all France felt herself splendid in the splendour of her gorgeous chief! Now there is neither throne nor altar; and what is in their stead? I see it yonder—the GUILLOTINE! It is dismal to stand amidst the ruins of mouldering cities, to startle the serpent and the lizard amidst the wrecks of Persepolis and Thebes; but more dismal still to stand as I—the stranger from Empires that have ceased to be—stand now amidst the yet ghastlier ruins of Law and Order, the shattering of mankind themselves! Yet here, even here, Love, the Beautifier, that hath led my steps, can walk with unshrinking hope through the wilderness of Death. Strange is the passion that makes a world in itself, that individualises the One amidst the Multitude; that, through all the changes of my solemn life, yet survives, though ambition and hate and anger are dead; the one solitary angel, hovering over a universe of tombs on its two tremulous and human wings,—Hope and Fear!

Em có nhớ vào thời xưa, khi Vẻ Đẹp vẫn cư trú ở Hy Lạp, chúng ta hai người, trong Nhà hát vĩ đại của Athens, đã chứng kiến sự ra đời của những từ ngữ bất tử như chính chúng ta? Em có nhớ cảm giác kinh hoàng lan tỏa qua đám đông mạnh mẽ ấy, khi người phụ nữ hoang dã Cassandra bùng nổ từ sự im lặng kinh hoàng của mình để la hét với vị thần không thương xót! Bao kinh hoàng, ở lối vào của Nhà Atreus, sắp trở thành mộ của cô, tiếng kêu than dự báo khốn khổ của cô vang lên: "Nơi bị thần ghét bỏ!—nhà chứa xác người và sàn nhà đầy máu!" (Aesch. "Agam." 1098.) Em có nhớ như thế nào, giữa sự kinh ngạc im lặng của hàng ngàn người tụ tập đó, tôi đã đến gần em và thì

thầm, "Quả thực, không có tiên tri nào như nhà thơ! Cảnh kinh dị này đến với tôi như một giấc mơ, phản ánh một phần giống như trong tương lai xa xôi của chính mình!" Khi tôi bước vào cái nhà tù này, cảnh đó trở lại với tôi, và tôi nghe tiếng của Cassandra vang vọng trong tai tôi. Một nỗi sợ hãi nghiêm trọng và cảnh báo vây quanh tôi, như thể tôi cũng đã đến để tìm một cái mộ, và "Mạng của Hades" đã vướng tôi vào lưới của nó! Ký ức của chúng ta đã trở thành những kho báu tăm tối của sự thay đổi và khốn khổ! Cuộc sống của chúng ta, chỉ là những bản ghi chép về cái chết không thương tiếc! Đối với tôi, nó như là hôm qua khi tôi đứng trên các con phố của thành phố của người Gaul, khi chúng tỏa sáng với sự hùng hồn của các hiệp sĩ đeo mũ cánh cụt, và không khí xào xạt với những bộ y phục lụa. Louis trẻ, vua và người tình, đã chiến thắng trong giải đấu ở Carousel; và toàn bộ Pháp cảm thấy hoàn mỹ trong sự lộng lẫy của vị thủ lĩnh tuyệt vời của mình! Bây giờ không còn ngai và đền thờ nữa; và thay vào đó là gì? Tôi nhìn thấy nó kia—CÁI ĐẾN! Đau lòng khi đứng giữa những tàn tích của các thành phố đang mục nát, để làm giật mình con rắn và con thằn lằn giữa những tàn tích của Persepolis và Thebes; nhưng càng đau lòng khi đứng như tôi —người lạ đến từ các Đế quốc đã ngừng tồn tại—đứng giữa những tàn tích ghê rợn hơn nữa của Luật pháp và Trật tự, sự phá hủy của chính loài người! Nhưng ở đây, ngay cả ở đây, Tình yêu, Người Làm Đẹp, đã dẫn bước tôi, có thể đi bước với hi vọng không run sợ qua hoang mạc của Cái Chết. Dường như là đam mê làm nên một thế giới riêng, làm cá nhân hóa Một trong số Đám đông; qua tất cả những thay đổi của cuộc đời nghiêm túc của tôi, nó vẫn sống sót, mặc dù tham vọng, sự căm ghét và sự tức tưởi đã chết; thiên thần đơn độc, lượn trên một vũ trụ của các mộ trên hai cánh run rẩy và con người của nó,—Hi vọng và Sợ hãi!

I have just returned from their courts of justice,—dens where tigers arraign their prey. I find not whom I would seek. They are saved as yet; but I recognise in the crimes of mortals the dark wisdom of the Everlasting. Mejnour, I see here, for the first time,

how majestic and beauteous a thing is death! Of what sublime virtues we robbed ourselves, when, in the thirst for virtue, we attained the art by which we can refuse to die! When in some happy clime, where to breathe is to enjoy, the charnel-house swallows up the young and fair; when in the noble pursuit of knowledge, Death comes to the student, and shuts out the enchanted land which was opening to his gaze,—how natural for us to desire to live; how natural to make perpetual life the first object of research! But here, from my tower of time, looking over the darksome past, and into the starry future, I learn how great hearts feel what sweetness and glory there is to die for the things they love! I saw a father sacrificing himself for his son; he was subjected to charges which a word of his could dispel,—he was mistaken for his boy. With what joy he seized the error, confessed the noble crimes of valour and fidelity which the son had indeed committed, and went to the doom, exulting that his death saved the life he had given, not in vain! I saw women, young, delicate, in the bloom of their beauty; they had vowed themselves to the cloister. Hands smeared with the blood of saints opened the gate that had shut them from the world, and bade them go forth, forget their vows, forswear the Divine one these demons would depose, find lovers and helpmates, and be free. And some of these young hearts had loved, and even, though in struggles, loved yet. Did they forswear the vow? Did they abandon the faith? Did even love allure them? Mejnour, with one voice, they preferred to die. And whence comes this courage?—because such HEARTS LIVE IN SOME MORE ABSTRACT AND HOLIER LIFE THAN THEIR OWN. BUT TO LIVE FOREVER UPON THIS EARTH IS TO LIVE IN NOTHING DIVINER THAN OURSELVES. Yes, even amidst this gory butcherdom, God, the Ever-living, vindicates to man the sanctity of His servant, Death!

Again I have seen thee in spirit; I have seen and blessed thee, my sweet child! Dost thou not know me also in thy dreams? Dost thou not feel the beating of my heart through the veil of thy

rosy slumbers? Dost thou not hear the wings of the brighter beings that I yet can conjure around thee, to watch, to nourish, and to save? And when the spell fades at thy waking, when thine eyes open to the day, will they not look round for me, and ask thy mother, with their mute eloquence, “Why she has robbed thee of a father?”

Woman, dost thou not repent thee? Flying from imaginary fears, hast thou not come to the very lair of terror, where Danger sits visible and incarnate? Oh, if we could but meet, wouldst thou not fall upon the bosom thou hast so wronged, and feel, poor wanderer amidst the storms, as if thou hadst regained the shelter? Mejnour, still my researches fail me. I mingle with all men, even their judges and their spies, but I cannot yet gain the clew. I know that she is here. I know it by an instinct; the breath of my child seems warmer and more familiar.

They peer at me with venomous looks, as I pass through their streets. With a glance I disarm their malice, and fascinate the basilisks. Everywhere I see the track and scent the presence of the Ghostly One that dwells on the Threshold, and whose victims are the souls that would ASPIRE, and can only FEAR. I see its dim shapelessness going before the men of blood, and marshalling their way. Robespierre passed me with his furtive step. Those eyes of horror were gnawing into his heart. I looked down upon their senate; the grim Phantom sat cowering on its floor. It hath taken up its abode in the city of Dread. And what in truth are these would-be builders of a new world? Like the students who have vainly struggled after our supreme science, they have attempted what is beyond their power; they have passed from this solid earth of usages and forms into the land of shadow, and its loathsome keeper has seized them as its prey. I looked into the tyrant’s shuddering soul, as it trembled past me. There, amidst the ruins of a thousand systems which aimed at virtue, sat Crime, and shivered at its desolation. Yet this man is

the only Thinker, the only Aspirant, amongst them all. He still looks for a future of peace and mercy, to begin,—ay! at what date? When he has swept away every foe. Fool! new foes spring from every drop of blood. Led by the eyes of the Unutterable, he is walking to his doom.

O Viola, thy innocence protects thee! Thou whom the sweet humanities of love shut out even from the dreams of aerial and spiritual beauty, making thy heart a universe of visions fairer than the wanderer over the rosy Hesperus can survey,—shall not the same pure affection encompass thee, even here, with a charmed atmosphere, and terror itself fall harmless on a life too innocent for wisdom?

CHAPTER 7.IV. Ombra piu che di notte, in cui di luce Raggio misto non e; .... Ne piu il palagio appar, ne piu le sue Vestigia; ne dir puossi—egli qui fue. —"Ger. Lib.", canto xvi.-lxix. (Darkness greater than of night, in which not a ray of light is mixed;...The palace appears no more: not even a vestige,—nor can one say that it has been.)

The clubs are noisy with clamorous frenzy; the leaders are grim with schemes. Black Henriot flies here and there, muttering to his armed troops, "Robespierre, your beloved, is in danger!" Robespierre stalks perturbed, his list of victims swelling every hour. Tallien, the Macduff to the doomed Macbeth, is whispering courage to his pale conspirators. Along the streets heavily roll the tumbrils. The shops are closed,—the people are gorged with gore, and will lap no more. And night after night, to the eighty theatres flock the children of the Revolution, to laugh at the quips of comedy, and weep gentle tears over imaginary woes!

In a small chamber, in the heart of the city, sits the mother, watching over her child. It is quiet, happy noon; the sunlight, broken by the tall roofs in the narrow street, comes yet through

the open casement, the impartial playfellow of the air, gleesome alike in temple and prison, hall and hovel; as golden and as blithe, whether it laugh over the first hour of life, or quiver in its gay delight on the terror and agony of the last! The child, where it lay at the feet of Viola, stretched out its dimpled hands as if to clasp the dancing motes that revelled in the beam. The mother turned her eyes from the glory; it saddened her yet more. She turned and sighed.

Is this the same Viola who bloomed fairer than their own Idalia under the skies of Greece? How changed! How pale and worn! She sat listlessly, her arms dropping on her knee; the smile that was habitual to her lips was gone. A heavy, dull despondency, as if the life of life were no more, seemed to weigh down her youth, and make it weary of that happy sun! In truth, her existence had languished away since it had wandered, as some melancholy stream, from the source that fed it. The sudden enthusiasm of fear or superstition that had almost, as if still in the unconscious movements of a dream, led her to fly from Zanoni, had ceased from the day which dawned upon her in a foreign land. Then—there—she felt that in the smile she had evermore abandoned lived her life. She did not repent,—she would not have recalled the impulse that winged her flight. Though the enthusiasm was gone, the superstition yet remained; she still believed she had saved her child from that dark and guilty sorcery, concerning which the traditions of all lands are prodigal, but in none do they find such credulity, or excite such dread, as in the South of Italy. This impression was confirmed by the mysterious conversations of Glyndon, and by her own perception of the fearful change that had passed over one who represented himself as the victim of the enchanters. She did not, therefore, repent; but her very volition seemed gone.

Đây có phải là Viola cùng mà hoa đẹp hơn cả Idalia của riêng họ dưới bầu trời Hy Lạp không? Thay đổi như thế nào! Nhạt nhòa

và mệt mỏi! Cô ngồi lặng lẽ, cánh tay rơi xuống đầu gối; nụ cười thường thấy trên môi cô đã biến mất. Một sự chán chường nặng nề, như thể cuộc sống không còn nữa, dường như gánh nặng tuổi trẻ của cô, làm cho nó mệt mỏi trước ánh mặt trời hạnh phúc đó! Thực sự, cuộc sống của cô đã phai nhạt đi từ khi nó lang thang, giống như một dòng suối u ám, từ nguồn cung cấp nó. Sự nhiệt huyết đột ngột từ nỗi sợ hãi hoặc mê tín, gần như như vẫn trong những chuyển động vô thức của một giấc mơ, đã dẫn cô bay khỏi Zanoni, đã chấm dứt từ ngày mặt trời mọc trên một đất nước nước ngoài. Rồi đó—thế—cô cảm thấy rằng trong nụ cười mà cô đã từng bỏ lại sống cuộc đời của mình. Cô không hối hận,—cô sẽ không muốn nhớ lại sự thúc đẩy đã đẩy cô bay. Mặc dù sự nhiệt huyết đã biến mất, mê tín vẫn còn; cô vẫn tin rằng cô đã cứu con của mình khỏi phép thuật tối tăm và tội lỗi đó, về đó truyền thống của tất cả các nơi đều hoang phí, nhưng không nơi nào chúng tìm thấy sự tin tưởng, hoặc kích thích sợ hãi như ở miền Nam Italia. Ấn tượng này được xác nhận bởi những cuộc trò chuyện bí ẩn của Glyndon, và bởi nhận thức của chính cô về sự thay đổi đáng sợ đã xảy ra trên người một người tự xưng là nạn nhân của phù thủy. Vì vậy, cô không hối hận; nhưng ý chí của cô dường như đã mất.

On their arrival at Paris, Viola saw her companion—the faithful wife—no more. Ere three weeks were passed, husband and wife had ceased to live.

Khi họ đến Paris, Viola không còn thấy bạn đồng hành của mình —người vợ trung thành—nữa. Trước khi ba tuần trôi qua, chồng và vợ đã ngừng tồn tại.

And now, for the first time, the drudgeries of this hard earth claimed the beautiful Neapolitan. In that profession, giving voice and shape to poetry and song, in which her first years were passed, there is, while it lasts, an excitement in the art that lifts it from the labour of a calling. Hovering between two lives, the Real and Ideal, dwells the life of music and the stage. But

that life was lost evermore to the idol of the eyes and ears of Naples. Lifted to the higher realm of passionate love, it seemed as if the fictitious genius which represents the thoughts of others was merged in the genius that grows all thought itself. It had been the worst infidelity to the Lost, to have descended again to live on the applause of others. And so—for she would not accept alms from Glyndon—so, by the commonest arts, the humblest industry which the sex knows, alone and unseen, she who had slept on the breast of Zanoni found a shelter for their child. As when, in the noble verse prefixed to this chapter, Armida herself has destroyed her enchanted palace,—not a vestige of that bower, raised of old by Poetry and Love, remained to say, "It had been!"

Và bây giờ, lần đầu tiên, những công việc vất vả của trái đất khắc nghiệt này đã chiếm lấy người đẹp người Napoli. Trong nghề nghiệp đó, thể hiện giọng nói và hình dáng của thơ ca và bài hát, trong đó cô đã trải qua những năm đầu tiên, có, trong khi nó tồn tại, một cảm giác hứng thú trong nghệ thuật khiến nó thoát khỏi công việc của một nghề. Lơ lửng giữa hai cuộc sống, thực và tưởng, cuộc sống của âm nhạc và sân khấu tồn tại. Nhưng cuộc sống đó đã mất mãi mãi với thần tượng của mắt và tai của Napoli. Được đưa lên tầng cao hơn của tình yêu mãnh liệt, dường như như là nếu thiên tài giả tưởng thể hiện suy nghĩ của người khác đã hòa nhập vào thiên tài mà sinh ra tất cả suy nghĩ chính nó. Đó đã là sự phản bội tồi tệ nhất với người đã mất, để lại trở lại sống dựa vào sự hoan nghênh của người khác. Và vì vậy—vì cô không chấp nhận tiền từ Glyndon—vì vậy, bằng những nghệ thuật phổ biến nhất, sự chăm chỉ khiêm tốn mà giới nữ biết đến, một mình và không ai thấy, cô ngủ trên ngực của Zanoni đã tìm được một nơi trú ẩn cho đứa con của họ. Như khi, trong bài thơ cao quý đặt trước chương này, Armida chính đã phá hủy cung điện ma thuật của mình,—không còn dấu vết nào của cánh buồng đó, từng được xây dựng từ lâu bởi Thơ và Tình Yêu, còn lại để nói rằng, "Đã từng là!"

And the child avenged the father; it bloomed, it thrived,—it waxed strong in the light of life. But still it seemed haunted and preserved by some other being than her own. In its sleep there was that slumber, so deep and rigid, which a thunderbolt could not have disturbed; and in such sleep often it moved its arms, as to embrace the air: often its lips stirred with murmured sounds of indistinct affection,—NOT FOR HER; and all the while upon its cheeks a hue of such celestial bloom, upon its lips a smile of such mysterious joy! Then, when it waked, its eyes did not turn first to HER,—wistful, earnest, wandering, they roved around, to fix on her pale face, at last, in mute sorrow and reproach.

Và đứa trẻ đã trả thù cho cha; nó nở hoa, nó phồn thịnh,—nó trở nên mạnh mẽ dưới ánh sáng của cuộc sống. Nhưng vẫn có vẻ như nó bị ám và bảo vệ bởi một sinh vật khác ngoài cô. Trong giấc ngủ của nó có sự ngủ say, sâu và cứng, mà một tia chớp cũng không thể làm xao lãng; và trong giấc ngủ đó thường xuyên nó vẫy tay, như muốn ôm không khí: thường xuyên môi nó khe khẽ với những âm thanh thì thầm của tình cảm mơ hồ,—KHÔNG DÀNH CHO CÔ; và suốt thời gian đó trên má nó là một ánh sắc tinh tú, trên môi nó là một nụ cười của niềm vui bí ẩn! Sau đó, khi nó tỉnh dậy, ánh mắt của nó không quay đầu tiên về CÔ,—thèm muốn, nghiêm túc, lạc lõng, chúng lang thang, để tập trung vào gương mặt tái nhợt của cô, cuối cùng, trong sự buồn bã và trách móc im lặng.

Never had Viola felt before how mighty was her love for Zanoni; how thought, feeling, heart, soul, life,—all lay crushed and dormant in the icy absence to which she had doomed herself! She heard not the roar without, she felt not one amidst those stormy millions,—worlds of excitement labouring through every hour. Only when Glyndon, haggard, wan, and spectre-like, glided in, day after day, to visit her, did the fair daughter of the careless South know how heavy and universal was the Death-Air that girt her round. Sublime in her passive

unconsciousness,—her mechanic life,—she sat, and feared not, in the den of the Beasts of Prey.

Chưa bao giờ Viola cảm thấy mạnh mẽ như thế nào tình yêu của cô dành cho Zanoni; làm thế nào suy nghĩ, cảm xúc, trái tim, linh hồn, cuộc sống,—tất cả đều bị nghiền nát và ngủ yên trong sự vắng vẻ đáng sợ mà cô đã định mệnh cho mình! Cô không nghe thấy tiếng gầm bên ngoài, cô không cảm nhận một ai giữa hàng triệu người đó,—thế giới của sự hứng thú vận động qua mỗi giờ. Chỉ khi Glyndon, hốt hoảng, ốm yếu, và giống như ma quỷ, trượt vào, ngày qua ngày, để thăm cô, thì cô con gái xinh đẹp của miền Nam không cẩn thận biết làm thế nào là nặng và rộng lớn là Không Khí Chết bao quanh cô. Tráng lệ trong sự vô thức của cô,—cuộc sống cơ khí của cô,—cô ngồi, và không sợ hãi, trong hang của Những Con Thú Săn Mồi.

The door of the room opened abruptly, and Glyndon entered. His manner was more agitated than usual.

Cánh cửa của phòng mở đột ngột, và Glyndon bước vào. Cách cử chỉ của anh ấy hoảng hơn bình thường.

“Is it you, Clarence?” she said in her soft, languid tones. “You are before the hour I expected you.”

“Đó có phải là anh, Clarence?” cô nói trong âm điệu nhẹ nhàng, lờ đờ. “Anh đến sớm hơn giờ tôi mong đợi.”

“Who can count on his hours at Paris?” returned Glyndon, with a frightful smile. “Is it not enough that I am here! Your apathy in the midst of these sorrows appalls me. You say calmly, ‘Farewell;’ calmly you bid me, ‘Welcome!‘—as if in every corner there was not a spy, and as if with every day there was not a massacre!”

“Ai có thể đếm được giờ của mình ở Paris?” Glyndon trả lời, với một nụ cười đáng sợ. “Chẳng phải là đủ khi tôi ở đây! Sự lãnh

đạm của bạn giữa những nỗi đau này làm tôi sững sờ. Bạn nói một cách bình tĩnh, 'Tạm biệt;' bình tĩnh bạn chào tôi, 'Chào mừng!'—như thể ở mọi góc, không có một kẻ trinh thám, và như thể mỗi ngày không có một cuộc thẩm sát!"

"Pardon me! But in these walls lies my world. I can hardly credit all the tales you tell me. Everything here, save THAT," and she pointed to the infant, "seems already so lifeless, that in the tomb itself one could scarcely less heed the crimes that are done without."

"Xin lỗi! Nhưng trong những bức tường này nằm thế giới của tôi. Tôi khó lòng tin tất cả những câu chuyện anh kể cho tôi. Mọi thứ ở đây, trừ ĐIỀU ĐÓ," và cô chỉ vào đứa trẻ, "dường như đã chết rồi, đến mức trong mộ chính mình, một ai cũng ít quan tâm hơn đến những tội ác được thực hiện bên ngoài."

Glyndon paused for a few moments, and gazed with strange and mingled feelings upon that face and form, still so young, and yet so invested with that saddest of all repose,—when the heart feels old.

Glyndon dừng lại một lúc, và nhìn với những cảm xúc kỳ lạ và xen kẽ vào gương mặt và hình dáng đó, vẫn còn trẻ, nhưng lại đầy nỗi buồn nhất của sự nghỉ ngơi,—khi trái tim cảm thấy già.

"O Viola," said he, at last, and in a voice of suppressed passion, "was it thus I ever thought to see you,—ever thought to feel for you, when we two first met in the gay haunts of Naples? Ah, why then did you refuse my love; or why was mine not worthy of you? Nay, shrink not!—let me touch your

"Hush!" said Viola, gravely. And as she was about to proceed, her eye fell upon the child. It was standing in the very centre of that slanting column of light which the sun poured into the chamber; and the rays seemed to surround it as a halo, and settled, crown-like, on the gold of its shining hair. In its small

shape, so exquisitely modelled, in its large, steady, tranquil eyes, there was something that awed, while it charmed the mother's pride. It gazed on Glyndon as he spoke, with a look which almost might have seemed disdain, and which Viola, at least, interpreted as a defence of the Absent, stronger than her own lips could frame.

"Lặng nghe!" nói Viola, nghiêm túc. Và khi cô ấy sắp tiếp tục, ánh mắt của cô ấy chợt chuyển sang đứa trẻ. Đứa trẻ đang đứng ở chính giữa cột sáng nghiêng đó mà mặt trời đổ vào buồng; và những tia sáng dường như bao quanh nó như một vòng sáng, và đậu, giống như vương miện, trên mái tóc sáng bóng của nó. Trong hình dáng nhỏ bé, được tạo mẫu tinh xảo, trong ánh mắt lớn, vững chãi, yên bình, có điều gì đó khiến người mẹ ngưỡng mộ, mặc dù nó cuốn hút. Nó nhìn Glyndon khi anh ấy nói, với ánh nhìn mà gần như có thể dường như khinh bỉ, và mà Viola, ít nhất, hiểu là một sự bảo vệ của Người Vắng Mặt, mạnh mẽ hơn cả lời cô ấy có thể nói.

Glyndon broke the pause. "Thou wouldst stay, for what? To betray a mother's duty! If any evil happen to thee here, what becomes of thine infant? Shall it be brought up an orphan, in a country that has desecrated thy religion, and where human charity exists no more? Ah, weep, and clasp it to thy bosom; but tears do not protect and save."

Glyndon phá vỡ sự im lặng. "Ngươi muốn ở lại, vì lý do gì? Để phản bội nghĩa vụ của một người mẹ! Nếu có bất kỳ điều gì xấu xảy ra với ngươi ở đây, thì con ngươi sẽ trở thành người mồ côi, trong một đất nước đã bôi nhọ tôn giáo của ngươi, và nơi mà lòng nhân ái con người không còn nữa? À, hãy khóc, và ôm nó vào lòng; nhưng nước mắt không bảo vệ và cứu rỗi."

"Thou hast conquered, my friend, I will fly with thee." "To-morrow night, then, be prepared. I will bring thee the necessary disguises." And Glyndon then proceeded to sketch rapidly the

outline of the path they were to take, and the story they were to tell. Viola listened, but scarcely comprehended; he pressed her hand to his heart and departed.

“Ngươi đã chiến thắng, bạn tôi, tôi sẽ bay cùng ngươi.” “Đêm mai, vậy thì hãy chuẩn bị. Tôi sẽ mang đến cho ngươi những bộ trang phục cần thiết.” Và sau đó Glyndon nhanh chóng vẽ đường đi mà họ sẽ đi và câu chuyện mà họ sẽ kể. Viola nghe, nhưng hầu như không hiểu; anh ôm tay cô ấy vào lòng và rời đi.

CHAPTER 7.V. Van seco pur anco Sdegno ed Amor, quasi due Veltri al fianco. “Ger. Lib.” cant. xx. cxvii. (There went with him still Disdain and Love, like two greyhounds side by side.)

CHƯƠNG 7.V. Van seco pur anco Sdegno ed Amor, quasi due Veltri al fianco. “Ger. Lib.” cant. xx. cxvii. (Cùng với anh ta vẫn là Sự Khinh Bỉ và Tình Yêu, như hai chú chó săn màu xám bên cạnh nhau.)

Glyndon did not perceive, as he hurried from the house, two forms crouching by the angle of the wall. He saw still the spectre gliding by his side; but he beheld not the yet more poisonous eyes of human envy and woman’s jealousy that glared on his retreating footsteps.

Glyndon không nhận ra, khi anh ta vội vã rời khỏi ngôi nhà, hai hình dáng nằm co bên góc tường. Anh vẫn thấy hình ảnh ma quỷ trượt bên cạnh anh; nhưng anh không thấy những ánh mắt độc hại hơn của sự ghen tị của con người và sự ghen tuông của phụ nữ mà nhìn chằm chằm vào bước chân rời đi của anh.

Nicot advanced to the house; Fillide followed him in silence. The painter, an old sans-culotte, knew well what language to assume to the porter. He beckoned the latter from his lodge, “How is this, citizen? Thou harbourest a ‘suspect.’”

Nicot tiến tới ngôi nhà; Fillide theo anh ta mà không nói một lời. Họa sĩ, một tên cộng sự già, biết rõ phải sử dụng ngôn ngữ nào với người gác cổng. Anh gọi người kia từ lều của mình, “Thế này thì sao, công dân? Ngươi đang ẩn náu một ‘nghi ngờ.’”

“Citizen, you terrify me!—if so, name him.” “It is not a man; a refugee, an Italian woman, lodges here.” “Yes, au troisieme,—the door to the left. But what of her?—she cannot be dangerous, poor child!”

“Công dân, ngươi làm tôi sợ hãi!—nếu vậy, nêu rõ tên anh ta.” “Đó không phải là một người đàn ông; một người tị nạn, một phụ nữ Ý, đang ở đây.” “Vâng, ở tầng ba,—cửa bên trái. Nhưng cô ấy thì sao?—cô ấy không thể nguy hiểm, đứa trẻ nghèo!”

“Citizen, beware! Dost thou dare to pity her?” “I? No, no, indeed. But—” “Speak the truth! Who visits her?”

“Công dân, hãy cẩn thận! Ngươi dám thương cô ấy à?” “Tôi? Không, không, thực sự không. Nhưng—” “Nói thật đi! Ai đến thăm cô ấy?”

“No one but an Englishman.” “That is it,—an Englishman, a spy of Pitt and Coburg.” “Just Heaven! is it possible?”

“Chẳng ai cả, chỉ có một người Anh.” “Đúng rồi,—một người Anh, một điệp viên của Pitt và Coburg.” “Thiên Chúa ơi! có thể chăng?”

“How, citizen! dost thou speak of Heaven? Thou must be an aristocrat!” “No, indeed; it was but an old bad habit, and escaped me unawares.” “How often does the Englishman visit her?”

“Thế này, công dân! Ngươi nói về Thiên Chúa à? Ngươi chắc chắn là một quý tộc!” “Không, thực sự không; chỉ là một thói xấu cũ, và thoáng qua tôi đã quên mất.” “Người Anh thăm cô ấy thường xuyên như thế nào?”

“Daily.” Fillide uttered an exclamation. “She never stirs out,” said the porter. “Her sole occupations are in work, and care of her infant.”

“Hàng ngày.” Fillide phát ra một tiếng kêu. “Cô ấy chẳng bao giờ ra ngoài,” người gác cổng nói. “Công việc duy nhất của cô ấy là làm việc, và chăm sóc đứa trẻ của cô ấy.”

“Her infant!” Fillide made a bound forward. Nicot in vain endeavoured to arrest her. She sprang up the stairs; she paused not till she was before the door indicated by the porter; it stood ajar, she entered, she stood at the threshold, and beheld that face, still so lovely! The sight of so much beauty left her hopeless. And the child, over whom the mother bent!—she who had never been a mother!—she uttered no sound; the furies were at work within her breast. Viola turned, and saw her, and, terrified by the strange apparition, with features that expressed the deadliest hate and scorn and vengeance, uttered a cry, and snatched the child to her bosom. The Italian laughed aloud,—turned, descended, and, gaining the spot where Nicot still conversed with the frightened porter drew him from the house. When they were in the open street, she halted abruptly, and said, “Avenge me, and name thy price!”

“Đứa trẻ của cô ấy!” Fillide bật dậy. Nicot cố gắng ngăn cô ấy nhưng không hiệu quả. Cô ấy nhảy lên cầu thang; cô ấy không dừng lại cho đến khi đứng trước cửa được chỉ ra bởi người gác cổng; cửa mở sáng ra, cô ấy bước vào, đứng ở ngưỡng cửa, và nhìn thấy khuôn mặt đó, vẫn còn đẹp đẽ như vậy! Cảnh tượng vẻ đẹp quá nhiều khiến cô ấy mất hy vọng. Và đứa trẻ, người mẹ cúi xuống!—cô ấy chưa bao giờ là một người mẹ!—cô ấy không phát ra âm thanh nào; những thần linh ác đang làm việc trong lòng cô ấy. Viola quay lại, và nhìn thấy cô ấy, và, bị kinh sợ bởi hình dáng lạ lẫm, với những nét mặt thể hiện sự căm hận, khinh bỉ và trả thù dữ dội, cô ấy kêu lên, và nhấc đứa trẻ vào lòng. Người Ý cười to,—quay đi, đi xuống, và, khi đến nơi Nicot

vẫn đang nói chuyện với người gác cổng hoảng sợ, cô ấy kéo anh ta ra khỏi ngôi nhà. Khi họ ở trên đường phố, cô ấy dừng lại đột ngột, và nói, “Trả thù giúp tôi, và nêu giá của ngươi!”

“My price, sweet one! is but permission to love thee. Thou wilt fly with me to-morrow night; thou wilt possess thyself of the passports and the plan.” “And they—” “Shall, before then, find their asylum in the Conciergerie. The guillotine shall requite thy wrongs.” “Do this, and I am satisfied,” said Fillide, firmly.

“Giá của tôi, người dễ thương! chỉ là sự cho phép được yêu ngươi. Ngươi sẽ bay cùng tôi vào đêm mai; ngươi sẽ chiếm đoạt hộ chiếu và kế hoạch.” “Và họ—” “Họ sẽ, trước khi đó, tìm thấy nơi ẩn náu của họ tại Conciergerie. Chiếc guillotine sẽ trả đũa những sự bất công của ngươi.” “Làm điều này, và tôi sẽ hài lòng,” Fillide nói mạnh mẽ.

And they spoke no more till they regained the house. But when she there, looking up to the dull building, saw the windows of the room which the belief of Glyndon’s love had once made a paradise, the tiger relented at the heart; something of the woman gushed back upon her nature, dark and savage as it was. She pressed the arm on which she leaned convulsively, and exclaimed, “No, no! not him! denounce her,—let her perish; but I have slept on HIS bosom,—not HIM!” “It shall be as thou wilt,” said Nicot, with a devil’s sneer; “but he must be arrested for the moment. No harm shall happen to him, for no accuser shall appear. But her,—thou wilt not relent for her?” Fillide turned upon him her eyes, and their dark glance was sufficient answer.

Và họ không nói thêm gì cho đến khi họ quay trở lại ngôi nhà. Nhưng khi cô ấy ở đó, nhìn lên ngôi nhà u ám, thấy những cửa sổ của căn phòng mà niềm tin vào tình yêu của Glyndon đã từng biến thành thiên đường, con hổ trỗi lòng; một phần của người phụ nữ lại tràn về bản tính của cô ấy, tối tăm và hung bạo như nó. Cô ấy ôm chặt cánh tay mà cô ấy tựa vào, và kêu lên,

“Không, không! không phải anh! tố cáo cô ấy,—để cô ấy chết; nhưng tôi đã ngủ trên BỜ BỤNG anh,—không PHẢI ANH!” “Sẽ làm theo nguyện vọng của ngươi,” Nicot nói, với nụ cười nhếch mép của ác quỷ; “nhưng anh ta phải bị bắt tạm thời. Không có hại gì sẽ xảy ra với anh ta, vì không có người tố cáo sẽ xuất hiện. Nhưng cô ấy,—ngươi sẽ không khoan dung cho cô ấy phải không?” Fillide quay sang anh ta ánh mắt, và ánh nhìn tối tăm của họ là câu

The next morning, when he rose, Glyndon did not see the Italian; she was absent from the house when he left it. It was necessary that he should once more visit C— before his final Departure, not only to arrange for Nicot’s participation in the flight, but lest any suspicion should have arisen to thwart or endanger the plan he had adopted. C—, though not one of the immediate coterie of Robespierre, and indeed secretly hostile to him, had possessed the art of keeping well with each faction as it rose to power. Sprung from the dregs of the populace, he had, nevertheless, the grace and vivacity so often found impartially amongst every class in France. He had contrived to enrich himself—none knew how—in the course of his rapid career. He became, indeed, ultimately one of the wealthiest proprietors of Paris, and at that time kept a splendid and hospitable mansion. He was one of those whom, from various reasons, Robespierre deigned to favour; and he had often saved the proscribed and suspected, by procuring them passports under disguised names, and advising their method of escape. But C— was a man who took this trouble only for the rich. “The incorruptible Maximilien,” who did not want the tyrant’s faculty of penetration, probably saw through all his manoeuvres, and the avarice which he cloaked beneath his charity. But it was noticeable that Robespierre frequently seemed to wink at—nay, partially to encourage—such vice in men whom he meant hereafter to destroy, as would tend to lower them in the public estimation, and to contrast with his own austere and unassailable integrity and PURISM. And, doubtless, he often

grimly smiled in his sleeve at the sumptuous mansion and the griping covetousness of the worthy Citizen C—.

Sáng hôm sau, khi anh dậy, Glyndon không thấy người Italy; cô ấy đã vắng nhà khi anh rời đi. Điều cần thiết là anh phải một lần nữa đến thăm C— trước khi Anh rời khỏi, không chỉ để sắp xếp cho Nicot tham gia cuộc chạy trốn, mà còn để tránh bất kỳ nghi ngờ nào có thể phát sinh để ngăn chặn hoặc đe dọa kế hoạch mà anh đã lựa chọn. C—, mặc dù không phải là một trong những người bạn thân cận của Robespierre, và thực sự thù địch với ông, nhưng đã sở hữu nghệ thuật giữ mối quan hệ tốt với mỗi phe phái khi chúng trỗi dậy lên quyền lực. Sinh ra từ đáy tầng dân chúng, ông đã, tuy nhiên, có vẻ đẹp và sự sống động thường được tìm thấy một cách không thiên vị trong mọi tầng lớp tại Pháp. Ông đã tìm cách làm giàu cho bản thân—không ai biết cách nào—trong quá trình sự nghiệp nhanh chóng của mình. Cuối cùng, ông trở thành một trong những chủ sở hữu giàu có nhất ở Paris, và vào thời điểm đó ông duy trì một biệt thự lộng lẫy và mời mọc. Ông là một trong những người mà, vì nhiều lý do khác nhau, Robespierre đã thèm thuồng; và ông thường cứu giúp những người bị tẩy chay và nghi ngờ, bằng cách cung cấp họ hộ chiếu dưới danh nghĩa giả và tư vấn phương pháp trốn thoát của họ. Nhưng C— là người chỉ làm phiền việc này cho người giàu. "Maximilien không thể mua chuộc," người không cần tài năng của kẻ bạo chúa, có lẽ đã nhìn xuyên qua tất cả những chiêu trò của ông, và sự tham lam mà ông che giấu dưới lòng từ thiện. Nhưng đáng chú ý là Robespierre thường xem xét —thậm chí một phần khuyến khích—tội ác như vậy ở những người mà ông dự định sau này phải tiêu diệt, như sẽ làm giảm thấp họ trong đánh giá của công chúng, và tương phản với tính chính trực và TINH KHIẾT của chính mình. Và, không nghi ngờ, ông thường cười khẩy trong lòng với biệt thự xa hoa và lòng tham lam của công dân đáng kính C—.

To this personage, then, Glyndon musingly bent his way. It was true, as he had darkly said to Viola, that in proportion as he had

resisted the spectre, its terrors had lost their influence. The time had come at last, when, seeing crime and vice in all their hideousness, and in so vast a theatre, he had found that in vice and crime there are deadlier horrors than in the eyes of a phantom-fear. His native nobleness began to return to him. As he passed the streets, he revolved in his mind projects of future repentance and reformation. He even meditated, as a just return for Fillide's devotion, the sacrifice of all the reasonings of his birth and education. He would repair whatever errors he had committed against her, by the self-immolation of marriage with one little congenial with himself. He who had once revolted from marriage with the noble and gentle Viola!—he had learned in that world of wrong to know that right is right, and that Heaven did not make the one sex to be the victim of the other. The young visions of the Beautiful and the Good rose once more before him; and along the dark ocean of his mind lay the smile of reawakening virtue, as a path of moonlight. Never, perhaps, had the condition of his soul been so elevated and unselfish.

Đến với người này, Glyndon suy tư bước đi. Đúng như anh đã nói một cách u ám với Viola, rằng theo mức độ anh đã chống lại hình ảnh ma quỷ, những nỗi sợ hãi của nó đã mất ảnh hưởng. Cuối cùng, lúc anh nhìn thấy tội ác và tà ác trong tất cả sự ghê rợn của chúng, và trong một sàn diễn rộng lớn như vậy, anh đã nhận ra rằng trong tội ác và tà ác có những nỗi sợ hãi chết người hơn trong ánh mắt của một nỗi sợ hãi ma quỷ. Tính cao quý bẩm sinh của anh bắt đầu trở lại. Khi anh đi qua các con phố, anh suy nghĩ về các dự án hối cải và cải cách tương lai. Anh thậm chí suy tư, như một sự trả nợ công bằng cho sự cống hiến của Fillide, hy sinh tất cả những lý lẽ của nguồn gốc và giáo dục của mình. Anh sẽ sửa chữa mọi lỗi anh đã phạm lỗi với cô ấy, bằng sự tự hy sinh qua hôn nhân với một người ít hợp với bản thân anh. Người đã từng phản đối hôn nhân với người quý tộc và dịu dàng Viola!—anh đã học được trong thế giới tà ác đó rằng đúng là đúng, và trời không tạo ra một giới tính để làm nạn

nhân cho giới tính kia. Những tưởng tượng trẻ về Cái Đẹp và Cái Tốt lại hiện lên trước anh; và dọc theo đại dương tâm hồn tối tăm của mình, nụ cười của đức hạnh tái sinh nằm như một con đường ánh trăng. Có lẽ, chưa bao giờ tâm hồn anh được cao quý và vô tư đến như vậy.

In the meanwhile Jean Nicot, equally absorbed in dreams of the future, and already in his own mind laying out to the best advantage the gold of the friend he was about to betray, took his way to the house honoured by the residence of Robespierre. He had no intention to comply with the relenting prayer of Fillide, that the life of Glyndon should be spared. He thought with Barrere, “Il n’y a que les morts qui ne revient pas.” In all men who have devoted themselves to any study, or any art, with sufficient pains to attain a certain degree of excellence, there must be a fund of energy immeasurably above that of the ordinary herd. Usually this energy is concentrated on the objects of their professional ambition, and leaves them, therefore, apathetic to the other pursuits of men. But where those objects are denied, where the stream has not its legitimate vent, the energy, irritated and aroused, possesses the whole being, and if not wasted on desultory schemes, or if not purified by conscience and principle, becomes a dangerous and destructive element in the social system, through which it wanders in riot and disorder. Hence, in all wise monarchies,—nay, in all well-constituted states,—the peculiar care with which channels are opened for every art and every science; hence the honour paid to their cultivators by subtle and thoughtful statesmen, who, perhaps, for themselves, see nothing in a picture but coloured canvas,—nothing in a problem but an ingenious puzzle. No state is ever more in danger than when the talent that should be consecrated to peace has no occupation but political intrigue or personal advancement. Talent unhonoured is talent at war with men. And here it is noticeable, that the class of actors having been the most degraded by the public opinion of the old regime, their

very dust deprived of Christian burial, no men (with certain exceptions in the company especially favoured by the Court) were more relentless and revengeful among the scourges of the Revolution. In the savage Collot d'Herbois, mauvais comedien, were embodied the wrongs and the vengeance of a class.

Trong khi đó, Jean Nicot, cũng chìm đắm trong những ước mơ về tương lai, và đã trong tâm tư của mình sắp xếp tốt nhất cho số vàng của người bạn sắp phản bội, đã đi đến ngôi nhà được tôn vinh bởi sự cư trú của Robespierre. Ông không có ý định tuân theo lời cầu xin nhân từ của Fillide, rằng cuộc sống của Glyndon nên được tha thứ. Ông nghĩ với Barrere, "Chỉ có người chết không quay trở lại." Ở tất cả những người đã tận tụy với bất kỳ nghiên cứu nào, hoặc bất kỳ nghệ thuật nào, với cố gắng đủ lớn để đạt được một mức độ xuất sắc nhất định, phải có một nguồn năng lượng vô cùng lớn hơn so với đám đông bình thường. Thông thường năng lượng này được tập trung vào các mục tiêu của tham vọng nghề nghiệp của họ, và để lại cho họ, vì vậy, lãnh đạo vô cảm đối với những mục tiêu khác của con người. Nhưng nơi những mục tiêu đó bị từ chối, nơi dòng chảy không có lối thoát hợp lệ của nó, năng lượng, khó chịu và kích thích, chiếm hữu toàn bộ thể xác, và nếu không lãng phí vào các kế hoạch không rõ ràng, hoặc nếu không được làm sạch bởi lương tâm và nguyên tắc, trở thành một yếu tố nguy hiểm và phá hoại trong hệ thống xã hội, qua đó nó lang thang trong cuộc hỗn loạn và rối ren. Do đó, trong tất cả các quốc gia khôn ngoan,—thậm chí, trong tất cả các quốc gia được thiết lập tốt,—sự chăm sóc đặc biệt mà các kênh được mở cho mọi nghệ thuật và mọi khoa học; do đó sự tôn trọng được trả cho các người trồng trọt bởi các chính trị gia tinh tế và suy tư, có lẽ, đối với chính họ, không thấy gì trong một bức tranh ngoài bề mặt màu sắc,—không thấy gì trong một vấn đề ngoài một câu đố tinh xảo. Không có quốc gia nào bao giờ đang rơi vào nguy hiểm hơn khi tài năng mà nên được cống hiến cho hòa bình không có nghề nghiệp ngoài âm mưu chính trị hoặc tiến thân cá nhân. Tài năng không được tôn trọng là tài năng đang chiến đấu với con người. Và ở đây đáng

chú ý rằng, tầng lớp diễn viên đã bị suy giảm nhất bởi ý kiến công cộng của thời đại cũ, thậm chí bụi của họ còn bị tước quyền chôn cất theo lễ nghi Kitô, không có người (với một số ngoại lệ trong nhóm đặc biệt được ưa chuộng bởi triều đình) nhiều hơn là nghiêm khắc và trả thù trong số những nỗi ác của Cuộc cách mạng. Trong Collot d'Herbois dã man, tệ hại, đã được hình thành từ những sự bất công và sự trả thù của một tầng lớp.

Nicot was a villain as a boy. In most criminals, however abandoned, there are touches of humanity,—relics of virtue; and the true delineator of mankind often incurs the taunt of bad hearts and dull minds, for showing that even the worst alloy has some particles of gold, and even the best that come stamped from the mint of Nature have some adulteration of the dross. But there are exceptions, though few, to the general rule, —exceptions, when the conscience lies utterly dead, and when good or bad are things indifferent but as means to some selfish end. So was it with the protege of the atheist. Envy and hate filled up his whole being, and the consciousness of superior talent only made him curse the more all who passed him in the sunlight with a fairer form or happier fortunes. But, monster though he was, when his murderous fingers griped the throat of his benefactor, Time, and that ferment of all evil passions—the Reign of Blood—had made in the deep hell of his heart a deeper still. Unable to exercise his calling (for even had he dared to make his name prominent, revolutions are no season for painters; and no man—no! not the richest and proudest magnate of the land, has so great an interest in peace and order, has so high and essential a stake in the well being of society, as the poet and the artist), his whole intellect, ever restless and unguided, was left to ponder over the images of guilt most congenial to it. He had no future but in this life; and how in this life had the men of power around him, the great wrestlers for dominion, thriven? All that was good, pure, unselfish,— whether among Royalists or Republicans,—swept to the shambles, and the deathsmen left alone in the pomp and purple

of their victims! Nobler paupers than Jean Nicot would despair; and Poverty would rise in its ghastly multitudes to cut the throat of Wealth, and then gash itself limb by limb, if Patience, the Angel of the Poor, sat not by its side, pointing with solemn finger to the life to come! And now, as Nicot neared the house of the Dictator, he began to meditate a reversal of his plans of the previous day: not that he faltered in his resolution to denounce Glyndon, and Viola would necessarily share his fate, as a companion and accomplice,—no, THERE he was resolved! for he hated both (to say nothing of his old but never-to-be-forgotten grudge against Zanoni). Viola had scorned him, Glyndon had served, and the thought of gratitude was as intolerable to him as the memory of insult. But why, now, should he fly from France?—he could possess himself of Glyndon's gold; he doubted not that he could so master Fillide by her wrath and jealousy that he could command her acquiescence in all he proposed. The papers he had purloined—Desmoulins' correspondence with Glyndon—while it insured the fate of the latter, might be eminently serviceable to Robespierre, might induce the tyrant to forget his own old liaisons with Hebert, and enlist him among the allies and tools of the King of Terror. Hopes of advancement, of wealth, of a career, again rose before him. This correspondence, dated shortly before Camille Desmoulins' death, was written with that careless and daring imprudence which characterised the spoiled child of Danton. It spoke openly of designs against Robespierre; it named confederates whom the tyrant desired only a popular pretext to crush. It was a new instrument of death in the hands of the Death-compeller. What greater gift could he bestow on Maximilien the Incorruptible?

Nursing these thoughts, he arrived at last before the door of Citizen Dupleix. Around the threshold were grouped, in admired confusion, some eight or ten sturdy Jacobins, the voluntary body-guard of Robespierre,—tall fellows, well armed, and insolent with the power that reflects power, mingled with

women, young and fair, and gayly dressed, who had come, upon the rumour that Maximilien had had an attack of bile, to inquire tenderly of his health; for Robespierre, strange though it seem, was the idol of the sex!

Through this cortege stationed without the door, and reaching up the stairs to the landing-place,—for Robespierre's apartments were not spacious enough to afford sufficient antechamber for levees so numerous and miscellaneous,—Nicot forced his way; and far from friendly or flattering were the expressions that regaled his ears.

"Aha, le joli Polichinelle!" said a comely matron, whose robe his obtrusive and angular elbows cruelly discomposed. "But how could one expect gallantry from such a scarecrow!"

"Citizen, I beg to advise thee (The courteous use of the plural was proscribed at Paris. The Societies Populaires had decided that whoever used it should be prosecuted as suspect et adulateur! At the door of the public administrations and popular societies was written up, "Ici on s'honore du Citoyen, et on se tutoye"!!! ("Here they respect the title of Citizen, and they 'thee' and 'thou' one another.") Take away Murder from the French Revolution and it becomes the greatest farce ever played before the angels!) that thou art treading on my feet. I beg thy pardon, but now I look at thine, I see the hall is not wide enough for them."

"Ho! Citizen Nicot," cried a Jacobin, shouldering his formidable bludgeon, "and what brings thee hither?—thinkest thou that Hebert's crimes are forgotten already? Off, sport of Nature! and thank the Etre Supreme that he made thee insignificant enough to be forgiven."

"A pretty face to look out of the National Window" (The Guillotine.), said the woman whose robe the painter had ruffled.

“Citizens,” said Nicot, white with passion, but constraining himself so that his words seemed to come from grinded teeth, “I have the honour to inform you that I seek the Representant upon business of the utmost importance to the public and himself; and,” he added slowly and malignantly, glaring round, “I call all good citizens to be my witnesses when I shall complain to Robespierre of the reception bestowed on me by some amongst you.”

There was in the man’s look and his tone of voice so much of deep and concentrated malignity, that the idlers drew back, and as the remembrance of the sudden ups and downs of revolutionary life occurred to them, several voices were lifted to assure the squalid and ragged painter that nothing was farther from their thoughts than to offer affront to a citizen whose very appearance proved him to be an exemplary sans-culotte. Nicot received these apologies in sullen silence, and, folding his arms, leaned against the wall, waiting in grim patience for his admission.

The loiterers talked to each other in separate knots of two and three; and through the general hum rang the clear, loud, careless whistle of the tall Jacobin who stood guard by the stairs. Next to Nicot, an old woman and a young virgin were muttering in earnest whispers, and the atheist painter chuckled inly to overhear their discourse.

“I assure thee, my dear,” said the crone, with a mysterious shake of head, “that the divine Catherine Theot, whom the impious now persecute, is really inspired. There can be no doubt that the elect, of whom Dom Gerle and the virtuous Robespierre are destined to be the two grand prophets, will enjoy eternal life here, and exterminate all their enemies. There is no doubt of it, —not the least!”

“How delightful!” said the girl; “ce cher Robespierre!—he does not look very long-lived either!”

“The greater the miracle,” said the old woman. “I am just eighty-one, and I don’t feel a day older since Catherine Theot promised me I should be one of the elect!”

"Càng lớn điều kỳ diệu," bà cụ nói. "Tôi mới chỉ 81 tuổi, và tôi không cảm thấy già hơn một ngày kể từ khi Catherine Theot hứa với tôi rằng tôi sẽ thuộc về những người được chọn!"

Here the women were jostled aside by some newcomers, who talked loud and eagerly.

Ở đây, những phụ nữ bị đẩy sang một bên bởi một số người mới, họ nói to và hăng say.

“Yes,” cried a brawny man, whose garb denoted him to be a butcher, with bare arms, and a cap of liberty on his head; “I am come to warn Robespierre. They lay a snare for him; they offer him the Palais National. ‘On ne peut etre ami du peuple et habiter un palais.’” (“No one can be a friend of the people, and dwell in a palace.”—“Papiers inedits trouves chez Robespierre,” etc., volume ii. page 132.)

"Vâng," hét một người đàn ông cường tráng, người mặc áo den chỉ ra ông là một thợ mổ, với cánh tay trần, và một chiếc mũ tự do trên đầu; "Tôi đến để cảnh báo Robespierre. Họ đặt bẫy cho ông ta; họ đề nghị cho ông ta cung điện Quốc gia. 'Không ai có thể là bạn của nhân dân và ở trong một cung điện.'"

“No, indeed,” answered a cordonnier; “I like him best in his little lodging with the menuisier: it looks like one of US.”

"Không, thực sự," một thợ giày trả lời; "Tôi thích ông ta nhất khi ở trong chỗ ở nhỏ với thợ mộc: nó trông giống như một trong chúng tôi."

Another rush of the crowd, and a new group were thrown forward in the vicinity of Nicot. And these men gabbled and chattered faster and louder than the rest.

Một lượt đẩy mạnh của đám đông, và một nhóm mới bị đẩy về phía trước gần Nicot. Và những người đàn ông này nói chuyện nhanh hơn và to hơn so với phần còn lại.

“But my plan is—” “Au diable with YOUR plan! I tell you MY scheme is—” “Nonsense!” cried a third. “When Robespierre understands MY new method of making gunpowder, the enemies of France shall—” “Bah! who fears foreign enemies?” interrupted a fourth; “the enemies to be feared are at home. MY new guillotine takes off fifty heads at a time!” “But MY new Constitution!” exclaimed a fifth. “MY new Religion, citizen!” murmured, complacently, a sixth. “Sacre mille tonnerres, silence!” roared forth one of the Jacobin guard.

"Nhưng kế hoạch của tôi là—" "Hãy đẩy kế hoạch CỦA BẠN đi! Tôi nói với bạn rằng KẾ HOẠCH CỦA TÔI là—" "Lố bịch!" hét một người thứ ba. "Khi Robespierre hiểu được PHƯƠNG PHÁP MỚI của tôi trong việc làm thuốc súng, kẻ thù của Pháp sẽ—" "Thôi đi! Ai sợ kẻ thù nước ngoài?" ngắt lời một người thứ tư; "Kẻ thù cần phải sợ là ở trong nước. Cái cưa mới của tôi cắt đầu của năm mươi người cùng một lúc!" "Nhưng HIẾN PHÁP MỚI của tôi!" hét một người thứ năm. "TÔN GIÁO MỚI của tôi, công dân!" rên rỉ, tự mãn, một người thứ sáu. "Sacre mille tonnerres, im lặng!" một trong những người lính Jacobin gào lên.

And the crowd suddenly parted as a fierce-looking man, buttoned up to the chin, his sword rattling by his side, his spurs clinking at his heel, descended the stairs,—his cheeks swollen and purple with intemperance, his eyes dead and savage as a vulture’s. There was a still pause, as all, with pale cheeks, made way for the relentless Henriot. (Or Hanriot. It is singular how undetermined are not only the characters of the French

Revolution, but even the spelling of their names. With the historians it is Vergniaud,—with the journalists of the time it is Vorgniaux. With one authority it is Robespierre,—with another Roberspierre.) Scarce had this gruff and iron minion of the tyrant stalked through the throng, than a new movement of respect and agitation and fear swayed the increasing crowd, as there glided in, with the noiselessness of a shadow, a smiling, sober citizen, plainly but neatly clad, with a downcast humble eye. A milder, meeker face no pastoral poet could assign to Corydon or Thyrsis,—why did the crowd shrink and hold their breath? As the ferret in a burrow crept that slight form amongst the larger and rougher creatures that huddled and pressed back on each other as he passed. A wink of his stealthy eye, and the huge Jacobins left the passage clear, without sound or question. On he went to the apartment of the tyrant, and thither will we follow him.

Và đám đông đột ngột rộng ra khi một người trông hung dữ, cài cúc lên cổ áo, thanh kiếm lạch cạch bên cạnh, găng lê kêu rì rầm ở gót chân, đi xuống cầu thang,—hai má phồng lên và tím về với sự dữ dội của rượu, đôi mắt chết chóc và hung ác như một con kền kền. Có một khoảng lặng im lặng, khi tất cả, với khuôn mặt tái nhợt, nhường đường cho Henriot không thương tiếc. (Hoặc Hanriot. Điều đáng chú ý là không chỉ nhân vật trong Cách mạng Pháp, mà thậm chí cả cách viết tên của họ cũng không rõ ràng. Với các nhà sử học là Vergniaud,—với các nhà báo thời đó là Vorgniaux. Với một nguồn tin là Robespierre,—với nguồn tin khác là Roberspierre.) Chưa bao giờ kẻ hầu cứng cáo và sắt thép của bạo chúa đã đi qua đám đông, thì một phong trào mới của sự tôn trọng, xao lãng và sợ hãi lay động đám đông đang tăng lên, khi một công dân tươi cười, tỉnh táo, mặc đơn giản nhưng gọn gàng, với ánh mắt nhún nhường. Một khuôn mặt nhẹ nhàng, hiền hậu mà không một nhà thơ nông dân nào có thể gán cho Corydon hoặc Thyrsis,—tại sao đám đông co lại và giữ hơi thở? Như con chồn trong hang lũa, hình dáng nhỏ bé đó trườn qua giữa những sinh vật lớn hơn và thô hơn mà chen

chúc và đẩy lùi nhau khi anh ta đi qua. Một nháy mắt của ánh mắt lén lút của anh ta, và những kẻ Jacobin khổng lồ để cho lối đi trở nên rõ ràng, mà không cần âm thanh hoặc câu hỏi. Anh ta tiếp tục đi vào căn phòng của bạo chúa, và chúng ta sẽ theo sau anh ta đến đó.

CHAPTER 7.VII.

CHƯƠNG 7.VII.

Constitutum est, ut quisquis eum HOMINEM dixisset fuisse, capitalem penderet poenam.

Đã quy định rằng ai nói rằng mình đã là NGƯỜI, sẽ bị trừng phạt tử hình.

Robespierre was reclining languidly in his fauteuil, his cadaverous countenance more jaded and fatigued than usual. He to whom Catherine Theot assured immortal life, looked, indeed, like a man at death's door. On the table before him was a dish heaped with oranges, with the juice of which it is said that he could alone assuage the acrid bile that overflowed his system; and an old woman, richly dressed (she had been a Marquise in the old regime) was employed in peeling the Hesperian fruits for the sick Dragon, with delicate fingers covered with jewels. I have before said that Robespierre was the idol of the women. Strange certainly!—but then they were French women! The old Marquise, who, like Catherine Theot, called him "son," really seemed to love him piously and disinterestedly as a mother; and as she peeled the oranges, and heaped on him the most caressing and soothing expressions, the livid ghost of a smile fluttered about his meagre lips. At a distance, Payan and Couthon, seated at another table, were writing rapidly, and occasionally pausing from their work to consult with each other in brief whispers.

Robespierre nằm dài trên ghế fauteuil, khuôn mặt xác chết của ông mệt mỏi và mệt mỏi hơn bình thường. Người mà Catherine Theot đã cam đoan sẽ có cuộc sống bất tử, thực sự trông giống như một người sắp chết. Trên bàn trước mặt ông có một đĩa chất đầy cam, với nước cam mà nói rằng chỉ có thể làm dịu chất mật độc độc tràn ngập hệ thống của ông; và một bà già, mặc đồ

đắt tiền (bà từng là một Nữ Công tước trong chế độ cũ) đang bóc vỏ cam cho con rồng bị ốm, với những ngón tay tinh tế bị che kín bằng đá quý. Trước đây tôi đã nói rằng Robespierre là thần tượng của phụ nữ. Thật kỳ lạ chắc chắn!—nhưng họ là phụ nữ Pháp! Bà Công tước già, người, giống như Catherine Theot, gọi ông là "con trai", thực sự dường như yêu ông một cách thành kính và không vụ lợi như một người mẹ; và khi bà bóc vỏ cam và đặt lên ông những lời khen ngợi và an ủi nhất, nụ cười mờ xám của ông nhẹ nhàng bay quanh đôi môi gầy của ông. Ở xa, Payan và Couthon, ngồi ở một bàn khác, đang viết nhanh chóng, và đôi khi dừng lại từ công việc của họ để tham khảo với nhau bằng những lời nói ngắn gọn.

Suddenly one of the Jacobins opened the door, and, approaching Robespierre, whispered to him the name of Guerin. (See for the espionage on which Guerin was employed, “Les Papiers inedits,” etc., volume i. page 366, No. xxviii.) At that word the sick man started up, as if new life were in the sound.

Đột nhiên một trong số các Jacobin mở cửa, và, tiến lại gần Robespierre, thì thì thầm tên Guerin cho ông. (Xem về việc gián điệp mà Guerin đã tham gia, “Les Papiers inedits,” vv., tập i. trang 366, số xxviii.) Nghe thấy từ đó, người bệnh như người đàn ông mới sống dậy.

"My kind friend,” he said to the Marquise, “forgive me; I must dispense with thy tender cares. France demands me. I am never ill when I can serve my country!”

"Bạn thân mến,” ông nói với Marquise, “hãy tha thứ cho tôi; tôi phải từ chối sự chăm sóc dịu dàng của bạn. Pháp đòi hỏi tôi. Tôi không bao giờ bị ốm khi có thể phục vụ đất nước!”

"And he waits below. I brushed by him as I ascended the stairs.”

"Và anh ta đang đợi dưới đây. Tôi đã lướt qua anh ta khi tôi đi lên cầu thang.”

“Life is a melancholy thing, Couthon!” said he, suddenly.

“Cuộc đời là một điều buồn, Couthon!” ông nói, đột ngột.

“Without doubt,” it began, “you are uneasy at not having earlier received news from me. Be not alarmed; you know that I ought only to reply by our ordinary courier; and as he has been interrupted, dans sa derniere course, that is the cause of my delay. When you receive this, employ all diligence to fly a theatre where you are about to appear and disappear for the last time. It were idle to recall to you all the reasons that expose you to peril. The last step that should place you sur le sopha de la presidence, but brings you to the scaffold; and the mob will spit on your face as it has spat on those whom you have judged. Since, then, you have accumulated here a sufficient treasure for existence, I await you with great impatience, to laugh with you at the part you have played in the troubles of a nation as credulous as it is avid of novelties. Take your part according to our arrangements,—all is prepared. I conclude,—our courier waits. I expect your reply.”

“Chắc chắn,” nó bắt đầu, “anh không an tâm khi không nhận được tin tức từ tôi sớm hơn. Đừng lo lắng; anh biết rằng tôi chỉ nên trả lời bằng đường bưu tá thường dùng; và vì anh đã bị gián đoạn, dans sa dernière course, đó là nguyên nhân của sự trễ trễ của tôi. Khi anh nhận được điều này, hãy nhanh chóng bay đến một nhà hát nơi anh sắp xuất hiện và biến mất lần cuối cùng. Điều vô ích khi nhắc lại cho anh tất cả những lý do đưa anh vào nguy hiểm. Bước cuối cùng sẽ đưa anh sur le sopha de la présidence, nhưng đưa anh đến cái đài gươm; và đám đông sẽ nhổ vào mặt anh như đã nhổ vào những người mà anh đã xét xử. Vì vậy, khi anh đã tích lũy đủ kho báu cho cuộc sống ở đây, tôi đang chờ anh với sự hào hứng lớn, để cười với anh về vai trò anh đã đóng trong những rắc rối của một quốc gia ngây thơ nhưng thèm khát sự mới lạ. Đóng vai của anh theo các sắp xếp

của chúng ta,—tất cả đã chuẩn bị. Tôi kết luận,—bưu tá của chúng ta đang chờ đợi. Tôi mong đợi câu trả lời của anh."

Musingly and slowly the Dictator devoured the contents of this epistle. "No," he said to himself,—"no; he who has tasted power can no longer enjoy repose. Yet, Danton, Danton! thou wert right; better to be a poor fisherman than to govern men." ("Il vaudrait mieux," said Danton, in his dungeon, "etre un pauvre pecheur que de gouverner les hommes.")

Một cách suy tư và từ từ, Kẻ Độc Tài nuốt lời của bức thư này. "Không," ông nói với chính mình, "không; người đã nếm vị quyền lực không thể nữa thưởng thức sự yên bình. Tuy nhiên, Danton, Danton! anh đã đúng; tốt hơn là trở thành một ngư dân nghèo hơn là cai trị con người." ("Il vaudrait mieux," Danton nói trong tù của mình, "etre un pauvre pecheur que de gouverner les hommes.")

The door opened, and Payan reappeared and whispered Robespierre, "All is safe! See the man."

Cánh cửa mở ra, và Payan xuất hiện trở lại và thì thầm với Robespierre, "Tất cả an toàn! Nhìn người đó."

The Dictator, satisfied, summoned his attendant Jacobin to conduct Nicot to his presence. The painter entered with a fearless expression in his deformed features, and stood erect before Robespierre, who scanned him with a sidelong eye.

Kẻ Độc Tài, hài lòng, triệu tập người Jacobin đến để dẫn Nicot đến gặp mình. Họa sĩ nhập cảnh với một biểu hiện không sợ hãi trên gương mặt biến dạng của mình, và đứng thẳng trước Robespierre, người quét mắt anh ta bằng ánh mắt xéo.

It is remarkable that most of the principal actors of the Revolution were singularly hideous in appearance,—from the colossal ugliness of Mirabeau and Danton, or the villanous

ferocity in the countenances of David and Simon, to the filthy squalor of Marat, the sinister and bilious meanness of the Dictator's features. But Robespierre, who was said to resemble a cat, had also a cat's cleanness; and his prim and dainty dress, his shaven smoothness, the womanly whiteness of his lean hands, made yet more remarkable the disorderly ruffianism that characterised the attire and mien of the painter-sans-culotte.

Điều đáng chú ý là hầu hết những diễn viên chính của Cuộc cách mạng đều rất xấu xí về ngoại hình,—từ sự xấu xí khổng lồ của Mirabeau và Danton, hoặc sự hung ác đáng sợ trong khuôn mặt của David và Simon, đến sự bẩn thỉu của Marat, sự tà ác và đầy ghen tị trong đặc điểm của Kẻ Độc Tài. Nhưng Robespierre, người được cho là giống mèo, cũng có sự sạch sẽ của mèo; và bộ trang phục gọn gàng và tinh tế của ông, sự mịn màng sau khi cạo râu, sự trắng trẻo như phụ nữ của đôi tay gầy của ông, làm cho sự bừa bộn và dữ dội của trang phục và thái độ của họa sĩ-mặc quần áo bẩn thỉu trở nên đáng chú ý hơn nữa.

"And so, citizen," said Robespierre, mildly, "thou wouldst speak with me? I know thy merits and civism have been overlooked too long. Thou wouldst ask some suitable provision in the state? Scruple not—say on!"

"Và vì vậy, công dân," Robespierre nói, nhẹ nhàng, "anh muốn nói chuyện với tôi? Tôi biết công lao và lòng yêu nước của anh đã bị bỏ qua quá lâu. Anh muốn yêu cầu một sự sắp xếp phù hợp trong nhà nước? Đừng do dự—nói đi!"

In the mean time Glyndon, after an audience of some length with C—, in which the final preparations were arranged, sanguine of safety, and foreseeing no obstacle to escape, bent his way back to Fillide. Suddenly, in the midst of his cheerful thoughts, he fancied he heard a voice too well and too terribly recognised, hissing in his ear, "What! thou wouldst defy and escape me! thou wouldst go back to virtue and content. It is in

vain,—it is too late. No, I will not haunt thee; HUMAN footsteps, no less inexorable, dog thee now. Me thou shalt not see again till in the dungeon, at midnight, before thy doom! Behold—

Trong khi đó, Glyndon, sau một cuộc phỏng vấn kéo dài với C—, trong đó các chuẩn bị cuối cùng được sắp xếp, lạ lùng về sự an toàn và không thấy có trở ngại nào để thoát khỏi, quay trở lại Fillide. Đột nhiên, giữa những suy nghĩ vui vẻ của mình, anh ta tưởng rằng anh nghe thấy một giọng nói quá quen và quá đáng sợ, xì xầy trong tai anh ta, "Cái gì! anh muốn thách thức và thoát khỏi tôi! anh muốn quay trở lại đạo đức và hạnh phúc. Đó là vô ích,—đã quá muộn. Không, tôi sẽ không ám anh; BƯỚC CHÂN con người, không kém phần không khoan dung, giờ đây theo dõi anh. Anh sẽ không gặp lại tôi cho đến khi trong tù, vào lúc nửa đêm, trước số phận của anh! Hãy xem—

And Glyndon, mechanically turning his head, saw, close behind him, the stealthy figure of a man whom he had observed before, but with little heed, pass and repass him, as he quitted the house of Citizen C—. Instantly and instinctively he knew that he was watched,—that he was pursued. The street he was in was obscure and deserted, for the day was oppressively sultry, and it was the hour when few were abroad, either on business or pleasure. Bold as he was, an icy chill shot through his heart, he knew too well the tremendous system that then reigned in Paris not to be aware of his danger. As the sight of the first plague-boil to the victim of the pestilence, was the first sight of the shadowy spy to that of the Revolution: the watch, the arrest, the trial, the guillotine,—these made the regular and rapid steps of the monster that the anarchists called Law! He breathed hard, he heard distinctly the loud beating of his heart. And so he paused, still and motionless, gazing upon the shadow that halted also behind him.

Và Glyndon, cứng nhắc quay đầu, nhìn thấy, gần sau lưng anh, hình bóng lặng lẽ của một người đàn ông mà anh đã quan sát

trước đó, nhưng không để ý nhiều, đi qua và đi lại anh, khi anh rời khỏi nhà của Công dân C—. Ngay lập tức và theo bản năng anh biết rằng mình đang bị theo dõi,—rằng anh đang bị truy đuổi. Con phố anh đang ở là tối tăm và vắng vẻ, vì ngày hôm đó nóng nực và đến giờ mà ít người ra ngoài, không phải vì công việc hay vui chơi. Dù anh dũng cảm nhưng một cảm giác lạnh giá chạy qua tim anh, anh biết quá rõ hệ thống khủng khiếp đang thống trị ở Paris không để không nhận ra nguy hiểm của mình. Như cái nhìn đầu tiên của những nốt phồng đầu tiên đối với nạn nhân của dịch bệnh, cái nhìn đầu tiên của kẻ điều tra bí ẩn đối với cách mạng: việc quan sát, bắt giữ, xét xử, cảnh tử hình,—những điều này tạo nên những bước đi đều đặn và nhanh chóng của con quái vật mà những người bất binh gọi là Luật! Anh hít thở nhanh, anh nghe rõ tiếng đập mạnh của trái tim mình. Và vì thế anh dừng lại, yên lặng và đứng im, nhìn chăm chú vào bóng đen cũng đứng lại sau lưng anh.

Presently, the absence of all allies to the spy, the solitude of the streets, reanimated his courage; he made a step towards his pursuer, who retreated as he advanced. “Citizen, thou followest me,” he said. “Thy business?” “Surely,” answered the man, with a deprecating smile, “the streets are broad enough for both? Thou art not so bad a republican as to arrogate all Paris to thyself!” “Go on first, then. I make way for thee.” The man bowed, doffed his hat politely, and passed forward. The next moment Glyndon plunged into a winding lane, and fled fast through a labyrinth of streets, passages, and alleys. By degrees he composed himself, and, looking behind, imagined that he had baffled the pursuer; he then, by a circuitous route, bent his way once more to his home. As he emerged into one of the broader streets, a passenger, wrapped in a mantle, brushing so quickly by him that he did not observe his countenance, whispered, “Clarence Glyndon, you are dogged,—follow me!” and the stranger walked quickly before him. Clarence turned, and sickened once more to see at his heels, with the same servile smile on his face, the pursuer he fancied he had escaped.

He forgot the injunction of the stranger to follow him, and perceiving a crowd gathered close at hand, round a caricature-shop, dived amidst them, and, gaining another street, altered the direction he had before taken, and, after a long and breathless course, gained without once more seeing the spy, a distant quartier of the city.

Chẳng bao lâu sau, sự vắng mặt của tất cả đồng minh của kẻ điều tra, sự cô đơn của các con phố, làm tăng cường lại lòng can đảm của anh; anh bước về phía người đuổi theo mình, người rút lui khi anh tiến gần. "Công dân, ngươi theo dõi tôi," anh nói. "Việc gì của ngươi?" "Chắc chắn," người đó trả lời, với một nụ cười khiếm nhã, "các con phố đủ rộng cho cả hai phải không? Ngươi không phải là một người cộng hòa tồi tệ đến nỗi tự cho mình toàn bộ Paris chứ!" "Hãy đi trước, sau đó. Tôi nhường đường cho ngươi." Người đó cúi đầu, tháo mũ lịch sự và đi về phía trước. Ít phút sau Glyndon lao vào một con hẻm quanh co, và chạy nhanh qua một mê cung các con phố, hẻm và ngõ. Dần dần anh bình tĩnh lại, và, nhìn phía sau, tưởng rằng anh đã làm bất ngờ người đuổi; sau đó, theo một tuyến đường uốn lượn, anh bước về nhà một lần nữa. Khi anh xuất hiện vào một con phố rộng hơn, một hành khách, quấn trong một tấm khăn choàng, đi qua nhanh chóng qua anh mà anh không nhận ra khuôn mặt của người đó, thì thì thầm, "Clarence Glyndon, ngươi bị theo dõi,—theo tôi!" và người lạ đi nhanh trước mặt anh. Clarence quay lại, và cảm thấy buồn nôn một lần nữa khi nhìn thấy sau gót chân mình, với nụ cười nô lệ trên khuôn mặt, người đuổi anh tưởng anh đã thoát khỏi. Anh quên lời chỉ dẫn của người lạ để theo anh, và nhận thấy một đám đông tập trung gần đó, quanh một cửa hàng châm biếm, anh lao vào giữa họ, và, đi qua một con phố khác, thay đổi hướng mà anh đã đi trước đó, và, sau một cuộc chạy dài và hấp hối, đến được một khu phố xa xôi của thành phố mà không thấy lần nào nữa người đuổi.

Here, indeed, all seemed so serene and fair that his artist eye, even in that imminent hour, rested with pleasure on the scene.

It was a comparatively broad space, formed by one of the noble quays. The Seine flowed majestically along, with boats and craft resting on its surface. The sun gilt a thousand spires and domes, and gleamed on the white palaces of a fallen chivalry. Here fatigued and panting, he paused an instant, and a cooler air from the river fanned his brow. “Awhile, at least, I am safe here,” he murmured; and as he spoke, some thirty paces behind him, he beheld the spy. He stood rooted to the spot; wearied and spent as he was, escape seemed no longer possible,—the river on one side (no bridge at hand), and the long row of mansions closing up the other. As he halted, he heard laughter and obscene songs from a house a little in his rear, between himself and the spy. It was a cafe fearfully known in that quarter. Hither often resorted the black troop of Henriot,—the minions and huissiers of Robespierre. The spy, then, had hunted the victim within the jaws of the hounds. The man slowly advanced, and, pausing before the open window of the cafe, put his head through the aperture, as to address and summon forth its armed inmates.

Ở đây, thực sự, tất cả đều yên bình và công bằng đến nỗi mà ánh mắt của nghệ sĩ anh, ngay cả trong thời điểm nguy cấp đó, cũng thấy hài lòng với cảnh tượng. Đó là một không gian tương đối rộng, được tạo thành bởi một trong những bến cảng quý tộc. Sông Seine chảy lớn lao, với những chiếc thuyền và tàu nghỉ trên bề mặt của nó. Mặt trời mạ vàng hàng ngàn tháp chuông và mái vòm, và chiếu sáng trên những cung điện trắng của một hiệp sĩ đã sụp đổ. Ở đây, mệt mỏi và thở hổn hển, anh dừng lại một thoáng, và một luồng không khí mát từ sông thổi nhẹ lên trán anh. "Ít nhất là, anh an toàn ở đây," anh thì thầm; và khi anh nói, khoảng ba mươi bước sau lưng anh, anh nhìn thấy người theo dõi. Anh đứng chặt như cây, mệt mỏi và sửng sốt như anh vậy, thoát khỏi dường như không còn khả năng,—sông bên một bên (không có cầu ngay), và hàng loạt nhà cao cửa rộng đóng cửa ở bên kia. Khi anh dừng lại, anh nghe tiếng cười và bài hát dâm dục từ một ngôi nhà ở phía sau một chút, giữa anh và

kẻ theo dõi. Đó là một quán cà phê đáng sợ nổi tiếng ở khu vực đó. Ở đây thường xuyên có bộ tộc đen của Henriot,—những tay hầu và thư ký của Robespierre. Kẻ theo dõi, vậy thì, đã săn mồi trong miệng của bầy chó. Người đàn ông từ từ tiến lên, và, dừng trước cửa sổ mở của quán cà phê, đưa đầu qua lỗ hổng, như địa chỉ và mời ra những người ở trong có vũ trang.

At that very instant, and while the spy's head was thus turned from him, standing in the half-open gateway of the house immediately before him, he perceived the stranger who had warned; the figure, scarcely distinguishable through the mantle that wrapped it, motioned to him to enter. He sprang noiselessly through the friendly opening: the door closed; breathlessly he followed the stranger up a flight of broad stairs and through a suite of empty rooms, until, having gained a small cabinet, his conductor doffed the large hat and the long mantle that had hitherto concealed his shape and features, and Glyndon beheld Zanoni!

Ngay lúc đó, và trong khi đầu của kẻ theo dõi được quay đi xa anh như vậy, đứng ở cửa chính mở ra một nửa của ngôi nhà ngay trước mặt anh, anh thấy người lạ đã cảnh báo; hình dáng, gần như không thể phân biệt qua chiếc áo choàng che kín, ra dấu cho anh bước vào. Anh nhảy qua lỗ trống một cách yên lặng: cánh cửa đóng lại; anh theo người lạ hấp hối lên một bậc cầu thang rộng và qua một dãy phòng trống trải, cho đến khi, đã đến một phòng làm việc nhỏ, hướng dẫn của anh bỏ chiếc mũ lớn và tấm khăn dài mà cho đến nay đã che giấu hình dạng và đặc điểm của mình, và Glyndon nhìn thấy Zanoni!

CHAPTER 7.IX. Think not my magic

"It matters not what I am," returned Zanoni; "it matters only whether I can aid thee to exorcise thy dismal phantom, and return once more to the wholesome air of this common life.

Something, however, will I tell thee, not to vindicate myself, but the Heaven and the Nature that thy doubts malign."

"Điều đó không quan trọng tôi là ai," Zanoni trả lời; "quan trọng chỉ là liệu tôi có thể giúp được bạn xua tan hình ảnh u ám của bạn và quay trở lại không khí lành mạnh của cuộc sống thông thường này hay không. Tuy nhiên, tôi sẽ cho bạn biết một số điều, không phải để bào chữa cho bản thân mình, mà để bào chữa cho Thiên Đàng và Tự Nhiên mà nghi ngờ của bạn phỉ báng."

Zanoni paused a moment, and resumed with a slight smile,— "In thy younger days thou hast doubtless read with delight the great Christian poet, whose muse, like the morning it celebrated, came to earth, 'crowned with flowers culled in Paradise.' ['L'aurea testa Di rose colte in Paradiso infiora.' Tasso, "Ger. Lib." iv. l.)

Zanoni dừng lại một lát, và tiếp tục với một nụ cười nhẹ,— "Trong những ngày trẻ của bạn, chắc chắn bạn đã đọc với niềm vui thú vị nhà thơ Kitô giáo vĩ đại, người mà thơ ca của ông, giống như buổi sáng ông tôn vinh, đến trên trái đất, 'được đính hoa từ Thiên Đàng.' ['L'aurea testa Di rose colte in Paradiso infiora.' Tasso, "Ger. Lib." iv. l.)

"No spirit was more imbued with the knightly superstitions of the time; and surely the Poet of Jerusalem hath sufficiently, to satisfy even the Inquisitor he consulted, execrated all the practitioners of the unlawful spells invoked,— 'Per isforzar Cocito o Flegetonte.' (To constrain Cocytus or Phlegethon.)

"Không có tinh thần nào nhiều hơn với những niềm tin rẻo hiệp sỹ của thời đại; và chắc chắn nhà thơ của Jerusalem đã đủ, để làm hài lòng ngay cả Thẩm Phán mà ông tham vấn, lời nguyền rủa tất cả những người thực hành các lời nguyền không đạo

đức,— ‘Per isforzar Cocito o Flegetonte.’ (Để ép buộc Cocytus hoặc Phlegethon.)

“Why,” added Zanoni,—“why to thee have been only the penance and the terror,—the Threshold and the Phantom? Vain man! look to the commonest elements of the common learning. Can every tyro at his mere wish and will become the master; can the student, when he has bought his Euclid, become a Newton; can the youth whom the Muses haunt, say, ‘I will equal Homer;’ yea, can yon pale tyrant, with all the parchment laws of a hundred system-shapers, and the pikes of his dauntless multitude, carve, at his will, a constitution not more vicious than the one which the madness of a mob could overthrow? When, in that far time to which I have referred, the student aspired to the heights to which thou wouldst have sprung at a single bound, he was trained from his very cradle to the career he was to run. The internal and the outward nature were made clear to his eyes, year after year, as they opened on the day. He was not admitted to the practical initiation till not one earthly wish chained that sublimest faculty which you call the IMAGINATION, one carnal desire clouded the penetrative essence that you call the INTELLECT. And even then, and at the best, how few attained to the last mystery! Happier inasmuch as they attained the earlier to the holy glories for which Death is the heavenliest gate.”

“Tại sao,” thêm Zanoni, “tại sao với anh chỉ có sự hình phạt và nỗi kinh hoàng,—Ngưỡng cửa và Hồn ma? Người vô ích! hãy nhìn vào những yếu tố phổ biến nhất của kiến thức phổ thông. Liệu mỗi người mới vào nghề có thể chỉ bằng ý muốn và ý chí của mình trở thành thầy giáo; liệu học sinh, khi đã mua cuốn sách Euclid của mình, có thể trở thành một Newton; liệu tuổi trẻ mà các nữ thần đeo đuổi, có thể nói, 'Tôi sẽ bằng Homerus;' ừ, liệu kẻ bạo chúa nhợt nhạt ấy, với tất cả những luật sách của một trăm người sáng tạo hệ thống, và những cây giáo của bọn đông dám, có thể khắc, theo ý muốn của mình, một hiến pháp

không tàn ác hơn cái mà sự điên cuồng của một bọn đám có thể lật đổ? Khi, trong thời gian xa xưa mà tôi đã đề cập đến, học sinh khao khát đến những đỉnh cao mà anh muốn nhảy lên một mình, họ được đào tạo từ lúc mới sinh ra đến sự nghiệp mà họ sẽ theo đuổi. Bản chất nội tại và bên ngoài đã rõ ràng với mắt của họ, năm sau năm, khi chúng mở ra vào ngày. Họ không được tham gia vào lễ nghi cụ thể cho đến khi không có ước muốn trần tục nào giam cầm khả năng cao cả nhất mà anh gọi là TƯỞNG TƯỢNG, không có ham muốn xác thịt nào làm mờ bản chất nhìn xuyên thấu mà anh gọi là TRÍ TUỆ. Và ngay cả khi đạt được, và tốt nhất, chỉ có rất ít người đạt được bí ẩn cuối cùng! Hạnh phúc hơn bởi vì họ đạt được sớm hơn những vinh quang thánh thiêng mà Chết là cánh cửa thiên đàng nhất."

Zanoni paused, and a shade of thought and sorrow darkened his celestial beauty. "And are there, indeed, others, besides thee and Mejnour, who lay claim to thine attributes, and have attained to thy secrets?" "Others there have been before us, but we two now are alone on earth." "Imposter, thou betrayest thyself! If they could conquer Death, why live they not yet?" (Glyndon appears to forget that Mejnour had before answered the very question which his doubts here a second time suggest.) "Child of a day!" answered Zanoni, mournfully, "have I not told thee the error of our knowledge was the forgetfulness of the desires and passions which the spirit never can wholly and permanently conquer while this matter cloaks it? Canst thou think that it is no sorrow, either to reject all human ties, all friendship, and all love, or to see, day after day, friendship and love wither from our life, as blossoms from the stem? Canst thou wonder how, with the power to live while the world shall last, ere even our ordinary date be finished we yet may prefer to die? Wonder rather that there are two who have clung so faithfully to earth! Me, I confess, that earth can enamour yet. Attaining to the last secret while youth was in its bloom, youth still colours all around me with its own luxuriant beauty; to me, yet, to breathe is to enjoy. The freshness has not faded from the face of Nature,

and not an herb in which I cannot discover a new charm,—an undetected wonder.

Zanoni dừng lại, và một bóng tối của suy tư và nỗi buồn làm tối đen vẻ đẹp thiên thần của anh. “Và, thật sự, còn những người khác, ngoài anh và Mejnour, tuyên bố có những phẩm chất của anh, và đã đạt được bí mật của anh không?” “Trước đây có những người khác, nhưng bây giờ chúng ta hai mình là duy nhất trên trái đất.” “Kẻ lừa dối, anh đã phơi bày bản thân mình! Nếu họ có thể đánh bại Chết, tại sao họ chưa chết?” (Glyndon dường như quên rằng Mejnour đã trả lời câu hỏi mà nghi ngờ của anh ở đây lần thứ hai đã đề xuất.) “Con người của một ngày!” Zanoni trả lời, đau buồn, “anh đã không nói với em rằng lỗi của kiến thức của chúng ta là sự quên lãng những ham muốn và đam mê mà tinh thần không bao giờ có thể đánh bại hoàn toàn và vĩnh viễn trong khi vật chất bao phủ nó? Anh có thể nghĩ rằng không phải là nỗi buồn, hoặc là từ chối tất cả các mối quan hệ con người, tất cả tình bạn, và tất cả tình yêu, hoặc là nhìn thấy, ngày qua ngày, tình bạn và tình yêu phai tàn khỏi cuộc sống của chúng ta, như hoa từ cành phai tàn? Anh có thể ngạc nhiên rằng, với sức mạnh sống trong khi thế giới tồn tại, trước khi ngày thường của chúng ta kết thúc thậm chí chúng ta có thể ưa thích chết? Thay vào đó, ngạc nhiên rằng có hai người đã gắn bó một cách trung thành với trái đất! Em, tôi thú nhận, rằng trái đất vẫn có thể làm mê mẩn. Đạt được bí mật cuối cùng trong khi tuổi trẻ còn đang trong sự nở rộ, tuổi trẻ vẫn tô màu xung quanh tôi với vẻ đẹp phong phú của chính nó; với tôi, vẫn, hít thở là để thưởng thức. Sự tươi mới chưa phai tàn khỏi khuôn mặt của Tự nhiên, và không có một cỏ cây mà tôi không thể phát hiện ra một sự quyến rũ mới,—một điều kỳ diệu chưa được phát hiện.

As he thus spoke, Zanoni laid his hand gently on the burning temples of his excited and wondering listener; and presently a sort of trance came over him: he imagined that he was returned to the home of his infancy; that he was in the small chamber

where, over his early slumbers, his mother had watched and prayed. There it was,—visible, palpable, solitary, unaltered. In the recess, the homely bed; on the walls, the shelves filled with holy books; the very easel on which he had first sought to call the ideal to the canvas, dust-covered, broken, in the corner. Below the window lay the old churchyard: he saw it green in the distance, the sun glancing through the yew-trees; he saw the tomb where father and mother lay united, and the spire pointing up to heaven, the symbol of the hopes of those who consigned the ashes to the dust; in his ear rang the bells, pealing, as on a Sabbath day. Far fled all the visions of anxiety and awe that had haunted and convulsed; youth, boyhood, childhood came back to him with innocent desires and hopes; he thought he fell upon his knees to pray. He woke,—he woke in delicious tears, he felt that the Phantom was fled forever. He looked round,—Zanoni was gone. On the table lay these lines, the ink yet wet:—

Khi anh nói như vậy, Zanoni đặt nhẹ tay lên trán đang đỏ bừng của người nghe hồi hộp và tò mò; và chốc lát, anh ta rơi vào một loại hôn mê: anh ta tưởng rằng mình đã trở về ngôi nhà thời thơ ấu của mình; rằng anh ta đang ở trong căn phòng nhỏ nơi, trên giấc ngủ sớm của mình, mẹ đã theo dõi và cầu nguyện. Đó chính là nơi đó,—rõ ràng, rõ ràng, đơn độc, không đổi. Trong khe hở, chiếc giường giản dị; trên tường, các kệ sách thánh; cái bàn vẽ anh ta đã cố gắng gọi hình ảo lên bức vẽ, bám đầy bụi, vỡ vụn, ở góc phòng. Dưới cửa sổ là nghĩa địa cũ: anh ta thấy nó xanh mát ở xa, ánh mặt trời ló sáng qua cây thuyền; anh ta thấy ngôi mộ nơi cha mẹ nằm chung, và cái tháp chỉ lên trời, biểu tượng của hy vọng của những người giao phó tro cốt vào bụi; trong tai anh vang lên tiếng chuông, vang lên như vào một ngày Chúa Nhật. Mọi ảo tưởng lo lắng và kinh hoàng đã từng ám ảnh và làm rối trí anh ta đã trôi đi xa; tuổi trẻ, thời thơ ấu, tuổi thơ trở lại với anh ta với những khát vọng và hy vọng trong sạch; anh ta nghĩ rằng mình quỳ gối cầu nguyện. Anh ta tỉnh dậy,—anh ta tỉnh dậy trong nước mắt ngọt ngào, anh ta cảm thấy rằng hình ảnh

đã biến mất mãi mãi. Anh nhìn xung quanh,—Zanoni đã biến mất. Trên bàn, các dòng chữ này, mực vẫn ướt:—

“I will find ways and means for thy escape. At nightfall, as the clock strikes nine, a boat shall wait thee on the river before this house; the boatman will guide thee to a retreat where thou mayst rest in safety till the Reign of Terror, which nears its close, be past. Think no more of the sensual love that lured, and wellnigh lost thee. It betrayed, and would have destroyed. Thou wilt regain thy land in safety,—long years yet spared to thee to muse over the past, and to redeem it. For thy future, be thy dream thy guide, and thy tears thy baptism.”

"Ta sẽ tìm ra cách để anh trốn thoát. Vào lúc hoàng hôn, khi đồng hồ đánh chín giờ, một chiếc thuyền sẽ đợi anh trên dòng sông trước ngôi nhà này; người lái thuyền sẽ dẫn anh đến một nơi trú ẩn nơi anh có thể nghỉ ngơi an toàn cho đến khi Triều đại Khủng bố, gần kết thúc của nó, qua đi. Đừng nghĩ nhiều nữa về tình yêu thịt thào đã lôi cuốn, và gần như làm mất anh. Nó đã phản bội, và sẽ phá hủy. Anh sẽ lấy lại đất đai của mình một cách an toàn,—nhiều năm dài vẫn còn dành cho anh để suy ngẫm về quá khứ, và để chuộc lại nó. Đối với tương lai của anh, hãy để giấc mơ của anh là hướng dẫn, và nước mắt của anh là lễ rửa tội."

The Englishman obeyed the injunctions of the letter, and found their truth.

Người Anh tuân theo lời khuyên của lá thư và tìm ra sự thật của chúng.

CHAPTER 7.X. Quid mirare meas tot in uno corpore formas? Propert. (Why wonder that I have so many forms in a single body?) Zanoni to Mejnour.

CHƯƠNG 7.X. Quid mirare meas tot in uno corpore formas? Propert. (Tại sao phải ngạc nhiên vì tôi có nhiều hình dạng

trong một cơ thể?) Zanoni gửi đến Mejnour.

“She is in one of their prisons,—their inexorable prisons. It is Robespierre’s order,—I have tracked the cause to Glyndon. This, then, made that terrible connection between their fates which I could not unravel, but which (till severed as it now is) wrapped Glyndon himself in the same cloud that concealed her. In prison,—in prison!—it is the gate of the grave! Her trial, and the inevitable execution that follows such trial, is the third day from this. The tyrant has fixed all his schemes of slaughter for the 10th of Thermidor. While the deaths of the unoffending strike awe to the city, his satellites are to massacre his foes. There is but one hope left,—that the Power which now dooms the doomer, may render me an instrument to expedite his fall. But two days left,—two days! In all my wealth of time I see but two days; all beyond,—darkness, solitude. I may save her yet. The tyrant shall fall the day before that which he has set apart for slaughter! For the first time I mix among the broils and stratagems of men, and my mind leaps up from my despair, armed and eager for the contest.”

"Cô ấy ở trong một trong những nhà tù của họ,—những nhà tù không thương xót của họ. Đó là mệnh lệnh của Robespierre,—anh đã theo dõi nguyên nhân đến Glyndon. Điều này, sau đó, tạo ra mối liên kết kinh hoàng giữa số phận của họ mà tôi không thể sáng tỏ, nhưng mà (cho đến khi bị chia rời như hiện tại) đã bao bọc Glyndon trong mây đen giống như đã che giấu cô ấy. Trong nhà tù,—trong nhà tù!—đó là cánh cổng của ngôi mộ! Phiên tòa của cô ấy, và cái tử hình không thể tránh khỏi sau phiên tòa đó, là ngày thứ ba kể từ ngày hôm nay. Kẻ bạo chúa đã xác định tất cả các âm mưu giết người của mình cho ngày 10 Thermidor. Trong khi cái chết của những người vô tội gây sự kinh hoàng cho thành phố, tay sai của hắn sẽ tàn sát kẻ thù của hắn. Chỉ còn một hy vọng,—rằng Quyền Năng hiện tại định số phận cho kẻ định số phận, có thể biến tôi thành công cụ để thúc đẩy sự sụp đổ của hắn. Nhưng chỉ còn hai ngày,—hai ngày! Trong tất cả

thời gian của mình, tôi chỉ thấy hai ngày; tất cả phía trước,—bóng tối, cô đơn. Tôi có thể cứu cô ấy. Kẻ bạo chúa sẽ sụp ngã vào ngày trước ngày mà hắn đã định sẵn cho cuộc tàn sát! Lần đầu tiên tôi tham gia vào những cuộc xung đột và mưu mô của loài người, và tâm trí tôi bật dậy từ sự tuyệt vọng, vũ trang và háo hức cho cuộc thi."

A crowd had gathered round the Rue St. Honore; a young man was just arrested by the order of Robespierre. He was known to be in the service of Tallien, that hostile leader in the Convention, whom the tyrant had hitherto trembled to attack. This incident had therefore produced a greater excitement than a circumstance so customary as an arrest in the Reign of Terror might be supposed to create. Amongst the crowd were many friends of Tallien, many foes to the tyrant, many weary of beholding the tiger dragging victim after victim to its den. Hoarse, foreboding murmurs were heard; fierce eyes glared upon the officers as they seized their prisoner; and though they did not yet dare openly to resist, those in the rear pressed on those behind, and encumbered the path of the captive and his captors. The young man struggled hard for escape, and, by a violent effort, at last wrenched himself from the grasp. The crowd made way, and closed round to protect him, as he dived and darted through their ranks; but suddenly the trampling of horses was heard at hand,—the savage Henriot and his troop were bearing down upon the mob. The crowd gave way in alarm, and the prisoner was again seized by one of the partisans of the Dictator. At that moment a voice whispered the prisoner, “Thou hast a letter which, if found on thee, ruins thy last hope. Give it to me! I will bear it to Tallien.” The prisoner turned in amaze, read something that encouraged him in the eyes of the stranger who thus accosted him. The troop were now on the spot; the Jacobin who had seized the prisoner released hold of him for a moment to escape the hoofs of the horses: in that moment the opportunity was found,—the stranger had disappeared.

Một đám đông đã tụ tập xung quanh Đại lộ St. Honore; một chàng trai trẻ vừa bị bắt bởi mệnh lệnh của Robespierre. Anh ta được biết là phục vụ cho Tallien, nhà lãnh đạo thù địch trong Nghị viện, mà kẻ bạo chúa cho đến nay đã run sợ khi tấn công. Sự việc này đã tạo ra sự kích thích lớn hơn so với một tình huống quen thuộc như việc bắt giữ trong Triều đại Khủng bố có thể được giả định tạo ra. Trong đám đông có nhiều bạn của Tallien, nhiều kẻ thù của kẻ bạo chúa, nhiều người chán ngấy khi nhìn thấy con hổ kéo nạn nhân sau nạn nhân vào hang của nó. Tiếng lầm than dữ dội được nghe thấy; ánh mắt dữ dội chĩa vào các quan chức khi họ bắt giữ tù nhân; và mặc dù họ chưa dám mở cửa đối đầu, những người ở phía sau đẩy mạnh những người ở phía trước, và làm cản trở con đường của người bị giam cầm và người bắt giữ. Chàng trai trẻ đã cố gắng mạnh mẽ để trốn thoát, và, bằng một nỗ lực mãnh liệt, cuối cùng đã cố gắng thoát khỏi vòng tay. Đám đông mở đường, và đóng vòng tròn để bảo vệ anh, khi anh lao vào và xâm nhập qua hàng người của họ; nhưng đột nhiên tiếng đạp của ngựa vang lên gần,—kẻ dã man Henriot và đội quân của anh ta đang lao vào đám đông. Đám đông giật mình, và tù nhân lại bị một trong những phe phái của Kẻ Độc Tài bắt lại. Lúc đó, một giọng nói thì thầm với tù nhân, "Anh có một lá thư, nếu bị phát hiện trên anh, sẽ phá hủy hy vọng cuối cùng của anh. Đưa nó cho tôi! Tôi sẽ đưa nó đến cho Tallien." Tù nhân quay người trong sự kinh ngạc, đọc điều gì đó khích lệ anh ta trong ánh mắt của người lạ đã đối diện anh ta như vậy. Đội quân bây giờ đã ở trên chỗ; người Jacobin đã bắt giữ tù nhân thả anh ta ra trong một thoáng để tránh những bước chân của ngựa: trong khoảnh khắc đó, cơ hội đã được tìm thấy, —người lạ đã biến mất.

At the house of Tallien the principal foes of the tyrant were assembled. Common danger made common fellowship. All factions laid aside their feuds for the hour to unite against the formidable man who was marching over all factions to his gory throne. There was bold Lecointre, the declared enemy; there,

creeping Barrere, who would reconcile all extremes, the hero of the cowards

“Her trial will give proof against you,” said the stranger. “Her death is the herald of your own. Fear not the populace,—the populace would have rescued your servant. Fear not Robespierre,—he gives himself to your hands. To-morrow he comes to the Convention,—to-morrow you must cast the last throw for his head or your own.”

“Cuộc thử thách của cô ấy sẽ là bằng chứng chống lại anh,” người lạ nói. “Sự chết của cô ấy là tiên báo cho cái chết của anh. Đừng sợ dân chúng,—dân chúng đã sẽ giải cứu người hầu của anh. Đừng sợ Robespierre,—anh ta đang đưa mình vào tay anh. Ngày mai anh ta đến Quốc hội,—ngày mai anh phải đặt cược cuối cùng cho cái đầu của anh hoặc của anh ta.”

“To-morrow he comes to the Convention! And who are you that know so well what is concealed from me?”

“Ngày mai anh ta đến Quốc hội! Và anh là ai mà biết rõ điều gì bị giấu khỏi tôi?”

“A man like you, who would save the woman he loves.”

“Một người như anh, người sẽ cứu người phụ nữ mà anh yêu.”

Before Tallien could recover his surprise, the visitor was gone.

Trước khi Tallien có thể hồi phục từ sự ngạc nhiên, người khách đã biến mất.

Back went the Avenger to his conclave an altered man. “I have heard tidings,—no matter what,” he cried,—“that have changed my purpose. On the 10th we are destined to the guillotine. I revoke my counsel for delay. Robespierre comes to the Convention to-morrow; THERE we must confront and crush

him. From the Mountain shall frown against him the grim shade of Danton,—from the Plain shall rise, in their bloody cerements, the spectres of Vergniaud and Condorcet. Frappons!"

Kẻ Báo Thù quay lại hội nghị của mình với một người đã thay đổi. "Tôi đã nghe tin tức,—không quan trọng," anh la lên,—"đã thay đổi mục đích của tôi. Vào ngày 10 tháng 7 chúng ta được định đến guillotine. Tôi thu hồi lời khuyên của mình cho việc trì hoãn. Robespierre đến Quốc hội vào ngày mai; ĐÓ là nơi chúng ta phải đối mặt và đè nát anh ta. Từ Núi sẽ giận dữ với anh ta bóng dáng đáng sợ của Danton,—từ Đồng Bằng sẽ nổi lên, trong bộ quần áo máu, hình ảnh ma quỷ của Vergniaud và Condorcet. Frappons!"

"Frappons!" cried even Barrere, startled into energy by the new daring of his colleague,—"frappons! il n'y a que les morts qui ne reviennent pas."

"Frappons!" thậm chí cả Barrere, bất ngờ trước sự táo bạo mới của đồng nghiệp của mình la lên,—"frappons! chỉ có người chết không quay trở lại."

It was observable (and the fact may be found in one of the memoirs of the time) that, during that day and night (the 7th Thermidor), a stranger to all the previous events of that stormy time was seen in various parts of the city,—in the cafes, the clubs, the haunts of the various factions; that, to the astonishment and dismay of his hearers, he talked aloud of the crimes of Robespierre, and predicted his coming fall; and, as he spoke, he stirred up the hearts of men, he loosed the bonds of their fear,—he inflamed them with unwonted rage and daring. But what surprised them most was, that no voice replied, no hand was lifted against him, no minion, even of the tyrant, cried, "Arrest the traitor." In that impunity men read, as in a book, that the populace had deserted the man of blood.

Có thể quan sát được (và sự thật có thể được tìm thấy trong một trong những hồi ký của thời đại đó) rằng, trong ngày và đêm đó (ngày 7 Thermidor), một người lạ đối với tất cả các sự kiện trước đó của thời gian hỗn loạn đó được nhìn thấy ở các phần khác nhau của thành phố,—tại các quán cà phê, các câu lạc bộ, những nơi ẩn náu của các phe phái khác nhau; rằng, làm cho người nghe kinh ngạc và hoang mang, anh ta nói to về tội ác của Robespierre, và tiên đoán sự rơi xuống của anh ta; và, khi anh ta nói, anh ta kích thích trái tim của người đàn ông, anh ta tháo gỡ những ràng buộc của nỗi sợ hãi của họ,—anh ta làm cho họ bị kích động bởi sự tức giận và sự táo bạo không thường xuyên. Nhưng điều làm họ ngạc nhiên nhất là, không có giọng nói trả lời, không ai giơ tay chống lại anh ta, không ai, thậm chí của bạo chúa, hét lên, "Bắt giam kẻ phản bội." Trong sự miễn trừng đó, người đọc như trong một cuốn sách, rằng dân chúng đã bỏ rơi người đàn ông máu.

Once only a fierce, brawny Jacobin sprang up from the table at which he sat, drinking deep, and, approaching the stranger, said, "I seize thee, in the name of the Republic."

Chỉ một lần, một Jacobin hung dữ, mạnh mẽ nhảy lên từ bàn mà anh ta ngồi, uống say, và, tiếp cận người lạ, nói, "Tôi bắt giam ngươi, nhân danh của Cộng hòa."

"Citizen Aristides," answered the stranger, in a whisper, "go to the lodgings of Robespierre,—he is from home; and in the left pocket of the vest which he cast off not an hour since thou wilt find a paper; when thou hast read that, return. I will await thee; and if thou wouldst then seize me, I will go without a struggle. Look round on those lowering brows; touch me NOW, and thou wilt be torn to pieces."

"Công dân Aristides," người lạ trả lời, thì thầm, "đi đến nhà của Robespierre,—anh ấy không có ở nhà; và trong túi trái của chiếc áo gile mà anh ấy vứt bỏ không đến một giờ trước anh sẽ tìm

thấy một tờ giấy; khi anh đã đọc xong, quay trở lại. Tôi sẽ đợi anh; và nếu anh muốn bắt giam tôi sau đó, tôi sẽ đi mà không cần đấu tranh. Nhìn xung quanh những cái trán uể oải đó; chạm vào tôi NGAY, và anh sẽ bị xé thành từng mảnh."

The Jacobin felt as if compelled to obey against his will. He went forth muttering; he returned,—the stranger was still there. "Mille tonnerres," he said to him, "I thank thee; the poltroon had my name in his list for the guillotine."

Jacobin cảm thấy như bị ép buộc phải tuân theo mặc dù không muốn. Anh ta đi ra ngoài lẩm bẩm; anh trở lại,—người lạ vẫn ở đó. "Mille tonnerres," anh nói với anh ta, "Tôi cám ơn anh; kẻ hèn mạt đó có tên tôi trong danh sách của anh ta cho guillotine."

With that the Jacobin Aristides sprang upon the table and shouted, "Death to the Tyrant!"

Với điều đó, Jacobin Aristides nhảy lên bàn và hét lên, "Chết cho Kẻ Bạo Chúa!"

CHAPTER 7.XI. The next day, 8th Thermidor, Robespierre resolved to deliver his celebrated discourse. -Thiers, “Hist. de la Revolution.”

Ngày mai, ngày 8 Thermidor, Robespierre quyết định phát biểu diễn văn nổi tiếng của mình. -Thiers, “Hist. de la Revolution.”

The morning rose,—the 8th of Thermidor (July 26). Robespierre has gone to the Convention. He has gone with his laboured speech; he has gone with his phrases of philanthropy and virtue; he has gone to single out his prey. All his agents are prepared for his reception; the fierce St. Just has arrived from the armies to second his courage and inflame his wrath. His ominous apparition prepares the audience for the crisis. “Citizens!” screeched the shrill voice of Robespierre “others have placed before you flattering pictures; I come to announce to you useful truths.

Buổi sáng đã lên,—ngày 8 Thermidor (26 tháng 7). Robespierre đã đi đến Nghị viện. Anh đã đi với bài phát biểu mình chuẩn bị kỹ lưỡng; anh đã đi với những cụm từ về lòng từ bi và đức độ; anh đã đi để chọn ra con mồi của mình. Tất cả các đặc vụ của anh đã sẵn sàng đón tiếp anh; người dữ dội St. Just đã đến từ quân đội để hỗ trợ dũng khí của anh và làm bốc cháy cơn giận của anh. Sự xuất hiện báo điềm của anh chuẩn bị tâm trí của khán giả cho cuộc khủng hoảng. "Công dân!" tiếng kêu to của Robespierre vang lên "người khác đã đặt trước mặt các ông những bức tranh nịnh hót; tôi đến thông báo cho các ông những sự thật hữu ích.

“And they attribute to me,—to me alone!—whatever of harsh or evil is committed: it is Robespierre who wishes it; it is Robespierre who ordains it. Is there a new tax?—it is Robespierre who ruins you. They call me tyrant!—and why? Because I have acquired some influence; but how?—in speaking

truth; and who pretends that truth is to be without force in the mouths of the Representatives of the French people? Doubtless, truth has its power, its rage, its despotism, its accents, touching, terrible, which resound in the pure heart as in the guilty conscience; and which Falsehood can no more imitate than Salmoneus could forge the thunderbolts of Heaven. What am I whom they accuse? A slave of liberty,—a living martyr of the Republic; the victim as the enemy of crime! All ruffianism affronts me, and actions legitimate in others are crimes in me. It is enough to know me to be calumniated. It is in my very zeal that they discover my guilt. Take from me my conscience, and I should be the most miserable of men!"

"Và họ đổ lỗi cho tôi,—chỉ mình tôi thôi!—bất kỳ việc gì khắc nghiệt hay xấu xa được thực hiện: đó là Robespierre muốn; đó là Robespierre ra lệnh. Có một thuế mới không?—đó là Robespierre làm hại các ông. Họ gọi tôi là bạo chúa!—và tại sao? Bởi vì tôi đã có một chút ảnh hưởng; nhưng làm thế nào?—bằng cách nói sự thật; và ai lại giả vờ rằng sự thật không có sức mạnh trong miệng của các Đại biểu của dân Pháp? Chắc chắn, sự thật có sức mạnh của nó, cơn giận của nó, chế độ bạo tàn của nó, những ngôn từ của nó, cảm động, đáng sợ, vang vọng trong trái tim trong sạch cũng như trong lương tâm tội lỗi; và sự Dối Trá không thể giả mạo được nữa như Salmoneus không thể làm giả được những tia chớp của Thiên Đàng. Tôi là ai mà họ buộc tội? Một tù nhân của tự do,—một tấm hiến tế sống của Cộng hòa; nạn nhân như kẻ thù của tội ác! Mọi sự côn đồ làm xúc phạm tôi, và những hành động hợp lệ ở người khác lại là tội ác ở tôi. Đủ để biết tôi đã bị vu oan. Chính trong lòng nhiệt thành của tôi mà họ phát hiện ra tội của tôi. Lấy đi từ tôi lương tâm, tôi sẽ trở thành người đàn ông đáng thương nhất!"

He paused; and Couthon wiped his eyes, and St. Just murmured applause as with stern looks he gazed on the rebellious Mountain; and there was a dead, mournful, and chilling silence through the audience. The touching sentiment woke no echo.

Anh dừng lại; và Couthon lau nước mắt, và St. Just lẩm bẩm hoan nghênh khi anh nhìn chằm chằm vào núi đội lập; và một sự yên bình, buồn bã, và lạnh lẽo lan tỏa khắp khán giả. Cảm xúc đầy xúc động không gây ra bất kỳ vết tiếng đáp lại nào.

The orator cast his eyes around. Ho! he will soon arouse that apathy. He proceeds, he praises, he pities himself no more. He denounces,—he accuses. Overflooded with his venom, he vomits it forth on all. At home, abroad, finances, war,—on all! Shriller and sharper rose his voice,—"A conspiracy exists against the public liberty. It owes its strength to a criminal coalition in the very bosom of the Convention; it has accomplices in the bosom of the Committee of Public Safety...What is the remedy to this evil? To punish the traitors; to purify this committee; to crush all factions by the weight of the National Authority; to raise upon their ruins the power of Liberty and Justice. Such are the principles of that Reform. Must I be ambitious to profess them?—then the principles are proscribed, and Tyranny reigns amongst us! For what can you object to a man who is in the right, and has at least this knowledge,—he knows how to die for his native land! I am made to combat crime, and not to govern it. The time, alas! is not yet arrived when men of worth can serve with impunity their country. So long as the knaves rule, the defenders of liberty will be only the proscribed."

Diễn giả liếc mắt quanh. Ôi! anh sẽ sớm đánh thức sự lãnh đạm ấy. Anh tiếp tục, anh khen ngợi, anh không còn thương xót bản thân mình nữa. Anh lên án,—anh buộc tội. Bị tràn ngập bởi nọc độc của mình, anh ói ra nó trên tất cả. Ở nhà, ở nước ngoài, tài chính, chiến tranh,—trên tất cả! Tiếng anh ầm ầm và sắc bén hơn,—"Một âm mưu tồn tại chống lại tự do công cộng. Nó nợ sức mạnh của mình vào một liên minh tội phạm ngay trong lòng của Nghị viện; nó có đồng phạm trong lòng của Ủy ban An toàn Công cộng...Phương thuốc gì cho cái ác này? Để trừng phạt kẻ phản bội; để thanh lọc ủy ban này; để đè nát tất cả các phe

phái bằng sức mạnh của Quyền Lực Quốc Gia; để nâng cao Quyền Lực và Công Lý trên đống đổ nát của họ. Đó là những nguyên tắc của Cuộc Cải Cách đó. Liệu tôi có phải tham vọng để thú nhận chúng?—thì những nguyên tắc đó bị trục xuất, và Bạo Chúa trị vì trong chúng ta! Vì cái gì các ông phản đối một người đúng và có ít nhất kiến thức này,—anh ấy biết cách hy sinh vì đất nước mình! Tôi được tạo ra để chiến đấu với tội ác, và không phải để cai trị nó. Thời điểm, ôi thôi! vẫn chưa đến khi những người đáng giá có thể phục vụ đất nước mình mà không bị trừng phạt. Miễn là những kẻ gian ác cai trị, những người bảo vệ tự do sẽ chỉ là những người bị quật khởi."

For two hours, through that cold and gloomy audience, shrilled the Death-speech. In silence it began, in silence closed. The enemies of the orator were afraid to express resentment; they knew not yet the exact balance of power. His partisans were afraid to approve; they knew not whom of their own friends and relations the accusations were designed to single forth. “Take care!” whispered each to each; “it is thou whom he threatens.” But silent though the audience, it was, at the first, wellnigh subdued. There was still about this terrible man the spell of an overmastering will. Always—though not what is called a great orator—resolute, and sovereign in the use of words; words seemed as things when uttered by one who with a nod moved the troops of Henriot, and influenced the judgment of Rene Dumas, grim President of the Tribunal. Lecointre of Versailles rose, and there was an anxious movement of attention; for Lecointre was one of the fiercest foes of the tyrant. What was the dismay of the Tallien faction; what the complacent smile of Couthon,—when Lecointre demanded only that the oration should be printed! All seemed paralyzed. At length Bourdon de l’Oise, whose name was doubly marked in the black list of the Dictator, stalked to the tribune, and moved the bold counter-resolution, that the speech should be referred to the two committees whom that very speech accused. Still no applause from the conspirators; they sat torpid as frozen men.

The shrinking Barrere, ever on the prudent side, looked round before he rose. He rises, and sides with Lecointre! Then Couthon seized the occasion, and from his seat (a privilege permitted only to the paralytic philanthropist) (M. Thiers in his History, volume iv. page 79, makes a curious blunder: he says, “Couthon s’elance a la tribune.” (Couthon darted towards the tribune.) Poor Couthon! whose half body was dead, and who was always wheeled in his chair into the Convention, and spoke sitting.), and with his melodious voice sought to convert the crisis into a triumph.

Trong hai giờ đồng hồ, thông qua đám đông lạnh ngắt và u ám đó, tiếng phát biểu tử thần vọng vang. Nó bắt đầu trong im lặng, kết thúc trong im lặng. Kẻ thù của diễn giả sợ biểu hiện sự phẫn nộ; họ vẫn chưa biết chính xác sức mạnh cân đối. Những người ủng hộ của anh sợ phê phán; họ vẫn chưa biết những người bạn và người thân của mình mà các cáo buộc được thiết kế để chỉ ra. "Cẩn thận!" từng người thì thầm với nhau; "đó là ông mà anh ta đe dọa." Nhưng dù khán giả im lặng, ban đầu, nó gần như bị khuất phục. Vẫn còn sức mạnh của một ý chí áp đảo xung quanh người đàn ông kinh khủng này. Luôn luôn—mặc dù không phải là một nhà diễn thuyết vĩ đại—quyết đoán, và chủ quan trong việc sử dụng từ ngữ; từ ngữ dường như như những vật khi được phát ra bởi một người đã với một cái gật đầu di chuyển đoàn quân của Henriot, và ảnh hưởng đến quyết định của Rene Dumas, Chủ tịch khó tính của Tòa án. Lecointre của Versailles đứng dậy, và có một sự chuyển động chú ý lo lắng; vì Lecointre là một trong những kẻ thù gay gắt nhất của bạo chúa. Sự kinh ngạc của phe Tallien là gì; nụ cười tự mãn của Couthon, —khi Lecointre chỉ đòi rằng bài diễn văn nên được in! Tất cả dường như bị tê liệt. Cuối cùng, Bourdon de l'Oise, người tên đôi lần được đánh dấu trong danh sách đen của Độc tài, bước đến bục phát biểu, và đề xuất nghị quyết mạnh mẽ, rằng bài phát biểu nên được giới thiệu cho hai ủy ban mà bài diễn văn đó buộc tội. Vẫn không có tiếng hoan hô từ những kẻ âm mưu; họ ngồi tê liệt như những người đàn ông đóng băng. Barrere sợ hãi, luôn ở

phía cẩn trọng, nhìn xung quanh trước khi đứng dậy. Anh đứng dậy, và ủng hộ Lecointre! Sau đó Couthon nắm lấy cơ hội, và từ chỗ ngồi của mình (một đặc quyền chỉ được cho nhà nhân đạo bị tê liệt) (M. Thiers trong lịch sử của mình, tập iv. trang 79, mắc một sai lầm thú vị: anh ấy nói, "Couthon s'elance a la tribune." (Couthon lao về bục phát biểu.) Poor Couthon! người một nửa cơ thể đã chết, và luôn bị đẩy vào Nghị viện trong chiếc ghế của mình, và nói ngồi.), và với giọng hát êm đềm của mình cố gắng biến cuộc khủng hoảng thành một chiến thắng.

The motion is carried. All men foresee in that defeat the Dictator’s downfall. A solitary cry rose from the galleries; it was caught up; it circled through the hall, the audience: “A bas le tyrant! Vive la republique!” (Down with the tyrant! Hurrah for the republic!)

Dự luật được thông qua. Tất cả mọi người đều dự báo trong thất bại đó sự suy đồi của Độc Tài. Một tiếng kêu đơn độc vang lên từ các khán đài; nó đã bị nắm bắt; nó quay vòng qua hành lang, khán giả: "A bas le tyran! Vive la republique!" (Đánh bại kẻ bạo chúa! Hòa bình cho cộng hòa!)

CHAPTER 7.XII. Aupres d’un corps aussi avili que la Convention, il restait des chances pour que Robespierre sortit vainqueur de cette lutte. Lacretelle, volume xii. (Amongst a body so debased as the Convention, there still remained some chances that Robespierre would come off victor in the struggle.)

CHƯƠNG 7.XII. Gần một cơ thể bị hủy hoại như Quốc Hội, vẫn còn một số cơ hội để Robespierre trỗi dậy như người chiến thắng trong cuộc đấu này. Lacretelle, tập xii.

As Robespierre left the hall, there was a dead and ominous silence in the crowd without. The herd, in every country, side with success; and the rats run from the falling tower. But Robespierre, who wanted courage, never wanted pride, and the

last often supplied the place of the first; thoughtfully, and with an impenetrable brow, he passed through the throng, leaning on St. Just, Payan and his brother following him.

Khi Robespierre rời khỏi hội trường, có một sự yên lặng và đáng sợ trong đám đông bên ngoài. Bầy đàn, ở mỗi quốc gia, đều ủng hộ sự thành công; và những con chuột chạy trốn khỏi tháp đang sụp đổ. Nhưng Robespierre, người thiếu can đảm, không bao giờ thiếu kiêu hãnh, và điều cuối cùng thường thay thế cho điều đầu tiên; suy tư, với một cái trán không thể xâm nhập, anh đi qua đám đông, dựa vào St. Just, Payan và anh trai theo sau anh.

As they got into the open space, Robespierre abruptly broke the silence. “How many heads were to fall upon the tenth?” “Eighty,” replied Payan. “Ah, we must not tarry so long; a day may lose an empire: terrorism must serve us yet!”

Khi họ đi vào không gian mở, Robespierre đột ngột phá vỡ sự im lặng. “Có bao nhiêu đầu sẽ rơi vào ngày mười?” “Tám mươi,” Payan trả lời. “Ồ, chúng ta không được trì hoãn lâu như vậy; một ngày có thể mất một đế chế: khủng bố vẫn phải phục vụ chúng ta!”

He was silent a few moments, and his eyes roved suspiciously through the street. “St. Just,” he said abruptly, “they have not found this Englishman whose revelations, or whose trial, would have crushed the Amars and the Talliens. No, no! my Jacobins themselves are growing dull and blind. But they have seized a woman,—only a woman!”

Anh im lặng vài phút, và ánh mắt nghi ngờ của anh lang thang qua đường phố. "St. Just," anh nói đột ngột, "họ chưa tìm thấy người Anh này mà những sự tiết lộ, hoặc phiên tòa của người đó, đã làm vỡ vụn Amars và Talliens. Không, không! chính các Jacobin của tôi cũng đang trở nên chậm chạp và mù quáng.

Nhưng họ đã bắt một người phụ nữ,—chỉ một người phụ nữ thôi!"

A shout was heard in the distance behind, “Vive la republique!” The tyrant’s eye shot a vindictive gleam. “The republic!—faugh! We did not destroy the throne of a thousand years for that canaille!”

Một tiếng reo hò vang lên ở phía sau xa, "Vive la republique!" Ánh mắt độc tài bắn ra một tia sáng đầy ác ý. "Cộng hòa!—xuống! Chúng ta không phá hủy ngai vương ngàn năm để cho bọn lưu manh đó!"

THE TRIAL, THE EXECUTION, OF THE VICTIMS IS ADVANCED A DAY! By the aid of the mysterious intelligence that had guided and animated him hitherto, Zanoni learned that his arts had been in vain. He knew that Viola was safe, if she could but survive an hour the life of the tyrant. He knew that Robespierre’s hours were numbered; that the 10th of Thermidor, on which he had originally designed the execution of his last victims, would see himself at the scaffold. Zanoni had toiled, had schemed for the fall of the Butcher and his reign. To what end? A single word from the tyrant had baffled the result of all. The execution of Viola is advanced a day. Vain seer, who wouldst make thyself the instrument of the Eternal, the very dangers that now beset the tyrant but expedite the doom of his victims! To-morrow, eighty heads, and hers whose pillow has been thy heart! To-morrow! and Maximilien is safe to-night!

BUỔI XÉT XỬ, HÀNH QUYẾT, CỦA NHỮNG NẠN NHÂN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH SỚM MỘT NGÀY! Bằng sự giúp đỡ của trí tuệ bí ẩn đã hướng dẫn và truyền cảm hứng cho anh cho đến nay, Zanoni biết rằng những bí thuật của mình đã là vô ích. Anh biết rằng Viola an toàn, nếu cô ấy có thể sống sót một giờ cuộc sống của kẻ bạo chúa. Anh biết rằng giờ phút của Robespierre đã được đếm; rằng ngày 10 Tháng Bảy, ngày mà anh ban đầu đã thiết kế

để hành quyết những nạn nhân cuối cùng của mình, sẽ thấy anh ấy trên nóc treo cổ. Zanoni đã lao động, đã âm mưu để làm sụp đổ Kẻ Sát Nhân và triều đại của anh. Để làm gì? Một từ duy nhất từ kẻ bạo chúa đã làm trở ngại cho kết quả của tất cả. Hành quyết của Viola được điều chỉnh sớm một ngày. Nhà tiên tri vô ích, người muốn trở thành công cụ của Vĩnh Hằng, những nguy hiểm chính bây giờ đang đe dọa kẻ bạo chúa nhưng chỉ làm nhanh hơn số phận của nạn nhân của anh! Ngày mai, tám mươi đầu, và người mà gối đầu trên trái tim của anh! Ngày mai! và Maximilien an toàn đêm nay!

CHAPTER 7.XIII. Erde mag zuruck in Erde stauben; Fliegt der Geist doch aus dem morschen Haus. Seine Asche mag der Sturmwind treiben, Sein Leben dauert ewig aus! Elegie. (Earth may crumble back into earth; the Spirit will still escape from its frail tenement. The wind of the storm may scatter his ashes; his being endures forever.)

CHƯƠNG 7.XIII. Đất có thể trở về thành bụi đất; Tinh thần vẫn sẽ thoát ra khỏi ngôi nhà yếu đuối của nó. Gió bão có thể phân tán tro của anh ta; Sự sống của anh ta tồn tại mãi mãi!

To-morrow!—and it is already twilight. One after one, the gentle stars come smiling through the heaven. The Seine, in its slow waters, yet trembles with the last kiss of the rosy day; and still in the blue sky gleams the spire of Notre Dame; and still in the blue sky looms the guillotine by the Barriere du Trone. Turn to that time-worn building, once the church and the convent of the Freres-Precheurs, known by the then holy name of Jacobins; there the new Jacobins hold their club. There, in that oblong hall, once the library of the peaceful monks, assemble the idolaters of St. Robespierre. Two immense tribunes, raised at either end, contain the lees and dregs of the atrocious populace, —the majority of that audience consisting of the furies of the guillotine (furies de guillotine). In the midst of the hall are the bureau and chair of the president,—the chair long preserved by

the piety of the monks as the relic of St. Thomas Aquinas! Above this seat scowls the harsh bust of Brutus. An iron lamp and two branches scatter over the vast room a murky, fuliginous ray, beneath the light of which the fierce faces of that Pandemonium seem more grim and haggard. There, from the orator's tribune, shrieks the shrill wrath of Robespierre!

Ngày mai!—và giờ đã là hoàng hôn. Một sau một, những vì sao dịu dàng tỏa nụ cười qua bầu trời. Sông Seine, trong nước chảy chậm của nó, vẫn rung lên với nụ hôn cuối cùng của ngày hồng; và vẫn trên bầu trời xanh lấp lánh đỉnh tháp của Nhà thờ Đức Bà; và vẫn trên bầu trời xanh lấp lánh đèn giam bằng Barriere du Trone. Nhìn vào tòa nhà cổ kính ấy, trước đây là nhà thờ và tu viện của các Freres-Precheurs, được biết đến bởi cái tên thánh thiêng Jacobins; ở đó các Jacobins mới tổ chức câu lạc bộ của họ. Ở đó, trong hội trường hình chữ nhật ấy, trước đây là thư viện của các thầy tu yên bình, tụ họp những người sùng bái St. Robespierre. Hai bục phát biểu to lớn, nâng ở mỗi đầu, chứa đựng những cặn và bã của bọn thú dữ,—đa số của khán giả đó bao gồm các con ác ma của cái đèn giam (furies de guillotine). Giữa hội trường là bàn và ghế của chủ tịch,—chiếc ghế được các thầy tu bảo tồn lâu dài như di vật của Thánh Thomas Aquinas! Phía trên chiếc ghế này làm gióng giữa của Brutus. Một chiếc đèn sắt và hai nhánh phân tán trên căn phòng rộng lớn một tia sáng mờ ảo, dưới ánh sáng của đó, những khuôn mặt hung ác của cái Địa Ngục đó dường như trở nên nghiêm túc và xám xịt hơn. Ở đó, từ bục phát biểu của diễn thuyết gia, vang lên tiếng giận dữ rít của Robespierre!

Meanwhile all is chaos, disorder, half daring and half cowardice, in the Committee of his foes. Rumours fly from street to street, from haunt to haunt, from house to house. The swallows flit low, and the cattle group together before the storm. And above this roar of the lives and things of the little hour, alone in his chamber stood he on whose starry youth—symbol of the

imperishable bloom of the calm Ideal amidst the mouldering Actual—the clouds of ages had rolled in vain.

Trong khi đó, mọi thứ đều hỗn loạn, lộn xộn, nửa dũng cảm và nửa hèn nhát, trong Ủy ban của kẻ thù của anh. Tin đồn bay từ phố này đến phố khác, từ nơi này đến nơi khác, từ nhà này đến nhà khác. Những con chim én bay thấp, và đàn gia súc tụ tập lại trước cơn bão. Và trên tiếng ồn ào của cuộc sống và những thứ của giờ phút bé nhỏ đó, một mình trong phòng của anh đứng anh ấy, người trẻ tuổi lấp lánh—biểu tượng của sự tươi sáng không thể hủy hoại của Lý Tưởng bình yên giữa Thực Tế thối rữa—những đám mây của thời đại đã lăn qua vô ích.

All those exertions which ordinary wit and courage could suggest had been tried in vain. All such exertions WERE in vain, where, in that Saturnalia of death, a life was the object. Nothing but the fall of Robespierre could have saved his victims; now, too late, that fall would only serve to avenge.

Tất cả những nỗ lực mà trí tuệ và can đảm bình thường có thể gợi ý đã được thử mà không có kết quả. Tất cả những nỗ lực ĐÓ là vô ích, nơi mà, trong cái lễ hội của cái chết đó, một cuộc sống là đối tượng. Chỉ có sự sụp đổ của Robespierre mới có thể cứu sống những nạn nhân của anh; bây giờ, quá muộn, sự sụp đổ đó chỉ dùng để trả thù.

Once more, in that last agony of excitement and despair, the seer had plunged into solitude, to invoke again the aid or counsel of those mysterious intermediates between earth and heaven who had renounced the intercourse of the spirit when subjected to the common bondage of the mortal. In the intense desire and anguish of his heart, perhaps, lay a power not yet called forth; for who has not felt that the sharpness of

And the invocation was heard,—the bondage of sense was rent away from the visual mind. He looked, and saw,—no, not the

being he had called, with its limbs of light and unutterably tranquil smile—not his familiar, Adon-Ai, the Son of Glory and the Star, but the Evil Omen, the dark Chimera, the implacable Foe, with exultation and malice burning in its hell-lit eyes. The Spectre, no longer cowering and retreating into shadow, rose before him, gigantic and erect; the face, whose veil no mortal hand had ever raised, was still concealed, but the form was more distinct, corporeal, and cast from it, as an atmosphere, horror and rage and awe. As an iceberg, the breath of that presence froze the air; as a cloud, it filled the chamber and blackened the stars from heaven.

Và lời kêu gọi đã được nghe,—sự ràng buộc của giác quan đã bị xé ra khỏi tâm trí trực quan. Anh nhìn và thấy,—không phải là linh hồn mà anh đã gọi, với những cánh ánh sáng và nụ cười bình an không thể diễn tả—không phải là người quen thuộc của anh, Adon-Ai, Con của Vinh Quang và ngôi Sao, mà là Omen Ác, Chimera đen, Kẻ Thù không thể khoan nhượng, với sự hân hoan và ác ý đốt cháy trong đôi mắt sáng lòa của nó. Hình ảnh, không còn rút lui và lẩn trốn vào bóng tối, đứng trước mặt anh, khổng lồ và thẳng đứng; khuôn mặt, chiếc màn mà không bàn tay nào từng khơi lên, vẫn được giấu kín, nhưng hình thể lại rõ ràng hơn, vật chất hơn, và phát ra từ đó, như một bầu không khí, nỗi kinh hoàng, sự tức giận và nể phục. Như một tảng băng, hơi thở của tình báo đóng băng không khí; như một đám mây, nó lấp đầy căn phòng và làm đen các vì sao từ trời.

“Lo!” said its voice, “I am here once more. Thou hast robbed me of a meaner prey. Now exorcise THYSELF from my power! Thy life has left thee, to live in the heart of a daughter of the charnel and the worm. In that life I come to thee with my inexorable tread. Thou art returned to the Threshold,—thou, whose steps have trodden the verges of the Infinite! And as the goblin of its fantasy seizes on a child in the dark,—mighty one, who wouldst conquer Death,—I seize on thee!”

“Lo!” nói giọng nó, “Tôi đây một lần nữa. Ngươi đã cướp đi một con mồi thấp hèn của tôi. Bây giờ, đuổi bản thân NGƯỜI ra khỏi quyền lực của tôi! Cuộc sống của NGƯỜI đã bỏ lại, để sống trong trái tim của một người con gái của mộ và con giun. Trong cuộc sống đó, tôi đến với NGƯỜI với bước chân không thể tha thứ của tôi. NGƯỜI đã trở lại Ngưỡng Cửa,—ngươi, những bước chân đã dẫn đến biên giới của Vô Tận! Và như cô bé trong ảo tưởng của nó bắt lấy một đứa trẻ trong bóng tối,—người mạnh mẽ, người muốn chinh phục Chết,—tôi bắt lấy ngươi!”

“Back to thy thraldom, slave! If thou art come to the voice that called thee not, it is again not to command, but to obey! Thou, from whose whisper I gained the boons of the lives lovelier and dearer than my own; thou—I command thee, not by spell and charm, but by the force of a soul mightier than the malice of thy being,—thou serve me yet, and speak again the secret that can rescue the lives thou hast, by permission of the Universal Master, permitted me to retain awhile in the temple of the clay!”

“Quay trở lại thời hầu hạ, tôi hầu! Nếu ngươi đã đến với tiếng kêu gọi mà không phải ngươi, thì lại không phải để chỉ huy, mà để tuân thủ! Ngươi, từ tiếng thì thầm của ngươi, tôi đã nhận được những phước lành của những cuộc sống đẹp hơn và quý giá hơn của riêng tôi; ngươi—tôi ra lệnh ngươi, không bằng phép thuật và lời nguyền, mà bằng sức mạnh của một tâm hồn mạnh mẽ hơn sự hận thù của tồn tại của ngươi,—ngươi phục vụ tôi, và nói lại bí mật có thể cứu sống những cuộc sống mà ngươi đã, theo sự cho phép của Chúa Toàn Thể, cho phép tôi giữ lại một thời gian trong đền của đất sét!”

Brighter and more devouringly burned the glare from those lurid eyes; more visible and colossal yet rose the dilating shape; a yet fiercer and more disdainful hate spoke in the voice that answered, “Didst thou think that my boon would be other than thy curse? Happy for thee hadst thou mourned over the deaths which come by the gentle hand of Nature,—hadst thou never

known how the name of mother consecrates the face of Beauty, and never, bending over thy first-born, felt the imperishable sweetness of a father's love! They are saved, for what?—the mother, for the death of violence and shame and blood, for the doomsman's hand to put aside that shining hair which has entangled thy bridegroom kisses; the child, first and last of thine offspring, in whom thou didst hope to found a race that should hear with thee the music of celestial harps, and float, by the side of thy familiar, Adon-Ai, through the azure rivers of joy,—the child, to live on a few days as a fungus in a burial-vault, a thing of the loathsome dungeon, dying of cruelty and neglect and famine. Ha! ha! thou who wouldst baffle Death, learn how the deathless die if they dare to love the mortal. Now, Chaldean, behold my boons! Now I seize and wrap thee with the pestilence of my presence; now, evermore, till thy long race is run, mine eyes shall glow into thy brain, and mine arms shall clasp thee, when thou wouldst take the wings of the Morning and flee from the embrace of Night!"

Ánh sáng từ những đôi mắt đỏ lửa ấy cháy sáng hơn và dữ dội hơn; hình dạng mở rộng lại trở nên rõ ràng và khổng lồ hơn; một sự hận thù cay nghiệt và khinh thường hơn vẫn được thể hiện trong giọng nói trả lời, "Ngươi đã từng nghĩ rằng phước lành của tôi sẽ không phải là lời nguyền của ngươi à? May mắn cho ngươi nếu ngươi đã than khóc vì cái chết đến bằng tay nhẹ nhàng của Tự Nhiên,—nếu ngươi chưa từng biết cách tên mẹ thánh hóa gương mặt của Vẻ Đẹp, và chưa từng, cúi xuống trước đứa con đầu lòng của ngươi, cảm nhận được vẻ ngọt ngào bất diệt của tình yêu cha! Chúng đã được cứu, vì điều gì?—mẹ, vì cái chết của bạo lực và sỉ nhục và máu, vì tay của thần chết đặt sang một bên mái tóc sáng bóng mà đã vướng vào những nụ hôn của chú rể của ngươi; đứa con, đầu và cuối cùng của con cháu ngươi, người mà ngươi đã hy vọng sẽ thành lập một dòng tộc mà sẽ nghe cùng với ngươi âm nhạc của những cây đàn thiên thần, và lướt, bên cạnh người quen thuộc của ngươi, Adon-Ai, qua những dòng sông xanh ngắt của niềm vui,—đứa con, sống vài

ngày như một loại nấm trong một mộ, một thứ của hầm ngục đáng ghê tởm, chết vì tàn bạo và sự lơ lửng và nạn đói. Ha! ha! ngươi người muốn đánh bại Chết, học cách những kẻ bất tử chết nếu họ dám yêu người phàm. Bây giờ, người Calde, nhìn xem phước lành của tôi! Bây giờ tôi bắt và bọc ngươi bằng dịch bệnh của tình báo của tôi; bây giờ, mãi mãi, cho đến khi dòng dõi dài của ngươi kết thúc, đôi mắt của tôi sẽ phát sáng vào não ngươi, và đôi tay của tôi sẽ ôm ngươi, khi ngươi muốn lấy cánh của Buổi Sáng và chạy trốn khỏi sự ôm ấp của Đêm!"

"I tell thee, no! And again I compel thee, speak and answer to the lord who can command his slave. I know, though my lore fails me, and the reeds on which I leaned pierce my side,—I know yet that it is written that the life of which I question can be saved from the headsman. Thou wrappest her future in the darkness of thy shadow, but thou canst not shape it. Thou mayest foreshow the antidote; thou canst not effect the bane. From thee I wring the secret, though it torture thee to name it. I approach thee,—I look dauntless into thine eyes. The soul that loves can dare all things. Shadow, I defy thee, and compel!"

"Tôi nói với ngươi, không! Và một lần nữa tôi buộc ngươi, nói và trả lời với chúa tể có thể ra lệnh cho tôi. Tôi biết, mặc dù kiến thức của tôi thất bại, và những cây sậy mà tôi dựa vào đâm vào bên hông tôi,—tôi vẫn biết rằng đã được viết rằng cuộc sống mà tôi đặt câu hỏi có thể được cứu khỏi bàn đầu. Ngươi bọc lấy tương lai của cô ấy trong bóng tối của bóng của ngươi, nhưng ngươi không thể tạo hình nó. Ngươi có thể dự đoán thuốc trừ; nhưng ngươi không thể tạo ra hại. Từ ngươi, tôi vắt lấy bí mật, mặc dù nó làm ngươi đau đớn khi phải nói ra. Tôi tiến lại gần ngươi,—tôi nhìn mắt ngươi một cách dũng cảm. Tâm hồn yêu thương có thể dám mọi điều. Bóng, tôi thách thức ngươi, và bắt buộc!"

The spectre waned and recoiled. Like a vapour that lessens as the sun pierces and pervades it, the form shrank cowering and

dwarfed in the dimmer distance, and through the casement again rushed the stars.

Hình ảnh phai nhạt và rút lui. Giống như một hơi nước nhỏ dần khi mặt trời xuyên qua và thấm nhuần nó, hình dạng co lại và lùn hơn trong khoảng cách tối tăm hơn, và lại qua cửa sổ, những ngôi sao lại lao vào.

“Thou art right,” said the melodious Voice. “Thy courage has restored thy power. Once more, in the haunts of earth, thy soul charms me to thy side. Wiser now, in the moment when thou comprehendest Death, than when thy unfettered spirit learned the solemn mystery of Life; the human affections that thralled and humbled thee awhile bring to thee, in these last hours of thy mortality, the sublimest heritage of thy race,—the eternity that commences from the grave.”

“Ngươi đúng,” nói Giọng hòa âm. “Sự can đảm của ngươi đã phục hồi sức mạnh của ngươi. Một lần nữa, trong những nơi trần gian, tâm hồn của ngươi quyến rũ tôi đến bên ngươi. Giờ đây, trong khoảnh khắc ngươi hiểu Chết, ngươi khôn ngoan hơn, hơn là khi tâm hồn không bị ràng buộc của ngươi học được bí ẩn trang trọng của Cuộc sống; những tình cảm con người mà đã thâu tóm và làm người ngươi một thời mang đến cho ngươi, trong những giờ cuối cùng của sự tử của ngươi, di sản cao quý nhất của dòng họ ngươi,—vĩnh xuân bắt đầu từ mộ.”

“O Adon-Ai,” said the Chaldean, as, circumfused in the splendour of the visitant, a glory more radiant than human beauty settled round his form, and seemed already to belong to the eternity of which the Bright One spoke, “as men, before they die, see and comprehend the enigmas hidden from them before (The greatest poet, and one of the noblest thinkers, of the last age, said, on his deathbed, “Many things obscure to me before, now clear up, and become visible.”—See the ‘Life of Schiller.’), “so in this hour, when the sacrifice of self to another brings the

course of ages to its goal, I see the littleness of Life, compared to the majesty of Death; but oh, Divine Consoler, even here, even in thy presence, the affections that inspire me, sadden. To leave behind me in this bad world, unaided, unprotected, those for whom I die! the wife! the child!—oh, speak comfort to me in this!"

"Ô Adon-Ai," nói người Caldean, khi bao quanh trong ánh sáng của người thăm, một vẻ đẹp rạng ngời hơn cả vẻ đẹp con người bao quanh hình dáng của ông, và dường như đã thuộc về vĩnh hằng mà Người Sáng sẽi, "như con người, trước khi họ chết, thấy và hiểu những bí ẩn đã che giấu trước đó (Nhà thơ vĩ đại, và một trong những tư tưởng cao quý nhất, của thế kỷ trước, nói, trên giường bệnh của mình, "Nhiều điều mờ mịt trước đây đối với tôi, bây giờ sáng tỏ, và trở nên rõ ràng."—Xem 'Cuộc đời của Schiller.'), "vậy nên trong giờ này, khi hy sinh bản thân cho người khác đưa cuộc sống của các thời đại đến điểm cuối, tôi nhìn thấy sự nhỏ bé của Cuộc Sống, so với vĩ đại của Cái Chết; nhưng ôi, Ổn Tử, ngay cả ở đây, ngay cả trong sự hiện diện của Ngài, những tình cảm truyền cảm cho tôi, làm buồn rầu. Để lại sau lưng tôi trong thế giới xấu xa này, không có sự trợ giúp, bảo vệ, cho những người mà tôi hy sinh! người vợ! đứa con!—ôi, hãy nói lời an ủi cho tôi trong điều này!"

"And what," said the visitor, with a slight accent of reproof in the tone of celestial pity,—"what, with all thy wisdom and thy starry secrets, with all thy empire of the past, and thy visions of the future; what art thou to the All-Directing and Omniscient? Canst thou yet imagine that thy presence on earth can give to the hearts thou lovest the shelter which the humblest take from the wings of the Presence that lives in heaven? Fear not thou for their future. Whether thou live or die, their future is the care of the Most High! In the dungeon and on the scaffold looks everlasting the Eye of HIM, tenderer than thou to love, wiser than thou to guide, mightier than thou to save!"

“Và điều gì,” người thăm hỏi, với một dấu hiệu nhẹ nhàng của sự quở trách trong dòng âm thanh của lòng trắc ẩn,—“với tất cả sự khôn ngoan và bí mật sao của ngôi sao của ngươi, với tất cả đế chế của ngày xưa, và các tầm nhìn về tương lai của ngươi; ngươi là gì đối với Thượng Đế Toàn Năng và Toàn Thông? Liệu rằng ngươi có thể tưởng tượng rằng sự hiện diện của ngươi trên trái đất có thể mang lại cho những trái tim mà ngươi yêu thương sự che chở mà người khiêm tốn nhất nhận từ cánh của Sự Hiện Diện sống trong thiên đàng? Đừng sợ cho tương lai của họ. Dù ngươi sống hay chết, tương lai của họ là sự quan tâm của Thượng Đế! Trong nhà tù và trên giá đỗ, dường như mãi mãi Ánh Mắt của NGƯỜI, trìu mến hơn ngươi trong tình yêu, khôn ngoan hơn ngươi trong hướng dẫn, mạnh mẽ hơn ngươi trong cứu rỗi!”

Zanoni bowed his head; and when he looked up again, the last shadow had left his brow. The visitor was gone; but still the glory of his presence seemed to shine upon the spot, still the solitary air seemed to murmur with tremulous delight. And thus ever shall it be with those who have once, detaching themselves utterly from life, received the visit of the Angel FAITH. Solitude and space retain the splendour, and it settles like a halo round their graves.

Zanoni cúi đầu; và khi anh nhìn lên một lần nữa, bóng tối cuối cùng đã rời khỏi trán của anh. Người thăm đã ra đi; nhưng vẻ rạng ngời của sự hiện diện của người dường như vẫn chiếu sáng lên nơi đó, vẻ đẹp của không gian đơn cô vẫn dường như thì thầm với niềm vui rung động. Và như vậy sẽ luôn luôn với những người đã một lần, tách biệt hoàn toàn từ cuộc sống, nhận được sự thăm viếng của Thiên Thần TIN. Sự cô đơn và không gian giữ lại vẻ rạng ngời, và nó lắng đọng như một vòng sáng quanh mộ của họ.

CHAPTER 7.XIV. Dann zur Blumenflor der Sterne
Aufgeschauet liebewarm, Fass’ ihn freundlich Arm in Arm

Trag' ihn in die blaue Ferne. —Uhland, "An den Tod." Then towards the Garden of the Star Lift up thine aspect warm with love, And, friendlike link'd through space afar, Mount with him, arm in arm, above. —Uhland, "Poem to Death."

CHƯƠNG 7.XIV. Sau đó về Phong Lan của Ngôi Sao Đưa ánh nhìn ấm áp lên, Ôm chặt anh ấy bằng tay thân thiện Mang anh ấy vào bầu trời xanh xa. —Uhland, "Dành cho cái chết."

He stood upon the lofty balcony that overlooked the quiet city. Though afar, the fiercest passions of men were at work on the web of strife and doom, all that gave itself to his view was calm and still in the rays of the summer moon, for his soul was wrapped from man and man's narrow sphere, and only the serener glories of creation were present to the vision of the seer. There he stood, alone and thoughtful, to take the last farewell of the wondrous life that he had known.

Anh đứng trên ban công cao nhìn xuống thành phố yên bình. Mặc dù xa lạ, những cơn giận dữ mạnh nhất của con người đang làm việc trên mạng lưới tranh chấp và số phận, tất cả những gì hiện ra trước mắt anh đều yên bình và yên lặng trong ánh trăng mùa hè, vì linh hồn của anh đã được bọc kín khỏi con người và lĩnh vực hẹp hòi của con người, và chỉ những vẻ đẹp thanh tịnh của sự sáng tạo mới hiện diện trong tầm nhìn của người nhìn thấy. Anh đứng đó, một mình và suy tư, để nói lời tạm biệt cuối cùng đến cuộc sống kỳ diệu mà anh đã biết.

Coursing through the fields of space, he beheld the gossamer shapes, whose choral joys his spirit had so often shared. There, group upon group, they circled in the starry silence multiform in the unimaginable beauty of a being fed by ambrosial dews and serenest light. In his trance, all the universe stretched visible beyond; in the green valleys afar, he saw the dances of the fairies; in the bowels of the mountains, he beheld the race that breathe the lurid air of the volcanoes, and hide from the

light of heaven; on every leaf in the numberless forests, in every drop of the unmeasured seas, he surveyed its separate and swarming world; far up, in the farthest blue, he saw orb upon orb ripening into shape, and planets starting from the central fire, to run their day of ten thousand years. For everywhere in creation is the breath of the Creator, and in every spot where the breath breathes is life! And alone, in the distance, the lonely man beheld his Magian brother. There, at work with his numbers and his Cabala, amidst the wrecks of Rome, passionless and calm, sat in his cell the mystic Mejnour,—living on, living ever while the world lasts, indifferent whether his knowledge produces weal or woe; a mechanical agent of a more tender and a wiser will, that guides every spring to its inscrutable designs. Living on,—living ever,—as science that cares alone for knowledge, and halts not to consider how knowledge advances happiness; how Human Improvement, rushing through civilisation, crushes in its march all who cannot grapple to its wheels ("You colonise the lands of the savage with the Anglo-Saxon,—you civilise that portion of THE EARTH; but is the SAVAGE civilised? He is exterminated! You accumulate machinery,—you increase the total of wealth; but what becomes of the labour you displace? One generation is sacrificed to the next. You diffuse knowledge,—and the world seems to grow brighter; but Discontent at Poverty replaces Ignorance, happy with its crust. Every improvement, every advancement in civilisation, injures some, to benefit others, and either cherishes the want of to-day, or prepares the revolution of to-morrow."—Stephen Montague.); ever, with its Cabala and its number, lives on to change, in its bloodless movements, the face of the habitable world!

Chạy qua các cánh đồng của không gian, anh thấy những hình dạng mảnh vụn, những niềm vui hòa nhạc mà tinh thần của anh đã thường xuyên chia sẻ. Ở đó, từng nhóm từng nhóm, họ quay tròn trong sự yên lặng đầy sao cùng với vẻ đẹp không thể tưởng tượng của một sinh vật được nuôi bằng sương mai ngọt

ngào và ánh sáng trong sáng. Trong trạng thái mê mải, toàn bộ vũ trụ bung mở trước mắt; ở xa trong thung lũng xanh, anh thấy các vũ điệu của tiên nữ; trong ổ bụi của những ngọn núi, anh nhìn thấy chủng tộc hít hơi không khí bốc lên từ núi lửa, và trốn tránh ánh sáng từ trời cao; trên mỗi chiếc lá trong những khu rừng vô số, trong từng giọt nước biển không đo được, anh thăm dò thế giới riêng biệt và đầy đàn của nó; ở xa lên, trong bầu trời xa xôi nhất, anh thấy vòng tròn trên vòng tròn chuyển hình, và hành tinh bắt đầu từ ngọn lửa trung tâm, để chạy qua ngày của mười nghìn năm. Vì ở mọi nơi trong sự sáng tạo là hơi thở của Người Sáng Tạo, và ở mọi nơi mà hơi thở thở là sự sống! Và một mình, ở xa xôi, người đàn ông cô đơn nhìn thấy anh em phù thủy của mình. Ở đó, làm việc với các con số và Cabala của mình, giữa những tàn tích của Rome, không cảm xúc và bình tĩnh, ngồi trong tù của mình là phù thủy Mejnour,—sống, sống mãi mãi khi thế giới còn tồn tại, không quan tâm liệu kiến thức của mình có mang lại hạnh phúc hay tai họa; một công cụ cơ khí của một ý thức tốt hơn và khôn ngoan hơn, hướng dẫn mọi bước nhảy đến những kế hoạch không thể hiểu được của mình. Sống, sống mãi mãi,—như một khoa học chỉ quan tâm đến kiến thức, và không ngừng suy nghĩ về cách kiến thức tiến bộ mang lại hạnh phúc; cách Mênh lý Nhân Loại, lao vào văn minh, đè bẹp trong hành trình của mình tất cả những ai không thể nắm bắt vào bánh xe của nó; mỗi cải tiến, mỗi tiến triển trong văn minh, tổn thương một số người, để làm lợi ích cho người khác, và hoặc nuôi dưỡng nhu cầu của ngày hôm nay, hoặc chuẩn bị cho cuộc cách mạng của ngày mai."—Stephen Montague.); mãi mãi, với Cabala và số, sống để thay đổi, trong những cử động không máu, khuôn mặt của thế giới có thể sống được!

And, "Oh, farewell to life!" murmured the glorious dreamer. "Sweet, O life! hast thou been to me. How fathomless thy joys,—how rapturously has my soul bounded forth upon the upward paths! To him who forever renews

“Fare thee well forever upon this earth! Thy last companion forsakes thy side. Thine age survives the youth of all; and the Final Day shall find thee still the contemplator of our tombs. I go with my free will into the land of darkness; but new suns and systems blaze around us from the grave. I go where the souls of those for whom I resign the clay shall be my co-mates through eternal youth. At last I recognise the true ordeal and the real victory. Mejnour, cast down thy elixir; lay by thy load of years! Wherever the soul can wander, the Eternal Soul of all things protects it still!”

“Hãy chào tạm biệt mãi mãi trên trái đất này! Người bạn cuối cùng bỏ mặc bạn. Tuổi của bạn tồn tại sau tuổi trẻ của tất cả; và Ngày Cuối cùng sẽ thấy bạn vẫn là người suy tư về mộ của chúng ta. Tôi đi theo ý chí tự do của mình vào vùng đất tối tăm; nhưng mặt trời và hệ thống mới rực sáng xung quanh chúng ta từ trong mộ. Tôi đi đến nơi linh hồn của những người mà tôi từ bỏ cát sẽ là bạn đồng hành của tôi qua vĩnh xuân. Cuối cùng tôi nhận ra thử thách thật sự và chiến thắng thực sự. Mejnour, hãy đặt xuống tinh chất của mình; bỏ lại gánh nặng của năm tháng! Bất kỳ nơi linh hồn có thể lang thang, Linh Hồn Vĩnh Hằng của mọi thứ vẫn bảo vệ nó!”

CHAPTER 7.XV. Il ne veulent plus perdre un moment d’une nuit si precieuse. Lacretelle, tom. xii. (They would not lose another moment of so precious a night.) It was late that night, and Rene-Francois Dumas, President of the Revolutionary Tribunal, had re-entered his cabinet, on his return from the Jacobin Club. With him were two men who might be said to represent, the one the moral, the other the physical force of the Reign of Terror: Fouquier-Tinville, the Public Accuser, and Francois Henriot, the General of the Parisian National Guard. This formidable triumvirate were assembled to debate on the proceedings of the next day; and the three sister-witches over their hellish caldron were scarcely animated by a more fiend-like spirit, or engaged in more execrable designs, than these

three heroes of the Revolution in their premeditated massacre of the morrow.

CHƯƠNG 7.XV. Họ không muốn mất thêm một khoảnh khắc nào của một đêm quý giá như vậy. Lacretelle, tập xii. (Họ sẽ không mất thêm một khoảnh khắc nào của một đêm quý giá như vậy.) Đêm đã khá muộn, và Rene-Francois Dumas, Chủ tịch của Tòa án Cách mạng, đã trở lại phòng làm việc của mình, sau khi rời khỏi Hội Jacobin. Cùng với ông là hai người có thể nói là đại diện, một người đại diện cho sức mạnh đạo đức, người kia đại diện cho sức mạnh vật lý của Triều đại Kinh hoàng: Fouquier-Tinville, Người cáo trạng Công cộng, và Francois Henriot, Tướng của Quân dân Quốc gia Paris. Ba người đấu tranh khốc liệt để thảo luận về các hoạt động của ngày mai; và ba phù thủy chị em trên nồi hầm ma thuật của họ chỉ còn ít hồn ma hơn, hoặc tham gia vào những kế hoạch tàn ác hơn, so với ba anh hùng của Cách mạng trong cuộc thảm sát được lên kế hoạch trước đó.

Meanwhile Fouquier, when he had closed the door upon Henriot, said sharply, “How canst thou be so mad as to incense that brigand? Knowest thou not that our laws are nothing without the physical force of the National Guard, and that he is their leader?”

Trong khi đó, Fouquier, sau khi đã đóng cửa trước mặt Henriot, nói một cách sắc bén, "Làm sao anh có thể điên cuồng đến vậy để khiến kẻ cướp đó tức giận? Anh không biết rằng luật pháp của chúng ta không có ý nghĩa nếu thiếu sức mạnh vũ trang của Quân dân Phòng, và anh ta là người đứng đầu họ?"

“I know this, that Robespierre must have been mad to place that drunkard at their head; and mark my words, Fouquier, if the struggle come, it is that man’s incapacity and cowardice that will destroy us. Yes, thou mayst live thyself to accuse thy beloved Robespierre, and to perish in his fall.”

"Tôi biết điều này, Robespierre chắc chắn đã điên khi đặt kẻ say rượu đó vào vị trí đầu của họ; và hãy chú ý lời tôi, Fouquier, nếu cuộc đấu tranh đến, sự bất tài và hèn nhát của người đó sẽ làm chúng ta tiêu diệt. Đúng, anh có thể sống để buộc tội chính Robespierre yêu quý của anh, và chết cùng anh."

“For all that, we must keep well with Henriot till we can find the occasion to seize and behead him. To be safe, we must fawn on those who are still in power; and fawn the more, the more we would depose them. Do not think this Henriot, when he wakes to-morrow, will forget thy threats. He is the most revengeful of human beings. Thou must send and soothe him in the morning!”

"Dù vậy, chúng ta phải giữ quan hệ tốt với Henriot cho đến khi chúng ta có cơ hội để bắt giữ và đoạt mạng anh ta. Để an toàn, chúng ta phải nịnh bợ những người vẫn đang nắm quyền; và nịnh bợ càng nhiều, khi chúng ta muốn phế truất họ hơn. Đừng nghĩ rằng Henriot, khi anh ta tỉnh dậy vào ngày mai, sẽ quên đi lời đe dọa của anh. Anh ta là người tàn nhẫn nhất trong số những người.

“Right,” said Dumas, convinced. “I was too hasty; and now I think we have nothing further to do, since we have arranged to make short work with our fournee of to-morrow. I see in the list a knave I have long marked out, though his crime once procured me a legacy,—Nicot, the Hebertist.”

"Đúng," Dumas nói, tỏ ra thuyết phục. "Tôi đã quá vội và giờ tôi nghĩ chúng ta không cần phải làm gì thêm nữa, vì chúng ta đã sắp xếp để giải quyết vấn đề với nhóm người của chúng ta vào ngày mai. Tôi thấy trong danh sách có một kẻ mà tôi đã đánh dấu từ lâu, mặc dù tội lỗi của anh ta đã từng mang lại cho tôi một gia sản, - Nicot, người ủng hộ Hebert."

“And young Andre Chenier, the poet? Ah, I forgot; we be headed HIM to-day! Revolutionary virtue is at its acme. His own brother abandoned him.” (His brother is said, indeed, to have contributed to the condemnation of this virtuous and illustrious person. He was heard to cry aloud, “Si mon frere est coupable, qu’il perisse” (If my brother be culpable, let him die). This brother, Marie-Joseph, also a poet, and the author of “Charles IX.,” so celebrated in the earlier days of the Revolution, enjoyed, of course, according to the wonted justice of the world, a triumphant career, and was proclaimed in the Champ de Mars “le premier de poetes Francais,” a title due to his murdered brother.)

"Và Andre Chenier trẻ tuổi, nhà thơ? Ah, tôi quên mất; chúng ta đã đầu hàng anh ta ngày hôm nay! Đức tính cách mạng đang ở đỉnh cao nhất. Chính anh em ruột của anh đã từ bỏ anh." (Anh em của anh được cho là đã góp phần vào việc kết án người có đức tính cao quý và nổi tiếng này. Người em này, Marie-Joseph, cũng là một nhà thơ, và tác giả của "Charles IX.", người rất nổi tiếng trong những ngày đầu của Cách mạng, tất nhiên, theo truyền thống công bằng của thế giới, đã có một sự nghiệp thịnh vượng, và được tuyên dương tại Champ de Mars là "le premier de poetes Francais," một danh hiệu đáng được trao cho anh em bị giết của anh.)

“There is a foreigner,—an Italian woman in the list; but I can find no charge made out against her.”

"Có một người nước ngoài, - một phụ nữ Ý trong danh sách; nhưng tôi không thể tìm thấy bất kỳ cáo buộc nào đối với cô ấy."

“All the same we must execute her for the sake of the round number; eighty sounds better than seventy-nine!”

"Dù sao thì chúng ta vẫn phải thi hành án đối với cô ấy vì lý do của con số tròn; tám mươi người nghe có vẻ tốt hơn bảy mươi

chín!"

Here a huissier brought a paper on which was written the request of Henriot.

Ở đây, một huissier mang đến một tờ giấy trên đó được viết yêu cầu của Henriot.

“Ah! this is fortunate,” said Tinville, to whom Dumas chucked the scroll,—“grant the prayer by all means; so at least that it does not lessen our bead-roll. But I will do Henriot the justice to say that he never asks to let off, but to put on. Good-night! I am worn out—my escort waits below. Only on such an occasion would I venture forth in the streets at night.” (During the latter part of the Reign of Terror, Fouquier rarely stirred out at night, and never without an escort. In the Reign of Terror those most terrified were its kings.) And Fouquier, with a long yawn, quitted the room.

"Ah! Điều này thật may mắn," Tinville nói, người mà Dumas ném tấm giấy cho, - "chấp nhận lời cầu nguyện bằng mọi cách; ít nhất là nó không làm giảm danh sách của chúng ta. Nhưng tôi sẽ công bằng với Henriot rằng anh ta chưa bao giờ yêu cầu tha thứ, mà chỉ là để đeo thêm. Chúc ngủ ngon! Tôi đã mệt mỏi - đoàn trinh sát của tôi đang đợi dưới đó. Chỉ trong những dịp như vậy tôi mới dám đi ra đường vào ban đêm." (Trong giai đoạn cuối của Triều đại Khủng bố, Fouquier hiếm khi ra ngoài vào ban đêm, và không bao giờ thiếu trinh sát. Trong Triều đại Khủng bố, những người sợ hãi nhất là những kẻ thống trị của nó.) Và Fouquier, với một tiếng ngáp dài, rời phòng.

“Admit the bearer!” said Dumas, who, withered and dried, as lawyers in practice mostly are, seemed to require as little sleep as his parchments.

"Cho người mang đến vào!" Dumas nói, người, khô héo và khô cứng, giống như hầu hết các luật sư trong thực hành, dường

như cần ít giấc ngủ như giấy.

The stranger entered.

Người lạ bước vào.

“Rene-Francois Dumas,” said he, seating himself opposite to the president, and markedly adopting the plural, as if in contempt of the revolutionary jargon, “amidst the excitement and occupations of your later life, I know not if you can remember that we have met before?”

"Rene-Francois Dumas," anh ta nói, ngồi đối diện với chủ tịch, và rõ ràng chọn sử dụng số nhiều, như thể khinh thường ngôn ngữ cách mạng, "giữa sự hưng phấn và các hoạt động của cuộc sống sau này của anh, tôi không biết liệu anh có nhớ rằng chúng ta đã gặp nhau trước đây chưa?"

The judge scanned the features of his visitor, and a pale blush settled on his sallow cheeks, “Yes, citizen, I remember!”

Người xét xử quét mắt qua khuôn mặt của khách, và một vẻ đỏ phai hiện lên trên làn da vàng xanh của anh ta, "Vâng, công dân, tôi nhớ!"

“And you recall the words I then uttered! You spoke tenderly and philanthropically of your horror of capital executions; you exulted in the approaching Revolution as the termination of all sanguinary punishments; you quoted reverently the saying of Maximilien Robespierre, the rising statesman, ‘The executioner is the invention of the tyrant:’ and I replied, that while you spoke, a foreboding seized me that we should meet again when your ideas of death and the philosophy of revolutions might be changed! Was I right, Citizen Rene-Francois Dumas, President of the Revolutionary Tribunal?”

"Và anh nhớ những lời tôi đã nói lúc đó! Anh nói một cách dịu dàng và nhân đạo về sự kinh hoàng của anh đối với các hành quyết án tử; anh hân hoan với Cách mạng sắp tới như là sự kết thúc của tất cả các hình phạt đẫm máu; anh trích dẫn một cách tôn kính câu nói của Maximilien Robespierre, người chính trị gia mới nổi, 'Người hành hình là sáng chế của bạo chúa:' và tôi đã trả lời rằng trong khi anh nói, một linh cảm đã bao trùm lấy tôi rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau khi quan điểm của anh về cái chết và triết học của các cách mạng có thể thay đổi! Đúng không, Công dân Rene-Francois Dumas, Chủ tịch Tòa án Cách mạng?"

“Pooh!” said Dumas, with some confusion on his brazen brow, “I spoke then as men speak who have not acted. Revolutions are not made with rose-water! But truce to the gossip of the long-ago. I remember, also, that thou didst then save the life of my relation, and it will please thee to learn that his intended murderer will be guillotined to-morrow.”

"Ha!" Dumas nói, với chút lúng túng trên trán đồng của mình, "Tôi đã nói lúc đó như những người nói chưa từng hành động. Cách mạng không phải được tạo ra bằng nước hoa hồng! Nhưng hãy dừng chuyện đồn đãi của quá khứ. Tôi cũng nhớ, rằng lúc đó anh đã cứu sống mối quan hệ của tôi, và anh sẽ vui mừng khi biết rằng kẻ giết hại dự định của anh sẽ bị đưa ra xử bắn vào ngày mai."

“That concerns yourself,—your justice or your revenge. Permit me the egotism to remind you that you then promised that if ever a day should come when you could serve me, your life—yes, the phrase was, ‘your heart’s blood‘—was at my bidding. Think not, austere judge, that I come to ask a boon that can affect yourself,—I come but to ask a day’s respite for another!”

"Điều đó liên quan đến chính bản thân anh,—công bằng hoặc trả thù của anh. Hãy cho phép tôi tự ái nhắc nhở anh rằng lúc đó

anh đã hứa rằng nếu một ngày nào đó anh có thể phục vụ tôi, cuộc đời của anh - đúng, cụm từ đó, 'máu của trái tim anh' - sẽ theo lời tôi. Đừng nghĩ, thẩm phán khắc nghiệt, rằng tôi đến để xin một ân huệ có thể ảnh hưởng đến chính bản thân anh, - tôi chỉ đến để yêu cầu một ngày nghỉ cho người khác!"

“Citizen, it is impossible! I have the order of Robespierre that not one less than the total on my list must undergo their trial for to-morrow. As for the verdict, that rests with the jury!”

"Công dân, điều đó không thể! Tôi có lệnh của Robespierre rằng không ít hơn số người trên danh sách của tôi phải trải qua phiên xử của họ vào ngày mai. Còn về kết án, điều đó nằm trong tay hội đồng xét xử!"

“I do not ask you to diminish the catalogue. Listen still! In your death-roll there is the name of an Italian woman whose youth, whose beauty, and

“You can,” said the stranger, with a calm smile of disdain; “but my life is valueless without my revelations. Sit still, I command you,—hear me!” and the light in those dauntless eyes spell-bound and awed the judge. “You will remove me to the Conciergerie,—you will fix my trial, under the name of Zanoni, amidst your fournee of to-morrow. If I do not satisfy you by my speech, you hold the woman I die to save as your hostage. It is but the reprieve for her of a single day that I demand. The day following the morrow I shall be dust, and you may wreak your vengeance on the life that remains. Tush! judge and condemner of thousands, do you hesitate,—do you imagine that the man who voluntarily offers himself to death will be daunted into uttering one syllable at your Bar against his will? Have you not had experience enough of the inflexibility of pride and courage? President, I place before you the ink and implements! Write to the jailer a reprieve of one day for the woman whose life can avail you nothing, and I will bear the order to my own prison: I,

who can now tell this much as an earnest of what I can communicate,—while I speak, your own name, judge, is in a list of death. I can tell you by whose hand it is written down; I can tell you in what quarter to look for danger; I can tell you from what cloud, in this lurid atmosphere, hangs the storm that shall burst on Robespierre and his reign!"

"Anh có thể," người lạ nói, với nụ cười bình tĩnh đầy khinh thường; "nhưng cuộc sống của anh không có giá trị nếu thiếu bí mật của anh. Ngồi yên, tôi ra lệnh cho anh,—nghe tôi!" và ánh sáng trong đôi mắt kiên cường ấy làm cho thẩm phán mê mải và kinh sợ. "Anh sẽ chuyển tôi đến Conciergerie,—anh sẽ xác định phiên xử của tôi, dưới tên Zanoni, giữa fournee của anh vào ngày mai. Nếu tôi không làm anh hài lòng bằng lời nói của mình, anh sẽ giữ người phụ nữ mà tôi hy sinh để cứu như con tin của anh. Đó chỉ là sự trì hoãn cho cô ấy một ngày duy nhất mà tôi yêu cầu. Ngày sau ngày mai tôi sẽ trở thành tro, và anh có thể trừng phạt trên cuộc sống còn lại. Tush! thẩm phán và kết án hàng ngàn người, anh do dự sao,—anh tưởng tượng rằng người đàn ông tự nguyện đưa mình đến cái chết sẽ bị làm cho hết sức mạnh để phát biểu một âm tiết nào trước toà án của anh không? Anh đã có đủ kinh nghiệm với sự cứng rắn của kiêu hãnh và can đảm chưa? Thượng nghị sĩ, tôi đặt trước mặt anh bút mực và dụng cụ! Viết cho người giam thêm một ngày trì hoãn cho người phụ nữ mà cuộc sống của anh không cần, và tôi sẽ mang lệnh đến tù của chính mình: tôi, người có thể nói đến đây làm một phần của những gì tôi có thể truyền đạt,—trong lúc tôi nói, tên của anh, thẩm phán, đang có trong danh sách tử vong. Tôi có thể nói cho anh biết bởi bàn tay nào nó đã được viết xuống; tôi có thể nói cho anh biết ở đâu tìm kiếm nguy hiểm; tôi có thể nói cho anh biết từ đám mây nào, trong bầu không khí u ám này, mà cơn bão sẽ phun trào lên Robespierre và triều đại của mình!"

Dumas grew pale; and his eyes vainly sought to escape the magnetic gaze that overpowered and mastered him.

Mechanically, and as if under an agency not his own, he wrote while the stranger dictated. “Well,” he said then, forcing a smile to his lips, “I promised I would serve you; see, I am faithful to my word. I suppose that you are one of those fools of feeling,—those professors of anti-revolutionary virtue, of whom I have seen not a few before my Bar. Faugh! it sickens me to see those who make a merit of incivism, and perish to save some bad patriot, because it is a son, or a father, or a wife, or a daughter, who is saved.”

Dumas trở nên tái nhợt; và đôi mắt của anh vô ích tìm cách trốn thoát khỏi ánh nhìn từ trường mạnh mẽ làm cho anh bị áp đảo và bị thống trị. Cơ học, và như là dưới sự ảnh hưởng không phải của mình, anh viết trong khi người lạ đọc. “Vâng,” sau đó anh nói, cố gắng mỉm cười, “Tôi đã hứa sẽ phục vụ anh; nhìn đi, tôi trung thành với lời hứa của mình. Tôi đoán rằng anh là một trong những kẻ ngu dại của cảm xúc,—những giáo sư của đức tính chống cách mạng, mà tôi đã thấy không ít trước toà án của mình. Uôi! làm cho tôi nôn nao khi thấy những người làm cho lòng trung thành trở nên tội lỗi, và chết để cứu một số người anh hùng xấu xa, vì đó là một người con trai, hoặc một người cha, hoặc một người vợ, hoặc một người con gái, được cứu.”

“I AM one of those fools of feeling,” said the stranger, rising. “You have divined aright.” “And wilt thou not, in return for my mercy, utter to-night the revelations thou wouldst proclaim to-morrow? Come; and perhaps thou too—nay, the woman also—may receive, not reprieve, but pardon.” “Before your tribunal, and there alone! Nor will I deceive you, president. My information may avail you not; and even while I show the cloud, the bolt may fall.”

“Tôi LÀ một trong những kẻ ngu dại của cảm xúc,” người lạ nói, đứng dậy. “Anh đã đoán đúng.” “Và anh có không, đáp lại sự nhân từ của tôi, phát biểu tối nay những lời tiết lộ mà anh sẽ tuyên bố vào ngày mai? Đến đây; và có lẽ anh cũng—không,

người phụ nữ cũng—có thể nhận được, không phải sự trì hoãn, mà là sự tha thứ." "Trước toà án của anh, và chỉ ở đó! Và tôi cũng sẽ không lừa dối anh, thượng nghị sĩ. Thông tin của tôi có thể không giúp ích cho anh; và thậm chí khi tôi chỉ ra đám mây, cơn bão có thể sẽ rơi xuống."

"Tush! prophet, look to thyself! Go, madman, go. I know too well the contumacious obstinacy of the class to which I suspect thou belongest, to waste further words. Diable! but ye grow so accustomed to look on death, that ye forget the respect ye owe to it. Since thou offerest me thy head, I accept it. To-morrow thou mayst repent; it will be too late." "Ay, too late, president!" echoed the calm visitor. "But, remember, it is not pardon, it is but a day's reprieve, I have promised to this woman. According as thou dost satisfy me to-morrow, she lives or dies. I am frank, citizen; thy ghost shall not haunt me for want of faith." "It is but a day that I have asked; the rest I leave to justice and to Heaven. Your huissiers wait below."

"Tush! Tiên tri, hãy chăm sóc cho chính mình! Đi đi, kẻ điên, đi đi. Tôi quá hiểu biết về sự ngoan cố của tầng lớp mà tôi nghi ngờ anh thuộc về, để lãng phí thêm từ ngữ. Diable! nhưng anh trở nên quá quen thuộc với cái chết, đến nỗi anh quên đi sự tôn trọng mà anh nợ nó. Vì anh đề nghị đầu của anh cho tôi, tôi chấp nhận. Ngày mai anh có thể hối hận; sẽ quá muộn." "Ừ, quá muộn, thượng nghị sĩ!" tiếng vang của người thăm viếng bình tĩnh. "Nhưng, hãy nhớ, đó không phải là sự tha thứ, đó chỉ là một ngày trì hoãn, tôi đã hứa với người phụ nữ này. Tùy theo việc anh hài lòng với tôi vào ngày mai, cô ấy sẽ sống hay chết. Tôi thẳng thắn, công dân; hồn ma của anh sẽ không ám anh vì thiếu lòng tin." "Chỉ là một ngày mà tôi đã yêu cầu; phần còn lại tôi để cho công lý và Thiên Đàng quyết định. Thư ký của anh đang đợi dưới đây."

CHAPTER 7.XVI.

CHƯƠNG 7.XVI.

Und den Mordstahl seh' ich blinken; Und das Morderauge gluhn! "Kassandra."

Viola was in the prison that opened not but for those already condemned before adjudged. Since her exile from Zanoni, her very intellect had seemed paralysed. All that beautiful exuberance of fancy which, if not the fruit of genius, seemed its blossoms; all that gush of exquisite thought which Zanoni had justly told her flowed with mysteries and subtleties ever new to him, the wise one,—all were gone, annihilated; the blossom withered, the fount dried up. From something almost above womanhood, she seemed listlessly to sink into something below childhood. With the inspirer the inspirations had ceased; and, in deserting love, genius also was left behind.

Viola đang trong nhà tù chỉ mở cửa cho những người đã bị kết án trước đó. Kể từ khi bị trục xuất khỏi Zanoni, trí tuệ của cô dường như bị tê liệt. Tất cả sự phong phú đẹp đẽ của tưởng tượng, nếu không phải là trái cây của thiên tài, dường như là những bông hoa của nó; tất cả những ý tưởng tinh tế mà Zanoni đã nói với cô rằng chảy với những bí ẩn và sự tinh tế luôn mới mẻ đối với anh ấy, người khôn ngoan,—tất cả đã biến mất, bị tiêu diệt; bông hoa héo tàn, suối khô cạn. Từ cái gì đó gần như cao cả hơn phụ nữ, cô dường như chìm vào cái gì đó thấp hơn tuổi thơ. Khi người truyền cảm hứng đã ngưng, và, khi rời bỏ tình yêu, thiên tài cũng bị bỏ lại sau lưng.

She scarcely comprehended why she had been thus torn from her home and the mechanism of her dull tasks. She scarcely knew what meant those kindly groups, that, struck with her exceeding loveliness, had gathered round her in the prison, with mournful looks, but with words of comfort. She, who had

hitherto been taught to abhor those whom Law condemns for crime, was amazed to hear that beings thus compassionate and tender, with cloudless and lofty brows, with gallant and gentle mien, were criminals for whom Law had no punishment short of death. But they, the savages, gaunt and menacing, who had dragged her from her home, who had attempted to snatch from her the infant while she clasped it in her arms, and laughed fierce scorn at her mute, quivering lips,—THEY were the chosen citizens, the men of virtue, the favourites of Power, the ministers of Law! Such thy black caprices, O thou, the ever-shifting and calumnious,—Human Judgment!

Cô hầu như không hiểu tại sao cô đã bị kéo ra khỏi nhà và cơ chế của những nhiệm vụ nhàm chán của mình. Cô hầu như không biết ý nghĩa của những nhóm người thân thiện đó, những người đã tập trung quanh cô trong nhà tù, với vẻ đẹp vượt trội của cô, với ánh mắt buồn bã, nhưng với những lời an ủi. Cô, người từ trước đã được dạy để ghê tởm những người mà Luật phê phán vì tội ác, đã ngạc nhiên khi nghe rằng những người như vậy đầy lòng trắc ẩn và ân cần, với trán trong trẻo và cao quý, với dáng vẻ dũng mãnh và dịu dàng, là những tội phạm mà Luật không có hình phạt nào ngắn hơn cái chết. Nhưng họ, những kẻ dã man, gầy gò và đe dọa, đã kéo cô ra khỏi nhà, đã cố gắng cướp đứa trẻ từ tay cô trong khi cô ôm nó trong lòng, và cười nhạo máu lạnh vào đôi môi run rẩy, câm lặng của cô,—HỌ là những công dân được chọn, những người có đức, những người được ưu ái của Quyền Lực, những người làm pháp! Đẹp quái lạ, ôi người, cái suy tư chuyển đổi và độc ác,—Phán Quyết của Con Người!

A squalid, and yet a gay world, did the prison-houses of that day present. There, as in the sepulchre to which they led, all ranks were cast with an even-handed scorn. And yet there, the reverence that comes from great emotions restored Nature's first and imperishable, and most lovely, and most noble Law,—THE INEQUALITY BETWEEN MAN AND MAN! There, place was given by the prisoners, whether royalists or sans-culottes, to

Age, to Learning, to Renown, to Beauty; and Strength, with its own inborn chivalry, raised into rank the helpless and the weak. The iron sinews and the Herculean shoulders made way for the woman and the child; and the graces of Humanity, lost elsewhere, sought their refuge in the abode of Terror.

Một thế giới bẩn thỉu, và vẫn là một thế giới sôi động, những nhà tù của ngày đó trình bày. Ở đó, như trong ngôi mộ mà họ dẫn đến, mọi tầng lớp đều bị đặt ra với sự khinh thường công bằng. Và tuy nhiên, ở đó, sự tôn kính đến từ những cảm xúc lớn đã khôi phục Điều Luật đầu tiên và không thể hỏng vĩnh cửu, và đẹp nhất, và quý phái nhất của Thiên Nhiên,—SỰ BẤT BÌNH ĐẾN NGƯỜI THÀNH NGƯỜI! Ở đó, người tù, dù là người đế quốc hay người không đội mũ, đã tôn trọng Tuổi Tác, Kiến Thức, Danh Tiếng, Vẻ Đẹp; và Sức Mạnh, với sự hiệp sĩ bẩm sinh của mình, đưa những người yếu đuối lên vị trí cao hơn. Các cơ bắp sắt thép và đôi vai khổng lồ mở đường cho phụ nữ và đứa trẻ; và những vẻ đẹp của Nhân Loại, mất hết ở nơi khác, tìm sự ẩn náu của mình trong nơi kinh hoàng.

“And wherefore, my child, do they bring thee hither?” asked an old, grey-haired priest. “I cannot guess.” “Ah, if you know not your offence, fear the worst!” “And my child?”—for the infant was still suffered to rest upon her bosom. “Alas, young mother, they will suffer thy child to live.’ “And for this,—an orphan in the dungeon!” murmured the accusing heart of Viola,—“have I reserved his offspring! Zanoni, even in thought, ask not—ask not what I have done with the child I bore thee!”

“Và vì sao, con yêu, họ đưa con đến đây?” một linh mục già tóc xám hỏi. “Con không đoán được.” “Ôi, nếu con không biết lỗi của mình, hãy sợ điều tồi tệ nhất!” “Và con tôi?”—vì đứa trẻ vẫn được phép nằm trên lồng ngực của cô. “Ôi, người mẹ trẻ, họ sẽ để đứa trẻ của con sống.” “Và vì điều này,—một trẻ mồ côi trong nhà tù!” rên trong lòng Viola,—“tôi đã dành dự phần con của

anh! Zanoni, ngay cả trong tư duy, đừng hỏi—đừng hỏi điều tôi đã làm với đứa trẻ mà con đã sinh ra từ tôi!"

Night came; the crowd rushed to the grate to hear the muster-roll. (Called, in the mocking jargon of the day, "The Evening Gazette.") Her name was with the doomed. And the old priest, better prepared to die, but reserved from the death-list, laid his hands on her head, and blessed her while he wept. She heard, and wondered; but she did not weep. With downcast eyes, with arms folded on her bosom, she bent submissively to the call. But now another name was uttered; and a man, who had pushed rudely past her to gaze or to listen, shrieked out a howl of despair and rage. She turned, and their eyes met. Through the distance of time she recognised that hideous aspect. Nicot's face settled back into its devilish sneer. "At least, gentle Neapolitan, the guillotine will unite us. Oh, we shall sleep well our wedding-night!" And, with a laugh, he strode away through the crowd, and vanished into his lair.

Đêm đến; đám đông đổ xô đến lưới sắt để nghe danh sách quân lính. (Được gọi, trong ngôn ngữ chế nhạo của thời đó, là "Bản tin tối.") Tên cô đã được ghi vào danh sách chết. Và linh mục già, sẵn sàng chết hơn, nhưng được giữ lại khỏi danh sách chết, đặt tay lên đầu cô và ban phước cho cô trong khi ông khóc. Cô nghe và ngạc nhiên; nhưng cô không khóc. Với ánh mắt hướng xuống, với đôi tay gấp trên ngực, cô uốn nắn dễ dàng với lời gọi. Nhưng giờ đây một cái tên khác được nhắc đến; và một người đàn ông, đã đẩy mạnh mẽ qua cô để nhìn hoặc để nghe, hét lên một tiếng gào thét của tuyệt vọng và giận dữ. Cô quay lại, và ánh mắt của họ gặp nhau. Thông qua khoảng cách thời gian, cô nhận ra gương mặt ghê tởm đó. Gương mặt của Nicot trở lại với nụ cười quỷ dữ của nó. "Ít nhất, người Napoli dịu dàng, máy cưa đầu sẽ đưa chúng ta lại gần nhau. Ôi, chúng ta sẽ ngủ ngon trên đêm cưới của chúng ta!" Và, với tiếng cười, hắn bước qua đám đông và biến mất vào hang của mình.

She was placed in her gloomy cell, to await the morrow. But the child was still spared her; and she thought it seemed as if conscious of the awful present. In their way to the prison it had not moaned or wept. It had looked with its clear eyes, unshrinking, on the gleaming pikes and savage brows of the huissiers. And now, alone in the dungeon, it put its arms round her neck, and murmured its indistinct sounds, low and sweet as some unknown language of consolation and of heaven. And of heaven it was!—for, at the murmur, the terror melted from her soul; upward, from the dungeon and the death,—upward, where the happy cherubim chant the mercy of the All-loving, whispered that cherub's voice. She fell upon her knees and prayed. The despoilers of all that beautifies and hallows life had desecrated the altar, and denied the God!—they had removed from the last hour of their victims the Priest, the Scripture, and the Cross! But Faith builds in the dungeon and the lazar-house its sublimest shrines; and up, through roofs of stone, that shut out the eye of Heaven, ascends the ladder where the angels glide to and fro,—PRAYER.

Cô được đặt trong căn phòng tối tăm của mình, để đợi ngày mai. Nhưng đứa trẻ vẫn được tha thứ cho cô; và cô nghĩ rằng nó dường như nhận thức được sự hiện diện kinh hoàng. Trên đường đến nhà tù, nó không kêu lên hoặc khóc. Nó nhìn với đôi mắt trong veo, không run sợ, vào những cây giáo sáng bóng và đôi mày dã man của những quản ngục. Và giờ đây, một mình trong tù, nó ôm cổ cô và thì thầm những âm thanh mơ hồ, êm đềm và ngọt ngào như một ngôn ngữ không rõ ràng nào của sự an ủi và của thiên đàng. Và đó là thiên đàng!—vì, khi nghe thấy tiếng thì thầm đó, nỗi kinh hãi tan biến khỏi tâm hồn cô; lên cao, từ trong tù và cái chết,—lên cao, nơi các thiên thần hạnh phúc hát lời thương xót của Đấng Yêu Thương Toàn Thường, thì thầm giọng của thiên thần đó. Cô quỳ gối và cầu nguyện. Những kẻ cướp bóc tất cả những điều làm đẹp và thiêng liêng cuộc sống đã bôi nhọ bàn thờ, và từ chối Chúa!—họ đã gỡ bỏ từ giờ cuối của nạn nhân của họ Linh Mục, Kinh Thánh, và Thánh Giá! Nhưng

Đức Tin xây dựng những ngôi đền cao quý nhất của mình trong nhà tù và bệnh viện; và lên, qua những mái nhà bằng đá, che khuất ánh mắt của Thiên

And Viola was in prayer. She heard not the opening of the door; she saw not the dark shadow that fell along the floor. HIS power, HIS arts were gone; but the mystery and the spell known to HER simple heart did not desert her in the hours of trial and despair. When Science falls as a firework from the sky it would invade; when Genius withers as a flower in the breath of the icy charnel,—the hope of a child-like soul wraps the air in light, and the innocence of unquestioning Belief covers the grave with blossoms.

Và Viola đang cầu nguyện. Cô không nghe thấy tiếng mở cửa; cô không thấy bóng tối rơi dọc theo sàn nhà. Sức mạnh của NGƯỜI ấy, những nghệ thuật của NGƯỜI ấy đã biến mất; nhưng bí ẩn và lời thần chú mà trái tim đơn giản của CÔ biết vẫn không rời xa cô trong những giờ phút của thử thách và tuyệt vọng. Khi Khoa Học rơi như pháo hoa từ bầu trời mà nó muốn xâm chiếm; khi Tài Năng héo úa như một bông hoa trong hơi thở của nghĩa địa lạnh,—hy vọng của một linh hồn như trẻ con bao bọc không khí bằng ánh sáng, và sự trong sáng của Niềm Tin không hoài nghi phủ lấp mộ với những bông hoa.

In the farthest corner of the cell she knelt; and the infant, as if to imitate what it could not comprehend, bent its little limbs, and bowed its smiling face, and knelt with her also, by her side.

Ở góc xa nhất của căn phòng tù cô quỳ xuống; và đứa trẻ, như muốn bắt chước những gì nó không thể hiểu, uốn cong cẳng chân nhỏ, cúi đầu với gương mặt tươi cười, và cũng quỳ cùng cô, bên cạnh cô.

He stood and gazed upon them as the light of the lamp fell calmly on their forms. It fell over those clouds of golden hair,

dishevelled, parted, thrown back from the rapt, candid brow; the dark eyes raised on high, where, through the human tears, a light as from above was mirrored; the hands clasped, the lips apart, the form all animate and holy with the sad serenity of innocence and the touching humility of woman. And he heard her voice, though it scarcely left her lips: the low voice that the heart speaks,—loud enough for God to hear!

Anh đứng đó và nhìn họ khi ánh sáng của đèn rơi nhẹ nhàng lên hình dáng của họ. Nó rơi trên những đám tóc màu vàng, rối tung, phân chia, nghiêng về phía sau từ trán hồn nhiên, chân thành; đôi mắt tối nhìn lên cao, nơi, qua những giọt nước mắt của con người, một ánh sáng từ trên cao được phản chiếu; những bàn tay kẹp chặt, đôi môi rộng ra, hình dạng đầy sự sống động và thánh thiện với sự thanh bình đau buồn của sự trong sáng và sự khiêm nhường đáng yêu của phụ nữ. Và anh nghe thấy giọng nói của cô, mặc dù nó hầu như không rời khỏi môi cô: giọng nói thấp nhỏ mà trái tim nói,—đủ to để Thiên Chúa nghe thấy!

“And if never more to see him, O Father! Canst Thou not make the love that will not die, minister, even beyond the grave, to his earthly fate? Canst Thou not yet permit it, as a living spirit, to hover over him,—a spirit fairer than all his science can conjure? Oh, whatever lot be ordained to either, grant—even though a thousand ages may roll between us—grant, when at last purified and regenerate, and fitted for the transport of such reunion—grant that we may meet once more! And for his child, —it kneels to Thee from the dungeon floor! To-morrow, and whose breast shall cradle it; whose hand shall feed; whose lips shall pray for its weal below and its soul hereafter!” She paused, —her voice choked with sobs.

“Và nếu không bao giờ được gặp anh, Ông ơi! Ông có thể không khiến tình yêu không bao giờ chết, phục vụ, ngay cả sau ngôi mộ, cho số phận trần thế của anh ấy không? Ông có thể không

cho phép nó, như một linh hồn sống, lơ lửng trên anh ấy,—một linh hồn đẹp hơn tất cả những gì khoa học của anh ấy có thể triệu hồi? Ôi, dù số phận nào được ấn định cho cả hai, hãy ban cho—thậm chí nếu có một ngàn thế kỷ trôi qua giữa chúng ta—ban cho, khi cuối cùng được thanh lọc và tái sinh, và sẵn sàng cho sự hòa hợp như vậy—hãy ban cho chúng ta gặp nhau một lần nữa! Và với đứa con của anh ấy,—nó quỳ xuống trước Ông từ sàn nhà ngục! Ngày mai, và ngực nào sẽ nâng đỡ nó; bàn tay nào sẽ nuôi; đôi môi nào sẽ cầu nguyện cho hạnh phúc của nó dưới đất và tinh thần của nó sau này!" Cô im lặng,—giọng nói cô bị nghẹn kín bởi những trận khóc.

"Thou Viola!—thou, thyself. He whom thou hast deserted is here to preserve the mother to the child!"

"Ngươi Viola!—ngươi, chính ngươi. Người mà ngươi đã bỏ rơi đây để bảo vệ mẹ cho đứa con!"

She started!—those accents, tremulous as her own! She started to her feet!—he was there,—in all the pride of his unwaning youth and superhuman beauty; there, in the house of dread, and in the hour of travail; there, image and personation of the love that can pierce the Valley of the Shadow, and can glide, the unscathed wanderer from the heaven, through the roaring abyss of hell!

Cô giật mình!—những âm vang, run rẩy như chính cô! Cô nhảy đứng lên!—anh ở đó,—trong vẻ tự hào của tuổi trẻ không phai phôi và vẻ đẹp siêu phàm; ở đó, trong ngôi nhà của nỗi sợ hãi, và trong giờ của sự chịu đựng; ở đó, hình ảnh và hiện thân của tình yêu có thể xâm nhập Thung Lũng Bóng Tối, và có thể trượt qua, người lang thang vô hại từ thiên đàng, qua vực sâu huyền bí của địa ngục!

With a cry never, perhaps, heard before in that gloomy vault,—a cry of delight and rapture, she sprang forward, and fell at his

feet. He bent down to raise her; but she slid from his arms. He called her by the familiar epithets of the old endearment, and she only answered him by sobs. Wildly, passionately, she kissed his hands, the hem of his garment, but voice was gone.

Với một tiếng hét chưa bao giờ, có lẽ, được nghe trước đây trong căn ngục u ám đó,—một tiếng hét của niềm vui và hân hoan, cô nhảy về phía trước, và ngã xuống chân anh. Anh cúi xuống để đỡ cô lên; nhưng cô trượt khỏi vòng tay của anh. Anh gọi cô bằng những biệt danh quen thuộc của tình yêu xưa, và cô chỉ trả lời anh bằng những tiếng khóc. Dại dột, mạnh mẽ, cô hôn những bàn tay của anh, viền của bộ quần áo của anh, nhưng giọng nói đã mất.

“Look up, look up!—I am here,—I am here to save thee! Wilt thou deny to me thy sweet face? Truant, wouldst thou fly me still?”

“Nhìn lên, nhìn lên!—Anh ở đây,—anh ở đây để cứu anh! Ngươi có từ chối cho anh gương mặt ngọt ngào không? Kẻ trốn học, ngươi có muốn chạy trốn anh vẫn không?”

“Fly thee!” she said, at last, and in a broken voice; “oh, if my thoughts wronged thee,—oh, if my dream, that awful dream, deceived,—kneel down with me, and pray for our child!” Then springing to her feet with a sudden impulse, she caught up the infant, and, placing it in his arms, sobbed forth, with deprecating and humble tones, “Not for my sake,—not for mine, did I abandon thee, but—”

“Chạy trốn anh!” cô nói, cuối cùng, và bằng một giọng nói rạn nứt; “ôi, nếu suy nghĩ của tôi đã làm tổn thương anh,—ôi, nếu giấc mơ của tôi, giấc mơ khủng khiếp đó, đã lừa dối,—quỳ xuống cùng tôi, và cầu nguyện cho đứa con của chúng ta!” Sau đó, với một cảm hứng đột ngột, cô nhảy đứng dậy, cô nâng đứa trẻ lên, và đặt nó vào vòng tay của anh, cô khóc, với những âm thanh

khiêm nhường và nhún nhường, “Không phải vì lợi ích của tôi, —không phải vì tôi, tôi đã bỏ rơi anh, nhưng—”

“Hush!” said Zanoni; “I know all the thoughts that thy confused and struggling senses can scarcely analyse themselves. And see how, with a look, thy child answers them!”

“Im lặng!” Zanoni nói; “Anh biết tất cả những suy nghĩ mà những giác quan lúng túng và đấu tranh của ngươi hầu như không thể phân tích được. Và hãy xem, với một cái nhìn, đứa con của ngươi trả lời chúng!”

And in truth the face of that strange infant seemed radiant with its silent and unfathomable joy. It seemed as if it recognised the father; it clung—it forced itself to his breast, and there, nestling, turned its bright, clear eyes upon Viola, and smiled.

Và thực sự, khuôn mặt của đứa trẻ lạ lùng đó dường như toả sáng với niềm vui im lặng và không thể lý giải. Dường như nó nhận ra cha; nó ôm chặt—nó ép mình vào ngực cha, và ở đó, nằm yên, quay đôi mắt sáng, trong trẻo của nó về Viola, và mỉm cười.

“Pray for my child!” said Zanoni, mournfully. “The thoughts of souls that would aspire as mine are All PRAYER!” And, seating himself by her side, he began to reveal to her some of the holier secrets of his lofty being. He spoke of the sublime and intense faith from which alone the diviner knowledge can arise,—the faith which, seeing the immortal everywhere, purifies and exalts the mortal that beholds, the glorious ambition that dwells not in the cabals and crimes of earth, but amidst those solemn wonders that speak not of men, but of God; of that power to abstract the soul from the clay which gives to the eye of the soul its subtle vision, and to the soul’s wing the unlimited realm; of that pure, severe, and daring initiation from which the mind emerges, as from death, into clear perceptions of its

kindred with the Father-Principles of life and light, so that in its own sense of the Beautiful it finds its joy; in the serenity of its will, its power; in its sympathy with the youthfulness of the Infinite Creation, of which itself is an essence and a part, the secrets that embalm the very clay which they consecrate, and renew the strength of life with the ambrosia of mysterious and celestial sleep. And while he spoke, Viola listened, breathless. If she could not comprehend, she no longer dared to distrust. She felt that in that enthusiasm, self-deceiving or not, no fiend could lurk; and by an intuition, rather than an effort of the reason, she saw before her, like a starry ocean, the depth and mysterious beauty of the soul which her fears had wronged. Yet, when he said (concluding his strange confessions) that to this life WITHIN life and ABOVE life he had dreamed to raise her own, the fear of humanity crept over her, and he read in her silence how vain, with all his science, would the dream have been.

“Hãy cầu nguyện cho đứa con tôi!” Zanoni nói, đau buồn. “Những suy nghĩ của những linh hồn muốn tham vọng như tôi đều LÀ CẦU NGUYỆN!” Và, ngồi bên cạnh cô, anh bắt đầu tiết lộ cho cô một số bí mật thiêng liêng của thực thể cao cả của mình. Anh nói về niềm tin cao cả và mãnh liệt từ đó mà chỉ có thể nảy sinh tri thức cao cả,—niềm tin mà, nhìn thấy bất tử ở mọi nơi, làm sạch và tôn lên thứ tử bình thường mà nhìn thấy, ước vọng vĩ đại không nằm trong những âm mưu và tội ác của trái đất, mà ở giữa những kỳ quan trang nghiêm đó không nói về con người, mà nói về Thiên Chúa; về sức mạnh để tách linh hồn ra khỏi đất sét mà cho mắt linh hồn tầm nhìn tinh tế của nó, và cho cánh linh hồn của nó vùng đất không giới hạn; về sự khai quật trong sạch, nghi

"Talk not now to me, beloved,—talk not more now to me of the past! Thou art here,—thou wilt save me; we shall live yet the common happy life, that life with thee is happiness and glory enough to me. Traverse, if thou wilt, in thy pride of soul, the

universe; thy heart again is the universe to mine. I thought but now that I was prepared to die; I see thee, touch thee, and again I know how beautiful a thing is life! See through the grate the stars are fading from the sky; the morrow will soon be here,—The MORROW which will open the prison doors! Thou sayest thou canst save me,—I will not doubt it now. Oh, let us dwell no more in cities! I never doubted thee in our lovely isle; no dreams haunted me there, except dreams of joy and beauty; and thine eyes made yet more beautiful and joyous the world in waking. To-morrow!—why do you not smile? To-morrow, love! is not TO-MORROW a blessed word! Cruel! you would punish me still, that you will not share my joy. Aha! see our little one, how it laughs to my eyes! I will talk to THAT. Child, thy father is come back!"

"Đừng nói với tôi bây giờ, người yêu ơi,—đừng nói với tôi nữa về quá khứ! Người ở đây,—người sẽ cứu tôi; chúng ta sẽ sống cuộc sống hạnh phúc bình thường, cuộc đời với người là đủ hạnh phúc và vinh quang đối với tôi. Hãy đi qua, nếu người muốn, trong lòng kiêu hãnh của người, toàn vũ trụ; trái tim người lại là vũ trụ đối với tôi. Tôi vừa nghĩ rằng tôi đã sẵn sàng chết; tôi nhìn thấy người, chạm vào người, và lại biết cuộc sống là một điều đẹp đẽ như thế nào! Nhìn qua lưới sắt, các ngôi sao đang phai dần từ bầu trời; ngày mai sẽ sớm đến,—NGÀY MA mà sẽ mở cửa tù! Người nói người có thể cứu tôi,—tôi sẽ không nghi ngờ nữa. Ôi, chúng ta đừng sống nữa trong thành phố! Tôi chưa bao giờ nghi ngờ người ở hòn đảo đẹp của chúng ta; không có ác mộng nào ám ảnh tôi ở đó, ngoại trừ những giấc mơ về niềm vui và vẻ đẹp; và ánh mắt của người càng làm cho thế giới trong giấc tỉnh thêm đẹp và vui tươi. Ngày mai!—tại sao người không mỉm cười? Ngày mai, tình yêu! có phải LÀ NGÀY MA một từ hạnh phúc không! Tàn nhẫn! người vẫn muốn trừng phạt tôi, vì người không muốn chia sẻ niềm vui của tôi. Aha! nhìn con nhỏ của chúng ta, nó cười với mắt tôi! Tôi sẽ nói với ĐÓ. Con ơi, cha đã trở về!"

And taking the infant in her arms, and seating herself at a little distance, she rocked it to and fro on her bosom, and prattled to it, and kissed it between every word, and laughed and wept by fits, as ever and anon she cast over her shoulder her playful, mirthful glance upon the father to whom those fading stars smiled sadly their last farewell. How beautiful she seemed as she thus sat, unconscious of the future! Still half a child herself, her child laughing to her laughter,—two soft triflers on the brink of the grave! Over her throat, as she bent, fell, like a golden cloud, her redundant hair; it covered her treasure like a veil of light, and the child's little hands put it aside from time to time, to smile through the parted tresses, and then to cover its face and peep and smile again. It were cruel to damp that joy, more cruel still to share it.

Và cầm con nhỏ trong vòng tay, và ngồi ở một khoảng cách nhỏ, cô đùa nó lên xuống trên lồng ngực của mình, và nói chuyện, hôn nó giữa mỗi từ, và cười và khóc xen kẽ, như cô luôn thảnh thơi nhìn qua vai mình ánh mắt chơi đùa, vui vẻ của mình đối với người cha mà những ngôi sao phai màu buồn thương lặng lẽ chào tạ biệt cuối cùng. Cô trông thật xinh đẹp khi cô ngồi như vậy, không hề biết về tương lai! Vẫn còn nửa đứa trẻ của chính cô, đứa trẻ cười với tiếng cười của cô,—hai kẻ đùa vui mềm mại trên bờ vực của mộ! Trên cổ cô, khi cô cúi, rơi, như một đám mây vàng, mái tóc phong phú của cô; nó che kín kho báu của cô như một tấm mành ánh sáng, và đôi tay nhỏ bé của đứa trẻ đưa nó sang một bên từng lúc, để cười qua những sợi tóc phân chia, và sau đó che kín khuôn mặt và nhìn và cười lại. Sẽ tàn nhẫn nếu làm ướt đi niềm vui đó, còn tàn nhẫn hơn nữa nếu chia sẻ nó.

"Viola," said Zanoni, at last, "dost thou remember that, seated by the cave on the moonlit beach, in our bridal isle, thou once didst ask me for this amulet?—the charm of a superstition long vanished from the world, with the creed to which it belonged. It is the last relic of my native land, and my mother, on her

deathbed, placed it round my neck. I told thee then I would give it thee on that day WHEN THE LAWS OF OUR BEING SHOULD BECOME THE SAME." "I remember it well." "To-morrow it shall be thine!" "Ah, that dear to-morrow!" And, gently laying down her child,—for it slept now,—she threw herself on his breast, and pointed to the dawn that began greyly to creep along the skies.

"Viola," nói Zanoni, cuối cùng, "cô có còn nhớ không, khi ngồi bên hang đá trên bãi biển ánh trăng, ở hòn đảo cưới của chúng ta, cô đã từng yêu cầu tôi cho chiếc vòng này?—phù thủy của một tín ngưỡng đã lâu đã biến mất khỏi thế giới, cùng tín ngưỡng mà nó thuộc về. Đó là vật kỷ vật cuối cùng của quê hương tôi, và mẹ tôi, trên giường bệnh của mình, đã đặt nó vào cổ tôi. Tôi đã nói với cô rằng tôi sẽ cho cô vào ngày ấy KHI NHỮNG LUẬT LỆ CỦA CHÚNG TA TRỞ NÊN GIỐNG NHAU." "Tôi nhớ rất rõ." "Ngày mai nó sẽ là của cô!" "Ôi, ngày mai thân thương ấy!" Và, nhẹ nhàng đặt đứa trẻ xuống,—vì nó đã ngủ,—cô ôm lấy anh ta, và chỉ vào đoáng sáng bắt đầu màu xám nhè nhẹ tràn dọc bầu trời.

There, in those horror-breathing walls, the day-star looked through the dismal bars upon those three beings, in whom were concentrated whatever is most tender in human ties; whatever is most mysterious in the combinations of the human mind; the sleeping Innocence; the trustful Affection, that, contented with a touch, a breath, can foresee no sorrow; the weary Science that, traversing all the secrets of creation, comes at last to Death for their solution, and still clings, as it nears the threshold, to the breast of Love. Thus, within, THE WITHIN,—a dungeon; without, the WITHOUT,—stately with marts and halls, with palaces and temples; Revenge and Terror, at their dark schemes and counter-schemes; to and fro, upon the tide of the shifting passions, reeled the destinies of men and nations; and hard at hand that day-star, waning into space, looked with impartial eye on the church tower and the guillotine. Up springs the

blithesome morn. In yon gardens the birds renew their familiar song. The fishes are sporting through the freshening waters of the Seine. The gladness of divine nature, the roar and dissonance of mortal life, awake again: the trader unbars his windows; the flower-girls troop gayly to their haunts; busy feet are tramping to the daily drudgeries that revolutions which strike down kings and kaisars, leave the same Cain's heritage to the boor; the wagons groan and reel to the mart; Tyranny, up betimes, holds its pallid levee; Conspiracy, that hath not slept, hears the clock, and whispers to its own heart, "The hour draws near." A group gather, eager-eyed, round the purlieus of the Convention Hall; to-day decides the sovereignty of France,—about the courts of the Tribunal their customary hum and stir. No matter what the hazard of the die, or who the ruler, this day eighty heads shall fall!

Ở đó, trong những bức tường hơi thở ác mộng đó, ngôi sao ban ngày nhìn qua những thanh sắt u ám vào ba sinh vật, trong đó tập trung mọi điều mềm mại nhất trong các mối quan hệ con người; mọi điều bí ẩn nhất trong sự kết hợp của tâm trí con người; sự trong sáng ngủ ngon; tình yêu tin tưởng, mà, hài lòng với một cử chỉ, một hơi thở, không thể nhìn thấy nỗi buồn; sự mệt mỏi của Khoa Học, sau khi đi qua tất cả bí mật của sáng tạo, cuối cùng đến với Chết để giải quyết chúng, và vẫn bám lấy, khi gần ngưỡng, vào vòng tay của Tình Yêu. Vậy, bên trong, BÊN TRONG,—một tù cảnh; bên ngoài, BÊN NGOÀI,—trang trọng với các chợ và hội trường, với cung điện và đền thờ; Sự Trả Thù và Sợ Hãi, trong những kế hoạch và phản kế hoạch u ám của họ; qua lại, trên dòng cảm xúc thay đổi, người và quốc gia đều bị cuốn vào số phận; và ngay bên cạnh đó, ngôi sao ban ngày, đang phai nhạt vào không gian, nhìn với ánh mắt công bằng vào tháp nhà thờ và cái cưa. Bình minh hân hoan nổi lên. Ở khu vườn kia, chim hót lại bài hát quen thuộc của chúng. Cá đang vui chơi qua những dòng nước sạch của sông Seine. Sự vui vẻ của thiên nhiên thần thánh, tiếng gầm và xung đột của cuộc sống người, trỗi dậy: thương nhân mở cửa sổ; các cô gái hoa đi vui vẻ đến nơi

ưa thích của họ; đôi chân bận rộn đang bước đến công việc hàng ngày mà những cuộc cách mạng đánh đổ vua chúa, để lại di sản Cain giống nhau cho người nông dân; những chiếc xe rên rỉ và lăn đến chợ; Bạo Ngược, sớm dậy, tổ chức buổi tiếp khách tái nhợt; Âm Mưu, mà không ngủ, nghe tiếng đồng hồ, và thì thầm với con tim của mình, "Giờ đã gần." Một nhóm người tập trung, đôi mắt hăng hái, xung quanh những khu vực xung quanh Hội Trường Hội Nghị; hôm nay quyết định chủ quyền của Pháp,—xung quanh các tòa án của Tòa Án, những tiếng ồn ào và sôi nổi quen thuộc của họ. Không quan trọng rủi ro của việc đánh bài, hoặc ai là người cai trị, hôm nay tám mươi đầu sẽ rơi!

And she slept so sweetly. Wearied out with joy, secure in the presence of the eyes regained, she had laughed and wept herself to sleep; and still in that slumber there seemed a happy consciousness that the loved was by,—the lost was found. For she smiled and murmured to herself, and breathed his name often, and stretched out her arms, and sighed if they touched him not. He gazed upon her as he stood apart,—with what emotions it were vain to say. She would wake no more to him; she could not know how dearly the safety of that sleep was purchased. That morrow she had so yearned for,—it had come at last. HOW WOULD SHE GREET THE EVE? Amidst all the exquisite hopes with which love and youth contemplate the future, her eyes had closed. Those hopes still lent their iris-colours to her dreams. She would wake to live! To-morrow, and the Reign of Terror was no more; the prison gates would be opened,—she would go forth, with their child, into that summer-world of light. And HE?—he turned, and his eye fell upon the child; it was broad awake, and that clear, serious, thoughtful look which it mostly wore, watched him with a solemn steadiness. He bent over and kissed its lips. "Never more," he murmured, "O heritor of love and grief,—never more wilt thou see me in thy visions; never more will the light of those eyes be fed by celestial commune; never more can my soul guard from thy pillow the trouble and the disease. Not such as I

would have vainly shaped it, must be thy lot. In common with thy race, it must be thine to suffer, to struggle, and to err. But mild be thy human trials, and strong be thy spirit to love and to believe! And thus, as I gaze upon thee,—thus may my nature breathe into thine its last and most intense desire; may my

She woke at last,—she gazed round. “Zanoni, it is day!” No answer but the low wail of her child. Merciful Heaven! was it then all a dream? She tossed back the long tresses that must veil her sight; she felt the amulet on her bosom,—it was NO dream! “O God! and he is gone!” She sprang to the door,—she shrieked aloud. The jailer comes. “My husband, my child’s father?”

Cuối cùng, cô tỉnh dậy,—cô nhìn quanh. “Zanoni, đã sáng rồi!” Không có câu trả lời ngoại trừ tiếng khóc lặng của đứa con nhỏ. Ôi Chúa ơi! liệu tất cả đều chỉ là một giấc mơ à? Cô đẩy lại những sợi tóc dài che mắt; cô cảm thấy chiếc bùa trên ngực mình,—đó KHÔNG phải là một giấc mơ! “Ôi Chúa ơi! và anh ấy đã ra đi!” Cô lao tới cửa,—cô la hét to. Người gác cổng đến. “Chồng tôi, cha của con tôi?”

“He is gone before thee, woman!” “Whither? Speak—speak!” “To the guillotine!”—and the black door closed again. It closed upon the senseless! As a lightning-flash, Zanoni’s words, his sadness, the true meaning of his mystic gift, the very sacrifice he made for her, all became distinct for a moment to her mind,—and then darkness swept on it like a storm, yet darkness which had its light. And while she sat there, mute, rigid, voiceless, as congealed to stone, A VISION, like a wind, glided over the deeps within,—the grim court, the judge, the jury, the accuser; and amidst the victims the one dauntless and radiant form. “Thou knowest the danger to the State,—confess!”

“Anh ấy đã ra đi trước cô, phụ nữ!” “Đi đâu? Nói đi—nói đi!” “Đến cái máy chém đầu!”—và cánh cửa đen lại đóng lại. Nó đóng lại trước sự vô ý thức! Như một tia chớp, những lời của Zanoni, nỗi

buồn của anh ấy, ý nghĩa đích thực của món quà thần bí của anh ấy, sự hy sinh ngay trước mắt cô, tất cả trở nên rõ ràng trong một khoảnh khắc trong tâm trí của cô,—và sau đó bóng tối tràn về như một cơn bão, nhưng bóng tối đó có ánh sáng. Và trong khi cô ngồi đó, im lặng, cứng nhắc, không thể phát ra tiếng, như bị đóng băng thành đá, MỘT ẢO ẢNH, như một cơn gió, lướt qua những thứ sâu thẳm bên trong,—tòa án u ám, thẩm phán, ban hành án, người buộc tội; và giữa những nạn nhân có một hình dáng mạnh mẽ và tinh thần sáng rực.

“I know; and I keep my promise. Judge, I reveal thy doom! I know that the Anarchy thou callest a State expires with the setting of this sun. Hark, to the tramp without; hark to the roar of voices! Room there, ye dead!—room in hell for Robespierre and his crew!”

“Tôi biết; và tôi giữ lời hứa của mình. Thẩm phán, tôi tiết lộ số phận của anh! Tôi biết rằng thế giới hỗn loạn anh gọi là một quốc gia sẽ kết thúc khi mặt trời này lặn. Nghe đi, tiếng bước chân bên ngoài; nghe tiếng la hét! Hãy nhường chỗ, các người đã chết!—chỗ ở địa ngục cho Robespierre và đám người của anh ấy!”

They hurry into the court,—the hasty and pale messengers; there is confusion and fear and dismay! “Off with the conspirator, and to-morrow the woman thou wouldst have saved shall die!” “To-morrow, president, the steel falls on THEE!”

Họ lao vào tòa án,—những người thông điệp vội vàng và tái nhợt; có sự hỗn loạn, sợ hãi và hoảng loạn! “Dẫn kẻ âm mưu ra, và ngày mai người phụ nữ mà anh muốn cứu sẽ chết!” “Ngày mai, thượng đế, lưỡi gươm sẽ rơi lên ANH!”

On, through the crowded and roaring streets, on moves the Procession of Death. Ha, brave people! thou art aroused at last.

They shall not die! Death is dethroned!—Robespierre has fallen!—they rush to the rescue! Hideous in the tumbril, by the side of Zanoni, raved and gesticulated that form which, in his prophetic dreams, he had seen his companion at the place of death. “Save us!—save us!” howled the atheist Nicot. “On, brave populace! we SHALL be saved!” And through the crowd, her dark hair streaming wild, her eyes flashing fire, pressed a female form, “My Clarence!” she shrieked, in the soft Southern language native to the ears of Viola; “butcher! what hast thou done with Clarence?”

Tiến lên, qua những con phố đông đúc và ồn ào, Cuộc diễu hành của Sự chết tiếp tục di chuyển. Ha, dân tộc dũng cảm! cuối cùng anh em đã thức tỉnh. Họ sẽ không chết! Sự chết đã bị lật đổ!—Robespierre đã ngã!—họ lao tới cứu chữa! Dã man trên xe ngựa, bên cạnh Zanoni, hình dạng đó đã rên rỉ và vẫy tay nhưng trong những giấc mơ tiên tri của anh ấy, anh đã thấy hình dạng đó là bạn đồng hành tại nơi chết. “Cứu chúng tôi!—cứu chúng tôi!” la hét Nicot, kẻ vô thần. “Tiến lên, dân chúng dũng cảm! chúng ta SẼ được cứu!” Và qua đám đông, mái tóc đen rối tung, đôi mắt lóe lên lửa, một hình dạng nữ, “Clarence của tôi!” cô la hét, bằng ngôn ngữ miền Nam dịu dàng quen thuộc với tai của Viola; “kẻ thợ mổ! anh đã làm gì với Clarence?”

Her eyes roved over the eager faces of the prisoners; she saw not the one she sought. “Thank Heaven!—thank Heaven! I am not thy murderess!”

Đôi mắt cô lang thang qua những khuôn mặt háo hức của những người tù; cô không thấy người mà cô tìm kiếm. “Cảm ơn Chúa!—cảm ơn Chúa! Tôi không phải là kẻ giết người của anh!”

Nearer and nearer press the populace,—another moment, and the deathsman is defrauded. O Zanoni! why still upon THY brow the resignation that speaks no hope? Tramp! tramp! through the streets dash the armed troop; faithful to his orders,

Black Henriot leads them on. Tramp! tramp! over the craven and scattered crowd! Here, flying in disorder,—there, trampled in the mire, the shrieking rescuers! And amidst them, stricken by the sabres of the guard, her long hair blood-bedabbled, lies the Italian woman; and still upon her writhing lips sits joy, as they murmur, “Clarence! I have not destroyed thee!”

Dân chúng đẩy mình gần hơn và gần hơn,—thêm một khoảnh khắc, và kẻ hành quyết bị phá bỏ. Ơi Zanoni! tại sao vẫn trên trán ANH sự kiêng nể không biểu lộ hi vọng? Bước! bước! qua những con đường la liệt đua xe ngựa; trung thành với mệnh lệnh của mình, Black Henriot dẫn đầu họ. Bước! bước! qua đám đông hèn nhát và rải rác! Ở đây, bị xua đuổi không kiểm soát,—ở đó, bị đạp nát trong bùn, những người cứu chữa la hét! Và giữa họ, bị đâm bởi những thanh kiếm của lính gác, mái tóc dài của người phụ nữ Ý dính máu, nằm đó; và vẫn trên đôi môi trăn trở của cô ấy vẫn còn niềm vui, khi họ thì thầm, “Clarence! Tôi chưa hủy hoại anh!”

On to the Barriere du Trone. It frowns dark in the air,—the giant instrument of murder! One after one to the glaive,—another and another and another! Mercy! O mercy! Is the bridge between the sun and the shades so brief,—brief as a sigh? There, there,—HIS turn has come. “Die not yet; leave me not behind; hear me—hear me!” shrieked the inspired sleeper. “What! and thou smilest still!” They smiled,—those pale lips,—and WITH the smile, the place of doom, the headsman, the horror vanished. With that smile, all space seemed suffused in eternal sunshine. Up from the earth he rose; he hovered over her,—a thing not of matter, an IDEA of joy and light! Behind, Heaven opened, deep after deep; and the Hosts of Beauty were seen, rank upon rank, afar; and “Welcome!” in a myriad melodies, broke from your choral multitude, ye People of the Skies, —“welcome! O purified by sacrifice, and immortal only through the grave,—this it is to die.” And radiant amidst the radiant, the

IMAGE stretched forth its arms, and murmured to the sleeper: “Companion of Eternity!—THIS it is to die!”

Tiếp tục đến Barriere du Trone. Nó hiện lên đen tối trong không khí,—công cụ khổng lồ của sự giết người! Một sau một đến với lưỡi gươm,—thêm một và một và một nữa! Tha thứ! Ơi tha thứ! Cái cầu giữa mặt trời và bóng tối có phải ngắn ngủi như một cánh gió không? Đó, đó,—đến lượt ANH. “Đừng chết vội; đừng bỏ lại tôi phía sau; nghe tôi—nghe tôi!” la hét người ngủ say. “Cái gì! và anh vẫn cười!” Họ cười,—những đôi môi nhợt nhạt,—và VỚI nụ cười ấy, nơi định mệnh, người hành quyết, nỗi kinh hoàng biến mất. Với nụ cười đó, toàn bộ không gian dường như được ngập trong ánh nắng vĩnh cửu. Anh từ đất bước lên; anh phảng phất trên cô,—một thứ không phải vật chất, một Ý tưởng về niềm vui và ánh sáng! Phía sau, Thiên Đàng mở cửa, sâu thẳm sau sâu thẳm; và Đội quân của Vẻ Đẹp được nhìn thấy, hàng trên hàng, xa xăm; và “Chào mừng!” trong vô số giai điệu, vang lên từ bản hòa tấu của các ngươi, các Người trên Trời, —“chào mừng! Ôi đã được thanh lọc qua sự hy sinh, và bất tử chỉ thông qua mồ,—đó là cách chết.” Và rực rỡ giữa những rực rỡ, HÌNH ẢNH vươn ra đôi tay, và thì thầm với người ngủ:

....

....

“Ho! wherefore do they make us signs from the house-tops? Wherefore gather the crowds through the street? Why sounds the bell? Why shrieks the tocsin? Hark to the guns!—the armed clash! Fellow-captives, is there hope for us at last?”

“Ồ! tại sao họ làm dấu hiệu cho chúng ta từ mái nhà? Tại sao người ta tụ tập qua đường phố? Tại sao chuông vang lên? Tại sao còi báo động kêu lên? Nghe thử tiếng súng!—tiếng va chạm vũ trang! Anh em tù đồng đội, liệu có hy vọng cho chúng ta cuối cùng không?”

So gasp out the prisoners, each to each. Day wanes—evening closes; still they press their white faces to the bars, and still from window and from house-top they see the smiles of friends,—the waving signals! “Hurrah!” at last,—“Hurrah! Robespierre is fallen! The Reign of Terror is no more! God hath permitted us to live!”

Như vậy, tù nhân thở hổn hển với nhau. Ngày dần tắt—đêm đến; họ vẫn đẩy mặt trắng vào thanh sắt, và vẫn từ cửa sổ và từ mái nhà, họ nhìn thấy nụ cười của bạn bè,—những dấu hiệu vẫy! “Viva!” cuối cùng,—“Viva! Robespierre đã ngã! Triều đại Khủng bố không còn nữa! Chúa đã cho chúng ta sống!”

Yes; cast thine eyes into the hall where the tyrant and his conclave hearkened to the roar without! Fulfilling the prophecy of Dumas, Henriot, drunk with blood and alcohol, reels within, and chucks his gory sabre on the floor. “All is lost!”

Đúng vậy; h

“Poor one!” said a female (herself a parent), “and they say the father fell yesterday; and now the mother! Alone in the world, what can be its fate?”

"Người nghèo!" một phụ nữ (chính bản thân là một người cha mẹ) nói, "và họ nói người cha đã qua đời hôm qua; và bây giờ người mẹ! Một mình trên thế giới này, số phận của nó sẽ ra sao?"

The infant smiled fearlessly on the crowd, as the woman spoke thus. And the old priest, who stood amongst them, said gently, “Woman, see! the orphan smiles! THE FATHERLESS ARE THE CARE OF GOD!”

Đứa trẻ cười mạnh mẽ trước đám đông, khi người phụ nữ nói như vậy. Và ông thầy già, đứng giữa họ, nói nhẹ nhàng, "Phụ nữ ơi, hãy nhìn kia! Đứa trẻ mồ côi cười! NHỮNG NGƯỜI MỒ CÔI LÀ SỰ QUAN TÂM CỦA CHÚA!"

NOTE. The curiosity which Zanoni has excited among those who think it worth while to dive into the subtler meanings they believe it intended to convey, may excuse me in adding a few words, not in explanation of its mysteries, but upon the principles which permit them. Zanoni is not, as some have supposed, an allegory; but beneath the narrative it relates, TYPICAL meanings are concealed. It is to be regarded in two characters, distinct yet harmonious,—1st, that of the simple and objective fiction, in which (once granting the license of the author to select a subject which is, or appears to be, preternatural) the reader judges the writer by the usual canons, —namely, by the consistency of his characters under such admitted circumstances, the interest of his story, and the coherence of his plot; of the work regarded in this view, it is not my intention to say anything, whether in exposition of the design, or in defence of the execution. No typical meanings (which, in plain terms are but moral suggestions, more or less numerous, more or less subtle) can afford just excuse to a writer of fiction, for the errors he should avoid in the most ordinary novel. We have no right to expect the most ingenious reader to search for the inner meaning, if the obvious course of the narrative be tedious and displeasing. It is, on the contrary, in proportion as we are satisfied with the objective sense of a work of imagination, that we are inclined to search into its depths for the more secret intentions of the author. Were we not so divinely charmed with “Faust,” and “Hamlet,” and “Prometheus,” so ardently carried on by the interest of the story told to the common understanding, we should trouble ourselves little with the types in each which all of us can detect, —none of us can elucidate; none elucidate, for the essence of type is mystery. We behold the figure, we cannot lift the veil. The author himself is not called upon to explain what he designed. An allegory is a personation of distinct and definite things,—virtues or qualities,—and the key can be given easily; but a writer who conveys typical meanings, may express them in myriads. He cannot disentangle all the hues which

commingle into the light he seeks to cast upon truth; and therefore the great masters of this enchanted soil,—Fairyland of Fairyland, Poetry imbedded beneath Poetry,—wisely leave to each mind to guess at such truths as best please or instruct it. To have asked Goethe to explain the "Faust" would have entailed as complex and puzzling an answer as to have asked Mephistopheles to explain what is beneath the earth we tread on. The stores beneath may differ for every passenger; each step may require a new description; and what is treasure to the geologist may be rubbish to the miner. Six worlds may lie under a sod, but to the common eye they are but six layers of stone.

GHI CHÚ. Sự tò mò mà Zanoni đã gây ra trong những người tin rằng đáng đáng để đào sâu vào những ý nghĩa tinh tế mà họ tin rằng nó được thiết kế để truyền đạt, có thể tha thứ cho tôi khi thêm một vài từ, không phải để giải thích về những bí ẩn của nó, mà là về những nguyên tắc cho phép chúng. Zanoni không phải như một số người đã nghĩ, một bài vịnh; nhưng dưới câu chuyện mà nó kể, những ý nghĩa TYPICAL được giấu kín. Nó cần phải xem xét dưới hai nhân vật, khác biệt nhưng hài hòa,—1, đó là của truyện hư cấu đơn giản và khách quan, trong đó (khi đã cho phép tác giả chọn một chủ đề mà là, hoặc dường như là, siêu nhiên) người đọc đánh giá tác giả bằng những quy tắc thông thường,—nói cách khác, bằng sự nhất quán của nhân vật của ông dưới những tình huống được công nhận như vậy, sự hấp dẫn của câu chuyện của ông, và sự liên kết của cốt truyện của ông; với tác phẩm được xem xét dưới góc độ này, không phải là ý định của tôi khi nói gì cả, dù là trong việc giải thích thiết kế, hay bảo vệ về việc thực hiện. Không có ý nghĩa TYPICAL (những gợi ý đạo đức, nhiều hay ít, tinh tế hay không) có thể cung cấp lý do công bằng cho một tác giả hư cấu, cho những sai lầm mà ông nên tránh trong tiểu thuyết phổ thông nhất. Chúng ta không có quyền mong đợi người đọc tinh tế nhất phải tìm kiếm ý nghĩa bên trong, nếu hành trình rõ ràng của câu chuyện là chán ngấy và không hài lòng. Ngược lại, tỷ lệ với sự hài lòng với ý nghĩa khách quan của một tác phẩm tưởng tượng, chúng ta sẽ càng

cảm thấy khuynh hướng tìm kiếm vào sâu thẳm để tìm ra những ý định bí mật hơn của tác giả. Nếu chúng ta không được mê hoặc bởi "Faust," và "Hamlet," và "Prometheus," và cạn lời bởi sự hấp dẫn của câu chuyện kể cho hiểu biết chung, chúng ta sẽ ít quan tâm đến các loại trong mỗi cuốn mà tất cả chúng ta có thể phát hiện,—không ai có thể làm sáng tỏ; không ai làm sáng tỏ, vì bản chất của loại là huyền bí. Chúng ta nhìn thấy hình ảnh, chúng ta không thể nâng bức màn. Chính tác giả không phải giải thích điều ông đã thiết kế. Một bài vịnh là một biểu hiện của những thứ cụ thể và rõ ràng,—đức tính hoặc phẩm chất,—và chìa khóa có thể được đưa dễ dàng; nhưng một tác giả truyền đạt những ý nghĩa TYPICAL, có thể biểu hiện chúng theo hàng nghìn. Ông không thể giải mã tất cả các màu sắc kết hợp vào ánh sáng mà ông cố gắng chiếu sáng lên sự thật; và vì vậy, những nhà văn lớn của mảnh đất huyền bí này,—Thế giới của Thế giới, Thơ ẩn sau Thơ,—khôn ngoan để lại cho mỗi tâm trí đoán những sự thật mà tốt nhất làm hài lòng hoặc giáo dục nó. Đã hỏi Goethe giải thích "Faust" sẽ kéo theo một câu trả lời phức tạp và khó hiểu như việc hỏi Mephistopheles giải thích cái gì dưới đất mà chúng ta bước đi. Những kho dữ dội dưới có thể khác nhau cho mỗi hành khách; mỗi bước có thể đòi hỏi một mô tả mới; và cái mà là kho báu đối với nhà địa chất có thể là rác cho thợ mỏ. Có thể có sáu thế giới nằm dưới một mảnh cỏ, nhưng với mắt thường thì chúng chỉ là sáu lớp đá.

Art in itself, if not necessarily typical, is essentially a suggester of something subtler than that which it embodies to the sense. What Pliny tells us of a great painter of old, is true of most great painters; “their works express something beyond the works,”—“more felt than understood.” This belongs to the concentration of intellect which high art demands, and which, of all the arts, sculpture best illustrates. Take Thorwaldsen’s Statue of Mercury,—it is but a single figure, yet it tells to those conversant with mythology a whole legend. The god has removed the pipe from his lips, because he has already lulled to sleep the Argus, whom you do not see. He is pressing his heel

against his sword, because the moment is come when he may slay his victim. Apply the principle of this noble concentration of art to the moral writer: he, too, gives to your eye but a single figure; yet each attitude, each expression, may refer to events and truths you must have the learning to remember, the acuteness to penetrate, or the imagination to conjecture. But to a classical judge of sculpture, would not the exquisite pleasure of discovering the all not told in Thorwaldsen's masterpiece be destroyed if the artist had engraved in detail his meaning at the base of the statue? Is it not the same with the typical sense which the artist in words conveys? The pleasure of divining art in each is the noble exercise of all by whom art is worthily regarded.

Nghệ thuật trong chính nó, nếu không nhất thiết phải là loại, chính vốn là người gợi ý của điều gì tinh tế hơn cái mà nó thể hiện cho giác quan. Những gì Pliny kể cho chúng ta về một họa sĩ vĩ đại ngày xưa, là đúng với hầu hết những họa sĩ vĩ đại; "công trình của họ thể hiện điều gì đó vượt ra ngoài công trình,"—"cảm nhận hơn là hiểu biết." Điều này thuộc về sự tập trung của trí tuệ mà nghệ thuật cao cấp đòi hỏi, và trong số tất cả các nghệ thuật, điêu khắc làm rõ nhất. Hãy xem Bức tượng của Thần Thương Thương của Thorwaldsen,—nó chỉ là một hình dáng duy nhất, nhưng nó kể cho những người am hiểu về thần thoại một câu chuyện toàn vẹn. Thần đã bỏ ống nhạc khỏi môi, bởi ông đã đánh gục Argus vào giấc ngủ, người mà bạn không thấy. Ông đang đè gót chân lên thanh kiếm, bởi lúc ấy đã đến khi ông có thể giết nạn nhân của mình. Áp dụng nguyên lý của sự tập trung nghệ thuật cao quý này vào nhà văn đạo đức: ông cũng chỉ đưa cho mắt bạn một hình dáng duy nhất; nhưng mỗi tư thế, mỗi biểu hiện, có thể liên quan đến sự kiện và sự thật mà bạn phải có kiến thức để nhớ, sự sắc bén để thâm nhập, hoặc sự tưởng tượng để phỏng đoán. Nhưng với một thẩm phán cổ điển về điêu khắc, liệu niềm vui tinh tế của việc khám phá những điều chưa được kể trong tác phẩm điêu khắc của Thorwaldsen có bị phá hủy nếu nghệ sĩ đã khắc chi tiết ý nghĩa

của mình ở phần đế của bức tượng không? Có phải là tương tự với ý nghĩa tiêu biểu mà nghệ sĩ bằng lời nói truyền đạt? Niềm vui của việc suy luận nghệ thuật trong mỗi cái là bài tập cao quý của tất cả những người coi trọng nghệ thuật một cách xứng đáng.

We of the humbler race not unreasonably shelter ourselves under the authority of the masters, on whom the world's judgment is pronounced; and great names are cited, not with the arrogance of equals, but with the humility of inferiors.

Chúng tôi, những người thuộc giống loài khiêm tốn không hợp lý khi che đậy bản thân dưới sự quyền lực của các bậc thầy, trên đó phán xét của thế giới được tuyên bố; và những tên tuổi lớn được trích dẫn, không với sự kiêu căng của những người bằng tuổi, mà với sự khiêm tốn của những người dưới thấp.

The author of Zanoni gives, then, no key to mysteries, be they trivial or important, which may be found in the secret chambers by those who lift the tapestry from the wall; but out of the many solutions of the main enigma—if enigma, indeed, there be—which have been sent to him, he ventures to select the one which he subjoins, from the ingenuity and thought which it displays, and from respect for the distinguished writer (one of the most eminent our time has produced) who deemed him worthy of an honour he is proud to display. He leaves it to the reader to agree with, or dissent from the explanation. "A hundred men," says the old Platonist, "may read the book by the help of the same lamp, yet all may differ on the text, for the lamp only lights the characters,—the mind must divine the meaning." The object of a parable is not that of a problem; it does not seek to convince, but to suggest. It takes the thought below the surface of the understanding to the deeper intelligence which the world rarely tasks. It is not sunlight on the water; it is a hymn chanted to the nymph who hearkens and awakes below.

Tác giả của Zanoni, vì vậy, không đưa ra bất kỳ chìa khóa nào cho những bí ẩn, dù là nhỏ nhặt hay quan trọng, mà có thể được tìm thấy trong các phòng bí mật bởi những người kéo t

VIOLA:—Human INSTINCT. (Hardly worthy to be called LOVE, as Love would not forsake its object at the bidding of Superstition.) Resorts, first in its aspiration after the Ideal, to tinsel shows; then relinquishes these for a higher love; but is still, from the conditions of its nature, inadequate to this, and liable to suspicion and mistrust. Its greatest force (Maternal Instinct) has power to penetrate some secrets, to trace some movements of the Ideal, but, too feeble to command them, yields to Superstition, sees sin where there is none, while committing sin, under a false guidance; weakly seeking refuge amidst the very tumults of the warring passions of the Actual, while deserting the serene Ideal,—pining, nevertheless, in the absence of the Ideal, and expiring (not perishing, but becoming transmuted) in the aspiration after having the laws of the two natures reconciled. (It might best suit popular apprehension to call these three the Understanding, the Imagination, and the Heart.)

VIOLA:—BẢN CHẤT NGƯỜI. (Khó có thể gọi là TÌNH YÊU, vì Tình Yêu không bao giờ bỏ rơi đối tượng của mình theo yêu cầu của Sự Mê Tín.) Ban đầu, trong sự khao khát đạt tới Đỉnh Cao, tìm đến những hiện thị sừng sững; sau đó bỏ những cái này để tìm đến một tình yêu cao cả hơn; nhưng vẫn, do điều kiện bản chất của nó, không đủ để đối phó với điều này, và dễ bị nghi ngờ và không tin tưởng. Sức mạnh lớn nhất của nó (Bản Chất Mẹ) có khả năng xâm nhập vào một số bí mật, theo dõi một số chuyển động của Đỉnh Cao, nhưng quá yếu để thống trị chúng, nhường lại cho Sự Mê Tín, nhìn thấy tội lỗi nơi không có tội lỗi, trong khi tự phạm tội, dưới sự hướng dẫn sai lầm; yếu đuối tìm kiếm nơi trú ẩn giữa những cuộc chiến của những cảm xúc xung đột của Thực Tại, trong khi bỏ rơi Đỉnh Cao thanh bình,—khao khát, tuy nhiên, trong sự vắng mặt của Đỉnh Cao, và chết (không phải

mất mát, mà biến đổi) trong sự khao khát sau khi đã hòa giải luật lệ của hai bản chất. (Có thể phù hợp nhất với sự hiểu biết phổ biến nếu gọi ba điều này là Sự Hiểu Biết, Sự Tưởng Tượng, và Trái Tim.)

CHILD:—NEW-BORN INSTINCT, while trained and informed by Idealism, promises a preter-human result by its early, incommunicable vigilance and intelligence, but is compelled, by inevitable orphanhood, and the one-half of the laws of its existence, to lapse into ordinary conditions.

TRẺ EM:—BẢN CHẤT MỚI SINH, trong khi được đào tạo và thông tin bởi ĐẠO LÝ, hứa hẹn một kết quả vượt trội trước loài người thông qua sự đánh thức và thông minh sớm, không thể truyền đạt, nhưng bị buộc phải rơi vào điều kiện bình thường do sự mồ côi không tránh khỏi, và một nửa luật lệ tồn tại của nó.

AIDON-AI:—FAITH, which manifests its splendour, and delivers its oracles, and imparts its marvels, only to the higher moods of the soul, and whose directed antagonism is with Fear; so that those who employ the resources of Fear must dispense with those of Faith. Yet aspiration holds open a way of restoration, and may summon Faith, even when the cry issues from beneath the yoke of fear.

AIDON-AI:—NIỀM TIN, hiển hiện vẻ rực rỡ của mình, và truyền đạt những lời tiên tri của mình, và truyền bá những kỳ diệu của mình, chỉ đến những tâm trạng cao hơn của linh hồn, và mục tiêu đối đầu của nó là Sợ Hãi; vì vậy những người sử dụng tài nguyên của Sợ Hãi phải từ bỏ tài nguyên của Niềm Tin. Tuy nhiên, khao khát mở ra một con đường phục hồi, và có thể triệu hồi Niềm Tin, ngay cả khi lời kêu gọi phát ra từ dưới ách của nỗi sợ hãi.

DWELLER OF THE THRESHOLD:—FEAR (or HORROR), from whose ghastliness men are protected by the opacity of the

region of Prescription and Custom. The moment this protection is relinquished, and the human spirit pierces the cloud, and enters alone on the unexplored regions of Nature, this Natural Horror haunts it, and is to be successfully encountered only by defiance,—by aspiration towards, and reliance on, the Former and Director of Nature, whose Messenger and Instrument of reassurance is Faith.

KẺ TRẤN GIỮ NGƯỠNG CỬA:—SỢ HÃI (hoặc KINH HOÀNG), từ sự ghê rợn của nó mà con người được bảo vệ bởi sự mờ đục của vùng đất của Quy Định và Tập Tục. Ngay lúc bảo vệ này được từ bỏ, và tinh thần con người xâm nhập qua đám mây, và bước vào một mình vào những khu vực chưa được khám phá của Tự Nhiên, nỗi Sợ Hãi Thiên Nhiên này ám ảnh nó, và chỉ có thể đối mặt thành công bằng sự thách thức,—bằng sự khao khát về, và tin tưởng vào, Người Điều Hành và Hướng Dẫn của Tự Nhiên, người Đi Sứ và Dụng Cụ của sự an ủi là Niềm Tin.

MERVALE:—CONVENTIONALISM.

MERVALE:—TRUYỀN THỐNG.

NICOT:—Base, grovelling, malignant PASSION.

NICOT:—SỰ XÚC PHẠM, thấp hèn, ác độc.

GLYNDON:—UNSUSTAINED ASPIRATION: Would follow Instinct, but is deterred by Conventionalism, is overawed by Idealism, yet attracted, and transiently inspired, but has not steadiness for the initiatory contemplation of the Actual. He conjoins its snatched privileges with a besetting sensualism, and suffers at once from the horror of the one and the disgust of the other, involving the innocent in the fatal conflict of his spirit. When on the point of perishing, he is rescued by Idealism, and, unable to rise to that species of existence, is grateful to be replunged into the region of the Familiar, and

takes up his rest henceforth in Custom. (Mirror of Young Manhood.)

GLYNDON:—KHẢ NĂNG KHÁT KHAO KHÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ: Muốn theo Bản Chất, nhưng bị cản trở bởi Truyền Thống, bị ám ảnh bởi Đạo Lý, nhưng lại bị thu hút, và tạm thời truyền cảm hứng, nhưng không có sự vững chãi để khởi đầu suy tư về Thực Tại. Anh ta kết hợp các đặc quyền bị cướp của nó với sự thị phi của một tham lam, và chịu ngay lập tức từ nỗi kinh hoàng của cái này và sự kinh tởm của cái kia, kéo theo người vô tội vào cuộc xung đột chết người của tinh thần anh ta. Khi trên bờ vực của cái chết, anh ta được cứu rỗi bởi Đạo Lý, và, không thể nâng cao lên loại tồn tại đó, anh ta biết ơn được đưa trở lại vào vùng đất quen thuộc, và nghỉ ngơi từ đây về sau trong Truyền Thống. (Gương của Tuổi Trẻ Nam.)

.... ARGUMENT. Human Existence subject to, and exempt from, ordinary conditions (Sickness, Poverty, Ignorance, Death). SCIENCE is ever striving to carry the most gifted beyond ordinary conditions,—the result being as many victims as efforts, and the striver being finally left a solitary,—for his object is unsuitable to the natures he has to deal with. The pursuit of the Ideal involves so much emotion as to render the Idealist vulnerable by human passion, however long and well guarded, still vulnerable,—liable, at last, to a union with Instinct. Passion obscures both Insight and Forecast. All effort to elevate Instinct to Idealism is abortive, the laws of their being not coinciding (in the early stage of the existence of the one). Instinct is either alarmed, and takes refuge in Superstition or Custom, or is left helpless to human charity, or given over to providential care. Idealism, stripped of in sight and forecast, loses its serenity, becomes subject once more to the horror from which it had escaped, and by accepting its aids, forfeits the higher help of Faith; aspiration, however, remaining still possible, and, thereby, slow restoration; and also, SOMETHING BETTER. Summoned by aspiration, Faith extorts from Fear

itself the saving truth to which Science continues blind, and which Idealism itself hails as its crowning acquisition,—the inestimable PROOF wrought out by all labours and all conflicts. Pending the elaboration of this proof, CONVENTIONALISM plods on, safe and complacent; SELFISH PASSION perishes, grovelling and hopeless; INSTINCT sleeps, in order to a loftier waking; and IDEALISM learns, as its ultimate lesson, that self-sacrifice is true redemption; that the region beyond the grave is the fitting one for exemption from mortal conditions; and that Death is the everlasting portal, indicated by the finger of God,—the broad avenue through which man does not issue solitary and stealthy into the region of Free Existence, but enters triumphant, hailed by a hierarchy of immortal natures. The result is (in other words), THAT THE UNIVERSAL HUMAN LOT IS, AFTER ALL, THAT OF THE HIGHEST PRIVILEGE.

.... LỜI TRÍCH. Sự tồn tại của con người phụ thuộc vào, và miễn khỏi, điều kiện bình thường (Bệnh Tật, Nghèo Đói, Sự Ignorance, Sự Chết). KHOA HỌC luôn cố gắng đưa những người tài năng nhất vượt ra khỏi điều kiện bình thường,—kết quả là có nhiều nạn nhân như nỗ lực, và người cố gắng cuối cùng bị bỏ lại một mình,—vì mục tiêu của anh ta không phù hợp với bản chất mà anh ta phải đối diện. Việc theo đuổi Đỉnh Cao đòi hỏi nhiều cảm xúc đến nỗi khiến cho Người Hùng Lý Tưởng trở nên dễ tổn thương bởi cảm xúc con người, dù đã được bảo vệ lâu dài và cẩn thận, vẫn dễ tổn thương,—dễ, cuối cùng, kết hợp với Bản Chất. Cảm xúc che lấp cả Hiểu Biết và Tiên Tri. Mọi nỗ lực để nâng cao Bản Chất lên Đỉnh Cao là vô ích, luật lệ của sự tồn tại của họ không trùng khớp (ở giai đoạn đầu của sự tồn tại của một bên). Bản Chất hoặc bị hoảng sợ, và trú ẩn trong Mê Tín hoặc Truyền Thống, hoặc bị bỏ rơi không thể tự giúp đỡ, hoặc được giao cho sự chăm sóc của Thiên Chúa. Đạo Lý, bị lột tả khỏi Hiểu Biết và Tiên Tri, mất đi sự thanh thản, trở lại dưới sự kinh hoàng mà nó đã trốn thoát, và bằng việc chấp nhận sự giúp đỡ của nó, mất mất cơ hội cao hơn của Niềm Tin; khao khát, tuy nhiên, vẫn còn có khả năng, và, qua đó, phục hồi chậm rãi; và cũng, MỘT CÁI GÌ

ĐÓ TỐT HƠN. Được triệu hồi bởi khao khát, Niềm Tin ép buộc từ chính Sợ Hãi chính sự sự thật cứu rỗi mà Khoa Học vẫn mù quáng, và mà Đạo Lý tự cao là sự đạt được cao cả nhất,—bằng chứng không thể đo lường được được tạo ra bởi tất cả công lao và tất cả cuộc xung đột. Trong khi chờ đợi việc phát triển của bằng chứng này, TRUYỀN THỐNG tiếp tục, an toàn và hài lòng; SỰ XÚC PHẠM TẶNG TẢ, thấp hèn và không hy vọng; BẢN CHẤT ngủ, để trải qua một giấc mơ cao cả hơn; và ĐẠO LÝ học, như bài học cuối cùng của nó, rằng sự hy sinh bản thân là sự cứu rỗi thực sự; rằng khu vực vượt qua mộ là nơi phù hợp cho việc miễn khỏi điều kiện tử thần; và rằng Sự Chết là cánh cổng vĩnh cửu, được chỉ ra bởi ngón tay của Thiên Chúa,—con đường rộng mở mà con người không phải ra đi đơn độc và lén lút vào khu vực của Tồn Tại Tự Do, mà vào bước vào chiến thắng, được chào đón bởi một thứ bậc thang của bản chất bất tử. Kết quả là (nói bằng cách khác), RẰNG VẬN M

*** END OF THE PROJECT GUTENBERG EBOOK ZANONI ***

*** KẾT THÚC SÁCH ĐIỆN TỬ PROJECT GUTENBERG ZANONI ***

Updated editions will replace the previous one—the old editions will be renamed.

Các phiên bản cập nhật sẽ thay thế phiên bản cũ—các phiên bản cũ sẽ được đổi tên.

Creating the works from print editions not protected by U.S. copyright law means that no one owns a United States copyright in these works, so the Foundation (and you!) can copy and distribute it in the United States without permission and without paying copyright royalties. Special rules, set forth in the General Terms of Use part of this license, apply to copying and distributing Project Gutenberg™ electronic works to protect the PROJECT GUTENBERG™ concept and trademark. Project Gutenberg is a registered trademark, and may not be used if you charge for an eBook, except by following the terms of the trademark license, including paying royalties for use of the Project Gutenberg trademark. If you do not charge anything for copies of this eBook, complying with the trademark license is very easy. You may use this eBook for nearly any purpose such as creation of derivative works, reports, performances and research. Project Gutenberg eBooks may be modified and printed and given away—you may do practically ANYTHING in the United States with eBooks not protected by U.S. copyright law. Redistribution is subject to the trademark license, especially commercial redistribution.

Việc tạo ra các tác phẩm từ các phiên bản in không được bảo vệ bởi luật bản quyền của Hoa Kỳ có nghĩa là không ai sở hữu bản quyền tác phẩm này tại Hoa Kỳ, vì vậy Quỹ (và bạn!) có thể sao chép và phân phối nó tại Hoa Kỳ mà không cần sự cho phép và không cần trả tiền bản quyền. Các quy tắc đặc biệt, được quy

định trong Phần Điều Khoản Chung của giấy phép này, áp dụng cho việc sao chép và phân phối các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ để bảo vệ khái niệm và thương hiệu PROJECT GUTENBERG™. Project Gutenberg là một thương hiệu đã được đăng ký, và không được sử dụng nếu bạn tính phí cho một eBook, trừ khi bạn tuân thủ các điều khoản của giấy phép thương hiệu, bao gồm việc thanh toán tiền bản quyền cho việc sử dụng thương hiệu Project Gutenberg. Nếu bạn không tính bất kỳ chi phí nào cho việc sao chép của cuốn eBook này, tuân thủ giấy phép thương hiệu rất dễ dàng. Bạn có thể sử dụng cuốn eBook này cho gần như bất kỳ mục đích nào như tạo ra các tác phẩm phái sinh, báo cáo, biểu diễn và nghiên cứu. Các eBook Project Gutenberg có thể được sửa đổi, in và trao tặng—bạn có thể làm GẦN NHƯ BẤT KỲ ĐIỀU GÌ ở Hoa Kỳ với các eBook không được bảo vệ bởi luật bản quyền của Hoa Kỳ. Việc phân phối lại phải tuân thủ giấy phép thương hiệu, đặc biệt là phân phối thương mại.

START: FULL LICENSE THE FULL PROJECT GUTENBERG LICENSE PLEASE READ THIS BEFORE YOU DISTRIBUTE OR USE THIS WORK To protect the Project Gutenberg™ mission of promoting the free distribution of electronic works, by using or distributing this work (or any other work associated in any way with the phrase “Project Gutenberg”), you agree to comply with all the terms of the Full Project Gutenberg™ License available with this file or online at www.gutenberg.org/license. Section 1. General Terms of Use and Redistributing Project Gutenberg™ electronic works 1.A. By reading or using any part of this Project Gutenberg™ electronic work, you indicate that you have read, understand, agree to and accept all the terms of this license and intellectual property (trademark/copyright) agreement. If you do not agree to abide by all the terms of this agreement, you must cease using and return or destroy all copies of Project Gutenberg™ electronic works in your possession. If you paid a fee for obtaining a copy of or access to a Project Gutenberg™ electronic work and you do not agree to be bound by the terms

of this agreement, you may obtain a refund from the person or entity to whom you paid the fee as set forth in paragraph 1.E.8.

BẮT ĐẦU: GIẤY PHÉP ĐẦY ĐỦ GIẤY PHÉP PROJECT GUTENBERG ĐẦY ĐỦ XIN VUI LÒNG ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI BẠN PHÂN PHỐI HOẶC SỬ DỤNG TÁC PHẨM NÀY Để bảo vệ sứ mệnh của Project Gutenberg™ trong việc thúc đẩy việc phân phối miễn phí các tác phẩm điện tử, bằng cách sử dụng hoặc phân phối tác phẩm này (hoặc bất kỳ tác phẩm nào liên quan một cách nào đến cụm từ "Project Gutenberg"), bạn đồng ý tuân thủ tất cả các điều khoản của Giấy Phép Đầy Đủ Project Gutenberg™ có sẵn trong tệp này hoặc trực tuyến tại www.gutenberg.org/license. Phần 1. Điều Khoản Chung và Phân Phối Lại các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ 1.A. Bằng cách đọc hoặc sử dụng bất kỳ phần nào của tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ này, bạn cho biết rằng bạn đã đọc, hiểu, đồng ý và chấp nhận tất cả các điều khoản của thỏa thuận bản quyền sở hữu trí tuệ (thương hiệu/bản quyền) này. Nếu bạn không đồng ý tuân thủ tất cả các điều khoản của thỏa thuận này, bạn phải ngừng sử dụng và trả lại hoặc phá hủy tất cả các bản sao của các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ mà bạn đang sở hữu. Nếu bạn đã trả phí để có bản sao hoặc truy cập vào một tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ và bạn không đồng ý tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này, bạn có thể nhận lại tiền từ người hoặc tổ chức mà bạn đã trả phí theo quy định tại Điều 1.E.8.

1.B. “Project Gutenberg” is a registered trademark. It may only be used on or associated in any way with an electronic work by people who agree to be bound by the terms of this agreement. There are a few things that you can do with most Project Gutenberg™ electronic works even without complying with the full terms of this agreement. See paragraph 1.C below. There are a lot of things you can do with Project Gutenberg™ electronic works if you follow the terms of this agreement and help preserve free future access to Project Gutenberg™ electronic works. See paragraph 1.E below.

1.B. “Project Gutenberg” là một thương hiệu đã được đăng ký. Nó chỉ được sử dụng trên hoặc liên kết một cách nào đó với một tác phẩm điện tử bởi những người đồng ý tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này. Có một số điều bạn có thể làm với hầu hết các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ ngay cả khi không tuân thủ đầy đủ các điều khoản của thỏa thuận này. Xem Điều 1.C bên dưới. Có rất nhiều điều bạn có thể làm với các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ nếu bạn tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này và giúp bảo tồn việc truy cập miễn phí vào tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ trong tương lai. Xem Điều 1.E bên dưới.

*** END OF THE PROJECT GUTENBERG EBOOK ZANONI ***
Updated editions will replace the previous one—the old editions will be renamed. Creating the works from print editions not protected by U.S. copyright law means that no one owns a United States copyright in these works, so the Foundation (and you!) can copy and distribute it in the United States without permission and without paying copyright royalties. Special rules, set forth in the General Terms of Use part of this license, apply to copying and distributing Project Gutenberg™ electronic works to protect the PROJECT GUTENBERG™ concept and trademark. Project Gutenberg is a registered trademark, and may not be used if you charge for an eBook, except by following the terms of the trademark license, including paying royalties for use of the Project Gutenberg trademark. If you do not charge anything for copies of this eBook, complying with the trademark license is very easy. You may use this eBook for nearly any purpose such as creation of derivative works, reports, performances and research. Project Gutenberg eBooks may be modified and printed and given away—you may do practically ANYTHING in the United States with eBooks not protected by U.S. copyright law. Redistribution is subject to the trademark license, especially commercial redistribution.

*** CUỐI CÙNG CỦA DỰ ÁN GUTENBERG EBOOK ZANONI *** Các phiên bản cập nhật sẽ thay thế phiên bản cũ—các phiên bản cũ sẽ được đổi tên. Việc tạo ra các tác phẩm từ các phiên bản in không được bảo vệ bởi luật bản quyền của Hoa Kỳ có nghĩa là không ai sở hữu bản quyền tại Hoa Kỳ cho các tác phẩm này, vì vậy Quỹ (và bạn!) có thể sao chép và phân phối chúng tại Hoa Kỳ mà không cần sự cho phép và không cần trả tiền bản quyền. Các quy tắc đặc biệt, được nêu trong Phần Điều Khoản Sử Dụng Chung của bản quyền này, áp dụng cho việc sao chép và phân phối các tác phẩm điện tử của Project Gutenberg™ để bảo vệ khái niệm và thương hiệu PROJECT GUTENBERG™. Project Gutenberg là một thương hiệu đã đăng ký, và không thể sử dụng nếu bạn tính phí cho một eBook, ngoại trừ việc tuân thủ các điều khoản của giấy phép thương hiệu, bao gồm việc trả tiền bản quyền cho việc sử dụng thương hiệu Project Gutenberg. Nếu bạn không tính phí cho bất kỳ bản sao của eBook này, việc tuân thủ giấy phép thương hiệu rất dễ dàng. Bạn có thể sử dụng eBook này cho gần như bất kỳ mục đích nào như tạo ra các tác phẩm phái sinh, báo cáo, biểu diễn và nghiên cứu. Các eBook của Project Gutenberg có thể được sửa đổi, in và được tặng đi—bạn có thể làm GẦN NHƯ BẤT KỲ ĐIỀU GÌ ở Hoa Kỳ với các eBook không được bảo vệ bởi luật bản quyền của Hoa Kỳ. Việc phân phối lại phải tuân thủ giấy phép thương hiệu, đặc biệt là phân phối thương mại.

START: FULL LICENSE THE FULL PROJECT GUTENBERG LICENSE PLEASE READ THIS BEFORE YOU DISTRIBUTE OR USE THIS WORK To protect the Project Gutenberg™ mission of promoting the free distribution of electronic works, by using or distributing this work (or any other work associated in any way with the phrase “Project Gutenberg”), you agree to comply with all the terms of the Full Project Gutenberg™ License available with this file or online at www.gutenberg.org/license. Section 1. General Terms of Use and Redistributing Project Gutenberg™ electronic works 1.A. By reading or using any part of this Project Gutenberg™ electronic work, you indicate that you have read,

understand, agree to and accept all the terms of this license and intellectual property (trademark/copyright) agreement. If you do not agree to abide by all the terms of this agreement, you must cease using and return or destroy all copies of Project Gutenberg™ electronic works in your possession. If you paid a fee for obtaining a copy of or access to a Project Gutenberg™ electronic work and you do not agree to be bound by the terms of this agreement, you may obtain a refund from the person or entity to whom you paid the fee as set forth in paragraph 1.E.8. 1.B. “Project Gutenberg” is a registered trademark. It may only be used on or associated in any way with an electronic work by people who agree to be bound by the terms of this agreement. There are a few things that you can do with most Project Gutenberg™ electronic works even without complying with the full terms of this agreement. See paragraph 1.C below. There are a lot of things you can do with Project Gutenberg™ electronic works if you follow the terms of this agreement and help preserve free future access to Project Gutenberg™ electronic works. See paragraph 1.E below. 1.C. The Project Gutenberg Literary Archive Foundation (“the Foundation” or PGLAF), owns a compilation copyright in the collection of Project Gutenberg™ electronic works. Nearly all the individual works in the collection are in the public domain in the United States. If an individual work is unprotected by copyright law in the United States and you are located in the United States, we do not claim a right to prevent you from copying, distributing, performing, displaying or creating derivative works based on the work as long as all references to Project Gutenberg are removed. Of course, we hope that you will support the Project Gutenberg™ mission of promoting free access to electronic works by freely sharing Project Gutenberg™ works in compliance with the terms of this agreement for keeping the Project Gutenberg™ name associated with the work. You can easily comply with the terms of this agreement by keeping this work in the same format with its attached full Project

Gutenberg™ License when you share it without charge with others.

BẮT ĐẦU: GIẤY PHÉP ĐẦY ĐỦ GIẤY PHÉP GUTENBERG ĐẦY ĐỦ HÃY ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI BẠN PHÂN PHỐI HOẶC SỬ DỤNG TÁC PHẨM NÀY Để bảo vệ sứ mệnh của Project Gutenberg™ trong việc khuyến khích sự phân phối miễn phí của các tác phẩm điện tử, bằng cách sử dụng hoặc phân phối tác phẩm này (hoặc bất kỳ tác phẩm nào liên quan mọi cách với cụm từ "Project Gutenberg"), bạn đồng ý tuân thủ tất cả các điều khoản của Giấy Phép Đầy Đủ của Project Gutenberg™ có sẵn trong tệp này hoặc trực tuyến tại www.gutenberg.org/license. Phần 1. Điều Khoản Sử Dụng Chung và Phân Phối các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ 1.A. Bằng cách đọc hoặc sử dụng bất kỳ phần nào của tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ này, bạn cho biết rằng bạn đã đọc, hiểu, đồng ý và chấp nhận tất cả các điều khoản của bản quyền và thỏa thuận về sở hữu trí tuệ (thương hiệu/bản quyền). Nếu bạn không đồng ý tuân thủ tất cả các điều khoản của thỏa thuận này, bạn phải ngừng sử dụng và trả lại hoặc hủy bỏ tất cả các bản sao của các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ trong tay bạn. Nếu bạn đã trả tiền để có bản sao hoặc truy cập vào một tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ và bạn không đồng ý tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này, bạn có thể nhận lại tiền từ người hoặc tổ chức mà bạn đã trả tiền theo quy định tại đoạn 1.E.8. 1.B. "Project Gutenberg" là một thương hiệu đã đăng ký. Nó chỉ có thể được sử dụng trên hoặc liên quan mọi cách với một tác phẩm điện tử bởi những người đồng ý tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này. Có một số điều bạn có thể làm với hầu hết các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ ngay cả khi không tuân thủ đầy đủ các điều khoản của thỏa thuận này. Xem đoạn 1.C dưới đây. Có rất nhiều điều bạn có thể làm với các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ nếu bạn tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này và giúp bảo tồn quyền truy cập miễn phí vào tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ trong tương lai. Xem đoạn 1.E dưới đây. 1.C. Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg ("Quỹ" hoặc PGLAF), sở hữu

bản quyền tổng hợp trong bộ sưu tập các tác phẩm điện tử của Project Gutenberg™. Gần như tất cả các tác phẩm cá nhân trong bộ sưu tập đều ở miền công cộng tại Hoa Kỳ. Nếu một tác phẩm cá nhân không được bảo vệ bởi luật bản quyền tại Hoa Kỳ và bạn đang ở tại Hoa Kỳ, chúng tôi không khẳng định quyền ngăn bạn sao chép, phân phối, biểu diễn, hiển thị hoặc tạo ra các tác phẩm phái sinh dựa trên tác phẩm miễn là tất cả các tham chiếu đến Project Gutenberg được loại bỏ. Tất nhiên, chúng tôi hy vọng rằng bạn sẽ ủng hộ sứ mệnh của Project Gutenberg™ trong việc khuyến khích sự truy cập miễn phí vào các tác phẩm điện tử bằng cách chia sẻ các tác phẩm Project Gutenberg™ một cách tự do tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này để giữ cho tên Project Gutenberg™ liên kết với tác phẩm. Bạn có thể dễ dàng tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận này bằng cách giữ tác phẩm này trong cùng định dạng với Giấy Phép Đầy Đủ của Project Gutenberg™ khi bạn chia sẻ nó miễn phí với người khác.

E.7. Do not charge a fee for access to, viewing, displaying, performing, copying or distributing any Project Gutenberg™ works unless you comply with paragraph 1.E.8 or 1.E.9.

E.7. Không thu phí để truy cập, xem, hiển thị, thực hiện, sao chép hoặc phân phối bất kỳ tác phẩm Project Gutenberg™ nào trừ khi bạn tuân thủ đúng với đoạn 1.E.8 hoặc 1.E.9.

E.8. You may charge a reasonable fee for copies of or providing access to or distributing Project Gutenberg™ electronic works provided that:

E.8. Bạn có thể thu một khoản phí hợp lý cho việc sao chép hoặc cung cấp truy cập hoặc phân phối các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ miễn phí miễn là:

E.9. If you wish to charge a fee or distribute a Project Gutenberg™ electronic work or group of works on different terms than are set forth in this agreement, you must obtain

permission in writing from the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, the manager of the Project Gutenberg™ trademark. Contact the Foundation as set forth in Section 3 below.

E.9. Nếu bạn muốn thu phí hoặc phân phối một tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ hoặc một nhóm tác phẩm theo các điều khoản khác so với những điều đã quy định trong thỏa thuận này, bạn phải nhận được sự cho phép bằng văn bản từ Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg, người quản lý thương hiệu Project Gutenberg™. Liên hệ với Quỹ như đã quy định ở phần 3 dưới đây.

F.

F.

F.1. Project Gutenberg volunteers and employees expend considerable effort to identify, do copyright research on, transcribe and proofread works not protected by U.S. copyright law in creating the Project Gutenberg™ collection. Despite these efforts, Project Gutenberg™ electronic works, and the medium on which they may be stored, may contain “Defects,” such as, but not limited to, incomplete, inaccurate or corrupt data, transcription errors, a copyright or other intellectual property infringement, a defective or damaged disk or other medium, a computer virus, or computer codes that damage or cannot be read by your equipment.

F.1. Các tình nguyện viên và nhân viên của Project Gutenberg đã bỏ ra nhiều công sức để xác định, nghiên cứu bản quyền, sao chép và chứng minh các tác phẩm không được bảo vệ bởi pháp luật bản quyền của Mỹ trong quá trình tạo ra bộ sưu tập Project Gutenberg™. Mặc dù những nỗ lực này, các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ và phương tiện mà chúng có thể được lưu trữ, có thể chứa "Nhược điểm," nhưng không giới hạn ở dữ liệu

không hoàn chỉnh, không chính xác hoặc bị hỏng, lỗi sao chép, vi phạm bản quyền hoặc tài sản trí tuệ khác, đĩa hỏng hoặc bị hỏng hoặc phương tiện khác, virus máy tính hoặc mã máy tính gây hỏng hoặc không thể đọc được bởi thiết bị của bạn.

F.2. LIMITED WARRANTY, DISCLAIMER OF DAMAGES - Except for the “Right of Replacement or Refund” described in paragraph 1.F.3, the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, the owner of the Project Gutenberg™ trademark, and any other party distributing a Project Gutenberg™ electronic work under this agreement, disclaim all liability to you for damages, costs and expenses, including legal fees. YOU AGREE THAT YOU HAVE NO REMEDIES FOR NEGLIGENCE, STRICT LIABILITY, BREACH OF WARRANTY OR BREACH OF CONTRACT EXCEPT THOSE PROVIDED IN PARAGRAPH 1.F.3. YOU AGREE THAT THE FOUNDATION, THE TRADEMARK OWNER, AND ANY DISTRIBUTOR UNDER THIS AGREEMENT WILL NOT BE LIABLE TO YOU FOR ACTUAL, DIRECT, INDIRECT, CONSEQUENTIAL, PUNITIVE OR INCIDENTAL DAMAGES EVEN IF YOU GIVE NOTICE OF THE POSSIBILITY OF SUCH DAMAGE.

F.2. BẢO HÀNH GIỚI HẠN, MIỄN TRÁCH NHIỆM VỀ THIỆT HẠI - Ngoại trừ "Quyền Thay Thế hoặc Hoàn Trả" được mô tả trong đoạn 1.F.3, Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg, chủ sở hữu thương hiệu Project Gutenberg™ và bất kỳ bên thứ ba nào phân phối một tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ theo thỏa thuận này, không chịu trách nhiệm với bạn về thiệt hại, chi phí và các khoản phí, bao gồm cả phí luật sư. BẠN ĐỒNG Ý RẰNG BẠN KHÔNG CÓ BIỆN PHÁP CHỐNG LẠI SAI SÓT, TRÁCH NHIỆM NGHIÊM NGẠCH, VI PHẠM BẢO HÀNH HOẶC VI PHẠM HỢP ĐỒNG NGOẠI TRỪ NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC CUNG CẤP TRONG ĐOẠN 1.F.3. BẠN ĐỒNG Ý RẰNG QUỸ, CHỦ SỞ HỮU THƯƠNG HIỆU, VÀ BẤT KỲ NHÀ PHÂN PHỐI NÀO DƯỚI THỎA THUẬN NÀY SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI BẠN VỀ THIỆT HẠI THỰC TẾ, TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, HẬU QUẢ, TRỪNG TRỪNG

HOẶC TÌNH CỜ NGAY CẢ KHI BẠN THÔNG BÁO VỀ KHẢ NĂNG CÓ THỂ XẢY RA THIỆT HẠI NHƯ VẬY.

F.3. LIMITED RIGHT OF REPLACEMENT OR REFUND - If you discover a defect in this electronic work within 90 days of receiving it, you can receive a refund of the money (if any) you paid for it by sending a written explanation to the person you received the work from. If you received the work on a physical medium, you must return the medium with your written explanation. The person or entity that provided you with the defective work may elect to provide a replacement copy in lieu of a refund. If you received the work electronically, the person or entity providing it to you may choose to give you a second opportunity to receive the work electronically in lieu of a refund. If the second copy is also defective, you may demand a refund in writing without further opportunities to fix the problem.

F.3. QUYỀN THAY THẾ HOẶC HOÀN TRẢ GIỚI HẠN - Nếu bạn phát hiện lỗi trong tác phẩm điện tử này trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận nó, bạn có thể nhận được hoàn trả tiền (nếu có) bạn đã trả cho nó bằng cách gửi một giải thích bằng văn bản cho người bạn đã nhận tác phẩm đó từ. Nếu bạn nhận tác phẩm trên phương tiện vật lý, bạn phải trả lại phương tiện đó cùng với giải thích bằng văn bản của bạn. Người hoặc tổ chức đã cung cấp cho bạn tác phẩm bị lỗi có thể chọn cung cấp một bản sao thay thế thay vì hoàn trả. Nếu bạn nhận tác phẩm điện tử, người hoặc tổ chức cung cấp cho bạn có thể chọn cung cấp cho bạn cơ hội thứ hai để nhận tác phẩm điện tử thay vì hoàn trả. Nếu bản sao thứ hai cũng có lỗi, bạn có thể yêu cầu hoàn trả bằng văn bản mà không còn cơ hội nào để khắc phục vấn đề.

F.4. Except for the limited right of replacement or refund set forth in paragraph 1.F.3, this work is provided to you ‘AS-IS’, WITH NO OTHER WARRANTIES OF ANY KIND, EXPRESS OR

IMPLIED, INCLUDING BUT NOT LIMITED TO WARRANTIES OF MERCHANTABILITY OR FITNESS FOR ANY PURPOSE.

F.4. Ngoại trừ quyền thay thế hoặc hoàn trả giới hạn được quy định trong đoạn 1.F.3, tác phẩm này được cung cấp cho bạn 'NHƯ VẬY', KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO HÀNH NÀO KHÁC, RÕ RÀNG HOẶC NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở BẢO HÀNH VỀ NGUỒN GỐC HAY SỰ PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH.

F.5. Some states do not allow disclaimers of certain implied warranties or the exclusion or limitation of certain types of damages. If any disclaimer or limitation set forth in this agreement violates the law of the state applicable to this agreement, the agreement shall be interpreted to make the maximum disclaimer or limitation permitted by the applicable state law. The invalidity or unenforceability of any provision of this agreement shall not void the remaining provisions.

F.5. Một số tiểu bang không cho phép miễn trừ các bảo hành ngụ ý hoặc loại trừ hoặc giới hạn một số loại thiệt hại. Nếu bất kỳ miễn trừ hoặc giới hạn nào được quy định trong thỏa thuận này vi phạm pháp luật của tiểu bang áp dụng cho thỏa thuận này, thỏa thuận sẽ được hiểu theo cách làm cho miễn trừ hoặc giới hạn tối đa được phép bởi pháp luật tiểu bang áp dụng. Sự không hợp lệ hoặc không thể thi hành của bất kỳ điều khoản nào trong thỏa thuận này sẽ không vô hiệu hóa các điều khoản còn lại.

F.6. INDEMNITY - You agree to indemnify and hold the Foundation, the trademark owner, any agent or employee of the Foundation, anyone providing copies of Project Gutenberg™ electronic works in accordance with this agreement, and any volunteers associated with the production, promotion and distribution of Project Gutenberg™ electronic works, harmless from all liability, costs and expenses, including legal fees, that arise directly or indirectly from any of the following which you

do or cause to occur: (a) distribution of this or any Project Gutenberg™ work, (b) alteration, modification, or additions or deletions to any Project Gutenberg™ work, and (c) any Defect you cause.

F.6. BẢO HIỂM - Bạn đồng ý bồi thường và bảo vệ Quỹ, chủ sở hữu thương hiệu, bất kỳ đại lý hoặc nhân viên nào của Quỹ, bất kỳ ai cung cấp bản sao của các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ theo thỏa thuận này, và bất kỳ tình nguyện viên nào liên quan đến việc sản xuất, quảng bá và phân phối các tác phẩm điện tử Project Gutenberg™, không chịu trách nhiệm với mọi thiệt hại, chi phí và khoản phí, bao gồm cả phí luật sư, phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ bất kỳ điều gì sau đây mà bạn làm hoặc gây ra: (a) phân phối tác phẩm này hoặc bất kỳ tác phẩm Project Gutenberg™ nào khác, (b) sửa đổi, thay đổi hoặc thêm vào hoặc xóa bỏ bất kỳ tác phẩm Project Gutenberg™ nào, và (c) bất kỳ Lỗi nào bạn gây ra.

Section 2. Information about the Mission of Project Gutenberg™

Phần 2. Thông tin về Sứ Mệnh của Project Gutenberg™

Project Gutenberg™ is synonymous with the free distribution of electronic works in formats readable by the widest variety of computers including obsolete, old, middle-aged and new computers. It exists because of the efforts of hundreds of volunteers and donations from people in all walks of life.

Project Gutenberg™ đồng nghĩa với việc phân phối miễn phí các tác phẩm điện tử trong các định dạng có thể đọc được bởi nhiều loại máy tính bao gồm cả máy tính lỗi thời, cũ, trung niên và mới. Nó tồn tại nhờ vào sự nỗ lực của hàng trăm tình nguyện viên và sự quyên góp từ mọi tầng lớp xã hội.

Volunteers and financial support to provide volunteers with the assistance they need are critical to reaching Project Gutenberg™'s goals and ensuring that the Project Gutenberg™

collection will remain freely available for generations to come. In 2001, the Project Gutenberg Literary Archive Foundation was created to provide a secure and permanent future for Project Gutenberg™ and future generations. To learn more about the Project Gutenberg Literary Archive Foundation and how your efforts and donations can help, see Sections 3 and 4 and the Foundation information page at www.gutenberg.org.

Tình nguyện viên và hỗ trợ tài chính để cung cấp tình nguyện viên với sự hỗ trợ họ cần là rất quan trọng để đạt được mục tiêu của Project Gutenberg™ và đảm bảo rằng bộ sưu tập Project Gutenberg™ sẽ tiếp tục được cung cấp miễn phí cho các thế hệ tới. Vào năm 2001, Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg đã được tạo ra để cung cấp một tương lai an toàn và vĩnh viễn cho Project Gutenberg™ và các thế hệ tương lai. Để biết thêm thông tin về Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg và cách mà sự nỗ lực và đóng góp của bạn có thể giúp đỡ, xem các phần 3 và 4 và trang thông tin của Quỹ tại www.gutenberg.org.

Section 3. Information about the Project Gutenberg Literary Archive Foundation

Phần 3. Thông tin về Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg

The Project Gutenberg Literary Archive Foundation is a non-profit 501(c)(3) educational corporation organized under the laws of the state of Mississippi and granted tax exempt status by the Internal Revenue Service. The Foundation's EIN or federal tax identification number is 64-6221541. Contributions to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation are tax deductible to the full extent permitted by U.S. federal laws and your state's laws.

Quỹ Lưu Trữ

Professor Michael S. Hart was the originator of the Project Gutenberg™ concept of a library of electronic works that could

be freely shared with anyone. For forty years, he produced and distributed Project Gutenberg™ eBooks with only a loose network of volunteer support.

Giáo sư Michael S. Hart là người sáng lập ra ý tưởng của Dự án Gutenberg™ về một thư viện các tác phẩm điện tử có thể được chia sẻ miễn phí với bất kỳ ai. Trong bốn mươi năm, ông đã sản xuất và phân phối các cuốn sách điện tử của Project Gutenberg™ chỉ với một mạng lưới hỗ trợ tình nguyện viên lỏng lẻo.

Project Gutenberg™ eBooks are often created from several printed editions, all of which are confirmed as not protected by copyright in the U.S. unless a copyright notice is included. Thus, we do not necessarily keep eBooks in compliance with any particular paper edition.

Các cuốn sách điện tử của Project Gutenberg™ thường được tạo ra từ một số phiên bản in, tất cả đều được xác nhận là không được bảo vệ bản quyền tại Hoa Kỳ trừ khi có thông báo bản quyền đi kèm. Do đó, chúng tôi không nhất thiết phải giữ các cuốn sách điện tử tuân thủ với bất kỳ phiên bản giấy cụ thể nào.

Most people start at our website which has the main PG search facility: www.gutenberg.org.

Hầu hết mọi người bắt đầu tại trang web của chúng tôi có cơ sở dữ liệu tìm kiếm chính của PG: www.gutenberg.org.

This website includes information about Project Gutenberg™, including how to make donations to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, how to help produce our new eBooks, and how to subscribe to our email newsletter to hear about new eBooks.

Trang web này bao gồm thông tin về Project Gutenberg™, bao gồm cách thức quyên góp cho Quỹ Lưu trữ Văn học Project Gutenberg, cách giúp sản xuất các cuốn sách điện tử mới của

chúng tôi, và cách đăng ký nhận bản tin qua email để biết về các cuốn sách điện tử mới.